

ĐẶNG CHÍ BÌNH

THÉP ĐEN

hồi ký

TẬP III

2003

Đôi Dòng Với Độc Giả (Nhân kỳ tái bản tập III)

Tập Thép Đen III đã được Cơ Sở Đại Nam xuất bản từ 1991. Do cuộc mưu sinh; hơn nữa, tuổi đời, sức khỏe và trí nhớ bị xói mòn dần theo năm tháng. Để rồi, đã 12 năm, tôi vẫn chưa thể cầm bút, ngồi viết nốt tập IV (là tập cuối cùng). Dù đã có nhiều độc giả, ở nhiều nơi, gửi thư, hoặc điện thoại hỏi giá để đặt mua tập IV v.v...Thậm chí, cá biệt đã có một độc giả hào phóng, miền Thung Lũng Hoa Vàng, gửi một ngân phiếu 34 đô la (bao gồm cước phí) để mua sách; trong khi cuốn sách chưa bắt đầu viết.....

Đầu tháng 10-2003 vừa qua, một số anh em Biệt Kích nháy Bắc, từ những tiểu bang xa đến thăm. Trong bữa ăn họp mặt, ngoài anh em Biệt Kích, chỉ có anh Nguyễn Chí Thiện là thân hữu. Nhiều nỗi niềm, nhiều sự việc được đề cập đến, sau 23 năm mới có dịp tái ngộ. Một ý kiến chung của tất cả các anh đã nhắc nhở:

- Anh Bình ơi! Nếu anh không mạnh dạn gạt bỏ đi các ràng buộc của cuộc sống chung quanh mình, để nâng cao quyết tâm, ngồi viết cho xong bộ Thép Đen, thì rồi anh sẽ mang cái dang dở đó theo anh về lòng đất....

Như những giọt nước cuối cùng khích lệ, thúc giục của một bát nước đã ứ đầy: **TÔI CẦM LẠI BÚT, VIẾT TIẾP**, dù tuổi tác và sức khỏe đã đi vào buổi xế chiều. Xin chân thành cảm ơn các bạn!

Tập I và II đã được tái bản đầu năm 2003. Nay cho tái bản tập III, cũng nhằm hỗ trợ cho mục đích trên.

Tôi xin cảm tạ quê hương yêu dấu, quý vị độc giả và thính giả thương kính của tôi.

Hoa Kỳ ngày 29 tháng 10 năm 2003

Đặng Chí Bình

Tâm Sự Người Việt...

Như tôi đã bộc lộ nỗi niềm khi viết tập I và II, tôi chỉ biết lần lượt trình bày lại sự việc, những điều tai nghe mắt thấy trên những chặng đường tôi đã trải qua, một góc cạnh hạn hẹp trong ngục tù của Cộng Sản Hà Nội dính liền với bản thân tôi, như tháo gỡ dần một cuộn chỉ ra từ đầu tới cuối.

Sau khi viết xong tập I và II, nhà xuất bản Đồng Tiến in và phát hành, được độc giả xa gần thương mến viết cho những lời khích lệ, tôi đã chủ quan nghĩ rằng: tuy tôi không phải là một nhà văn, nhưng chỉ cần đêm ngày miệt mài lục óc nhớ lại chi tiết từng thời gian, sự kiện và con người thì tôi có thể viết được. Nhưng khi bắt tay vào viết tiếp, nó đã không giống như tôi đã thường định ninh trong lòng trước đây.

Phần vì đã bỏ cách quãng một thời gian dài từ 1985 đến bây giờ (1990), phần do cuộc sống vật lộn mưu sinh trên xứ người đã làm vẩn đục, chai cứng tinh thần, trí óc; nhưng một phần khác nữa, cái phần to lớn chính yếu là trước đây, khi viết tập I và II là giai đoạn chuẩn bị cho chuyển đi vào đất địch và khi bị bắt giam trong buồng kín xà lim ở Hỏa Lò Hà Nội, sự việc chỉ có một mình. Bây giờ là giai đoạn rời Hỏa Lò lên một trại tù trung ương của miền Bắc, ngổn ngang bao nhiêu sự việc và con người. Mỗi con người và mỗi sự việc là một góc cạnh, một mảnh nhỏ trong bức tranh bao la, to lớn đầy máu, lửa và nước mắt do thực dân và Cộng Sản đã gây ra cho quê hương yêu dấu của chúng ta.

Hơn nữa, hiện nay có nhiều anh em biệt kích, biệt hải, gián điệp, những nhân chứng của cùng thời gian ấy đã có mặt ở hải ngoại, hoặc ở lại quê hương hay vẫn còn trong nhà tù của lũ Việt cộng phi nhân, khát máu, tôi đã phải liên lạc, tìm kiếm, hỏi han thêm chi tiết các sự việc. Càng hỏi, càng tìm, tôi càng lúng túng, hoang mang, không biết viết, nói cái gì trước, cái gì sau; cái gì đáng trình bày, cái gì không cần phải nói đến.

Cũng là cuộn chỉ, nhưng đến đây nó đã rối bời như một búi tơ vò. Tôi có cảm tưởng càng gỡ, càng tháo nó càng rối thêm. Bởi vậy nhiều lần tôi đã cầm bút, nhưng cũng nhiều lần đành bỏ bút lao vào việc tìm sống cho đầu óc thanh thoát, thoải mái hơn.

Rồi với bao nhiêu đêm dài ít ngủ, với những nắng mưa nổi trôi, khắc khoải trên xứ lạ quê người, lòng vẫn quặn thắt từng cơn hướng về nơi

chôn nhau, cắt rốn với vợ phương trời. Rồi ngẫm nghĩ về những biến chuyển sôi sục của khối Cộng Sản Đông Âu, đối chiếu với sự ngoan cố lì lợm của bè lũ Cộng Sản Việt Nam, tôi vẫn thấy ngọn nến tôi đang thắp lên là cần thiết. Những tiếng gào thét phần nộ của hàng trăm ngàn con người khao khát tự do dân chủ đã rung chuyển thế giới, đã làm rạn nứt và đập đổ thành trì chủ nghĩa Cộng Sản độc tài tưởng kiên cố đến ngàn đời. Những chiến sĩ tự do đã nằm xuống ở Thiên An Môn, ở Lỗ Ma Ni, đã và đang là những ngòi thuốc nổ âm ỉ trong cái kho chất nổ vô lường là quần chúng nhân dân đang nằm trong nanh vuốt của chế độ Cộng Sản, chờ ngày bùng nổ. Vậy tôi vẫn cứ nỗ lực góp thêm những ngọn nến nhỏ, dù không được coi là cái ngòi thuốc. Tôi cũng phải nói lên sự hối thúc của bạn bè, thân quen mà điển hình nhất là anh Nguyễn Văn Thông, một người bạn trẻ đầy khảng khái, nhiệt tình và hiểu biết. Anh đã kiên trì dẻo dai cổ vũ, thúc giục tôi ngay từ tập I, tưởng như anh là một người có trách nhiệm, có bổn phận. Anh đã tận tình chia sẻ những trở ngại khó khăn trong cuộc sống của tôi, đã tạo cho tôi một chỗ ngồi viết yên tĩnh, vắng vẻ thích hợp. Anh cũng dành nhiều thời gian để đọc bản thảo tôi viết từng ngày để kịp thời trao đổi, góp ý. Tóm lại, anh như một chiếc đèn bầy, đã bầy niềm tin của tôi lên cao đủ mức, để tôi vững tay cầm lại bút viết tiếp "bản di chúc sống" còn dang dở.

Sau hết, dù tôi bị hạn hẹp khả năng trình bày, nhưng từ ý thức tôn trọng sự thật, trừ một vài trường hợp cá biệt phải đổi tên, tôi mạnh bạo tường thuật lại người thật, việc thật. Kính xin quý vị thông cảm và tha thứ.

Ngày 2 tháng 5 năm 1991.

Đặng Chí Bình

Giã Từ Hỏa Lò

Mưa vẫn nhí nhọt rả rích lê thê, gió Đông hàn từng làn tái tê, vẫn găm rít vi vu, cả bầu trời xám xịt đều hiu. Chiếc xe vẫn nặng nề, lằm lủi tiến ra ngoại thành, phía Bắc Hà Nội.

Từ này, tâm tư tôi đập ập bao nhiêu nỗi niềm đầy vơi trong nỗi chia cắt, mỗi yêu cầu của người con gái đất Hưng Yên nhiều màu mỡ và trong cảnh giã biệt Hỏa Lò, nơi sáu năm dài đằng đẵng, chông chất bao nhiêu cuồng phong bão tố của đời tôi.

Những hình ảnh lúc chia ly ở cổng Hỏa Lò, đang bao trùm đè nặng tâm trí tôi. Mắt tôi mở nhưng như mơ, chẳng nhận rõ vật gì, thì đột nhiên một tiếng quát giật giọng “Đứng lại” của một tên công an vũ trang, làm tôi bàng hoàng như choàng tỉnh một cơn mê.

Chiếc xe ọp ẹp cũ kỹ đang từ từ ngừng lại. Nhanh như một con sóc, tên công an vũ trang vừa quát đã nhảy xuống đường. Tên cảnh sát ngồi ở trên chỗ tài xế cũng đã nhảy xuống theo. Hai tên đang học tốc đuổi theo một chiếc bóng con con chạy lủi vào một đám cây xanh, phía bên phải đường. Thì ra đây đã là con đường lên Hòa Bình, đã xa Hà Nội rồi.

“Đoàng!” Một tiếng súng nổ rồn rảng vào mưa Đông, rồi hai tiếng súng nữa liền nhau. Một tiếng hét rống lên như con dê bị thọc tiết, trải dài vào mưa gió nghe thật thê lương thảm thiết. Trong xe ồn ào, nhiều đứa trẻ nhấp nhồm nhón nhác. Tên công an vũ trang còn lại trên xe vật ngang khẩu CKC, lách cách lên đạn quát:

- Tất cả chúng mày ngồi im, đứa nào lộn xộn tao xử lý!

Lúc này tôi mới để ý toàn bộ trong xe; ngoài gần hai chục đứa những những nhỡ nhỡ lại có sáu, bảy đứa con gái, trong đó có hai đứa lớn, mười lăm, mười sáu tuổi. Tôi nhớ lại lúc ở cổng Hỏa Lò, khi lên xe vì tay tôi bị khóa thẳng Trung Lý Thu đã quát con Thanh Móm: “hãy ôm gói đồ cho chú Bình”.

Thế mà tâm hồn tôi đã bị người Hưng Yên cuốn hút hết, đến bây giờ con Thanh Móm ôm gói đồ quần áo của tôi, ngồi ngay bên cạnh mà tôi đâu có để ý.

Tôi lướt mắt nhìn thẳng Trung Lý Thu, thẳng Tiến Ga, con Tuyết Còi và con Thanh Móm, những đứa lớn nhất và có vẻ tinh nhanh nhất, đứa nào cũng ngồi yên phăng phắc, mắt đều lăm lét nhìn qua làn mưa giăng về phía những tiếng nổ và tiếng thét khi nãy.

Kia rồi, trong màn mưa bay dày hạt, từ phía một cái hủng đất cây lá rậm xì, một bên là tên công an vũ trang, một bên là tên cảnh sát ở Hỏa Lò đang xách hai tay của một đứa nhỏ, chừng mười bốn mười lăm tuổi. Người nó ồm nhóm như con chấu chàng. Một bên mắt sưng tím gồ lên như một quả ổi, máu đang rỉ ra theo nước mưa chảy xuống đỏ cả mặt. Chiếc chân phải đã gãy lìa từ dưới đầu gối, lủng lảng trong ống quần, cũng đã bị rách còn dính một tí. Chiếc ống quần đỏ lòm lẩn với bùn đất của nó, đang dật dờ nhấp nhô theo chỗ đất cao thấp mà hai tên công an đang kéo lê đi.

Mấy tiếng ồn ào thốt ra từ lũ trẻ đang ngồi: "thằng Hoàng Sún chợ Mơ".

Đã về đến xe, mắt thẳng Hoàng nhắm nghiền, mồm dề ra méo xẹo, vẫn rên rỉ:

- Lạy các chú tha cho cháu, cháu xin chừa, cháu muốn về với mẹ cháu!

Từ ở trong mấy đường hẻm, hai bên đường đã có năm sáu tên du kích đeo súng ống nhón nhác chạy tới. Những cặp mắt mở to bắn khoắn, háo hức muốn biết là chuyện gì. Một chiếc xe Commanca bộ đội chạy ngược chiều, đến đó cũng dừng lại. Ba bốn tên đeo quân hàm trung úy, thiếu úy chạy bổ sang ngơ ngác. Chúng nhìn toàn bộ suốt lướt trên xe, rồi nhìn thẳng Hoàng Sún, bây giờ đã được xách bỏ lên phía cuối xe. Quần áo ướt át đầy bùn đất, lẫn với máu đang gào ư ử như con lợn bị cắt tiết đã ra gần hết máu, miệng nó vẫn thều thào hỗn hển ngắt quãng:

- Lạy...các...chú...tha...cho...cháu!

Tên cảnh sát Hỏa Lò quay lại lạnh lùng nói với những tên bộ đội và du kích như muốn xua đuổi đi:

- Có gì đâu, trốn tù đấy mà!

Nhưng một tên trung úy bộ đội, chừng ba mươi tuổi nghiêm mặt, tay chỉ vào chiếc chân gãy của thằng Hoàng Sún:

- Đồng chí phải đưa nó vào bệnh viện bằng cho nó ngay. Máu ra và bùn đất thế kia thì nó chết mất!

Mấy tên công an tỏ vẻ rất bức bối, cuối cùng tên cảnh sát Hỏa Lò nhìn thẳng vào tên trung úy gằn giọng:

- Chúng tôi có công vụ đặc biệt, không phải đi chơi!

Nói rồi y ra hiệu tay cho tên công an vũ trang:

- Lên xe đi, muộn rồi!

Xe đã chuyển bánh. Những tên bộ đội và những tên du kích nét mặt người nào cũng trầm tư, vẫn đứng dưới mưa bay nhìn theo chiếc xe. Họ nghĩ gì, thì làm sao tôi biết được. Nhưng có một điều, dù họ có nghĩ gì chẳng nữa cũng không thể rời khỏi cái nồi cơm, là chỗ họ đang đứng hiện nay trong xã hội này.

Tiếng máy xe già cũ kỹ vẫn rống lên trên con đường lồi lõm đầy ổ gà, cũng không làm át được tiếng rên đau đớn, quằn quại, nghe đến não nùng của thằng Hoàng Sún.

Nhìn bàn chân gãy đã xám đen trong bùn và máu; nhìn chỗ đầu gối nó một mảnh xương vỡ nhọn hoắt phủ mấy miếng thịt lầy nhầy đã xám ngoét, máu vẫn rỉ ra, người tôi nóng lên. Liếc nhanh hai tên công an, thằng Trung Lý Thu; rồi nhìn đôi tay trong khoen cùm, tôi mạnh bạo quay sang con Thanh Móm nói to:

- Cháu cởi bọc của chú ra lấy một cái quần trại đưa cho thằng Thu nó quần buộc chặt phía trên đầu gối cho nó, đừng để máu chảy mãi!

Con Thanh hơi rụt rè, lấm lét nhìn tên vũ trang, nhưng rồi nó đứng dậy làm ngay. Thằng Thu lách ra khỏi chỗ, hăm hở buộc quần cho thằng Hoàng Sún. Hai tên công an mặt vẫn lạnh lùng, không nói một lời. Chúng vờ quay đi nhìn cảnh vật hai bên đường. Thấy vậy, thằng Tiến Ga cởi ngay cái ruột áo bông nó đang mặc, đắp cho thằng Hoàng.

Bây giờ mặt thằng Hoàng đã xám đen lại; vết thương ở trên mắt nó không còn chảy máu nữa. Có mấy đứa thốt lên "nó chết rồi", nhưng

một tiếng rên ai oán như xé tim người nghe, rồi vẫn những tiếng thều thào, lảm nhảm không rõ: Lạy... chú...!

Chúng tôi đều đưa mắt nhìn nhau, mặt rầu rầu. Con Thanh Móm và một đứa con gái nhỏ nước mắt đoanh tròn. Nhiều đứa khác, mắt cũng đỏ lên. Con Thanh gục hẳn vào vai tôi, vai nó cứ run lên thốn thức. Có lẽ nó cũng chạnh nỗi niềm cho cuộc đời làm than gió bụi không nhà không cửa của nó chẳng? Chính tôi, lòng cũng quặn thắt, rối bời.

Nhìn quê hương, dân tộc làm than rên xiết, rồi nghĩ đến chính mình, tấm thân tù tội đang đi vào rừng sâu nước độc tìm tới nơi đâu. Nhìn những giọt nước mắt thơ ngây thốn thức với đầy của chúng, tôi có cảm nghĩ rằng đây cũng là nước mắt của tôi đang khóc cho quê hương, tuổi trẻ và cuộc đời.

Đột nhiên thằng Hoàng Sún thét rống lên một tiếng rồi giã đành đạch. Mắt nó mở to trợn trắng dã, làm những đứa ngồi gần nó xô dúm lại với nhau. Mồm nó cứ nhóp nhép nói kêu cái gì đó nhưng không nghe thấy tiếng. Đôi tay và chân nó xuội dần rồi im bật. Hai bên mép nó rỉ ra hai giòng máu tím xạm. Đôi mắt chỉ còn lòng trắng cứ tưởng như đang ngược lên nhìn tên công an vũ trang ngồi trên ghế, chếch phía đầu nó để xin chú tha cho.

Chiếc quần trại của tôi quấn buộc chỗ đùi nó, bây giờ ướt đẫm máu. Những đứa con gái bắt đầu kêu gào, khóc râm ran cả lên. Ngay nhiều đứa con trai cũng la hét om sòm. Bây giờ thì chính mắt của tôi cũng thấy cay cay, còm cộm rồi.

Xe đỗ lại, tên chuẩn úy cảnh sát Hỏa Lò mở cửa xuống xe. Y tiến lại nhìn vào xác thằng Hoàng Sún lúc này đã nằm duỗi dài phía sát cuối thùng xe. Mồm tóm tép, mắt y quắc lên sắc lạnh:

- Chúng mày khóc cái gì? Im ngay! Đứa nào muốn trốn, trông gương đấy, tao sẽ bắn bỏ hết!

Tiếng quát của y đã làm tụi trẻ con im bật, đưa những đôi mắt trắng dã lăm lét sợ sệt nhìn y. Hai tên công an vũ trang và y lúi ra bàn với nhau một lúc, trong khi tên tài xế chừng bốn mươi tuổi, cũng mặc bộ đồ vàng công an nhưng không đeo quân hàm, đi xuống cúi vào nhìn

xác thặng Hoàng rồi lại lạnh lùng lên xe ngồi. Hẳn y đang cho đây cũng chỉ là một câu chuyện bình thường, y có lạ đâu.

Đã gần mười giờ, mưa bay đã tạnh, trời hừng sáng dần. Chúng trao đổi với nhau lâu lắm. Có lẽ chúng thấy để xác thặng Hoàng trên xe, không có cái gì che đậy mà đưa đến trại sẽ tác động đến tư tưởng của nhiều đứa khác, lại còn ảnh hưởng đến chính trị nữa. Cuối cùng tên chuẩn úy, một mình đi rẽ vào một đường giong về phía làng xóm bên trong.

Một tên công an vũ trang ra phía hông xe đem theo một cuộn dây thừng dài, hì hục buộc những mép bạt. Chỗ khi sáng thặng Hoàng đã lợi dụng lúc xe chậm chạp bò lên dốc, nhảy xuống chạy trốn.

Khoảng nửa giờ sau, tên chuẩn úy Nhượng (Tiến Ga đã cho tôi biết tên, y mới đổi về Hỏa Lò) từ trong đường hẻm đi ra với một tên khoảng ngoài bốn mươi mặc áo bốn túi. Theo sau có hai tên thanh niên du kích cặp một chiếc chiếu rách. Chắc chúng đã trao đổi với nhau từ trước. Đến xe, sau khi tên mặc áo bốn túi ngó qua xác thặng Hoàng, y hất hàm ra hiệu cho hai tên du kích nhắc xác thặng Hoàng, bỏ vào chiếc chiếu đã trải sẵn dưới đường. Chúng quẩn lại rồi mang vào một đường hẻm khác chỗ nhiều cây cối rậm xì. Tên mặc áo bốn túi còn đứng lại nói gì một lúc với tên Nhượng rồi mới đi theo về phía hai tên du kích.

Xe lại bắt đầu chuyển bánh. Tôi nghĩ đến chiếc quần của tôi sẽ theo thặng Hoàng về lòng đất lạnh, rồi tôi liên tưởng đến những tiếng kêu xin của thặng Hoàng trước khi chết. Bây giờ nó đã đạt được ý nguyện là các chú đã đồng ý thể hiện lòng nhân đạo của Đảng, tha cho nó về với mẹ!

Chuyện của thặng Hoàng cứ ám ảnh lòng tôi. Tôi cúi gằm, óc cứ miên man suy nghĩ về những cảnh đời, của những kiếp người thì có tiếng thì thào vào tai tôi:

- BỐ mẹ nó ở chợ Mơ. BỐ nó là bộ đội phục viên đấy chú ạ!

À thì ra thặng Trung Lý Thu. Trong lúc lộn xộn nó đã len lách ngồi bên cạnh tôi từ lúc nào. Tôi liếc nhìn tên công an, rồi quay lại cũng nói nhỏ:

- Cháu hãy nhớ lấy địa điểm này, khi nào được tha ra nhớ về báo cho bố mẹ nó biết.

Nó đặt một tay lên chiếc còng số 8 của tôi vừa mân mê vừa nói thì thầm:

- Chú yên trí, chẳng cháu thì nhiều đứa khác nó cũng về báo.

Trẻ con thì cũng thường dễ vô tâm. Mới lúc này, đứa thì khóc, đứa thì kêu, dùm đó sợ sệt, thế mà bây giờ đã lại trêu chọc nhau chuyện trò ầm ỹ, để tên công an vũ trang thỉnh thoảng, lại phải quay vào đê nẹt.

Đường Lên Núi Rừng...

Trời gần trưa đã hừng nắng. Tự nhiên một số đứa nhấp nhóm lố nhố chỉ trở nhìn chéo về bên phía trái đường làm cho bao nhiêu con mắt đều hướng về phía đó kể cả hai tên công an vũ trang. Tôi cũng ngھnh đầu liếc theo ra. Từ chéo mãi phía trong của một nghĩa trang "liệt sĩ" có hai ngôi mộ nằm song song nhau, đất còn vàng au:

- Mả phi công Mỹ!

Lại có đứa nói:

- Mả phi công của ta nữa!

Lung tung beng, tôi chả hiểu ra sao thì thằng Thu đã ghé vào tai tôi thì thầm:

- Có gì đâu chú! Gần hai tháng trước, ầm cả Hà Nội lên về chuyện mànng lưới cao xạ phòng không ở Kỳ Sơn này. Một buổi trưa thấy có hai máy bay quần đuổi nhau từ phía Hà Nội lên đây. Họ tập trung cao xạ bắn như pháo rang. Cuối cùng hạ được cả hai cái đó. Hai phi công lái hai chiếc máy bay đó đều bị chết. Nhưng có một điều là một phi công của ta và một của Mỹ. Vì lộn xộn nên cũng không biết cái nào đuổi cái nào và đều lầm tưởng là máy bay Mỹ cả. Nhất là lúc đó Hà Nội đang có trận không tập của nhiều máy bay Mỹ. Vì vậy họ đã chôn cả hai viên phi công cạnh nhau, cùng một nghĩa trang.

Khi xe đi rẽ vào một con đường thì những đứa trẻ lại nhón nháo lên; thì ra đã đến trại Kỳ Sơn rồi! Lúc xe ngừng, trong lúc chúng ồn ào, í ới gọi nhau khi được lệnh xuống, tôi chưa biết ra sao nên vẫn cứ ngồi yên.

Con Thanh Móm định mang luôn cả gói đồ xuống cho tôi, thì tên chuẩn úy Nhượng đã hẩy tay ra hiệu:

- Anh ngồi lại đây!

Chỉ một mình thằng Trung Lý Thu kịp cầm tay tôi lắc lắc:

- Chắc họ đưa chú đi trại trung ương. Thôi, chú đi khỏe nhé!

Tôi chỉ mỉm cười chào lại nó, không nói một lời. Lúc này tôi mới thấy buồn heo hút. Nhìn đàn trẻ ríu rít như đàn sẻ tranh nhau ăn, lòng tôi nặng trĩu bời bời. Biết thân mình trôi dạt về đâu? Nhìn đôi tay chắp lại trong khoen cùm, đến những đàn trẻ đang xếp hàng đôi đi vào cổng trại cho một tên công an đang cầm cái bút và quyển sổ điểm số. Qua chiếc cổng trại bằng tre nửa ghép lại thành một cái khung có chòi gác, tôi nhìn lướt vào phía trong. Có bảy tám dãy nhà tranh dài thượt cứ song song hai cái một. Màu đất của sân, của vách còn ẩm sau trận mưa đêm hầy còn xám xịt. Bao bọc chung quanh trại là hai hàng rào thép gai dựng cao chừng hai mét. Phía ngoài, bên trái trại trong những lùm tre xanh um tùm, có bốn năm cái nhà cũng bằng tranh. Một ngọn cờ máu, sao vàng đang lơ láo ngơ ngác, giẫy dựa trên ngọn một cây luồng dài. Có lẽ đấy là khu của ban giám thị và công an vũ trang coi trại. Nhìn sang phía phải của trại là hai dãy lều xiêu vẹo cột tre, không có vách, trống trơn. Bảy tám con trâu gầy gơ xương. Mắt con nào cũng đầy rì, đang nhai rơm do hai đứa nhỏ bốc từ một chiếc xe bò bên ngoài vào.

Một đoàn các cậu loai choai đi hàng dọc, đang từ một con đường hẻm phía sau trại, tiến về phía cổng trại; có một tên công an áo vàng vác súng đi phía sau. Cậu nào cũng ề vai gánh hai sọt sắn (củ mì) nặng trĩu, mặt đỏ gay.

Khi đoàn gánh gồng đi ngang qua khu chuồng trâu, một cậu nháy mắt với một cậu đang bốc rơm cho trâu. Cậu gánh sắn, cố lắc gánh đẩy rơi xuống đường một củ sắn bằng bắp tay. Cậu bốc rơm, lợi dụng chờ tên bộ đội phải đi một khúc quanh che khuất. Nhanh như một con sóc, xông ra nhặt ngay củ sắn nhét vào cặp quần bên trong tà áo. Nhưng không kịp nữa rồi, tên bộ đội cũng vừa thò mặt ra khỏi chỗ khuất đã nhìn thấy. Y hộc tốc chạy lại quát:

- Mà vừa ra ăn cắp sắn phải không?

Cậu ôm rơm, chừng mười lăm hay mười sáu tuổi, hai cẳng chân đen đũi, khẳng khiu như hai ống nửa ngâm. Mặt tái mét, hai tay chắp vào nhau vịn vẹo lúng túng:

- Thưa chú, cháu không dám! Cháu chỉ ra...

"Bốp" một cái báng súng CKC quật ngang vào hông đã chặn mất câu nói của cậu bé. Cậu ngã đổ vật ra bờ cỏ. Củ sắn từ trong bụng lặn

lông lốc ra ngoài. Tên công an định tiến đến đánh nữa, trong khi cậu bé đang cong lưng lên, mồm méo xệch, mặt nhăn như chiếc giẻ. Nhưng không biết y nghĩ thế nào, y chỉ cúi xuống nhặt củ sắn rồi đi theo đoàn tù gánh gồng đang đặt những gánh sắn trước cổng trại chờ điểm số. Trước khi đi, tên công an còn quay lại dứ dứ khẩu súng vào cậu bé đang nằm vạ vẹo.

- Ta tha cho, lần sau đưa vào trại lập biên bản kỷ luật!

Một lúc sau, cậu bé mới ào ào bò dậy. Hai tay ôm bên hông ngắc ngoẻo mà còn ngoái bộ mặt nhăn nhúm lại những gánh sắn đầy ắp xa xa phía cổng trại, như luyến tiếc. Chân cậu chậm chạp đi dần về phía chuồng trâu, khác hẳn với dáng điệu khi ra vồ củ sắn.

Ngồi một mình trên xe cùng với tên công an, tôi ngẩn ngơ theo dõi cảnh đó bầy ra trước mắt. Một tiếng thở dài không chủ định xì xì dần ra như muốn đẩy bớt nỗi tủi nhục đắng cay của những cảnh đời trâu ngựa. Tôi liếc mắt nhìn tên công an đang dựa lưng vào thành xe. Tay y hồ hững cầm khẩu CKC dựng trước mặt; mắt hướng về mấy ngọn tre đang lắc lư với gió bên hông trại.

Giòng suy tư của tôi vẫn cứ chìm nổi miên man, cho tới lúc nhìn thấy một anh chừng ba mươi tuổi, mặc chiếc áo bông rách đã vá chằng vá đụp. Anh ôm một bọc quần áo cũ với hai nắm cơm trèo lên xe. Anh chìa bàn tay sần sùi đưa cho tôi một nắm cơm bọc trong một miếng lá chuối:

- Phần anh đấy, tôi cũng đi trại đây!

Hai tay tôi giơ ra đỡ nắm cơm; chưa kịp nói, hỏi gì thì đã nghe tên Nhượng ở dưới xe đã nghiêm giọng nói với anh:

- Chiều cổ anh là thành phần tự giác tiến bộ, tôi không khóa tay. Nhưng nếu trên đường đi anh lộn xộn tôi sẽ xử lý ngay!

Anh mới lên, mặt tươi hẳn ra, có vẻ xum xoe:

- Thưa cán bộ, cháu đã được ban giám thị cho làm tự giác ở trại này một năm rồi. Án cháu chỉ còn một năm nữa thôi, cháu chả dại đâu!

Nói rồi anh ta ngồi vào một góc thùng xe, bẻ nắm cơm ăn với vè hí hửng ra mặt. Thấy thái độ của anh ta như vậy, tôi trở nên rất lạnh

lòng như một người câm không biết nói trên suốt đường đi. Xe lại chuyển bánh rẽ ra phía đường cái.

Lúc này mới quá trưa thế mà trời đã sầm lại. Phía Đông Bắc xám xịt, từng cuộn mây đen đang tủa về trùm lấp cả bầu trời. Một đàn cò trắng từ những triền đồi trọc phía ấy đang vội vàng theo gió bay về chân trời phương Nam xa xa. Vài nếp nhà tranh chìm lẫn vào những lùm cây xanh hai bên đường.

Mưa lại bắt đầu nhè nhẹ rả rích của buổi cuối Đông. Từng làn gió bắc đẩy những luồng lạnh cắt da vào xe. Không gian mờ mịt tím ngắt như cõi lòng tôi lúc này. Lạnh run, tôi muốn lấy cái màn từ trong bọc ra quấn vào người cho đỡ rét, nhưng hai tay tôi loay hoay mãi mà không mở được mấy nút buộc của chiếc tay nải. Chỉ vì tôi không ưa anh ngồi cùng xe, nên nhất định thà chịu lạnh chứ không nhờ. Hình như anh ta cũng thấy nét lạnh lùng của tôi, nên anh ta ngồi quay mặt về phía đầu xe, dựa đầu vào thành xe nhắm mắt.

Bụng đói cật rét, người tôi lạnh run lên. Dù hai tay bị khóa chặt tôi vẫn cố gắng gặm dần nắm cơm hẩm với muối rang mà anh tù tự giác vừa đưa cho tôi lúc nãy. Xe đã chạy được gần một tiếng. Có lẽ bây giờ cũng phải gần hai giờ chiều. Tôi đang nhắm mắt, người vẫn dập dờn rung rinh theo chiếc xe đang lằm lủi trên con đường dài thì những tiếng trống thùng thùng. Rồi tiếng loa gào ré lên: "Nỗ lực, tích cực, tất cả cho vụ mùa Đông Xuân". Tôi mở choàng mắt ra thì hai bên đường đã là những cánh đồng lúa. Chung quanh xa xa đã có nhiều những dãy núi cao dựng đứng, mây đen phủ kín ngọn. Một cánh đồng trải dài tới chân núi, đây đó đã có nhiều chỗ lúa chín vàng. Hương nồng, ngào ngạt, của lúa chín, lùa vào đắp ập trong xe.

Qua làn mưa giăng mờ mịt, ở ngay chéo bên một con đường làng ăn ra đường cái, một đoàn đến hai mươi người, đa số là đàn bà con gái. Người thì khoác áo tơ lá, người thì khoác miếng nylon đang cúi gò lưng, bì bõm gặt lúa. Trên bờ cắm mấy lá cờ đỏ đang rũ rượi vì ướt. Hai băng khẩu hiệu trắng chữ đỏ cắm ngay trên đường làng:

"Không bỏ trời mưa, không chừa trời nắng"

"Không xa mặt trời, không rời mặt trăng"

Một anh cũng khoác chiếc ni-lông, đội mũ cối, cầm chiếc loa đi trên bờ đang hò hét. Xe đã chạy xa rồi, tôi chỉ còn trông thấy chiếc loa

khua lên, khua xuống nhưng không nghe thấy lời. Nhìn cảnh người nông dân cặm cùi làm việc trong cái lạnh cắt da, tôi chợt nhớ đến một bài học thuộc lòng khi tôi lên mười, hay mười một tuổi, học tiểu học dưới chế độ "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" ở quê tôi:

*"Hôm qua, hôm nay, lại ngày mai.
Người dân quê còng lưng cho khó nhọc.
Từ ngàn năm đẽ chiu lấy hai vai.
Họ làm việc, làm việc và làm việc.
Từ tình sương dậu trước cả đàn gà.
Đêm tối mù giá lạnh sương sa".*

Bài học thuộc lòng này, những người Cộng Sản đã khêu gợi, nêu lên những nỗi đắng cay, lầm than, tủi nhục của người nông dân dưới sự thống trị tàn bạo của thực dân phong kiến. Tuy hai thời đại, nhưng vẫn cùng một cảnh đời. Có hơi khác. Cũng vẫn gò lưng bì bõm đất trong mưa phùn gió bắc. Nhưng bây giờ có trống, có loa và có cả khẩu hiệu. Còn một điểm khác nữa do công lao của người Cộng Sản: ngày xưa người nông dân gặt lúa xong phải đưa về nhà. Còn bây giờ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, lương tâm của loài người thì người nông dân gặt xong được gánh lúa đó lên nhập kho của nhân dân.

Mãi đắm chìm trong mơ bồng bong thế sự ngược xuôi, chiếc xe ngưng lại lúc nào tôi không hay. Cho đến lúc thấy tên công an vũ trang nhẩy xuống đường rồi quay lại xằng giọng:

- Đi xuống!

Tôi hơi bàng hoàng, vội vàng kéo bọc quần áo về cuối thùng xe. Loay hoay mãi tôi mới xuống đất được. Trời vẫn sục sùi mưa bay nhẹ. Một con đường đất chên vênh ngoằn ngoèo chia hai ba ngã. Nẻo nào cũng khuất hút vào những triền đồi bạt ngàn là sắn và khoai lang. Ngay phía trái trên một bãi bằng rộng là một bức tường thành xây bằng đá hộc cao 4-5 mét. Bên trên tường chằng nhiều đợt dây thép gai, nhiều chỗ đã ngã xiêu vẹo. Dưới chân, lau, cỏ đã mọc có chỗ đến lưng bức tường. Ngay mặt đường, cách khoảng 300 mét phía đầu xe là một chiếc cổng to xây kiên cố. Hai cánh cổng không còn nữa. Bên mép tường chỉ còn lại những chiếc bản lề to tướng đã cẩu rí.

Bên trên cổng là một căn nhà lầu có nhiều phòng quét vôi vàng đã loang lổ. Nhìn chéo vào bên trong cổng, không còn một căn nhà nào.

Rải rác đây đó là những đồng gạch vữa trên những nền nhà cao thấp, cỏ dại mọc um tùm. Chứng tỏ chỗ này đã bỏ hoang phế hàng năm. Dù tôi chưa có ý niệm một trại tù tuy chưa biết vì sao lại bỏ hoang.

Tên Nhượng sau khi đã dặn dò người tài xế, y quay lại tôi và anh tù hình sự (dọc đường tôi đã biết, khi nghe anh ta nói chuyện với tên công an vũ trang). Tay y chỉ con đường dốc phía bên phải:

- Đi theo con đường kia!

Đến lúc này tôi buồn đi tiểu quá rồi nên tôi nói thẳng với y. Thật là buồn cười. Gắn một ngày trời ngồi chết dí ở trên xe thể mà y còn nhìn tôi với ánh mắt vừa nghi ngờ vừa khó chịu. Cuối cùng, y quay lại tên vũ trang:

- Đồng chí đưa anh ta đi tiểu!

Chỉ là một bụi cây dại ngay gần cạnh mé đường, thế mà tên công an cũng phải cầm súng đi sát ngay phía đằng sau. Thật là khó khăn lúng túng chỉ vì hai tay chặt cứng trong khoen cùm. Tuy đau mỏi rã rời, tôi cũng phải mỉm cười: đi tiểu cũng có kẻ cắp súng theo hầu. Hai tên công an to khỏe lực lưỡng, một tên súng dài, một tên súng ngắn mà vẫn phải nể sợ một thằng tù gầy ốm không khoeo. Chúng không dám mở khóa tay cho tôi. Cũng vì vậy, trên đường đi tôi thật vất vả với bọc quần áo.

Đường dốc, ướt át trơn như xoa mỡ. Từng luồng gió lạnh như kim châm vào da thịt. Cảnh núi rừng hoang vắng trong mưa. Tấm thân gầy gập ghềnh bước cao, bước thấp ngã nghiêng. Đường lầy lội có hai tay làm thẳng bằng thì dễ đi. Hai tay đã chắp lại, rồi phải xách gói đồ nên khi đến một đoạn chênh vênh ngang lưng đồi, tôi bị trượt chân ngã nằm giữa chơ hơ. Bọc quần áo tung mãi vào vườn sắn bên cạnh đường. Quần áo tay chân đầy bùn đất, tôi phải cố gắng nhiều mới đứng dậy nổi.

Chắc hai tên công an cũng đã thấy nổi cực nhọc, khó khăn của tôi. Phần khác, chúng thấy tôi đi thật chậm chạp, tên Nhượng chỉ tay lớn tiếng với tên hình sự:

- Anh hãy ôm bọc quần áo cho anh ta!

Tôi ngạc nhiên, vì thấy mặt anh tù hình sự tỏ ra rất tươi, lảng xảng đến ôm gói đồ của tôi. Chỉ một lúc sau tôi đã hiểu: Anh ôm gói đồ chẳng phải vì muốn giúp tôi mà là anh thích thú được làm theo lệnh của tên công an.

Con đường đi dần vào một rừng nửa rậm um tùm. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy nửa rừng, rậm rạp với những ngọn cao lêu nghêu đầy lá, đang vật vờ ngã nghiêng theo từng cơn gió. Những cành lá rũ rượi lao xao, xào xạc như tiếng rền rĩ than van triền miên của núi ngàn cô tịch. Vài tiếng chim hú lên, mãi trong rừng sâu càng làm cho lòng tôi thêm lạnh. Những hạt mưa bay dồn cuốn vào nhau từng đợt phả vào mặt người như xát muối. Đôi tay lạnh cóng trong khoen cùm cứ phải giơ ra ngoài mưa gió.

Xa xa chéo phía dưới chân đồi trước mặt, một lá cờ đỏ ối đang vật vờ giãy giụa, giữa cái nền xanh đen bạt ngàn của núi rừng. Đây đó khuất nẻo trong những lùm cây, mấy dãy nhà tranh thấp thoáng nằm rải rác chung quanh chiếc cột cờ màu trắng.

Tôi cứ lần mò lê bước trên con đường mòn gỗ ghề chênh vênh ướt át. Khi đến một lối rẽ xuống một triền đồi trọc, một đoàn tù hơn 30 người đang đánh luống trồng khoai lang ngay cạnh đường đi.

Tôi bàng hoàng bàng khuâng dõi mắt nhìn. Họ còn quá trẻ, chỉ từ 18 đến 25 là cùng. Quần áo đủ kiểu lam lũ rách vá tả tơi, không đủ che kín những tấm thân gầy khẳng khiu co ro, run rẩy trong mưa phùn gió bắc. Người cuốc, người xẻng, cứ hai người một luống đất dài. Ở một góc xa, trong chiếc lều con ọp ẹp che bằng mấy tấm phen nửa, một tên công an áo vàng đang ngồi chỉ trỏ gì đó với một anh tù đang đứng khóm róm cạnh lều. Ngay trên đường, một tên công an vũ trang trùm kín cả người và súng bằng một chiếc áo tơi nhựa màu xanh bộ đội. Y đang đi đi lại lại coi đoàn tù lao động.

Khi còn ở Hỏa Lò, tôi đã được nghe nói nhiều về những người tù phải đi lao động ở các trại giam trung ương. Nhất là khi tôi được biết, rồi tôi sẽ phải đi tù ở những nơi đó. Tuy vậy, tôi vẫn chưa thể hình dung đầy đủ được những cảnh đời tù tội nơi núi rừng biên cương hẻo lánh. Lúc tôi đi ngang qua, nhiều người dừng cuốc đưa những đôi mắt trắng xám trân trân nhìn theo.

- Tù mới chúng mày ơi!

- Cán bộ thì phải!

Những âm thanh cụt ngủn, dội lên rồi tắt ngấm trong mưa Đông. Họ sẽ nghĩ gì khi thấy súng dài, súng ngắn áp giải một người bị khóa chặt đôi tay; lại còn có một người ôm bọc quần áo theo hầu nữa.

Tên Nhượng, mắt vẫn hướng về khu có lá cờ. Lạnh lùng, hắn không hề một lời chào hỏi tôi với người đồng chí của hắn ở bên đường.

Cố Nhân Bất Đặc Dĩ

Càng về chiều trời càng âm u, ảm đạm. Nhìn hình ảnh đoàn tù đói khổ lao động bên đường, giữa rừng núi hoang vắng, tôi liên tưởng đến những ngày tới của đời tôi. Những nỗi niềm ưu tư dâng đầy, bủa kín lòng tôi theo từng bước chân lặn lội, gập ghềnh, rã rời trong mưa gió cho mãi tới khi rẽ ra một lối đi kang trang, sạch sẽ. Một căn nhà lá, được dựng ngay bên bụi nứa nằm phía trái đường đi. Tuy chỉ là một gian nhỏ, nhưng thật gọn đẹp, nền và vách còn au lên màu đất mới. Một chiếc băng con màu trắng hình chữ nhật, kẻ hai chữ "phòng đợi" màu đỏ tươi, nét chữ thật mềm.

Tên Nhượng nói gì với tên công an vũ trang áp giải tôi, rồi quay lại nhìn tôi, tay y chỉ vào vỉa hè đất nghiêm giọng:

- Cho anh ngồi đây nghỉ, chờ. Đi đái phải báo cáo ông cán bộ này.

Phần vì mệt nhọc, phần vì tâm tư đang rối bời với bao nhiêu những bỡ ngỡ, lảng lo cho cảnh đời sắp tới, nên tôi chỉ dạ khẽ, đầu gật nhẹ như đã thấy lời của y dặn, rồi tôi ngồi bệt xuống vỉa hè của căn nhà. Vẫy tay ra hiệu cho tên hình sự đi trước, rồi y quày quả cặp cặp hồ sơ đi theo sau, trên con đường đất rất phẳng phiu không một nhánh cỏ, dẫn vào khu nhà có lá cờ. Dọc theo hai bên của con đường nhỏ, thỉnh thoảng lại thấy một bụi hoa vạn thọ hay thược dược. Có thể đây là khu nhà của ban chỉ huy trại cũng không chừng.

Tôi liếc nhìn vào căn nhà nhỏ. Ngay giữa nhà là một chiếc bàn và hai cái ghế dài còn mới. Trên đường, dưới tấm hình lão Hồ râu dài là chiếc băng khẩu hiệu đỏ loét: *tất cả cho miền Nam ruột thịt*.

Lúc này tôi mới để ý đến tên công an vũ trang áp tải tôi từ Hà Nội. Y chỉ chừng 20 hay 21 tuổi. Nhìn y đang vật từng chiếc lá nứa non, ném xuống đường mương bên cạnh. Mắt y đang bâng khuâng chờ dẫn hướng về mấy dãy núi cao, mây mù phủ kín ngọn ở phía xa xa. Tôi nhớ lại buổi sáng, lúc thẳng Hoàng Sún trốn chạy, chỉ còn một mình y là công an ở lại xe. Y đã lên đạn, hung hăng quát lũ lau nhau, trong đó có cả tôi đang ngồi:

- Chúng mày ngồi im, đứa nào lộn xộn tao xử lý!

Mặt y lúc ấy thật là lạnh lùng cô hồn. Tôi ghét y từ đấy, nên suốt trên quãng đường đi, tôi chả thèm gợi chuyện nói với y một lời. Nhưng bây giờ, nhìn mặt y còn non choẹt; hơn nữa, thỉnh thoảng y liếc nhìn tôi với ánh mắt diu diu, xen lẫn nét băn khoăn, tò mò. Để giải quyết cái sầu hoang vắng trên đất lạ, tôi mỉm cười nhìn y:

- Ông đã lên đây lần nào chưa?

Y quay lại hơi ngỡ ngàng, rồi dè dặt chậm rãi:

- Chưa bao giờ!

- Có lẽ ông Nhượng đã lên đây nhiều lần? Ông ta chả phải hỏi thăm ai và rất quen thuộc đường lối.

Mở to mắt nhìn tôi, rồi như một con rùa rụt cổ vào mai, mặt y đanh lại, im lặng không trả lời. Ngay khi tôi vừa cất mồm lên hỏi, lưng chừng đã thấy, tôi thật quá lỗ, vô duyên. Cũng may vừa lúc đó, một bóng người đang bước những bước đồng dục tiến ra từ phía khu nhà có lá cờ. Khẩu súng ngắn đeo trễ cạnh sườn y, đang lắc lư với những bước thật dài của một thân hình cao lớn. Tay cầm mấy tờ giấy, khi y tới gần, tôi chỉ thoáng thấy mấy dấu triện đỏ ối. Ve áo chỉ có chiếc lon hạ sĩ, thế mà phong độ của y nghiêm nghị, lạnh lùng có vẻ như là một sĩ quan. Ngay từ còn ở xa, y đã nhìn tôi chằm chằm; lúc tới nơi, y và tên công an vũ trang hơi gật đầu chào nhau. Hất hàm về phía tôi rồi nhìn tên vũ trang, y buông một câu gọn lỏn như ra lệnh:

- Đồng chí hãy mở khóa cho nó!

Chẳng phải vì chiếc lon hạ sĩ, mà chính vì tác phong của y đã làm cho tên vũ trang vội vàng, lấy chìa khóa để mở còng tay cho tôi. Khi tên vũ trang vừa tháo xong còng, tên hạ sĩ nhìn tôi, tay chỉ vào phía trong, khu nhà có lá cờ, gằn giọng:

- Ôm quần áo vào đó!

Tên công an vũ trang sau khi đút chiếc còng vào túi áo mưa, quay lại, tươi nét mặt, chắc định nói hay chào tên hạ sĩ. Nhưng mặt y đã chùng xuống nét sượng sùng, vì tên hạ sĩ đã xoay gót đi theo tôi như quên mất y rồi. Mặc chúng nó đối xử với nhau, tôi nghĩ vậy. Hai cánh tay và hai vai ê mỗi rã rời, tôi đứng dậy vươn vai mấy cái; đôi tay đã mất tự do suốt từ sáng sớm ở dưới Hỏa Lò. Tôi ôm bọc quần áo chậm

chạy đi trước, tên hạ sĩ lẻo đẹo đi phía sau. Khi đi qua mấy căn nhà có vẻ khang trang ngăn nắp; thấp thoáng mấy tên bận đồ vàng, nam cũng như nữ đang ngồi làm việc bên trong, với những tiếng máy chữ tí tách liên hồi.

Chéo phía bên kia cột cờ, chỗ có mấy luống hoa lớn là một căn nhà mái ngói đỏ au, mà sau này tôi hiểu là một loại nhà "kiến thiết cơ bản" của miền Bắc. Tôi đang bâng khuâng tự hỏi, từ nãy đến giờ, không hề thấy tên Nhượng đâu nữa, thì tên hạ sĩ phía sau giật giọng:

- Rẽ phía phải!

Y dẫn vào một con đường mòn, vòng ra phía sau một bụi nứa lớn, rậm um tùm. Ngay trước mặt là một căn nhà bếp rộng, ngọn lửa trong lò hừng hực đun hai chiếc chảo lớn đang sôi sùng sục, bốc khói nghi ngút. Ba, bốn chị phụ nữ quần đen, áo vải; người thì lật rau, người lúi húi quét dọn. Tên hạ sĩ dẫn tôi vào. Y chỉ cái phản gỗ, cạnh một bể nước con:

- Anh ngồi đây, cấm không được đi đâu!

Rồi y bước lên đường hiên của một căn nhà cạnh đó. Mấy chị phụ nữ đều quay lại nhìn tôi với những đôi mắt tò mò, lăm lét. Tôi đưa mắt nhìn ra núi rừng bên ngoài; trời đã hết mưa phùn, nhưng lúc nào cũng âm u, đầy sương mù. Tôi không thể đoán lúc này là mấy giờ chiều. Một tên cán bộ áo xanh (công an vũ trang mặc đồng phục xanh, tới sau hội nghị Paris, chúng mới mặc đồng phục màu vàng như công an) chừng 40 tuổi, đeo lon trung úy, từ trong phía sau bếp đi ra, đến bên tôi. Chậm chạp, y hỏi, giọng quê một cục:

- Ở "Hà lợi nên" à?

Thấy nét mặt y không có vẻ gì ác ôn lắm, nên tôi khẽ "dạ" như thừa nhận. Y quay lại mấy người phụ nữ, ra vẻ băn khoăn như ngạc nhiên, sao không có vũ trang dẫn giải? Thì một chị đã nhanh trí, chỉ tay về phía ngôi nhà trên:

- Báo cáo ban, cán bộ Ý vừa lên đó!

Chị đang nói thì cũng là lúc, tên Ý ở trên đó đi ra. Đến trước mặt tên trung úy, y chụm chân, giật đứng người, giơ tay nghiêm chào, đúng tác phong quân sự. Tên trung úy gật đầu nhẹ nhẹ:

- Đồng chí dẫn giải "lố" vào trại E?

Rồi y kéo tay áo xem đồng hồ, giọng lại thúc hối:

- Ba rưỡi rồi đấy, đi ngay đi!

Trên đường đi, tuy đôi tay không còn bị khóa, nhưng nhìn con đường mòn hun hút, chui mãi vào rừng sâu. Hết đồi tre, lại nữa rồi lại đồi vầu; mới 3 rưỡi chiều mà sương lạnh đã phủ kín chân đồi. Tâm tư nặng trĩu đầy vơi, tôi chợt nhớ đến một vần thơ hoa mộng: "*Chiều nay sương khói mờ nhân ảnh. Ai biết lòng ai....*"

Tôi đang đắm chìm, buông hồn nhấp nhô theo từng bước chân, thì đột nhiên tên Ý đi sau nhẹ nhàng cất tiếng hỏi làm gián đoạn nguồn tư tưởng của tôi:

- Ngoài cái tên Đặng Chí Bình, anh còn cái tên gì khác nữa?

Tôi hiểu, có lẽ y thấy suốt từ lúc gặp, tôi tuy lạnh lùng không nói, nhưng vẫn ngoan ngoãn làm theo ý của y; hơn nữa, đường vắng chỉ có 2 người, buồn tình nên y hỏi tôi chẳng? Vì vậy, tôi cũng nhã nhặn:

- Tôi còn một tên nữa là Lê Viết Hùng.

- Thế, tên nào là tên thật, lúc còn nhỏ của anh?

- Dạ, Đặng Chí Bình!

Lâu ngày, nên đi đã thấy mỏi chân, tôi đang định hỏi y trại E còn phải đi xa không thì tôi đã thấy thấp thoáng, từ một lũng rộng xa xa, mờ mờ trong sương đục; một lá cờ máu đang ngúng nguẩy, nhấp nhó trong gió chiều. Như vậy chỉ cách khu trại chính khoảng 2 cây số, đường chim bay. Lúc này thì khu nhà đó đã hiện ra, gồm 3 - 4 cái to, nhỏ. Tuy rằng chỉ bằng gỗ, lá nhưng chắc hẳn là nơi ở và làm việc của ban chỉ huy trại E. Vì tôi cũng đã nhìn thấy về phía trái không xa là một chiếc cổng gỗ to, cao lênh khênh. Trên chòi, một tên công an vũ trang đang đeo súng ngồi bên một chiếc keng sơn đen xì, làm bằng một cái vỏ của quả bom 50 kg.

Đến nơi, tên Ý dẫn tuột tôi qua cổng, vào hẳn trong trại. Y chỉ khoảng sân trống, cạnh một bụi chuối già phía trong cổng. Giọng y đã bớt lạnh lùng:

- Anh đứng đấy chờ!

Chân tiến đến khóm chuối, nhưng mắt tôi đang chăm chú nhìn vào những dãy nhà trong trại. Loáng thoáng một vài người chống gậy, đang đứng ở hiên nhà nhìn ra, nên tôi cũng chẳng trả lời tên Ý. Trước khi ra cổng, y còn ngửa cổ lên chòi, nói với tên công an vũ trang gác cổng, cũng đang nghiêng đầu ngó xuống:

- Đồng chí cho gửi tên phạm!

Rồi y cặp chiếc cặp đen, bước những bước thật dài về phía khu nhà có lá cờ, ngay chéo cổng vài chục thước. Tôi mệt mỏi, ném bọc quần áo xuống sân rồi ngồi lên trên trốc, mắt vẫn vươn qua cái sân trại, hướng vào 3 ngôi nhà dựng theo một hàng dài.

Lúc này cảnh vật chợt hồng lên, vì phía Tây mặt trời hơi ló ra khỏi đám mây dày, để nhìn lại cảnh chiều của núi ngàn. Một vài ánh nắng quái vàng ửng, nhún nhẩy trên mấy nóc nhà và những ngọn nứa khô của cái hàng rào thật dày, chung quanh trại. Tôi còn đang mãi mê nhìn một ông già tóc bạc phơ, lụ khụ chống gậy ở một góc sân, thì một tên cán bộ đeo lon trung úy từ ngoài cổng đi vào. Một tay y cầm quyển sổ, một tay cầm cái bút, tất tả đi vào giữa sân. Y chỉ tay vào chỗ 2 - 3 người đang đứng sớ rớ trên hè, quát to:

- Vào gọi trật tự ra đây.

Một tiếng dạ thật sốt sắng, rồi một người nhanh nhẩu đi về phía cuối trại, trong khi tên cán bộ quay lại phía tôi. Cái nhìn của y thật sỗ sàng, hách dịch để tỏ quyền uy. Có lẽ vì tôi vẫn còn ngồi yên trên bọc quần áo, mà lẽ ra phải đứng dậy, khi thấy y đến. Vì vậy, với vẻ hãnh học y quát:

- Mở bọc quần áo ra, để kiểm tra!

Thấy thái độ của y như vậy, mặt tôi cũng lạnh lùng, không nói một lời. Ngồi xịch ra, tôi cúi xuống loay hoay cởi chiếc bọc. Cũng chẳng có cái quái gì, vài bộ quần áo, một chiếc màn cá nhân Phúc "Thổ" và Thọ "Lột" các cậu ấy chuẩn bị cho từ dưới Hỏa Lò. Khi tôi đã mở tung bọc quần áo để rải ra sân, y hất tay lên người tôi:

- Cởi cả quần áo ngoài!

Tôi hơi cau mày, vì trời rét lại ở ngoài sân, thì cũng là lúc mắt tôi chợt nhìn thấy tên trật tự. Tay y xách một cái hộp gỗ con đang từ phía trong tiến ra, dáng dấp thật quen thuộc. A, tên Tân, Phạm Huy Tân. Tên chó chết đã ăn cả vỏ chuối; đã gạ đổi thuốc lá lấy cơm của tôi ở buồng số 4 xà lim II, Hỏa Lò. Đã gần 5 năm rồi, lúc này trông y mập ra. Hai con mắt của y, hình như lồi ra hơn, có rất nhiều những tia máu đỏ, nổi gân ngoằn ngoèo trên tròng trắng. Mãi đến lúc y đến sát chỗ tôi, và khi tên cán bộ bảo y khám thật kỹ; đóng dấu vào hết quần, áo tư trang của tôi, thì mắt y chợt sáng ra một chút, rồi trở lại lạnh lùng ngay. Tôi đã hiểu, y đã nhận ra tôi. Ngay từ nãy, y cứ nhìn chăm chăm vào miệng tôi, chỗ 3 chiếc răng gãy hàm dưới với đôi mắt vừa như bắn khoăn, vừa như lạ lùng. Y ngờ ngờ là phải, vì khi tôi và y ở buồng số 4 xà lim II thì răng tôi đâu đã gãy.

Tôi trừ trừ đắn đo một lúc rồi, cũng đành phải cởi áo và cởi quần ra. Sau khi nắn nót, lục xét từng ve quần, xống áo, y lấy con dấu bằng gỗ có hai chữ "cải tạo" to tướng, dầm vào một cái khay đựng hắc ín đen xì. Tôi đã thấy cái ác ý của y là dầm thật dầm hắc ín, rồi mỗi ống quần một dấu; áo thì một dấu phía sau lưng và hai dấu, hai bên vạt phía trước. Hắc ín dầm đến nổi, thậm cả sang những lần vải không đóng. Chỉ cái mùng cá nhân con mà nó đóng đến 8 cái dấu. Hắc ín đen nhem, nhớp nhúa hết đồng quần áo. Mặt nóng lên bừng bừng, tôi định cho nó gục ngay xuống đó. Nhưng tôi nhìn tên cán bộ và khung cảnh của trại giam, một niềm nhẫn nhục đã đè xẹp nỗi uất hờn vào tim. Ngay khi còn từ Hỏa Lò, tôi đã hiểu tên Tân là một loại tiểu nhân, đồng thời còn là loại Zoóc (antenne trong Nam) nỗ lực nhất nữa. Vậy từ nay tôi sẽ chờ, khi có điều kiện hợp lý để giải quyết với nó.

Tuy trong lòng tôi đã có chủ trương như thế, nhưng khi tên Tân đứng lên, xách hộp đóng dấu mang đi, vẫn còn phải tránh ánh mắt, có lẽ hãy còn nhiều lửa của tôi.

Người Xưa Mới Thật Là...Người Xưa

Nhớ lại khi nãy nghe tên cán bộ hỏi tên Tân thì hôm nay là ngày 15 tháng, như vậy chỉ còn 15 hay 16 ngày nữa là đã Tết rồi. Tụi cán bộ Hỏa Lò để vừa đúng 15 ngày, hết hạn chống án, chúng đã vội vàng giải tôi đi ngay. Mà chỉ đi có một mình.

Giọng tư tưởng của tôi còn đang chảy dài về Hà Nội xa xôi thì tên cán bộ đã hồi thúc:

- Ôm quần áo về buồng rồi hãy xếp!

Rồi y chỉ chiếc chiếu con và một chiếc chăn đơn đã nửa mục, khi nãy tên Tân đã mang đến:

- Chiếc chiếu và chăn kia phát cho anh. Phải triệt để bảo quản tài sản xã hội chủ nghĩa.

Mặc y nói, tôi cắm cúi túm vội bọc quần áo, rồi ôm chăn, chiếu đi theo y về phía căn nhà nằm ở giữa. Tay ôm bọc quần áo, nhưng mắt tôi đã bị mấy luống hoa dài, nằm dọc theo phía trước hè của mấy căn nhà cuốn hút. Nhìn thoáng qua những cánh hoa bách hợp, cúc đại đóa đang lắc lư, rung rinh theo từng làn gió nhẹ như đón chào, đã làm cho tâm hồn tôi giãn nở ra, bâng khuâng một vài giây trong cái dồn dập của buổi ban đầu đến trại.

Tôi theo tên cán bộ bước hẳn vào trong buồng. Căn nhà, trông hun hút thật dài, sàn trên, sàn dưới bằng gỗ để mộc, làm dọc theo hai bên vách nhà, để chừa ra một lối đi ở giữa nhà rộng chừng 2 mét. Cả buồng trống trơn, sàn dưới chỉ có 2 người nằm đắp chăn ở trong góc đang vội vàng bò dậy. Tên cán bộ chỉ cho tôi một chỗ ở sàn dưới, phía bên trong, gần ngay cửa ra vào. Tôi vừa để bọc quần áo và chiếc chiếu xuống sàn, y đã đưa cho tôi 2 tờ giấy in sẵn, nghiêm giọng:

- Từ ngày mai, đi lao động theo toán, nhưng tối về phải học thuộc 4 tiêu chuẩn cải tạo, 10 điều nội quy và 12 điều nếp sống văn hóa mới này. Trong một tuần, tôi sẽ gọi lên sát hạch, nếu không thuộc, anh sẽ chịu trách nhiệm.

Ngỡ ngàng, xốn xang với nhiều thứ mới, nên cho tới khi tên cán bộ đã ra rồi mà tôi vẫn còn ngồi ghệ vào mép sàn như bất động. Tay tôi vẫn còn mân mê 2 tờ giấy, mắt nhìn khắp căn buồng. Hai anh ở trong

góc bây giờ đang lúi húi hút thuốc lào ở chỗ chiếc đèn con dưới gầm sàn. Kiểu chiếc điều nứa này thật lạ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Nó có một chiếc nõ dài nghêu đến gần một gang tay. Tôi mỉm cười chào, khi 2 anh cũng vừa cười vừa tiến lại phía tôi. Một anh chừng 40 tuổi, dáng cao gầy cất tiếng khàn khàn hỏi tôi:

- Anh mới bị bắt vào?

Thấy tiếng anh trọ trẹ không rõ, tôi chỉ gật đầu và hỏi lại:

- Anh không đi lao động?

Xịt mũi mấy cái rồi anh từ từ:

- Hôm qua tôi có cái bệnh sốt!

Chỉ trả lời mấy tiếng mà anh cứ ngập ngừng, lúng túng mãi, tôi hỏi ngay:

- Anh tên gì?

- Tôi là Lý A Chén và anh này là Sín Cà.

Vừa nói anh vừa chỉ anh kia, đứng phía sau. Giữa lúc này thì đột nhiên nghe có tiếng ồn ào, sùng sục như chạy giặc ngoài phía cổng trại.

- Trại đã về!

Anh Chén vẻ nhớn nhác nói xong, rồi cả 2 anh hấp tấp về chỗ nằm đắp chăn như những người đang bệnh. Sau đó là những bước chân chạy rầm rập, đầy người chen chúc nhau vào buồng. Tiếng vất nón, ném áo toại, tiếng bát nhôm, bát sành cọ xát, tiếng gầu tôn, thùng gỗ chạm nhau; tiếng chân chạy thành thịch, lẫn với những tiếng gọi nhau í ới buồng này với buồng kia. Tôi cứ ngồi ngây ra, mắt mở to nhìn một cảnh đời tất bật, lam lũ, lầm than. Hầu như ai cũng quần áo rách và nhem nhuốc, chỉ dăm ba người hoặc có chiếc quần lành hay áo không vá còn tươi màu tro xám.

Sau này tôi mới hiểu: một năm trại phát cho mỗi người 2 bộ quần áo. Phần vì sợi vải tạp không được bền, phần khác, lao động nặng nhọc quần quật với gió mưa, với mồ hôi, bùn đất nên chỉ 3-4 tháng là

đã mục rách rồi. Cho nên ai cũng phải biết vá đụp cho lành nhất là vào những vụ Đông hàn. Cũng do khả năng và ý thích của mỗi người khác nhau, nên rất nhiều kiểu mũ, áo chẳng đụp đủ màu để che đầu, che tai.

Tôi đang ngẩn ngơ nhìn cảnh người chạy ngược xuôi vội vã trong nhà cũng như ngoài sân thì một bóng người mặc cái áo bông tã màu nâu đất, to xù xụ. Chân anh đi dép râu dính đầy bùn, trèo lên sàn ngay cạnh tôi, để lấy 2 cái bát sắt to, tráng men màu lá chuối non, cóc đã gặm nham nhở trên cái kệ phía trên đầu nằm. Tôi hơi ngỡ ngàng khi thấy anh chột một mắt. A, à Phan Thanh Vân đây mà! Trung úy phi công C47, trong điệp vụ máy bay bị bắn rơi ở Cồn Thoi, Ninh Bình năm 1960. Cũng là lúc mắt anh mở to nhìn tôi không chớp, nhưng có lẽ những thúc hối của việc cơm nước nên anh chỉ nói vội vàng:

- Tối vào buồng chúng mình sẽ nói chuyện.

Rồi hấp tấp, anh mang 2 cái bát sắt chạy ra sân. Tuy anh đã đi rồi, mà tôi vẫn còn băn khoăn ngạc nhiên. Lúc nhanh lại ký ức đầy hình ảnh xưa. Không! Chỉ có tôi mới biết về Vân, chứ Vân chưa hề biết về tôi. Do đấy, mai đây tôi sẽ phải làm sáng tỏ điều băn khoăn này của tôi.

Mãi lúc này mới thấy một anh chừng 40 tuổi, tay cầm một tập sổ sách vào buồng. Cởi chiếc mũ trùm tai, vất xuống chỗ sàn nằm ngay cạnh cửa ra vào, anh quay lại cười, chào tôi và niềm nở:

- Tôi là Lân, toán trưởng mà cũng là buồng trưởng. Anh có gì đựng cơm, canh đem ngay ra cho họ chia?

Lúng túng ra mặt, tôi làm gì có bát đĩa. Ngay lúc ấy, một anh ở sàn trên phía đối diện, cúi rạp người thò xuống một cái rổ con, bé như cái bát to:

- Tạm thời, cho anh mượn cái này để đựng cơm.

Chưa biết anh là ai, tôi chỉ biết giơ tay đón nhận tình anh và mỉm cười tỏ ý biết ơn. Anh Lân dẫn tôi ra sân, đến một chỗ tùm tùm 9 -10 người đang đứng vây quanh 9 -10 cái vừa bát, rổ, rá con và một song nhôm cơm ngô xay vàng ươm (hạt ngô xay vỡ thành nhiều miếng như tấm) đặt cả xuống nền sân đất. Một anh đang cầm cái môi

con làm bằng một mảnh gáo dừa. Nhẹ nhàng, anh xúc từng môi cơm vào một cái bát nhôm, rồi đặt vào một cái cân do một anh đang cầm điều chỉnh. Cái cân thật đơn giản nhưng lại thật bén nhạy, chỉ vài hạt cơm hơn, kén đã thấy khác rồi. Nó chỉ là một chiếc que gỗ vót tròn, giùi 3 cái lỗ, khắc vài chỗ làm dấu nhất định, vài sợi dây và một hòn đá hay miếng gạch con là được rồi.

Khi anh Lân dẫn tôi đến nơi thì mấy người đều quay nhìn ra. Anh Lân quay lại cầm cái rổ ở tay tôi đặt xuống sân cạnh những bát khác. Tay anh chỉ vào con số viết bằng phấn ghi ở cạnh cái song nhôm cơm:

- Anh Đồng, đây là anh Bình mới nhập trại, cùng ăn mâm của anh. Số song ghi là 11 đấy!

Một vài anh quay lại mỉm cười với tôi như chào rồi lại tập trung mắt vào cái cân cơm. Bỗng một anh kêu tướng lên:

- Có chết cha người ta không chứ! Từ nãy, mình cứ định ninh 10 suất như mọi khi. Thấy song cơm đầy, mình cứ lầm nhầm tạ ơn đảng, ơn bác mãi. Bây giờ thì xin rút!

Chỉ một mình anh nói, mọi người mặt vẫn lạnh lùng, không một ai hưởng ứng. Một vài ánh mắt rụt rè liếc về phía tôi. Anh Lân lại kéo tôi sang một đám bên cạnh cũng có 10 cái bát vừa nhôm, vừa sành đủ loại, Một song nhôm canh, rau và nước đen sì, nhìn mãi mà tôi chưa hiểu là canh gì. Cho đến khi, một anh gắp từng miếng sau vào từng bát, tôi mới biết là lá rau cải bắp già. Nhưng không hiểu họ nấu với muối hay mắm gì mà lại có màu đen. Anh Lân lại lên tiếng:

- Anh Bình đây chưa có bát đĩa, ai có tạm thời cho anh mượn bữa nay?

Một anh còn rất trẻ, chỉ chừng 20 hay 21 tuổi là cùng, quay lại vồn vã kéo tay tôi theo anh vào buồng. Anh trèo lên sàn trên, lấy cho tôi một cái rá con tý đã bục rách một bên cạnh. Anh lục mãi trong bọc lúi ra một miếng ny lông xám đã cũ, nhẹ nhàng khéo tay, anh lót vừa vào chiếc rá để đựng canh. Tôi được biết tên anh là Toàn. Trong lúc trở ra chỗ chia canh, Toàn hỏi khế:

- Anh ở đâu đến?

- Hà Nội.

Toàn ghé gần vào tai tôi thì thầm:

- Em ở Thái về 1956.

Tôi đang định hỏi tiếp thì nhiều người ở phía mâm cơm đã hối hả giục:

- Mau lên còn vào buồng chứ!

Một Mảnh Đời Tù

Sau khi đã đặt cái rá lót ny-lông xuống sân để lấy canh, tôi đưa mắt nhìn rãi ra chiếc sân trại dài. Đầy sân, lổ nhổ chừng mười người một nhóm, ồn ào, xôn xao, như đang mổ bò lúc lừng vào đám. Chợt có tiếng huỳnh huỵch, ầm ầm ở gần bụi nửa phía cuối hội trường, ngay dưới cái khẩu hiệu dài nền trắng, chữ đỏ chói: "Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Một anh chừng 40 tuổi thấp lùn, và một anh chừng 30 tuổi gầy nhồng. Cả hai đang trợn trừng mắt chồm vào nhau để thoi, trong khi tên trật tự Tân đang cầm cái roi, phải nói là cái gậy vì bằng một đoạn song dài đến một thước, đang chạy từ phía nhà bếp đến.

- Mà qua mắt anh em sao được. Đã nhiều lần rồi, mà cứ xúc cơm trên đĩa bốc hơi cân cho bát của mày. Cơm dưới hoặc vừng, tảng còn ứt thì mày cân cho người khác. Lưu manh, lưu manh chính trị!

Anh thấp lùn đang chơi chơi xỉa tay về phía anh gầy, hỏn hỏn nói từng lời ngắt quãng. Anh gầy cũng chẳng vừa. Anh dề cái miệng, cong cái môi nhọn ra như môi con heo nái:

- Im mẹ cái mồm đi! Cứ làm ra cái vẻ trí thức, mồng 2/9 vừa qua đưa nào bưng soong thịt của toán từ nhà bếp lên, bốc thịt bỏ túi? Trí thức vét phân!

Tên Tân vừa chạy đến nơi, thấy không còn đánh nhau nữa. Dù vậy, có thể muốn chứng tỏ cái quyền uy của một người trật tự, y dứ dứ cái roi song về phía 2 người còn đang cãi nhau:

- Các anh là con người hay con vật? Miếng ăn mà cũng hực hực đánh nhau!

Nghe tên Tân mắng 2 người, tôi liên tưởng tới thời gian y ở buồng số 4, xà lim II dưới Hỏa Lò Hà Nội, tới cái bánh chưng tới điều thuốc. Một nỗi đầy vơi, khắc khoải với trò đời đen, trắng đang rỉ dần ra trong lòng tôi. Khi có những cảnh đời tốt đẹp, người ta thường dễ quên những ngày tối tăm, khổ đau của họ. Cảnh sôi động huyền ảo như vậy mà chỉ 15 – 20 phút sau lại im phăng phắc, vì lúc này cơm, canh đã chia xong. Tùy theo chỗ dăm người, chỗ 3 người hoặc một mình, tìm một nơi riêng biệt để tận hưởng của ngọc thực ông trời đã ban cho loài người.

Một tay cầm chiếc rổ cơm, một tay cầm cái rá con đựng canh, tôi đang ngác ngơ, lúng túng để tìm một chỗ ngồi thì Toàn giơ tay vẫy vẫy tôi. Toàn đang ngồi ăn một mình trong một cái bàn khuất nẻo phía mấy tấm bảng đen trong nhà hội trường. Hội trường, hay cũng gọi là nhà ăn. Tuy có bàn ghế, nhưng trời mùa Đông, mới 5 giờ trong nhà đã mờ mờ tối nên đa số anh em thường trải những mảnh chiếu rách ngay ngoài sân ngồi ăn với nhau. Chỉ có một số người vì không có chiếu, hoặc thích ngồi trong bóng mờ để tìm cái thú vị trong cái ăn mới mò vào hội trường.

Tôi đã đặt cơm canh lên bàn. Tôi liếc nhìn đây đó tìm cách để ăn vì không có thìa, đũa thì Toàn đã moi trong chiếc túi con một cái cùi đĩa bằng nhôm đã gãy cán, đưa cho tôi giọng niềm nở:

- Hãy dùng tạm cái này ăn rồi mai kia sẽ kiếm.

Tôi hơi xúc động đón nhận niềm dạt dào tình người của Toàn. Sau một vài câu chuyện thăm hỏi, Toàn lại ghé gần tai tôi vẻ thân tình:

- Anh Bình hãy dè dặt, thận trọng, ít ngày nữa anh sẽ hiểu.

Rồi Toàn thấp giọng nói như thì thào:

- Coi chừng Phan Thanh Vân nằm cạnh anh.

Tôi khẽ gật đầu và nhìn Toàn bằng ánh mắt đã hiểu ý. Ngay từ lúc mọi người đi lao động về, giữa biết bao nhiêu người tôi đã trông thấy hoặc đã gặp, có những ánh mắt nhìn tôi vừa như tò mò, soi mói, vừa như muốn làm quen. Nhưng hình như họ bị một áp lực chìm lắng nào đó để rồi những ánh mắt ấy vừa chột sáng, nụ cười vừa động đậy, đã rút lại ngay nghiêm nghị lạnh lùng. Qua những phút trao đổi của buổi mới gặp, tôi biết sơ qua là Toàn năm nay 23 tuổi. Lúc 9 – 10 tuổi, Toàn theo bố mẹ về nước. Vì có họ hàng thân nhân ở Hà Nội nên bố mẹ Toàn được nhà nước cho về sinh sống ở Ngọc Hà, vùng ngoại ô. Toàn đã đi học nhiều năm dưới mái trường xã hội chủ nghĩa. Nhưng qua những năm tháng, dần dần đời sống của gia đình càng khó khăn khổ cực. Ngay ăn uống hàng ngày cũng bữa đói, bữa no nên Toàn càng chán nản không thể học hành được nữa. Hơn nữa cuộc bắn phá của máy bay Mỹ cũng càng ngày càng ác liệt.

Chiến tranh và cuộc sống đã giằng co, kéo dầy để Toàn cùng một người bạn nữa cũng ở Thái Lan về; rủ nhau tìm cách vượt biên bằng đường bộ, qua Lào trở về Thái. Sau bao nhiêu khó khăn nguy hiểm, khi tới biên giới Lào Việt thì không may bị bắt. Người bạn kia phải đi trại giam khác. Riêng Toàn, bị giam ở Hỏa Lò, Hà Nội 6 tháng rồi đưa lên trại trung ương số I Lào Cai và được chuyển ngay về phân trại E này từ đầu 1965. Toàn cũng bị án lệnh tập trung cải tạo 3 năm, đến nay đã quá hạn hơn 6 tháng rồi. Giai đoạn này Toàn tỏ ra rất bất mãn.

Toàn thích tâm sự thì tôi ngồi vừa ăn vừa nghe, chứ trong lòng tôi cũng đang rối bời với bao nhiêu lắng lo cho những ngày tới của cuộc đời. Suất cơm ngô tuy chỉ khoảng 2 bát cơm ở gia đình nhưng sau khi ăn xong, mắt tôi mới nhìn cảnh vật được rõ ràng. Quá mệt và đói từ sáng sớm tới bây giờ! Mỗi lúc này tôi mới để ý nhìn 2 bông hướng dương to như 2 cái bát chiết yêu ở ngay đầu luống trước cửa buồng tôi. Mắt tôi cứ đăm đăm hướng về những đóa hoa vàng tươi mơn mớn đang đong đưa nhún nhảy dưới mưa bay căng phồng sức sống đương thì. Chập chờn tôi gửi hồn về miền xuôi Hà Thành lẫn quất với dáng hình ai buổi sáng sớm hôm nay, thì một hồi keng rổn rang lên lạnh lạnh làm rung rinh những ngọn nứa già đang lắc lư xào xạc với gió chiều.

Tiếng ồn ào lại réo lên như nôi cơm sôi già lửa. Mỗi người, mỗi nhóm tráng rửa qua thìa, đĩa, bát bằng nước chứa trong những chiếc gầu tôn hoặc gỗ. Để kịp thời gian, ai cũng phải xuống chiếc giếng phía cuối nhà bếp lấy nước về trữ sẵn ngay từ lúc đang chia cơm. Tuy ai cũng ghé xuống chiếc rãnh giọt gianh cạnh hội trường để rửa, dưới rãnh vẫn sạch trơn, chẳng hề có một hạt cơm hay cọng rau nào; cho nên vẫn không vi phạm điều nào trong 12 điều nếp sống văn hóa mới.

Sau hồi keng dứt là mọi người ở buồng nào vội vàng, đôn đáo vào buồng ấy; thứ tự ngồi hàng đôi. Theo quy định, người nằm sàn dưới ngồi phía trong, người nằm sàn trên thẳng chỗ, xuống ngồi phía ngoài. Mọi người đều ngồi xếp chân bằng tròn, thẳng lưng, hai tay để hai bên đầu gối; yên lặng, không một tiếng rì rầm.

Tên Tân xách chiếc đèn bão theo sau tên trung sĩ lúc sớm khám tư trang của tôi. Bây giờ tôi đã biết tên hắn là Cẩn, Chu Huy Cẩn, cán bộ trực của phân trại E. Y là người dân tộc thiểu số. Chẳng hiểu y có dính dáng gì với tên tướng Việt cộng Chu Huy Mân hay không? Một tay y cầm cuốn sổ điểm và chùm chìa khóa, một tay cầm cái bút. Khi tới

trước cửa buồng, tên Tân đứng lại, tên Cẩn bước vào. Y thẳng đứng người, bước những bước đều nhau theo hướng phải. Mỗi bước chân là một đôi, y đi vòng chung quanh cái lối đi ở giữa nhà. Những lúc phải bước ngoặt sang phía trái hay phải, y đều xoay gót chân theo đúng tác phong quân sự.

Khi quành ra tới cửa, trong lúc y hý hoáy ký vào sổ trực, thì tên Tân đóng 2 cánh cửa lớn, khóa rồi chốt then ngang, bằng một súc cây bản 5 phân, 10 phân dài ngang qua cả hai cánh cửa.

Trong buồng, dù có một ngọn đèn bão thòng dây treo lủng lẳng ở giữa nhà nhưng ánh sáng chỉ mờ mờ, nhiều chỗ tối, chả nhìn rõ mặt người.

Sinh Hoạt Tổ, Toán

Sau khi điểm xong, anh Vân quỳ lên (sàn trên, sàn dưới cách khoảng 1 mét 50, đứng lên không đủ) cứ lục đục sắp xếp quần áo với cái túi bát đĩa của anh trên cái kệ. Chiếc kệ gỗ làm dọc theo sát vách phía dưới của gầm sàn trên. Kệ đó ngay trên phía đầu nằm dùng để chặn màn, quần áo và những thứ vật vãnh của mình. Mỗi người cũng được một khoảng dài 70 phân, bằng chiều rộng của chiếc chiếu mình đang trải nằm ở dưới sàn. Mãi một lúc lâu, Vân mới ngồi xuống, quay lại từ tốn. Giọng anh vẫn còn pha giọng miền Nam:

- Bình từ Hòa Lò lên, đi cả ngày chắc mệt lắm?

- Lúc sớm, chứ bây giờ thì đã đỡ rồi!

Tôi vừa cười nhẹ, vừa trả lời. Để có "thượng phong" khi sớm Vân đã tỏ ra như đã biết rõ về tôi, tôi ghé sát gần Vân, hạ giọng:

- Vân chưa biết gì về tôi, chứ tôi đã biết về Vân hơi nhiều và...đã lâu.

Trong bóng tối mờ, một mắt của Vân mở to, long lanh đầy vẻ lảng lo lẫn ngạc nhiên. Anh hỏi hơi gấp:

- Anh biết về tôi thế nào?

Vân chưa nói hết câu, tôi đang được cái thích thú đã "trộ" ngược lại Vân thì anh Lân phía sàn bên kia, vừa kéo một điều thuốc缭绕 xông đứng ra giữa nhà nói to:

- Đề nghị các anh toán 2, hút thuốc rồi vào sinh hoạt tổ ngay để nghỉ sớm.

Tiếp theo đó, một anh có cái thân hình ngũ đoản. Đặc biệt có đôi môi dày xám ngoét, cong tớn bọc lấy mấy chiếc răng cửa mọc thếch hô ra, to như những con nhộng tằm. Anh chừng 40 tuổi, tôi đã biết anh là Đinh Khắc Sản, do Toàn chỉ cho tôi khi còn ở ngoài sân. Anh ngồi từ trong sàn dưới phía cửa, thò đầu ra chỗ sáng nghếch cổ, cao giọng nhưng vẫn khàn khàn như vướng đờm trong cổ:

- Tôi cũng đề nghị các anh toán 3 hút thuốc rồi ta sinh hoạt sớm.

Cả buồng lại ồn lên như một động cơ máy nổ lúc mới khởi động. Chỉ sau một, hai phút, các dáng hình đen thẫm tản mạn sàn trên, sàn dưới đã vón tồ lại từng cục rải rác khoảng cách đều nhau ở sàn dưới. Mỗi cục, tùy theo mười hoặc mười lăm người là một tổ.

Từ lúc vào buồng tôi đã hơi có khái niệm: hiện nay tôi ở toán hai, là toán làm một thủ công do anh Lân làm toán trưởng. Toán này có 4 tổ gồm tất cả là 49 người. Toán 3 là toán xe gỗ do anh Đinh Khắc Sản làm toán trưởng. Anh có cái dáng dấp là một anh trưởng tuần ở nông thôn, mà tôi vừa nói đến ở trên. Tuy trong thực tế, trước đây anh là con một ông chánh tổng ở Phùng (Sơn Tây). Toán 3 chỉ có 2 tổ xe gỗ và một tổ rèn gồm 45 người. Toán xe này, động tác nghề nghiệp đơn giản; chỉ có kéo xe bằng tay, nên không phức tạp, rắc rối như bên toán làm mộc.

Như vậy, buồng số 2 (tức buồng ở giữa) tổng số là 95 người, kể cả tôi mới nhập. Do thế, toàn thể phân trại E tôi đã có thể dự đoán xấp xỉ trên dưới 300 người; sống âm thầm ở một nơi khuất nẻo sâu mãi trong rừng già.

Thì ra Phan Thanh Vân là tổ trưởng, tổ II của toán 2. Họ ngồi quây tròn, sinh hoạt ngay sát chỗ tôi. Riêng tôi, vì chưa được phân bổ về tổ nào nên đem mấy tờ nội quy, tiêu chuẩn cải tạo ra đọc. Thực ra tâm tư của tôi lúc này cũng đang bồng bềnh, chìm nổi với bao nỗi niềm ngược xuôi của một kiếp tù. Tôi chỉ muốn những phút vắng lặng, nằm yên hay ngồi trầm lắng để lần giở da diết cõi lòng. Vậy mà những lời phát biểu của cái tổ II ở bên cạnh cứ ngoáy, chọc vào lỗ tai của tôi.

Tiếng của Phan Thanh Vân reng reng cổ ra về nói tiếng Bắc nhưng nhiều chỗ vẫn te te, cà cà của miền Nam:

- Hôm nay tổ ta cũng sinh hoạt như thường nhật. Hiện nay, tổ mình có nhận của toán một kế hoạch nhỏ là hoàn thành 50 giường cá nhân, thời gian ấn định là 15 ngày. Nhưng trong đợt thi đua lập thành tích góp phần cùng cả nước chào mừng nhân dân ta anh hùng đã hạ 2000 máy bay của giặc Mỹ xâm lược. Tổ ta sẽ hạ quyết tâm, ra sức phấn đấu vượt chỉ tiêu 3 ngày. Như chúng ta đều hiểu: lao động là phản ảnh của tư tưởng. Muốn lao động tốt, đạt được hiệu quả cao thì phải có tư tưởng tốt. Vậy anh em hãy xoáy mạnh vào vấn đề tư tưởng trong buổi sinh hoạt hôm nay.

Vân đã phát biểu xong, miệng hãy còn tóm tẻm. Cục hầu ở cổ chạy lên, chạy xuống mấy cái, có lẽ nuốt nước bọt vì Vân vừa nói hơi dài. Một con mắt của Vân ngó nghiêng, chớp chớp như một bên mắt của con gà mái đang mắc đẻ. Anh lướt nhanh một vòng như thúc giục, cổ vũ trong tổ phát biểu ý kiến. Gần một phút chết, nặng nề với những nét mặt đăm đăm, đăm đo nhìn nhau như dọ dẫm, đợi chờ. Bỗng một anh giơ tay cao nói rất đanh:

- Tôi có ý kiến!

Trong bóng mờ, tôi nhớ không lầm, chính anh này lúc chiều chia cơm đã phát biểu "biết ơn đảng và bác". Vân, nét mặt đang nặng nề tươi lên roi roi:

- Hoan nghênh anh Khải, người nổ phát đầu hôm nay. Xin anh phát biểu!

- Tổ tiên mình đã dạy: "có thực mới vực được đạo". Tôi muốn một người làm việc bằng hai, bằng ba lăm. Nhưng nếu muốn cho cái máy nó chạy 10 giờ thì dầu phải đổ đủ 10 giờ, nếu chỉ đổ cho 6 giờ thì 4 giờ nữa máy làm sao chạy?

Môi anh Khải vừa dề xuống để ngắt câu, mắt ai cũng loáng sáng lên như ngọn đèn cạn dầu được đổ thêm. Chúng tỏ, ai cũng thấy sượng cái tai nghe anh Khải phát biểu như thế. Nhưng chỉ một thoáng rất nhanh, nét hân hoan như ánh đèn pin lướt qua trong đêm tối rồi tắt ngúm. Mắt họ lại sầm xuống lộ dần lên nét phản đối. Họ đều nhao nhao lên, 3 người giơ tay xin phát biểu ý kiến.

Mặt Vân cũng đã bốc máu hồng. Anh chỉ tay vào một bác có đôi tai to như ông địa, chỉ có khác là cái mặt quá dài và hai bên má hõm vào nên hàm răng càng vẩu ra:

- Mời bác Chánh phát biểu trước!

Ông Chánh hơi dưỡn người lên, liếc nhanh khắp lượt rồi quay về phía anh Khải, giọng miền Nam đặc sệt:

- Ngay từ đợt tổng kết cuối năm vừa qua, anh Khải đã nhiều lần phát ngôn bừa bãi. Cụ thể nhất, anh ta mới được tha kỷ luật ra mười ngày trước đây. Nhưng anh vẫn chưa gột rửa được những tàn tích phong kiến trong bộ óc đã đen kịt, cáu rỉ của anh, nên anh nhìn sự việc chỉ

một chiều, cục bộ. Trong khi cả nước mọi người như một vì miền Nam ruột thịt. Anh lại cũng không nhìn thấy bao nhiêu anh em đồng phạm khác làm và đã làm nhiều hơn anh mà không hề kêu đói. Họ vẫn hăng say lao động để tạo ra nhiều của cải vật chất cho trại. Trên quan điểm khắc phục mọi trở ngại khó khăn, họ xả thân thi đua trong phong trào "một người làm việc bằng hai" để góp phần cùng toàn dân đánh thẳng tên đầu sỏ đế quốc Mỹ thì anh Khải vẫn lẩn quẩn trì trệ. Tôi thấy đây là chỗ khúc mắc tư tưởng của anh Khải, đề nghị tổ phải mổ xẻ để giúp đỡ anh.

Không khí tổ II căng lên. Trong khi các tổ khác cũng đang có nhiều anh phùng mang, trợn mắt; tay chân hất lên, hất xuống say sưa phát biểu. Tôi cố cúi xuống đọc bản "12 điều nếp sống văn hóa mới" mà tôi chả hiểu gì cả. Mặt chữ cứ hoa lên nháy chồm chồm vì bầu không khí ngọt ngào, đầy những tranh giành, cấu xé lọc lừa nhau trong buồng đã lòi cuốn hết tâm trí của tôi rồi. Nỗi ưu tư càng lúc càng tràn ập lòng tôi.

Mãi hơn một tiếng đồng hồ sau, anh Nguyễn Huy Lân, toán trưởng từ trong một tổ phía góc buồng lại đứng ra giữa nhà cao giọng:

- Hôm nay chỉ sinh hoạt thường lệ của tổ, đề nghị các anh tổ trưởng ghi nhận những vấn đề chính để ngày mai thứ sáu sinh hoạt toán sẽ cùng đưa ra thảo luận. Bây giờ hãy tạm nghỉ!

Nhiều người ở những tổ của toán 2, sau khi nghe anh Lân tuyên bố đã đứng bật dậy vịn người, vươn vai làm cho toán 3 cũng giải tán dần. Đa số đều dồn ứ về phía nhà xí, chen chúc chờ vào tháo cống. Mấy chiếc điều cày, thi nhau rít lên như những tiếng kêu van, rên xiết của những kiếp người bất hạnh đang ngập chìm trong tăm tối lầm than.

Ân Tình Chiến Hữu

Mặc dù tôi đã được Toàn và một anh nữa chưa biết tên, khi gặp anh trong nhà xí đã nói nhỏ với tôi phải coi chừng Phan Thanh Vân. Tôi vẫn có chủ trương, tối nay hoặc những ngày tới phải hỏi chuyện Vân để biết rõ về quan điểm tư tưởng thực sự cũng như về điệp vụ chiếc C47 bị bắn rơi. Hơn nữa, còn một điều tôi vẫn băn khoăn từ sớm, vì sao mà Vân đã tỏ ra như đã biết về tôi rồi? Vì sao như vậy, thì tôi cần phải tìm hiểu. Thực ra chỉ có tôi biết về Vân trước là do một buổi sáng nghe đài ở Cấp (Vũng Tàu). Rồi, một ngày Chủ Nhật, khi tôi mới bị bắt vào Hỏa Lò nhìn thấy Vân ngồi ở gốc một cây bàng ở sân. Sau đó, tôi được chuyển về buồng 4, xà lim II. Trong một buổi tối nghe Vân đọc bản kê gọi anh em binh chủng không quân lái máy bay vào vùng giải phóng theo cách mạng v.v... Và lại, những ngày còn lang thang trên khắp các phố phường của Hà Nội, khi chưa bị bắt, tôi đã mua và đọc cuốn C47. Điệp vụ máy bay xâm nhập không phận miền Bắc bị bắn rơi ở Côn Thoi, thuộc tỉnh Ninh Bình mà Cộng Sản đã xuất bản thành sách ở miền Bắc, nên lại càng biết rõ về Vân hơn.

Lúc này chả biết là mấy giờ. Nhìn ra bên ngoài qua cánh cửa sổ mở hé, trời đã đen kịt. Đột nhiên nghe tiếng léo nhéo, rè rè, nho nhỏ tiếng nhạc khởi đầu của đài phát thanh. Dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn bão, tôi nhìn lên chiếc loa nhỏ vuông vắn, bằng gỗ gắn liền vào vách phía trên cửa ra vào. Tôi đang lạ lùng, bần thần lắng nghe tiếng nói quá nhỏ của chiếc loa thì anh Lân buồng trưởng đã lớn tiếng đồng dục:

- Đề nghị toàn buồng im lặng để nghe đài!

Sau tiếng nói của anh Lân, buồng đang râm ran, ồn ào bỗng im bật. Chỉ còn những tiếng rầm rì thì thầm, chỉ đủ cho một người ngồi gần sát nghe. Giọng người con gái xướng ngôn viên nhỏ và rè quá. Tôi có cảm tưởng như cô ta đứng nói trong một cái tủ kín để xa tôi hàng chục mét. Tiếng đài nói nhỏ như thế, họa chăng chỉ có một số người nằm gần chung quanh phía cửa mới nghe được mà thôi. Anh Vân từ trong nhà cầu ra, ghé về chỗ. Sau khi tháo đôi dép râu ở chân, đút sâu vào gầm sàn, (sàn dưới cao hơn nền nhà chừng 30 phân) ngừng lên, thấy tôi đang nhìn anh. Hơi cười bằng ánh mắt, anh chỉ vào đôi dép của tôi dưới nền, thì thào:

- Bình hãy đút dép vào găm sàn. Gót của dép vừa bằng mép sàn theo quy định.

Tôi liếc nhanh toàn buồng. Dưới găm sàn dưới, dép được để đều đặn trong găm sàn, thẳng tắp với mép sàn; vì thế, tôi khẽ gật, cúi xuống làm theo lời Vân. Nê vào bên trong phía đầu sàn, Vân quỳ lên lúi húi phía trên kệ tối mò vì không có ánh đèn. Lôi xuống một chiếc túi vải nâu, anh ghé nghiêng về tôi, khẽ nói:

- Ở đây còn nhiều điều quy định lắm, rồi Bình sẽ biết!

Vừa nói anh vừa dịch ra chỗ ánh sáng đèn (do ngọn đèn treo ở trên cao, giữa nhà nên sàn dưới chỉ có ánh đèn từ giữa sàn trở ra). Anh móc trong túi vải ra lủng củng một số thứ. Mãi tôi mới hiểu, khi anh mở đến một bọc giấy, trong có một nhúm thuốc lá sợi, màu nâu xám. Mở một gói con có ít cơm ngô lúc chiều, anh nhặt từng hạt cơm riêng ra phết, dính. Sau đó, với một chiếc hộp gỗ con con, trong đó có mấy bộ phận đơn giản: chỉ một tí anh đã cuộn được một điếu thuốc lá bằng giấy rơm mỏng, vàng khè mà anh đã cắt sẵn từng tẹp. Dùng chiếc kéo con, nhẹ nhàng anh cắt những sợi thuốc thừa ra khỏi hai đầu giấy. Tôi đang mở to mắt theo dõi anh làm thì anh đã giơ điếu thuốc đầu tiên vừa cuộn xong về phía tôi. Một mắt của anh chớp chớp, miệng anh mấp máy:

- Bình hút thử xem!

Tôi vừa cảm ơn, nhận điếu thuốc anh mời, thì anh Lân từ sàn đối diện vừa mỉm cười, vừa tiến lại chỗ tôi và Vân. Dịch vào phía trong để chỗ cho anh ngồi, mắt tôi vừa thoáng nhìn đây đó trong ánh đèn không đủ sáng. Sàn trên, sàn dưới có nhiều con mắt đang hướng về phía chúng tôi. Ngay sàn trên, phía đối diện, Toàn và anh Đồng đang ngồi trùm chần nhìn xuống, Vân cũng cầm một điếu thuốc lá đã cuộn rồi đưa cho anh. Lân vừa lơ đãng giơ tay cầm điếu thuốc, vừa quay sang tôi vồn vã:

- Sáng mai, Bình đi làm theo toán 2. Khi ra lán sẽ tùy theo cán bộ toán phân bổ công việc.

Anh hạ giọng nói tiếp:

- Bình án hay tập trung?

Tôi đang nhìn mặt nhả làn khói thuốc, mà tôi thấy đặng và khét lẹt; còn hăng hăng như nhai ớt. Hơi ngở ngang chưa hiểu ý Lân thì Vân đã giải thích:

- Án là đem ra tòa xử, còn lệnh tập trung cải tạo 3 năm thì không có án.

Chợt hiểu, tôi trả lời hơi dẫn đo:

- Án tôi 18 năm, và 5 năm mất quyền công dân.

Cả hai đều nhìn tôi đăm đăm. Anh Lân phà hết khói thuốc, hơi nheo mắt hỏi tiếp:

- Xử ở đâu, đã lâu chưa?

- Hà Nội, mới nửa tháng trước đây!

Trong khi anh Lân đang nói về người tập trung thì tiêu chuẩn mỗi tháng là 13 đồng, còn có án thì chỉ 12 đồng. Vì thế, tù tập trung mỗi tháng được lĩnh phụ trội 1 đồng, thì cái tên "Lân" đã làm óc tôi chợt gợi lại câu chuyện toán Boone biệt kích mà tôi đã nghe từ dưới Hỏa Lò. Để thăm dò, hơi ngập ngừng, tôi hỏi anh Lân:

- Xin lỗi, anh họ gì?

- Nguyễn, Nguyễn Huy Lân!

Vừa trả lời, anh vừa quay hẳn lại nhìn tôi; mắt anh đổi màu vàng vè dò hỏi. Tôi đã ngạc nhiên đến ngở ngang. Chẳng lẽ thằng Long Châu Sa nói, đây là chuyện có thật ư? Để chắc chắn là sự thực ở ngay trước mặt tôi, nên tôi hỏi ngay:

- Phải anh là toán trưởng toán Boone biệt kích?

Đến lượt Lân, mắt anh nhìn tôi tưởng đến lời hản ra rồi gật đầu. Cả một cái cảnh buổi sinh hoạt đấu tố Lê Văn Lương ở buồng số 5 dưới Hỏa Lò như mới hôm qua, hôm kia hiện ra trước mắt tôi. Tôi đưa cả hai tay cầm chặt tay Lân vỗ vập:

- Câu chuyện không thể tin được, anh có biết không? Một người đã bị cả buồng sinh hoạt, sĩ và suốt một buổi sáng và bị 15 ngày kỷ luật vì chuyện của các anh đấy!

Tôi chưa nói hết câu, nét mặt Vân và Lân đều bị lôi cuốn, háo hức muốn biết diễn tiến của sự việc, thì đột nhiên một hồi kèng gióng lên lanh lảnh, âm thanh nhọn hoắt chĩa vào tai mọi người. Trong khi Vân xếp vội đồ nghề cuộn thuốc vào trong chiếc túi thì anh Lân đã đứng lên nói nhỏ:

- Kèng cấm rồi, mai mình sẽ nói chuyện tiếp.

Nhìn sàn trên, sàn dưới, mọi người đang vội vàng, ai về chỗ nấy, cũng là lúc tiếng loa vẫn rả rích, ẻo ợt nói thầm im bật. Thấy Vân giở chăn chuẩn bị đi nằm, tôi cũng kéo chiếc chăn đơn từ chiều vẫn gấp để trên phía đầu sàn để ngả lưng. Đầu óc tôi đang ngổn ngang bởi bao nhiêu thứ mới lạ của một cảnh đời tù tội thì Vân khẽ ghé sang thì thào:

- Chín giờ kèng cấm, tuyệt đối không được ai nói chuyện. Ai cũng phải về chỗ nằm, dù muốn ngủ hay không!

Đã cuộn chăn nằm rồi, tôi chợt nhớ đến cái lõi chì mật. Buổi sáng ở dưới Hỏa Lò ra đi, vì chưa thể biết sẽ đi về đâu, với tình huống bất trắc thế nào nơi xa xôi núi rừng mờ mịt, nên tôi đã thận trọng nhét vào hậu môn. Trong chăn, tôi nhẹ, khẽ lần mò rút ra, nhét vào chiếc lỗ nhỏ dưới gấu vạt áo, nơi tôi vẫn để miếng dao nhỏ ở dưới Hỏa Lò. Có lẽ Vân thấy tôi hãy còn rục rịch chưa ngủ, cố ghé hẳn sang rỉ tai:

- Ngày mai có ai hỏi thăm, anh đừng nói nhiều, không có lợi đâu!

Một nỗi hoang mang, lắng lo đang len dần vào lòng tôi. Tuy mỗi một suốt từ sáng, từ dưới Hỏa Lò lên, đến bây giờ, biết bao nhiêu sự việc trong cảnh đời tù mới lạ nơi rừng núi thâm u. Một cảnh mà trước đây, tôi chỉ được đọc trên sách báo. Cho nên tôi cứ trần trọc, thao thức mãi, không ngủ được. Trong đêm trường đầu tiên ở giữa rừng già, tôi chỉ nghe tiếng gió ngàn xào xạc. Thình thoảng, có những tiếng hú dài lê thê xen lẫn những tiếng kêu cụt ngủn, ngoắc ngoải, không biết là tiếng của loài thú hay loại chim gì từ trong rừng sâu vắng ra, càng khoét sâu niềm băn khoăn, thấp thỏm trong lòng tôi.

Tình Người Trong Mơ Bồng Bong

Tôi đang mơ màng đi dần vào giấc ngủ muộn rãi rời, mỗi mệt thì đột nhiên có tiếng ai đó vang lên trong đêm:

- Báo cáo ông cán bộ, tôi xin đi tiểu!

Tiếng báo cáo giật giọng như gọi mọi người thức dậy của một người ở sàn trên, làm tôi giật mình mở choàng mắt. Vài tiếng ho húng hắng, xen lẫn tiếng trở mình, rồi tất cả lại chìm vào im lặng.

Cứ như vậy cho đến sáng, thỉnh thoảng đây đó, sàn trên hoặc sàn dưới lại dội lên tiếng báo cáo thì làm sao tôi ngủ được. Nhìn những người khác, tôi thấy họ vẫn ngủ đều. Có thể họ đã quen hàng đêm từ lâu như vậy rồi.

Vì không ngủ được nên tôi cũng mót đi giải. Tôi cứ nằm rụt rè dẫn đo mãi, trong cái lần đầu phải báo cáo cái rắc rối này. Cho đến khi tưởng không còn có thể rụt rè nữa thì may quá vừa lúc đó có một anh ở sàn bên báo cáo; tôi cũng ngồi dậy báo cáo và theo họ vào nhà cầu.

Nhà cầu là một gian hẹp phía cuối buồng, chỉ rộng chừng một mét. Một đầu là một bệ xi măng nhỏ, chỉ có một chỗ cho người đi đại tiện. Một đầu là một cái giá gỗ ba tầng úp đầy những nón lá và áo phơi. Ngay phía giữa, sát dưới nền đất có cái máng bằng xi măng để cho gần một trăm người trong buồng đi tiểu tiện. Vì vậy khi tôi bước vào, một mùi khai nồng nặc xông lên làm cho mắt cay xè. Tôi vừa đi tiểu, vừa nghênh ngó nhìn chiếc đèn dầu hỏa con con treo sát vách tường chiếu ánh sáng lờ mờ, không rõ. Một anh vào trước đã đi tiểu xong, quay lại: tôi hơi tò mò vì anh cũng chỉ một mắt như Phan Thanh Vân, tuy rằng anh còn quá trẻ. Anh mỉm cười gật đầu chào tôi rồi hơi ngập ngừng dè dặt:

- Anh ở trong Nam ra ạ?

Nghe giọng nói hơi ngang, không rõ âm tiếng Việt nên tôi mỉm cười gật đầu. Anh sôi nổi:

- Em cũng là biệt kích ở trong Nam ra.

Tôi mở to mắt nhìn anh. Anh tiếp:

- Toán em bảy người, hiện nay ở đây có năm người.

- Ủa, thế tên cậu là gì?

Tôi hơi ngạc nhiên hỏi.

- Em là Shè Khửu Sáng.

Tôi hơi dẫn đo:

- Thế Sáng là người dân tộc à?

Anh đã mở cửa đi ra, còn ngoái lại nói khẽ:

- Em là người Nhặng, quốc tịch Việt.

Khi trở về chỗ nằm mãi, vẫn không ngủ được, tôi nằm nghe tiếng đêm thâu với bao nhiêu nỗi khắc khoải cho ngày mai của cuộc đời. Bên cạnh tôi, Vân vẫn ngáy đều đều, ngay từ mười giờ tối.

Tôi đang chập chờn chìm dần vào cơn ngủ khuya thì một hồi keng rền rĩ, xé tan cái tĩnh mịch, âm u của núi ngàn làm tôi choàng tức dậy. Có tiếng loa "nói thầm" cũng bắt đầu lí nhí dạo điệu nhạc khởi đầu bài tập thể dục buổi sáng.

Căn buồng tôi như sôi lên tiếng lục đục gấp chần, gấp màn. Tôi đã ngồi dậy nhưng vẫn còn ngơ ngác trong giấc ngủ nửa vờ. Vân đang gấp chần màn bên cạnh, quay lại giục giã:

- Keng báo thức rồi, gấp chần màn theo qui định trật tự nội vụ. Tranh thủ đi đái rồi vào ngồi điểm số. Cán bộ vào điểm bây giờ.

Thấy tôi cứ lúng túng mãi với màn, với chần, Vân cầm lấy giũ tung ra rồi vừa gấp vừa nói:

- Bình phải nhớ màn gấp như thế này và chần gấp như thế này!

Chỉ hai phút, Vân đã gấp xong gọn ghẽ. Màn bên trong, chần bên ngoài thành một hình hộp chữ nhật; phải vuốt, nắn cho vuông thành, sắc cạnh. Chưa xong, sau đó Vân nghiêng đầu xuống sát sàn, ngấm, ra hiệu tay cho hộp chần của người nào còn thụt vào, nhô ra. Cuối

cùng, sao cho thành một hàng thẳng tắp: cách vách đúng một gang tay (20 phân). Vân vừa làm, vừa như căn dặn, giải thích:

- Mỗi sà có một người chịu trách nhiệm trật tự nội vụ. Khi cán bộ điểm buồng xong, ban thi đua sẽ đi khám: chấm từng buồng trong nếp sống văn hóa mới, lấy điểm bình bầu của toán mỗi tháng, mỗi quý (tam cá nguyệt) và cuối năm.

Trong buồng, mọi người đã ngồi xếp hàng thứ tự, ngay ngắn từng đôi một ở sà dưới. Vì buổi ban đầu còn nhiều lố ngớ, chậm chạp nên tôi chưa kịp đi giải thì cửa đã loạch xoạch mở rồi. Trời mùa Đông, lại ở miền rừng núi nên bên ngoài vẫn mờ mờ chưa sáng hẳn. Tên Cẩn đã bước vào cửa buồng, đột nhiên y nghiêm trang đứng lại một vài giây liếc toàn buồng. Sau đó, tay y xách chiếc đèn bão, bước những bước dài theo lối đi giữa nhà điểm phạm; mỗi bước chân của y là một đôi. Tên Tân cầm chùm chìa khóa rủng rỉnh, thập thò phía bên ngoài cửa. Nhiều buổi thấy tên Cẩn đứng lại một vài giây ở cửa trước khi điểm, tôi không hiểu thì sau này đã hiểu: khi cán bộ bước vào buồng điểm, toàn buồng mọi người đều ngồi xếp chân bằng tròn. Thứ tự, anh sà dưới ngồi trong, anh sà trên ngồi phía ngoài thành từng đôi một. Hai tay để trên hai đầu gối, ngực ưỡn, đầu thẳng, người ngồi sau trông thẳng gáy người ngồi trước sao cho thẳng hàng ngang, hàng dọc, toàn buồng không một ai còn động đậy. Nếu ai đó đầu còn ngúc ngắc, hay còn xê dịch cho thẳng hàng thì cán bộ quay ngoắt trở ra ngay, đi điểm buồng khác.

Lúc đó thì buồng này thật khốn khổ. Thường thường cán bộ đi điểm hết các buồng rồi về phòng thi đua trật tự, cộng số phạm toàn trại thiếu, đủ. Giải quyết những việc đột xuất xảy ra trong đêm có khi 15 hoặc 20 phút. Buồng đó vẫn cứ phải ngồi yên, chờ cho cán bộ trở lại điểm. Lúc này thì ai cũng nhón nhác, vắt chân lên cổ mà chạy lo mọi việc. Ai cũng bị trễ, vì những giờ giấc từ lúc keng báo thức cho đến lúc keng tập họp đi làm, keng xuất trại đều đã được ban giám thị nghiên cứu tính sát nên ai cũng phải khẩn trương mới kịp.

Trong buồng, chỉ còn trút hết sự buồn giận vào anh nào đã không ngồi ngay ngắn để cả buồng bị phạt. Chưa hết, anh đó còn bị cả buồng sinh hoạt phê bình, sỉ vả trong tuần. Không những cá nhân anh đó mất điểm thi đua, mà cả toán, cả buồng đều bị giảm điểm thi đua. Chính vì thế cho nên ai cũng phải giữ nghiêm ngặt.

Trở lại chỗ tên Cẩn đang điếm. Khi tên Cẩn đi vòng ra tới cửa, một tay tên Tân đưa tập sổ điếm cho tên Cẩn, tay kia y nhận chiếc đèn bão do tên Cẩn đưa. Lúc tên Cẩn hý hoáy ký sổ đã điếm đủ người của buồng II là lúc tên Tân xách chiếc đèn bão và chùm chìa khóa vội vàng rào bước, chạy sang mở tiếp cửa buồng bên cạnh. Như vậy, điếm cả ba buồng cũng chỉ hết 6 – 7 phút là cùng.

Khi tên Cẩn ra khỏi cửa buồng cũng là lúc tù túa ra sân như kiến động tổ. Người cầm bát, người cầm rổ, người xách gầu. Anh nào đến phiên trực của mâm thì học tốc chạy xuống bếp lĩnh sáng về chia cho các anh em trong mâm. Thật là ồn ào, ngoài sân, trong nhà, người chạy đi, người chạy lại í ới gọi ngoài sân, chỗ thì chia ở góc hè. Đã được anh Lân nhắc khi nãy là lấy sẵn sáng ở mâm anh Đồng, vì vậy tôi theo Toàn lại một góc sân đặt rổ để lấy sẵn.

Tuy vừa qua một đêm ít ngủ, chật chội ngọt ngọt trong buồng, ra đến ngoài được thở hít bầu không khí trong lành của buổi ban mai; nhưng mùi sẵn luộc nồng lên, tỏa ngát khắp sân đã cuốn hút hết cả tâm hồn tôi. Nhìn những củ sẵn to nhỏ, trắng mát mắt xếp đầy một chiếc soong nhôm của mỗi mâm, nước chân răng tôi đã ướt đầm chỉ vì bụng tôi đã lép kẹp ngay từ tối hôm qua. Hơn nữa, từ lâu rồi cả ở trong Nam cho tới khi ra Bắc, cũng như dưới Hỏa Lò tôi chưa được ăn sẵn luộc. Trong khi chờ mâm cần, chia sẵn, tôi theo Toàn, vì Toàn có cái gầu gỗ con, chạy xuống phía giếng nước trước nhà bếp; cách buồng II chừng 50 -60 mét. Chiếc giếng thật rộng, đường kính đến 3 – 4 mét. Bờ giếng được xây cao hơn mặt đất khoảng 40 -50 phân. Giếng thật sâu, nhưng về mùa Đông nước nhiều nên chỉ cho gầu xuống 4 – 5 mét là tới rồi. Còn chiếc khăn mặt bằng miếng vải xoạc sé từ chiếc áo tù cũ ở dưới Hỏa Lò, tôi tranh thủ dùng nước để lau qua cái mặt. Nước lạnh buốt làm những ngón tay tôi cứng ra và đỏ lên.

Trời đã sáng dần, về hướng Đông, chìm sâu phía rừng già đã hồng đỏ lên một góc. Chắc hẳn mặt trời mùa Đông dậy muộn, sắp mò lên nhìn cảnh vật. Tôi vừa lau mặt, vừa nhìn mấy bụi chuối cạnh giếng. Lấn vào đám lá xanh có một bắp chuối con đã thò ra đỏ chót. Tôi đưa mắt nhìn quanh những tấm liếp bằng nửa đan dày vây quanh giếng, lòng nghĩ ngợi mông lung: nước buốt và lạnh thế này thì tắm làm sao? Nhưng Toàn đã ra khỏi giếng, quay lại giục tôi về ăn sẵn kéo sắp đến giờ tập họp đi làm.

Trở về đến chỗ mâm chia sẵn, thì chỉ còn cái rổ của tôi và chiếc rá rách của Toàn để chơ vơ giữa nền sân. Phần của tôi cũng như của Toàn mỗi người, lớn thì 2 đoạn, nhỏ thì 3 đoạn sẵn gồm chừng 2 lạng. Cầm rổ sẵn, tôi theo Toàn vào mé hè của hội trường ngồi ăn. Tuy củ sẵn có vài chỗ chạy máu đen xì hơi đắng, nhưng những chỗ còn tốt thì thật là tuyệt cú mèo; vừa bở, vừa ngọt lại vừa thơm. Miệng nhai, nhưng hồn tôi lửng lơ chảy ngược về những ngày xưa, lâu lắm rồi. Khi tôi còn nhỏ, thỉnh thoảng mẹ tôi đi chợ về mua cho mỗi đứa một đoạn sẵn luộc. Mấy anh em chúng tôi bẻ ra từng miếng nhỏ, rủ nhau mang chiếu ra mài góc bờ ao dưới bóng của cây mơ già. Mỗi lần, mỗi đứa chỉ được lấy ra một miếng để ăn. Thành ra nó vừa thòm thềm, vừa ngon, ngon hơn cơm, ngon như một món quà. Tôi lại nhớ đến một lần ở dưới Hỏa Lò ngoài trại chung. Một buổi chiều, mục Hoa và cô Vân riu rít, hí hửng đã đem 2 cái bánh mì để đổi lấy 2 củ sẵn mà một anh tù từ một trại trung ương phải về xử lại đem theo.

Đối với người ít khi được ăn sẵn luộc thì nó như một món quà lạ miệng, ngon ơ là ngon! Mới chỉ vài phút, suất sẵn của tôi đã sạch trơn. Trong khi tôi liếc Toàn và một số người khác thì họ vẫn còn ngồi nhai chậm chạp.

Tôi đang tính cầm rổ đứng dậy để vào buồng thì một bóng người cầm một chiếc đĩa nhôm đựng một suất sẵn tiến lại phía tôi và Toàn đang ngồi. Anh chừng 35 – 40 tuổi mà tôi đã biết anh cũng ở buồng số II với tôi. Anh mặc bộ quần áo nâu, tuy cũ nhưng không có miếng vá nào; khác biệt với đại đa số tù, thường mặc là loại vải màu xám xậm mà trại phát. Đặc biệt anh có đôi mắt lơ. Khi anh nhìn, tôi cứ tưởng như anh đang lim rim mơ màng. Cầm đĩa sẵn, anh hơi ngập ngừng nhìn tôi:

- Anh thích ăn sẵn lắm hả? Anh có ăn được nữa không?

Trời, sao lại hỏi lạ lùng như vậy. Tôi muốn nói là tôi còn thích hơn ăn cơm nữa ấy chứ! Nhưng tôi cũng hơi ngỡ ngàng và chưa hiểu hết ý của anh nên cũng ngập ngừng, chậm rãi:

- Nhưng đó là phần của anh!

Anh nhìn tôi vẫn đôi mắt lim rim, rồi đặt ngay đĩa sẵn vào cái rổ của tôi, nói kiểu coi pha cuộc đời:

- Tôi không ăn, anh thích thì cứ ăn. Tôi đã ăn sẵn quá nhiều rồi!

Giọng anh nặng nịch của miền Nghệ An. Anh nói rồi bỏ đĩa sẵn đấy đi luôn vào buồng. Tôi đang dẫn đo thì Toàn đã nói nhỏ:

- Anh cứ ăn đi, Lê Sơn đấy! Anh ta vẫn không thích ăn sẵn.

Tôi đang muốn hỏi "vậy anh ta ăn bằng cái gì" thì thoáng thấy tên cán bộ trực trại và tên Tân từ phía nhà trật tự bên cạnh nhà bếp, rảo bước đi lên, rồi vào buồng số II của chúng tôi. Mọi người ở sân, kể cả tôi và Toàn đều ngạc nhiên nhìn theo với những đôi mắt dè dặt, lấm lét. Mới mấy phút, tôi chưa kịp hỏi Toàn thì đã thấy một anh chừng 25 – 26 tuổi, da trắng trẻo, nét mặt đăm đăm ôm chẵn và chiếc chiếu từ trong buồng đi ra. Tên Cẩn theo sát phía sau, rùng rùng lắc chùm chìa khóa. Tôi chợt nhớ ra anh bạn này, người đã phát biểu "xin cảm ơn đảng cho song cơm đầy" bữa chiều, lúc chia cơm hôm qua.

Tôi đã dõi nhìn theo bóng chiếc áo vàng của tên cán bộ Cẩn và túm chăn chiếu đi trước y, về phía cuối nhà số III; chỗ có một căn nhà nhỏ làm thụt vào gần phía hàng rào cấm của trại. Tên Tân nhận chùm chìa khóa từ tay tên Cẩn chạy lên trước, đến căn nhà đó mở cửa. Tôi quay lại nhìn Toàn như hỏi han, thì Toàn chỉ khẽ nói:

- Nhà kỷ luật!

Tôi còn định hỏi Toàn tiếp là anh ta tên gì và bị bắt vào tù vì tội gì v.v... Nhưng tôi thoáng cảm thấy một vấn đề: tại sao, từ tối hôm qua, đến sáng hôm nay, ai đã báo cáo cho cán bộ đã vào đưa anh ta đi cùm? Giọng liên tưởng của óc tôi cứ trôi mãi: vì sao mà nhiều người chỉ lấm lét nhìn tôi mà không ai dám đến trò chuyện? Vì sao bên ngoài thì máy bay Mỹ bắn phá như thế. Trong Nam thì trận chiến đang khốc liệt, thế mà từ hôm qua đến nay không có một ai, kể cả Nguyễn Huy Lân, Phan Thanh Vân; không hề một ai tò mò nhắc đến? Hầu như mọi người chỉ nói chuyện sinh hoạt, ăn, ngủ và lao động?

Bao nhiêu vấn đề, trong cái không khí ngột ngạt, đầy đe dọa này. Trong cái mớ bòng bong cam lạng nhiều hố tối, rồi đây tôi sẽ phải tìm hiểu. Mới có hơn một ngày mà ngay cả tôi cũng đâm ra dè dặt với cả mọi người. Bao nhiêu những hiểu biết, bao nhiêu những cái tai nghe, mắt thấy. Mỗi người đang buộc chặt, cam nín, dè ép lại trong lòng. Còn một điều nữa càng làm cho tôi phải dè dặt, thận trọng. Buổi tối

hôm qua, lúc tôi đang nói chuyện với anh Lâm và Vân; ở mãi góc sàn trên phía đối diện, có một cậu còn rất trẻ, bộ mặt rất hiền lành. Tôi bắt gặp nhiều lần ánh mắt của cậu ta nhìn tôi: nửa như tò mò, nửa như thiện cảm. Sáng nay, trong lúc mọi người đang chạy ra, chạy vào lúc điểm xong, cậu ta đã đi sát vào người tôi nói nhỏ:

- Anh hãy coi chừng thằng Toàn!

Nói rồi, cậu ta đi luôn, để tôi cứ thỉnh thoảng phải để ý theo dõi cậu ta. Dù tôi chưa hề biết gì về cậu ta, ngay cả tên và tuổi.

Mãi nghĩ suy về cảnh đời tù, tôi cảm thấy cả sân và hội trường đã thưa vắng hẳn người. Tôi nhìn lại Toàn thì cậu ta cũng đã đi từ lúc nào. Vội vàng, tôi mang chiếc rổ chiếc đĩa nhôm của anh bạn Lê Sơn đi vào buồng. Thì cũng là lúc một hồi keng nữa, từng tiếng một lại rền vang trong sương sớm. Đã bước gần vào tới cửa buồng, tôi còn ngoái lại liếc lên chòi gác phía cổng trại. Trong căn chòi nhỏ, thấp thoáng một tên bộ đội vũ trang đang cầm chiếc búa con, giang thẳng cánh, thong thả đập vào cái vỏ quả bom 50 kg treo lủng lẳng trong chòi. Cũng là lúc từ các buồng, tù nhân túa ra ngoài sân như vỡ tổ kiến càng.

Trong khi mọi người đổ xô ra thì tôi lại chen vào. Nhét vội cái rổ và chiếc đĩa nhôm lên cái kệ phía đầu giường rồi chạy ra.

Buổi Lao Động Ban Đầu

Chỉ 2 phút sau, người đã ngồi xếp hàng kín cả sân trại. Mỗi toán được xếp hàng đôi và ngồi dọc theo chiều dài. Tôi lướt nhìn, đến gần một chục toán, họ ngồi im phăng phắc. Thoáng thấy Toàn, Vân, một số người quen mặt ngồi trong hàng và nhất là trông thấy Nguyễn Huy Lân đang đứng ở đầu toán, tôi bước đến người ở phía sau. Tôi nghiêng người khẽ hỏi một anh ngồi bên:

- Sao kèng tập họp đi làm sớm thế, bây giờ là mấy giờ?

Quay lại, anh nói rành mạch:

- 6 giờ rưỡi, kèng tập họp để 7 giờ thì xuất trại.

Tôi không hỏi anh nữa, nhưng trong lòng tôi đang nghĩ ngợi: 5 giờ báo thức. Như vậy, chỉ có 1 giờ 30 phút mà bao nhiêu là việc, chả trách ai cũng nhanh nhẩu, nhón nhác chạy như ma đuổi. Có nhiều con mắt nhìn về phía tôi, thậm chí nhiều người ngồi mãi hàng trên còn ngoái lại. Có thể vì tôi là người tù mới đến trại. Hơn nữa, tôi vẫn còn mặc chiếc quần tergal màu vàng và cái ruột áo bông còn tốt mà các cậu Phúc Thổ, Thọ Lột, Tiến Ga v.v... ở dưới Hỏa Lò đã trang bị cho. Loại quần áo này, làm khác hẳn với quần áo màu xám xịt, hoặc nâu đất của anh em toàn trại. Bên ngoài cổng, một lũ công an vũ trang mặc quần áo xanh lá cây, đeo súng dài cũng đang đứng xếp hàng đôi một loạt. Cạnh đấy, một lũ công an mặc áo vàng mà lúc này gọi là quần giáo, đang đứng tùm hùm phía trong cổng. Một lúc sau, có lẽ chúng trao đổi, hoặc nhận chỉ thị chung gì đó, mỗi tên tản ra đến gặp toán trưởng từng toán tù.

Nhìn Lân ôm một chồng sổ sách đang đứng báo cáo với một tên cán bộ ở phía góc sân; tôi dự đoán có lẽ y là cán bộ của toán 2, tức toán của tôi. Nhất là, thấy y cứ liếc nhìn về phía tôi, hẳn Lân đã báo cáo với y có tù mới nhập toán. Tuy rằng, là cán bộ y đã phải biết trước Nguyễn Huy Lân nhiều ngày. Y khoảng 4 chục tuổi, có cái đầu cắt ngắn kiểu Tăng Gô làm cho mặt y hơi chằng chằng, không có vẻ ác ôn, láu lỉnh.

Trời sớm, chợt sáng bừng lên. Lơ đãng, tôi đưa mắt nhìn về phía Đông, mặt trời đã ngoi lên khỏi rừng nửa đến 3 gang tay, làm cho màu đỏ nét chữ của khẩu hiệu: "Vì miền Nam ruột thịt, bộ đội đổ máu

nơi chiến trường, nhân dân đổ mồ hôi trên đồng ruộng” tươi rói lên, tương phản với cái nền màu trắng của tờ giấy dài, dán lên tấm phen nửa che giếng nước của trại. Tấm biểu ngữ ngay trước mặt như đập vào mắt những toán tù đang ngồi xếp hàng. Trời mùa Đông, nhưng hôm nay trong xanh. Một vài vạt mây trắng nằm trải dài trên những ngọn núi xa xa như đang cố muốn ngóc đầu lên, để nhìn xuống sân trại xem đám tù ra quân; xả thân lao động vì miền Nam ruột thịt.

Chừng 20 phút sau, tên Cẩn và một tên cán bộ vũ trang đeo lon thiếu úy. Mỗi tên tay cầm một cuốn sổ, tay cầm cây bút đứng sát hai bên phía cổng trại. Tên Cẩn bắt đầu gọi từng toán một. Mỗi toán khi gọi đến tên, đều đứng hết dậy, rồi theo hàng đôi tiến ra phía cổng. Khi toán ra hết khỏi cổng trại, toán trưởng của toán đó, đứng lại báo cáo to nhân số xuất trại của toán mình; nếu phù hợp đúng với số người mà 2 tên đang điểm; khi đó, ở bên ngoài cổng sẽ có hai tên vũ trang đã được phân công từ trước, tách ra khỏi hàng, đeo súng đi theo toán tù đó.

Toán 2 và 3 là hai toán làm việc trong khu thủ công ngay cách cổng trại chừng 150 mét, vì vậy thường được gọi sau cùng. Lúc toán 2 ra khỏi cổng trại, Lân, lão cán bộ áo vàng quần giáo và hai tên bộ đội vũ trang đi sát liền phía sau. Ra đến bên ngoài, tôi lại nhìn thấy con đường đất đỏ mà ngày hôm qua tên Y đã dẫn tôi vào đây. Nhìn chéo phía trái, cũng vẫn lá cờ máu đang ngơ ngác trên ngọn chiếc cột là một cây muồng to thật dài sơn trắng. Phía bên trong là một khu nhà, trong đó có một cái nhà khá to, tuy cũng vẫn là gỗ vụn nữa. Bên ngoài, phía trước có nhiều chậu cảnh và những luống hoa dài mà tôi đã đoán từ hôm qua, đó là nhà của giám thị và bọn cán bộ coi trại.

Ngay phía bên phải đường theo một đường mòn khoảng dăm chục thước là một chiếc cổng bằng gỗ để mộc đã mốc đen xì vì mưa nắng. Bên trên là một chiếc biển đề: “Khu thủ công”. Chiếc biển có lẽ đã mang nặng tuổi đời nên đã cong méo đi. Nét chữ đỏ nhiều chỗ sơn đã dột lên như gỗ mục lâu ngày đang mọc nấm mèo.

Khi toán 2 đã vào hết trong sân khu thủ công, vẫn phải đứng xếp hàng đôi ở giữa sân. Anh Lân toán trưởng đi từ đầu toán xuống đến cuối, miệng lẩm bẩm, mắt nhìn từng đôi một. Sau đó, anh quay lại, tiến đến đứng nghiêm trước hai tên vũ trang, từ nãy vẫn đứng chờ ngay phía cuối toán:

- Báo cáo cán bộ, toán 2 điểm số 49 người, đủ!

Hai tên cùng lạnh lùng gật đầu. Bấy giờ toán mới tản mác, mỗi người chạy về cầu bào chỗ làm của mình. Tôi đang nhìn theo tên quản giáo toán đi phía trước, Lân ôm chồng sổ sách quầy quả đi theo sau về phía một chiếc nhà con, đầu tôi chợt nghĩ: mới có từ trong trại ra đây chỉ hơn một 100 mét, thế mà đã phải điểm lại, báo số. Thật là một nguyên tắc giáo điều!

Vì chưa được phân bổ công việc, trong khi tên cán bộ toán và Lân chắc còn đang hội ý trao đổi hay báo gì đó trong căn nhà con. Hơn nữa, mỗi người mỗi việc chả ai nói gì đến tôi, cho nên tôi đi lang thang trong lán nhìn những cảnh lạ của cuộc đời mới lạ.

Một không khí lao động hùng hục, ai cũng luôn chân, luôn tay cưa, đục, đẽo; thấy tôi đi qua cầu bào chỗ họ đang làm. Thịnh thoảng mới có một anh ngẩng lên nhìn tôi, hơi mỉm cười như chào, rồi lại cúi xuống say mê vào với công việc. Thấy Toàn đang mẳm môi, gò lưng cưa một miếng gỗ dày, tôi rảo bước tiến lại. Toàn ngừng tay, ngẩng lên vừa hỏi tôi vừa thở:

- Anh Bình chưa được phân về tổ nào à?

Tôi tươi mặt trả lời Toàn là chưa và tôi định hỏi làm như thế này thì có mệt lắm không. Nhưng Toàn đã lại gò người xuống, chồm chồm cưa rọc như bổ củi. Thấy vậy, tôi khẽ gật đầu chào Toàn vì tôi đã liếc thấy Phan Thanh Vân đang dạng hếch chân ra trên cầu bào, tay cầm chiếc dùi đục to tướng, đang vẹo người nện lấy nện để vào cái đục ở trong tay kia. Một tay ngoáy đục, một tay anh nện liên hồi, tôi đến kề bên mà anh vẫn không thấy. Chờ một giây, tôi đành cao giọng, lên tiếng vì tiếng đục, tiếng cưa vẫn cứ chan chát:

- Làm gì mà ghê thế? Chắc Vân đã quên ngày cầm cày lướt gió rồi à?

Vân ngẩng lên, mặt đỏ gay, chắc anh đang mệt. Một mắt của anh ánh lên hơi cười rồi liếc nhanh một anh bào soàn soạt ở cầu bào bên cạnh. Anh cố lờ ý nói đùa của tôi mà chỉ hỏi:

- Trước đây anh đã biết tí gì về nghề mộc chưa?

Vẫn giọng đùa cợt, tôi hỏi lại Vân:

- Thế ngày xưa Vân có biết làm mộc không?

Vân hơi nhếch mép cười rồi lại gơ dùi lên tiếp tục nện. Tôi cảm thấy rằng nhiều người không dám nói chuyện trong khi lao động. Nghĩ vậy tôi rảo bước sang chiếc lán nhỏ, chỗ có lò rèn và mấy bác già đan lát. Tôi rẽ ra một lối đi nhỏ, rồi bước lên hè của căn lán lò rèn. Ở đó, tôi thấy một số bác già đang cúi xuống, mài mê đan những chiếc giành. Tôi khẽ lách chân để đi qua, nhưng mấy bác đã lục đục đứng cả dậy hơi cúi đầu lễ phép:

- Xin chào cán bộ ạ.

Tôi ngạc nhiên nhưng chợt hiểu. Chỉ vì chiếc quần tergal màu vàng của tôi. Hẳn rằng các bác đang cầm cúi làm việc, thấp thoáng thấy chiếc ống quần màu vàng, nên họ mới lằm như vậy. Tôi vừa đặt tay nhẹ vào một bàn tay nhăn nheo của một bác, vừa nói:

- Cháu cũng là tù đây mà bác!

Bác già hơi mở to mắt, rồi mấy bác cũng vừa cười vừa ngồi xuống, còn ngoái nhìn theo tôi mãi. Tôi thầm nghĩ: "thì ra cái màu vàng ở đây cũng có oai thực".

Những Ngày Đầu Trong Lán Thủ Công

Sau đó, tôi định bước vào chỗ mấy ống bễ, thì phía lán của toán 2 đang âm ầm những tiếng nói to như cãi nhau. Tôi vội vàng trở về lán vì cũng nhác thấy tên cán bộ toán và Lân đang từ trong buồng con đi ra và đang tiến về chỗ đám cãi nhau.

Một đám đông, độ mười mấy người trong đó có cả Phan Thanh Vân, Bùi Tâm Đồng cạnh chỗ một đồng to vỏ bào ở góc sân. Có hai người đang đồ mặt tía tai giằng co mấy tấm ván gỗ. Khi tên cán bộ đến, thì hai anh này đều bỏ tấm ván xuống rồi tranh nhau báo cáo. Tên cán bộ mặt đanh lại, chỉ vào người có dáng mảnh khảnh (sau này tôi mới biết tên anh là Châu), cho báo cáo trước. Anh Châu, tuy đã tỏ ra lễ phép nhưng vẫn còn toát ra nỗi uất giận trong giọng báo cáo:

- Báo cáo cán bộ, những tấm ván này, mấy hôm trước anh Lân toán trưởng đã phân về cho tổ chúng tôi. Chúng tôi chưa kịp lấy về thì tổ anh Vân hôm nay đã cho người ra khuôn về.

Anh kia, người lùn tịt, hẳn là ở tổ Vân, cũng hấp tấp báo cáo:

- Thưa ông cán bộ, anh Châu đã nói không đúng, những tấm ván này, ngay từ tuần trước, tổ chúng tôi đã mất thời gian chọn lựa từ trong đồng gỗ ra. Chúng tôi đã sắp xếp chuẩn bị từng khâu theo kế hoạch lao động của tổ chúng tôi.

Tên cán bộ nhăn mặt lại, dõng dạc giọng miền Nam:

- Bây giờ, không được ai dùng những tấm ván này. Tất cả hãy về chỗ, không được lãng phí thời gian trong lúc lao động.

Mọi người đều dẫn ra, đâu trở về đấy, không còn một tiếng ho hay hắng dặng. Nhìn và nghe cảnh này, tôi cũng chịu. Có lẽ tôi không hay chưa hiểu nỗi vì sao. Tôi đang định chuồn ra phía sau để tránh mặt tên cán bộ thì Lân đã trông thấy. Nhìn tôi, Lân cao giọng:

- Anh Bình lên cho cán bộ gặp!

Tên cán bộ liếc nhìn tôi như ý bảo theo y, rồi quay lưng lại đi về phía căn nhà con. Tôi lặng lẽ, chậm chạp đi theo phía sau y. Khi tới cửa, tôi ngừng lại, thì y đã chỉ chiếc ghế đầu trước bàn của y rồi nhìn tôi nhẹ nhàng:

- Anh vào ngồi đây!

Y cúi xuống, lật qua mấy tờ ở tập sổ hay hồ sơ ở trước mặt, đoạn ngẩng lên nhìn tôi, thông thả:

- Anh tên gì?

- Dạ thưa, Đặng Chí Bình.

Y lại nhìn xuống cuốn sổ. Tôi liếc nhìn toàn bộ trong chiếc phòng con. Trong góc chỉ có một chiếc tủ con bằng gỗ mộc, một cánh khép hờ. Trên mặt tủ, một cành hoa giấy màu vàng nhạt, chắc vì lâu ngày nên đã xỉn lại. Bên cạnh là một chiếc lọ mực Waterman cũ kỹ không có nắp. Trên vách, phía sau lưng y, tấm hình tên Hồ già dán vào vách nửa. Đôi mắt lão lờ đờ vàng kệch vì tấm tranh đã sờn mép. Bên dưới có khẩu hiệu viết tay: "Hồ chủ tịch muôn năm", nét chữ còn mới, rất mềm. Nhất là hai bông hồng hai bên vẽ thật tươi, đầy sinh động, nhìn như hoa thật. Tôi cứ lơ đãng nhìn hai đóa hồng, trong lòng thầm ca ngợi người họa sĩ thì y lại hỏi:

- Trước đây, anh có biết tí gì về nghề mộc không?

Câu hỏi giống hệt anh chàng Phan Thanh Vân, tôi vội trả lời:

- Thưa, tôi không biết!

- Anh có nghề gì?

Tôi vừa lắc đầu, vừa nói "không". Y hơi cau mày, hỏi tiếp?

- Vậy trước đây ở miền Nam, anh làm nghề gì?

Tôi định nói, tôi biết làm nghề thợ vàng, nhưng tôi trả lời:

- Trong Nam, tôi chỉ đi học!

Mặt y có vẻ hơi dịu lại. Chiếc môi xam xám của y hơi rung rung. Nhìn tôi có vẻ nhẹ nhàng, tay y gập tập sổ lại, nói với một giọng mà tôi cảm thấy chân thành:

- Hiện nay ban giám thị chiếu cố cho anh hưởng 15 kg chất bột một tháng. Anh phải ra sức tích cực cải tạo lao động, nghiêm chỉnh chấp

hành mọi điều khoản nội quy trại đã đề ra; ra sức phấn đấu trong lao động và học tập tiến bộ. Bây giờ anh xuống gặp anh Lân, toán trưởng đưa anh về tổ anh Quý.

Qua dáng dấp, cách nói, cách nhìn của y, tôi cứ cảm thấy y tương đối có tấm lòng thẳng thắn, bộc trực của người miền Nam. Cho nên tôi cũng nhìn lại y bằng ánh mắt dịu dàng tình người trước khi chào y và đi xuống lán.

Vừa xuống đến lán, anh Lân từ một cầu bèo phía đầu lán đã đi lại phía tôi. Sau khi tôi nói với anh là cán bộ phân công tôi về tổ anh Quý, nhưng anh tỏ vẻ như đã biết rồi. Anh vẫy tay tôi đi theo vào một căn nhà xép làm nối liền với lán về phía sau. Đi qua một cái giậu gỗ thấp, vừa bước lên mấy bậc thềm tôi đã thấy anh Lê Sơn, người đã cho tôi suất sẵn sàng hôm nay; chiếc đĩa nhôm của anh tôi vẫn còn giữ. Anh đang cúi khòm người xuống nền đất viết, kẻ một khẩu hiệu lên một miếng bìa màu trắng vừa to, vừa dài. Đây đó những hộp sơn, những bút vẽ để bừa bãi. Chung quanh vách, trên bàn còn treo nhiều băng khẩu hiệu vẫn còn tươi màu mực, chắc là đang để cho khô.

Lán phụ này tuy có hai gian, nhưng chỉ thấy có hai người làm việc. Anh Lân vào gặp một anh phía trong cũng đang cúi húi quét sơn, hay dầu bóng vào một cái đầu giường còn mới nốt bèo. Thấy Lân đến, anh đó đã đứng lên, tôi hơi ngạc nhiên vì anh chỉ có một tay. Anh Lân chỉ tay về phía tôi, quay nói với anh đó vẻ đầy thân tình:

- Bình nó về tổ Quý đấy nhé!

Từ nãy tới giờ, tôi đang băn khoăn; sao tự nhiên hôm nay Lân đối với tôi có vẻ vồn vã, thân tình hơn thì Lân đã hạ thấp giọng làm tôi đã hơi hiểu:

- Như vậy là Bình cũng ở trong Nam ra à?

Nghe thấy thế, Lê Sơn và Quý đều liếc nhìn lại phía tôi, Lân vẫn vừa cười, vừa nói tiếp:

- Thấy cậu ăn mặc chỉnh tề, tưởng cậu là cán bộ hay sinh viên du học bị bắt chứ, ai ngờ!

Trong khi nói thế, mắt anh ta vẫn cứ nhìn trân trân vào chỗ hàm dưới thiếu mấy cái răng cửa của tôi. Lê Sơn, từ lúc tôi vào vẫn cặm cụi

tô vẽ, bây giờ đứng hẳn lên niềm nở, vẫn giọng Nghệ An nặng chình chịch:

- Hay quá, đang bù đầu, vào đây làm với anh em mình cho vui.

Khi Lân đã quay ra, trở xuống lán mộc thì anh Quý nhìn tôi nói nhỏ nhẹ, tuy cũng giọng miền Trung:

- Bình được vào tổ này là hay đấy! Đây là tổ vernie chỉ có tôi và Lê Sơn. Khi nào công việc nhiều thì mới gọi thêm người phụ, bình thường chỉ có hai người, nên vẫn nghệ lắm; không rắc rối, sinh hoạt như những tổ khác.

Nhìn thoáng qua công việc làm, tuy không phải năng khiếu của tôi, nhưng tôi cũng cảm thấy thích thú hơn là đi học mộc. Hơn nữa, thấy hai người tính tình cởi mở, gần gũi đã làm giảm hẳn nỗi nặng nề, lằng lo trong lòng tôi lúc mới bước chân vào khu thủ công này; cho nên tôi cũng tỏ sự chân thành:

- Những việc này tôi chưa hề biết làm, mong các anh chỉ dẫn dần dần cho.

Lê Sơn chỉ bức khẩu hiệu đang kẻ dở dưới sàn hỏi tôi:

- Những chữ này chắc anh kẻ, viết thừa sức?

Tôi đang nhìn chăm chú một cành hồng tươi roi rói, còn thắm au lên màu mực mới. Những chiếc lá uốn éo, mềm mại tự nhiên, những cánh hoa lá lướt lung linh làm tôi cảm thấy như có làn hương ngan ngát, thoang thoảng của một cành hồng nở rộ đón Xuân sớm. Cho nên khi nghe câu anh hỏi, tôi chỉ lắc đầu và hỏi lại anh một cách trầm trở:

- Thế hai đóa hồng trên buồng ông cán bộ cũng do anh vẽ đó ư?

Anh cười hềnh hếch, đôi mắt lơ đãng của anh càng nhắm tít lại. Luồn trong giọng trả lời của anh có nét tự kiêu:

- Ông ta muốn thì tôi phải chiều. Tôi chỉ phóng tay mười phút, thế mà cũng được hai đóa Điện Biên đấy!

Chắc để hưởng ứng cái tài của Lê Sơn, anh Quý cũng tiến lại vừa cười, vừa nói:

- Lê Sơn có tài hai tay vẽ như một. Hầu hết những ngày lễ, Tết của trại cũng như của ban giám thị, bao nhiêu khẩu hiệu cũng đều do Lê Sơn vẽ cả. Thậm chí, những trang trí phòng ốc để đón các phái đoàn quan khách cũng đều phải gọi đến Lê Sơn. Ngay ở ngoài trại chính, khi có việc cũng cử cán bộ vào gọi Lê Sơn.

Tôi nhìn Lê Sơn bằng đôi mắt ngưỡng mộ, sốt sắng hỏi anh:

- Ngoài những cánh hồng tươi thắm, nổi bật như thật là biệt tài của anh; anh có vẽ được những loại hoa khác hoặc như chim, bướm v.v...?

Anh gật gật đầu, mắt anh càng như nhắm lại, sôi nổi trả lời tôi:

- Tôi không phải là họa sĩ, nhưng nhiều thứ tôi làm được.

Nói rồi, anh liếc nhìn về Quý, lúc này đã lại cặm cụi vào chiếc đầu giường cách xa 4 – 5 mét; anh quay lại hạ thấp giọng chỉ đủ mình tôi nghe:

- Ở trong này, chúng nó bóc lột mình đến xương tủy, tội gì mà đưa máu cho chúng nó hút!

Tôi ngẩn người ra nhìn, nghe anh ta nói. Tôi chưa hiểu gì về anh và anh cũng chưa hiểu gì về tôi; thế mà anh phát biểu một câu động trời như vậy, tôi chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Nhưng xem ý anh ta cũng chẳng quan tâm, để ý xem thái độ của tôi khi nghe anh nói thế, ra sao. Tôi ngồi sát lại bên anh, chỉ bằng khẩu hiệu anh đang kẻ, nói nhẹ nhàng:

- Tôi không có khả năng kẻ chữ như anh, nhưng để tô những nét anh kẻ rồi thì tôi làm được.

Mỉm cười, tôi nói tiếp như đùa:

- Tôi không có khả năng sáng tạo, nhưng lại có khả năng mô phỏng. Nghĩa là anh cứ chỉ dẫn, tôi sẽ làm được theo ý anh.

Nói rồi, tôi lựa một cái bút vẽ, cũng gò người cặm cụi tô những chữ anh đã kẻ. Như vậy cũng có thể thay được cái thời gian mà anh phải tô, để bắt đầu kẻ khẩu hiệu khác. Vừa làm vừa chuyện trò, chỉ có hai người nên cũng thoải mái. Hơn nữa, công việc này cũng ít nhiều là

nghệ thuật nên không bị thúc ép mấy. Chính những lúc chuyện trò, trao đổi này, sơ lược tôi được biết về anh:

Anh là thiếu úy, làm quân báo hơn một năm, rồi về làm cận vệ cho ông Hồ Tùng Mậu. Anh đã theo ông Mậu đi khắp nơi trong những nẻo núi rừng Việt Bắc trong cuộc chiến tranh trường kỳ chống Pháp. Thậm chí anh đã lặn lội 2 – 3 lần theo ông Mậu sang Trung Quốc. Nhưng sau, phần vì cá tính của anh trực, thẳng thắn xen lẫn ý ngông cuồng. Phần khác, anh đã lập được nhiều công trạng với khả năng của anh, nhưng anh đã không được đền đáp xứng đáng. Trong khi nhiều kẻ không có tài, chỉ biết cách luồn cúi, nịnh bợ thì lại nhảy lên vùn vụt trên đường hoạn lộ. Chính vì anh mang sẵn trong lòng sự bất mãn đến cuối cùng anh bị bắt vào tù với cái tội “phát ngôn bừa bãi” và “chênh mảng nhiệm vụ được giao”. Bắt anh là lệnh tập trung 3 năm. Nhưng hiện nay anh đã sang lệnh thứ 4, nghĩa là đã 11 năm rồi.

Mãi mê làm việc, và cũng mãi mê trao đổi nghe chuyện của anh thì một hồi keng, dòn vang lên từ phía cổng trại làm tôi ngơ ngác nhìn Lê Sơn. Anh đã từ trong góc nhà, chỗ gần chiếc bàn có chõng bìa để kê khẩu hiệu đi ra, miệng rối rít giục:

- Bình xếp gọn sơ các thứ lại cho gọn ghẽ còn ra tập hợp điểm số, 11 giờ rồi!

Tôi liếc nhìn ra lán mộc. Cả một bản đại hòa tấu các loại âm thanh hỗn độn lúc này đã ngưng bật. Mọi người đang lục đục xếp gọn dụng cụ. Khi chúng tôi xuống đến lán mộc thì toán 2 và 3 đã xếp hàng đầy ở sân rồi. Anh Lân đang điểm người toán 2, quay lại nhìn chúng tôi đang chạy ra. Chắc rằng anh đã thấy đủ số, nên tiến đến chỗ 2 tên bộ đội vũ trang đang đeo súng đứng gần đấy. Anh Lân lại phải đứng nghiêm chân, thẳng người báo cáo con số.

Toán nào về đến cổng trại đều phải đứng lại. Trước khi toán vào trại, tên trật tự Phạm Huy Tân và tên Cận trực trại đến đầu toán. Lăn lượt từng anh một, giơ hai tay thẳng lên đầu. Tên Tân dùng hai tay vuốt hai bên nách; vuốt lưng, bụng, hai chân từ háng trở xuống trước sự chứng kiến của tên trực trại Cận. Những ngày sau tôi đã hiểu rõ: nội quy cấm đưa vào trại mọi loại kim khí, mọi thức ăn (rau, sắn, gạo v.v...) củi, đóm, trà. Nếu trật tự khám thấy ở trong người anh nào thì anh đó phải đứng ra một bên phía trong cổng trại, chờ cán bộ sẽ xử lý kỷ luật. Nhẹ nhất là mấy chiếc đóm nửa để hút thuốc lào. Hoặc một

mẫu sẵn con, hay nắm rau đại lộc. Anh đó cũng bị đứng giam trờ trờ ra ở công trại. Ráng chịu rét về mùa Đông; nắng cháy về mùa Hè hàng nửa giờ, có khi hàng giờ. Trong khi cơm nước không có ai đi lấy cho, tới khi được tha thì cơm đã nguội. Phải ăn hộc tốc, vội vàng để còn kịp giờ lại phải đi lao động. Thôi thì phải chịu nhiều thứ khó khăn sau đó. Chưa nói đến tối hay cuối tuần còn bị tổ, toán nạo cho mềm người.

Tên trật tự Tân, phần vì phải tích cực làm tròn hết mình nhiệm vụ được giao. Càng tìm khám ra được các thứ vi phạm nội quy thì càng có thể, được lòng tin của giám thị và cán bộ. Phần khác, nếu trật tự thông cảm hay tốt với người quen chẳng hạn. Thí dụ: sờ bụng anh đó thấy gói trà, lờ đi để anh đó mang được trà vào trại. Buổi tối hay Chủ Nhật, họ sẽ lén lút, vụng trộm đun nấu trà để uống (nội quy cấm tuyệt đối không được đun nấu trong trại, trừ nhà bếp). Uống trà, nấu thì phải có khói nên những tên joóc (antene) sẽ báo cáo, hoặc chính cán bộ rình bắt được. Lúc đó, khuyết điểm của tên trật tự sẽ lòi ra. Bởi vậy, để không phải lo hậu họa, tên Tân chẳng để qua cho một ai. Khi đến lượt tôi phải giơ tay lên cho tên Tân vượt người. Một nỗi sợ sùng, nhục nhã cứ rỉ ngấm dần vào để lòng se sắt ngậm ngùi cho một kiếp tù.

Sau khi tên Tân khám xét xong, bấy giờ tên Căn mới lùi về phía công trại thì anh Lân tiến lên đứng nghiêm trước mặt y rồi hô ta, đồng dặc:

- Toán 2 xuất trại 49. Nhập trại 49, đủ. Xin cán bộ cho nhập trại.

Tiền Âm Phủ

Thời gian ăn, ngủ, lao động luôn luôn có hạn khít khao. Vì thế khi toán 2 bắt đầu nhập trại; những anh đi hàng đầu, đôi nào vào đến bên trong cổng trại là đã vội vã chạy về buồng. Người nào đến phiên trực của mâm thì chạy rẽ ngay vào nhà bếp để lĩnh cơm, canh. Khi xếp hàng ở bếp chờ lĩnh được rồi, hai tay bê song canh hay cơm chạy hộc tốc về ngay buồng. Tìm đến chỗ vẫn chia cơm, canh của mâm đặt xuống, rồi lại hấp tấp chạy về buồng mình lôi bát đĩa của mình ra. Người nào trực mâm thì cũng giữ cân của mâm. Hai người lúi húi chia cơm và canh. Những anh không phải ngày trực mâm thì cũng chả được nhàn rồi. Sau khi đặt bát lấy cơm, canh cũng tất bật chạy xuống giếng múc gầu nước về để khi ăn xong rửa bát. Vả lại cũng cần lo toan mọi việc cho nhanh chóng để còn về đứng chứng kiến người chia cơm canh thì mới yên lòng. Trong hoàn cảnh đói khổ, thiếu thốn thế này thì chẳng ai tin được ai.

Tôi chạy vội về buồng lấy chiếc rổ và chiếc rá cơm để ra lấy cơm, canh. Nhìn thấy chiếc đĩa nhôm của Lê Sơn, liếc lên sàn trên, thấy Lê Sơn đang lúi húi lấy đồ trên cái kệ. Tôi giơ cao cái đĩa gọi với lên:

- Anh Sơn! Tôi gửi lại anh cái đĩa để anh lấy cơm.

Chắc đang bận lục tìm cái gì, quay lại anh chỉ nói ngắn ngủn:

- Anh cứ dùng đi, tôi có rồi!

Không đủ thời gian để trả lời anh, tôi lập cập mang cái đĩa lẫn rổ ra chỗ chia cơm, canh. Chỗ cơm cũng như chỗ canh, mọi người đã đặt đủ bát đĩa rồi, chỉ còn thiếu một mình tôi. Nhiều người quay lại có vẻ sốt ruột. Một anh cầm chiếc đĩa cả bằng nửa, đang đảo sừng sục song cơm ngô, quay lại nhìn tôi:

- Sao chậm thế! Mọi người đang chờ mỗi mình anh.

Mặt anh còn rất trẻ, trắng trẻo mà nói tiếng kinh lại không rõ. Thấy tôi còn vẻ ngơ ngác chưa quen. Anh Đồng đã cầm chiếc rá lót ny lông của Toàn đưa hôm qua ở tay tôi. Anh đưa đến đặt ở chỗ chia canh, rồi kéo tôi lại chỗ chia cơm, chỉ anh trắng trẻo đang đảo cơm:

- Đây là anh Lù Chấn Páng. Hôm nay anh Páng và anh Yên trực mâm, Thành Xuân Yên.

Anh vừa nói vừa chỉ lại chỗ một anh chừng 40 tuổi đang cặm cùi chia canh. Một cậu đứng bên cạnh tôi, chỉ vào con số 10 ghi ở soong cơm thắc mắt:

- Sao, mâm 5 của mình hôm nay lại chỉ có 10 suất?

Anh Páng vẫn đang đảo cơm, ngừng mặt lên:

- Anh Khải đi kỷ luật sáng nay, quên à?

Tôi cứ bần khoăn, tại sao Páng cứ ngồi đảo cơm mãi, để cơm nguội hết. Tôi hỏi anh Đồng thì anh đã giải thích: việc này đã trở thành thông lệ của mọi năm rồi. Cơm cân, vì vậy phải đảo trên dưới cho đều, không còn để văng, tảng. Cơm văng và bên dưới, ướm sẽ nặng cân. Trước đây đã xảy ra nhiều chuyện chửi bới thậm chí đấm, đá nhau chỉ vì cơm ướm, cơm khô. Cho nên bây giờ năm nào cũng vậy, trước khi cân đều phải đảo lộn, đánh cơm tơi ra.

Tôi đang nhìn mười chiếc gồm: rổ, rá, đĩa, bát đủ kiểu, đủ màu đặt lộn xộn một đám giữa sân thì anh Páng đảo soong cơm đã rời đều. Anh chọn lấy một chiếc bát trắng men to màu xanh thẫm trong đám lộn xộn rổ, rá này. Chiếc bát thứt theo, nhiều chỗ sét rỉ đã đen sì như mụn ghẻ đang làm vảy. Hẳn nó ra đời đã lâu ngày và đã vật lộn nhiều với cuộc sống lam lũ với bao lần thất cơ, lỡ vận. Quay lại, anh với chiếc túi vải xanh kiểu dân tộc Mèo để bên cạnh. Chiếc túi đã đụp vá bằng 2 -3 miếng vải vừa nâu vừa đen; chắc đã lâu ngày không giặt, đầy cáu ghét. Anh lấy trong túi ra một cái bát sành con để xúc cơm ở soong vào chiếc bát xanh lớn chừng 2 bát cơm con ở gia đình. Anh khẽ đặt vào một chiếc cân mà một anh trong mâm đang giơ ra chờ. Tù theo chiếc cán cân, bỗng lên hay hạ xuống. Anh rút trong túi áo bông ra một chiếc cùi đĩa con bằng nhôm. Cẩn thận, anh lấy ra hay cho vào chỉ từ mười hạt cơm đến nửa thìa là chiếc cán cân đã ngang bằng trước sự chấp nhận của gần mười cặp mắt đang nhìn chăm chăm. Xong rồi, anh cầm chiếc bát xanh to đổ vào một cái rổ, rồi lại tiếp tục cân suất thứ hai.

Trông anh "thao tác" nhẹ nhàng, nhuần nhuyễn; hầu như mỗi lần xúc cơm, anh ước lượng, ướm thử bằng mắt, nên nhiều lần cân không phải lấy cơm ra hay cho thêm vào. Thật là tài, có thể do lâu ngày, cái tay xúc, cái mắt nhìn đã thành quen. Tôi đang đứng coi anh Páng cân

được 5 -6 suất thì Toàn từ dưới giếng xách gầu nước về đặt vào một góc sân, rồi đến kéo tay tôi lại chỗ chia canh.

Bây giờ tôi mới để ý. Canh gì sền xệt có màu trắng xám xám; mãi đến khi anh Yên dùng cùi dĩa bửa những cục to ra làm đôi, ba miếng tôi mới hiểu là sắn. Anh nhẹ nhàng xúc những cục sắn nấu chưa tan bỏ đều vào các bát, các rổ. Nếu cục nào to thì anh lại xắn bớt ra chuyển cho phần khác. Khi những cục sắn đã chia tương đối đều thành 10 suất, anh mới lấy, cũng một chiếc bát sành con múc cái nước sền xệt đổ vào từng suất cho đều. Khi đã làm hết lượt, còn một ít nào trong song, anh lại lấy một chiếc muổng nhôm múc thêm cho suất này, suất kia điều chỉnh cho đều tùy theo mắt anh quyết định. Đôi khi lại theo ý những người đang đứng theo dõi. Người bảo đổ thêm cho suất này, người bảo đổ thêm cho suất kia.

Thực ra điều này do tâm lý người đứng nhìn. Chỉ thấy bát mình ít hơn bát người khác, nên cứ chỉ chỏ lộn xộn. Cho nên, từ lâu đã nghiêm nhiên trở thành một nguyên tắc là không ai được chỉ hay nói. Hãy để tùy quyết định của người chia, vì ngày khác, đến lượt mình chia cũng được hưởng quyền đó.

Khi cầm cái rá đựng canh của tôi lên, thấy ướt nhèm. Nhìn xuống chỗ để chiếc rá, đất khoang ra một chỗ hầy còn ướt nguyên. Như vậy, miếng ny lông của Toàn lót hôm qua quá cũ nên đã bị rò. Tay còn đang cầm cái đĩa của Lê Sơn, tôi trút vội canh sang chiếc đĩa nhôm. Để chiếc đĩa nhôm chõng lên cái rá; đến lấy rổ cơm rồi theo Toàn vào hội trường.

Buổi trưa, trời còn sáng. Trong hội trường lại có nhiều bàn ghế vì nó vừa là nhà ăn, lại cũng vừa là hội trường dùng cho khi học tập hay khi ban giám thị nói chuyện. Lúc này người ta vào ngồi ăn kín cả hội trường. Dù tôi đang thích ăn sắn, vậy mà canh sắn lại đắng đắng do những củ sắn đã chạy máu, hơn nữa chỉ nấu với muối thành một thứ sền sệt, nên nhai với cơm ngô mãi không nuốt được. Tuy vậy, vì bụng đói nên cũng nuốt nhanh.

Ngồi nhai cơm, thoáng nhìn thấy Phan Thanh Vân và Lân ngồi cách hai ba bàn. Tôi và Vân đều gật đầu cười khi mắt gặp nhau. Nhìn thấy bát cơm của Vân hơn hẳn suất sắn của tôi với Toàn. Tôi ngạc nhiên hỏi Toàn mới hiểu được khái niệm: Toán hai có năm mâm, trong đó một mâm đặc biệt ăn 18 kg, ba mâm ăn 15 kg mà mâm chúng tôi là

một. Ngoài ra còn một mâm ăn 13 kg, những người bị đi kỷ luật ăn 9kg thì không kể. Mâm ăn 18 kg là những người lao động khỏe, có năng suất, vượt chỉ tiêu lao động của trại. Hơn nữa, họ còn phải là những người cải tạo tiến bộ, không hề vi phạm nội qui của trại. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm họ thường được bình bầu là những cá nhân xuất sắc của trại.

Mâm ăn 15 kg là những người lao động chỉ đạt chỉ tiêu. Tuy có người trong nhóm này làm vượt chỉ tiêu, lao động tích cực nhưng có thể vì khâu tư tưởng, hoặc tỏ ra không năng nổ, tích cực làm gương cho những phạm nhân khác v.v... nên họ vẫn ăn ở mức 15 kg. Mâm 13 kg là những người không đạt chỉ tiêu lao động, hay phạm nội qui hoặc hay đau yếu v.v... Toàn nhấn mạnh:

- Em vừa nói là nhìn cái chung như thế. Nguyên tắc là vậy nhưng trong thực tế cũng có đây rầy những điều khó kiếu. Có nhiều người đang ăn ở mức thấp, lại nhảy lên mức cao hay ngược lại. Cũng có người lao động rất khỏe mà không bao giờ được ăn 18 kg. Nhiều vấn đề trong toán, không ai hiểu được lý do.

Nghe Toàn nói như thế, làm tôi chợt nhớ tới Lê Sơn, nên hỏi Toàn:

- Thế Lê Sơn ăn mức bao nhiêu?

Nuốt hết miếng cơm, Toàn chậm rãi:

- Lê Sơn thì hết nói. Chẳng ai kể được với anh ta. Hứng thì làm, không hứng thì ì ra, chỉ làm phất phơ. Đi kỷ luật xoành xoạch ấy. Ngang bướng, cứng cổ với cán bộ lại hay phạm nội qui nhưng anh ta có nhiều tài. Vì vậy ban giám thị cứ phải cần đến anh ta luôn. Có lúc ban giám thị cứ phải lờ khuyết điểm của anh ta đi, chỉ khi nào quá lắm mới đưa anh ta đi kỷ luật. Năm ngoái, anh ta còn dám làm tiền giả của trại nữa. Anh ta làm tinh vi đến nỗi nếu không có người tố cáo thì không ai phát hiện được.

Tôi hơi ngạc nhiên khi nghe Toàn nói đến tiền trại. Chắc Toàn cũng hiểu rằng tôi chưa hề nhìn thấy loại tiền đó bao giờ, nên anh ta thò tay vào ngực lấy ở túi áo trong ra một miếng bìa giơ cho tôi: đây là một đồng này. Loại lớn nhất là năm đồng, sau đó là hai đồng, một đồng, 50 xu, 20 xu, 10 xu, 5 xu. Loại nhỏ nhất là 5 xu. Loại tiền 5 đồng to nhất, tờ bìa lớn gấp rưỡi tờ 1 đồng này. Rồi cứ nhỏ dần cho tới

đồng 5 xu. Đồng 5 xu thì một bề 2 phân, một bề 2 phân rưỡi. Thấy tôi bần thần ra dáng chưa hiểu thì Toàn nói tiếp như giải thích:

- Những tiền này chỉ lưu hành trong trại tù trung ương số 1 Lào Cai bao gồm 5 phân trại mà thôi và trao đổi giữa tù và tù. Đôi khi tiền dùng để nhờ cán bộ mua hàng. Cũng có khi ban giám thị thông báo bán thuốc Lào, kẹo, đường. Vì trại có mía, nên lâu lâu ba bốn tháng lại bán mía hay mật.

Trong trại, anh em thường gọi tiền này là tiền âm phủ vì ra ngoài xã hội không tiêu được. Cầm miếng bìa một đồng, tôi nhìn mãi. Tuy đơn giản nhưng với điều kiện hiện nay ở trong trại E mà làm được giả thì cũng chỉ có được một hai người.

Một miếng bìa mỏng màu xám nhạt hình chữ nhật, một bề khoảng ba phân rưỡi, một bề năm phân. Một khung như con dấu này có một đường bờ rộng hai ly. Cái khung giữa miếng bìa, phải trên có chữ "một đồng". Hai bên, phía dưới, một bên chữ "ban giám thị", (có chữ ký). Một bên có chữ "C/B tài chính" (có chữ ký). Toàn bộ tờ giấy bạc đều in bằng mực màu xanh cánh trà. Triện mộc của ban giám thị trại cải tạo trung ương số một đóng $\frac{1}{2}$ vào một góc của tờ bìa.

Sau khi rửa đĩa, rồi xong với Toàn, tôi cố đưa mắt tìm anh Lê Sơn để trả lại cho anh chiếc đĩa và cảm ơn anh đã cho tôi sẵn. Lúc này, nhà ăn đã thưa người vì thế tôi đã nhìn ngay thấy anh còn ngồi ở một bàn cuối. Anh đang nói chuyện với một anh tôi đã quen mặt. Phải rồi! Anh này là Lý A Chén, hôm qua cùng với anh Sín Cà ốm bệnh ở trong buồng mà tôi đã gặp. Anh ta là người dân tộc, chả hiểu là dân tộc gì? Lê Sơn tươi nét mặt khi thấy tôi đến. Đặt cái đĩa lên bàn, tôi nói trong niềm hoan hỷ ân tình:

- Anh đã thông cảm những khó khăn của buổi ban đầu, xin gửi lại anh cái đĩa.

Sơn vừa dịch người lại để chỗ cho tôi ngồi xuống chiếc ghế dài, vừa nói giọng người lính:

- Anh cứ giữ mà dùng, ở đây dần dần rồi sẽ có đủ. Để ý làm gì những cái vật ấy!

Rồi anh chỉ người cùng bàn đối diện, quay lại tôi, cười giới thiệu:

- Đây là Lý A Chén, tự giác của toán mình đấy!

Tôi cũng cười, nói là đã biết anh Chén từ hôm qua rồi, chỉ không ngờ anh lại là tự giác của toán thôi. Qua buổi nói chuyện này, tôi hiểu thêm được một số vấn đề mới. Như vậy, mỗi toán có một người tự giác, người mà có thể ra vào trại đi lao động, không cần phải có cán bộ đi coi. Anh tự giác này, tất nhiên đã được thử thách lâu ngày về nhiều mặt. Anh có trách nhiệm phải chạy lo nhiều khâu ở bên ngoài cho toán như: nguyên vật liệu, dụng cụ hoặc trông nom, bảo quản tài sản v.v... của toán ở bên ngoài trại. So với toán trưởng, trật tự thì quyền hạn và nhiệm vụ khác nhau.

Trong trại, thì trật tự là nhất. Ra chỗ lao động thì do toán trưởng điều hành toán. Nhưng trật tự và toán trưởng không thể ra vào trại mà không có cán bộ dẫn giải. Vì thế, trật tự và toán trưởng vẫn phải thân mật, hầu với tự giác. Chính do thành phần tự giác này là đầu mối móc ngoặc, mua bán, đổi chác thềm lén với các phân trại khác và đôi khi cả với người dân của những bản làng trong khu vực. Cũng qua Lê Sơn và anh Chén trong gần một giờ ở buổi trưa này tôi đã nắm vững được giờ giấc sinh hoạt của trại:

Sáng sớm, 5 giờ: kèng báo thức. 6 giờ 30: kèng tập hợp đi làm. 7 giờ: kèng xuất trại. 11 giờ: kèng về trại buổi trưa. 12 giờ 30: kèng tập hợp đi lao động buổi chiều. 13 giờ: kèng xuất trại. 17 giờ: kèng về trại. 18 giờ: kèng thu tù vào buồng. 21 giờ, tức 9 giờ tối: kèng cấm, tất cả đi ngủ. Như thế là tròn một ngày của tù. Theo Lê Sơn nói: trước đây, trại còn nhiều lần kèng như:

Kèng giải lao 15 phút giữa giờ lao động buổi sáng. Kèng vào lao.
Kèng giải lao 15 phút giữa giờ lao động buổi chiều. Kèng vào lao.
Kèng thu dụng cụ 15 phút trước 11 giờ, giờ tù về trại buổi sáng.
Kèng thu dụng cụ 15 phút trước 5 giờ chiều, giờ tù về trại.
Kèng lấy cơm buổi sáng. Kèng lấy cơm buổi chiều.

Nghĩa là, suốt ngày tiếng kèng, chát chúa khua đập vào tai mọi người. Có thể chính ngay lũ cán bộ cũng điên đầu, đình tai, nhức óc suốt ngày đêm với tiếng kèng. Bởi thế, bây giờ bỏ sót, nên mỗi ngày chỉ còn lại 9 lần kèng mà thôi.

Thông thường, buổi trưa tù đi lao động về, chia chác cơm nước, ăn uống chỉ trong vòng nửa giờ. Do đấy, từ 11 giờ 30 phút cho đến 12 giờ

30 phút là lúc kèng tập họp đi làm. Mọi người phải nằm nghỉ, ngủ trong một giờ để hồi sức tiếp tục lao động buổi chiều. Trong một giờ ngủ trưa này, nếu anh không ngủ được thì tuyệt đối không được gây một tiếng động làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của người khác. Đó cũng là nội quy của trại và trong những điều khoản của 12 điều "nếp sống văn hóa mới".

Một Chiều Vãn Vương

Trong buổi nói chuyện với Lê Sơn, Lý A Chén này, tôi thấy rằng: Lê Sơn là một con người có kiến thức, khá lanh lẹ, bén nhạy. Vì thế, anh đã nhìn sâu, nhìn sát được nhiều vấn đề nên có nhiều hiểu biết về cái chế độ mà anh đã nhiều năm xả thân phục vụ, cũng như hiện nay đang nằm trong nhà tù của nó. Bản tính của anh lại ngông cuồng, hơi kiêu ngạo. Một người như vậy thì không thể nịnh bợ, xum xoe, báo cáo lập công một cách hèn nhát. Còn Lý A Chén là người dân tộc. Tuy anh không nói rành tiếng Kinh, nhưng anh có cái láu cá, khôn lanh riêng của người thiểu số. Những chuyện lớn như trốn tù, phá trại, ăn cắp lớn của trại thì anh ta sẽ không ngần ngại, gì mà không báo cáo. Chứ còn những chuyện vặt vãnh như: vài lời nói phản động, dăm ba củ sắn, cái lược v.v... thì hẳn anh ta cũng biết dành ra một cách sống thích hợp.

Cũng một phần do sự chân thành nhã nhặn của tôi, nhưng cũng do sự hiểu biết và hiểu đượm tình người của các anh nữa nên buổi nói chuyện cởi mở có ít nhiều tin tưởng. Tuy vậy, từ sớm ý định của tôi muốn biết về anh Khải bị đi cùm sáng nay và còn nhiều điều nữa muốn thăm dò, hiểu biết, nhưng xét ra chưa vội. Hãy để những ngày tới cho tôi có thể nhìn kỹ hơn; và lại thời gian buổi trưa cũng đã gần tàn.

Buổi chiều ở ngoài lán thủ công. Lê Sơn thấy tôi cũng làm được nhiều việc trong vấn đề sơn, vẽ và kẻ băng khẩu hiệu, phần nữa do phong cách sống trọng người của tôi nên anh đã thể hiện sự quan hệ thân mật hơn:

- Anh làm như vậy, chỉ ít ngày nữa là công việc chạy lăm. Mình phải biết điều chế cho vừa phải thôi, kéo mệt về sau.

Anh cũng cho tôi biết, chỉ còn hơn 10 ngày nữa là Tết, vì vậy những khẩu hiệu này là để chuẩn bị treo dán cho trại cũng như cho cơ quan trong dịp Tết. Lê Sơn còn khoe: cứ vào dịp này hàng năm anh sẽ phải lên cơ quan để trang trí nhiều ngày, và như vậy có nghĩa: trà và thuốc lá là không chạy đâu được. Anh cười, nói thêm:

- Bộ đội và cán bộ có biết chó gì đâu!

Vừa để hưởng ứng, và cũng vừa muốn đề cao Sơn một tí cho anh vui, tôi cũng cười:

- Họ phải như vậy thì anh mới nổi bật và mới èo ọt với họ được chứ!

Không ngờ anh lại lắc đầu quây quây, nói giọng hơi bức:

- Thế mà có được cái chó gì đâu. Sang, hầu lắm là một gói trà Đoàn Kết 2 hào, hay gói thuốc lá Trường Sơn 3 hào là hết bã.

Nói rồi, anh cúi xuống chỉ cho tôi làm tiếp một số công việc. Xong rồi anh hạ giọng:

- Bình làm đi, làm vừa phải thôi. Để ý thấy cán bộ hay người lạ lên đây, ho 2 tiếng báo động cho tôi.

Dặn tôi xong, anh quây quâ đi khuất vào phía trong nhà. Một lúc sau, tôi vào trong góc nhà chỗ Lê Sơn đang cắm cúi, hì hụi tôi mới hiểu: anh đang cưa một chiếc lược bằng nhôm. Thấy tôi vào, ngừng tay, anh rút trong túi áo nâu ra một cái bọc con bằng vải đen, bên trong là một cái lược nhôm sáng bóng. Anh nường nhẹ bọc nó trong miếng vải sợ tay sờ vào làm mờ cái bóng soi gương được của chiếc lược. Anh đưa cho tôi xem rồi nói trong dáng tự hào:

- Hiện nay lược nhôm này đang được anh em trong trại ưa chuộng lắm, để làm quà khi gia đình lên thăm. Ngay cán bộ, bộ đội cũng có người lén lút nhờ làm, cũng để làm quà cho thân nhân mỗi khi họ được về phép. Nhất là trại nữ tiêu thụ mới nhiều.

Tôi cầm, ngắm nghía chiếc lược: phía đầu có một cành hoa hồng cả nụ, hoa, lá uốn éo, mềm mại; phía đuôi là hai con thỏ say đắm ôm nhau. Nét khắc thật là điêu luyện, tuyệt vời. Nghe những chuyện anh nói tôi đã hiểu. Nhiều phạm nhân ở trại này cũng như ở các phân trại khác không thể làm lược được như Lê Sơn vì nhiều lý do: thời gian, uy tín, nguyên liệu là nhôm và dura, lại không biết liều lượng pha chế giữa nhôm và dura của máy bay Mỹ để cho lược vừa cứng vừa bóng, chưa nói là khả năng cưa và khắc nữa. Rất nhiều điều không thể, nên chỉ có mình Lê Sơn làm được chiếc lược tuyệt hảo như vậy. Điều đáng nói nữa là Lê Sơn biết kìm chế ở mức điều kiện cho phép, tham thì đổ, vỡ. Tất nhiên anh phải bắt mối với những anh tự giác để chạy nguyên

liệu cũng như tiêu thụ. Giá Lê Sơn bán là: cái nhỏ 2 đồng, cái vừa 3 đồng, cái lớn 4 đồng.

Để có ý niệm thì một đồng bạc ở trong trại E hay trại trung ương số I lúc này thật là không nhỏ. Lương cả tháng của một người tù tập trung cũng chỉ có 1 đồng. Một ngày công lao động là 4 hào. Nếu ai lao động làm về một cái gì đó như mộc, rèn, xẻ. Có làm chết cha, chết mẹ gầy cả người đi thì một tháng mới may ra vượt được 3 – 4 ngày công. Như vậy cũng chỉ có 1 đồng 20 hay 1 đồng 60. Nhưng cả toán cũng chỉ dăm ba người làm được thôi.

Qua chuyện trò với Lê Sơn về việc này, tôi cũng có suy nghĩ: tôi mới lên trại được vài ngày, Lê Sơn và tôi tiếp xúc với nhau chưa nhiều, vậy hẳn anh cũng có cái nhìn về tôi như thế nào. Tôi cũng hiểu về kinh nghiệm sắc sảo, tinh tế xét đoán con người thì tôi chỉ là học trò của anh. Mới lên trại tù lạ, chung quanh toàn những người e dè, lấm lét, cảm lặng trong một bầu không khí ngột ngạt mà lại được gặp ngay Lê Sơn. Tôi còn được hưởng cái thích thú nữa là có người đã hiểu mình và dám tin mình. Chính vì vậy mà ngay chiều hôm ấy tôi đã hỏi Lê Sơn và anh Quý có cánh tay cụt là tổ trưởng lán vernie này. Vì anh chỉ có một tay nên toàn trại đều gọi anh là Quý Cụt. Tôi không thể ngờ Quý Cụt lại cùng vụ với Phạm Huy Tân. Cả câu chuyện về cái đảng "Tân cách mạng Việt Nam phong trào" gọi tắt là TÂN PHONG từ trong hồ sơ của thời gian 4 năm xưa ở Hỏa Lò lại ùa về tràn ắp lòng tôi. Chợt nhớ đến ông Chương chủ tịch đảng mà tôi ngưỡng mộ từ lâu; sẵn đón tôi hỏi Lê Sơn:

- À, vụ của Quý Cụt, nghe đâu còn người nữa là Chương thế nào?

Lê Sơn ngược đầu lên nhìn tôi, hơi một chút ngạc nhiên, rồi chẳng hiểu anh nghĩ sao, cúi đầu chậm rãi:

- Ông Chương đang ở toán 3 ấy!

Hỏi Sơn sang một chuyện khác, vì tôi chủ trương sẽ có một buổi gặp ông ta khi điều kiện cho phép. Nói chuyện với Sơn tôi được biết thêm: chẳng hiểu khi bị bắt, nội bộ đảng này có mâu thuẫn khai báo ra sao đó. Hiện giờ, giữa thằng Tân và Quý Cụt chẳng bao giờ nói chuyện với nhau, như muốn tránh nhau.

Mới khoảng 4 giờ chiều mà mặt trời đã đi đâu mất. Trong nhà vernie, ánh sáng nhạt đi rồi thẫm dần. Ngoài hiên đã có những hạt mưa li ti, trắng trắng như rây bột. Nhìn những hạt mưa bay đang quẩn quít, đầy dụa trên cây nửa cột phía chái hồi như vậy gọi, như nhắc nhở tôi về cái thú xưa. Cái thú ngay từ những ngày hoa mộng còn cắp sách đến trường mà bạn bè thân của tôi ai cũng đã biết. Dù đang làm gì, hễ cứ thấy mưa phùn bay là tôi mặc quần áo ra khỏi nhà, đi dưới mưa bay. Tại sao lúc này tôi lại không hưởng cái có thể của tôi, dù chỉ từ đây ra đến nhà cầu phía cuối lán thủ công? Nghĩ thế, tôi đứng dậy ra ngoài. Không được cái thú đi đường dài dưới mưa, thì ngồi nhìn mưa bay vậy. Thà chịu mùi hôi, tôi lên nhà cầu ngồi. Trong mưa bay đầy hạt, tôi đưa mắt nhìn toàn bộ khu thủ công. Nó là một hình thang méo, cạnh dài là phía cổng, nhìn xa xa là lá cờ và khu giám thị. Giữa khu giám thị và khu thủ công là một con đường đất rộng, dẫn ra phía trại xây đã hoang tàn mà tôi đã nhìn thấy trên đường vào đây, mấy ngày trước.

Chung quanh khu thủ công rào bằng những cây nửa chẻ đôi. Nửa dựng đứng, ghép sát vào nhau; buộc, kên chặt vào những chiếc cọc gỗ to chôn sâu xuống đất. Tuy rào nửa, nhưng chỉ có một lượt, lại thưa mắt cáo nên đứng ở trong lán nhìn ra ngoài đường, nếu có người đi lại cũng thấy thấp thoáng. Khác hẳn với hàng rào của trại giam, được kên chặt 2 lần của cả cây nửa, nên kín mít giữa trong với ngoài; vững chải, kiên cố như tường xây.

Trong khu thủ công gồm có hai lán dài chính và mấy chiếc nhà phụ. Lán dài nhất là lán làm mộc. Một gian đầu có vách kín dùng để kho chứa đồ, còn lại là 7 – 8 gian trống trơn không có vách. Mỗi gian có 4 cầu bào làm mộc đặt phía hai bên, để ở giữa có một lối đi rộng dọc theo nhà. Một lán chính giữa ngắn hơn là của toán xẻ gồm chừng năm sáu gian. Mỗi gian có 3 cặp xẻ với những khúc gỗ lớn dựng hơi nghiêng. Hai người một cặp với chiếc cưa to, dài ngoẵng. Một người đứng cao bên trên, một người đứng dưới, suốt ngày cứ kéo cưa lừa xẻ. Anh nào làm khỏe thì ăn 18 kg chất bột; anh nào làm vừa thì ăn 15 kg, còn anh nào làm yếu thì về..... không được bú mẹ mà được đi kỷ luật cùm.

Một chiếc lán nhỏ hơn, ngay cạnh lán của toán xẻ; có một số bác già yếu, tật nguyền, đan lát ở một bên. Còn một bên là một chiếc bể lò rèn, cứ thở phì phò suốt ngày. Có lúc như cãi nhau với tiếng khò khè xẻ gỗ của toán 3 bên cạnh. Nhưng có lúc lại như thủ thi, nồng đượm, đắm say của chàng với nàng. Thực vậy, bất cứ ai đã vào đến khu thủ

công này đều không thể quên được bản hợp xướng vĩ đại của trại E nơi núi ngàn Hoàng Liên Sơn.

Dài theo cả ngày, tiếng pắc pắc liên tục như tràng pháo tép của dùi đục, của búa con thuộc lán mộc. Tiếng pang pang của búa tạ lò rèn; tiếng khò khè than thở của toán xẻ; tiếng phì phò, phì phò hỗn hển của đôi bễ cứ quện vào nhau, quấn quít lấy nhau, xoáy lên một cộng hưởng tuyệt vời của bản đại hòa tấu: "lao động là vinh quang muôn đời".

Nhìn ra phía hai đầu, có hai gian nhà được dựng tách rời, riêng rẽ ở hai khu đất trống. Đó là hai nhà làm việc của hai tên cán bộ quản giáo toán hai và ba. Ngoài một căn chòi nhỏ ngay phía cổng có một tên vũ trang gác. Phía sau lán, có hai chiếc chòi cao làm sát vào hàng rào, cũng có hai tên vũ trang. Mỗi đứa một chòi, ngồi trên đó.

Mưa càng lúc càng dày, càng nặng hạt. Tôi ngồi đã ê cả chân mà lòng vẫn còn muốn ngồi nữa, nếu không thấy 2 bác già đang run rẩy, đứng chờ dưới mưa lạnh thì tôi vẫn chưa về lán. Tôi ngồi viết, vẽ được một lúc lâu, đã mỏi cả người, vậy mà hồn tôi vẫn chưa hết chơi với gió mưa ở ngoài trời. Nhìn những chiếc lá hình quả trám của cây Chò phía hông lán mộc, giẫy lên đành đạch từng hồi như muốn báo cho trại E biết, nàng Đông Bắc đã lại mò về.

Một nỗi nhớ nhưng từng cơn như bọ, chí lòng tôi. Cũng mưa bay, cũng gió thổi, mới buổi sáng hôm qua ở cái miền nhiều thương đau và cũng nhiều ngây ngất ấy; bây giờ xa với vợ. Chẳng biết rằng, có lúc nào đó, người ấy còn nhớ đến tôi, đến một kẻ phải ôm một kiếp tù. Tay tôi làm việc, thỉnh thoảng tôi cứ nhìn ra mưa bay. Trong làn mưa lung linh ấy, rõ ràng một bóng hình thôn thôn, mềm mại với chiếc áo bông loang lổ hoa cà và làn tóc buông lơỉ vẫn đượm ngát mùi hoa nhài. Một vần thơ chẳng còn nhớ của thi nhân nào cứ lảng vảng trong hồn tôi:

*Để thương, để nhớ cho đời.
Để vương vấn lại cho người xa xôi.*

Nỗi nhớ từng cơn, từng cơn cứ cuồn cuộn lòng lên xé nát lòng tôi. Lúc già từ, tôi cứ tưởng rằng, rồi đây ở nơi núi rừng hoang vắng, trong chỗ đen tối, lăm than của ngục tù; một trái tim đã bị cuộc đời vò xé,

băm vằm tả tơi thì còn sá gì chuyện thương yêu. Nhưng người hỡi, tôi đã làm!

Tôi đang để hồn đắm chìm vào niềm thương, nỗi nhớ thì chợt nghe có tiếng động ở chiếc cửa của hàng rào gỗ phía bên ngoài. Thoáng thấy tên cán bộ toán đang bước lên hè, tôi nhẹ ho 2 tiếng để báo động cho Lê Sơn. Từ lúc sáng do anh Lân, tôi đã biết tên của lão cán bộ toán là Kích, trung sĩ cán bộ tập kết. Khi y bước vào nhà thì Lê Sơn đã cầm bút vẽ đang choài người trên tấm khẩu hiệu như đang mài mê làm việc. Quý Cụt, tay còn cầm chiếc cọ từ phía trong đi ra lên tiếng trước:

- Chào cán bộ ạ!

Chúng tôi đều quay lại chào y, vừa gật đầu, y vừa tiến lại chỗ tôi, nhìn những chữ tôi đang tô vẽ. Mặt y hơi sáng lên, chiếc đầu hơi nhúc nhích gật. Một tia nhỏ hài lòng nhoáng lên trong mắt y. Lê Sơn đứng hẳn lên quay người lại, với giọng Nghệ An khìn khịt:

- Còn 3 băng khẩu hiệu lớn nữa trên ban giám thị mà sơn đỏ và trắng đã gần hết. Đề nghị cán bộ phản ảnh với ban giám thị cho cán bộ đưa sơn vào để chúng tôi còn làm kịp thời gian trên đã ấn định.

Tên cán bộ đã bước gần lại chỗ đồng lửa đang âm ỉ cháy giữa nhà. Hai tay y rút ra khỏi túi, quơ quơ trên ngọn lửa vừa lướt nhìn một lượt chung quanh nhà rồi lay lút giọng miền Nam:

- Các anh phải nhớ, sơn phải về mãi Hà Nội mới mua được, vì thế phải triệt để nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo quản tốt. Dù là ở trong lán mặc lòng, mỗi ngày khi làm xong phải đem sơn bỏ vào tủ khóa lại.

Thấy toàn những chuyện không nhằm nhè gì đến mình, tôi lách mở cửa sau, lại ra nhà xí để đi giải nữa. Bên ngoài gió Đông Bắc càng lúc càng mạnh, những hạt mưa phùn càng to và dày đặc hơn. Con đường mòn đã lầy bùn lên nhớp nháp, nhiều vết chân đi. Vừa đi giải tôi vừa run cầm cập, càng về chiều, trời càng lạnh. Đã cuối Đông, nàng Xuân sắp về với núi ngàn sao mà còn lạnh thế! Tôi nhìn những ống vầu to tướng cưa vát miệng. Hơn một chục ống dựng hàng loạt, nghiêng dựa vào một cây nửa nằm ngang, được buộc chặt vào hai chiếc cọc gỗ. Ống thì lưng lưng, ống thì đầy nước tiểu. Sáng hôm nay, qua Quý Cụt tôi đã hiểu: đây là một nguồn phân hữu cơ có giá trị kinh tế của trại.

Nghe Quý nói, làm tôi nhớ đến buổi sinh hoạt của tổ Phan Thanh Vân tối hôm qua. Một anh đã phê bình một anh là đã đi giải không đúng chỗ quy định, làm lãng phí nhiên liệu. Nghe thấy lạ lùng khó hiểu, tôi cứ tưởng là họ đang phê bình một anh nào đó đi tiểu bậy bạ không đúng chỗ làm mất vệ sinh, chứ đâu có nghĩ là lãng phí nhiên liệu. Một ý nghĩ làm bụng tôi cũng nhúc nhích buồn cười: phải gọi là nhân liệu mới đúng.

Khi tôi trở về lán vernie thì tên cán bộ đã ra rồi. Tiến gần lại đóng lửa, hơ tay cho đỡ cóng. Quý Cụt quay lại nhìn tôi, nói rồn rang như rắc sỏi:

- Bình mới nhập trại mà hên thật! Trời này, trong khu thủ công chỉ có lò rèn và lán vernie là duy nhất có lửa sưởi.

Tôi còn ngờ ngác chưa hiểu trọn ý của Quý Cụt, Lê Sơn đã giải thích:

- Mùa Đông rét căm căm, lạnh thun chim lại; được lao động trong lán là hạnh phúc rồi! Những toán làm rau, làm ruộng, vào rừng chặt cây, vác nứa v.v... Bình cứ tưởng tượng là thấy rồi. Trong lán thủ công, cái lửa của lò rèn là cái lửa của nghề nghiệp rồi, không nói. Còn lán vernie, dầu và vernie cần khô mới bóng nên phải đốt lửa.

- Như vậy là chúng ta bị sưởi, chứ không phải được!

Tôi nói tiếp, làm cả 3 đều cười thành tiếng. Trời càng về chiều gió càng lộng. Gió rào rào ở phía rừng cây thổi thốc vào trong nhà từng đợt. Nếu đóng cửa, có đóng lửa thì cũng tương đối ấm. Nhưng lại bị tối lờ mờ thì làm sao mà viết với vẽ? Do đấy, dù lạnh đến cứng cả ngón tay không cầm được bút vẽ thì cũng đành phải mở cửa ra. Nhưng mỗi khi nghĩ đến, chẳng phải ở đâu xa, ngay anh em ở dưới lán mộc thô, chung quanh, trống trơn không có vách, liếp, họ còn lạnh thế nào mà vẫn phải chịu, thì mình đây đã may mắn hơn họ nhiều rồi. Cứ nghĩ như thế là thấy bớt hẳn lạnh đi nhiều.

Khi toán tập hợp ra về thì trời càng thẫm lại. Đứng ở sân tập hợp, anh nào cũng áo bông, áo tơ chẳng đụp, lếch thếch lòi thoi. Lại còn những chiếc mũ nữa chứ! Thoi thì đủ kiểu, đủ màu, từ những mảnh chăn rách, đến những miếng dạ đã rụng hết lông tơ đều có thể túm, véo thành một chiếc mũ để chống cái lạnh của đất trời. Tôi cứ nhìn về phía Vân mãi. Dáng anh đã cao, lại đội một chiếc mũ, chẳng biết do

anh hay người khác thiết kế: nửa dạ, nửa vải, tùm hụp che gần kín mặt; chỉ có một con mắt. Mỗi khi anh nhìn về phía này hay phía kia, tôi cứ cảm thấy lấp ló như mắt con cú mèo. Còn anh chàng Nguyễn Huy Lân nữa, thùm thụp khoác một chiếc áo bông tã cũng chẳng đụp, không biết nên gọi nó là màu gì. Chỗ nâu, chỗ đen, chỗ xám nhưng chỗ nào cũng xỉn lại vì vải đã lâu ngày và lâu ngày không giặt. Anh đang ôm một chồng sổ sách đi từ đầu hàng trở xuống dưới mưa bay dày hạt. Cứ đến một đôi, đầu anh lại gật một cái, môi nhóp nhép như chào; nhưng thực ra anh đang đếm nhẩm số người anh điếm.

Người đứng trong hàng đã run, mà người đi điếm cũng ngắc ngư. Một phần nữa là bụng anh nào cũng chả có cái quái gì để có calo chống lạnh cả. Ai cũng mong cho nhanh, cho chóng, làm lẹ để còn về tổ ấm trong nhà tù. Mưa, gió rét lạnh như vậy mà khi toán về đến cổng trại vẫn thấy một anh đứng cạnh cổng, tay cầm một gói lá giông dại. Trong gói có chừng 3 lạng lá cải bắp già đã luộc rồi. Bên cạnh, là một bác chừng 45 hay năm chục tuổi, hay tay đang ôm 3 – 4 củ sắn nướng, nhiều chỗ đã đen xỉ. Cả hai cùng khoác áo tơi lá cũng đã tả tơi nhiều chỗ rách. Hai cái mặt thì tái ngoét, hai cặp môi xám xịt, cứ đứng chơ vơ ngoài gió lạnh, mưa Đông. Hai chiếc áo tơi lá cứ rung tít mãi lên, không hiểu vì gió hay vì người? Khi về đến gần ngang buồng, đang đi cạnh anh Bùi Tâm Đồng, tôi hỏi anh giọng bần khoản:

- Tại sao họ không ăn ở ngay ngoài đồng, mang về trại làm gì để bị phạt, đứng lạnh khổ như vậy?

Anh Đồng quay hẳn sang nhìn tôi đăm đăm một giây, ánh lên vẻ lạ lùng rồi mặt anh trở lại tự nhiên. Chắc hẳn rằng anh đã hiểu, chỉ vì tôi chưa biết mới hỏi. Vừa đi vào buồng, anh vừa nói:

- Đôi khi toán làm ở ngoài đồng được cải thiện. Hoặc anh nào đó lén lút, xoay sở kiếm chác được cái gì cỡ liều, giấu mang về trại. Nếu may mắn mang thoát được vào trại sẽ ngấm ngấm móc ngược đổi lấy giấy viết thư, tem, phong bì hoặc thuốc lào, mà nếu không thì báo. Thiếu gì người có tiền, nhưng đói muốn mua.

Dù là mưa bay, nhưng mái tranh cũng nhì nhẹt nhỏ giọt. Mặt sân vẫn bùn đất, nhếch nhác vì thế các toán đều phải chia cơm canh ở những mái hiên hay vào trong hội trường. Trong lúc chia cơm, thỉnh thoảng tôi vẫn rời mắt về hai người bị phạt còn đang đứng run rẩy ở phía

cổng trại. Lòng tôi cứ ngậm ngùi, đầy vơi cho một kiếp người. Không biết bạn bè có ai lấy dùm cơm, canh cho họ hay không?

Một Buổi Sinh Hoạt Cuối Tuần

Hôm nay khi cán bộ trực trại vào điểm xong, sau khi cửa đóng, anh Lân cất cao giọng nói với toán hai:

- Mười lăm phút, các anh toán hai hút thuốc, đi giải rồi ta vào sinh hoạt toán.

Không thấy tiếng đài léo néo như hôm qua. Tôi hỏi Vân thì được biết, hôm nay thứ Sáu, không có đài, để cho các toán, các buồng sinh hoạt hàng tuần. Vân móc túi mời tôi điếu thuốc cuộn, rồi nhẹ nhàng nói:

- Tôi nghe Bình được vào làm ở tổ vernie, may đấy. Công việc mệt nặng lắm!

Ngưng một lúc, đốt điếu thuốc, Vân lại hỏi:

- Thế nào, cảm tưởng Bình ra sao sau một ngày đi lao động?

Nhiều ý tôi định nói, nhưng tôi trả lời lập lờ, sau khi mời xong điếu thuốc Vân đưa:

- Mình là tù thì chỉ biết cố gắng.

Nói rồi, tôi hỏi tiếp Vân, giọng hơi thắc mắc:

- Này, sao tôi thấy sau lưng nhiều người có số tù. Nhiều anh lại chỉ có chữ "cải tạo"?

Vân cũng nhìn tôi như cái nhìn của anh Đồng, khi tôi hỏi về hai người bị phạt đứng ở cổng trại lúc chiều, rồi chậm rãi nói nhỏ:

- Điều này chẳng ai hiểu được. Tập trung hay người ta thường gọi là "tắc bọ" thì không có án đã đành. Nhưng nhiều người có án cũng không có số. Như tôi đây chẳng hạn.

Vân nói đến đây thì anh Lân ngồi ở sà phía trước, ngay cạnh cửa ra vào, vẫy tay ra ý muốn gọi tôi sang. Vừa đến nơi, Lân kéo tay tôi ngồi xuống cạnh, rồi ghé tai tôi nói nhỏ:

- Tao đề nghị, và nói mãi với cán bộ để mày về tổ vernie đấy!

Thấy cử chỉ của anh tỏ ra đầy thiện cảm, qua ánh mắt của anh cũng không thấy gì phải dè dặt, tôi cũng thân mật:

- Trong Nam anh ở đâu? Gia đình ấy!

- Vợ con tao ở Nghĩa Hòa, Ông Tạ, Sài Gòn. Thế còn mày?

Anh vồn vã hỏi lại tôi. Mừng ra mặt, tôi cũng niềm nở:

- Cũng ở gần anh, cuối đường Bắc Hải, Lê Văn Duyệt, và cũng Ông Tạ.

Anh rồi rít đập vào tay tôi:

- Thế à, thế sao tao không trông thấy mày bao giờ?

Tôi thấy buồn cười, rồi cũng trả lời anh:

- Thế mà tôi lại...cũng không trông thấy anh bao giờ.

Anh cười như nắc nẻ thành tiếng. Tôi cảm thấy anh cũng không có gì sâu, hiểm. Người anh, tuy da vẫn còn tai tái như mọi người tù khác, nhưng anh vẫn mập so với nhiều người. Tôi đang nghĩ ngợi về anh, thì anh lại đập vào tay tôi như thúc giục:

- Thôi về sinh hoạt đã, mai nói chuyện tiếp.

Nói dứt, anh đứng lên, đi ra giữa nhà cất tiếng đồng dục:

- Anh em toán hai ở sàn trên xuống hết dưới này. Toán hai ngồi gọn tập trung sinh hoạt ở phía đầu này. Còn toán ba sinh hoạt ở sàn trên, phía đầu kia để không bị ảnh hưởng lẫn nhau. Anh vừa nói, tay anh vừa khoắng ra hai phía của căn nhà.

Trong buồng rầm rập, người trèo lên, người trèo xuống. Một vài tiếng í ới lớn tiếng của toán ba nhắc một người vào nhà xí, lấy chiếc đèn trong đó ra để sinh hoạt. Một anh toán hai trèo lên sàn trên với, tháo chiếc đèn bão đang treo giữa nhà xuống. Chỉ hai phút sau, căn buồng lại trở về im lặng. Trong góc phía sàn dưới, toán hai gồm năm mươi người quây quần, tụm lại một đám thành một vòng tròn. Ngay ở giữa, để một khoảng trống hơn một mét vuông. Lù lù ở một mé khoảng trống, đặt ngay trước mặt Phan Thanh Vân được Lê chỉ định làm thư

ký ghi biên bản buổi sinh hoạt là một chiếc rương bằng gỗ, quét mực tím đã phai màu. Trên mặt rương, một góc là chiếc đèn bão, chính giữa là mấy tờ giấy trắng. Cái bút và lọ mực cũng màu tím. Anh Nguyễn Huy Luân, toán trưởng chủ trì cuộc họp đang ngồi cạnh Phan Thanh Vân. Tôi ngồi trong một góc phía sau, cạnh Bùi Tâm Đồng với cậu Châu.

Ánh sáng của chiếc đèn bão hắt ra, làm cho những khuôn mặt ngồi xa phía sau thành đen thẫm. Lấp loáng những đốm mắt trắng đục lơ lơ, đăm chiêu đều nhìn vào chiếc đèn. Thoang thoang một vài tiếng thì ào, rì rầm trong yên lặng. Nguyễn Huy Luân hơi dướn người lên, mắt lướt nhẹ một vòng qua các khuôn mặt, khèn khếch vài tiếng, gãi cục đờm thuốc lào trong cuống họng. Anh cất tiếng, giọng vẫn còn rè:

- Lệnh và chỉ thị của ông cán bộ toán cho chúng ta sinh hoạt hôm nay nhấn mạnh. Toán ta phải đào sâu, cọ kỹ, mổ xẻ cụ thể về vấn đề tư tưởng. Toán chúng ta đã có truyền thống lao động hăng say, ít vi phạm nội quy của trại, triệt để áp dụng nếp sống văn hóa mới, thực hiện nghiêm chỉnh bốn tiêu chuẩn cải tạo, sản xuất thường vượt mức kế hoạch. Vậy mà chưa năm nào khi bình bầu, toán ta được là toán xuất sắc. Như vậy là vì sao? Chính là vì vấn đề tư tưởng. Chúng ta phải thừa nhận rằng thành phần của toán chúng ta thật phức tạp. Nhiều cặn bã, màu sắc, khuynh hướng được buộc chặt, gói kín. Nhưng thỉnh thoảng vẫn lấp ló ra trong lời nói hay hành động.

Chúng ta đều biết, hiện nay trong nhà kỷ luật có 6 người của toàn trại mà riêng toán ta đã chiếm 3 người. Tóm lại, chúng ta không thể phủ nhận là toán ta rất nặng về khâu tư tưởng. Bởi vậy, tôi đề nghị các anh hãy thành khẩn, tự nguyện trình bày những khúc mắc trong lòng mình cho mọi người cùng đóng góp qua lại lẫn nhau, xây dựng giúp cho nhau cùng tiến bộ.

Anh Luân đã ngừng lời, cục hầu ở cổ anh cứ động đậy nhô lên, thụt xuống; chẳng hiểu vì muốn lấy hơi hay nuốt nước bọt? Láo liêng con mắt, anh nhìn khắp một lượt, đợi chờ.

Một phút, rồi hai phút, vẫn im lặng, nặng nề; nghe rõ cả một anh đang gãi bụng sồn sột. Một số cái đầu hơi cúi thấp xuống như muốn tránh ánh đèn. Bầu không khí đã bắt đầu hơi ngột ngạt, mặt tôi cũng dần dần nóng lên. Có lẽ anh Luân cũng thấy cái tắc nghẽn của sự im lặng, vì vậy anh lại rồn rang cất tiếng để tháo nút:

- Bây giờ trước hết từng tổ lần lượt phát biểu trình bày những vướng mắc và những sự việc chính của tổ mình trong tuần qua.

Anh Lân vừa dứt lời thì đã có hai người giơ tay xin phát biểu. Cả hai anh tôi đều chưa biết tên, anh Lân chỉ một anh có cái đầu nhọn hoắt, cái môi dưới thưỡn ra như môi cá ngão, anh nói sôi nổi như cổ vũ:

- Hoan nghênh anh Dũng tổ 4. Xin mời anh phát biểu!

Anh có cái tên Dũng, lấy tay hất mạnh mái tóc đang phủ xuống mặt như đuôi con gà trống lên; mắt đăm đăm nhìn ngọn đèn:

- Tổ tôi gồm có 9 người, hiện nay chúng tôi nhận thi công 10 chiếc giường đôi của toán. Nói chung về khía lao động thì mọi người đều nỗ lực làm đều tay. Còn về tư tưởng của mỗi người thì tôi không thể biết được. Tuy vậy, chỉ có anh Lù Chấn Păng, trong giờ lao động, anh hay lén lút làm đồ tư. Cụ thể tôi đã đưa một chiếc hộp con anh đã làm bằng gỗ Mỡ, báo cáo với cán bộ toán. Mặt khác, những buổi trưa hay chiều, anh Páng thường lẩn ra phía sau hội trường để liên lạc, quan hệ thì thăm to nhỏ với nhiều người dân tộc khác. Hiện tượng này, trong tổ chúng tôi đã nhiều lần giúp đỡ, nhưng anh vẫn cứ chứng nào tật ấy. Chưa hết, chiều Chủ Nhật vừa qua, anh Páng đã đem 4 con tem thư để đổi lấy con chuột nướng của anh Thiêng tự giác toán 6.

Thấy y phát biểu cứ giật đùng đùng như người ta đánh trống ngũ liên; tôi hỏi nhỏ cậu Châu ngồi bên cạnh. Tôi đã biết Châu là một trong nhóm 4 người mà Shè Khửu Sáng đã nói với tôi:

- Này em, Dũng, y tội gì?

Châu ghé sát vào tai tôi thì thào:

- Thằng này tiến bộ lắm! Nó thuộc đảng phái trong nhóm của Phạm Huy Tân. Nó là Lê Khắc Dũng, anh em vẫn gọi nó là Dũng Khoằm. Anh có nhìn thấy cái mũi của nó khoằm xuống như mỏ con vẹt không?

Trong khi Châu đang thì thầm với tôi thì anh Lân đã hướng về anh thứ hai, đã giơ tay lúc nãy:

- Bây giờ xin mời anh Đinh Sơn, tổ kỹ thuật phát biểu.

Nghe anh Lân gọi là Đinh Sơn, tôi cứ chăm chăm nhìn anh ta mãi. Óc tôi đang lục tìm những cái tên trong toán Boone biệt kích đã ra đầu hàng. Phải rồi Đinh Sơn, Lân, Thú, Công Thành v.v... Hôm qua tôi đã nhìn thấy anh này nhiều lần ngoài lán mộc. Dáng anh cao cao, nhưng cái lưng lại hơi cong về phía trước. Tóc anh cắt ngắn ngắn, đôi mắt to và sâu, làn lông mày thật thưa. Nét mặt luôn đăm chiêu, chưa thấy lúc nào anh ta cười.

Trong khi tôi đang thả hồn nghĩ ngợi về anh và toán Boone thì anh đang chậm rãi, nhỏ nhẹ phát biểu:

- Tổ chúng tôi chỉ có 3 người, thường sản xuất mặt hàng làm kỹ, riêng cho cán bộ và ban giám thị nên không có định mức. Tuy vậy, trong phong trào thi đua một người làm việc bằng hai để góp phần chống Mỹ cứu nước, tổ chúng tôi luôn luôn cố gắng thao tác tay nghề thành thực; nâng cao kỹ thuật để đạt hiệu suất cao. Hàng ngày chúng tôi thường động viên, giúp đỡ nhau trong ý thức tập thể vươn lên; triệt để hưởng ứng phong trào thi đua chung của trại.

Tuy lời phát biểu không có gì đặc biệt, nhưng anh nói từ tốn, trầm trầm thể hiện sự điềm đạm, sống nhiều về nội tâm. Tôi đang nhìn chiếc lưng dài, cũng hơi cong cong của Phan Thanh Vân đang ngồi khòm xuống ghi biên bản thì anh Lân lại hướng về một anh nhắc nhở:

- Còn tổ 3 của anh Phạm Tấn Tích nữa. Tổ vernie của anh Quý phát biểu đi chứ!

Một anh chắc là Tích, tuy còn trẻ nhưng dáng lùn tịt. Từ sớm, anh vẫn ngồi im lặng nhìn xuống khoảng chiếu trước mặt. Chiếc cằm của anh lẹm ngắn cũn cỡn; hàm răng trên lại hơi hô, nên nhìn thoáng, cứ tưởng như anh không có cằm. Anh ngẩng lên nhìn về phía chiếc đèn; cũng khọt khếch gại giọng rồi anh nói ẻo ợt, giọng đặc Bến Tre:

- Tổ chúng tôi gồm 10 người, hiện đang nhận đóng 5 chiếc tủ áo hai ngăn của trại. Trong ý thức thi đua thực hiện tốt 4 tiêu chuẩn cải tạo, chúng tôi luôn nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, nâng cao tay nghề, nỗ lực lao động sản xuất để đạt năng suất cao. Về nội quy, tổ chúng tôi không vi phạm. Tuy vậy, tôi xin đề bạt một ý kiến trong thực tế mà chúng ta lại không ai nói đến. Nói đến đây, anh Tích ngừng lại, a hèm mấy cái. Chắc bị vướng mấy tảng đờm trong cuống họng, vừa như anh cố ý để cho mọi người sốt ruột rồi mới nói tiếp:

- Trong phong trào thi đua một người làm việc bằng hai góp phần vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước với nhân dân. Hầu hết chúng ta ai ai cũng ra sức cải tạo, lao động không tiếc thân mình. Nhưng thực tế trong những buổi lao động, mọi người hùng hực hăng say thao tác chỉ được một giờ đầu, rồi sau đó rã rời uể oải dần. Tay cưa, tay đục, tay bào; thậm chí anh nào cũng hoa mày chóng mặt. Trong khí thế cả nước, quân cũng như dân đang dốc toàn lực cho sản xuất và chiến đấu, chúng ta không được quyền đòi hỏi ăn nhiều. Chúng ta chỉ xin ăn tạm đủ để có sức mà lao động sản xuất. Hơn nữa trong vụ giáp hạt của trại ta vừa qua: gạo chúng ta không có đã đành, nhưng sắn cũng không đủ, nhất là rau. Phương ngôn của dân tộc ta vẫn có câu: cơm không có rau, như đau không có thuốc. Chúng ta thiếu rau trầm trọng. Ăn muối rang nhiều bữa, nhiều người trong toán đã đi ngoài ra máu, trong đó có tôi. Toán chúng ta lại chỉ quanh quẩn làm trong lán thủ công.....

Anh Tích phát biểu đến đây, chừng như mệt ngừng lại để lấy hơi. Mọi người đều dướn người nhìn về phía anh. Da mặt ai hình như cũng được giãn ra, nên hơi sáng lên. Anh Tích lại tiếp tục:

- Tôi được biết toán rau đang thu hoạch toàn bộ 5 sào cải bắp cho cơ quan. Tuy những lá già được thu hoạch về phân phối một phần cho trại ta, một phần cho chăn nuôi của cơ quan. Nhưng anh em toán rau cho biết, vẫn còn nhiều rơi rớt, lãng phí. Do đấy, tôi đề nghị anh toán trưởng hãy mạnh dạn đề bạt với cán bộ toán quan hệ với ông Toàn cán bộ toán 5 cho anh Chén nhật nhạnh và xin một ít lá cải bắp già về luộc cải thiện cho toán.

Đến đây thì mọi người nhao nhao lên tán đồng, ủng hộ ý kiến của anh Tích. Ngay cả tôi, mới vào có mấy ngày, cũng sốt ruột như bào vì bữa cơm chỉ có sắn mà không có rau. Trong toán vẫn còn râm ran, ồn ào cả lên. Anh Lân phải cao giọng hai lần:

- Các anh trật tự, im lặng để sinh hoạt tiếp.

Rồi anh qua sang Phan Thanh Vân:

- Bây giờ đến tổ anh Vân cho ý kiến.

Từ đầu Vân vẫn cầm cúi ghi chép. Bỏ bút, anh hơi ưỡn người, chắc cho đỡ mỏi. Vì anh ngồi sát chiếc đèn, tôi nhìn rõ cái mắt chột phía

trái của anh. Nó hoắm sâu vào như cái lỗ đáo, một vệt nước ướt vàng nhờn nhờn đang rỉ ra. Một cái sẹo dài ngòong ngèo, có một miếng thịt gồ lên ở dưới má. Mấy nốt sần sùi gần ngang miệng càng làm cho bộ mặt hơi to của anh thêm dữ tợn. Bù lại, anh có giọng nói nhỏ nhẹ và ấm cúng với chiếc miệng lúc nào cũng như cười, đã làm giảm hẳn cái nét dữ trên khuôn mặt. Một mắt anh liên lảo nhìn mọi người một lúc, rồi cất giọng nói từ từ, thông thả:

- Tổ chúng tôi gồm 10 người. Chúng tôi đang nhận kế hoạch thi công 50 cái giường cá nhân. Sau nhiều lần bàn cãi, trao đổi, tổ chúng tôi đã cùng nhau hạ quyết tâm sẽ vượt mức ấn định 3 ngày, để lấy thành tích chào mừng quân và dân ta đã hạ 2000 máy bay của giặc Mỹ xâm lược. Nhưng hiện nay, chúng tôi hơi gặp khó khăn: anh Khải bị đi kỷ luật sáng hôm nay, do đấy, hẳn rằng chúng tôi sẽ không thể thực hiện được mức đã giao kết. Ngoài ra, sáng hôm nay có sự hiểu lầm để đến chỗ tranh chấp nhau về gỗ lạt với tổ anh Tích. Tôi thấy rằng tổ anh Tích đã sai. Những tấm ván đó, chúng tôi đã mất công lục lọi, bới tìm từ trong đồng gỗ của lán chọn ra. Như thế, những tấm ván mà anh Lân toán trưởng phân cho tổ anh Tích là những tấm ván khác. Hoặc, chính anh Lân đã chưa biết những tấm ván ấy là của chúng tôi đã chọn ra nên đã phân bổ cho tổ anh Tích.

Sau khi Vân phát biểu xong, đến Quý Cụt tổ vernie của tôi cũng phát biểu, nhưng không có gì mới. Đến đây, anh Lân lại nhìn khắp lượt cả toán rồi dè dặt thăm dò:

- Sau khi chúng ta đã nghe các tổ đã lần lượt trình bày, bây giờ xin anh em trong toán phát biểu.

Anh Lân chưa dứt lời đã có 3 – 4 cánh tay giơ xin có ý kiến. Trong 4 người này thì tôi đã biết 2 là Lù Chấn Páng và bác Đặng Minh Chánh. Anh Lân chỉ bác Chánh nói trước. Với giọng miền Nam khàn khàn, nhưng bác nói thật to và mạch lạc:

- Tôi phản đối ý kiến của anh Lân toán trưởng khi nãy, cho là toán hai khâu tư tưởng quá nặng nề. Tư tưởng là trừu tượng! Bản thân của tư tưởng thì không ai nhìn thấy nên không thể ai đánh giá được là xấu hay tốt. Vậy chỉ có thể đánh giá được khi nó thể hiện ra lời nói, cử chỉ hay việc làm. Bởi tư tưởng là thống soái, là bộ tổng tư lệnh chỉ huy mọi việc làm, cử chỉ cũng như lời nói của một người. Toán 2 chúng ta như các tổ đã trình bày, hầu hết là hăng say, tích cực lao động. Lao

động có hiệu suất cao, vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch, làm lợi cho công quỹ của trại. Thực hiện nghiêm chỉnh 12 điều nếp sống văn hóa mới, 10 điều nội quy và 4 tiêu chuẩn cải tạo. Như thế, nếu bảo tư tưởng không tốt, tư tưởng nặng nề thì làm sao đạt được những thành tích tốt đẹp như vậy? Làm sao mà hầu hết những công trình chính, những việc trọng yếu trong trại gần như đều do toán 2 thi công, thực hiện? Do đấy, những anh em bị đi kỷ luật là những cái riêng biệt cá nhân của mỗi người. Không thể nào chỉ nhìn vào vài cá nhân này mà đánh giá cả toán 2. Phần nữa, hiện nay anh Khâm của toán ta bị bệnh lao, đang nằm ở bệnh xá. Hôm qua tôi được biết, do thời tiết quá lạnh và do thiếu... à bệnh tình của anh khá nặng nên hai ngày nay anh đã lịm đi, ngay nước cháo cũng không ăn được nữa. Có thể đêm nay, hoặc ngày mai sẽ từ giã chúng ta. Tôi đề nghị, ngày mai nếu anh còn sống, toán ta cứ lấy hai người đại diện. Tuy chúng ta cũng chẳng có gì để giúp mình, nhưng gọi là nghĩa tình cùng một tàu ngựa, thăm hỏi, an ủi nhau bằng một vài lời cho ấm lòng kẻ ra đi.

Ông già nói hùng hồn, nói phòi cả bọt mép ra. Cứ mỗi lần, ông nhấn mạnh, tay của ông lại vẩy ra một cái, như có con sâu róm đậu vào tay; như phụt ra được một ấm ức đã ủ nên từ lâu. Anh Lân lại chỉ tiếp một anh khi này đã giơ tay xin phát biểu. Anh này người thật to lớn khác thường, còn cao hơn cả Phan Thanh Vân. Anh là người cao, to nhất toán, có khi nhất trại. Cũng cái đầu cắt cao như Đinh Sơn, anh có làn da bánh mật. Những ngón tay của anh to như những quả chuối tiêu xanh luộc rồi, vừa dài, vừa xam xám. Nhưng anh lại có một bộ mặt nhìn thật hiền. Tò mò tôi lại ghé sang Châu thì được biết anh là Lê Văn Kinh, người nhái bị bắt trong vụ nổ, phá một chiếc tàu trên sông Gianh năm 1962. Khi phát biểu, tôi mới biết anh là người miền Nam. Anh nói giật giọng không đều, không gãy gọn, sáng tỏ ý. Chứng tỏ rằng anh không phải là người quen ăn nói, tranh cãi trước đám đông. Nội dung anh phát biểu cũng chẳng có gì khác lạ; không ngoài mấy vấn đề sinh hoạt, lao động trong tổ, trong toán. Nghe anh phát biểu, tôi có cảm tưởng anh chỉ muốn chúng tôi là một người cải tạo tiến bộ, có tinh thần đóng góp với tổ, với toán mà thôi.

Lần này thì anh Lân chỉ tiếp đến Lù Chấn Páng. Anh này, da trắng trẻo như con gái. Người tầm thước, hay mặc chiếc áo bóng xanh màu da trời, nhiều chỗ bạc phếch với nhiều miếng vá loang lổ. Tuy tiếng Việt nói không rõ lắm về âm sắc; chỉ thô kệch, mộc mạc, nhưng mặt anh đỏ lên trong khi phát biểu. Những lời nói của anh như được xì ra từ một nỗi căm tức, uất ức trong lòng:

- Tôi xin có ý kiến với anh em là anh Dũng tổ trưởng của tôi không có tốt. Anh ta cậy mình là tổ trưởng, áp chế tôi không biết ăn nói, là người dân tộc. Từ lâu, tôi có một miếng xà phòng của gia đình tiếp tế. Anh muốn xin một nửa, tôi không cho. Tôi để dành, để thỉnh thoảng gội đầu. Rồi anh ta ghét tôi. Anh ta giữ nội quy cũng không có tốt. Hôm nọ, buổi trưa, tôi thấy anh ta vào phòng trật tự của anh Tân cùng vụ với anh, giấu đem về buồng củ sắn nướng. Tôi nằm gần, thấy anh bỏ màn, lén lút lấy ra ăn. Anh Dũng không có cái tạo tốt đâu!

Một vài tiếng cười rúc rích khi nghe anh Páng phát biểu. Tôi cũng thấy rung rung trong bụng, không phải vì nội dung lời phát biểu của anh, nhưng là cử chỉ, thái độ tức bực, phần nộ của anh. Tuy ai cũng cảm thấy là anh đã nói thật.

Còn một người có ý kiến nữa là anh Lương Yên. Người quét dọn vò bào, làm vệ sinh ngoài lán thủ công của toán. Tuy anh chỉ khoảng 45 - 46 tuổi nhưng mồm anh chỉ còn cái răng, nên má hóp vào thành móm sề. Anh đề nghị mọi người trong toán khi lao động ở ngoài lán thủ công hãy tiết kiệm nước uống. Các cán bộ vũ trang, từ nay chỉ dẫn anh vào giếng trại lấy nước có một lần vào tiết lao động sáng. Bởi vậy, chỉ có một gánh nước nên buổi sáng một thùng và chiều một thùng, thay vì hai gánh sáng, chiều như trước đây.

Vì không có đài, nên cũng chả biết lúc này là mấy giờ. Nhìn qua khe cửa sổ ra bên ngoài, trời đen kịt một màu. Tuy ngồi trong buồng, cạnh bao nhiêu người mà tôi vẫn lạnh run. Nhiều người đã ra chiều mỗi mét, ít nhất cũng gần 3 tiếng đồng hồ rồi. Tư tưởng tôi đang bồng bênh bản khoán, vẫn vít vào những tình huống của cảnh đời mới thì tiếng anh Lân dội lên:

- Cuối cùng xin anh Bình phát biểu cảm tưởng sau một ngày đi lao động.

Không hề nghĩ là anh Lân muốn tôi phát biểu hôm nay, vì tôi đã biết gì đâu? Bất ngờ nên hơi khó, tuy vậy sau một giây lấy lại tinh thần tôi chậm chạp nói:

- Thưa các anh, sau một ngày theo các anh đi lao động ở lán. Nó cũng là ngày đầu tiên đi lao động trong cuộc đời cải tạo của tôi. Rồi tối nay lại được dự một buổi sinh hoạt chung với toán. Cảm tưởng của tôi thì nhiều, nhưng cảm tưởng nào cũng còn nhiều ngỡ ngàng chưa rõ,

chưa chính xác. Có một điều đã rõ nhất là tôi được an lòng hơn so với khi chưa nhập trại.

Anh Lân thấy tôi ngừng lời, anh quay sang phía Vân:

- Đề nghị anh thư ký đọc lại biên bản cho toàn toán nghe như thường lệ.

Phan Thanh Vân đọc lại biên bản chưa xong, tuy đã gần hết thì keng cậm đã giống giả từng tiếng một, lạnh lạnh vang lên như khoa đập vào óc. Trong buồng lại ồn ào như tan hát. Chỗ thì chen chúc nhau vào nhà cầu, chỗ thì túm hụm chung quanh những chiếc điều cầy, trong khi Vân và Lân đang vội vàng ký vào những tờ biên bản.

Cái “Mảnh”Của Tên Trực Trại

Hôm nay hơi đặc biệt. Kềng cấm rồi mà đây đó, từ những chiếc điều cây đủ kiểu cứ thi nhau ré lên liên hồi như những chú dế cồ và những nàng dế đang thi gọi nhau, hẹn hò trao đổi ân tình trong đêm khuya.

Buổi sáng, cho tới khi tôi theo toán ra ngoài lán làm việc rồi mà lòng vẫn bồn khoăn không dứt về một sự việc sáng sớm hôm nay khi tên trực trại Cẩn vào buồng điểm tù. Điểm buồng xong, y dừng lại trước chỗ anh Phạm Tấn Tích đang ngồi, cất giọng Cao Bằng lầy lút:

- Hôm qua, anh Tích phát biểu hay và khá lắm!

Thoáng qua, nghe như một câu khen ngợi bình thường, nhưng đã làm cho cả buồng ngơ ngác, đờ đẫn, nhất là tôi. Óc tôi lướt nhanh, tổng hợp mọi hiện tượng và sự việc. Đêm qua, toán 2 sinh hoạt từ 6 giờ đến 9 giờ, kềng cấm. Bên ngoài trời mưa bay dày hạt, gió lộng lạnh thấu xương. Bao nhiêu câu hỏi cứ vẫn vít, quần quanh trong đầu tôi:

- Chẳng lẽ y chịu lạnh, đứng rình nghe bên ngoài vách để theo dõi buổi sinh hoạt của toán?

- Hay có đường dây báo cáo nào của toán 2?

- Tại sao sáng sớm hôm nay vào điểm buồng, y cố ý nói cho toàn buồng nghe để làm gì?

- Tại sao y lại chỉ rình nghe của toán 2 mà không ở các toán khác nữa? Hay có sự trùng hợp lúc Tích phát biểu thì y mới đến?

- Thực ra, bất cứ buổi sinh hoạt của toán nào đều có ghi biên bản. Như vậy, ai phát biểu ra sao thì trong biên bản đã ghi rồi. Tại sao y còn vào rình nghe?

- Chỉ là một tên trực trại, tại sao y lại theo dõi về tư tưởng? Theo như anh Đồng, lúc cùng ngồi ăn sáng nay với tôi thì tư tưởng thuộc về cán bộ giáo dục. Trực trại chỉ bao quát về nội quy. Trách nhiệm chính yếu của trực trại vẫn là nắm vững nhân số phạm toàn trại, từng buồng và từng toán.

Quá nhiều câu hỏi mà chưa có lời giải đáp thỏa. Trong lúc làm việc với Lê Sơn, tôi đã lựa lời, lựa lúc hỏi Sơn thì được biết thêm: hồi trước, ban đêm tên Cấn thường hay vào trại đi bên ngoài các buồng để rình nghe như vậy.

Lấy điểm này, cọ sát với điểm kia, loại bỏ những vô lý hoặc những vô lý hoặc mâu thuẫn thì chỉ có thể như sau:

- Dù ở khía nào thì tên Cấn cũng là một tên cán bộ mẫn cán. Phục vụ và tin theo hết lòng cái chế độ mà y đang làm việc.

- Y chỉ muốn tỏ cái tài, cái uy riêng của y với tù.

Để thực hiện cái ý trên, thỉnh thoảng y bỏ công, bắt ngờ vào rình, dò xét một vài sự việc. Rồi từ những sự việc y đã biết rõ, lấy đó làm ông "ba bị" để hù lát mọi người tù. Tưởng như làm cho mọi người tù đều nghĩ và tin rằng; y có nhiều tai mắt ở khắp nơi, khắp chỗ. Ai làm cái gì, nói gì y đều biết.

Nếu y tưởng như vậy là y làm, mà y làm thì cũng không có gì lạ. Bởi vì với mớ kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm đóng hẹp trong cái nhãn quan truyền thống giòng tộc của y; đối với bên ngoài, tưởng mình đang đứng ở vị thế cao nhất. Hơn nữa, trong lòng y lại đang dạt dào, say mê tin tưởng tự hào, đang phục vụ cho, hoặc y cũng là một nhân tố trong cái đảng "vĩ đại, uyên bác cao siêu nhất" của loài người.

Thực ra với chủ trương ấy, y cũng là một con "ngáo ộp" được với một số người kém hiểu biết hoặc lười suy nghĩ. Chứ không thể có tác dụng với những người như anh Phạm Tấn Tích chẳng hạn. Khi anh phát biểu có người ghi biên bản thì cá cái ban nghiên cứu của giám thị sẽ đều biết. Bởi thế, bất kể ai đứng rình nghe hay theo dõi thì có nhằm nhè gì với anh?

Buổi trưa, lúc ngồi ăn cơm ở hội trường, tôi dõi mắt nhìn theo một bác người cũng thật to lớn như Lê Văn Kinh. Tay bác xách một cái bị bằng vải xô cũ, một tay cầm chiếc gậy đang rờ rẫm, chậm chạp đi trên hè buồng số III gần bếp, hướng ra sân chính của trại. Đầu óc tôi còn đang dập dờn về một kiếp người đã mất cả đôi mắt rồi mà vẫn chưa yên, thì thấp thoáng thấy màu áo vàng ở sân A, một tên cán bộ tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Người y nhỏ con, da trắng trẻo, nếu không nói là có dáng dấp thư sinh, chừng tuổi 35. Y không đeo lon nên tôi không

biết y ở cấp bậc gì. Hai tay vắt chéo sau lưng, y chậm chạp thả bước nhàn du, lang thang trong trại. Thịnh thoảng đầu y nghiêng ngó, nhìn phía này, phía kia hoặc gật gật mỗi khi gặp một anh tù lễ phép cúi đầu chào y. Thái độ y vừa lạnh lùng, vừa lơ đãng.

Tôi cứ cảm thấy y là một tên tạch tạch sè (tiểu tư sản) chứ không quê đặc một cục, như tên Chu Huy Cận. Tôi thấy cậu Toàn đang ngồi lúi húi vá chiếc áo choàng bằng dạ, máu cứt ngựa ở mãi trong góc nhà ăn. Hẳn chiếc áo đã được sinh ra từ thời Tây, vì đã đụp nhiều tầng. Lách qua mấy chiếc bàn tôi đến bên, ra ý cho Toàn nhìn về tên cán bộ hầy còn đang lững thững gần cụm nứa phía dưới nhà ăn:

- Này ông cán bộ kia là ai đấy?

Toàn nhìn ra rồi quay lại ra vẻ hơi quan trọng, thì thầm:

- Đây là ông Đức, Thiếu úy, trưởng ban giáo dục trại này đó!

Tôi chỉ trả lời hai tiếng "thảo nào" rồi tôi mang chiếc rổ và cái đĩa nhôm đi vào buồng. Vừa đi tôi vừa nghĩ, làm sao mấy ngày tới, kiếm đâu được miếng vải khâu cái túi đựng bát, đĩa mới được. Ngay buổi chiều nay, một chiều thứ Bảy không mưa rơi. Sau khi đi lao động ở lán về, anh Lân đã phổ biến cho toán, sáng mai Chủ Nhật toàn trại đi lao động xã hội chủ nghĩa. Mục đích là dọn dẹp, sắp xếp làm vệ sinh toàn trại để chuẩn bị ăn Tết.

Toán 2 là toán có tay nghề, nên được phân công sang sửa, làm hai luống hoa dài trước nhà số một và số hai. Buổi tối, mới điểm xong, anh Lân đã lại vẫy tay gọi tôi sang chỗ anh. Chẳng hiểu vì nguyên do nào, tôi cảm thấy anh Lân dành cho tôi một sự gần gũi, thân thiện như đã quen biết nhau từ lâu. Anh mở choàng chiếc chăn anh đang ngồi khoác ra để tôi cùng vào ngồi. Choàng chung một chiếc chăn ngồi nói chuyện cho ấm.

Phần do lòng thiện cảm mến người của anh; phần khác do những cái ngỡ ngàng của buổi ban đầu giữa một nơi còn nhiều cái tôi chưa biết; lại nhìn thấy bao nhiêu hiện tượng làm cho tôi chưa được yên lòng nên khi anh gọi, tôi vẫn đến với anh. Tôi nghĩ rằng, mình thân mật, thường chuyện trò với anh toán trưởng sẽ ít lo lắng cho những ngày sau. Và lại, khi mới chuyển đến một môi trường mới, một vị trí mới trong cái mặt trận không đao, không súng này, không gì bằng hãy tìm một chỗ

nấp tốt; một chỗ đứng tương đối an toàn, để quan sát, nghe ngóng đã chứ! Cho nên, dù có thân mật, chuyện trò với ai thì tôi vẫn chả hay chưa thổ lộ hoặc nói một điều gì ngược lại với xu hướng tiến bộ chung hiện nay.

Khi anh biết tôi chỉ là một học sinh trong Nam, chưa vợ con gì, anh càng trêu đùa và cứ gọi tôi bằng "mày" xưng "tao". Lúc này tôi cũng đã biết nhiều anh em gọi lén anh là "Lân Lợn", có lẽ vì con người sỗ sề của anh. Ngay buổi tối đó, qua anh Lân, tôi được rõ thêm về lao động xã hội chủ nghĩa. Cứ một Chủ Nhật đi làm, thì một Chủ Nhật được nghỉ. Như vậy mỗi tháng có 4 tuần thì 2 tuần phải mất đi buổi sáng Chủ Nhật.

Một tuần lễ có 7 ngày, thì đi lao động 6 ngày rưỡi. Lao động thì cực nhọc như trâu, bò. Dù bất cứ ở ngoài đồng, trong rừng hay trong lán đều phải dốc hết sức mình ra làm việc. Quần áo dơ dáy, mụn rách phải đập vá, giặt giũ, còn tắm rửa. Với bao nhiêu việc khác nữa cho một cá nhân mà chỉ có nửa ngày. Con người bị coi như một cái máy. Bắt máy chạy liên tục mà chỉ đổ rất ít dầu, lại chỉ là dầu cặn, dầu thô như lời anh Khải đã phát biểu.

Đêm hôm ấy, lòng tôi cứ ngổn ngang với bao nhiêu khắc khoải cho cảnh đời trước mặt, nhất là lại nghe tin anh Khâm nào đó mà tôi chưa hề biết mặt, mắc bệnh lao của toán 2 đã chết ngay, trong đêm. Thế là toán 2 cũng chưa kịp cử người thăm hỏi, như đề nghị của bác Chánh trong buổi sinh hoạt tối hôm qua.

Mấy đêm nay, đêm nào giấc ngủ cũng không yên, tôi cứ trằn trọc thấp thỏm mệt mỏi rã rời cả thể xác, lẫn tinh thần; tôi chìm đắm vào cơn ngủ muộn xen lẫn những tiếng thở dài.

Sáng hôm nay, tôi đã mở mắt rồi mà chưa thấy keng báo thức. Liếc nhìn đây đó trong buồng, vẫn màn mắc vây kín mít. Không chịu được mãi nổi bần khoăn trong lòng, tôi cố liếc nhìn qua khe hở của tấm vách liếp. Bên ngoài, trời đã hơi mờ mờ sáng, rõ ràng đã muộn hơn mọi khi. Tôi nghiêng người nhìn qua màn Vân. Thấy dáng Vân vẫn nằm dài, không biết thức hay ngủ. Tôi còn đang nhấp nhòm chưa yên thì hình như Vân cũng đã đoán được nổi bần thần của tôi. Khi thấy tôi cứ xoay trở lục đục, Vân nhỏ nhẹ như tiếng gió:

- Cứ ngủ nữa đi. Chủ Nhật, sáu giờ ba mươi mới keng báo thức.

À ra thế! Bụng tôi nghĩ vậy, rồi tôi mơ màng để hồn lãnh đãng cho thân xác bập bênh chìm nổi trong giấc ngủ tiếp mập mờ. Hồn tôi đang lơ lửng với gió mây thì tiếng keng đã khua vang núi đồi. Những chiếc máy người lại bắt đầu khởi động cho công việc một ngày.

Qua những lúc chuyện trò ngắn ngủi với Vân, mãi đến hôm nay, tôi mới biết Vân không hút thuốc lào. Mặc dù những năm trước đây, anh đã hút khi mới bị bắt vào. Bây giờ anh đang cố xoay sở, móc nối với những anh tự giác của toán rùa, để mua được những lá thuốc khô (một loại thuốc lá, khác với cây thuốc lào) do chính họ tranh thủ ngoài giờ, trồng được trong khu vực của toán họ. Vì không có công sức và thời gian chăm bón, nên mỗi anh chỉ trồng được vài chục cây. Do đó, khi các anh lén lút đưa thuốc được vào trong trại, thì bán hơi đắt. Chỉ những ai có nhiều tiền mới hút được.

Như vậy, tôi đã hiểu về giờ giấc ngày Chủ Nhật lao động xã hội chủ nghĩa. Bảy giờ ba mươi mới keng tập họp để tám giờ thì bắt tay vào lao động, đến mười hai giờ trưa mới nghỉ. Những điều ấy tôi chưa hỏi anh Lân tối hôm qua.

Khoảng bảy giờ, anh Lân, Vân và tôi ngồi nhai sắn sắn, trên chiếc chiếu con trai trên hè nhà, ngay cạnh cửa ra vào. Trời sáng nay không một vẩn mây, tuy thỉnh thoảng những đợt gió mùa Đông Bắc vẫn ào ào, luồn cái rét ngọt vào cơ thể mọi người. Nhưng ai cũng cảm thấy dễ chịu hơn là có thêm mưa. Bởi vậy, trên hè, tuy bằng đất nện, nhưng khô ráo sạch sẽ nên cũng lổ nhổ nhiều người. Cả toán ba lẫn toán hai đang ngồi ngòm ngoàm những củ sắn để chờ giờ đi lao động.

Từ dưới sân chính phía nhà bếp, thoáng thấy bóng tên trực trại đi lên. Khi tới ngang buồng hai, y ngoặt vào, bước lên hè, làm nhiều người râm ran lên tiếng:

- Chào cán bộ ạ!

Y bước vào trong buồng một mình, nên anh Lân buồng trưởng phải đứng lên vào theo. Bên ngoài này, tôi và hẳn còn nhiều người đều nghĩ, y lại sắp đem ai đi cùm, nên những chiếc mồm đang nhai sắn đều ngậm ngừng, lắng nghe chờ đợi.

Một lúc sau, từ trong buồng y trở ra tới cửa, tôi và Vân vẫn cúi đầu chậm chạp, ngọam nốt suất sắn sắn đang ăn dở. Thoáng bóng một

bàn chân dép râu với chiếc ống quần màu vàng, vừa để lên bậu cửa buồng, chếch ngay phía sau lưng tôi. Như vậy, y đang đứng nhìn Vân và tôi. Một giây sau, y cất tiếng hỏi đột ngột:

- Anh Bình, đêm qua anh nói mơ hay nói thật? Anh nói gì anh còn nhớ không?

Tôi quay lại, vì hơi bất ngờ nên làm tôi cũng hơi ngỡ ngàng. Tuy thế, chợt nhớ tới sự việc của y với anh Phạm Tấn Tích sáng hôm qua, nên tôi đã bình thản hỏi lại y:

- Thưa ông tôi đã nói mơ gì ạ?

Một vài giây, y ngập ngừng, trong khi có nhiều bộ mặt chung quanh, kể cả anh Lân đang lo lắng nhìn tôi. Hơi sừng sộ, y lớn tiếng:

- Anh thường nghĩ về cái gì, thì anh nói cái đó!

Hơi nhếch mép nhưng không cười, tôi trả lời:

- Nếu vậy, hẳn rằng tôi lại nói về cái ăn rồi. Vì suốt ngày, lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ đến cái ăn mà thôi.

Hơi nặng chân, y bước hẳn ra ngoài, xuống sân. Ngoay ngoáy đi về hướng nhà bếp, hẳn rằng trong lòng y đang mang một nỗi hậm hực. Tôi nghĩ thầm: thật là may, câu trả lời của y đã mở cho tôi một lối thoát để trả lời. Bởi vì, tuy từ nhỏ tới giờ tôi chưa hề bao giờ nghe thấy ai bảo tôi ngủ nói mơ, dù rằng tôi thường nằm chung đống với nhiều người khi còn ở trại sinh Phú Thọ cũng như trong tù hiện nay. Song le ai dám chắc chắn, khẳng định hiện nay và sau này mình không bao giờ nói mơ, nói sảng? Chứ còn ngủ mơ thì ai mà chả. Nếu không thì làm sao lại vẫn có câu ca dao lơ lửng: "đố ai nằm ngủ không mơ..."

Y đã đi rồi, cũng chẳng một ai hỏi han tôi về sự việc này, kể cả anh Lân và Vân ngồi ngay cạnh tôi. Đưa mắt nhìn lên mây tầng mây trắng đang lững lờ bay, tôi nói một câu trống không:

- Hôm nay trời rét ngọt!

Một Buổi Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa Ngày Chủ Nhật

Hai con chim cánh thật trắng từ hướng Nam đang soái cánh chống với gió ngược, lao về phía Bắc xa vời. Mấy ngọn nứa già phía cuối hội trường đang nghiêng ngả, rũ rượi, gật gù như cảm thông với nỗi đắng niềm cay của kiếp người. Mười chiếc lá khô từ mái phía góc nhà kỳ luật, quện đuổi theo nhau chạy đến gần buồng số II rồi cuộn xoay lại, quay tít.

Lần lượt nhiều người đứng dậy, cuộn chiếu vào trong buồng. Không bảo nhau, nhưng hình như cùng cảm thấy cái rã rời nặng nặng của cõi lòng ứa ra, rải khắp đâu đây, cả Lân, Vân và tôi đều đứng dậy, chậm chạp bước vào trong buồng.

Vào buồng, chưa ngồi nóng chỗ thì phía ngoài cửa đã có tiếng xôn xao. Thấy anh Lân chạy ra, tôi cũng bước theo. Ngay mé hè, anh Lý A Chén đã mang về một đồng cốc, xeng và một cái hòm dụng cụ đồ mộc với mấy cái cưa tay. Và kia rồi, từ phía dưới sân lớn của trại, có 3 anh của toán làm sân đang ề vai vác 3 bó nứa tươi to tướng, đốt thật dài. Mầu nứa tươi xanh mát cả mắt, lần đầu tiên tôi thấy, nên cứ nhìn mãi. Ở miền xuôi trước đây, tôi chỉ nhìn thấy nứa khô mà thôi. Tôi cứ luẩn quẩn, loanh quaoanh bên 3 bó nứa mãi, nếu không có một anh tự giác khác lễ mễ gánh đến một gánh gần hai chục túm những cây hoa con. Một niềm háo hức yêu hoa đã đẩy tôi rào bước chạy lại. Những cây hoa nhỏ nhiều loại, với những cánh hoa nhiều màu sặc sỡ làm nhiều người túm hụm vây đến.

Cây to, cây nhỏ, cây đã có hoa, cây chưa ra nụ. Trong hàng chục loại hoa này tôi chỉ biết được mấy cây: thược dược, mười giờ, cúc đại đóa và hoa....hồng. Do nhiều các anh, các bác đang đứng chỉ chỗ bình phẩm, nên các cô nàng e ấp cứ cúi mặt che giấu thân thể, đành ngập ngừng khai rõ họ tên: vọng ư thảo, vạn thiên kim, bách hợp, đinh tử hương, bóng nước, tư lự với tóc tiên. Cô nào cũng mơn mớn đào tơ, lá lướt chuẩn bị để đón chúa Xuân sắp trở về.

Ngay từ khi còn dưới Hỏa Lò, "khách sạn Hilton Hà Nội", đã nhiều lần tôi băn khoăn tự hỏi: tại sao trong chỗ thâm u, mờ mịt thê lương của ngục tù, chỉ có cùm, xích với những tiếng rên xiết, quằn quại, đắng cay thì người ta lại trồng nhiều hoa? Vì hoa là biểu tượng của hạnh phúc ấm êm, của ngọt bùi tươi sáng trong cuộc đời? Khi đó tôi đã

tưởng, phải chăng đây chỉ là ý thích của tên Võ già, chánh giám thị của Hỏa Lò, người miền Nam. Nhưng lúc này, một trại giam, hẻo lánh xa xôi nơi đây, cũng đang được lệnh trồng hoa. Như vậy, phải chăng đây là một chủ trương của cục Lào Cai?

Lòng tôi còn đang bồng bềnh lẫn lộn giữa những hương sắc ngọt, bụi hạnh phúc của cuộc đời với những nỗi đắng cay tủi nhục, lăm than của kiếp tú, thì keng tập hợp đã gióng lên đập tan nguồn suy nghĩ lãng đãng, vẩn vơ của tôi.

Chỉ nửa giờ sau, khi các tên cán bộ đã dặn dò, phân công với những anh toán trưởng từng toán. Tổ nào, toán nấy năng nổ, hùng hục làm việc khắp nơi, khắp chỗ trong trại. Chỗ cửa, chỗ đục, chỗ quét dọn râm ran tiếng chuyện trò, tiếng í ới gọi nhau. Tôi vừa kéo dây, cầm thước cho Đinh Sơn và anh Lân cầm cọc, phân luống trước nhà số II và III, vừa nhìn cái cảnh huyên náo, tấp nập làm việc của mọi người, mọi toán. Một khí thế lao động như giục giã, lôi, thúc người khác. Lòng tôi dâng lên một mối thần thờ hoang mang, xen nhiều nỗi ấm ức không hiểu được. Đói khát, khổn cùng, thương đau tràn lổm mà mọi người vẫn hăng say, thi đua làm việc quên mình là vì sao?

Tôi mới mờ mờ cảm nhận thấy cái khả năng của Cộng Sản: phỉnh phờ, dụ dỗ khích lệ, nhử mồi như cách mạng, yêu nước, yêu nhân dân, công bằng, ấm no, hạnh phúc ngày mai v.v... Kết hợp nhuần nhuyễn với súng, dao và cái dạ dày đã gây ra ao áp lực ngầm, để mọi người tù dù không còn cả muốn sống nữa mà vẫn phải bóc xương, bó tủy ra làm hết sức của mình. Thật là đáng kính nể những tên cáo già trong bộ chính trị của lũ cộng đồ.

Hôm nay làm việc trong trại nên tôi có điều kiện chạy chỗ này, chỗ kia đây đó để nhìn các toán làm việc. Riêng toán 5, toán rau xanh do anh Xuân Tảo làm toán trưởng. Do anh Đồng, tôi đã biết anh là một nhà tư sản ở Hải Phòng. Người anh cũng mập như anh Lân, cũng nước da mai mái khô cằn, chừng 45 tuổi. Anh ăn nói nhã nhặn, điềm đạm, nên tôi cũng muốn có dịp làm quen với anh. Toán của anh có trách nhiệm nhặt cỏ và dọn lá cây khô phía trong hàng rào cấm, dọc theo chung quanh của hàng rào trại.

Đến đây tôi đã có khái niệm về hình thể phân trại E. Trại hình chữ nhật dài, nằm quay mặt về phía Đông Nam. Chiều dài chừng 150 mét, rộng chừng 80 mét. Hàng rào làm bằng những cây nứa, cao 8 - 9

mét. Nửa được chôn sâu xuống đất 40 phân gồm 2 lượt, kên sát vào nhau. Lượt ngoài chôn nghiêng 10 độ phía này, lượt trong nghiêng 10 độ phía kia. Ghép liền, kên chặt bằng 3 lượt đà tre nằm ngang với lạt và dây rừng. Trong cũng như ngoài cứ 4 mét, lại chôn một cái cọc gỗ to, vót nhọn đầu, đường kính từ 15 đến 20 phân, cao 2 mét. Nó to và chắc chắn như một chiếc cột, buộc ghì chặt vào hàng rào. Như vậy, hàng rào dày đến 15 – 16 phân, kín mít không còn một khe hở. Tuy chỉ bằng gỗ và tre nửa nhưng thật là kiên cố, vững chãi; vừa ngăn tù trốn lại vừa chống với gió bão hàng năm của đất trời.

Phía bên trong, dọc theo hàng rào chính; cách hàng rào chính một mét là hàng rào cấm. Hàng rào này chỉ cao chừng 1 mét 20. Bốn góc trại có 4 chòi gác bằng gỗ, lợp nửa cao 9 – 10 mét, cao hơn cả hàng rào chính để công an vũ trang ngồi gác, có thể quan sát hết phía trong đến bên ngoài trại.

Riêng cổng trại ra vào là một chiếc cổng to 2 tầng, cũng lợp bằng những tấm phen nửa. Tầng trên, công an vũ trang ngồi gác cổng, trên đó treo một chiếc vỏ quả bom 50kg dùng làm keng. Tên bộ đội gác ở cổng này, ngoài nhiệm vụ gác cổng, phải chú ý giờ giấc để đánh keng trong những giờ đã quy định.

Nhân số toàn phân trại E lúc này khoảng 310 người. Hầu hết là chính trị phạm với những thành phần: khoảng hơn hai chục người là biệt kích, gián điệp, người nhái (Biệt Hải) từ trong Nam ra Bắc hoạt động. Chừng trên dưới 100 người là dân tộc thiểu số: Mường, Mán, Mèo, Thổ, Nùng, Thái, v.v... bị Cộng Sản ghép cho cái tội là làm "phi". Số còn lại linh tinh gồm: đảng phái, tu sĩ, tư sản, quân cán tập kết, vượt tuyến v.v... bị ghép chung một tội là phản cách mạng, phản tuyên truyền.

Khoảng 11 giờ 30, tên Cán trực trại vào đi kiểm tra khắp nơi những kết quả của từng phần việc được giao từng toán trong buổi lao động xã hội chủ nghĩa, để lấy điểm thi đua.

Điệp Vụ C47

Buổi trưa nay, sau khi cơm nước xong, tuy không mưa nhưng vẫn không có mặt trời. Vẫn thỉnh thoảng có những đợt gió mạnh rào rào chui vào trong trại nên đã có nhiều người đi nằm đắp chăn. Hàng tuần lễ nay có gió mùa Đông Bắc nên tôi không tắm được, thấy ngứa ngáy, khó chịu. Tôi rủ Toàn xách gầu xuống dưới giếng, dù không tắm được thì cũng phải lau người.

Hai anh em dùng chiếc khăn vải nhúng nước, rồi cứ mặc quần áo, cho khăn ướt vào lau trong người. Thế mà hàm răng anh nào cũng đập vào nhau càn cạch. Còn quần áo, tuy cũng thấy dơ bẩn nhưng xin cho miễn, đợi có dịp nào cũng vào ngày Chủ Nhật mà trời lại nắng hãy hay. Hơn nữa, tôi với Vân đã có hẹn nhau trong lúc lao động xã hội chủ nghĩa, chiều nay sẽ ra hội trường nói chuyện. Khi tôi trở về đến buồng, tuy mới khoảng 2 giờ chiều nhưng nhiều người hãy còn nằm im trong chăn. Thấy Vân vẫn ngồi khoác chăn cuộn thuốc lá, tôi nói như đùa:

- Sao, Vân không tắm à?

Ngửng lên, ánh mắt của Vân như cười, nhỏ nhẹ:

- Tháng trước mình vừa tắm rồi!

Nói xong, Vân vừa đưa tôi điếu thuốc vừa hỏi lại:

- Bây giờ Bình có ngủ không? Mình ra hội trường nói chuyện cho thoải mái he?

Tuy tôi chỉ gật đầu, nhưng Vân cũng hiểu là tôi gật đầu cho ý sau, chứ không phải ý trước trong câu hỏi của Vân. Vì thế, Vân vội thu dọn linh kính những đồ nghề ra tiếp tục cuộn thuốc, vừa ngạp ngừng, dè dặt hỏi tôi:

- Bình là công giáo à?

Nhìn Vân dăm dăm, tôi khẽ gật đầu nhưng mắt tôi như muốn hỏi lại "có sao không"? Nhưng Vân vẫn không có thái độ gì khác, vẫn cầm củi cuộn thuốc. Sau vài câu chuyện không đâu, Vân nhìn tôi, ra dáng băn khoăn:

- Bình biết về tôi ra sao, và vì sao Bình lại biết?

Dù rằng đã trao đổi, chuyện trò với Vân trong mấy ngày qua chưa nhiều, chưa đủ. Rồi lại qua lời Toàn dặn dò phải coi chừng Phan Thanh Vân. Nhưng qua từng điệu bộ, dáng đi, cách nhìn, cách nói của Vân thể hiện trong khi chuyện trò, tôi vẫn cảm thấy Vân là người chân thành, dù anh vẫn còn ít nhiều dè dặt. Và lại quan điểm của tôi: mình muốn người ta đối xử với mình ra sao thì mình hãy đối xử với người ta thế vậy, trước đã.. Vì vậy tôi đã chân thành nói thật hết, nội dung:

Từ một ngày Chủ Nhật 24/6/1962, tôi bị bắt vào Hỏa Lò, nhìn thấy Vân ngồi ở gốc cây bàng. Rồi khi còn ở trong Nam, một buổi nghe đài miền Bắc ở Cấp (Vũng Tàu) cho tới khi ra Hà Nội mua và đọc cuốn C47. Cũng như thời gian ở xà lim II, một buổi tối nghe Vân đọc lời kêu gọi anh em trong binh chủng không quân hãy lái máy bay vào vùng giải phóng v.v... Tóm lại, tôi đã nói hết những sự việc tôi đã biết về Vân.

Khi nghe tôi kể chuyện lại, ánh mắt của Vân đã giảm hẳn sự dè dặt, dọ dẫm, nhường cho sự gần gũi, thân mật, tin tưởng hơn. Tôi tin tưởng mãnh liệt rằng, sự thật bao giờ cũng có hồn, sẽ có sức truyền cảm mạnh đến người nghe. Cứ cần sự thật dù cách nói của mình có kém, có lúng túng không diễn đạt hết được ý, nhưng rồi người nghe cũng tin mình.

Vân rất ngạc nhiên và băn khoăn không biết được rằng điệp vụ C47 của anh, Cộng Sản đã xuất bản thành sách. Băn khoăn vì Vân không biết Cộng Sản đã nói những gì về anh. Thấy Vân nóng nảy muốn biết một vài khía cạnh nói về Vân trong nội dung tập sách, nhất là khi Vân nghe tôi nói: hầu như cuốn sách đã tường thuật lại đầy đủ về phiên tòa và nội dung vụ án mà còn có nhiều tấm ảnh tài liệu. Thậm chí chúng chụp cả bản khai cung của từng người như Vân, Phạm Văn Đăng (thợ máy), Đinh Như Khoa (gián điệp) v.v...

Một phần, cả tập sách điệp vụ C47 dày gần 300 trang với bao nhiêu sự việc, lại nằm trong mục đích tuyên truyền, làm sao tôi nhớ và kể hết được. Phần khác, trong lòng tôi cũng nôn nóng. Tôi đã nghe đài Cộng Sản nói về Vân. Tôi cũng đã đọc sách của Cộng Sản nói về điệp vụ C47 của Phan Thanh Vân. Bây giờ do điều kiện và hoàn cảnh đặt, đưa tôi lại gặp Phan Thanh Vân. Vậy tôi muốn biết những tình tiết thực tế của sự việc, để so với những điều tôi đã đọc trên sách.

Vì vậy tôi đề nghị Vân: hãy kể lại sơ lược sự việc từ đầu, diễn tiến ra sao. Tùy theo đây tôi sẽ có những câu hỏi, hoặc cho Vân biết là trong sách đã có sự khác biệt, khi cùng nói về một sự việc. Tay Vân đang quần thuốc, như ngập ngừng, rời rạc. Mắt Vân lảng đong đăm chiêu. Hẳn là Vân đang lần giở lại những trang đời nhiều mây gió, chông chênh những dáng hình, sự kiện trong hố sâu góc ngách của tâm tưởng. Anh hơi ngừng đầu lên. Mắt anh rồi nhìn về những ngọn nứa già đang lắc lư phía bên ngoài trại. Giọng anh chậm rãi đều đều với nội dung:

- Ngay từ hồi niên thiếu cắp sách tới trường, đôi khi tôi đã say mê đờ đẫn, nhìn theo những chiếc máy bay ì ầm, vi vút trên nền trời quê hương. Tôi đã có những ước mơ như một hoài bão: sau này tôi sẽ tập trung mọi nỗ lực để thực hiện một mục đích, là trở thành một phi công cho thỏa chí ngao du hồ hải.

Cuối cùng sau bao nhiêu những cố gắng miệt mài, tôi đã được tuyển mộ đi học lớp phi công ở Marrakech. Tôi tốt nghiệp, trở về nước với những lời ngợi khen là một phi công ưu tú của các huấn luyện viên người Pháp trong trường. Lúc này, thực sự tôi chẳng hề có một chính kiến, dù chỉ là khái niệm về chính trị, đối với quê hương dân tộc. Ngoài những giờ bay nhiệm vụ, cũng như tập tành, huấn luyện, tôi vẫn buông lỏng tâm hồn, đắm chìm vào những thú rong chơi; là lướt với những hương sắc của cuộc đời. Thậm chí, với những bối cảnh đẩy đưa cho mãi tới khi tình nguyện nhận lái chuyến bay định mệnh này, tôi vẫn chưa ý thức được đầy đủ về Cộng Sản, cũng như mức độ hiểm nguy thực sự của chuyến bay. Một chuyến bay, một công tác nguy hiểm, đầy cam go, có thể một đi rồi sẽ.....không trở về.

Tâm tư tôi bàng lảng, lơ là nhìn chuyến đi như nhìn một khẩu hiệu, một tấm bảng ghi một chỗ; "nguy hiểm chết người". Nhiều lúc tôi cũng cảm thấy đôi phút ớn lạnh, rùng rợn như đang nhìn thấy một người giết một người. Lòng vẫn mơ hồ lảng đãng, người bị giết đó không phải là mình. Rồi cứ tiến bước trên con đường mình đã chọn.

Tuy vậy, khi chuyến bay vượt qua vĩ tuyến 17, bắt đầu xâm nhập vào bầu trời của miền Bắc, dù còn ở ngoài khơi biển Đông, cả 9 người chúng tôi trên chuyến bay đều bắt đầu căng thẳng thần kinh. Thịnh thoảng người này liếc đôi mắt lảng lo nhìn người kia, chứ không ai nói với ai một lời. Đôi lúc thân chiếc C47 rung giật lên. Dù đó chỉ là hiện tượng bình thường của những chuyến bay đêm, cũng làm cho bầu không khí ngột ngạt, nặng nề thêm. Tôi nhìn nét mặt đăm chiêu của

anh Tiêu Huỳnh Yên, điều hành viên, đang ngồi giữa tôi và anh Thích, phi công phụ. Rồi tôi ngoái lại, nhìn Đăng, cơ khí viên cũng đang ngồi trên đồng bao lô dụng cụ quân trang. Tay anh đang chống cằm dáng mõi mết, dựa lưng vào thành chiếc cửa thông lên buồng máy. Đăng cũng đang chăm chăm nhìn tôi thì anh Yên cao giọng nhắc nhở: “đã sắp đến điểm chuẩn, quẹo trái, chệch 40 độ vào hướng đất liền”.

Tôi nhớ rõ. Khi máy bay vào sâu nội địa, ở độ cao ba ngàn thước, chỉ chừng 20 phút thôi. Bầu trời như bức màn đen, không một mảnh trăng sao, lúc đó khoảng một giờ 20 đêm. Đột nhiên tôi thấy nháng lên như ánh chớp màu da cam, ngay trước mặt. Máy bay rung mạnh, không hề nghe thấy một tiếng nổ bay bất cứ một âm thanh gì, mắt tôi còn thoáng thấy anh Yên và anh Thích ôm chầm lấy nhau. Rồi tôi không còn biết gì nữa.

Mãi khi thấy lạnh run, tôi mở mắt ra, nhưng vẫn đen kịt. Người tưởng như vỡ nát ra, tôi không cử động được chân tay nữa. Hồn lãng đãng lửng lơ, tôi tưởng tôi đã chết rồi hay đang...chết. Sau đó, một lúc, tôi mới thấy đau như khắp cả người, chỗ nào cũng đau. Tay chân tôi vẫn chưa hề cử động được. Tôi đã mở mắt ra nhiều lần, nhưng vẫn không nhìn thấy gì. Đầu tôi như có ai đang cầm chiếc gậy cứ đập cứ đập vào đều đều.

Nói tới đây thì Vân ngừng lại. Tôi nghĩ là Vân muốn lấy hơi, vì nói đã hơi dài. Nhưng khi tôi nhìn con mắt của Vân trắng bạch ra lơ láo như hầy còn toát ra nỗi kinh hoàng, hãi hùng của giây phút rùng rợn gần 7 năm xưa. Tôi không dám lên tiếng, tôn trọng cái phút xuất hồn của Vân. Tôi vẫn im lặng, đưa mắt nhìn mấy bông bách hợp đang đong đưa, chờ Vân tiếp tục.

Một lúc, rồi anh lại thẫn thờ nói tiếp, giọng nao nao, da diết:

- Tôi mê man, trong đầu như có một khoảng rỗng im lìm. Chẳng còn một ý niệm gì về thời gian, không gian, rồi tôi lại không biết gì nữa.

Tôi cũng chẳng biết là cho đến bao lâu. Mãi khi tai tôi chợt nghe văng vẳng trong gió lao xao, loáng thoáng có tiếng người. Chợt lơ mờ có ý niệm về chiếc C47 tôi đang lái đã bị bắn và tôi đã rơi xuống đất. Tôi lại mờ choàng mắt ra, lúc này đã nhìn lơ mơ thấy khung cảnh đồng ruộng. Đầu đau nhức như có người lấy dao nạo vào óc tôi. Tai tôi đã nghe rõ tiếng người hò hét xa xa. Một ý thức bừng dậy thành phản xạ

của sự sống còn, ập đến như một đòn bẩy giúp tôi đã nhắc được đôi tay. Mắt tôi đã nhìn thấy mờ mờ màu đỏ loang lổ của máu nhầy nhựa lẫn vào đất bùn. Cả một nửa người tôi đã ngập sâu dưới bùn. Tai vẫn nghe tiếng léo nhéo, quát tháo vẳng vào trong gió. Cố vùng vẫy, kéo người lên khỏi đám xình lầy, nhưng tôi bất lực. Tôi tưởng phải nằm chịu trận, phó mặc cho cuộc đời. Nhưng rồi, đột nhiên như có một nguồn sức mạnh ở đâu đến trợ giúp, tôi đã ngoi và rút cả người lên mặt ruộng. Mắt tôi đã nhìn thấy những đám cỏ lúa thưa và tôi đã hiểu đây là một cánh đồng cỏ. Những tiếng quát càng lúc càng gần, lẫn lộn của đàn ông, phụ nữ:

- Chỗ này có một cánh tay!
- Chỗ này có một chiếc giày!
- Có đứa còn sống. Các đồng chí cẩn thận!

Tôi run người lên, nhìn về phía trái có một đám cỏ rậm, mọc cao cách xa tôi chừng hơn 10 mét. Tôi cố nhoài, cố lê, rồi tôi cũng chui được vào đám cỏ rậm ấy. Những tiếng người hò hét như đã gần bên tôi. Phần vì khắp người đau như dầm; phần khác, quá khiếp sợ, óc tôi tê đi. Và lại, còn bao nhiêu sức cuối cùng vì sự sống còn tôi đã dùng hết để bò vào tới đây. Cho nên khi đã nghe thấy cả những bước chân lội bì bõm, tôi cũng đành nằm im, bất động; không còn một hơi sức nào để tự bảo vệ nữa. Cho đến lúc họ đã quát tháo ầm ầm ngay bên tai mà tôi vẫn nằm như một xác chết. Họ hò nhau, túm lấy chân tôi, kéo ra khỏi lùm cỏ rậm.

Lúc này, trời đã sáng rõ. Bao nhiêu là người, đàn ông, đàn bà lẫn nhỏ vây quanh tôi. Súng ống, gậy gộc. Họ hầm hè như muốn nhai xương, ăn thịt tôi. Đau đớn, sức tàn, sợ hãi, tôi lại nhắm mắt lại. Những tiếng quát, tiếng chửi vẫn ập, ngoáy vào tai tôi:

- Nó hãy còn sống!
- Đập chết nó đi!
- Nó là biệt kích của Mỹ Diệm!

Có một tiếng quát to, đõng dạc như ra lệnh:

- Không ai được đánh chết nó. Hãy lấy cang khênh nó về cơ quan!

Nghe Vân kể đến đây, mặt Vân vừa tỏ ra mệt, vừa buồn rười rượi. Hơn nữa, trời cũng đã chiều gần tàn, sắp đến giờ cơm, nên tôi khẽ đặt tay vào vai Vân, nói nhẹ nhàng:

- Xin cảm ơn Vân, lòng tôi cũng xúc động, cảm thông với những giây phút kinh hoàng gần 7 năm xưa Vân đã trải qua. Còn một điều tôi muốn nói nữa: có lẽ đó là những hình ảnh hãi hùng, khiếp đảm lớn nhất, đã hằn sâu nét vào tâm hồn, nên Vân vẫn còn nhớ đầy đủ những chi tiết tỉ mỉ đáng ngường mộ.

Vân nhìn tôi đầy thiện cảm, ánh lên màu tin tưởng, tuy mắt Vân vẫn còn vương vít một nỗi buồn mênh mông. Vân nhếch môi cười gượng gạo, nói nhát gừng:

- Những phút đầu và những ngày đầu thì vẫn cứ như in trong óc, nhưng những ngày tháng sau này thì tôi chẳng còn nhớ gì cả, ngoài những sự việc chính.

Phía buồng II, đã có một số các anh, các bác đem cân và bát, đĩa ra hè. Quay lại, tôi bảo Vân:

- Chắc cũng sắp kêng cơm rồi! Ăn cơm xong, tối nay mình sẽ nói chuyện tiếp.

- Không được! Không tiện, để dịp khác, còn nhiều ngày.

Vân vừa lắc đầu, vừa nói, vừa đứng dậy mang túi thuốc lá về buồng. Tối nay, sau khi điếm xong, cửa buồng đã khóa, tiếng loa lại léo nhéo, rì rầm nhỏ to như mọi khi. Tôi đã hiểu, một tuần chỉ có mỗi ngày Chủ Nhật là không sinh hoạt buổi tối mà thôi. Tôi có ý định chờ cán bộ trực trại vào điếm xong sẽ hỏi tiếp Vân một số điều. Câu chuyện lúc chiều với Vân còn đang dang dở, nhưng đã thấy Vân chuẩn bị chặn đi nằm. Có thể câu chuyện lúc chiều đã gợi lại cho Vân nhiều nỗi niềm ngược xuôi, với đầy của cuộc đời. Vả lại, tôi chợt nhớ, ngay buổi chiều, khi còn ở hội trường Vân đã nói trước, không muốn nói những chuyện như vậy ở trong buồng.

Phỉnh Phờ, Dụ Dỗ

Đã từ mấy ngày nay, tôi vẫn nhớ một cậu có nét mặt trẻ măng, vẫn nhìn tôi bằng ánh mắt tràn đầy thiện cảm. Chính một lần cậu ta đã nhắc nhở tôi phải coi chừng Toàn. Qua Châu, tôi đã biết cậu ta cũng ở trong Nam và cùng ở trong toán biệt kích của Shè Khửu Sáng. Hiện nay, cậu ta ở toán 3 (xẻ), nằm trong góc, sà trên phía trước. Tôi cũng hơi ngập ngừng khi định trèo lên thăm hỏi, chuyện trò với cậu ta. Chỉ vì, ngay ở toán mộc, còn nhiều người; họ hoặc tôi chưa dám tiếp xúc với nhau, huống chi cậu ta lại ở toán 3.

Nhưng từ bản tính thích tìm hiểu những điều mới lạ, lại cùng một buồng thăm hỏi thì có sao đâu. Nghĩ thế, tôi đã trèo lên sà chỗ cậu ta. Thấy tôi nhô đầu lên, cậu ta vừa ngỡ ngàng, ngạc nhiên, lại vừa mừng, vồn vã ân cần tiếp chuyện tôi.

Khi biết tên cậu là Hùng, Hoàng Mạnh Hùng, tôi chợt liên tưởng tới anh Hoàng Hùng, tiểu đoàn phó "một chiến sĩ của Điện Biên" năm xưa, đã dẫn đại đội của mình, cắm lá cờ đầu tiên lên nóc hầm của tướng De Castrie. Tôi đã nằm với anh ở buồng số 2, xà lim II của khách sạn Hilton Hà Nội. Một thoáng chạnh lòng, ngậm ngùi nghĩ đến anh. Chẳng biết anh còn sống hay đã chết, trong cái đêm oan nghiệt của đời anh?

Tôi còn đang ngỡ ngàng khi biết Hoàng Mạnh Hùng là người Thổ, dân tộc thiểu số, mới có 23 tuổi đời mà đã bị bắt 3 năm rồi, thì đã thấy Shè Khửu Sáng từ sà dưới trèo lên. Sau khi ngồi yên chỗ, Sáng nói như thì thầm:

- Khi biết anh cũng ở trong Nam ra, chúng em đã nhiều lần muốn đến thăm anh mà chưa dám.

Tôi cứ nhìn con mắt của cậu Sáng. Con mắt trái hoắm sâu vào, một dòng nước nhờn trắng đục như rỉ, đang sùi ra một cục. Mặt cậu thật hiền hòa, toát ra một nét chất phác của tuổi đời 26. Rồi tôi lại nhìn Hùng, nước da trắng trẻo, mặt như còn hơi sữa. Lòng tôi dâng lên niềm dạt dào mến thương các cậu. Một sự gần gũi ân tình anh em, chiến hữu cùng trong một cảnh ngộ đã sưởi ấm hồn nhau.

Do buổi tối này, anh em bên nhau thì thầm, nhỏ to trò chuyện, tôi đã biết sơ lược về toán của các cậu như sau:

Toán gồm tất cả 7 người. Vào lúc 2 giờ, một đêm cuối tháng 4/1965, toán đã nhảy xuống một vùng rừng già thuộc tỉnh Cao Bằng. Toán trưởng là Nông Quốc Hải, 26 tuổi (1965) người dân tộc Thổ. Toán có nhiệm vụ lúc đầu là bắt mối, liên lạc với địa phương, gây một cơ sở đầu cầu cho những toán kế tiếp. Sau đó, thâm tập một số tin tức tình báo thuộc địa bàn hoạt động. Nhưng khi toán nhảy xuống điểm đã được quy định, chỉ 2 giờ sau đã bị bao vây. Trong lúc đêm tối, hỗn loạn chiến đấu, người chết, người bị thương tán loạn chẳng ai biết rõ về ai. Cho tới khi bị bắt về trại giam thì chỉ có 5 người. Trong số đó có Nông Quốc Hải, toán trưởng bị đạn xuyên qua đùi, nhưng không gãy xương. Shè Khửu Sáng bị một viên đạn lòi hẳn con người ra ngoài. Còn 2 người nữa, không biết rõ là mất tích hay bị chết, cho đến nay (1968) chưa hề nghe tin tức gì về họ cả.

Năm người bị bắt, sau hơn một năm bị hành hạ khai thác ở Cao Bằng, cũng chẳng được đưa ra tòa xử mà bị nhận lệnh tập trung cải tạo, rồi chuyển về trại E này. Hiện nay cả 5 người đều ở buồng II. Hai người ở toán xẻ gỗ (toán 3) là Nông Quốc Hải, toán trưởng, 29 tuổi (1968); Hoàng Mạnh Hùng.

Ba người ở toán 2 (mộc) là: Shè Khửu Sáng – 26 tuổi, người Nhắng. Nguyễn Văn Châu – 25 tuổi, người Kinh; La Văn Thịnh – 23 tuổi, người Thổ.

Tất cả 7 cậu đều ở Tùng Nghĩa, Lâm Đồng. Khi các cậu được tuyển mộ vào ngành biệt kích, tuổi đời đều trên dưới 20. Trước đây, đôi lúc tôi cũng bắn khoăn, nhớ khi bị bắt tuổi đời tôi mới 24, nhưng bây giờ nhìn về toán biệt kích này, tôi càng không khỏi bùi ngùi, khi vào tù các cậu chỉ mới ở tuổi đôi mươi. Câu chuyện của các cậu, dù tôi chưa biết được tỉ mỉ, chi tiết, nhưng cứ chập chờn len lỏi vào hồn tôi lúc rỗi, lúc mờ trong giấc ngủ muộn.

Sáng hôm sau, thứ Hai. Điểm xong, khi ra khỏi cửa buồng, tôi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, khi nhìn thấy sương mù. Chưa bao giờ tôi thấy nhiều sương mù như vậy. Cả một bầu trời trắng đục, ngay cái hội trường chỉ cách gần 2 chục mét trước mặt mà cũng mờ mờ trong sương. Nhìn xuống phía dưới sân trại, những bóng người nhấp nhô, ngược xuôi thấp thoáng, di chuyển như trong một đám khói dày. Tôi vừa chạy trong sương xuống phía giếng nước, vừa ngẫm nghĩ: chẳng biết ở những miền rừng núi thường có sương mù như thế, hay chỉ trong khu vực Hoàng Liên Sơn này?

Lúc tôi chạy trở về gần ngang bùng, cứ nhìn những bóng người thấp thoáng trong sương mờ, hồn tôi lại lắc lự, bỗng bèn liên tưởng về một ngày xưa xa lắm. Khi ấy, tôi còn rất bé, nhìn một bức tranh địa ngục với những bóng ma, quỷ tội đồ, xiềng xích. Họ làm việc khổ hình cũng trong khối sương thuộc quyền của Diêm Vương. Mập mờ, thoáng thấy bóng anh Lân và Lý A Chén cùng một số người đang ồn ào bàn tán. Thì ra hôm nay, toán trang trọng cử tự giác Chén ra đồng, sang toán 5 lĩnh lá cải bắp già về bồi dưỡng cho toán.

Ngay từ hôm thứ Bảy, anh Lân đã vận động với ông cán bộ toán, liên hệ với cán bộ toán 5; sau khi anh Lân đã đến riêng với anh Xuân Tảo, toán trưởng toán 5. Theo anh Lân, anh đã phải vận dụng hết khả năng ngoại giao, mở cả một chiến dịch chạy chọt hai, ba nơi. Phải nêu những thành tích sản xuất vượt bậc của toán 2, nói sùi cả bọt mép v.v... Bởi vì, theo kế hoạch phân phối đã từ lâu của trại thì những lá già của các loại rau xanh, chỉ dành riêng cho bên khu chăn nuôi của cơ quan và trại giam mà thôi. Nếu toán 3 xin riêng được, thì toán khác cũng xin được. Như vậy, còn gì cho trại và cho chăn nuôi? Chưa hết, anh Lân lại còn phải lấy giấy giới thiệu của ông Kịch, cán bộ toán để đến ông cán bộ nhà bếp xin 3 lạng muối nữa!

Một nguồn tin còn quan trọng gấp nhiều lần hơn tin bác Hồ trở lại thăm hang Pắc Pó. Nó làm cho khí thế lao động của toán 2 hôm nay, được nâng cao rõ rệt. Mặt anh nào cũng tươi rói, chào hỏi nhau, vốn vã khác thường.

Khi trò chuyện trong lúc kẻ khẩu hiệu với Lê Sơn sáng nay, tôi đã lựa lời hỏi về anh Khải bị đi kỷ luật tuần trước. Không ngờ, anh Khải còn một người bố nữa là Nguyễn Từ Hải, cũng đang ở toán 3 xẻ. Hai bố con cùng một tội phản tuyên truyền trong phong trào "trăm hoa đua nở" và "nhân dân giai phẩm". Hai bố con cùng ở Hà Nội, anh Khải là con trai cả, 28 tuổi, chưa lập gia đình. Cả hai bố con đã từ gần 10 năm rồi với cái lệnh tập trung cải tạo 3 năm.

Nghe Lê Sơn nói như vậy, tự nhiên tôi muốn biết cái cảnh cùm kỷ luật ở trại ra sao nên hỏi anh. Lê Sơn đang cầm cúi, nắn nót kẻ một đường kỷ hà trên tấm khẩu hiệu:

Chiến dịch Đông Xuân: Bộ đội đổ máu nơi chiến trường. Nông dân đổ mồ hôi trên đồng ruộng.

Nghe thấy tôi hỏi. Anh đứng giật dậy, quay hẳn lại phía tôi sôi nổi:

- Bình chưa biết cái cùm ở đây đâu. Một tác phẩm vĩ đại của Hoàng Thanh.

Trong khi tôi mở to mắt, đăm đăm nhìn. Tay Lê Sơn đang cầm chiếc bút vẽ cứ hất vung ra, mỗi khi anh giần giọng. Mặt anh còn toát ra sự uất hận nén đầy; làm cho Quý Cụt từ mãi trong góc nhà cũng quay ra nghe chuyện:

- Nó bằng 2 súc gỗ lim to tương, đóng thành một cái hộp, mà mọi người gọi là "cái cùm hộp". Đã bị cùm thì chân không còn nhúc nhích. Ai mà bị cùm chỉ một tuần hay nửa tháng, lúc được thả ra đều phải bò về buồng. Nhiều người đã bị thối chân ra vì cái loại cùm này rồi.

Thấy tôi cau mày, hơi vẻ bàng hoàng. Quý Cụt hất hàm về phía Lê Sơn, rồi cũng lên tiếng như thể thừa nhận:

- Lần trước, cách đây mấy tháng. Lê Sơn khỏe như thế, chỉ bị cùm gần một tháng, khi ra phải hai người giúp, khênh về buồng, người chỉ còn xương với da. Sơn, nó cũng mới lại người đấy!

Đến đây, mắt Quý sáng lên, môi dưới hơi dề xuống ngọ nguậy nói tiếp:

- Lê Sơn mới xoay được tiền để mua chuột bồi dưỡng, nếu người khác thì đừng hòng!

Tôi chặc lưỡi, càng tỏ vẻ trầm trồ. Lê Sơn lại giần giọng phần uất:

- Thằng Hitler bây giờ có sống lại, cũng phải quỳ xuống vái tụi này là tổ sư!

Thấy Lê Sơn phát biểu mạnh quá, làm tôi cũng hơi khóps. Khóps về sự kiện Sơn đưa ra thì ít, mà vì ngỡ ngàng thấy không khí riêng tư của buồng vernie này khác hẳn với bên ngoài trại. Tôi liếc mãi nhìn khoảng cách dưới lán mộc với nhà vernie, rồi chuyển hướng câu chuyện:

- Thế Hoàng Thanh là ai?

- Rồi Bình sẽ gặp, ông ta là trung úy giám thị phân trại E này.

Quý vừa nói xong, thoáng thấy bóng Nguyễn Huy Lân từ dưới lán mọc đi lên, cả 3 người lại cúi xuống làm việc. Lên đến hè, nhìn tôi, Lân nghiêm nghị:

- Bình lên gặp ban giám thị!

Quý Cụt và Lê Sơn đều quay lại nhìn tôi đầy nét dò hỏi. Phần tôi, cũng bắt đầu lo lắng. Tôi chậm chạp đi theo anh Lân. Thấy Lân dẫn sang phía toán 3, đi sát lại, tôi hỏi khẽ:

- Ông Hoàng Thanh à?

Anh Lân chỉ lắc đầu, tôi chẳng hiểu là anh không biết, hay không muốn nói? Thái độ của anh Lân lạnh lùng, khác hẳn với sự cười cợt thân mật mọi khi. Anh dẫn tôi đến trước căn nhà con của cán bộ toán 3. Chỉ vào cánh cửa gỗ đang khép hờ, anh nói nhẹ:

- Bình vào trong ấy!

Nói rồi, anh trở về lán mọc ngay. Hơi dẫn đo, rồi tôi bước lên những bậc đất, đến trước cánh cửa khép. Một giọng Bắc, ngai ngái miền Bắc Ninh rất nhẹ phía trong:

- Anh cứ đẩy cửa vào đi!

Một người chừng 50 tuổi, hơi nhỏ con, tóc đã muối tiêu, đặc biệt có cặp lông mày thật rậm; đã ngồi sẵn phía sau chiếc bàn con để mọc. Hai bên ve áo, có hai chiếc lon hình chữ nhật lệch đỏ chóc. Trên mỗi chiếc lon có 4 ngôi sao và một chiếc vạch màu vàng ươm, phía dưới. Tôi bước vào, hơi nghiêng người tỏ vẻ chào ông ta. Hơi hất hàm ra phía cửa, rồi ông ta nhìn xuống chiếc ghế đẩu, đang để chơ vơ phía trước bàn:

- Đóng cửa lại, rồi ngồi đây!

Một giây im lặng, ông ta cất tiếng nhẹ nhàng như chuyện trò thăm hỏi:

- Hơn một tuần nay, lên đây rồi, anh thấy khung cảnh trại thế nào? Anh phát biểu tôi nghe!

Qua giọng nói nhỏ nhẹ, nhất là đôi mắt của ông ta diu diu như le lói, chút ít tình người. Tuy vậy tôi vẫn dè dặt:

- Dạ, thưa ông, tôi thấy tinh thần lao động của mọi người rất hăng say, tích cực.

Ông ta gật gật đầu nhưng miệng lại hỏi:

- Ngoài vấn đề lao động ra, tôi muốn anh phát biểu về những lãnh vực khác.

- Thưa ông, tôi mới nhập trại nên chưa biết gì.

Tôi đã hơi hiểu ý ông ta muốn những cái gì rồi, nhưng tôi vẫn trả lời như trên. Có lẽ thấy tôi ngập ngừng dè dặt, ông ta bắt đầu, hơi gằn giọng:

- Tôi biết tư tưởng anh chưa ổn định. Anh còn nhiều hoang mang, giao động khi phải chuyển đến một nơi chưa biết.

Ngưng lại một lúc, thấy tôi vẫn cúi đầu ngồi yên, ông ta lại tiếp:

- Chính vì thế, lẽ ra tôi chưa muốn gặp anh. Nhưng một cái cây, mới đem trồng vào đất khác; nếu nó nghiêng, có khi rồi nó sẽ đổ gục; hoặc nó sẽ cứ nghiêng mãi. Tôi muốn cái cây ấy mọc thẳng đứng ngay từ đầu.

Ngồi nghe ông ta nói, tuy chưa biết rõ ý đồ, mục đích của ông ta gặp tôi để làm gì, trong lòng tôi cũng nhiều lần tự hỏi, tên này tuy là đại úy nhưng chưa biết y ở cương vị nào. Xem vẻ y rất mềm mỏng, muốn đi sâu vào tâm hồn của đối tượng. Lạt mềm thì buộc chặt, loại này càng phải cảnh giác, thận trọng khi tiếp xúc, quan hệ. Thực ra trong lòng tôi, vẫn luôn luôn mang sẵn một quả bom nổ chậm. Chưa thể nói là đã lấy được hết ngòi nổ ra. Tuy rằng sau gần 6 năm khai thác, cuối cùng chúng đã đưa tôi ra tòa xử án, Nhưng dưới chế độ Cộng Sản, thực tế đã cho mọi người đều hiểu: xử án xong không có nghĩa là vụ án đã kết thúc. Bởi vậy, từ chuyện Z5 Hoàng Đình Thọ, đến tài liệu "M" v.v...luôn luôn làm tôi phải ngấp nghé, phập phồng mỗi khi phải gặp một tên cán bộ lạ.

Tôi vẫn cúi đầu nhìn xuống mép bàn, để lòng chảy về những năm tháng cũ ở Hòa Lò thì ông ta đằng hắng:

- Anh Bình, anh phát biểu ý kiến của anh đi! Anh hoang mang à?

Thấy ông ta nói vậy, để cho xuôi và hợp lý, tôi phát biểu:

- Thưa ông, tôi xin nói thành thật là trước khi đến trại này tôi có hoang mang, vì tôi chưa từng ở một trại giam xa xôi thế này. Nhưng sau năm, sáu ngày ở đây, qua những sinh hoạt ăn ngủ, lao động, tôi đã tin tưởng vào đường lối chính sách cải tạo, giáo dục của đảng và nhà nước. Tôi không còn hoang mang nữa.

Ông ta gật đầu rồi nói đều đều như nhả nhủ, như nhắc nhở:

- Tôi tin vào cái nhìn sâu, sát của anh. Vì vậy anh phải thực hiện thật tốt 4 tiêu chuẩn cải tạo mà nhà nước đã đề ra. Trong đó không những anh phải phấn đấu lao động, cải tạo tư tưởng cho bản thân mà còn có trách nhiệm phải giúp đỡ mọi người khác cùng tiến bộ. Đó cũng là cách tích cực nhất, anh đã tự mở con đường cải tạo thênh thang cho chính anh. Ngoài ra, tổng quan tình hình của trại, thấy những vấn đề gì làm trở ngại cho bước đi lên, anh cứ mạnh bạo đề xuất sáng kiến. Tôi sẽ gặp anh sau! Ông ta vừa nói, vừa đứng dậy.

Sau khi chào ông ta, tôi đã quay đi ra đến cửa, thì ông ta đến bên, nói như thân tình:

- Bất cứ khi nào anh cần gặp tôi, hãy đề bạt với ông cán bộ toán.

Tôi phải chào y lần nữa và bước ra khỏi cửa. Trên đường về lán mộc, lòng tôi thấy nhẹ nhõm với hân cái lắng lo khi sớm. Nhưng tôi cũng mờ mờ cảm thấy, ông ta muốn tôi làm một con chó săn cho ông ta. Cá to thì phải câu cần to; cá nhỏ thì câu cần nhỏ. Cá nào cũng câu, chỉ còn tùy thuộc vào từng con cá, có cần câu hay không. Đó là chủ trương của những người Cộng Sản giam giữ tù.

Đành rằng, ngay trong 4 tiêu chuẩn cải tạo đã có câu: "phát hiện và tố giác mọi phần tử xấu chung quanh, từ lời nói cũng như hành động". Nhưng tới đây, tôi cũng mới chỉ mơ hồ nhận thấy những phương pháp: ngăn cách, ly gián, hư thực, thực hư...; lấy cái đói khổ (cái dạ dày) sự khích lệ, tăng bốc, phỉnh phờ, kết hợp với áp lực của vũ khí. Nhào lộn nhuần nhuyễn để tùy theo áp dụng với từng người, sao cho đạt mục đích tối hậu là mọi phạm nhân trong trại, sẽ yên định như những chiếc nệm cối xay lúa. Nghĩa là, không thể nhúc nhích, yên lành sống, ngoan ngoãn trong cảnh tù đày; như không có chuyện gì xảy ra cả. Còn nhiều điều, nhiều khâu, tôi chưa nhìn được rõ ràng. Phải đợi

những ngày tới, qua những tình huống và sự việc cụ thể, bằng người thực, việc thực mới giúp tôi nhìn sáng tỏ vấn đề này hơn.

Khi về qua chỗ cầu bào của Lân, anh gật đầu gọi tôi lại. Anh nhìn tôi chăm chăm rồi ngập ngừng:

- Có chuyện gì thế?

Để khỏi phải dài dòng, tôi thủng thẳng:

- Ông ta hỏi cảm tưởng mấy ngày ở trại và một vài sự việc trong vụ án của tôi.

Tôi hỏi lại anh Lân, ông ta tên gì và làm việc ở đâu, thì được biết ông ta tên Chuân, Nguyễn Chuân, giám thị ở trại chính. Tôi sắp từ giã, thì anh Lân ghé gần tai nói nhỏ:

- Hãy cẩn thận thằng Quý Cụt. Trước đây nó tiến bộ lắm, tố cáo lung tung mọi người, nhưng kỳ này bớt rồi. Tuy vậy "cẩn tắc, vô ưu".

Rời chỗ Lân để trở lên nhà vernie, tôi vừa đi vừa suy nghĩ: mấy người, trong năm ngày nay tôi hay chuyện trò, anh này bảo cảnh giác anh kia, như vậy người ta có thể nghi ngờ hết cả mọi người, kể cả tôi. Như thế là đúng như dụng ý của kẻ coi tù rồi! Tuy thế, chỉ có Lê Sơn thì chưa có một ai bảo tôi phải cảnh giác cả.

Lúc về đến nhà vernie, tôi cũng hỏi Lê Sơn và Quý Cụt như đã nói với anh Lân về chuyện gặp ông Chuân. Qua Lê Sơn, tôi còn được biết rõ hơn về Nguyễn Chuân. Giám thị của toàn trại Trung Ương số 1, gồm 5 phân trại là ông Toán, thiếu tá. Nhưng bí thư Đảng ủy lại là ông Chuân. Tuy chỉ là đại úy, nhưng quyết định mọi việc lớn của trại, đều do ông Chuân, đại diện của Đảng. Tôi cũng được biết là ông Chuân ít khi vào trại này và cũng năm thì, mười họa mới gặp phạm nhân mà thôi. Hơn một năm trước, có một lần ông ta vào gặp Vân và một lần gặp ông Hình Mù, người mà đã một lần tôi trông thấy đang lần bước trên hè nhà số 1. Ông có thân hình to, cao như Lê Văn Kinh, ông chừng 55 tới 60 tuổi rồi.

Buổi trưa ở trong trại, sau bữa cơm ngô vôi vàng, tôi đang nằm liu riu, mơ màng bên cạnh Vân để chờ giờ đi lao động buổi chiều, thì thoáng nghe tiếng rùng rợn của chùm chìa khóa ở phía cửa, làm tôi mở choàng mắt ra. Tên Cẩn, trực trại và tên Phạm Huy Tân, trật tự

đang đứng ở giữa nhà. Tên Cẩn đang chỉ chỗ lên sàn trên, phía trước của toán 3. Một bác chừng 50 tuổi ngoài, dáng hom hem, mảnh khảnh đang lúng túng cuộn chăn chiếu, lò rò trèo xuống. Tôi còn đang ngỡ ngác, thì Vân cũng đã mở mắt rồi, nói khẽ:

- Ông Chương, Lê Tài Chương đi kỷ luật.

Hơi bàng hoàng, tôi hỏi lại Vân:

- Làm sao mà đi kỷ luật?

Vân vẫn nằm, nói nhỏ:

- Bình chưa hiểu được đâu, những người bị đi kỷ luật, chỉ đôi khi mọi người mới biết lý do. Còn thông thường chỉ có người nào bị đi, thì họ mới được biết mà thôi. Thế mà nhiều khi, ngay bản thân người phải đi kỷ luật, cũng không biết tại sao nữa. Thậm chí, như anh Đồng, hai tháng trước bị đi kỷ luật, cùm một tuần. Cho tới khi được tha, anh ta cũng chưa biết vì sao mà anh ta phải đi kỷ luật.

Nghe Vân nói thế, lòng tôi hoang mang cực độ. Vân nhìn thái độ của tôi một lúc, rồi anh vừa chồm chặn lên mặt, vừa nói:

- Tội tư tưởng, thì ai mà biết được!

Tôi nằm nhắm mắt, mà lòng ngổn ngang xoi động đầy vơi. Nỗi lắng lo về ngày mai, cứ dâng đầy, bủa kín hồn tôi. Óc tôi vất vưởng, chợt nhớ tới ông Chương. Phải rồi, ông Chương, chủ tịch đảng Tân Phong mà có lần Quý Cụt nói đến. Tôi vẫn có ý định đến gặp ông ta, để học hỏi thêm kinh nghiệm, kiến thức. Thế mà bề bộn nhiều sự việc lan man, tôi đã quên khuấy không tìm dịp gặp ông ta.

Những Con Rận Phiêu Lưu

Hồn tôi đang lửng lơ, chơi vơi, nửa mơ màng, nửa thức thì lại có tiếng lục đục ồn ào, ngay sàn trên chỗ tôi nằm. Tôi giật mình, ngồi bật dậy. Tưởng lại một người nữa đi cùm. Tôi chồm xuống đất, xỏ dép nhìn lên. Ba, bốn anh đang tranh nhau chộp vồ huỳnh huých. Thì ra có một con gián to, Lê Văn Kinh đã vồ được.

Vội vàng, Kinh trèo xuống đất, đến chỗ chiếc đèn con, đang để ở gầm sàn dưới, chỗ hút thuốc lào của buồng. Anh dùng một chiếc đóm nửa con đốt, hơ, nướng con gián. Con gián thật to, màu sậm bồ quân. Cánh cháy trụi ngay, bụng nó bị ngọn lửa của chiếc đóm hơ mãi vào. Nó phình ra, rồi cong lên, phì ra một đám bọt li ti, sủi lên sùng sục. Một mùi thơm ngậy, phả ra khắp buồng.

Tôi mở to mắt, nhìn cái thân hình đồ sộ, nhìn những ngón tay chuối mẩn dài ghê của Lê Văn Kinh đang vạt từng chiếc chân, cái đầu con gián, đưa lên miệng. Cuối cùng, còn cái thân mình con gián, anh dứt tòm vào mồm, làm nước chân răng của tôi ứa ra. Qua ánh mắt của những người khác, đang ngồi nhìn Lê Văn Kinh thưởng thức con gián. Tôi dám cả quyết rằng cuống họng của họ, cũng bị ứt như tôi. Hàng tháng không có chất protein trong người, chỉ cần một tí hơi hướm, cũng làm say đắm hồn người.

Hắn cũng sắp đến giờ kẻo báo thức đi làm buổi chiều. Vì không chộp mắt được chút nào, người tôi cảm thấy mệt mỏi. Tôi vội vàng mượn chiếc gầu của cậu Toàn, chạy lẹ xuống giếng, rửa qua cái mặt cho tỉnh người. Khi ngang qua buồng số một, tôi thoáng thấy một đám người ồn ào, to tiếng ở phía chái hồi. Lẹ làng tôi ghé tới. Có mấy bác già, mặt đang chảy dài như quả bí khô. Một bác đang năn nỉ với tên trật tự Tân:

- Xin anh thông cảm tha cho, vì chúng tôi tuổi già không ngủ được.

Hai con mắt của tên Tân, càng trắng thêm ra. Tay y cầm một con dao con làm bằng một miếng sắt, dài hơn một ngón tay. Miệng y đang nguệch ra, hai hàm răng khít lại như không muốn cho ai nhìn thấy lưỡi:

- Tôi tha đề nghị kỷ luật. Từ trưa mai, dù không ngủ, các anh cũng phải vào buồng nằm. Tụ tập, chui rúc ra đây để bàn chuyện phản động à? Con dao này, tôi tịch thu!

Dù không phải chuyện của tôi, nhưng sao người tôi cứ nóng lên bừng bừng, chân tay tôi, thấy ngứa ngáy bứt rứt. Nghe tên Tân nói, tai tôi như có ai rắc sạn vào. Có lẽ, từ nỗi khinh rẻ, căm uất nó từ buồng số 2 xà lim II, Hỏa Lò, nên nhìn cảnh này, nỗi khinh, nỗi uất trong lòng tôi càng chất chứa nhiều hơn.

Xuống đến giếng rồi, mà tay chân tôi vẫn còn rần rật. Vừa lau mặt, vừa nhìn chiếc hoa chuối đang rung rinh với gió. Mới có mấy ngày mà hôm nay nó đã lồi ra, thò dài. Những chiếc bẹ úp phía ngoài, màu đỏ đã thẫm lại, giương xòe ra như những chiếc cánh dơi. Ấp bên trong một lượt quả con tí, như những ngón tay con gái, dài ngoẵng, trắng đục màu ngà. Trông chiếc hoa chuối chiều nay như một chiếc hoa sen đại đang thì, đỏ choét.

Nước lạnh, nhìn hoa chuối đỏ, tôi quên bém chuyện của tên Tân, để rồi tiếng keng mất dạy, đập ngay vào bên tai. Trên chòi gác, tên bộ đội oắt con, cứ thong thả nện cái búa con, vào cái vỏ quả bom kêu oảng oảng. Tôi thừa nhận cái keng này mất dạy thật. Người ta đang ngủ ngon lành thì nó khua dậy. Người ta đang gửi hồn, lãng đãng với trời, mây, gió, nước thì nó đập tan thành. Nó cũng mất dạy, trơ tráo, ồm tỏi như những tên chủ của nó vậy.

Lúc các toán xuất trại đi làm chiều, tôi đang ngồi trong hàng ở giữa sân, bên cạnh Phan Thanh Vân. Vừa thì thào nói chuyện với Vân, mắt vừa lo đãng rời nhìn các toán đang xếp hàng đôi, theo nhau ra ngoài cổng trại. Tiếng một tên cán bộ quát to, làm tôi chú ý:

- Không đi, thì lôi nó đi!

Toán bốn, toán nông nghiệp, do anh Hà làm toán trưởng. Theo lệnh của tên cán bộ toán, anh đang lúng túng, chỉ định cho hai đi cuối hàng, trở lại kéo một anh còn đang ngồi lại ở sân. Anh này chừng 30 tuổi, mặc bộ quần áo trại màu xanh xám đã tã. Anh có bộ mặt xương xẩu, đang gục đầu vào hai đầu gối, hai tay luồn, ôm ngang bụng, mồm rên rỉ kêu:

- Thưa ông, tôi đau bụng quá!

Hai anh toán 4 được chỉ định, còn đang lóng ngóng, ngần ngừ, thì tên Cận trực trại, quát giận lên:

- Kéo nó đi, còn chần chờ gì nữa! Để cho toán khác xuất trại chứ?

Như cái máy khởi động do người khác điều khiển; hai người cầm hai tay anh đang đau bụng, kéo nê ra phía ngoài cổng. Anh đau bụng nằm ngửa hơ hơ, hai chân xuội ra, rê trên mặt đất. Đầu anh ngoẻo về một bên, đôi mắt nhắm nghiền, miệng cứ rên rí...đau quá! Vì lần đầu tôi nhìn thấy cảnh này, nên quay lại hỏi Vân:

- Đau bụng mà không được nghỉ lao động à?

Vân quay sang, như đang định trả lời, thì tên trực trại đã gọi đến toán 2. Thành ra, mãi tới khi vào đến nhà vernie, tôi phải hỏi lại Quý và Lê Sơn. Tôi rất ngạc nhiên, thấy Lê Sơn văng tục:

- Địt mẹ cái thằng Thái y tá! Phải có gì cho nó, thì không ốm, muốn nghỉ cũng được nghỉ.

Thấy thái độ giận dữ của Lê Sơn như vậy, Quý Cụt cũng buồn cười, nói vừa như dàn hòa, vừa như mai mỉa:

- Quy định của trại là 2 phần trăm người bệnh chung cho các toán. Như toán ta có 49 người, thì chỉ được phép nghỉ ốm 1 người là cao nhất. Nếu áp dụng đúng chính sách thì chỉ được nghỉ tám phần chín thân của một người mà thôi. Do đấy, không những mọi người đã "thông" mà còn phải biết ơn cái nhĩa ý, linh động, nhân đạo của ban giám thị nữa chứ! Hơn nữa, y tế cũng phải chấp hành lệnh của cán bộ mà!

Thấy Lê Sơn cầm mấy tờ bìa đi xuống dưới lán mộc, tôi lại hỏi Quý nữa:

- Việc gì mà phải lôi kéo như thế, nhờ anh ta đau bụng thật thì sao?

Quý Cụt cười lên khềnh khệch:

- Y tá không cho nghỉ, thì đi làm. Không đi thì bị lôi đi, có khi còn vào kỷ luật nữa chứ!

Không hiểu vì sao, chỉ trả lời như vậy mà Quý lại cười? Hay anh cười tôi đã hỏi một câu thật là tồ? Tôi không hỏi nữa, quay vào lấy sơn, bút ra làm tiếp công việc buổi sáng. Tay làm việc nhưng lòng tôi vẫn bồn khoăn; không yên được. Tôi lại đến chỗ Quý:

- Này, thế anh Thái nào đó là y tá có khá chuyên môn không?

Quý đang mở tủ xách mấy lọ dầu sơn ra. Vì Quý chỉ có một tay nên tôi phụ giúp. Xong, Quý quay lại thông thả giải thích:

- Chuyên môn ở đây là phụ thôi. Ông Đặng Văn Hiệp kia kìa, là bác sĩ nội khoa nổi tiếng đấy; đang ở toán 6 nông nghiệp, làm cỏ, nhổ mạ, gánh phân như điên. Vấn đề là tư tưởng và tội trạng, chứ chẳng phải do chuyên môn.

Quay về chỗ tiếp tục làm việc, tôi vẫn chưa hiểu hết vấn đề Quý nói.

Buổi cơm chiều nay, cả toán 2 xôn xao náo nhiệt hẳn lên. Cứ í a, í ới, ríu ra, ríu rít gọi nhau về bát với đĩa, làm như mở đại tiệc. Một đám đông những nhân vật tai mắt trong toán: toán trưởng, tổ trưởng, tự giác đang túm hùm vây quanh gánh rau lá cải bắp già luộc. Tay chân các vị chỉ chỗ, miệng bàn tán cứ vung củ cải lên. Tôi nhớ, ngay từ khi còn ngoài lán thủ công: lúc anh Lý A Chén gánh về một gánh đầy lá rau cải bắp. Trong lán, anh em giáo giác đồ xô hết cả ra chỗ gánh rau đang để ở giữa sân, bên cạnh đồng lửa bác Đặng Minh Chánh hàng ngày vẫn đun nước sôi cho toán. Dù phải tôn trọng giờ lao động, nhưng ai cũng liều chạy ra nhìn một cái, rồi mới chịu vào làm. Tôi cũng chả ngăn được sự háo hức nên cũng phải nhào ra. Nhìn cái màu xanh xậm của những lá cải bắp nằm từng loạt hơ hớ, xếp xuôi chiều, thấy mát cả mắt và cũng mát cả con tì, con vị luôn.

Tên Kịch cán bộ toán hôm nay cũng có vẻ dễ dãi. Y cũng thấy nhiều anh em rầm rập chạy ra chỗ gánh rau, nhưng có lẽ y nghĩ rằng: nỗi vui này, hạnh phúc này cũng có phần chính của y ban cho nên tuy y đứng ngay đấy mà chẳng hề nói gì. Mặc dù hàng ngày có bác Chánh dọn dẹp, phục vụ vệ sinh và đun nước cho toán, hôm nay anh Lân còn phân công thêm 2 người nữa, xin bộ đội vũ trang dẫn vào trại, gánh nước ra để rửa và luộc rau.

Thế mà chỉ khoảng 40 phút sau, rau đã được vớt ra để vào 3 cái giàn còn mới tinh, đầy bằng mấy lá chuối tươi, khói tỏa ra nghi ngút.

Cả toán được thưởng thức phần cải thiện đầu tiên ngay tại lán là nước rau. Cái này thì cho tự do, tuy vậy, anh Lân, toán trưởng cũng nhẹ nhàng nhắc nhở anh em hãy tự giác. Mỗi người nên uống in ít, còn để dành cho người khác.

Lê Sơn đưa cho tôi cái công nhôm Guigoz đã vàng khè vì đôi khi nấu trà:

- Bình hãy xuống mức đầy 3 chiếc ly nữa.

Nước óng lên màu xanh bích ngọc, tôi nghĩ rằng nó chứa rất nhiều diệp lục tố. Nước nóng, 3 chúng tôi vừa thổi, vừa uống, vừa nhìn nhau. Uống đến đâu, tôi cảm thấy khoan khoái, mát rượi cả cõi lòng đến đấy. Tôi liên tưởng đến những năm xưa còn ở thành đô nhiều hương sắc. Những buổi trưa hè oi ả sau buổi tan tầm, ghé chiếc solex đến chiếc xe sinh tố ở đầu đường Yên Đổ làm một ly cối thập cẩm: măng cụt, chuối, dứa, măng cầu với một hột gà cũng tuyệt cú mèo đến thế này là cùng.

Bây giờ ở trong trại, theo anh Lân cho biết: gánh rau luộc rồi cân được 19 kg 5. Như thế, toán 49 người, đồ đồng mỗi người cũng xấp xỉ 4 lạng rau chứ có phải chơi đâu. Cửa hiếm, lâu ngày mới có, nhiều anh toán 2 cũng đem đi chia xẻ niềm hạnh phúc với những người thân quen ở toán khác. Tôi vẫn có lòng thương mến riêng cậu Hùng, vì vậy tôi cũng đưa cho cậu một bát con; gọi là một chút cho ấm lòng nhau lúc này. Hôm nay trại cũng có canh rau, tuy mỗi phần cũng chỉ độ nửa lạng, nhưng vì hàng tuần lễ chỉ có canh sắn hoặc muối rang. Cho nên, cũng có nhiều chỗ một, hai người đã hể hả ăn chung với nhau như một bữa tiệc thân tình.

Buổi trưa hôm sau, khi ăn cơm xong tôi và Toàn xách túi rổ, rá, bát đĩa từ dưới giếng về, vừa bước chân vào cửa buồng, thì anh Lân đang nằm ngay mép sân, cạnh lối cửa ra vào, bò giật dậy, tay chỉ vào tôi, miệng ré lên:

- Thăng Bình, mày đồ rận cho tao phải không?

Phần bất ngờ, phần thấy nhiều người đều chăm chú nhìn tôi, cả Toàn nữa làm tôi ngượng chín người, yếu ớt chống chế:

- Đâu có!

Anh Lân choài người ra, nắm tay tôi, kéo ngồi xuống chỗ anh, miệng vẫn bô bô, làm nhiều người đã nằm đều ngồi dậy nghe chuyện:

- Chính mày mang rận ở Hỏa Lò lên rồi!

Thấy mọi người còn ngỡ ngác nhìn, anh lại nói tiếp như phân bua:

- Tôi thấy lạ, mấy hôm nay đêm nằm cứ ngứa mãi. Lúc nãy cởi áo ra xem, bắt được mấy chú rận kền. Tôi nghĩ và biết ngay là anh chàng Bình chứ không có ai vào đây cả.

Tôi chỉ cười, mặt hơi nóng lên vì ngượng. Nhất là mọi người cứ nhìn tôi như đang nghe một trò vui ngộ nghĩnh. Chưa tha, anh Lân còn chỉ vào mặt tôi giọng chì chiết:

- Trông mã cậu, keng trai, tư cách như sinh viên, ai ngờ người toàn rận. Mình không biết lại cứ ôm ấp nó!

Anh còn đang nói, thì Vân ở sán trong cũng bò giật dậy, la hoảng:

- Thôi chết, thảo nào mấy đêm nay tôi cũng thấy ngứa quá!

Một số các anh, các bác xôn xao có ý kiến:

- Thôi, chiều nay anh Lân phải đề nghị ông cán bộ toán: cho đun một thùng nước sôi. Tất cả quần áo chăn màn của 3 anh, hãy nhúng vào nước sôi, cho chết cả trứng đi. Nếu không, rận lan ra toàn toán thì chết.

Lân còn quay lại hỏi tôi:

- Có rận, sao không nói cho tao biết!

Lí nhí, ngập ngừng, tôi nói nhỏ:

- Tôi quên mất, là nó lại có thể bò sang người khác!

Nhiều người cười ầm cả lên. Để chữa ngượng, tôi nói như thanh minh:

- Lúc ở xà lim ra, họ cho tôi vào một cái buồng có đến hàng trăm đứa trẻ con. Ghé lở, rận, chấy đầy, tôi không biết làm sao được.

Và buổi chiều hôm ấy ở ngoài lán, tôi phải một bữa rét run. Quần áo phải nhúng nước sôi, vắt kỹ rồi phơi ở đồng lửa trong nhà vernie, suốt cả buổi mới khô.

Câu chuyện rận này, cho suốt mãi hàng chục năm sau, ở trại này, hay trại kia, nếu mỗi lần Nguyễn Huy Lân gặp lại tôi, còn nhắc nhở đến. Anh lại vẫn không quên nói với anh em chung quanh:

- Trông cậu thế đấy, mà trong người toàn rận thôi!

Nghệ Thuật Ăn “Hơi”

Sáng hôm nay trời mưa thật lớn, chẳng biết mưa từ lúc nào đó trong đêm. Trận mưa như tắm rửa, giặt giũ, kỳ cọ những cảnh vật vào cuối Đông để chuẩn bị đón nàng Xuân sắp về. Mưa ào ào dữ dội như có một giòng sông lớn ở trên trời, mở đập ngăn để cho nước đổ xuống trần gian.

Kểng báo thức đã lâu rồi, mà tên trực trại vẫn chưa vào điểm buồng. Những khung cửa sổ, sàn trên cũng như sàn dưới, nhiều anh khoác chăn ngồi nhìn mưa rơi. Một giọng ngâm khàn khàn của ai đó ở sàn trên dội xuống:

*- Em thương ơi!
Mưa có rơi dầm dề
Ngày có dài lê thê
Thì em ơi, em cứ đợi
Anh của em lại về.....*

Tiếng ngâm rè rè, khô khan không hay mấy, mà cũng làm cho nhiều bộ mặt tần ngần, mắt đăm chiêu dõi mãi ra mưa gió mịt mờ. Nghĩ mình cóc có ai đợi cả, tôi quay sang Vân, đang phì phèo điếu thuốc buổi sáng ở môi:

- Có lẽ hôm nay nghỉ lao động?

Vân đưa hai ngón tay lên kẹp điếu thuốc vẫn ở trên miệng, hít một hơi thật dài. Đầu điếu thuốc lá cuộn, đỏ sáng lên. Vân vừa lấy điếu thuốc ra khỏi miệng, vừa nói trong làn khói hắt hiu, đang phả ra từng sợi ngoằn ngoèo lăng đăng:

- Mưa, bão. Trại nghỉ nhưng toán thủ công không bao giờ.....

Vân chưa nói hết câu, tôi còn đang tính toán, sắp xếp thời gian từng phút, vì hôm nay đến lượt tôi lấy sẵn sáng, thì cửa đã lạch xạch và tiếng chùm chìa khóa rùng rêng. Như tắt ngừng một cái máy, chỉ ba mươi giây, âm thanh và mọi di động đều ngưng bật. Khi cửa mở thì mọi người trong buồng đã ngồi ngay ngắn, thẳng hàng, im phăng phắc, như những tượng đá chùa Hương. “Hương Sơn đệ nhất động, hỏi rằng đây đó phải?”

Điểm xong, mặc mưa rơi, mặc gió thổi, áo tơ, áo lá, nhiều anh lao vào gió mưa, xuống bếp lấy sẵn sáng về chia cho mâm mình. Hai buồng kia, cán bộ điểm xong, khóa cửa lại. Lúc ngồi nhai sẵn ở hội trường, tôi hỏi anh Đồng mới hiểu: không đi lao động, thì không có ăn sáng. Gà không cục tác, thì gác mỏ. Nhưng "gác mỏ" mà đâu có được nằm yên, trong buồng lại phải đọc báo rồi sinh hoạt. Bởi vậy, với đại đa số người tù, mưa không đi lao động được, lại là một bất hạnh đối với họ. Sáng sáng, quen có mấy đoạn sẵn vào dạ dày, hôm nay đành nhịn teo, mà còn phải gò lưng ngồi sinh hoạt hay đọc báo nữa. Cho nên ai cũng muốn được đi làm, sướng hơn. Phải chọn giữa hai cái xấu, thì ai cũng sẽ chọn cái xấu ít.

Gần trưa thì mưa thưa hạt, rồi tạnh hẳn. Mặt trời lại vén bức màn mây xám xịt, thò mặt ra tươi cười chào mừng nhân thế. Núi rừng lại bừng sáng, lung linh. Hai con sáo to, màu lông đen óng, hai chiếc mỏ đỏ như sơn Tàu. Chúng cứ khúc khích, nhún nhảy trầm mình xuống vũng nước mưa ngoài chiếc sân con trước nhà vernie. Một con bọ ngựa màu xanh lam, to như ngón tay cái, đứng nép dưới chiếc lá của cành muồng non phía chái hồi. Chiếc đầu hình tam giác tí hon, cứ nghiêng ngó nhìn cặp sáo đang vùng vẫy, nhớn nhớn trong hạnh phúc lứa đôi. Chẳng hiểu nó có chạnh lòng nghĩ đến cảnh đơn côi một chiếc của nó; hay nó cũng buông lơ tâm tư để hòa nhịp, hưởng ứng cái hạnh phúc của đời? Thân nó đứng không yên, cứ lắc lư như bà vãi lên đồng.

Tôi hơi bàng hoàng, khi thoáng nhìn thấy một bàn tay gầy nhẵn nheo, đang từ phía sau gốc cây muồng cụt, thò ra chộp nghiêng lấy chú bọ ngựa, làm rung rinh cành muồng còn đẫm nước. Ồ, bác Chánh, mắt bác vậy mà còn tinh gồm!

Hai con sáo bay vụt lên, đậu tít trên ngọn cây bằng lăng phía cổng khu thủ công. Chúng quay lại chí chóc nhìn bác Chánh đang mang con bọ ngựa về phía đồng lửa đun nước, đang cháy hừng hực của toán. Chúng cứ chí chóc mãi, chẳng hiểu chúng trách oán ông Chánh đã phá bình cuộc vui tắm mưa của chúng hay chúng mừng đã nhanh chân chạy thoát ông thần người?

Chỉ còn 5 ngày nữa là đã Tết. Sáng nay, nhân dịp mưa, anh Lân và Đinh Khắc Sản theo toán hai và ba ra lán, rồi được lệnh trở về hạp ở trại.

Buổi chiều, anh Lân về phổ biến lại cho toàn buồng gồm cả toán hai và toán ba vì anh Lân là buồng trưởng, thi đua, trật tự, do ban giáo dục, cán bộ trực trại và cán bộ toán nhà bếp chủ tọa. Họp suốt gần ba tiếng đồng hồ, cuối cùng được công bố như sau:

1/ Trại viên sẽ chính thức được nghỉ hai ngày, mồng Một và mồng Hai. Ngày mồng Ba Tết, toàn trại sẽ ra quân, nỗ lực thi đua vượt mức kế hoạch vụ Đông Xuân, lấy thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng Lao Động vinh quang 3 tháng 2.

2/ Năm nay, do sự cố gắng lao động sản xuất, hăng say với khí thế một người làm việc bằng hai của toàn thể trại viên, nên đã vượt kế hoạch ấn định của trại. Ban giám thị quyết định, cho trại viên ăn Tết 4 bữa chính, cơm không độn. Một bữa chiều Ba Mười Tết, sáng, chiều mồng Một và bữa cuối cùng vào sáng mồng Hai. Từ chiều mồng Hai mọi sự trở lại bình thường.

3/ Hiện nay trại ta có nuôi được hai con lợn, một con 40 kg, một con 25 kg, ban giám thị quyết định cho giết cả để phục vụ trong bốn bữa Tết. Như vậy, kể cả nhân để gói bánh chưng, bình quân mỗi đầu người được hưởng 2 lạng 1 thịt lợn hơi (tính cả xương xẩu, lông lá, phèo lòng và phân của lợn nữa). Mỗi trại viên được một bánh chưng 2 lạng rưỡi gạo (luộc chín sẽ thành hơn 4 lạng). Đặc biệt, trại chính phân phối cho trại ta 50 kg, vừa cải bắp vừa chou-fleur (súp lơ), một tạ khoai tây.

4/ Toán hai, chịu trách nhiệm trang trí và vẽ khẩu hiệu trong toàn trại, và làm một bộ quân cờ lớn cho toàn trại viên vui Xuân.

5/ Về bình bầu thi đua giữa các toán, có 4 toán được là xuất sắc đó là:

Toán 1 nhà bếp.

Toán lâm sản.

Toán 2 mộc, thủ công.

Toán 3 xẻ, thủ công.

Đây là do trại bình bầu, còn quyết định tối hậu do ban giám thị điều nghiên, duyệt xét sẽ công bố sau. Khi anh Lân phát biểu xong, toàn buồng vỗ tay râm ran, đôm đốp như pháo. Mặt ai cũng tươi roi rói; già, trẻ ai cũng vỗ tay thật nhiệt tình. Thấy mọi người vỗ, thì tôi cũng

vỗ hết khả năng, mặc dù tôi cũng chưa hiểu hết trọn vẹn ý nghĩa, đến nỗi vỗ xong, đau cả tay. Chờ cho Vân vỗ tay xong, tôi hỏi ngay:

- Buồng hôm nay vui thế?

Vân nói mà nỗi vui còn phè ra nét mặt:

- Gấp đôi năm ngoái, còn gì nữa mà không vui. Năm ngoái chỉ có hai bữa thôi, mà còn không có chou-fleur nữa.

Thấy bầu không khí trong buồng cứ vui như Tết, tôi cứ bản khoăn tự hỏi: từ ngày tôi lên trại, hàng ngày mặt người nào cũng dăm dăm, mang nhiều u uất, nặng nề. Thế mà chỉ hai lạng thịt hơi, hầy còn trong hứa hẹn, đã làm tan biến cái màn u ám, đen tối, khổ đau; nhường chỗ cho những tiếng cười, tiếng nói thoải mái, không còn một chút ngập ngừng. Thế mới biết cái uy lực ghê gớm của vật chất, nếu biết dùng đúng chỗ và đúng lúc.

Hôm nay ngày 27 tháng củ mật (tháng Chạp), chỉ còn 3 ngày nữa là đã Tết rồi. Toán lâm sản chịu trách nhiệm lấy lá giông để gói bánh chưng, nên họ đã phân công 2 người vào rừng ngay từ sáng sớm hôm nay rồi. Ngoài ra, mỗi toán chọn lựa 2 người "đứng đắn" (có nghĩa là quá trình chưa bị những lem nhem, táy máy về ăn uống) xuống bếp gói bánh chưng và phụ với nhà bếp.

Mới có 2 ngày từ lúc tuyên bố – chưa có bánh chưng, chưa có thịt và chưa có cả Tết nữa, mà buổi tối ở các tổ, các toán sinh hoạt. Đã có nhiều người tố cáo, phát hiện anh này định bán bánh chưng với giá 2 đồng. Anh kia đã đặt tiền mua suất thịt ngày mồng 1, mồng 2 hoặc cả bốn bữa ăn của người khác rồi. Lung tung liên quan đến rất nhiều người. Để tối nay, các toán trưởng được lệnh của ban giám thị tuyên bố trước.

Nếu trong ngày Tết, cán bộ biết hay bắt được anh nào mua bán đổi chác dưới bất cứ hình thức nào về ăn uống sẽ bị tịch thu. Cả người bán lẫn người mua đều bị đi kỷ luật và không được ăn Tết.

Tôi hiểu rằng: có những người cả năm không có một hơi hướng về miếng thịt, cũng thèm lắm chứ. Nhất là những người dân tộc, hoặc những anh đã kém khả năng xoay sở, lại không có gia đình tiếp tế. Họ cũng thèm ăn lắm; nhưng có thể nhiều thứ khác trong cuộc sống đời

với họ còn cần thiết hơn. Như xà phòng, thuốc lào, tem giấy viết thư v.v...chẳng hạn. Họ đành nhịn, họ chỉ cần có cái ăn sao cho không chết, nên họ mới bán cái thứ quý báu mà hằng năm mới có này.

Ngay như tôi, nếu không sợ bị anh em tố giác, tôi cũng sẽ đổi chiếc bánh chưng hay 1 suất thịt để lấy miếng xà phòng con. Mỗi lần tắm về mùa Đông, nước quá lạnh tôi chỉ cần xát một tí lên đầu gội, hoặc để cọ xát cái bàn chải đánh răng mỗi buổi sáng một tí cho có bọt. Như thế chỉ hy sinh một suất thịt mà có thể dùng được 5 – 6 tháng. Hoặc nếu đổi thuốc lào, một chiếc bánh chưng trị giá những 2 đồng. Thuốc lào, giá chính thức ngoài xã hội là hai hào một gói. Nhưng giá trong trại là 5 hào, thì cũng được 4 gói. Hút dè cũng được 2 tháng rưỡi hay 3 tháng.

Chiều tối cũng như nhiều những buổi chiều khác. Nếu làm nhanh công việc riêng như ăn uống, rửa ráy thì thường thường ai cũng có khoảng 15 hay 20 phút thong dong trước khi kén vào buồng. 15 hay 20 phút này, vào những hôm trời không mưa, hoặc không quá lạnh. Chỗ tụ tập đông nhất ở ngoài sân là phía đầu nhà hội trường. Nơi có những cây sào nứa làm dàn để phơi quần áo.

Họ ra đây một phần là để cho thoáng khí, trao đổi những câu chuyện rôm rài lúc lao động sản xuất của một ngày. Phần khác, mà có lẽ là phần chính yếu, họ ra đây để thưởng thức những món ăn ngon lành mà đời họ không còn có được. Mấy hôm đầu thì tôi còn lạ, còn ngỡ ngác, chứ bây giờ quen rồi. Bởi vậy, sau khi rửa bát xong khi Toàn nhắc tôi:

- Chốc nữa ra "ăn hơi" chứ anh Bình?

Tôi đã vừa cười vừa gật đầu đồng ý ngay. Cửa trời cho trại E, tại sao không hưởng? Cho hồn ngây ngất, cho lòng mê mê! Khi tôi và Toàn ra tới nơi, thì đã có hơn một chục người rồi. Chỉ không có toán nhà bếp thôi, chứ toán nào cũng có. Chỗ thì 2 người đứng nói chuyện nhỏ to ra vẻ tâm đầu ý hợp lắm. Nhưng rất nhiều người chỉ đứng một mình thần thơ trầm ngâm. Mắt họ lơ đãng nhìn những ngọn nứa đang ngắc ngư phía bên ngoài bờ rào trại như những triết gia đang bận tâm tìm một lối thoát cho thế nhân đồng loại. Lại có người ngồi ghé trên viên gạch, hay hòn đá con. Họ cũng cúi đầu dăm chiêu như đang để hết tâm hồn trên một hướng đi cho mình và cho dân tộc.

Có gì đâu, chỉ vì phía bên kia hàng rào là nhà bếp của cơ quan. Cứ đến cái giờ chết tiệt này là họ xào, họ nấu, họ nướng đủ thứ. Mùi hành, tỏi, mùi mỡ, mùi cá chiên, mùi thịt nướng theo gió, nó rớt vào trại E. Có những buổi chiều, mũi nhiều anh đã phải cong lên, mặt đỏ ra, mắt lờ đờ chỉ vì những cái hương vị chết người đó, ở phía bên nhà bếp cơ quan bay sang. Bởi thế, nhiều người ra đây để tranh thủ 15 hay 20 phút. Có khi hẹn hò như tôi với Toàn, có khi không, nhưng cùng một chí lớn nên đều tụ về một điểm này để ăn...hơi. Mà khoa học thực nghiệm đã cho tôi biết: cái gì ăn tưởng tượng thường lại đẹp hơn cái mình đã có trong tay. Mà nhớ nó cũng thật lâu.

Sau này dù đi trại nào, hay ở đâu, tôi vẫn nhớ nhiều về trại E hơn, chỉ vì cái món ăn "hơi" tuyệt cú mèo này.

Những Kỷ Niệm Buổi Đầu Đời

Tết càng gần, nét Tết càng rõ trên mặt mọi người. Lòng mong Tết của người tù cũng như trẻ con mong Tết để được mừng tuổi. Để được mặc quần áo mới và để được chơi bời thỏa thích với bạn bè. Cả một năm lao động khổ sai, đói rét, cùng khổ, chìm đắm trong kiếp đời nhục nhằn lầm than. Tết đến, không những được nghỉ vài ngày, mà còn được ăn bánh chưng, được ăn thịt, được ăn cơm không độn nữa. Những thứ ưu việt cao quý nhất của loài người mà cả một năm không có. Thử hỏi ai mà không mong, không vui sao được?

Sáng hôm nay là 28 tháng chạp rồi. Mới sáng sớm, mọi người còn đang riu rít chia sẵn sáng thì tên Thái y tá kiêm phụ trách nhà tiếp tế của trại đã đến buồng số 2. Tay y cầm mấy miếng giấy rơm màu lá vàng khô. Ngay còn khi ở ngoài sân, lúc y vừa ở buồng số 1 ra. Nhiều con mắt, tuy chẳng ai bảo ai, thế mà đều quay lại nhìn y với ánh mắt đợi chờ, nghe ngóng cho tới khi y bước vào buồng số 2 thì nhiều người đã chạy xô vào, chăm chăm nhìn những tờ giấy vàng ở tay y, mặt hóng lên niềm hy vọng.

Cái tâm trạng này thật cũng đáng buồn cười. Những người có gia đình, thân nhân tiếp tế hồi hộp, nghe ngóng, đợi chờ đã đành. Cả đến những người chả có thân nhân, hoặc đã lâu năm không ai tiếp tế cũng thập thò, nhấp nhóm, dâng lên niềm mơ ước hy vọng như mây chiều trong gió lộng. Thậm chí ngay cả tôi. Tôi đã biết rõ, chẳng có ai là thân nhân tiếp tế cho tôi cả. Suốt đời tù, chả viết thư cho ai, mà cũng chả có ai viết thư cho tôi. Vậy mà cũng thấy lòng động đậy, xốn xang nhìn về tên Thái.

Cái tâm trạng của những người cùng khổ, nó kỳ dị như một người nghèo chả bao giờ có tiền mua xổ số cả, mà lại mong trúng số độc đắc. Mong ước những chuyện tự nhiên ở trên trời rơi xuống hoàn toàn không tưởng; không hề có một cơ sở thực tế nào. Vậy mà lòng vẫn cứ mong, vẫn cứ ước mơ.

Cuối cùng tên Thái đã đọc tên 5 người của buồng số 2. Những người này xin phép cán bộ toán ở nhà để ra gặp thân nhân, nhận đồ tiếp tế:

- Nguyễn Tứ Hải, toán 3.

- Nguyễn Khải, toán 2 (bị đi kỷ luật hơn 10 ngày trước, chưa được tha).

- Lò Chấn Páng, toán 2.

- Lò Cao Dư, Lò Cao Chính, toán 3.

Bao nhiêu con mắt nhìn về những người vừa được gọi tên. Họ thấy những người này, hôm nay khác hẳn với mọi ngày. Quan trọng hơn, giá trị hơn, Họ đã bước lên một giai cấp khác. Giai cấp có tiền, có thể trong cái xã hội nhà tù nhỏ bé này. Trong khi ấy thì mặt những người vừa được gọi tên đang đờ đẫn với bao nhiêu những nỗi niềm nguồn cơn về gia đình và cuộc đời; xốn xang chuẩn bị tinh thần để gặp gia đình và người thân.

Tôi quay lại nhìn anh Đồng ngồi ngay cạnh tôi. Mặt anh buồn rười rượi, đôi mắt ánh lên màu nâu xám như lắng đọng, chất chứa một nỗi sầu xa vắng. Tôi khẽ đặt một tay lên vai anh:

- Xin lỗi, hàng năm anh có nhận được tiếp tế của gia đình không?

Câu hỏi như khơi dậy, cho nỗi buồn thầm kín của anh chảy dài. Những vết hằn trên trán của anh càng nhăn nhúm lại, như trong lòng anh đang bị quặn thắt, xót xa. Anh nói như chia sẻ bầu tâm sự:

- Tôi chỉ còn một bà mẹ già, năm nay đã gần 70 tuổi. Năm năm trước, mẹ tôi đã mò mẫm, lặn lội lên đây thăm tôi một lần. Khi về, phần vì tuổi già, phần vì lam sơn chướng khí của miền đèo heo hút gió này đã quật bà cụ một trận ốm tơi bởi hơn hai tháng. Từ đấy, mẹ tôi bị liệt một chân, phải đi nạng. Lá thư năm ngoái mẹ tôi gửi lên đã làm tôi nhiều đêm không ngủ. Hình ảnh của một người mẹ già sống lam lũ, thiếu thốn, cô đơn, heo hút trong căn nhà tranh xiêu vẹo phía cuối làng hoang vắng vẫn đêm đêm hướng về người con trai trong ngục tù biên biệt xa vời, cứ giằng xé, gặm nhấm hồn tôi. Nỗi đau, nỗi hận tôi đã kìm hãm, đè chặt trong tim; vậy mà nhiều lần vẫn ứa ra theo giòng nước mắt trong những đêm dài không ngủ.

Hai mẹ con cô, tôi là đứa con trai duy nhất của người. Bố tôi đã bị giết ngay từ 1955, đợt đầu của cuộc cải cách ruộng đất ở quê tôi. Hiện nay, mẹ tôi sống lẫn hồi rau cháo, hàng ngày quét dọn vệ sinh cho một hợp tác xã thủ công ở địa phương.

Ngồi nghe anh thổ lộ, tôi cũng thấy lòng se lại trước cảnh tình thương đau của anh. Tôi chợt muốn biết sơ qua về tội lỗi của anh, vì thế đợi anh ngừng tôi mới hỏi:

- Thế anh tội gì và án hay tập trung?

Anh ngừng lên nhìn tôi như đăn đo một lúc rồi ngập ngừng:

- Tội vượt tuyến, án tôi chung thân.

Tôi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, nên đầy thắc mắc:

- Vượt tuyến gì mà lại án chung thân?

Mặt hơi nhăn lại, mắt anh quắc sáng nhìn về phía chiếc cửa sổ phía đối diện như còn chất chứa một nỗi u uất tràn ắp trong lòng:

- Tôi và một người bạn nữa, bị vây bắt ở biên giới Lào và Việt thuộc Nghệ An. Trong thế cùng chúng tôi đã chống trả quyết liệt để thoát thân. Chúng tôi đã giết chết một tên bộ đội biên phòng. Cuối cùng người bạn của tôi bị bắn chết ngay tại chỗ và họ đã bắt được tôi. Chúng đã đánh tôi một trận đòn thù tưởng không thể sống được. Vết thương ở đầu làm tôi mê man gục xuống. Chúng tưởng tôi đã chết rồi. Mãi 3 tháng sau vết thương tôi mới tạm lành.

Nói đến đây, anh cúi đầu xuống, giơ một tay vạch tóc phía trên gáy cho tôi nhìn một vết sẹo gỗ ghề, ngòong ngoèo, chỗ trắng, chỗ còn tím xạm dài đến 5 phân. Chẳng hiểu vì nỗi xúc động bùng dậy hay vì cái đau ẩn uất của tâm hồn; mặt anh tái hẳn lại. Anh đứng dậy ra khỏi buồng.

Còn nhiều điều nữa tôi muốn hỏi về anh, nhưng thấy thái độ của anh như vậy. Tôi chậm chạp tiến lại chỗ chiếc điều cày, hút một điều cho hồn vẩn vít chảy vào khói mây với những bông bành ngổn ngang, ngược xuôi của những kiếp người.

Ra lán thủ công lao động được một lúc, khi tôi ra chỗ nhà cầu để đi tiểu, thì anh Đồng từ dưới toán mộc cũng ra theo. Tôi có cảm tưởng như anh đã để ý chờ tôi từ sớm. Vừa đi tiểu anh vừa nhìn tôi dằng dặt khoảnh rồi nói như dạn dò:

- Hầu như tất cả đồng phạm ở đây không ai biết rõ về sự việc của tôi. Nhưng tôi đã thổ lộ với anh, chỉ vì tôi tin chắc, anh là người có ý thức, có tâm hồn, không làm thiệt hại gì đến tôi về sau.

Khẽ đặt tay lên vai Đồng, tôi nói giọng thân tình khảng khái:

- Cám ơn anh, chắc rằng lòng tin tưởng của anh không sai đâu.

Buổi trưa, toán và trại đang ồn ào, rối rít chia cơm canh ở sân thì một tốp đến gần chục người buổi sáng đi gặp thân nhân và nhận quà tiếp tế, từ ngoài cổng trại đi vào, làm mọi người đều ngoái lại nhìn ra. Phía bên ngoài cổng trại. Tên cán bộ Cảnh trực trại và tên Tân trật tự đang lúi húi vuốt, nắn từng anh, và những gói quà tiếp tế trước khi cho vào trại. Mỗi người, tay xách chiếc túi vải con, mặt anh nào cũng rầu rầu. Có anh mắt hầy còn đỏ hoe, hẳn vừa trải qua những giây phút xúc động não lòng. Tôi chợt thấy anh Đồng đứng trong một góc khuất phía cuối hội trường. Mặt anh đờ đẫn chảy dài, cũng đang nhìn ra phía cổng. Tôi bước lên, tiến lên chỗ anh đứng. Gần 1 phút đứng bên anh, nhưng anh vẫn bần thần như xuất hồn, để rồi anh phải bàng hoàng giật mình khi thấy tôi đứng ngay bên cạnh. Để lấp cái ngỡ ngàng, ngỡ ngàng của anh, đưa hiệu mắt nhìn ra đám người đang xách những gói đồ tiếp tế tôi hỏi:

- Hàng năm, mới gặp gia đình nhận quà tiếp tế một lần, sao chỉ có một túi con vậy?

Anh quay lại, giọng rời rạc, heo hút:

- Anh tính đã 14 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa rồi. Gia đình nào cũng kiệt quệ, phải chạy ăn từng ngày. Những năm đầu, do tình thương yêu máu mủ nồng nàn, gấn bó giữa người thân yêu ruột thịt. Còn vài tháng hay 1 năm tiếp tế một lần. Sau dần dần, nhiều gia đình đành bỏ luôn. Nhất là người thân lại phải chuyển lên núi rừng xa xôi như thế này nữa. Vả lại, khi kinh tế gia đình khánh kiệt dần thì tình nghĩa cũng tàn rụi theo. Mặc dù anh nhìn thấy đấy, những đồ tiếp tế quanh quẩn chung chung thường là một ký đường cát, hoặc đường phen, ít muối vừng, ít bánh mì khô hoặc mấy con cá hay tôm khô. Một hai cái bánh chưng, đôi gói thuốc lá hay thuốc lào. Tất cả chừng 4 - 5 ký là nhiều.

Buổi chiều khi toán đi làm về, anh Nguyễn Huy Lân, buồng trưởng đứng ở giữa nhà, tay cầm một tờ giấy nói to:

- Như thường lệ hàng năm. Các anh em quân, cán tập kết hãy ghi tên vào danh sách này để chiều nay tôi nộp cán bộ giáo dục.

Trong khi anh Phạm Tấn Tích đến nhận tờ giấy từ tay anh Lân; tôi hỏi Phan Thanh Vân đang ngồi bên cạnh:

- Tại sao làm danh sách quân, cán tập kết để làm gì?

Vân vừa lục đục lấy túi bát đĩa ở trên kệ vừa thủng thẳng trả lời:

- Những anh cán bộ hay bộ đội tập kết từ trong Nam ra Bắc năm 1954 theo hội nghị Genève. Bây giờ bị bắt vì nhiều tội khác nhau như: xét lại, hủ hóa, ương ngạnh, chống đối hay phản tuyên truyền v.v... Cứ cuối năm, gần Tết thì được mời riêng ra, để cán bộ nói chuyện.

Tôi chưa hiểu trọn ý của Vân nói, nên cũng cầm rổ, đĩa ra ngoài sân theo Vân để lấy cơm và hỏi tiếp:

- Mục đích, gọi họ ra như vậy để làm gì? Và có được ăn uống gì không?

Vân quay lại cười và nói nhẹ như thì thầm:

- Chỉ được uống nước trà và hút thuốc lá. Của đâu mà ăn!

Mục đích để động viên tinh thần, làm khóa lấp nỗi nhớ nhà của họ mà thôi. Tuy vậy, hàng năm họ được đặc biệt thêm mỗi người một chiếc bánh chưng của trại.

Thấy nói đến bánh chưng của trại. Hơi thắc mắc nên tôi hỏi tiếp:

- Bánh chưng của trại là tiêu chuẩn chung của phạm nhân sao lại phát thêm cho họ? Sao không là bánh chưng của ban giám thị?

Vân kéo tôi lùi xa chỗ đám chia cơm, lẩm lét nói nhỏ:

- Năm ngoái đã có 2 người đi cùm chỉ vì thắc mắc về bánh chưng của quân, cán như Bình.

Rồi Vân dặn dò:

- Đừng đem ý kiến này nói với ai, nhớ đấy!

Tôi hiểu rằng Vân đã thân tình với tôi hơn, nên lại hỏi tiếp:

- Quân cán ở trại này có đông không?

Vân hơi cau mày như để nhấm tính:

- Buồng mình 8 người, toàn phân trại E này khoảng 22 – 23 người.

Cơm đã chia xong, nên tôi trở về phía mâm cơm. Sáng hôm sau, trời rét lạnh, hanh khô. Ánh nắng dịu ngọt làm vàng ửng những ngọn nứa già, cao lêu nghêu phía cuối hội trường. Góc phương trời phía Nam, vài vạt mây trắng hồng nằm gác dài trên rừng nứa xa xa. Đất trời như muốn báo cho nhân thế, nàng Xuân sắp về. Toàn trại vừa ồn ào, nhộn nhịp ngoài sân chia sẵn sàng xong. Đây đó, rải rác chỗ từng tùm, chỗ dăm ba người đang ngồi nhai vôi vàng mấy đoạn sẵn luộc để kịp giờ đi lao động của một ngày. Tôi ngồi ghế phía đầu chiếc ghế dài bên cạnh anh Đồng ở hội trường. Vừa nhai sẵn, mắt tôi dõi nhìn hai con chim sẻ đang đứng dựa vào nhau, trên nóc nhà số một, cheo chéo phía trước mặt. Thỉnh thoảng chúng quay lại nhìn nhau, chí chóc chuyện trò. Chẳng sớm, làm cho cánh và đầu chúng sáng hồng lên trên màu trời xanh nhạt. Nhiều lúc cả 2 con, cánh chúng đều vung lên như giận dữ. Chúng lùi xa nhau ra, rồi lại tiến sát gần vào nhau, cùng nhìn xuống đám tù đang ngồi nhai sẵn ở dưới sân.

Chẳng hiểu chúng là vợ chồng hay đang còn trong thời kỳ yêu nhau của buổi ban đầu? Nhưng tôi cứ nghĩ chúng chỉ là đôi bạn rủ nhau đi chơi sớm, nhân một ngày đẹp trời. Vì vậy dòng liên tưởng của tôi, đã đẩy tôi trở về một quãng đời ấu thơ rất xa xưa ở quê nhà. Khi ấy tôi khoảng độ 7 – 8 tuổi. Tôi có 2 người bạn rất thân cũng xấp xỉ tuổi tôi. Nhà chúng tôi rất gần nhau, và cùng ở phố huyện. Một cậu tên là Kim, bố mẹ nó mở hàng bán thịt chó duy nhất ở phố huyện, chỉ cách nhà tôi một cái chợ làng. Tôi nhớ nó nhiều nhất, vì mỗi lần đến bên, người nó toát ra một cái mùi khăng khăng của thịt chó thui.

Một cậu nữa có cái tên rất là đặc biệt: Chũm Đế. Để mỗi khi tôi với Kim tức tên gọi là "Chũm Chọe" nó là con một ông Lý Cựu ở trong làng. Thế giới đối với chúng tôi lúc đó là phố huyện và xã hội, cuộc đời

là chỉ gồm có 3 chúng tôi. Ngoài ra chúng tôi không hoặc chưa biết một chuyện gì khác của cuộc đời rộng lớn đầy phức tạp này.

Ôi thôi, khung cảnh ấy và giai đoạn tuổi đời này, chúng tôi có rất nhiều kỷ niệm không quên. Nhưng lúc này tôi chỉ nhớ nhất đến một việc khi nhìn đôi chim sẻ trên nóc nhà.

Một chuyện thật ngây thơ đến độ buồn cười. Chẳng hiểu do từ đâu và bắt đầu có từ bao giờ, để trở thành một quy định thế này giữa 3 chúng tôi: mỗi khi vì lý do nào đó tôi và Kim giận Chũm, không muốn chơi với Chũm nữa. Sáng sớm, chúng tôi ra đồng đá của lục lộ đang làm đường. Mỗi đứa lấy hai hòn đá bằng nắm tay, đến ngồi trước ngõ nhà thẳng Chũm. Cứ đập hai hòn đá vào nhau: cạch cạch... hàng giờ. Như vậy là báo cho Chũm, chúng tôi không chơi với nó nữa. Vậy nếu có gặp nhau thì đừng hỏi han gì cả, chúng tôi sẽ không trả lời đâu.

Có khi một người lại giận cả hai người. Buổi sáng đến gõ đá trước nhà hai người. Nếu ngày sau còn giận tiếp thì lại đến đập đá nữa. Bởi vì nếu buổi sáng không đến đập đá, có nghĩa là đã hết giận rồi. Đôi khi cả 3 người đều giận nhau. Trường hợp này phải đi đập đá lung tung.

Một lần tôi không nhớ rõ là chuyện gì mà cả Kim lẫn Chũm đều giận tôi. Mỗi sáng dậy tôi đã nghe tiếng cạch cạch phía ngoài đường. Trong nhà nhìn ra, cả Kim và Chũm đang ngồi đập đá liên hồi. Lòng tôi vừa buồn vừa tức. Buồn tức cả ngày, đêm đi ngủ hay cả lúc ăn cơm cũng hầy còn buồn.

Sáng hôm sau, tôi chờ mãi không thấy chúng nó đến đập đá nữa. Như vậy chúng nó đã hết giận tôi rồi. Nhưng tức vì chúng nó đã làm tôi buồn mất mấy ngày, nên tôi lại lấy đá đến nhà chúng để đập v.v...

Khám Trại

Hồn tôi còn đang chày dài xuống hố sâu của thời gian thăm thẳm đã qua, thì mắt tôi thoáng thấy một đoàn cán bộ vừa công an vũ trang đeo súng dài và cán bộ quản giáo, đến gần hai chục tên đang từ phía cổng xông xộc đi vào trại. Tôi còn đang ngỡ ngác chưa hiểu chuyện gì thì đã thấy nhiều đồng phạm nhón nhác, vội vàng hấp tấp mang bát đĩa đi vào buồng. Đồng thời tiếng kèng mắt dạy lại rống lên từng tiếng một ở phía cổng. Đến giờ tập hợp đi lao động như mọi khi. Thấy anh Đồng vợ vội túi bát đi vào buồng, tôi cũng chạy theo, chỉ kịp hốt hải hỏi anh:

- Chuyện gì thế?

Anh Đồng vừa chạy vừa trả lời đứt quãng:

- Khám trại!

Trong buồng, sàn trên, sàn dưới; mọi người đang hùng hục lấy những chăn màn, quần áo, cuốn chiếu bụi mù. Ai ai cũng khẩn trương sơn sóc. Mãi lúc này, một lũ cán bộ đã đứng trước cửa buồng, một tên cán bộ đồng dục tuyên bố:

- Lệnh của ban giám thị, hôm nay sẽ làm tổng vệ sinh toàn trại. Mỗi anh, công, tư trang có cái gì phải khẩn trương mang hết ra sân. Thứ tự tổ nào vào toán ấy, do cán bộ chỉ định từng khu vực. Bất cứ cái gì còn lại trong buồng đều sẽ bị tịch thu.

Rõ ràng, bây giờ cán bộ mới tuyên bố khám trại, vậy mà các anh, các bác tỏ ra đã có kinh nghiệm. Ngay khi đoàn cán bộ mới vào tới cổng, các anh các bác đã rối rít vào buồng chuẩn bị rồi. Sau này tôi mới hiểu. Do những nhu cầu của cuộc sống tù, hàng ngày, hàng năm mỗi người đều phải lo toan cho mình những thứ tối thiểu: cái gô, cái cồng đun nước, cái lược, con dao con để xử dụng. Đôi khi mua, bán đổi chác lén lút được gói trà, nắm gạo v.v... Những thứ này đều vi phạm nội quy, cán bộ thấy sẽ tịch thu. Vì vậy ai cũng tốn tác lo cho mình làm sao giấu, đứt qua mặt được cán bộ khi bị khám bất ngờ. Muốn vậy phải lanh lẹ chạy vào lo toan trước, chứ chậm, muộn thì còn làm sao giấu đứt được nữa.

Tôi vừa vơ chần màn, quần áo, rổ rá, đĩa và những đồ linh tinh, tôi vừa nghĩ: mình chả có cái quái gì cả. Có cái quan trọng nhất là chì mật thì ngay từ những tháng trước, tôi đã luôn chần chần vào gấu chiếc quần đùi cũ. Chiếc quần đùi này, tôi không mặc, vẫn để lẫn trong túi quần áo. Tôi vẫn tin tưởng rằng: dù cho cán bộ hay bất cứ ai có trông thấy cái mẫu chì này thì cũng chả hiểu được giá trị của nó. Vì vậy tôi vẫn yên tâm. Tôi theo Vân ôm đồ ra khỏi buồng.

Ngoài sân, la liệt khắp kín cả sân trại. Từ trên đầu nhà kỷ luật cho đến sát hàng rào giếng, phía cuối sân, đầy tù và chần màn quần áo. Tổ nào toán nấy đều có 3 tên cán bộ áo vàng, nghiêm trang đứng đưa những đôi mắt cú vọ, soi mói quan sát mọi người.

Tôi khệ nệ ôm gói chần màn, quần áo đến chỗ tổ vernie đã có Quý Cụt và Lê Sơn ở một góc phía đầu hội trường, thuộc về khu vực toán hai. Nhìn về buồng số II, bốn tên cán bộ vũ trang. Mỗi tên trên tay cầm một chiếc đèn pin đang lục lọi các góc ngách, sàn trên, sàn dưới. Một bác già vẫn làm vệ sinh trại, đem vào buồng một sọt lớn, đặt ở giữa nhà, để đựng những thứ tù bỏ sót lại hoặc các tên cán bộ đi khám, moi móc được những thứ tù cất, giấu.

Tôi để ý thấy tụi cán bộ lục soát thật kỹ càng. Từ trên mái nhà, dưới gầm sàn, chúng bới móc mọi nơi, mọi chỗ mà chúng khả nghi tù có thể giấu diếm những đồ nội quy, quốc cấm. Tôi còn đang liếc nhìn những ánh đèn pin le lói, loang loáng phía trong buồng thì một vật cứng cứng, đột nhiên chạm nhẹ vào phía sau lưng tôi, trong khi tên công an vũ trang đứng ngay trước mặt, chỉ cách tôi hơn một mét. Tên này cũng đang đưa mắt nhìn về phía một tên cán bộ ở chỗ toán 3 đương quát tháo:

- Tất cả các anh nghe đây: anh nào ngồi chỗ nào, ngồi yên chỗ ấy. Tuyệt đối không ai được di chuyển, đi lại lộn xộn. Anh nào đã được khám xong, ôm đồ đạc của mình vào trong hội trường gấp gáp.

Mồm y nói, mắt y quắc sáng, tay chỉ vào trong hội trường cũng đã có một tên cán bộ đứng coi. Tôi lẹ đưa tay về phía sau, thì ra là một chiếc lược nhôm mới, rất bóng của Lê Sơn luôn cho tôi. Tôi chợt nhớ đến con dao nhỏ làm bằng lưỡi cưa con, dài hơn một ngón tay của tôi. Tôi vẫn dùng trong những công việc vặt, sinh hoạt của đời tù. Chỉ một thoáng suy nghĩ, tôi đã tìm ra một phương thế hữu hiệu. Ngay trên chiếc chiếu con tôi đang để chần màn quần áo của tôi. Tôi lựa, lách

lưỡi dao vào kẻ những sợi cói. Dùng sức, tôi giúi ngập ngay xuống nền đất của sân. Thế là ổn! Quý Cụt và Lê Sơn ngồi ngay bên cạnh tôi cũng không hề biết.

Bây giờ những tên cán chịu trách nhiệm từng toán bắt đầu lần lượt khám, lục xét vượt nắn từng người và công tư trang của họ. Lắm anh có lẽ vì không cất dấu kịp nên bị tịch thu cũng nhiều. Nhìn chiếc sọt đựng đồ thu của mỗi toán. Tôi thấy nào ống bơ, lược, dao, nõ điều nhôm, giấy má thư từ, hộp gỗ con v.v... vất lượm một sọt.

Lê Sơn bị tịch thu 2 chiếc lược nhôm kiểu con rồng, mới bóng và hai gói trà. Sau đó tôi được biết: sáng đó Lê Sơn có gần một chục cái lược và một tá gói trà, nhưng anh đã khôn khéo tẩu tán, gửi gắm, giấu diếm gần hết.

Đến lượt tôi, tên công an vượt nách, vượt tay chân, lục túi rồi giữ từng cái chăn, cái quần, cái áo. Chẳng có cái cóc khô gì cả. Chỉ có một cái lược sừng và một cái lược nhôm của Lê Sơn vừa đưa. Theo nội quy, mỗi người chỉ được dùng một cái lược, ngoài ra bị tịch thu hết. Tên công an cầm hai cái lược hỏi tôi:

- Cho anh tùy ý giữ lại một cái.

Lòng tôi đang có sự giằng co lựa chọn. Tuy cái lược nhôm thật đẹp, giá trị gấp mấy lần cái lược sừng nhỏ của tôi. Nhưng cái lược sừng này là vật duy nhất của tôi, từ ở trong Nam. Nó đã theo tôi suốt dài những năm tháng tái tê trong xà lim, Hỏa Lò. Dù cái lược nhôm, hay bất cứ cái lược gì khác có quý đến nhiều lần hơn thế, thì tôi vẫn chọn chiếc lược sừng nhỏ, tuy xấu, cũ đã gãy 1 răng, nhưng nó như là một người bạn thân thiết của tôi. Ngày trước, khi tôi tự tử ở buồng số 6, xà lim I, của hơn 4 năm trước tôi cũng đã rũ rượi xin chào từ giã nó. Nhưng cái lược nhôm lại là của Lê Sơn vừa gửi.

Anh đã đối xử với tôi đầy ân tình. Tôi nhớ đến một hành động cao đẹp của anh, chiếc đĩa nhôm mà tôi đang dùng và những suất sắn sáng anh đã giúp tôi một cách hào hiệp, lúc khó khăn buổi ban đầu mới lên trại của tôi. Hơn nữa Lê Sơn là một người có lý tưởng chống Cộng sâu sắc, kiên định. Tôi làm sao có thể để một người như thế, mất hay giảm lòng tin tôi. Tôi lúng túng đến nỗi mặt tôi nóng lên rần rật. Hết liếc nhìn Lê Sơn, rồi lại nhìn Quý Cụt ngay trước mặt tên cán bộ. Không thể có một cử chỉ, một nháy mắt ra hiệu được cho nhau.

Cuối cùng, đành vậy, tôi giơ tay ngấp ngừng, rút rờ cầm chiếc lược nhôm, để chốc nữa trả lại cho Lê Sơn. Tôi đành để mất chiếc lược sừng kỷ niệm, thân thương từ đấy; tuy trong lòng không khỏi xót xa, luyến tiếc.

Mãi gần trưa mới khám xong toàn trại và được lệnh các toán mang chăn chiếu vào buồng! Lòng buồn rười rượi, tôi nhìn Phan Thanh Vân đang gấp lại quần áo bên cạnh. Mặt Vân cũng đanh đỏ gay, tôi khẽ hỏi:

- Có mất gì không?

Vân trả lời trong hiu hắt:

- Vài thứ lặt vặt không đáng kể, nhưng có mấy tấm ảnh của bà chị ở Pháp gửi cho đã lâu, họ cũng không cho giữ.

Ngừng một lúc rồi Vân lại nói lâu bầu:

- Tôi sẽ làm đơn ra ông Toán, vì chính ông đã mang thư và ảnh đó từ trại chính vào cho tôi cơ mà.

Tôi chưa biết nói sao, nên chỉ biết khích lệ và an ủi Vân:

- Đúng đấy, Vân phải làm đơn đi. Ảnh gia đình, thân nhân của người ta mà cũng thu.

Ngay sau khi tôi xếp chăn màn, quần áo của tôi tạm ổn. Trèo lên sàn trên chỗ Lê Sơn, tôi rút chiếc lược nhôm ở túi ra gửi lại anh. Lê Sơn nhìn tôi dăm dăm rồi cười, anh đẩy tay tôi lại:

- Tôi tặng anh để làm kỷ niệm đấy!

Biết rằng, không thể nói cho anh hiểu được, tôi còn quý cái lược sừng của tôi hơn nhiều lần cái lược nhôm này. Vì anh và tất cả người khác không thể tin được. Cũng chính vì điểm này, tôi càng không thể nhận chiếc lược của anh tặng. Bởi vậy, tôi nói với anh bằng thái độ dứt khoát:

- Không được. Tôi cảm ơn nhã ý của anh, nhưng tôi nhất quyết không lấy chiếc lược này đâu. Để mai kia ra lán, anh cho tôi ít nhôm

rồi anh chỉ cho tôi cách nấu và pha chế. Tôi muốn, chính tay tôi sẽ làm lấy một cái lược để tôi dùng.

Nói rồi tôi đặt cái lược lên đùi anh và trèo xuống, về chỗ.

Buổi trưa, tôi đang nằm liu riu. Một mắt ngủ, một mắt thức thì thấy xôn xao, ồn ào ngoài sân. Trong buồng cũng có một số người ngồi dậy đi ra. Tôi cũng tung chăn bò dậy. Ra tới cửa buồng, gặp cậu Hoàng Mạnh Hùng, tôi hất hàm ra phía sân, hỏi khẽ:

- Cái gì thế em?

Hùng ghé vào tai tôi thì thào:

- Họ thả những anh em bị kỷ luật, cho ra ngoài ăn Tết.

Gợi trí tò mò, tôi nhẹ đập vào tay Hùng tỏ ý cùng ra đó xem sao. Ngay trên đầu nhà số III, đã có gần chục các anh và các bác đang đứng túm tụm trên đầu hè, nhìn về phía nhà kỷ luật. Tên Cẩn, cán bộ trực trại cũng đứng gần chỗ nhóm nửa trước nhà kỷ luật. Tay y cầm chùm chìa khóa cứ rung, lắc reng reng. Sát phía đầu hồi nhà kỷ luật, tên trật tự Tân đang kéo tay một anh nằm dài dưới đất, miệng y léo nhéo:

- Cố đứng dậy mà đi! Ban giám thị khoan hồng cho ra ăn Tết lại không mừng sao?

Phía trong, chỗ hiên sau nhà kỷ luật, lối nhỏ có gần chục người. Người thì đang vịn vách lò dò bước ra, người thì bò lết dưới nền đất. Nhìn cảnh đó mà lòng tôi đờ dại ra. Một nỗi xót xa của những kiếp con người dưng ngập lòng tôi. Người già, người trẻ, mắt ai cũng trắng dã; tay chân khẳng khiu, gầy guộc như những cái cày của con cua rốc. Hai thái dương và hai má đều lõm vào, thành ra nhìn ai mặt cũng gồ ghề, toàn xương.

Một mùi khăn khăn, ngai ngái, tanh tanh từ những đám người kỷ luật phả ra chung quanh. Thỉnh thoảng, tên Cẩn lại quay mặt ra phía đầu gió, gần hàng rào trại, xì khô mũi của y mấy cái. Cái mùi làm cho tôi nhớ lại, cái mùi của những con chuột chù, ngày còn bé tôi thường bắt chơi, ngủi thấy.

Thoáng thấy bóng anh Khải, tôi đến ngõ ngang nên cứ nhìn anh mãi. Mới có hơn một tuần lễ, mà tôi đã không nhận được ra anh nữa. Ông Nguyễn Tứ Hải, cha anh, một tay ông ôm chiếc chăn ấm, một tay ông đỡ nách anh Khải. Hai cha con chậm chạp, bước từng bước run rẩy về phía buồng số II. Mỗi người đều có những bẹn bè dều, nâng, đang lê từng bước về buồng.

Riêng có một anh chừng 35 tuổi, dáng đã nhỏ con, lại chỉ còn xương với da. Nếu không nhìn thấy mấy sợi tóc bạc và những nếp nhăn nheo trên trán anh, thì tôi lại tưởng là một đứa trẻ con. Anh mệt nhọc ôm chiếc chăn tã, nhiều chỗ toàn bụi đất. Anh cứ lê, bò đi vài thước, lại đặt cái chăn xuống nền sân đất, rồi gục đầu lên đó nằm yên một lúc, lại ngẩng đầu dậy bò tiếp. Nhìn anh, tôi liên tưởng đến cái ngày khốn khổ, tôi ở cachot, Hỏa Lò bò ra năm xưa. Ruột tôi vặn vẹo không yên được; khẽ động vào tay Hùng tôi nói như thúc hối:

- Em hãy ra giúp anh ta về buồng, dù có bị liên quan, em cũng cứ làm đi!

Chắc Hùng cũng đang xúc động, thấy mắt cậu đỏ lên. Hùng chỉ khẽ nói:

- Anh Hải Sơn toán 2 đấy!

Nói rồi, Hùng tiến ra đỡ anh Hải Sơn đứng dậy trước con mắt gườm gườm, lạnh lùng của tên Cẩn và những con mắt mở to của mọi người. Mấy hôm, sau ngày Tết, tôi được anh Đồng cho biết: anh Hải Sơn là người của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Anh ta bị bắt 11 năm rồi.

Khi về buồng, nghe mấy anh xì xèo bán tán với Nguyễn Huy Lân buồng trưởng tôi mới hiểu: trong nhà kỷ luật lúc ấy có tất cả 9 người, đều được thả cho ra ăn Tết. Duy có bác Lê Tài Chương thì không được ra, chẳng một ai hiểu vì sao?

Những người đi kỷ luật về, đều được về toán của mình nằm cho lại sức. Chưa ai rửa ráy, tắm giặt gì được. Chiều hôm ấy cũng chưa ai được ăn cơm, tất cả đều phải ăn cháo, vì sợ thủng dạ dày. Ba người của toán 2 là Nguyễn Khải, Hải Sơn và một anh nữa là Trần Hiến. Khi ra lán thủ công lao động buổi chiều, Quý Cụt đã cho tôi biết: Trần Hiến là một tu sĩ công giáo. Án tập trung cải tạo 3 năm, nhưng đã ở tù thành 9 năm rồi.

Hôm nay là ngày giáp Tết. Buổi sáng nay là buổi lao động cuối cùng của một năm. Theo như chương trình nghỉ Tết và gọi là vui Xuân (?) của trại sẽ diễn tiến như sau:

Hai giờ chiều, toàn trại tập họp ra hội trường để nghe ban giám thị nói chuyện và tổng kết những thành tích lao động sản xuất một năm của trại. Tuyên bố kết quả những toán và những cá nhân xuất sắc sau khi ban giám thị đã duyệt xét. Cuối cùng sẽ tuyên bố chương trình vui Xuân của trại gồm có thi đấu bóng bàn và cờ tướng.

Về bóng bàn:

Giải nhất – 1 bánh chưng, 1 gói trà và 1 bao thuốc lá.

Giải nhì – 1 bánh chưng và ½ bao thuốc lá.

Thi đấu cờ tướng:

Giải nhất – 2 bánh chưng, 1 gói trà và 1 bao thuốc lá.

Giải nhì – 1 bánh chưng, 1 gói trà và ½ bao thuốc lá.

Phần vì tôi cũng biết chơi ít nhiều cờ tướng ngay từ khi còn nhỏ, sau này vào Nam, ở trại học sinh di cư Phú Thọ, tôi lại tiếp tục chơi những khi có điều kiện. Phần khác, sau nhiều năm ngồi tù đơn độc trong xà lim ở Hỏa Lò, tình cảm tâm tư bị nén buộc, tôi muốn nhân dịp này gặp gỡ được nhiều người ở những toán khác. Bởi vậy, tôi cũng ghi tên tranh giải cờ tướng của trại. Phan Thanh Vân dù chỉ nhìn đời bằng một con mắt, anh cũng ghi tên tranh giải bóng bàn.

Vì thời gian chỉ có hạn, chỉ trong vòng có hai ngày rưỡi nên ban tổ chức vui Xuân quyết định: sẽ đấu vòng loại ngay sau khi ban giám thị nói chuyện tổng kết ở hội trường. Riêng về cờ tướng, ngay khi hết hạn ghi danh lúc 5 giờ chiều hôm qua (ngày 29), tôi đã biết có 52 người ghi tên thi đấu của toàn phân trại.

Phải nói sáng hôm nay không khí của trại cũng khác thường, mặt anh nào cũng rạng rỡ hẳn ra. Như mỗi người đêm qua đều được uống một ly đường Cuba pha đậm vậy. Thực thế, rõ ràng mắt mọi người như mới được quét thêm cái màu tình nghĩa và nụ cười đã trở lại ở trên môi nhiều người.

Khi cái toán xuất trại đi lao động, do sự chỉ định của cán bộ giáo dục: toán 2 phải để lại 4 người vẽ và làm lỗ cho bàn cờ tướng của trại.

Bàn gỗ bóng bàn, do nhóm kỹ thuật của Đinh Sơn đã làm xong từ gần một tuần trước. Hôm nay cũng được khênh về, lắp ráp ở trong cổng trại, chỗ gần bụi nứa cuối hội trường. Về cờ tướng, để thêm phần hào hứng cho mọi người tù, ban giáo dục cho vẽ bàn cờ lớn ngay ở sân chính của trại, trước nhà số I. Bàn cờ chiếm gần nửa cái sân. Quân cờ bằng những miếng gỗ hình chữ nhật, một bề 15 phân và một bề 20 phân, được sơn xanh và đỏ. Trên quân cờ viết chữ bằng sơn trắng để phân biệt quân của hai bên. Mỗi quân cờ được đóng vào một thanh gỗ, vuông 3 phân, dài chừng 70 phân để làm chân.

Vì thế, bàn cờ phải có lỗ để cắm quân. Những lỗ này chỉ cần chừa một đoạn đầu mặt của một ống nứa nhỏ, dài chừng 10 phân, rồi cứ việc đóng cho bằng xuống nền đất là thành một cái lỗ để cắm quân cờ.

Khoảng 10 giờ sáng, ngay khi toán còn ở ngoài lán thủ công lao động đã nghe thấy tiếng lợn kêu eng éc, từ nhà bếp cơ quan và nhà bếp của trại văng vẳng vọng ra. Tiếng lợn kêu, làm cho mắt ai cũng sáng lên long lanh. Anh nọ nhìn anh kia như có ý nói: đấy...nghe thấy không bạn ơi! Cho đến trưa, khi toán về đến trại thì nổi vui mừng, niềm hoan hoan trên mặt mọi người đều bị phì ra tứ tung. Từ lời chào hỏi, xen lẫn ánh mắt dụi dụi nhìn nhau, cho đến dáng đi, nước bước đều như được chứa chất nổi hưng phấn, đong đưa của một kiếp người.

Một mùi ngòn ngọt, ngây ngất thơm tho từ trong nhà bếp xông bừa ra phủ kín cả trại E. Để, dù cho xuống giếng rửa ráy, tắm giặt hay vào buồng nằm nghỉ; đâu đâu ai cũng ngửi, cũng hít thấy cái mùi mê ly, say đắm đến xụi hồn ra ấy. Tác dụng của nó đã làm cho mọi người hôm nay đối xử với nhau đậm đà, cởi mở hơn, nhã nhặn dễ dãi hơn.

Tuy chẳng nói ra, nhưng ai cũng tự hiểu: bữa cơm trưa nay thì vẫn cơm ngô xay, muối rang như mọi ngày. Nhưng bữa chiều nay thì phải biết, phải tự mỗi người hãy suy nghĩ lấy... Có trời mà đoán được nó hạnh phúc như thế nào? Chính vì vậy, chính vì cái hạnh phúc đang đến thường thường lại hơn hẳn cái hạnh phúc đã đến rồi.

Một điều nữa, cũng chẳng ai nói ra nhưng ai cũng hiểu như nhau: bắt đầu từ lúc này, không phải gò lưng để kéo xẻ, không phải è cổ gánh phân, vác gỗ, không phải vẹo người để quai búa tạ v.v... Được xả hơi

thong dong, nhàn du, dài những 2 ngày rười cơ mà; cho nên niềm vui, nguồn thanh thản, thênh thang càng được nâng cao rõ rệt.

Tổng Kết Một Năm Tù

Trưa nay tôi nằm mãi không ngủ được. Bên cạnh Vân cũng trở mình hoài. Tôi hiểu cũng ít ai ngủ được buổi trưa nay. Ngày Tết đã đến nơi rồi, mà tấm thân vẫn nằm trong tù mịt mù.

Mỗi người là một thế giới riêng biệt đầy ngược xuôi, ngang dọc nỗi niềm thì làm sao mà ngủ được. Tôi cứ nằm chập chờn trong cái bồn bệnh của tâm tư. Hình ảnh của bố mẹ, các em thơ dại; hình ảnh những phố phường, bạn bè, thân thuộc của miền Nam nồng đượm hương sắc; hình ảnh chiếc lưng ong mỹ miều của người Hưng Yên ngày ấy..... tất cả, có lúc lướt nhanh vùn vụt rồi cũng biến nhanh đi vào cõi mộng lung, mịt mù, nhưng có lúc nó dềnh dàng, chậm chạp lắc lư như dừng đứng lại, trong nỗi khắc khoải mênh mông.

Một giờ 30. Tiếng kèng lại rộn rang lên trong cái tịch mịch hoang vắng của núi rừng giữa một buổi chiều cuối năm. Kèng tập họp. Tất cả mọi người đều phải ra hội trường để dự lễ tổng kết cuối năm.

Hội trường hôm nay đã được dọn dẹp, trang hoàng, sạch sẽ. Bàn đã được kê hết ra ngoài, chỉ còn những hàng ghế dài. Mười phút sau, hội trường đã chật ních đầy người. Phía khán đài, chính giữa treo tấm hình Hồ Chí Minh to tướng. Chung quanh là các khẩu hiệu chữ vàng, đỏ, treo la liệt. Tên Căn trực trại và mấy tên cán bộ lạ, đi lại lảng xảng. Đúng 2 giờ, một đoàn cán bộ, quần áo đại lễ, lúc nhúc từ phía cổng, trang trọng đi vào. Đi đầu là một tên đã đứng tuổi, đeo lon trung úy. Khi những tên này vào đến khán đài, một tên cán bộ đã đứng chờ sẵn hô to:

- Đứng dậy!

Cả hội trường phải đứng dậy chào y. Sau khi tù đã được lệnh ngồi xuống, tên đeo lon trung úy tiến ra bục nói chuyện. Y thao thao bất tuyệt, nói hết chuyện trên trời, dưới đất. Nào là quân dân miền Nam đang đà chiến thắng ở khắp mọi chiến trường. Quân dân miền Bắc sản xuất vượt mức trong mọi ngành, mọi nghề và hạ được nhiều máy bay Mỹ v.v...

Rồi về phần trại, y cũng nói rất nhiều. Cuối cùng vẫn có một câu bài vở: *hầu hết trại viên đã nỗ lực, phấn đấu thi đua lao động cải tạo, nhưng vẫn còn một số phần tử ngoan cố không chịu cải tạo, từ chối sự*

giáo dục của đảng, vẫn ngày đêm ôm ấp, bao che những tư tưởng chống đối, chây lười lao động, ù lì trong học tập. Những phần tử này phải mau mau chuyển biến, hối cải. Đảng và nhà nước sẽ nghiêm khắc trừng trị đích đáng v.v...

Tôi thấy y nói cũng chẳng có gì mới lạ. Tôi vẫn đinh ninh lão là Hoàng Thanh, mà ít ngày trước đã có nhiều anh em nói tôi. Nhìn và nghe y nói, lòng tôi đã giảm hẳn những lằng lo, băn khoăn của tôi về y. Nghĩa là, y cũng bình thường và chung chung mà thôi, không như tôi tưởng. Quay sang Vân ngồi bên cạnh, tôi nói như chia xẻ:

- Tôi cứ tưởng Hoàng Thanh ghê gớm, nham hiểm, sâu sắc lắm!

Một mắt của Vân mở to nhìn tôi, rồi hơi nhếch môi trên, nửa như cười:

- Không phải đâu! Đây là ông Mạch, trưởng ban tuyên huấn của toàn trại trung ương số một này đây.

Tôi hơi ngỡ ngàng, hỏi tiếp thì được biết: Hoàng Thanh đã đi đâu gần một tháng nay chưa về. Có thể ông ta có công tác về bộ.

Phần tuyên bố kết quả những toán và cá nhân xuất sắc do một tên cán bộ giáo dục đọc. Tên này, tôi vẫn thỉnh thoảng thấy y ra vào trại. Tuy y chỉ có cái lon trung sĩ, nhưng qua phong dáng và cách ăn nói, tỏ ra y là một người trầm tĩnh có năng lực điều hành, tổ chức. Chỉ nghe một buổi y nói chuyện, tôi có cảm nghĩ: rồi đây y sẽ tiến lên cao nữa trên bước đường công tác của y. Sau đó tôi được biết tên y là Tập, Bùi Huy Tập. Hai toán được xét duyệt là thi đua xuất sắc: toán 4 nông nghiệp và toán lâm sản.

Về cá nhân xuất sắc: cả trại gồm 15, 16 người. Riêng toán 2 có 4 người là: Lê Khắc Dũng, Phan Thanh Vân, Lù Chấn Páng và Lý A Chén (tự giác toán).

Khi bình bầu ở dưới toán thì có 7 người, trong số này không có Lê Khắc Dũng. Ngược lại Nguyễn Huy Lâm (toán trưởng, buồng trưởng) Lê Văn Kinh (người nhái) Đặng Minh Chánh, khi đưa lên trên duyệt lại bị xóa tên.

Mỗi khi tên Tập đọc đến tên toán hay cá nhân xuất sắc thì người đó phải đi lên khán đài đứng quay mặt về phía trại viên. Toán thì do toán

trường đại diện. Mỗi một người bước lên khán đài lại được một tràng vỗ tay của mọi người. Đến lượt Phan Thanh Vân ngồi cạnh tôi đứng dậy tiến lên khán đài, mặt Vân đỏ rừ, chả hiểu vì ngượng hay vì vui mừng?

Vì được chỉ định là đại diện các cá nhân xuất sắc nên Vân phải đọc một bài viết sẵn, cảm tạ đảng và ban giám thị, hứa hẹn sẽ duy trì và phát huy sự cải tạo tiến bộ của mình. Đại diện hai toán xuất sắc do anh Hà, toán trưởng toán 4, cũng đọc một bài bài viết sẵn. Nội dung cũng tựa tựa như trên.

4 giờ, vừa bế mạc lễ tổng kết. Tên Thái y tá, trưởng ban tổ chức Tết đã gọi tất cả các anh em ghi tên đấu cờ tướng và bóng bàn hãy tập trung tại hội trường để rút thăm đấu vòng loại, cho kịp chương trình vì thời gian chỉ có hạn. Theo chương trình, trận chung kết sẽ đấu vào mùng 2 Tết.

Riêng về cờ tướng, vì quá đông người ghi tên, nên chia ra làm 2 danh sách A và B, mỗi danh sách có 13 cặp. Tôi có tên trong danh sách B. Do thời gian tranh giải qua ngắn, nên sau khi rút thăm, đã bắt đầu đấu vòng loại ngay. Một cặp nào đó ra đấu ở bàn lớn ngoài sân, còn hầu hết các cặp khác đều đấu cờ bàn, tùy theo ở trong hội trường hay trong buồng. Khi đấu bất cứ bàn nào cũng đều có một người của ban tổ chức làm trọng tài, giám thị.

Tôi rút thăm gặp anh Thìn người Sơn Tây của toán Lâm Sản. Tôi thắng anh không có gì khó khăn lắm. Hơn một giờ sau, 26 cặp đấu vòng loại xong: bảng A còn lại 7 cặp, bảng B còn lại 6 cặp. Sáng mai, mùng 1 Tết sẽ thi đấu tiếp.

Tôi được biết đã 2 năm rồi, chức vô địch cờ tướng của trại đều do bác Lắm người Hà Nội của toán 5 rau xanh giữ. Nghe nói trước đây bác đã từng tranh giải cờ người ở chùa Lán và Văn Miếu. Như vậy tôi hiểu rằng bác chẳng phải là tay tầm thường trong làng cờ Bắc Việt.

Như trên tôi đã trình bày, mục đích chính của tôi chỉ muốn nhân dịp này để làm quen, biết thêm các anh, các bác ở các toán khác mà thôi. Cho nên tôi không đặt hoàn toàn chủ trương vào cuộc tranh giải. Và lại, tôi hiểu rằng nếu quyết tâm tranh giải, sẽ phải tập trung hết tâm tư, trí lực vào bàn cờ. Đêm nằm cũng phải suy nghĩ tính toán từng thế, từng nước cờ. Như vậy còn đâu tâm hồn để thưởng thức những

món ăn tuyệt vời, mà đã hơn 6 năm nay tôi không được hưởng. Chưa nói, còn đâu những giờ phút thanh thoi, thanh thản buông lời cho hồn chơi với với cái Xuân trong tù. Do thế, tôi chả dại.

Nhớ lại lúc ban giám thị tuyên bố những cá nhân xuất sắc. Trong đám đông tôi liếc nhìn thấy nét mặt của Nguyễn Huy Luân và Lê Văn Kinh trầm ngâm, thần thờ khác thường. Tôi hiểu rằng, tâm trạng những người bị xóa tên, ít nhiều đều ôm một nỗi băn khoăn thấp thỏm. Không hiểu mình có điều gì nặng về tư tưởng, hoặc có ai báo cáo ngầm với ban giáo dục những điều gì để cuối cùng ban giám thị đã gạch tên. Tôi có ý định nhân ngày nghỉ Tết sẽ đến anh Luân để chuyện trò tìm hiểu thêm về quan điểm của anh, cũng như vụ án của toán Boone biệt kích.

Khi vào buồng, Shè Khửu Sáng đã đón tôi ngay ở cửa, nói nhỏ:

- Chúng em đã chờ anh từ nãy, mời anh lên chỗ Hùng để uống nước trà.

Nghĩa tình anh em trải ra như vậy, nên dù định về chỗ nằm nghỉ ngơi tôi cũng ráng trèo lên sàn trên chỗ Hùng ngay. Ồ, vui quá! Có La Văn Thịnh, Nguyễn Văn Châu, Sáng và Hùng, bốn cậu người dân tộc cùng một toán biệt kích. Không thấy Nông Quốc Hải, tôi hỏi thì Hùng tỏ ý ngập ngừng. Thoáng hiểu có một chuyện gì đó trong nội bộ, nhất là ít thấy Hải nói chuyện với các cậu, vì vậy tôi hỏi vấn đề khác:

- Làm sao các cậu có trà, và lại ngồi đằng hoàng thế này?

Châu vừa khẽ nâng cái ca tráng men rót trà vào 5 chiếc ly nửa con, vừa cười:

- Anh không biết à? Ngay từ trưa trại đã thông báo: "trưa nay cho đến mồng 1, mồng 2 Tết, nhà bếp sẽ đun riêng 1 chảo nước sôi. Anh em trên toán được xuống lấy nước sôi tự do để pha trà". Chúng em.....

Châu vừa nói đến đây thì chiếc nắp ca đột nhiên bật ra rơi xuống chiếu, làm tung cả bã trà ra. Giộ lên những tiếng xuýt xoa tiếc rẻ, cùng với 4 -5 bàn tay như những cái chổi con nhanh nhẩu vờ quét những bã trà. Chỉ một loáng, chiếu đã sạch trơn không còn một cánh trà. Bã trà đã gọn ghẽ vào trở lại trong ca và tiếp tục đổ nước sôi.

Hùng hẳn còn nhớ ý của cậu Châu đang nói dở nên lại tươi mặt lên nhìn tôi:

- Chúng em có mấy người bạn dân tộc có gia đình tiếp tế, cho trà. Được phép chúng em mới dám công khai chứ anh!

Chỉ có dùm trà và ít thuốc lào, ngồi quây quần bên nhau thôi, nhưng dạt dào nghĩa tình anh em, chiến hữu. Trong cảnh bất hạnh, khổn cùng đầy ắp thương đau của đời, tình người lại càng nở hoa, lại càng thấy thương yêu nhau như anh em ruột thịt.

Nàng Xuân Đến Thăm Tù

Tôi mới uống được lưng chiếc ly nửa con, thì tiếng keng đã rống lên rồi. Cũng tiếng keng ấy, mọi khi tôi ghét cay, ghét đắng, nhưng hôm nay nghe nó thánh thót, ngân nga có lúc như tiếng sáo diều trưa hè ở quê xưa. Bởi vì hôm nay nó tử tế; lịch sự hiền ngoan lắm; nó trang trọng mời bà con xuống bếp lấy cơm Xuân, để đón đêm trừ tịch..

Không khí cả buồng, cả trại sôi ồn lên như giữa buổi chợ phiên. Chúng tôi, chả ai cần nói, cũng đều tạm dẹp chuyện nước nôi, đến đến tối hầy hay. Bây giờ phải đi lo cái chuyện quan trọng, chuyện lớn, nó liên quan đến cái hạnh phúc hay buồn khổ của đời người.

Ra đến ngoài sân, nướm nượp những người. Ai cũng rào bước chạy, như một giòng nước chảy xuôi về phía nhà bếp. Ngày thường 2 người trực mâm, một người chia cơm, một người chia canh. Nhưng hôm nay vì tình thế quá căng thẳng, nên mâm nào cũng đều phải tăng cường thêm 2 người nữa là 4. Chỉ mười phút sau, giòng nước lại chảy ngược từ nhà bếp tóa ra về các ngả.

Những ngày thế này thật là một cái nạn với một số đông người, nhất là tôi lúc này, một người mới tới trại. Hàng ngày chỉ cần 2 cái để đựng, một cái lấy cơm và một cái lấy canh hoặc muối, là đủ rồi. Hôm nay, trời đất ơi, những năm món, tôi bắn xúc xích cả lên! Lấy cái gì để đựng bây giờ đây, hỡi cuộc đời? Làm sao mà mượn được ai trong này! Những món mà mới chỉ nhắc đến tên thôi là nước miếng đã rỉ ra rồi:

1. Thịt lợn kho – 1 soong cho cả toán
2. Rau cải bắp trắng xào mỡ – mỗi mâm một soong
3. Khoai tây hầm xương lợn – mỗi mâm một soong
4. Lòng lợn xào chou-fleur – mỗi mâm một soong
5. Hành nén chua – mỗi mâm một soong

Tôi chỉ có một cái rổ con để lấy cơm. Còn có mỗi cái đĩa, thế mà những năm thứ, làm sao đây? Người ta gọi nhau í ới, râm ran cả sân lên. Đáng ai cũng tốn tác khẩn trương. Nhóm này gọi "anh Bình ơi, đặt bát lấy khoai tây", nhóm kia gọi "anh Bình ơi, đặt bát lấy cải xào".

Tôi hiểu rằng, phải có đủ bát thì họ mới chia lẹ được. Bởi vì, từ mấy ngày trước, trong khi chuyện trò tôi đã biết: những hôm có tươi thế này họ chia chác cẩn thận lắm. Ấy là còn may, song thịt lợn kho là quan trọng nhất, anh Lân toán trưởng chịu trách nhiệm đã giữ song thịt để chia sau. Tôi bắn cả người lên ! Chạy ra, chạy vào, nhìn ngược, nhìn xuôi, cuối cùng tôi lật đặt tạt vào buồng, lục lấy cái khăn mặt bằng vải áo tù, ở dưới Hỏa Lò đặt đại ra để lấy hành nén. Nhưng đến đây, lại có một khó khăn trở ngại nảy ra: mọi thứ chia đặc biệt này, đều phải gọi tên. Nó đã trở thành một nguyên tắc không ai được quyền thay đổi, kể cả cán bộ hay ban giám thị. Người ta có rổ, hay đĩa sạch sẽ, nên khi gọi tên, ai lấy phải phần tôi đựng bằng giẻ thì làm sao họ bằng lòng?

Cả mâm 10 người nhìn nhau không tìm ra 1 cách giải quyết cho ổn. Bất chợt anh Đồng lên tiếng:

- Nếu tôi lấy phải cái khăn của anh Bình, tôi đồng ý đổi lại với anh.

Thấy vậy, Toàn và cậu Sáng cũng lên tiếng đồng ý như anh Đồng. Nghĩa là, nếu lấy phải cái khăn vải của tôi, họ cũng đồng ý đổi lại với tôi. Thế là bắt đầu chia. Hành nén, một củ thường có 2 hay 3 nhánh. Có nhánh to, nhánh nhỏ, nhánh vừa. Họ tách đều ra, rồi chọn 10 nhánh tương xứng bỏ vào 10 phần. Mười nhánh khác cũng thế. Cuối cùng khi đã chia xong, thì mỗi phần chừng độ 12, 13 nhánh.

Bắt đầu làm thủ tục gọi tên. Anh Đồng quay mặt ra phía hàng rào trại. Anh Yên cầm 1 phần lên, hỏi to:

- Ai?

Anh Đồng vẫn quay lưng, không được ngoái nhìn lại, trả lời:

- Anh Sáng!

Thế là cậu Sáng cầm lấy phần ấy. Anh Yên lại cầm phần khác lên hỏi "Ai" tiếp. Cứ như vậy cho đến phần thứ 9. Còn người cuối cùng không gọi đến tên, thì còn 1 phần là của người đó rồi. Chia xong hành, còn cái song không, nhiều người muốn đến giành, nhưng anh Đồng và đa số anh em trong mâm đều đồng ý là để cho tôi. Đây là nhã ý của họ với người mới đến trại, vì còn nhiều người nữa cũng không đủ bát đĩa.

Tôi đành giữ cái soong, rồi đem đĩa đi lấy từng thứ đem về đổ lẫn lộn vô soong. Chợt thấy ồn ào ở phía mâm ăn 18 kg, tôi xách chiếc soong theo, chạy lại. Kinh và Vân đang sừng sộ, chỉ vào mặt nhau. Nghe đầu Kinh múc nước khoai tây hầm chia không đồng đều. Chẳng có thì giờ để nghe rõ câu chuyện, tôi lại phải chạy về mâm để lấy phần.

Đến lần chia cái bắp xào mỡ, cũng phải gọi như vậy. Cho đến khi chia khoai tây hầm xương, lại có vấn đề hơi phức tạp, vì cả soong khoai chỉ có 3 - 4 cái xương, lại cái to, cái nhỏ. Chưa nói, ngay khoai cũng thế, có củ to, củ nhỏ, củ cắt đôi, củ không cắt. Cuối cùng củ nào họ cũng cắt làm đôi, rồi nhìn tương xứng 10 miếng bỏ 10 phần. Khi chia gần hết chỉ còn 2 miếng thì họ cắt mỗi miếng ra 5 phần đều nhau, để bỏ vào 10 suất. Nước gân riêng, đong bằng thìa, còn chừng 3 thìa thì họ đong bằng cho mỗi suất 1 tí cho đủ 10 phần đều nhau. Vài miếng thịt con lẫn trong nước đều được vớt riêng ra. Trong xương còn dính tí thịt nào cũng lấy ra hết, rồi trộn đều. Mỗi phần được $\frac{1}{4}$ thì thịt vụn như. Còn 3 cục xương, chúng tôi thỏa thuận quyết định cứ bỏ đại bất kỳ 3 phần nào. May cho ai, người đó trúng số, sẽ hên cả năm. Xong rồi, họ lại tiếp tục cầm từng phần để gọi tên.

Đến chou-fleur xào lòng lợn. Vì một cỡ lòng lợn cho cả trại hơn 300 người, ai cũng hiểu, dù ngăn chặn cách nào đi nữa, toán nhà bếp cũng phải chằm mút ít nhiều, vậy thì cỡ lòng còn lại được bao nhiêu? Cho nên 1 soong chỉ còn 4, 5 miếng ruột con con. Tuy vậy khi chia, cũng phải để nước riêng. Chou-fleur cũng phải cắt nhỏ hơn, và mấy miếng ruột cũng phải thái nhỏ thành 10 miếng đều nhau để mỗi suất có một miếng. Gan, phổi thì chẳng thấy đâu, nếu có thắc mắc thì được nhà bếp trả lời, nó lẫn vào toán khác. Cứ toán này lại cho là gan, phổi về toán kia, nhưng thực tế chả có toán nào có cả.

Đến cơm, hôm nay là cơm không độn, cơm trắng, cơm đặc biệt của cả 1 năm mới có. Bởi vậy, lại càng cần được đảo rời, trên dưới đều nhau, không chỗ nào để vừng. Vì ai cũng hiểu, cơm vừng thì nặng cân hơn cơm rời, cơm trên đã bốc hơi nên khô, cân sẽ được nhiều, cơm dưới ẩm sẽ nặng cân v.v... Dù như vậy, khi cân xong, vẫn phải một anh quay đi và một anh cầm bát gọi tên.

Đến phần chia thịt mới là trọng tâm của vấn đề, một soong thịt chia cho cả toán. Lúc này các mâm đã chia xong, 5 mâm đưa đến 5 cái soong không.

Anh Lân được 2 người phụ giúp, trước hết gạn riêng nước ra hết, còn thịt được xúc vào 1 cái bát nhôm rồi đem cân như cân cơm ở trên. Cẩn thận, xúc nạc, mỡ tương xứng đều nhau, sau đó là chia nước. Nước cũng phải đảo đều vì váng mỡ nằm bên trên, ai cũng hiểu, từng thìa chia, tản đều nhau cho 5 phần. Năm người đại diện của mâm, lại một người quay đi gọi tên mâm như trên, nghĩa là 1, 4, 3, 5, 2 chẳng hạn. Phải gọi lung tung không được gọi thứ tự, vì người ta nghi ngờ có sự ăn ý; sắp xếp giữa người gọi và người cầm bát hỏi. Bây giờ về đến mâm, không đủ nhiều thịt để cân, bởi vì mỗi suất chỉ độ 3, 4 miếng, vậy miếng mỡ, miếng nạc thì làm sao? Đành phải dùng dao con cắt những miếng mỡ, miếng nạc riêng ra. Trông tương xứng bỏ cho 10 phần đều, càng về cuối càng phải cắt nhỏ.

Nước, nếu có nhiều váng mỡ ở trên thì lấy thìa nhỏ, khẽ múc nước váng đó chia cho đều đủ 10 phần, rồi sau mới múc chia nước phía dưới.

Sau khi làm xong, người chia mới hỏi ý toàn thể anh em trong mâm. Phần nào tương đối hơn, phần nào tương đối ít, hoặc ít ngon v.v... Anh em chỉ, chỗ điều chỉnh. Khi đã thỏa thuận tổng quát lại có 1 anh quay đi, để cho 1 anh hỏi v.v...

Nhìn cảnh chia chác phức tạp như vậy, tôi rất thắc mắc. Đứng cạnh anh Đồng nên tôi mới hỏi ngay anh:

- Này, đã chia tương đối đều rồi, tại sao còn phải gọi nữa, cho phiền? Bát đĩa lại phải trao trả lại? Nghĩa là, anh này lấy phải cái bát của anh kia, thì lại phải đổi trả bát lại. Nhiều khi rất lung tung, lộn xộn. Của anh A lại về anh B, nhưng bát anh B lại về anh H, mà bát anh H lại ở anh A v.v... Cứ tìm bát đổi lại, đã nhiều phiền phức rồi.

Trong khi chờ chia các món, nói chuyện với anh Đông và Quý Cụt tôi đã hiểu thêm nhiều sự việc. Sống cảnh cùng khổ này nó đẻ ra nhiều điều ti tiện, tính toán, lừa lọc vặt vãnh lắm! Trước đây mỗi khi có chất tươi, sau khi chia xong. Thường làm 19 tờ giấy con viết tên 10 người trong mâm, rồi 1 anh gấp lại, xóc đều bỏ vào cạnh mỗi phần một miếng. Bấy giờ cứ việc mở giấy ra, tên ai ở phần nào thì người đó nhận. Nhưng, dần dà đã có sự khôn lanh khi gấp giấy. Người gấp giấy, chỉ cần chú ý một cái giấy tên mình, rồi tìm phần nào có vẻ nhiều, hoặc ngon hơn thì bỏ miếng giấy đó. Hiển nhiên là không ai yên tâm, tin tưởng được. Thậm chí đã có tên lỳ lợm, khi đã chia xong sắp sửa

bỏ phiếu, thấy suất nào có vẻ nhiều hay ngon, anh to nhỏ đại một bãi nước bọt vào. Như thế sẽ không ai dám lấy phần ấy nữa, vậy là về anh ta.

Tóm lại, trước đây đã xảy ra nhiều chuyện lảm rồi. Cái tâm lý chung của mọi người trong cái cảnh thiếu thốn thương đau này là, mắt nhìn suất của người khác thường cứ thấy nhiều hay ngon hơn của mình. Mà như vậy thì trong lòng buồn lắm, ăn sẽ giảm ngon đi. Làm sao lòng còn được thành thơi hoàn toàn để thưởng thức trọn vẹn cái món ăn trọng đại 1 năm dài đằng đằng mới có này. Thậm chí còn buồn cả đêm, cả 2 ngày Tết, có khi còn kéo dài cả năm, vẫn buồn mỗi khi nhớ đến cái phần ít, không công bằng của mình trong dịp đầu năm. Vì vậy dù chia đã đều rồi, vẫn phải gọi tên, như thế về mặt tâm lý, sẽ bằng lòng, sẽ thỏa đáng. Ngon hay không ngon, nhiều hay ít, đây là do cái số phận của mình thôi. Có như vậy mới hoàn toàn yên tâm để tận hưởng cái vưu vật, hiếm có của đời tù.

Cũng có nhiều tên cán bộ, cả giám thị nữa, vào đứng nhìn cảnh tù chia chác thế này. Họ đều lắc đầu, giờ giọng khuyên răn v.v... Họ chỉ khuyên răn, mà họ không thể ra lệnh, vì họ cũng hiểu đây là tiêu chuẩn của người tù được hưởng. Họ chỉ lấy lời khuyên tù không nên chia chác ti tiện như vậy, hơn kém một vài hạt cơm, một tí thịt, thì có sao đâu v.v... Nhưng đều vô hiệu. Những người tù ai cũng vậy, họ đã phải đổ mồ hôi, nước mắt đến tàn lụi xác thân mới được hưởng những thứ này. Nó là sự sống của họ, là thịt là máu của họ. Một hạt cơm là một tí thịt, tí máu của họ để họ sống. Họ chỉ muốn có sự công bằng với nhau, chứ họ không hề chống đối chính quyền, chống đối ban giám thị.

Cuối cùng, những tên cán bộ ấy và những tên giám thị họ, vẫn không thể hiểu được cái bé nhỏ ẩn tàng trong lòng người tù, đã bị đói khổ nhiều năm, tháng. Bất kể một ai, dù cho danh giá như là một tổng thống, một nhà bác học, một nhà hiền triết hay một ông triệu phú, nếu phải ở vào cảnh này, thì họ cũng sẽ như vậy. Chỉ trừ họ không phải là người, chứ đã là người thì cũng chỉ là một sinh vật nên phải cần sống đã. Trong đám tù cùng khổ ở đây, cũng có nhiều người trước đây, đây hào hoa phong nhã. Đã một thời, đã từng coi miếng ăn là sự tầm thường, hèn hạ của con người như Phan Thanh Vân, bác sĩ Hiệp, hay như ông Hình mù tư sản đài các, thanh lịch của Hà Nội v.v...

Sau khi chia cơm nước xong, bóng chiều đã ngập ngừng dâng lên. Từng mảng tối thẫm với nhiều hình thù kỳ dị đang từ những bìa rừng lẫn thân bò ra, che mờ dần cảnh vật. Trên chỏm những ngọn núi xa xa, còn rơi rớt chút ánh vàng loãng nhạt. Một đàn vạc trắng giăng hàng như một cánh cung, đang mãi miết bay về phương Bắc. Một con chim rừng phía sau trại, thỉnh thoảng cất giọng đều đều "bắt cô trói cột" mà sau này, những tên cán bộ phụ trách dân công chiến trường miền Bắc, đã đặt trạo đi là "khó khăn khắc phục". Nhưng lúc này, tôi lại cứ nghe ra là nó hát "chết ai cũng mặc". Một nỗi mênh mông khắc khoải, luồn dần vào giọng hát của con chim, cùng với đêm trừ tịch giữa rừng hoang, đang ủa về đè nặng hồn tôi. Không gian, núi rừng đã ngã màu xám sậm. Vài chiếc lá nửa vàng khô rời cành lác lư, chao đảo đều hiu trong buổi chiều muộn để về lòng đất ẩm.

Tôi thấy sần vẳng, thưa hẳn người ra. Trong hội trường cũng chỉ còn lác đác dăm ba người. Mà ngay cả những tiếng ồn ào, râm ran cũng đã lắng dần vào yên lặng. Hơi ngạc nhiên, như mọi bữa, sau khi chia cơm, canh xong lúc ăn uống cũng còn âm ỉ chán.

Một tay cầm rá cơm, tay ôm cái song thức ăn lẫn lộn, tôi cũng đi vào buồng. Tôi cứ tưởng chỉ có mình tôi mới có ý định riêng là sẽ không vội vàng gì cả, chờ cho cán bộ điếm xong đâu đấy, bấy giờ mới thông thả thưởng thức cái của ngon vật lạ này trên cái cũi đời tù. Thế mà khi vào buồng, sàn trên, sàn dưới, hầu như mỗi người đều đã ở chỗ của mình. Họ ngồi yên lặng, nét mặt nghiêm trang, thỉnh thoảng họ cúi gằm đầu xuống những món ăn, nét mặt thành khẩn, ngoan ngoãn như ngồi trước một bậc trưởng thượng rất mực tôn kính. Chỉ có một vài người, chắc không thể chịu đựng được, lấy tay nhón một vài miếng nhỏ, bỏ vào miệng để nhắm nháp trước, chứ họ cũng đều muốn chờ điếm xong đã như tôi.

Ngay anh chàng Vân ở bên cạnh cũng đang ngồi thờ người ra nhìn đăm thức ăn, đang để tênh hênh ra trước mặt. Chẳng biết Vân đang nghĩ gì, nhưng tôi hiểu anh không muốn nói chuyện lúc này. Tôi xin được tôn trọng và trong lòng tôi cũng muốn được yên lặng. trong những giờ phút thiêng liêng này như anh.

Hôm nay tên cán bộ ngồi ở trên chòi gác ở cổng trại, chẳng hiểu vì tâm hồn y cũng đang với đầy với đêm cuối năm giữa rừng sâu hoang lạnh, để tâm hồn thần thờ, để mắt đăm chiêu rọi tìm vào cõi xa xăm đen tối những hình dáng thân nhân, ruột thịt, hay y có lệnh hôm nay

gỗ keng điểm muện, nên mãi y cũng chẳng chịu gõ để anh em tù phải chờ?

Mãi rồi tiếng keng cũng réo vang lên trong cái tịch mịch của núi ngàn. Sau khi điểm xong, cửa đóng, then cài khóa kỹ.. Hơi ồn ào một chút lúc đầu vì những tiếng rít của điều cây và vì ai cũng vào nhà cầu để đẩy ra hết những cái nước thừa cho nhẹ lòng.

Ánh sáng của chiếc đèn bão treo lủng lẳng giữa nhà, càng làm cho căn buồng thêm mờ ảo, mông lung. Tôi ngồi xếp chân tròn ngay ngắn, thụt sâu lên phía đầu sàn, trong bóng tối. Nhẹ đưa mắt một lượt chung quanh phía sàn dưới, rồi nhìn về chiếc soong và rá cơm của mình phía trước mặt. Lòng hơi gợn lên một chút xót xa, khi thấy soong thức ăn của tôi, lộn tung phèo các món. Nhưng không sao, sá gì mấy cái tiểu tiết ấy. Bởi vì, từ nãy tới giờ tôi đã phải nuốt vào nhiều lần nước chân răng rồi.

Ngay từ lúc chia, tôi đã biết chắc là phần của tôi có 4 miếng thịt lợn, màu nâu xậm, óng lên những mỡ rồi. Miếng to nhất phải bằng đến 4 đốt ngón tay ghép lại, chứ có chơi đâu. Nghĩa là, một bẻ 3 phân, một bẻ 4 phân và dày đến gần một phân. Bây giờ tôi vẫn còn nhìn rõ, nó nằm lù lù một góc soong kia. Người tôi đã nóng lên rần rật rồi, tay chân đã thấy ngứa ngáy ran lên. Nhưng tôi phải trầm tĩnh, không vội vàng, dù cái mùi ngọt ngào, ngây ngây thơm phức cứ xộc bừa vào mũi tôi. Óc tôi còn đang bận suy nghĩ là nên hưởng cái gì trước? Hơi hoang mang, ngập ngừng một giây trong lựa chọn. Cuối cùng tôi quyết định: đầu tiên, cái đầu tiên phải là một miếng thịt đã!

Tay đã cầm cái thìa cụt Toàn cho, lăm le từ nãy. Bây giờ tôi khẽ nường nhẹ, xúc một miếng cho gọn ghẽ vào trong cái thìa. Trước khi cho miếng thịt vào miệng, mắt tôi lại phải liếc thiên hạ chung quanh một cái nữa đã. Yên tâm, trong bóng tối, chả ai nhìn thấy tôi. Ngửa cổ, tôi há hốc miệng ra; hai đầu gối của tôi tự nhiên động đậy rồi rung lên. Từ từ, tôi đẩy miếng thịt vào giữa hai hàm răng. Dập mạnh, hai hàm cắn mạnh, vắt chiếc thìa vào soong, tôi nằm vật ngửa trên cuộn chăn phía đầu sàn. Cương quyết tôi không nhai, cứ ngậm chặt hai hàm răng vào miếng thịt như vậy. Mắt nhắm nghiền, tôi im lặng nghe ngóng. Ruột tôi cứ cuồn cuộn, vặn vò, giẫy dạn gây ra những tiếng ơ...ợ, e...ẹ liên hồi. Tôi hiểu, ruột và dạ dày của tôi đang vật vã kêu xin, van nài tôi, mau cho chúng được hưởng chút ân tình đặc biệt của trời, mà từ lâu lắm rồi, chúng khao khát, mòn mỏi mong chờ.

Mãi tới lúc này, tôi mới chịu chấp nhận lời khẩn cầu của chúng, mới chịu nuốt những dòng nước miếng, đã đập ập miệng tôi từ nãy. Đột nhiên hai hàm răng tôi mở ra, rồi thông thả lại cắn vào miếng thịt. Lại từ từ há ra, rồi lại tiếp tục đập mạnh vào. Ba, bốn lần như vậy, như một nghệ nhân đang điều khiển trống, trong một ban nhạc, chân đang nhận bass: pạch...pạch...pạch... Tôi không còn nghe thấy tiếng vật vã, của ruột và dạ dày nữa, nhưng lại còn có một tiếng khác, rất lạ. Tiếng róc rách của một giòng suối trong vắt đang chảy từ cuống họng tôi xuống dạ dày, mà tôi lại tưởng là những giọt nước nhều của mái tranh đầu hè trong những trận mưa.

Một lúc lâu lắm tôi mới ngồi dậy được. Liếc nhìn anh chàng Vân, cũng đang nằm ngửa hờ hờ trong khi miệng anh vẫn nhai nhóp nhép. Kệ anh. Tôi quay lại tiếp tục thưởng thức dần những thứ vu vật của trời, lúc này đã hoàn toàn thuộc quyền của tôi.

Chỉ mới 40 phút sau, tất cả đã sạch trơn, dù tôi đã cố ý dềnh dàng kéo dài lúc hưởng thụ. Thế mà xem ý ruột, gan và dạ dày của tôi sẵn sàng lịch sự xin nhận nữa. Tôi thăm nhủ lòng và cũng như nói nhẹ với chúng, xin vui lòng đợi đến ngày mai. Lúc này tuy mới 8 giờ tối, trong buồng đã nhiều người đi nằm đắp chăn. Có lẽ ai cũng vậy, sau một bữa ăn không bình thường, anh nào cũng muốn nằm cho tâm tư, bồng bềnh nổi trôi với cuộc đời.

Theo truyền thống hàng năm, đêm nay và đêm mai (mồng một Tết) không có kêng cấm, đi tiểu, đi cầu đều không phải báo cáo cán bộ như mọi khi. Nghĩa là tự do, thức hay ngủ cả đêm, đó là quyền của anh. Mọi người cũng đã được thông báo ngay từ buổi chiều: đặc biệt đêm nay, Đêm Trừ Tịch, 9 giờ cán bộ sẽ mở cửa phát bánh chưng và nhà bếp sẽ cho mỗi buồng 1 thùng nước sôi, để tù nhân pha trà đón Giao Thừa.

Tiếng Khèn Đêm Trừ Tịch và Nồi Sầu Tết Mậu Thân

Nằm một lúc, tôi chợt nhớ đến toán Boone. Mấy ngày trước có lúc tôi chuyện trò với anh Lân, có lúc với anh Thú hoặc Đình Sơn. Tôi đã cảm thấy trong nội bộ của toán biệt kích này có những điều khúc mắc. Hầu như ai cũng tránh né không muốn nhắc lại sự việc đã qua của toán họ.

Tôi biết hiện nay ở trại này toán của họ có 5 người. Riêng Phạm Công Thành được ở dưới toán nhà bếp. Ngay trong buồng này có 4 người là Nguyễn Văn Bắc, Đình Văn Sơn, Nguyễn Văn Thú và Nguyễn Huy Lân. Qua cái nhìn của tôi, trong một số ngày qua thì anh Thú tương đối chân thành và cởi mở. Anh vẫn kiên định, duy trì lập trường chống Cộng, nên dễ tâm sự hơn.

Ngoài ra còn Lê Văn Kinh người nhái nữa. Vụ án ở sông Gianh tôi đã loáng thoáng nghe từ trước. Lại còn câu chuyện bỏ dờ của Vân nữa. Tôi đã có ý định lợi dụng trong dịp Tết này, sẽ tìm biết những điều cơ bản về mấy vụ này. Nghĩ thế, tôi bỏ bật dậy trèo lên chỗ anh Thú.

Còn đang chuyện trò với anh Thú thì bỗng có ánh đèn bão lấp loáng ngoài sân. Rồi có tiếng lạch cạch, chìa khóa mở cửa buồng. Buồng lại ồn ào, náo nhiệt lên. Nguyễn Thạc, toán trưởng nhà bếp gọi Nguyễn Huy Lân và Đình Khắc Sản ra nhận bánh chưng cho toán 2 và 3. Bên ngoài cửa, tên Tân trật tự cầm chiếc đèn bão, đang đứng cạnh tên Cẩn cán bộ trực trại. Một thùng nước sôi còn khói nghi ngút được đặt ngay giữa nhà.

Sau khi cửa đã đóng, nhiều người tíu tít, ca, gô, cốc chạy đi, chạy lại lấy nước pha trà. Thật là nhộn nhịp, tưng bừng, cứ vui như ngày...Tết. Mùi bánh, mùi lá còn nóng hổi nồng nồng, ngan ngát của nàng Xuân, ai ngửi thấy mắt cũng sáng lên long lanh. Có 6 món để tượng trưng cho ngày Tết của dân tộc, chúng tôi đã có đến 3, lại là 3 món quan trọng nhất, chính yếu nhất thì hỏi rằng ai mà không vui sao được? Này nhé:

*Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.*

Còn ba cái món pháo nổ, nêu cao với câu đối thì có nhằm nhò gì với chúng tôi trong tình thế này? Chưa hết, còn nữa, sau khi gọi tên từng người để phát bánh chưng xong, anh Lân ra đứng giữa nhà cao giọng:

- Toàn buồng yên lặng, chú ý: một tin giật gân mới nhận được!

Đâu đó đều im bật. Mọi người đều hướng về anh Lân đợi chờ. Nguyễn Huy Lân nói sôi nổi như tràn ứ, nét hưng phấn:

- Một ân huệ của ban giám thị, toán nhà bếp nâng cao tinh thần phục vụ trại viên. Đặc biệt sáng ngày mai, trại sẽ có cháo...lòng...

Tiếng hò, tiếng vỗ tay, tiếng đập sàn, tưởng đến rung rinh cả căn buồng ra. Ôi, sao lại có nhiều cái vui thế này? Kiếp con người như lúc này, thật đáng sống biết bao!

Đã hơn 10 giờ khuya. Mọi người ăn nhiều hơn và uống nước cũng nhiều hơn nên cũng phải ra vào nhà cầu nhiều lần hơn. Không hiểu tại sao, khi mở cửa vào nhà cầu, tôi tưởng như nghẹt thở, mắt cay xè, không mở ra được. Anh nào cũng bịt mũi, nín thở đi tiểu vội vàng rồi chạy ra. Thì ra cái mùi như "acid" đó là do hành nén. Thật cũng lạ kỳ! Ăn nhiều hành nén nước giải lại có cái mùi ghê gớm như thế! Nhưng lòng của con người còn lạ kỳ hơn nữa. Vừa mới xốn xang, hồn bay bổng ngất ngây, vui như cỡi...ngựa, thế mà về chỗ nằm đắp chăn một lúc. Tâm tư đã tở vò nặng trĩu. Cuộc đời, gia đình, đất nước nổi trôi, tấm thân tù tội, ngón ngang lớp lớp đã dần dần len vào cuốn chặt hồn tôi.

Đêm càng về khuya, càng vắng lặng. Thỉnh thoảng một vài tiếng hú, rống dội lên dài lê thê của những con vượn, xen lẫn tiếng rúc của cú rừng ăn đêm, từ trong rừng sâu vọng về, càng khắc khoải não nề cho người tù nằm nghe.

Gió rừng đêm nay cũng thật lớn. Gió luồn qua những kẽ hở của vách nứa, gió lách qua những tấm phen tre của mái nhà, đẩy những cái lạnh cuối Đông vào trong buồng. Tiếng khàn khàn, đùng đục, vi vu của những lỗ kèo, lỗ đòn tay nứa, trên mái nhà với tiếng xào xạc, ray rứt của lá rừng. Nằm càng nghe, lòng càng co thắt.

Đột nhiên một âm thanh lạ hoắc, te te, rè rè như tiếng nai con gọi mẹ, xa xôi lơ lửng lẫn vào trong gió. Một tiếng nữa, trong hơn, ro

ro...róc rách như đứa bé trai đứng tồ vào chiếc lu sành ở chái hồi. Lại một tiếng nữa, cất lên găm ghi, tỉ tê, ẻo ợt như tiếng mèo gào rắng đêm trên mái nhà. Hồn tôi lập lờ chơi với cuốn lượn theo những âm thanh lạ như thực, như mơ, bập bênh trong sương khói. Chợt, Vân nằm bên cạnh đập mạnh vào người tôi:

- Buồn quá Bình ơi! Dậy nghe mấy người dân tộc thổi khèn.

Như choàng tỉnh một cơn mộng ngày, tôi tung chăn ngồi bật dậy. Trong bóng tối, sáng lờ mờ, phía góc sàn dưới, gần nhà cầu, một đám người dân tộc, đến gần hai chục người ngồi quây quần bên nhau, yên lặng đắm chiêu. Có bốn, năm người đang tấu lên những khúc nhạc buồn dân tộc, gọi hồn quê hương trong rừng thẳm. Thì ra những âm thanh lạ mà tôi cứ tưởng trong mơ, lại là có thật ở ngay trong buồng. Từ những năm tháng cũ trong tuổi ấu thơ, tôi đã đọc những trang sách, tả về tiếng khèn man dại của người dân tộc thiểu số: Mường, Thổ, Mèo, Mán, Thái v.v... trong rừng già hẻo lánh, nơi biên cương như: Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Bắc Cạn đầy lam sơn chướng khí, huyền bí của vùng Việt Bắc. Bây giờ tiếng khèn ấy đang ni non tấu lên ngay ở đây, trong buồng này giữa đêm Trừ Tịch.

Lòng tò mò, đã giục tôi tiến lại gần đám người dân tộc. Thấy tôi đến, Lầu Phá Tra và Sín Dấu đang ngồi ngay đầu sàn, đã dịch ra một chỗ cho tôi ngồi. Nhìn sang sàn bên, Vân cũng đang lúi húi tìm thế ngồi với mấy người dân tộc khác. Trong bóng mờ của khói trà, khói thuốc Lào; những ánh mắt, những khuôn mặt, quen thuộc, ẩn hiện thấp thoáng: Lý A Chén, Lồ Cao Diu, Lồ Cao Chính, Quách Mơi, Lù Chấn Páng, có cả nhóm của Hùng, Nông Quốc Hải. Nhìn kỹ, tôi hơi ngạc nhiên, lại có cả Thạch Rượu biệt kích, gốc Campuchia, nhà ở Trà Vinh; A Peng, Vàng A Páo biệt kích, người Lào. Người thì ngồi cúi gằm như để hồn tìm về một thế giới riêng tư, người thì cặp mắt lơ đãng nhìn vào bóng tối đăm đăm như gửi gắm tâm tư về nơi núi ngàn.

Họ im lặng buông lơ tâm tư để mặc cho tiếng khèn ve vuốt, nắn xoa hồn họ. Tôi cũng chăm chú nhìn vào những chiếc khèn, mà 4, 5 người đang hát lên, hạ xuống theo hơi thở nén lúc đầy, lúc vơi cho âm thanh trầm bổng lúc dài, lúc ngắn.

Những tiếng khèn, nhiều kiểu khác nhau, đều ghép bằng những ống nứa con con, cắt ra từ những cánh nứa nhỏ. Mỗi ống dài, cái thì 10 phân, cái thì 15 phân. Họ khéo léo ghép với nhau thành nhiều kiểu:

kiểu khèn 1 ống, 2 ống, cứ cái đến 6, 7 ống, trông như những cái lỗ của tổ con tò vò. Hồn tôi cũng bị chìm sâu, cuốn hút vào tiếng khèn man dại. Nhiều lúc 3, 4 tiếng khèn cùng rú lên như những hồn oan, lạc lõng trong đêm rừng. Có lúc nghe như những lời gào thét, rên xiết não nề của những kiếp người tủi cực, mò mẫm trong tăm tối. Tôi ngồi âm thầm, cúi mặt hàng giờ.

Hắn lúc này cũng đã Giao Thừa. Giọng một con chó rừng hú dài trong rừng sâu, như ngoáy vào đêm khuya, đệm vào những tiếng khèn ai oán. Ruột tôi như co lại, vặn vò, ép nặn cho rỉ dần ra từng giọt, cái sầu thiên thu của nhân thế. Một nỗi buồn lai láng, mênh mông ập vào, làm tâm hồn tôi rã rượi. Tôi không thể nào ngồi dậy được nữa, nhìn sang Vân thì anh cũng đã về chỗ nằm từ lúc nào.

Về tới sàn mình, tôi nằm lịm đi, để mặc cho thân xác chìm ngấm vào nỗi sầu tràng giang của đời. Những tiếng khèn vẫn tỉ tê, rả rích dần dần tôi vào giấc ngủ nặng nề, nhiều giấc ngoài.

Những tiếng lịch kịch ngay bên cạnh, làm tôi choàng tỉnh dậy. Trời đã sáng rõ. Hôm nay không có keng báo thức. Tôi ngạc nhiên, thấy nhiều người đổ xô ra những cửa sổ phía trước nhà, để nhìn ra sân. Qua một kẽ chắn song tôi nhìn ra, tên Cận trực trại, tay cầm chìa khóa đang đứng trên hè hội trường một mình. Tôi đang lạ lùng sao y chưa đi mở cửa, điểm sổ các buồng, thì y đã quay hướng về 3 buồng, cao giọng đồng dục từng tiếng:

- Các trại viên ở trong buồng im lặng, chú ý! Các anh hãy phấn khởi nghe tin đột xuất vui mừng cho cả nước: "theo đài phát thanh của chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam. Đúng không giờ đêm vừa qua (31/01/1968), quân và dân toàn miền Nam, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, đã đồng loạt nổi dậy, tấn công Mỹ, Ngụy ở khắp các thành phố và thị xã. Chúng ta đã làm chủ được nhiều tỉnh, nhiều thành phố. Ngay tại Sài Gòn, nơi hang ổ cuối cùng của ngụy quân, ngụy quyền, quân và dân ta đang tiêu diệt từng ổ đề kháng lẻ tẻ của chúng.

Tên Cận vừa dứt lời, trong các buồng, bắt đầu có những tiếng vỗ tay lác đác, rời rạc. Sau dần dần om lên như pháo rang, tưởng như các căn nhà cũng bị rung rinh lên. Ngay trong buồng 2, anh này ngơ ngác nhìn anh kia vỗ tay, rồi cũng vỗ theo. Tôi bàng hoàng, trong lòng đang đau như cắt, nhưng thấy mọi người vỗ tay; cả Vân nữa, đã bắt đầu hai tay đập mạnh vào nhau đôm đốp, nên tôi cũng phải vỗ như mọi người.

Hầu như ai cũng tự hiểu rằng, dù trong tim, trong lòng anh ra sao không cần biết, nhưng trước sự việc này, nếu anh không vỗ tay như mọi người, thì hậu họa không thể tránh khỏi, vì đây là vấn đề tư tưởng.

Cũng những tiếng vỗ tay ấy, của cùng những con người ấy, mà ngay lúc buổi đêm rồi, nó làm bùng bùng mỗi hân hoan, niềm hạnh phúc buông lơi, bay lượn với hồn Xuân, nhưng lúc này, chúng như trăm ngàn cái kim, cắm sâu vào trái tim tôi và chắc chắn cũng vào nhiều những trái tim khác trong căn buồng này. Vỗ tay mắt ai cũng trắng dã ra. Người nào cũng phờ phạc, rũ rượi như những chiếc lá vàng khô trong mưa gió. Tin như sét đánh, làm tôi bủn rủn, rụng rời.

Chẳng hiểu những người lãnh đạo, có trách nhiệm ở miền Nam có hiểu được những mưu mô, nham hiểm của Cộng Sản hay không? Hay các ngài đang bận rộn tổ chức những buổi tiệc linh đình, những buổi dạ vũ quay cuồng, phè phỡn đón Xuân, lơ là tay súng để rồi mà khóc than cho thân phận, cho gia đình, ôm hận, không phải một đời mà ngàn đời?

Ngay từ trong đêm tôi cứ tưởng rằng, sáng hôm nay tôi sẽ đón một nàng Xuân hiền hòa, đôn hậu, sắc nước hương trời, nhưng nàng Xuân hôm nay ủ rũ, rách rưới, tả tơi. Và lại, tôi cũng chẳng còn bụng dạ nào để nhòm ngó đến nàng nữa. Tôi chán chường cả cháo, cả cơm, cả thi đấu cờ và cả không muốn dự cái lễ bắt buộc chúc Tết đầu năm, của ban giám thị ở hội trường. Tôi chỉ muốn nằm im lìm một chỗ, để nghe tim mình ê chề, rỉ máu. Nhưng vì những tên chó săn, nhất là tên Cẩn thường xuyên ra vào từng buồng xục xạo, ngó ngáp, cho nên ai cũng thế, trừ những đã ốm bệnh từ hôm qua, hôm nay dù có ốm thật, thì cũng phải cố gượng mà cười, mà vui. Ai nằm, dù chỉ nhớ nhà, hoặc tỏ vẻ buồn phiền chuyện riêng tư của đời mình, đều có danh sách lên ban giáo dục. Về điểm này, chúng đã có nhiều kinh nghiệm về những diễn tiến tư tưởng tất yếu của từng loại người. Nghĩa là tùy theo từng người khác nhau để chúng quy kết mức độ tư tưởng mà xử lý khác nhau.

Ngay từ lúc 8 giờ, chúng đã cho người mắc một chiếc loa to, trên chòi gác phía cổng, để hướng vào trong trại. Chiếc loa chắc bắt nối từ một chiếc radio ngoài phòng của ban giám thị. Nó bắt đầu ra rả nói về tình hình chiến sự ở miền Nam. Nào là chúng đã làm chủ tình hình ở Huế, cũng như nhiều nơi khác chính quyền cách mạng đã thiết lập những guồng máy hành chính, cũng như quân sự ở từng địa phương

để duy trì an ninh cho dân chúng. Mặt khác, chúng cũng đang ráo riết truy lùng những phần tử có nợ máu với nhân dân v.v... Chúng đang chiến thắng. Chúng hiểu những tin tức này sẽ làm ruồng lòng, làm tan nát niềm tin của những tên tù phản động này.

Thực sự, lòng tôi cũng bối rối, hoang mang không ít. Tuy có một điều tôi vẫn còn khúc mắc, trong mỗi hy vọng lờ mờ. Trong miền Nam lúc này, quân đội Mỹ và đồng minh còn đến 4, 5 trăm ngàn người, Cộng Sản Việt Nam có thể bắt, hoặc tiêu diệt được hết sao? Mà đã không thể tiêu diệt hết được, thì đâu có thể chúng nuốt trọn miền Nam nhanh chóng như vậy? Chính vì một điểm mơ hồ để bầu víu niềm tin này đã giúp tôi gắng gượng được phần nào, cho bộ mặt và thái độ không quá bi quan, rã rượi.

Tôi lại tiếp tục đi tham gia đấu cờ. Tình hình đang nóng, lạnh chưa ngã ngũ, lòng ai cũng bối rối, chưa ai dám tâm sự bàn tán với ai sợ mang di họa. Mọi người chỉ giao tế bình thường trong sinh hoạt. Không một ai dám nhắc đến, hay gợi đến cái nóng bỏng của miền Nam, dù ai cũng đang đầy ắp, lắng lo tơ vò trong lòng mình. Thường chỉ nhìn nhau bằng những ánh mắt dè dặt, dọ dẫm trong đám mây buồn.

Trong khi đang ngồi đấu cờ với anh Hiệp của toán 4 nông nghiệp, tôi chợt nhớ đến một hình ảnh lúc sáng của tên Cẩn. Cũng khoảng lúc 8 giờ, anh em tù đang chia cháo lòng ở sân, ngoài cổng mấy anh tù thợ điện, đang mắc chiếc loa, thì tên Cẩn từ ngoài cổng đi vào. Hôm nay, khác hẳn mọi khi, y đeo kèn kèn bên hông một chiếc radio transistor của Nhật. Dáng đi khệnh khạng khác thường, ngực y hơi ưỡn ra. Cái mặt y mới buồn cười, một bên má hơi hóp, nên nó méo hẳn đi. Cái môi trên của y mới lạ nữa, hàng ngày nó đã vầu ra rồi, hôm nay nó lại cong, loe ra như một cái phễu. Khoan thai, y thông thả bước, nhàn du như một chủ nhân ông trước đám nô lệ. Mắt y giương giương lên nhìn mọi người.

Một đám tù ùa đi theo trầm trồ, xum xoe (loại người này, lúc nào và ở đâu cũng không thiếu) nhìn chiếc radio mà có lẽ lần đầu tiên họ mới nhìn thấy trong cuộc đời. Một anh có vẻ hiểu biết, cất tiếng hỏi:

- Thưa cán bộ, cái đài này của nước nào mà đẹp thế ạ?

Tên Cẩn đã trèo lên hè nhà số I. Y quay lại, dưới ánh nắng sớm, mặt thộn ra một lúc nghĩ ngợi, rồi như đã nhớ ra một điều gì rất khó:

- À, cái này ma...ze...gia pan đấy! (made in Japan).

Bây giờ ngồi đánh cờ với anh Hiệp, nhớ đến, tự nhiên tôi bật cười thành tiếng. Anh Hiệp đang gập nước cờ bí, lại tưởng tôi cười anh, nên cau mặt lại nhìn tôi. Vừa cười, vừa lắc đầu, tôi nghĩ bụng, làm sao mà thanh minh để anh hiểu được. Ngày hôm nay, từ sáng tới chiều tôi đã đấu ba ván cờ. May mắn thế nào, tôi lại thắng cả ba. Sáng mai, mừng hai tôi phải chuẩn bị vào vòng bán kết. Chiếc loa ở cổng trại cứ léo nhéo suốt ngày. Lòng tôi cũng đầy mâu thuẫn: thực sự, tôi chả muốn nghe tiếng đài chó chết ấy làm gì. Càng nghe nó, tôi càng tím thắm sượng sùng, cúi đầu. Nhưng nếu không nghe thì lại không biết gì, dù chỉ là khái niệm những diễn biến nóng hổi của miền Nam thân yêu lúc này, nên đành lòng ngồi nghe nó rĩa ráy, chằm chọc tim gan của mình.

Sáng mồng hai, tôi đấu với bác Hiếu già toán 3, tôi lại thắng để đứng đầu bảng B. Bảng A, người duy nhất còn lại chính là bác Lắm Hà Nội. Như vậy, không còn tránh đi đâu được, chiều nay tôi phải đương đầu với bác một trận chung kết để tranh giải nhất và nhì ở bàn cờ lớn ngoài sân.

Phần vì tinh thần của tôi không được tập trung, phần khác tôi vẫn kiêng nể cái "uy" hai năm vô địch trại của bác, nên trong tâm cũng gờn gợn, bần khoản. Nghĩ lại, những năm tháng ở trại học sinh Pavie Lamothe, Phú Thọ, miền Nam. Thời gian này có Lê Quang Huyền cũng ở buồng 4 với chúng tôi. Nó có bộ óc thông minh đặc biệt, nhất là về toán. Sau khi nó tốt nghiệp tú tài toàn phần ban B xong, để chuẩn bị cho năm tới thì toán đại cương (math general), nó đặt mua những sách báo chuyên đề về toán ở hải ngoại, có những bài toán học búa để giải. Cờ tướng là món chơi sở thích của nó, vì cờ cũng có liên quan đến cái óc tính toán. Ngoài những sách báo dạy về cờ, nó còn sưu tầm những ván cờ nổi tiếng của những tay cờ vô địch Bắc, Trung, Nam. Nó cũng đặt mua tờ tuần báo duy nhất về cờ tướng của người Tàu bên Chợ Lớn. Ngoài ra những trận cờ nổi danh của kỳ vương Lý Chí Hải ở Hồng Kông sang đấu tại Sài Gòn nó cũng không bỏ sót. Thắng hoặc, tôi cũng xem sách báo và đấu cờ với nó, vì vậy tôi cũng có phần nào tin vào khả năng của mình.

Khi được biết tôi đứng đầu bảng B, nhiều anh em quen biết đều ngạc nhiên, vì chả khi nào tôi nói chuyện về cờ tướng cả, cũng như ghé lại

nhìn những bàn cờ họ đang đấu chơi với nhau vào những ngày Chủ Nhật.

Tôi không ngờ, trận chung kết cờ chiều nay thật đông khán giả tham dự. Có cả tên Cận trực trại và mấy tên cán bộ, bộ đội vũ trang cũng vào xem. Anh em đứng vây kín cả một bàn cờ rộng mỗi bề hàng chục mét ở giữa sân. Khi rút thăm để được tiện nghi dành quyền đi trước, tôi nhìn bác Lắm mãi. Bác phải ngoài 60, tóc đã điểm sương. Mặt bác rất hiền, phải nói là phúc hậu nữa là khác. Mới nhìn thấy bác mà tôi đã đem lòng nể kính ngay, vì vậy tôi vội nhã nhặn nói:

- Từ lâu, cháu vẫn trọng kính những người có tuổi, Bởi thế, bác cho cháu được giữ đạo lý đó, xin mời bác đi trước, không phải rút thăm nữa.

Hơi ngần ngừ, nhìn tôi một lúc, rồi bác gật đầu đồng ý. Không nói một lời, mặt bác tươi lên như cười, thong thả bước vào bàn cờ. Ngay nước đầu, bác đẩy con tốt biên: 1 tiến 1.

Tôi hiểu đây là một người thận trọng trầm tĩnh, vừa nhã nhặn, vừa không coi thường đối thủ. Mục đích chỉ để thăm dò, bắt mạch đối phương. Tôi cũng hiểu rằng cờ tướng là một môn tranh hơn thua không những bằng thế, bằng mưu, mà còn bằng tâm lý nữa. Có những đối thủ cáo già, họ đi những bước đầu hơi hớ hênh, hoặc ngập ngừng. Họ chỉ tỏ, tính toán nước này, nước kia tỏ rằng không có chủ định, để đối thủ tưởng lầm rằng là một tay cờ bình thường, mà chết. Ngược lại, cũng có người ngay từ đầu, đi những nước rất lạ, cách đặt quân vững chãi, tỏ ra đầy tự tin; mục đích gây hoang mang cho đối thủ, chứ thực ra họ chả có gì sâu sắc cả. Thậm chí họ còn đánh "võ miệng", nào là đã từng đấu với nhân vật này, hạ nhân vật kia để hù về mặt tâm lý nữa.

Một mái đầu xanh với một mái đầu bạc dăm chiêu tính toán để hạ nhau. Như trên tôi đã trình bày, phần vì tôi vẫn nể cái "uy" của bác (tâm lý chủ bại thì ít khi thắng), phần khác, tôi chưa hề đấu bàn cờ rộng thế này bao giờ. Nhìn nó bao quát, lạc hẳn đi, làm giảm hẳn trí có tính toán của tôi. Hơn nữa, những tác động ồn ào, bàn tán của người xem cũng làm loãng những trù liệu của tôi đối với đối thủ. Tuy vậy, tôi cũng tạo dựng, lựa nhiều nghi binh để được vào một vài thế có lợi cho tôi, cho nên hơn một giờ sau, bàn cờ đã nghiêng hẳn về phía tôi.

Tôi còn đủ bộ xe pháo mã, trong khi bác Lãm kém tôi một con mã, mà còn ở thế bị tấn công. Hai đấu thủ cờ, xấp xỉ tài năng, một chín, một mười. Bên nào đã hơn quân rồi mà còn được ở thế tấn công, thì hầu như bàn cờ đã được định đoạt.

Mặt bác Lãm lúc này, đỏ gay, thỉnh thoảng bác phải dùng chiếc khăn đỏ đang quấn ở cổ để lau trán, lau mặt. Mặt tôi cũng nóng bừng, nhất là lúc này nhiều người xô đến gần cổ vũ, góp ý (thói đời, người ta chỉ phù thịnh thôi). Ngay tên Cẩn đã nhìn tôi, nói to như động viên khích lệ:

- Không ngờ Bình lại cao cờ thế, nhiều mưu lăm!

Mãi đặt hết tâm hồn vào những thế hơn thua của cuộc cờ, tôi đã quên bém đi, hay không hề nghĩ đến một điều to lớn khác. Đến lúc này, nghe tên Cẩn nói, tôi mới thốt nghĩ ra. Tôi chợt hiểu, tôi còn nông nổi hiếu thắng lăm! Còn non lăm mà lại cứ tưởng mình đã già dặn rồi. Tất cả những ý nghĩ luẩn quẩn trên đã tác động vào tâm trí tính toán thế cờ của tôi. Tôi còn một nhược điểm nữa rất to lớn. Mặc dù lúc đầu nhiều việc thường thận trọng, trầm tĩnh tính toán, nhưng khi gần đến thắng lợi, đến thành công lại rơi vào cái hồ chủ quan. Mà đáng lẽ ra, chỉ được phép vui mừng, lỏng tay súng khi đã tiêu diệt hết kẻ thù. Phải vẫn thận trọng, cảnh giác, dè dặt tới lúc bàn cờ kết thúc. Chính vì những nhược điểm trên, cuối cùng, tôi đã rơi vào những cái thế bị động, mở đường máu thoát thân của bác Lãm.

Kết lại, đánh cờ là đấu trí, dù ở khâu nào, lý do nào tôi cũng đã thua trí của bác Lãm. Tôi thua bác thực sự, không hề ân hận, áy náy vì tôi còn quá nhiều nhược điểm. Nhưng rất nhiều người, kể cả những tên cán bộ lại cứ cho là tôi có ý nhường bác Lãm. Thậm chí, cho đến chiều muộn, khi ban tổ chức phát giải thưởng, bác lãm còn vỗ vai tôi:

- Cậu đã nhường tôi.

- Chính cháu không hề nghĩ lại được vào chung kết. Cháu tưởng, cháu sẽ bị loại ngay từ những vòng đầu. Chứ đấu được với bác như thế, cháu đã thấy may mắn và khá rồi đấy!

Tôi chân thành nói với bác Lãm như vậy.

Về bóng bàn của Phan Thanh Vân, anh cũng chỉ ở giải nhì, còn Đinh Sơn chiếm giải nhất, cả hai đều là đấu thủ miền Nam.

Về sau này, thật không ngờ, ván cờ ấy tôi bị thua bác Lắm, nhưng tôi lại được một cái khác to lớn hơn, ý nghĩa và tình người hơn. Sau đấy, bác Lắm lại mến tôi đặc biệt. Một buổi trưa tôi đang ngồi ở hội trường, bác mang cho tôi một lưỡi dao cạo "Gillette" còn mới, bác nói:

- Cậu phải thường xuyên cạo râu cẩn đi, mà chỉ để râu trên mới đẹp.

Lưỡi dao cạo ở trong tù rất hiếm, nên vô cùng giá trị. Tôi bẻ đôi, cất kỹ dùng đến 8 năm sau mới mất (cùn thì mài). Cứ thỉnh thoảng bác lại dấu dút cho: khi thì củ sắn, củ khoai nướng, khi nắm rau luộc. Vì bác ở toán rau, nên được ra ngoài đồng làm việc.

Những năm sau, mỗi khi nghĩ đến trận cờ năm ấy, tôi vẫn thấy vui. Khi ấy, nếu có đủ lực thắng bác Lắm thì cũng nên thua vì kết quả lại còn được nhiều cái hơn, huống chi tôi lại thua thực. Như vậy, trong cuộc sống, nhiều khi không tính mà lại làm đúng.

Chiều ngày mồng 4 Tết, khi toán chúng tôi đi lao động về thì chiếc loa to ở cổng trại đã được tháo đi rồi. Lý do là chỉ ráp nối cho trại viên nghe đài ngày Tết mà thôi. Thực ra thì không phải vậy. Qua một số nguồn tin rỉ tai từ một vài người có thân nhân lên tiếp tế sau Tết, loáng thoáng cho biết vụ Tết Mậu Thân, không phải Việt cộng hoàn toàn chiến thắng như đài, báo của Cộng Sản tuyên truyền. Nghe đâu, quân của chúng bị vây ở Sài Gòn và nhiều nơi khác, bị bắt và bị chết nhiều lắm v.v... Nguồn tin này, đối với tôi thì có thể tin được. Bởi vì nó gần như một quy luật: khi nào chúng nó chiến thắng thì chúng bắt tù phải nghe đài, phải đọc báo, đêm ngày, nó ra rả sủa vào tai. Còn khi nào chúng thua, tin tức bất lợi cho chúng thì đài bị hư, báo bị tắc đường, xe không đến trại được v.v...

Có một điều làm day dứt lòng tôi mãi nhiều năm. Ngay chiều tối, khi các buồng đã điểm xong, khóa cửa rồi, tên trực trại Cẩn và tên Tân trật tự, lại xách đèn bão đến buồng 2. Tên Cẩn đọc tên 4 người toán 2, ra lán thủ công để đóng một cỗ quan tài, đột xuất. Hơn một giờ sau, khi 4 người trở về buồng thì mọi người mới biết: bác Lê Tài Chương trong nhà kỷ luật đã chết rồi. Nghe tin mà tôi điếng người, ngẩn ngơ. Mới vào kỷ luật có khoảng 10 ngày, sao mà đã chết? Dù bác có yếu,

nhưng sao có thể chết nhanh như vậy? Ôi, một kiếp người vô nghĩa đã trở về với cát bụi hư không.

Chẳng hiểu bác chết vì tự tử hay vì sao, mà sau đó tôi không hề nghe một ai bàn tán gì đến cả. Ngay tên Tân trật tự, hàng ngày y đưa cơm trong nhà kỷ luật; bác Lê Tài Chương lại là chủ tịch đảng của nhóm y, đồng vụ với y, nhưng sự việc vẫn kín bưng như hũ nút, chẳng một ai biết rõ.

Trước đây, đã nhiều lần tôi định đến với bác để tìm hiểu và học hỏi thêm, Ai ngờ đâu, một kiếp người lại giản dị, dễ dàng ra đi nhanh như thế!

Hung Thần Hoàng Thanh

Tôi nhớ sau vụ bác Lê Tài Chương chết ở trong nhà kỷ luật, hai hay ba ngày. Một buổi sáng khi các toán đang xuất trại đi lao động, anh Lân đứng báo cáo với tên Kịch, cán bộ toán như thường lệ mỗi buổi sáng. Sau đó, anh đi xuống chỗ toán đang xếp hàng dài, nhìn tôi:

- Bình ở lại trại gặp cán bộ.

Hơi bàng hoàng lo lắng, tôi không biết có chuyện gì? Nhiều anh em trong toán quay lại nhìn tôi bằng những ánh mắt hơi ngạc nhiên. Đành rằng, hàng ngày không những toán 2 mà còn ở nhiều toán khác nữa, vẫn có nhiều anh được lệnh ở lại trại để gặp cán bộ, nhưng hôm nay là lần đầu đối với tôi, cho nên tôi vẫn e ngại.

Trại đi lao động chừng gần một tiếng thì tên Cẩn trực trại vào buồng II. Trong buồng trống trơn, chỉ còn hai anh Hiễn và Khải mới ở nhà kỷ luật ra, còn yếu chưa đi làm được. Thấy tôi, y ra hiệu tay theo y ra cổng trại. Đến cổng, y ngừng mặt lên nói với tên công an vũ trang cộc lốc:

- Đồng chí, tôi nhận một phạm ra ngoài.

Quay lại, y chỉ tay về khu ban giám thị, chéo phía trái của cổng trại bảo tôi đi, y đi theo phía sau. Ngõng ngoè một con đường nhỏ lát gạch, dài chừng một trăm mét. Tên Cẩn hất hàm về phía một căn nhà nhỏ, bên cạnh chiếc nhà khác to lớn của giám thị:

- Anh vào trong đó!

Tôi còn hơi ngập ngừng đứng trước cửa buồng, thì một giọng rất đanh, khô lạnh giá phía trong:

- Vào đi!

Tôi hơi ngỡ ngàng, một tên cán bộ lạ hoắc, tôi chưa hề nhìn thấy bao giờ. Y đeo chiếc lon trung úy đã bạc màu. Dáng y cao, thành ra người rong rỗng gầy. Bộ mặt y hơi dài, xương xấu nên có nhiều góc cạnh; đặc biệt là đôi mắt, sắc, lạnh loang loáng. Tất cả nói lên, y là một người tinh quái, nham hiểm, lạnh lùng. Nhìn tôi một lúc, y chỉ vào chiếc ghế đầu để trước bàn, hách dịch:

- Cho anh ngồi!

Tôi ngồi chừng một phút, y mới cất tiếng nói, lần này lại có vẻ hơi nhẹ nhàng:

- Anh lên trại này được bao lâu rồi?

- Thưa ông gần một tháng ạ.

- Tôi hiểu, lúc này trong óc anh đang băn khoăn muốn biết về tôi là ai ở đây. Rồi anh sẽ biết, không muộn!

Nói xong, y xoay người nhìn ra chiếc cửa sổ con hướng về phía trại giam một lúc, rồi quay lại nhìn tôi, nói tiếp:

- Hôm nay, tôi gọi anh lên đây, buổi đầu ta gặp nhau. Tôi muốn anh thoải mái nói chuyện thẳng thắn; để minh xác vấn đề, tôi cũng thẳng thắn với anh: hầu hết các anh, không hoặc chưa bao giờ thích chúng tôi, mà còn căm thù nữa. Nếu các anh nói là yêu cách mạng, yêu xã hội chủ nghĩa thì cũng chỉ ở mồm, ở miệng mà thôi.

Nói đến đây, y ngừng lại một lúc. Cầm chén trà đang còn vương vít một ít khói, uống một ngụm, rồi y lại nói tiếp:

- Điều đó tôi cũng không trách các anh, bởi vì các anh đã bị bắt vào quá sớm, hoặc đã lâu. Các anh không có điều kiện để nhìn thấy tận mắt, cuộc sống xã hội bên ngoài đang đổi thay từng ngày, tiến bộ rõ rệt. Do đấy, anh nào cũng ôm chặt khư khư cái mơ ước viễn vông cho tới ngày chui vào lòng đất. Tiếc rằng, tôi không đủ quyền hạn, tôi sẽ cho các anh đi nhìn, đi xem, đi nghe tận chỗ. Hiện nay, quân và dân ta đang kiên trì, dũng cảm nối tiếp truyền thống bất khuất của ông cha, đánh cho giặc Mỹ, tên đầu xỏ đế quốc của thời đại, phải run sợ đang chờ ngày bại trận, rút về nước không xa nữa.

Nếu ai trong các anh còn chút lương tâm của người Việt Nam, trong tim, trong phổi thì cũng đều hơi lòng, hơi dạ. Chính tôi vừa qua, có dịp về công tác ở Hà Nội, tôi cũng không ngờ sự lớn mạnh của nhân dân ta vĩ đại như vậy. Ý kiến của anh ra sao, anh cứ phát biểu thực sự những suy nghĩ của anh.

Ngồi nghe y nói, tôi đã mừng tượng y là Hoàng Thanh. Mới hôm qua, hôm kia đây, ở ngoài lán thủ công, trong câu chuyện, có đề cập

đến việc bác Chương bị chết ở trong nhà kỷ luật, Lê Sơn đã nói, từ khi anh ta ở trại này 5 năm nay, Hoàng Thanh đã cùm chết gần hai chục người rồi. Thế mà hôm nay, y lại tỏ ra cởi mở, hay không phải y là Hoàng Thanh? Để thăm dò tôi mạnh bạo phát biểu:

- Thưa ông, nghe những lời ông nói quá rộng lớn, có nhiều điều, tôi chưa hiểu đến. Phần do tuổi đời, phần do sự hiểu biết của tôi hạn hẹp. Cũng do sự hiểu biết còn non dại của tôi, nên tôi đã sai lầm phạm tội với nhân dân. Bởi vậy lúc này, tôi chỉ biết ngày đêm tâm niệm tin tưởng tuyệt đối vào đường lối giáo dục cải tạo những người tội lỗi, sai lầm của nhà nước. Tôi sẽ đem hết sức mình ra lao động để tự cải tạo bản thân, để mong một ngày được hưởng lương khoan hồng của đảng và nhà nước, tôi được trở về làm lại cuộc đời. Điều này...

Tôi đang nói thì y khua tay bắt tôi ngừng:

- Thôi! Tôi đã đoán trước nội dung anh sẽ nói như vậy rồi. Anh nói theo một bài học khuôn thước như mọi người. Tôi lại không muốn nghe những điều như vậy. Thôi được, để thời gian! Nay, gần tháng nay, chắc anh đã nghe những đồng phạm bàn tán về tôi ra sao?

Tôi còn dè dặt, ngậm ngừng, thì y lại nói tiếp:

- Như: ác ôn, tàn ác đã giết nhiều người này, phải không? Nên đã làm cho anh phải dẫn đo, e ngại? Anh phải hiểu rằng, họ chỉ đứng từ một vị trí rác rưởi nhìn tôi, nên họ không thể hiểu được cách làm việc của tôi. Còn anh, tôi nghĩ rằng anh là con người thức thời, anh phải nhìn vào thực tế...

Nói tới đây, mắt y quắc sáng nhìn tôi như có tia lửa. Bàn tay y giơ ra về phía tôi, xòe ra, rồi lại nắm vào:

- Hiện nay, anh đang nắm gọn trong tay tôi, tôi mở thì anh sống, tôi bóp thì anh sẽ chết. Bây giờ, tôi cho anh về để mà suy nghĩ, chọn cho mình một sinh lộ. Hôm nay, anh có nói nữa thì cũng toàn là những chuyện không thật, mà tôi lại không muốn nghe.

Hơn một tiếng đồng hồ tôi gặp y, khi về trại rồi mà tôi vẫn còn phải suy nghĩ mãi về y. Có một điều tôi đã cảm nhận trong lòng như một nguyên tắc: dù cho chính y là Hoàng Thanh, tinh khôn, ác ôn, nham hiểm, nhưng đã nói nhiều thì tôi cũng không sợ mấy. Một điều nữa, tôi

để ý trong suốt buổi gặp y; y không hề đa động gì về tình hình đang nóng bỏng ở miền Nam. Điều này càng cho tôi thấy rằng, những suy đoán của tôi về tình hình chiến sự đã có chiều hướng đúng.

Buổi chiều đi lao động, qua Lê Sơn và Quý Cụt, tôi đã biết chính y là Hoàng Thanh. Một tên hung thần của trại trung ương số một phố Lu, Lào Cai. Tôi chưa biết rõ về y lắm, nhưng phải nói y có một cái uy đáng nể. Thấy y về, không khí trong trại có vẻ nặng nề khác thường. Từ cán bộ, bộ đội cho đến tù nhân trong trại hầu như đều trầm lặng, ít nói, ít cười mở hân đi. Tuy vậy cũng có một sự việc làm cho anh em buồng số II khi đi lao động cứ liếc nhìn nhau cười thầm bằng ánh mắt hoài.

Đêm vừa qua, lúc gần sáng, tôi còn đang chìm sâu vào giấc ngủ muộn thì có tiếng chửi bới quàng quạc như vịt được tháo chuồng, làm cả Vân và tôi đều choàng tỉnh dậy. Mùi phân và mùi nước tiểu thối hoảng lên ở trong buồng. Anh chàng Lê Ngọc Phi, chân không guốc dép đang đứng ở giữa buồng, gào thét, chửi bới như một tên khùng. Thì ra, đêm y dậy vào nhà cầu; đến khi trở về chỗ, màn và chăn chiếu của y đầy nước tiểu và phân người. Chẳng biết ai đã bí mật, theo dõi chờ y vào nhà xí, đã hắt một lon cứt và nước đái vào chần màn của y. Bây giờ chần màn ướt át, đầy cứt và nước đái, y không còn chỗ nằm nữa. Phi thuộc toán ba xẻ gỗ, chỗ y nằm ở sàn dưới phía trước, gần cạnh chỗ toán trưởng Đinh Khắc Sản.

Mới vào Xuân, trời vẫn còn lạnh căm căm, bên ngoài vẫn tối om, có lẽ mới khoảng 3 hay 4 giờ sáng. Tiếng gầm thét, chửi rủa của tên Phi làm cho cả buồng nhốn nháo, nhiều người thức dậy. Đây đó một vài tiếng cười. Một giọng nói từ góc phía đầu nhà của sàn trên dội lên như giễu cợt:

- Nào biết ai bây giờ! Tôi mà biết đũa nào tôi sẽ đập nó chết cho anh thỏa lòng. Thôi đi ngủ đi, mai ra báo cáo cán bộ sớm!

Lại có những tiếng cười nữa của nhiều người. Anh chàng Phi càng phát khùng, y gầm lên:

- Các anh phải biết rằng tôi được ban giám thị giao cho trách nhiệm theo dõi, để ý tất cả các anh ở trong buồng này. Còn nhiều những lời nói và việc làm phản động của các anh, tôi đã thông cảm không báo cáo hết với cán bộ, vậy mà các anh còn chưa biết điều.

Tiếng cười ồn lên ở trong buồng. Anh Lân buồng trưởng đứng ra giữa nhà nói to:

- Bây giờ, tất cả buồng im lặng, đi ngủ để mai còn đi lao động. Anh Phi cũng đi ngủ, sáng mai cán bộ sẽ giải quyết.

Tên Phi càng như điên khùng, không kể gì buồng trưởng hay ai, y quay lại xướng cồ cả với Lân:

- Chắn màn toàn cút với với nước đáì thì ngủ thế nào?

Buồng càng cười dữ, có anh cười ré lên như dê kêu. Bất chợt có tiếng báng súng đập mạnh vào cánh cửa:

- Buồng này làm cái gì mà ầm lên thế! Các anh muốn phá trại hả?

Anh Lân tiến ra định báo cáo, thì tên Phi xộc đến, len ra trước sát cửa:

- Báo cáo ông cán bộ, chúng nó đổ cút và nước đáì đầy chắn màn của tôi.

Giọng tên công an vũ trang hách dịch:

- Đứa nào?

- Thưa, tôi không biết!

Im lặng một lúc, chắc tên cán bộ thấy chẳng giải quyết gì được trong lúc này (y làm gì có chìa khóa, và đâu được quyền mở cửa buồng), vì vậy y lại quát:

- Toàn buồng tuyệt đối im lặng. Tôi thấy anh nào còn rì rầm, mai cho đi kỷ luật,

Bấy giờ tên Phi mới chịu im. Lúi thủi về chỗ ngồi ghe vào mép sàn. Từ hơn một tuần trước, qua anh em tôi đã biết tên Phi này là một bần nông ở vùng Bắc Ninh. Trong cuộc cải cách ruộng đất, y là thành phần cốt cán. Y đã cuồng nhiệt hăng say tố cáo, đánh phá địa chủ ở địa phương. Vì vậy gia đình y được chia một căn nhà khá khang trang của một người địa chủ đã bị xử bắn. Sau đó y được bầu là nông hội

trường. Nhưng khi có chính sách sửa sai, người ta lấy nhà y để trả lại cho vợ con địa chủ.

Từ đấy, y bắt mẫn trong công tác, phát ngôn những lời bừa bãi, mất chính trị. Y bị chính quyền mới của xã, giáo dục nhiều lần, lại còn truất phế chức nông hội trưởng của y. Y càng lồng lộn bất mẫn thêm để cuối cùng phải vào trại giam từ năm 1957. Y bị cái án dây thun tập trung với tội phản tuyên truyền. Vào trại giam, lúc đầu y cũng chống đối, chây lười lao động, thường hay vi phạm nội quy đã nhiều lần phải đi kỷ luật. Nhưng từ ba, bốn năm nay, chẳng hiểu do sự phỉnh phờ, khích lệ dụ dỗ của ban giáo dục với y thế nào, y bắt đầu làm Joóc (antenne). Càng ngày y càng lao sâu vào con đường làm chó săn cho ban giám thị.

Dần dần, hành động lén lút, hèn mạt của y không thể che mắt được ai. Cả buồng, cả trại đều biết, không còn ai dám gần y để chuyện trò tâm sự nữa. Từ hơn một năm nay, y và chủ y đã tìm ra một phương kế khác. Trước đây, hàng tuần, hàng tháng, mỗi ngày, có khi đôi ba ngày lại gọi vài anh ra gặp cán bộ giáo dục. Trong những người này, dĩ nhiên, lẫn lộn người cải tạo tốt, người cải tạo xấu, người làm joóc, người không. Mục đích để tung hỏa mù, không cho tù biết ai làm chó, ai không làm chó. Đây là một cách của người chủ bảo vệ cho những con chó của chúng. Cán bộ giáo dục không gọi tên Phi nữa, nhưng cứ thỉnh thoảng, có khi một tháng, có khi hai tháng không chừng, tên Phi lại tìm chuyện gây sự, rồi chửi nhau, có khi đánh nhau với một đồng phạm. Như vậy cả hai đều báo cáo tình hình trong trại, trong toán và về những cá nhân.

Ngay cả điều này rồi cũng không qua mắt được những người tinh tế. Vì vậy họ phải ngăn chặn những con chó ăn cứt, làm thối cả mọi người này, bằng cách rỉ tai những người thân tin. Mặt khác, tùy theo điều kiện họ có thể làm được những gì mà cán bộ cũng như nhiều đồng phạm khác không biết như: lén rút quai dép râu (ở đây, mất quai hay mất dép thì đi đất, không có mà mua), có khi lấy một chiếc ném ra rừng. Hoặc gói phân đút vào trong bọc quần áo của những tên joóc v.v...

Cho tới sáng, tôi nằm mãi không ngủ được, đầu óc cứ quanh quẩn về việc vừa xảy ra. Tôi hiểu rằng, trong buồng này không phải chỉ có một mình tên Phi làm joóc, mà còn nhiều người nữa. Do trình độ kiến thức và do sự tinh quái nên họ thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và

mức độ làm joóc cũng khác nhau. Chứ tên Phi này, do văn hóa không có, nên sự hiểu biết tinh vi cũng hạn chế. Tuy làm joóc nhưng cũng chỉ nói lên được những điều vặt vãnh, bề nổi bên ngoài mà thôi. Tôi lại nghĩ đến, không biết anh nào, hay một nhóm nào đã có những hành động thể hiện được lập trường và ý chí của họ đối với kẻ thù và lũ chó săn của chúng. Rồi đây tôi cũng phải tìm hiểu.

Trời sáng dần. Khi tên Cẩn trực trại điểm xong vừa ra tới cửa, tên Phi đã hấp tấp ra trước mặt y, nghiêm cứng người báo cáo chuyện cốt, đái lúc ban đêm. Tên Cẩn trở lại vào xem chỗ chặn màn của tên Phi. Mặt y đỏ dần lên tỏ vẻ tức tối lắm. Y hiểu rằng, cứ để tình trạng này tiếp diễn, thì rồi đây không còn ai dám làm joóc cho chúng nữa. Nhưng chắc y cũng biết rằng, ngay lúc này làm sao y có thể tìm ra thủ phạm được. Bởi vậy, sau khi y gọi anh Lân ra ngoài hè hỏi gì đó, y tiếp tục đi điểm buồng khác.

Toán Boone Biệt Kích

Hôm nay đã 15 tháng Giêng 1968. Thấm thoát tôi đến trại E này đã hơn một tháng rồi. Thời tiết ẩm dần, đôi ngày, dầm ba trận mưa Xuân phun bụi nước khắp núi rừng. Cây cối bắt đầu đâm hoa, nảy lộc. Đồi núi chuyển dần từ màu xanh xậm thành màu con gái hơ hớ với trời Xuân. Tuy thỉnh thoảng vẫn còn một vài anh chàng gió mùa Đông Bắc lì lợm, vẫn thập thò mò về lá lướt với nàng Xuân mới lớn, nhưng cũng chỉ dầm thì, mười họa mà thôi.

Hôm qua, Phan Thanh Vân được cán bộ dẫn giải ra trại chính để gặp ông Toán, thiếu tá giám thị trưởng trại trung ương số I, về thì thăm cho tôi biết toàn trại sắp sửa vào đợt học tập chính trị vài ngày. Chuyện đó còn xa, tôi biết vậy, lòng tôi còn đang bận rộn với toán Boone biệt kích của Nguyễn Huy Lân.

Ngay khi tôi còn ở dưới Hỏa Lò Hà Nội, toán biệt kích này đã gây ra rất nhiều dư luận bàn tán khác nhau, nên sự ngộ nhận cũng không ít. Đây là một toán biệt kích điển hình đối với dư luận miền Bắc. Toàn toán đã không chiến đấu, mà đã ra hàng ngay. Nhà cầm quyền miền Bắc mời các phóng viên ngoại quốc cũng như đại biểu các tỉnh, các cơ quan toàn miền Bắc về dự phiên tòa kéo dài ròng rã 3 ngày ở Hà Nội. Kết cuộc phiên tòa, chúng đã trang trọng tuyên bố tha bổng toàn bộ toán Boone biệt kích. Chúng mở một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ qua báo chí và đài phát thanh. Chúng huênh hoang về độ lượng khoan hồng của đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa, dạt dào thương yêu những đứa con lạc mẹ, nay đã biết ăn năn quay về với cha mẹ. Chúng vừa được về mặt chính trị đối với trong nước cũng như ngoài nước, mà chúng còn dùng sự kiện đó để phỉnh phờ, dụ dỗ những toán biệt kích khác ra sau.

Tôi lợi dụng mọi điều kiện có thể để gặp gỡ, tiếp xúc với từng người của nhóm biệt kích này. Sau nhiều buổi tôi gặp Nguyễn Huy Lân, Nguyễn Văn Thú, Đinh Văn Sơn và Nguyễn Văn Bắc để chuyện trò tìm hiểu, tôi thấy rõ một điều là tất cả nhóm này đều không muốn nhắc lại những chuyện đã qua của toán họ, chắc hẳn họ đều mang một tâm trạng chung khá nặng nề:

- Thấy hổ lòng với anh em đồng phạm, vì họ đã ra hàng.
- Được tha bổng, nhưng thực tế vẫn tù như những người tù khác.

Tuy rằng hiện nay ở trong trại, nhìn bề ngoài, nói chung họ đều là những người cải tạo tiến bộ; trừ có Nguyễn Văn Thú là lao động cải tạo ở cái thể cầm chừng bắt buộc. Anh phải giữ ở cái mức bình thường như nhiều người khác để tránh sự hạ mức ăn, bị trừ đập, hay phải đi kỷ luật.

Đình Văn Sơn – tổ trưởng kỹ thuật.

Nguyễn Huy Luân – buồng trưởng, kiêm toán trưởng toán 2.

Nguyễn Văn Bắc – tổ trưởng tổ 4 của toán 2 (mới được cán bộ chỉ định thay Lê Khắc Dũng. Dũng đã vi phạm nội quy, Lù Chần Páng đã tổ giác trong một buổi sinh hoạt toán trước đây).

Phạm Công Thành – toán phó toán nhà bếp (ai được ở toán nhà bếp đã là một đặc ân, hoặc cải tạo tiến bộ rồi).

Chính vì lý do trên, tôi đã phải vận dụng khả năng nghề nghiệp một cách hơi vất vả mới có một số nét khái niệm về toán Boone này. Trước đây, khi tôi còn ở buồng số 5 trại chung, với đám tù thiếu niên dưới Hỏa Lò, tôi cứ tưởng toán Boone này chỉ có 5 người là:

Nguyễn Huy Luân – toán trưởng.

Đình Văn Sơn – toán phó.

Nguyễn Văn Thú – toán viên.

Phạm Công Thành – toán viên.

Trần Mạnh Hùng – toán viên.

Nhưng bây giờ thôi hiểu thực tế, toán Boone có những 9 người.

Từ năm 1963, trại huấn luyện biệt kích Long Thành được điều khiển, do những huấn luyện viên Mỹ và Việt lẫn lộn. Trong thời gian huấn luyện, Đình Văn Sơn và Nguyễn Huy Luân là 2 toán trưởng của hai toán khác nhau. Do những xáo trộn của cuộc binh biến 1-11-1963 lật đổ ông Ngô Đình Diệm, nhiều người biệt kích đã đào ngũ trốn khỏi Long Thành. Toán của Luân và của Sơn cũng có một số người bỏ trốn. Rồi do những yêu cầu của những công tác trong mặt trận tình báo tung người

ra Bắc hoạt động nên đã sát nhập 2 toán vào làm một, lấy tên là toán Boone. Ban chỉ huy của trại Long Thành đã sắp xếp như sau:

Nguyễn Huy Luân – toán trưởng (bao quát toàn bộ)

Đình Văn Sơn – toán phó (đặc trách tình báo)

Nguyễn Văn Bắc – toán phó (đặc trách phá hoại)

Hồng Tôn Khải – truyền tin số I (chính)

Vũ Gia Thoa – truyền tin số II (phụ)

Nguyễn Văn Thú – toán viên

Trần Mạnh Hùng – toán viên (liên đội 31 biệt kích)

Ngọc – toán viên

Phạm Công Thành – toán viên, đồng thời là người dẫn đường.

Công Thành, sinh quán ở Nghệ An, vượt tuyến vào Nam năm 1961. Anh ta là thổ công vùng biên giới Lào + Việt, Nghệ An, vì vậy tổ chức đưa anh vào toán Boone để dẫn đường. Bởi vì địa bàn hoạt động của toán Boone bao gồm những khu vực Bản Hang, Nông Hét, Mường Xén, Con Cuông, thuộc biên giới Lào, Việt Nghệ An. Khoảng tháng 6 năm 1964, lúc 1 giờ của một đêm cuối tháng không trăng sao, toán Boone xuất phát bằng một chiếc C47, sơn đen. Sau hơn một giờ bay trong đêm tối, chiếc máy bay đã lao tới mục tiêu. Toàn toán đã được lệnh nhảy dù xuống một bãi đất gần bản Hang, sát biên giới Lào, Việt, trong một khu rừng già của dãy Trường Sơn.

Địa điểm tập kết là Con Cuông gần sông Lam (tên khác là sông Cả). Con sông này bắt nguồn từ Lào chảy sang Việt Nam xuôi về cửa biển là Bến Thủy, gần thành phố Vinh, Nghệ An. Nhiệm vụ của toán:

- Chấm tọa độ.
- Theo dõi sự di chuyển xe cộ, bộ đội trên quốc lộ 6 và 7.
- Rải truyền đơn gây hoang mang cho địch, khích lệ, hỗ trợ sự nổi dậy của dân chúng.

- Lập chiến khu, làm đầu cầu cho những toán kế tiếp ra sau.
- Bí mật bắt mối với nhân dân trong địa bàn hoạt động.

Chính vì do sự sắp xếp, sát nhập 2 toán biệt kích này làm một, đã gây ra nhiều mâu thuẫn giữa người của 2 toán. Hơn nữa, người của 2 nhóm này cũng lẫn lộn dân sự và quân sự nữa. Nguyễn Huy Lân là một thượng sĩ trong quân đội, trong khi Đinh Văn Sơn lại là dân sự. Ngoài ra Sơn coi Lân là người thiếu kiến thức, không đủ khả năng lãnh đạo toán, cho nên Sơn và nhóm của Sơn không phục, không chịu nghe lệnh của Lân. Điều này, không biết những người có trách nhiệm tung toán Boone vào đất địch có biết hay không? Tôi nghĩ rằng, thà họ nhận là không biết thì còn ít lỗi lầm hơn.

Nói về chiếc C47. Khoảng hơn 2 giờ đêm thì tới mục tiêu, trời vẫn tối đen như mực. Phần vì tinh thần, tư tưởng của toán Boone chưa được trang bị đủ mức yêu cầu, phần khác chưa đủ kinh nghiệm hoạt động trong đất địch. Bởi vậy, ngay từ khi xuống dù đã thất lạc hỗn độn, mỗi người mỗi nơi. Đến khi trời sáng, mãi tới gần trưa mới tập hợp lại được thì toán chỉ còn 7 người. Thiếu mất 2 người là Hồng Tôn Khải, truyền tin số I và Ngọc là toán viên. Mọi người chia nhau ra các hướng để đi tìm. Mãi gần về chiều mới thấy dù của anh Ngọc gác lên một cành cây đổ, ở cạnh một bờ suối, nhưng không thấy người. Lục lọi, xem xét kỹ cũng không thấy dấu vết gì tỏ là anh Ngọc bị thương, hay bị thú rừng ăn thịt. Rồi mãi tới gần tối mới tìm thấy dù và xác của anh Khải, thịt, xương be bét dưới một thung lũng đầy mây rừng. Toàn nhóm đã xác định, dù của anh Khải không mở, như một cục thịt tử ở trên trời rớt xuống nên cơ thể mới bị nát bấy như vậy.

Đến đây, toàn toán ai nấy đều hoang mang lo sợ vì anh Khải là truyền tin chính, một cột trụ để liên lạc với Sài Gòn thì đã chết rồi. Vũ Gia Thoa, truyền tin số 2, lúng túng, không đủ chuyên môn để sử dụng máy liên lạc với Sài Gòn. Như thế, coi như toán đã bị đứt liên lạc ngay từ đầu với trung ương. Tình trạng, bất lợi hỗn độn như vậy càng khoét sâu nỗi hoang mang, giao động trong lòng mỗi người. Lúc này, không còn ai bảo ai nghe được nữa, mỗi người mỗi ý kiến. Cuối cùng, Nguyễn Huy Lân động viên những người còn lại cứ quyết định di chuyển tìm đường về địa điểm tập kết ở Con Cuông.

Khi trong lòng mỗi người đã rối bời, lo lắng thì lòng tin vào mục tiêu đi tới cũng mất dần. Do chân chùn, lòng nản, tinh thần rã rời ngại khó,

ngại khổ nên di chuyển rất chậm chạp. Cho tới khi đã hết lương thực mà mục tiêu vẫn còn ở đâu chưa thấy. Tinh thần càng khủng hoảng, sa sút, người này đổ lỗi cho người kia, thậm chí cãi nhau, chửi nhau hỗn độn không khác chi cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

Theo anh Nguyễn Văn Thú, tới ngày thứ 11 hay 12, kể từ lúc toán nhảy xuống bãi đáp thì bị lộ và bị bao vây. Khi có tiếng loa của đội quân bao vây, chỗ vào rừng kêu gọi toán ra đầu hàng, thì trong nhóm càng lộn xộn. Người đồng ý ra hàng, người không, để cuối cùng Trần Mạnh Hùng dùng súng uy hiếp toàn toán phải đầu hàng để sống. Phạm Công Thành đã cởi ngay chiếc áo maillot trắng đưa cho Vũ Gia Thoa, buộc vào đầu một cành cây, giơ lên đi trước tiến ra ngoài, tỏ dấu toàn thể toán xin đầu hàng vô điều kiện. Sau đó, đoàn bộ đội bao vây đã trói gô từng người rồi giải về nhà giam Thanh Chương, trực thuộc quân khu 4. Chúng giam riêng mỗi người mỗi buồng để truy cung, khai thác từng ngày.

Sau hơn 4 tháng cung kẹo, khai báo, chúng chuyển toán Boone về Hà Nội và đưa ra tòa xử công khai như đã trình bày ở trên. Đặc biệt là, khi tòa vừa tuyên bố tha bổng toàn thể nhóm Boone biệt kích, thì Vũ Gia Thoa được một người họ hàng cao cấp trong chính quyền của Cộng Sản bảo lãnh. Và cũng từ đấy, không ai còn biết tin tức gì về Vũ Gia Thoa nữa. Khi xử xong, chúng chuyển toán Boone về trại giam Yên Thọ hơn một năm, rồi lại chuyển về Phổ Lu, trại trung ương số I ở Lào Cai này từ năm 1966.

Do toán Boone đầy rẫy những mâu thuẫn nội bộ từ ở trong Nam cũng như khi ra Bắc, bởi vậy, chúng thường giam riêng, và chế độ đãi ngộ cho mỗi người cũng khác nhau. Hiện nay, (1968), Trần Mạnh Hùng được hưởng chế độ 18 đồng (tiêu chuẩn chung cho một tù nhân ở các trại giam miền Bắc là 12 đồng). Hùng lại được làm toán trưởng toán nhà bếp ở trại Phong Quang, trại trung ương số II ở Yên Bái. Phạm Công Thành vì có công đã cởi chiếc áo maillot trắng làm cờ hàng, nên khi đến trại E này, được cho làm toán phó, toán nhà bếp. Từ hôm tôi đến phân trại E này đã hơn một tháng, tôi cũng chưa nhìn thấy Phạm Công Thành. Cái chính, chỉ vì qua dư luận của anh em trong trại, tên Thành nhà bếp rất tiến bộ và đều cáng. Đôi khi những anh em được nghỉ một ngày bệnh ở trên toán, xuống bếp xin tí nước sôi để pha trà hay thích uống nước uống nóng, y đã quát tháo, chửi bới quây quậy đuổi người ta về. Thậm chí nhiều lần y đã ném ca, đập gô anh em, do đấy tôi cũng ghét luôn chả muốn tìm gặp y để làm gì.

Tôi để ý, tên Thành cũng không quan hệ đi lại với những người cùng toán Boone của y ở trên các buồng.

Trong khi chuyện trò, tôi có hỏi anh Thú:

- Tại sao tòa đã tuyên bố trắng án, tha bổng nhưng vẫn đưa vào trại tù, các anh không phản đối hay thắc mắc à?

Mắt anh Thú long lanh, quắc sáng, miệng cười gằn như mếu, trả lời:

- Ở Yên Thọ, tôi đã bị cùm hơn 2 tháng gần chết vì dám chắc mắc hỏi ban giám thị trại về chuyện này. Khi đến trại này, hai năm trước, Bắc cũng tâm sự, thắc mắc với một đồng phạm, rồi bị họ tố, Bắc cũng bị đi cùm gần 1 tháng phải bò ra, cho nên...

Thú nói đến đây thì không nói nữa, anh lái sang chuyện khác. Tôi cũng đã tự hiểu nên cũng chả bao giờ đề cập đến chuyện ấy nữa.

Sáng hôm nay Chủ Nhật, một buổi sáng Chủ Nhật không phải đi lao động xã hội chủ nghĩa. Tối qua, tôi có hẹn với Lê Văn Kinh, hôm nay ra hội trường nói chuyện. Mục đích tôi muốn biết sơ lược nội vụ câu chuyện của anh trong vụ sông Gianh. Trong khi chờ Kinh còn đang đi tắm giặt ở giếng tôi ngồi ở hội trường nói chuyện với anh Hiến. Vũ Mạnh Hiến, một chủng sinh (đại chủng viện công giáo) bị bắt tập trung cải tạo chỉ vì cái tội: chủng viện đã được nhà nước giải tán, chính phủ khuyên mọi người trở về lấy vợ, lập gia đình, anh Hiến lại không chịu lấy vợ, cứ quyết một lòng hiến dâng đời mình, trọn vẹn đức tin nơi Chúa. Anh mới được thả kỷ luật đạo Tết, người anh bây giờ hãy còn gầy nhom và xanh tái.

Ngồi nói chuyện với anh, mắt tôi đang lơ đãng nhìn một con nhện đen, có những bộ chân dài ngoẵng đầy lông, đang chằng tơ làm tổ trên ngọn những cây nửa khô của hàng rào trại. Con nhện đang loay hoay trèo lên, trèo xuống nhiều lần. Nhìn vị thế của cái tổ mới nó đang làm, tôi hiểu rằng nó phải chằng 4 sợi tơ ở 4 điểm chính làm cái khung thì mới làm được cái tổ. Nhưng nó mới chằng được 3 điểm, còn một điểm nữa mãi chéo ở đầu một ngọn nửa hơi cong. Thấy dáng điệu có lúc ngần ngừ, có lúc tắt bật của nó, tôi nghĩ rằng nó đang điên đầu, tính toán làm sao để mắc được đường tơ lên ngọn cây nửa cong ấy. Ô, tôi đã lầm, nó đang chờ, đang đợi một làn gió quẩn ngược chiều. Nó trèo lên mãi một ngọn nửa cao, dứt nó dụi, dính một mối tơ vào đấy,

rồi nó buông thõng người cho rơi sâu trở xuống đến hơn một mét. Khi nó theo dây tơ leo lên về chỗ cũ, có một sợi tơ mỏng manh, lấp lánh dưới ánh nắng sớm, theo gió đong đưa, hất nhẹ đến cái điểm thứ 4 ấy. Sợi tơ chạm vào ngọn nứa cong là dính liền. Thế là con nhện, nhanh nhẹn theo sợi tơ leo sang ngọn nứa cong. Nó từ từ kéo căng sợi tơ. Vậy là nó đã đạt được 4 điểm tựa chính của cái mạng lưới mới để săn con mồi.

Lòng tôi đang rộn lên một nguồn vui nhẹ nhẹ như chia sẻ với sự thành công của con nhện, thì chợt có tiếng bình bịch của chân người chạy phía hiên sau hội trường. A, tên Tân, trật tự, mắt y đang trợn lên như mắt con lợn nhúng nước sôi. Một tay y vẫn cầm chiếc gậy, như mỗi khi y đi tua một mình trong trại; một tay y đang giằng co một chiếc rổ con, có mấy ngọn rau tàu bay với bác Thẩm Tố Lân, người gốc Tàu. Bác Lân 2 tay đang kéo cái rổ lại, miệng nói tiếng Việt chưa sôi lắm, giọng như năn nỉ:

- Anh à, tôi sót cái lượt quá! Mấy hôm nay tôi có cái bụng táo bón, không ti cầu tởc. Tôi bòn tởc mấy cái lau đại này tể chốc nữa ăn với cơm.

Tôi nhìn thoáng thấy trong chiếc rổ con có một nắm rau, những ngọn rau tàu bay con con và mấy ngọn rau rệu. Trong trại, khắp nơi không có một chỗ nào có những ngọn rau đại mọc được mà còn lại. Bởi vì có một ngọn nào mới nhú, không người này thì người khác đã vặt ngay rồi. Thậm chí, họ móc họ đào lần lấy hết cả gốc, rễ của nó rồi còn đâu. Tôi chợt nhớ đến mấy cây rau tàu bay phía sau lán vernie, và một bụi rau rệu mọc dưới cái rãnh cạnh nhà cầu ngoài lán mọc. Mấy cây rau tàu bay này cũng vậy, cứ đâm ra được một vài ngọn con thì đã có người vặt rồi. Cả bụi rau rệu cũng thế, hễ ngọn nào mới thò ra được một vài lá cũng đã cụt luôn. Chính tôi mấy lần mò ra định kiểm mấy ngọn cho đỡ sót ruột, vì bữa cơm toàn ăn với muối rang, vậy mà đều hụt vì người khác đã hái rồi.

Tên Tân đang dư dứ cái gậy vào đầu bác Lân, rồi y giật cái rổ rau, ném mạnh xuống đất. Y lấy chân đạp bẹp cái rổ, rồi di di, di lại cho mấy ngọn rau nát bét:

- Nội quy cấm ăn rau sống, anh còn chống đối tôi hả?

Nhiều người ngồi trong hội trường lúc ấy, ai cũng lộ vẻ căm phẫn với việc làm của tên Tân. Nhưng họ vẫn ngồi yên, có lẽ họ đều nghĩ trong cảnh này hãy chịu nhẫn nhục để sống yên thân. Họ đều hiểu rằng đằng sau tên Tân còn có một con ngáo ộp là ban giám thị và những tên cán bộ, cho nên họ chỉ ngồi nhìn ra. Tôi cũng hiểu như vậy, nhưng có lẽ một phần vì lòng khinh ghét có sẵn với tên Tân từ dưới Hỏa Lò, phần khác do bản tính hãy còn hơi liều bất tử nên tôi đã đứng dậy, tiến đến và quắc mắt nhìn tên Tân, dù rằng lời nói của tôi còn mềm mỏng:

- Người ta sai thì anh phải từ tốn nhắc nhở người ta chứ! Anh có hành động tàn ác không còn tính người như vậy à?

Ngay từ lúc thấy tôi tiến đến, y đã hơi chần. Chắc hẳn y vẫn chưa quên được ở buồng số 4 xà lim II, Hỏa Lò. Một lần, y có những thái độ bần thiêu, khi y lấy cơm từ ngoài chõng vào cho tôi, tôi đã đập nhau với y ở trong buồng. Lúc ấy tôi bị cùm một chân mà y còn không dám tiến lại gần, y phải dùng cái chăn bông dày của y, từ ở một góc xa tầm tay của tôi, để quạt nhau với tôi. Nhưng lúc này trong trại, y đầy uy quyền, không ai dám cãi lại với y cả. Phần khác, trước mặt nhiều người y không thể chịu ở cái thế nhún nhường thua kém, vì vậy, y chỉ cái gậy vào mặt tôi nạt nộ:

- Mày cấu kết với nhau để chống đối hả?

Thực sự trong lòng tôi tuy căm tức và khinh ghét nó lắm. Tôi đã có chủ trương, một buổi nào đó thuận tiện tôi sẽ xả cái khinh đó ra với nó, nhưng chưa phải hôm nay. Khốn, lòng tôi đã nóng lên rồi. Tuy vậy, tôi cố kìm lại, tôi chỉ hất mạnh cái gậy của y ra:

- Hãy ngậm cái miệng của mày lại!

Nói rồi, tôi đi về chỗ, nhưng y như một con hổ nhẩy theo, giơ cao chiếc gậy vụt vào cổ tôi. Tôi lạng người, hụp xuống tránh chiếc gậy, cũng là lúc tôi gấn cái gót chân vào ngực y. Y hự lên một cái, khựng lại rồi như điên rồ, y quật tôi túi bụi, miệng lải nhải văng tục:

- Địt mẹ mày, gián điệp, biệt kích, vét đĩa này!

Tôi không còn kiểm soát được tôi nữa, tôi chẳng còn nghĩ đến lợi hay hại nên cứ đấm đá thả dàn. Sau một hồi quần thảo, chẳng hiểu tôi

vung vẩy tay thế nào không biết, đâm trúng vào mặt y một cú làm chồn cả tay tôi lại. Mũi y có máu chảy ra, vậy mà y vẫn còn hung hăng, cầm cái gậy chơi chơi đâm tôi. Lựa thế, tôi bắt được cánh tay cầm gậy của nó. Tôi đưa vào một thế khóa, định bẻ gãy cánh tay của nó. Nó gào lên thảm thiết, nhiều anh em trong trại đã chạy đến. Lê Sơn chen đẩy mấy người, tiến lại, để tay lên vai tôi:

- Thôi, anh Bình!

Tôi biết rằng, tôi chỉ cần gồng mạnh lên một chút là cánh tay nó sẽ bị bẻ gãy gãy. Mồm nó vẫn kêu như bò rống. Tôi hiểu nếu bỏ tay nó ra bây giờ, đang hung máu, nó sẽ làm phiền tôi nữa. Tôi còn đang lưỡng lự thì tên Cận trực trại và mấy tên công an vũ trang từ cổng trại chạy vào. Tên Cận xông đến quát:

- Anh Bình, buông tay ra ngay!

Tên Tân mặt xám lại, nhăn như khi người phải mùi mấm tôm. Tay trái y đỡ cánh tay phải, người y khòng xuống, vắn vẹo. Tên Cận mặt tím bầm, chỉ tay vào tôi:

- Anh dám đánh trật tự phải không? Anh muốn làm loạn à?

Rồi y quắc mắt, nói như ra lệnh:

- Về ôm chần chiếu đi kỷ luật, rồi sẽ giải quyết!

Khi tôi quay về buồng để lấy chần chiếu, còn nghe mấy người đứng ở đó nhao nhao lên, có cả tiếng của Lê Sơn:

- Báo cáo ông Cận, anh Tân đã đánh anh Bình trước, anh Bình phải tự vệ.

Dù như vậy, tôi vẫn phải vào nhà kỷ luật.

Tuyệt Tác của Hoàng Thanh

Tôi đã nhìn thấy cái cùm, tác phẩm của Hoàng Thanh. Sau khi mở cửa nhà kỷ luật, tên Thái y tá mở cùm theo lệnh của tên Cẩn. Đứng ở cửa, tên Cẩn quát, bắt tôi bỏ cả 2 chân vào. Cùm xong, trước khi y đóng cửa, tên Cẩn còn quay lại gằn giọng:

- Anh không coi chúng tôi ra cái gì cả!

Tôi chỉ nói:

- Thưa ông, đây là chuyện riêng của tôi và thằng.....

Tôi chưa nói hết câu, y đã đóng cửa, đi rồi. Trong ánh sáng lờ mờ, tôi loay hoay, cựa cựa đôi chân, tìm một cái thế để chịu một chút. Quả cái cùm này thật đáng nể. Chả trách Lê Sơn đã nói: "Hitler có sống lại, còn phải quỳ xuống tôn tui này là tổ sư". Chiếc cùm là một súc gỗ lim với những đai thép kiên cố, chắc chắn. Một bề 35 phân, một bề 60 phân, có 2 khuy sắt, bằng loại sắt tròn, đường kính 2 phân nằm gần phía 2 đầu. Vì thế phải có 2 then sắt cài, thọc vào hay mở ra từ phía ngoài vách. Trông cái cùm giống như một cái hộp, nên anh em trong trại còn gọi là cái cùm hộp. Nhìn nó thật thô sơ, nhưng quả thật là nguy hiểm, vì nó chiếm từ cổ chân lên đến gần đầu gối. Hai đầu bàn chân lại đút vào 2 cái lỗ đục sẵn nằm ở nửa súc gỗ phía trên. Do thế, khi bị cùm thì cái chân chỉ di chuyển cựa quậy được trong khoảng 90 độ.

Tôi đã từng tập luyện, kinh qua nhiều năm tháng với cái cùm ở Hỏa Lò do thực dân Pháp chế tạo, nhưng với cái cùm này tôi cũng phải kinh hồn. Khi bị cùm, chẳng khác gì như đi giầy ống. Còn một điều đáng sợ nữa, có rất nhiều rệp, nhưng không thể cho ngón tay vào gãi và cũng không thể bắt rệp được. Đành chịu ngứa ngáy cũng như để cho rệp hút máu. Trước đây nghe Lê Sơn nói, và nhất là kỳ Tết vừa qua, nhìn thấy một số người bị kỷ luật được tha, thấy họ phải bò ra, không đi, không đứng được. Tôi chẳng nói ra, nhưng trong lòng nghĩ: "họ yếu thật, mình còn bị mấy năm với chiếc cùm ghê gớm ở Hỏa Lò v.v...". Nghĩa là, chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ. Ngồi ở dưới đây giống ròi tưởng trời chỉ nhỏ như cái vung đập nổi cơm của nhà mình vậy.

Bây giờ đã quá trưa rồi, thấy cái bụng cứ kêu ọ ọ, ẹ ẹ như tiếng của những thân cây tre làng cọ xiết vào nhau trong những tháng Hè, tôi mới chợt nhớ ra là, trưa nay tôi chưa được ăn. Từ ý nghĩ này, tôi chợt nảy nghĩ đến tên Tân. Chết rồi! Hàng ngày nó vẫn thường đưa cơm cho kỷ luật ăn. Chuyến này, hẳn tôi sẽ có nhiều khó khăn với nó đây. Chân lại bị cùm, tôi phải nâng cao cảnh giác nghe ngóng mọi hiện tượng, đề phòng mọi vấn đề. Với một tên tiểu nhân như vậy, tôi phải coi chừng từ cơm ăn, nước uống và mọi thái độ ra vào của nó. Tuy thế, nghĩ lại chuyện vừa qua, tôi vẫn bằng lòng, không hề ân hận một chút nào, vì đây là chuyện cuộc đời mà, chẳng trách được. Thấy việc phải làm thì cứ làm rồi kệ nó.

Chợt thoáng có tiếng lịch kịch, rồi tiếng nước giải chảy tong tong vào ống nứa gần phía đầu nhà kỷ luật làm tôi lạ lùng hết sức. Theo tôi biết kỳ Tết đã tha hết mọi người trong nhà kỷ luật rồi cơ mà, còn mỗi bác Lê Tài Chương thì đã chết, vậy ma hay là người? Nghĩ một lúc, tôi lên tiếng:

- Anh bạn nào bị cùm ở phía trong ấy đấy?

Một giọng ấm và cứng cất lên vồn vã:

- Có tôi đây, anh vì sao phải vào thế?

- Đánh nhau với tên Tân.

Tôi cũng háo hức đáp lại anh. Lòng thấy vui hẳn lên, có bạn để nói chuyện, đỡ sầu. Tôi hỏi lại anh:

- Thế, anh bị kỷ luật vì chuyện gì?

Im lặng một lúc rồi anh thủng thẳng:

- Tôi cũng chẳng biết nữa, gọi đi là phải đi!

Tôi vẫn chưa quên cái đói nên hỏi lại anh:

- Anh ăn cơm chưa?

- 2 giờ mới có cơm chứ!

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng tôi chợt hiểu. Kỷ luật chỉ được ăn một bữa mà thôi. Thế mà bao nhiêu ngày ở ngoài, đã nói chuyện về kỷ luật ở đây với nhiều người, vậy mà tôi cứ tưởng kỷ luật ở các trại trung ương vẫn ăn 3 bữa dù chỉ ít thôi. 9 kg gạo cho 1 tháng. Thế mới biết trong cuộc đời, nhiều cái phải bắt tay mình làm thực tế mới hiểu được hết chi tiết. Chỉ nhìn và nghe, chưa đủ!

Qua một lúc chuyện trò, tôi biết tên anh là Vũ Đình Bách. Anh ở số 57 phố Hàng Đậu, Hà Nội. Anh bị án tập trung với tội phản tuyên truyền, phản cách mạng, bị bắt từ đầu 1963. Hiện nay anh ở toán 4 nông nghiệp, rất thân với anh bác sĩ Hiệp cùng toán. Chính vì thế, khi tôi nói mới lên trại, anh đã biết ngay tôi là Bình. Chỉ vì anh đã biết, tôi đã đấu cờ với anh Hiệp và bác Lắm để tranh giải cờ tướng trong dịp Tết vừa qua, cho nên anh nói chuyện với tôi rất cởi mở.

Khoảng 2 giờ chiều, có tiếng chìa khóa mở cửa nhà kỷ luật. Tôi ngồi bật dậy, quan sát, nghe ngóng. Mắt tôi đã liếc nhìn cái ống nứa để đi giải, đang đứng phía đầu sàn. Từ sớm, tôi đã có chủ định, với cái ống nứa duy nhất này để tự vệ, tôi chả sợ tên Tân, dù y có dao, có gậy. Không ngờ người đưa cơm kỷ luật hôm nay lại là tên Thái y tá. Một điều làm tôi ngạc nhiên hơn nữa là tên Thái lại tỏ ra niềm nở, thiện cảm với tôi. Y cho biết tên Tân, tay còn đang bị bó thuốc. Rồi y tỏ ra như tán đồng việc làm của tôi, nào là tên Tân quá lắm, hách dịch hay bắt nạt tù, nhất là những bác già và những người dân tộc.

Chỉ qua vài câu chuyện tôi đã thấy ngay tên Tân và Thái, cũng chẳng ưa gì nhau. Cái không ưa nhau của những con chó tranh nhau để làm vừa lòng chủ, để cho chủ thương, chủ hài lòng. Chuyện đó là của họ, chả nhằm nhò gì đến tôi, tôi chỉ thấy một điều may. Chẳng hiểu có phải do sự nghiên cứu của ban giáo dục, sợ tên Tân vào nhà kỷ luật làm liều để trả thù tôi, hay vì sao đó mà không để làm cho tên Tân đưa cơm. Dù sao tôi cũng xin cảm ơn, điều này làm nhẹ hẳn nỗi lắng lo từ sáng vẫn đè nặng trong lòng tôi về tên Tân.

Cái cùm của Hoàng Thanh, quả thật là ghê gớm. Mới chỉ sau 6 tiếng đồng hồ cùm, hai chân tôi đã cắn buốt như có nhiều mũi kim châm vào. Nó nhức nhối từ ở trong xương, trong tủy, tôi có cảm tưởng từ đầu gối trở xuống đến bàn chân, ngón chân máu bị đông đặc lại, máu ở bên ngoài không thể chạy xuống dưới đây được. Chỉ nằm xuống một tí là hai chân nóng lên rần rật, buốt ngứa như có hàng chục con ong vàng đang đốt. Hai bàn chân tê, cắn như vậy, mà cái cùm quái ác này,

không làm sao với tay tới để xoa nắn được bàn chân của mình. Chỉ vì đôi chân không thể nghiêng hẳn bên này hay bên kia cho nên cũng không thể co hẳn lại được.

Cái nạn đi đái, đi ỉa mới thật đáng sợ, mặc dù sàn nằm đã được khoét một cái lỗ đường kính khoảng 8 phân ngang chỗ hậu môn của người bị cùm. Mỗi khi muốn đi đái hoặc ỉa, trước hết phải chịu đau, nhờ người với tay tới mé vách cầm cái ống nứa, gò người xuống đút ống nứa vào gầm sàn, kê đầu vào một miếng gỗ đã đóng sẵn, sao cho đúng lỗ chỗ mình ỉa hoặc đái xuống. Sau đó cởi quần, phải nhích người sao cho tụt được quần xuống gần sát đầu gối. Khi ỉa hoặc đái phải rướn người, chống hai tay xuống sàn lấy gân nâng đít lên thì mới rặn được. Mỗi lần ỉa xong chẳng lẽ không rửa, mà một gáo dứa nước đổ rửa rồi mà ngay tay cũng còn phân chưa sạch huống chi là đít vì không còn cái tay nào nữa để chống nâng đít lên được. Cho nên mỗi lần ỉa, tuy không hề thấy tủi nhục, lòng tôi không hề uất ức nhưng mắt tôi vẫn mờ đi vì nước mắt chảy ra do những co thắt của đường gân thớ thịt.

Ai đã nghĩ ra kiểu cùm này, giúp ý kiến Hoàng Thanh, hay chính Hoàng Thanh đã nghĩ ra? Dù là ai thì cũng đáng được kính nể, chiếc cùm như một tuyệt tác góp phần vào nền văn hóa mới của xã hội Cộng Sản đi đến mức tuyệt đỉnh.

Bụng đói, chân nhức buốt, lúc đầu rệp cắn còn thấy ngứa, hay những con rệp đã ăn no rồi, không cắn nữa thì tôi cũng chả nhìn thấy mà biết được. Chúng nó no hay đói, cắn hay không cắn nữa thì tôi cũng đành chịu, vì chả có cách nào móc tay vào trong súc gỗ để gỡ hay để bắt chúng. Bù lại, trong cái heo hút, lủi thủi một mình lại có anh Bách để chuyện trò. Mặc nhiên, tôi được có cái cảm nghĩ, hiện đang có một người nữa cũng đang chịu những nỗi niềm cay đắng, nhức buốt như mình là tự thấy lòng nhẹ đi được một nửa rồi. Tuy rằng anh Bách chỉ bị cùm một chân, nhưng cũng gọi là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mà ị! Và lại, anh Bách lại là một người kể chuyện rất hay. Anh đã kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện xảy ra ở Hà Nội và của miền Bắc sau năm 1954 nên cũng quên được phần nào cái nhức nhối của đôi chân và cái vặn vò, rên rỉ của dạ dày đòi ăn.

Tôi bị tên Cẩn cùm cả hai chân, có thể tên Cẩn đã ghét tôi từ trước. Phần khác, y muốn trị cái tội dám đánh trật tự, người đại diện uy quyền của y ở trong trại.

Thầy Pháp và Âm Binh

Trong những câu chuyện anh Bách kể cho tôi nghe, có một chuyện làm cho lòng tôi cũng thấy hơi hơi thích thú nên không thể quên được. Nhưng để ý nghĩa của câu chuyện đó thêm sáng tỏ, tôi phải trình bày một vài sự việc có liên quan:

Ai cũng biết miền Bắc Việt Nam, hầu như đến 7 – 8 phần mười đất đai là núi và rừng, lưu trữ từ hàng bao nhiêu ngàn năm, nơi hợp lưu chất chứa, tích tụ và xuất phát của giòng giống Bách Việt. Ngày nay còn lại những nhánh, chi, riêng biệt bao gồm hàng 5 chục tộc như Mường, Mán, Mèo, Xạ Phang, Thái, Nùng v.v...mà mỗi tộc lại tin tưởng thờ cúng một số thần thánh, một số ma quỷ trong nơi rừng sâu hoang dã, hẻo lánh, đầy huyền bí man dại, cách biệt hẳn với thế giới văn minh của loài người; những âm binh, thiên tướng, ma trành, ma xó, tà y mo, tà y pháp, thư, ếm v.v... Còn nữa, nào là long mạch, quy mạch, mồ mã, thầy tướng, thầy số, thầy đồng, các cô, các cậu, tạo nên hàng ngàn, hàng chục ngàn những câu chuyện ma quái, thần thánh ở các địa phương cứ như thật, tưởng như ai cũng trông thấy hết, mà ai cũng hơn một lần nghe người khác kể lại.

Những sự việc đó, cứ thông truyền từ đời nay qua đời khác, từ thế hệ này thế hệ kia. Nó lan tràn chui sâu, luồn lách vào từng đường gân, thớ thịt trong tim, óc của mọi người. Thậm chí cho tới bây giờ, những thứ ma quỷ đó vẫn còn ngự trị ở trong lòng nhiều người, chưa biết đến đời nào mới hết? Lòng tin tưởng ấy đã gắn liền vào xương, vào thịt của họ. Đến nỗi tôi nghĩ rằng, đối với nhiều người thì họ bị giết chết, chứ không thể diệt được lòng tin của họ vào những điều dị đoan, mê tín. Điển hình, tôi xin tường thuật lại 2 câu chuyện thực tế đã xảy ra trong một khoảng đời ấu thơ của tôi tại quê tôi.

Câu chuyện thứ nhất:

Nhà tôi ở ngay cạnh con đường chính của huyện. Ban ngày có nhiều người đi chợ qua lại. Vì không có điện nên cũng như nhiều những vùng quê khác, ban đêm thì tối đen như mực, dành cho thế giới huyền bí, ma quái, ghê gớm, không ai biết được. Cách nhà tôi khoảng hơn nửa cây số, có một cây đa thật to, gốc rễ chằng chịt chiếm hẳn một khoảng đất rộng. Nó to đến người ta đã làm ở trong gốc của nó một cái miếu lớn mà người ta có thể ra vào được. Trong miếu này và chung quanh gốc đa, người ta chôn, người ta treo la liệt những ông bình vôi

đu kiểu, đu loại. Cây đu có rất nhiều cành, nhiều ngọn um tùm, che rợp bóng hàng mẫu đất. Người ta nói cây đu này đã có từ hàng trăm năm, và ngọn của nó soi bóng sang mái bên Tàu, vì Tàu nó để của và ếm thầy, bùa ngải để giữ của, giữ vàng. Cây đu này gọi là cây đu Hòa Lạc, vì nó nằm trên quãng đường huyện của làng Hòa Lạc.

Tôi đã được nghe hàng trăm câu truyện rùng rợn, kinh hoàng, dựng tóc gáy về cây đu này. Để rồi suốt thời gian ấu thơ của tôi, cây đu Hoà Lạc và cái đèn hoang của bà chúa Đông Ngàn cũng gần đây, đã làm tôi nhiều đêm không dám đi đái; trùm chăn kín đầu không dám cả thở mạnh, da gà nổi lên khắp tứ chi.

Một lần, một sự việc đã ghi hằn vào bộ óc non dại của tôi. Hôm ấy, huyện tôi có một đám rước lớn lắm. Đường làng, đường phố chỗ nào cũng đầy ắp những người. Trẻ con người lớn, ai cũng mặc những bộ quần áo đẹp nhất. Cờ, quạt, trống, kèn âm vang cả xóm, ngõ. Hình như đó là ngày nào đám của các ông thần, bà chúa ở trong huyện, mỗi năm chỉ có một lần.

Tuy tôi ở thôn công giáo, nhưng trẻ con chúng tôi rủ nhau đi theo xem đám rước suốt ngày; hơn nữa, tôi cũng có nhiều thằng bạn ở những thôn bên lương. Đám rước thật dài, cứ một đoạn lại có một chiếc kiệu. Những chiếc kiệu sơn son, thiếp vàng nhiều kiểu, nhiều loại thật lộng lẫy uy nghi. Mỗi chiếc kiệu thường có 8 người thanh niên khỏe mạnh, mặc đồng phục khiêng, vác trên vai.

Lũ trẻ con chúng tôi thích và chú ý nhất một người mặc quần áo đỏ chóc, đội mũ cánh chuồn. Ông ta chừng 4 chục tuổi, dáng cao lêu nghêu. Ông ta bước từng bước đồng dục, từ tốn giữa đám rước. Giữa má ông ta có một cái lình rất to, xuyên suốt từ má này má kia. Chiếc lình bằng đồng, trông như cái đại đao của Quan Vân Trường thu nhỏ, dài chừng 1 mét. Phía chuôi nhọn hoắt, to bằng ngón tay, chọc xuyên thủng qua 2 má. Một người mặc quần áo xanh, 2 tay 2 chiếc khăn đỏ, đỡ ngang một đầu lình. Ông này cũng trang nghiêm đi song song với ông áo đỏ. Một người nữa, 2 tay kính cẩn giương cao một chiếc lọng xanh áo to tướng, che trên đầu cho ông áo đỏ xuyên lình. Phía sau, có nhiều các bà mặc áo xanh, áo đỏ, tay lần hạt, miệng niệm kinh. Người ta nói rằng, ông áo đỏ đang thặng đồng, thánh đã nhập.

Chúng tôi mở to mắt, lạ lùng nhìn chăm chăm vào 2 miếng bìa màu vàng, hình tròn to bằng quả ổi, dán vào 2 bên má, chỗ chiếc lình

xuyên qua. Rõ ràng, không hề máu chảy. Như vậy, 2 cái lỗ ở má của ông xuyên linh phải to để cái linh xuyên qua chứ!

Quá trưa một tí, tự nhiên đám rước chùn ứ lại, rần rật, xôn xao cả lên. Chiếc kiệu của bà chúa Đông Ngàn và chiếc kiệu của ông thần Thành Hoàng của làng Tuần Lễ xoay ngang ra, chồm lên phía trước, rồi giật lại phía sau, cuối cùng xông bừa xuống ruộng, chạy vung cả nước lên. Hai chiếc kiệu cứ như say rượu, điên đảo ở giữa cánh đồng, lúa đã gặt rồi. Trên đường hầu hết đám rước, già, trẻ, lớn, bé đều quý mọp xuống đất, mặt đều hướng ra hai chiếc kiệu, lạy như tế sao, miệng khẩn vái, cầu, kêu inh ỏi. Chúng tôi lúc đó cũng xanh cả mắt, sợ quá cũng phải quý xuống theo mọi người. Người ta bảo, ông thần, bà chúa đang tức giận dân làng.

Câu chuyện thứ hai:

Tôi nhớ rõ, lúc ấy khoảng năm 1947, tôi đã lên 9. Quê tôi vẫn còn nằm trong vùng kiểm soát của Việt Minh.

Vào một buổi đó, tôi cùng mấy đứa bạn trốn học theo người ta sang một xã bên cạnh, xem một trận thư hùng của hai con gà chọi nổi tiếng trong khu vực. Thật không may cho tôi, trong khi tôi đang hớn hờ vỗ tay hoan hô một "pha" gay cấn của hai con gà thì bố tôi đi với bác tôi, chợt ghé vào nhìn thấy. Điếng hồn, tôi bỏ đám gà chọi, lủi lẹ; cho đến chiều hôm ấy tôi cũng không dám về nhà. Tôi hiểu rằng, chắc chắn tôi sẽ bị một trận đòn nên thân. Đợi mãi lúc trời đã cập quạng, tôi mới dám mò về phía hồi sau của nhà tôi.

Không ngờ, hôm đó nhà tôi lại có giỗ (tôi chưa biết giỗ ai). Trong nhà, họ hàng, chú bác đến đọc kinh râm ran đầy nhà. Phía sau nhà tôi có một bụi hóp rất rậm dọc theo chiều dài của ngôi nhà. Bụi hóp này là ranh giới giữa nhà tôi và nhà bên cạnh. Một mình tôi cứ lủi thủi, tuy bụng vừa đói vừa sợ bị đòn nhưng vẫn tò mò theo dõi một đàn kiến nghệ đang chuyên đất lên làm tổ ở một cành hóp. Bất chợt, tôi nhìn thấy xác một con rắn to nằm dài, ghếch lên những cành hóp ở giữa bụi. Cái xác rắn dài đến 1 mét rưỡi, hầy con ươn nguyên. Chứng tỏ con rắn vừa mới lột xong. Khoái quá, nhẹ tay, khéo léo lần mò lấy được xác rắn, không hề rách một tí nào. Lòng hí hửng, tay mân mê cái xác rắn. Tôi chợt nghĩ đến bố tôi, có lần, nói chuyện với khách, ông đã ca ngợi xác rắn làm thuốc chữa được rất nhiều thứ bệnh. Vừa có ý nghĩ

để cho bố ngạc nhiên, vừa nghĩ có thể thấy xác rắn to và mới lột như vậy bố sẽ vui; may ra sẽ giảm hay tha cho trận đòn không chừng.

Nghĩ xong, tôi mò đến gian buồng của bố tôi. Qua cửa sổ hé mở, nhìn vào, giường bố tôi nằm ngay sát cửa sổ, đã bỏ màn. Trong màn trống trơn, chắc bố tôi cùng họ hàng đang đọc kinh ở gian nhà khách. Tôi thò tay vào, khẽ kéo màn, đã đập dưới chiếu, cuốn tròn cái xác rắn, luồn đưa vào trong màn, rồi lại đập lại như cũ.

Khi đọc kinh xong, mùi xôi chè nồng lên, xông ra càng làm cho bụng tôi cồn cào. Chắc hẳn trong nhà đang chuẩn bị ăn. Không chịu được, tôi thập thò về phía nhà bếp, gặp ngay bà ngoại. Biết tôi đói, bà giúi cho tôi một nắm xôi và bảo: "hôm nay là ngày giỗ ông nội mày, cứ về bố mày không đánh đâu. Có gì tao xin cho!" Tin bà, nên tôi đã theo bà tôi vào trong nhà, ăn uống với đám trẻ con.

Bố tôi không thích ăn đồ ngọt và nếp, nên kiểu khách vào buồng nằm nghỉ. Bỗng từ trong buồng, bố tôi chạy giổ ra hét hải kê tướng: "rắn, rắn!" Vừa kêu, bố tôi vừa vội vàng ra lấy cái đèn to ở giữa nhà cùng một số đàn ông, xô vào trong buồng. Trong khi, bên ngoài trẻ con và đàn bà nhón nhác, quýnh, dúm người lại. Dưới ánh đèn sáng trưng, trước mắt mọi người, bố tôi lôi từ trong màn ra một cái xác rắn to và dài thuôn, hầy còn ướt. Để giữ muối, chân màn bố tôi đều đập chặt dưới chần và chiếu, cửa màn đóng kín; mới một giờ trước đấy bố tôi ở trong màn ra gian nhà khách để đọc kinh. Vậy con rắn chui vào lối nào để lột? Và khi lột rồi thì con rắn cũng ra lối nào? Khấp chung quanh màn, chiếu vẫn còn đập y nguyên. Một sự lạ trước mắt mà không ai có thể hiểu được, không ai lý giải được. Trong đám khách họ hàng đọc kinh hôm ấy lại có một ông trùm và một ông thầy của nhà xứ.

Lại có một sự việc trùng hợp khá hòa nhịp nữa: bố tôi là một người có võ nghệ mà trong huyện có nhiều người biết. Gần một năm trời, do sự lôi kéo, phỉnh phờ của Việt Minh, bố tôi đã đi huấn luyện võ thuật cho du kích ở nhiều xã trong huyện. Điều này, các Cha và phía bên Công Giáo ở địa phương lúc ấy không thể chấp nhận được. Coi việc làm đó như là một hành động bỏ Chúa, phản giáo để đi theo lũ vô thần, quỷ dữ. Nhưng chẳng hiểu sao, do nguyên nhân nào, hơn một tháng trước, bố tôi bỗng dưng từ bỏ không đi dạy võ cho du kích nữa. Chính vì thêm cái lắt léo này, cho nên ngay buổi tối hôm ấy, câu chuyện ngẫm nhiên trở thành một huyền thoại như sau: "hôm nay là

ngày giỗ bố (ông nội tôi) hiển linh. Bố tôi đã bỏ đạo theo lũ vô thần nên tượng trưng là con rắn. Con rắn đã lột xác để trở về với Thiên Chúa ngay lành, tẩy trừ, gột rửa tội lỗi.”

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ cũng đồn xa, nhưng phép lạ thì còn đồn xa hơn nữa. Một đồn mười, mười đồn trăm, những ngày sau đó rất nhiều người đến xem tại chỗ sự lạ. Cái xác rắn bố tôi đã để trong một cái hộp kính, đặt ngay tại gian nhà giữa nhà khách, cạnh buồng của bố tôi. Bất cứ ai đến cũng được xem tỉ mỉ xác rắn, và vào tận giường bố tôi để quan sát. Có nhiều những ông già, bà cả ở những huyện xa cũng mò đến nơi để được nhìn tận mắt. Thậm chí ngay Cha Xứ cũng xuống xem, rồi rao giảng sự việc ở nhà thờ nữa. Câu chuyện chỉ tự nhiên được thêm một chi tiết: cái xác rắn dài thổng thượt ngay chính giữa chỗ bố tôi nằm, trong khi thực tế thì tôi đã cuộn lại.

Chỉ có tôi, thời gian ấy, đã vô cùng ngạc nhiên; ngạc nhiên đến độ sợ hãi vì câu chuyện đã trở thành nghiêm trọng quá nên tôi không còn dám nói với một ai. Lúc đầu, mục đích chỉ muốn làm quà cho bố tôi để nhẹ trận đòn. Sau thấy diễn tiến của sự việc được nhiều người chú ý thì chỉ thấy mừng vì ông bố đã quên bồng buổi trốn học đi xem chọi gà của tôi. Chứ đâu tôi có ngờ, câu chuyện càng ngày, càng mở rộng ra khắp huyện như vậy.

Rồi thời gian trôi đi, năm 1950, tôi ra Hà Nội; rồi vào Nam cho tới khi lại trở ra Bắc và cho tới bây giờ. Do những đẩy xô, lôi kéo của cuộc đời, tôi chưa có dịp nào để trình bày lại sự thật của sự việc này cho những người của muôn năm cũ ấy. Ngày nay, bố tôi, mẹ tôi đã mất và cả ai còn, ai mất của những ngày ấy. Hẳn rằng, cho tới khi họ nhắm mắt lià đời, lòng họ vẫn sắt đá tin rằng con rắn sau khi lột xong đã biến mất là một sự lạ hiển nhiên, trông thấy, nên họ vẫn tin, như tin có mặt trời vậy.

Thế mà, theo anh Bách, vào cuối năm 1956, sau khi Cộng Sản tiếp quản thủ đô Hà Nội ngày 10/1/1954 theo những thời gian đã ấn định của hội nghị đình chiến Genève. Hơn một năm trời Cộng Sản không hề đá động gì đến các tín ngưỡng của người dân, vì chúng còn bận lo nhiều chuyện khác lớn hơn, khi mới tiếp quản. Lúc này chúng đã nắm chắc mọi vấn đề chính rồi; cũng là lúc chúng đã theo dõi, moi móc, tìm tòi nắm chắc, xếp loại được mọi thành phần của người dân trong tay chúng. Bấy giờ chúng mới mở một chiến dịch rầm rộ đánh phá những cái mà chúng cho là dị đoan, mê tín v.v...trong quần chúng.

Chúng phát động một chiến dịch dài ngày trên khắp miền Bắc, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, nhất là những nơi hẻo lánh, hoang dã giữa rừng sâu.

Như trên đã trình bày, chúng đã chọn, đã lọc ra những loại điển hình đầu sỏ của từng địa phương, từng bản làng.. Những thầy mo, thầy pháp tổ sư nổi danh nhất, đã dạy, đã đào tạo ra bao nhiêu học trò trở thành pháp sư làm ăn ở các địa phương khác. Những loại tổ pháp sư phải có dưới tay hàng chục ngàn âm binh, thiên tướng, khét tiếng linh thiêng, uy quyền như thần, như thánh. Từ thời Pháp thuộc, thời Bảo Đại, quan châu, quan phủ, không một ai dám động đến các thầy, sợ các thầy thư, các thầy ếm âm binh về phá gia cang v.v...Tùy theo từng tỉnh, huyện miền xuôi, hay châu, phủ miền ngược. Cộng Sản chọn những nhân vật nổi tiếng nhất, điển hình nhất, xin mời tất cả các vị về thủ đô Hà Nội, gồm trên dưới 100 người. Những tay tổ nhất về các lãnh vực huyền bí đều không thiếu mặt. Thậm chí, ngay cả các dụng cụ đồ nghề như kiếm, đao, thương, xuyên linh, hình nhân các loại âm binh; cả các loại sách vở tướng số, bùa ngải v.v...đều được đem đi theo với các thầy về Hà Nội.

Cộng Sản để ngay các thầy tại phòng thông tin cũ (trước 1954) gần đền bà Kiệu, trông chèo ra cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, hồ Hoàn Kiếm. Bên ngoài có công an vũ trang canh phòng cẩn mật. Hàng ngày có các cán bộ đến giảng dạy về nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi người phải ra sức nhiệt tình giúp chính phủ gột rửa được những tệ đoan, mê tín trong óc đám quần chúng ít học, ít hiểu biết. Nếu anh nào chị nào (ông già râu bạc, bà già móm mém khi bị bắt, Cộng Sản đều gọi là anh chị) thành khẩn, ăn năn, tự phơi bày những mảnh khốe bịp bợm, thủ đoạn, tâm lý v.v... từ đời này truyền qua đời khác, reo rắc những thần, thánh, ma quái bịp bợm mọi người ra sao, nhà nước sẽ cứu xét tha cho về, làm lại cuộc đời lương thiện với vợ con, bản làng. Ngược lại, anh chi nào ngoan cố, cứ khư khư giữ, giấu cái món bí truyền ấy thì cứ ở đấy mà suy nghĩ.

Thôi thì các cụ, đại đa số đã già lão, yếu đau, trước đây, một bước đều có kẻ hầu, người hạ, một cái giơ tay lăm kẻ nâng đỡ, bây giờ, bị giam ở đây, một mình khổ cực, trăm bề thiếu thốn sao chịu nổi. Hơn nữa, ai cũng thấy bây giờ đã đổi đời rồi, không còn thể bịp thiên hạ mà sống được nữa, không gì bằng, hãy thành khẩn thú thật hết mọi mảnh khốe, thủ đoạn bịp bợm trước đây của mình.

Đến đây, có một chi tiết không thể không nói được, đó là khi nhà cầm quyền Cộng Sản đã nhốt các vị ấy rồi, ngoài những bài học tập, những lời giáo dục ra họ có tuyên bố: nếu ai trong các anh chị cần lấy bất cứ thứ gì ở nhà nơi địa phương, về dụng cụ, về chất liệu để hành nghề, họ sẽ đến lấy cho. Nghĩa là, sẵn sàng tạo giúp cho anh chị nào muốn sai âm binh, thiên tướng, hoặc độn thổ, thăng thiên ra ngoài được thì nhà nước sẽ tha cho. Còn ai không làm được, thì chịu khó ở đây mà ra sức học tập.

Có lẽ, các quý vị tổ sư chẳng nở sai âm binh hại Cộng Sản. Các thầy địa lý, chẳng bỏ xóa long mạch của những tên lãnh tụ Hồ, Đồng, Khu, Giáp. Các ông thần, bà chúa chẳng thèm nói chuyện với Cộng Sản, cho nên các bậc tổ sư, từ đầu bao nhiêu người, thì cuối vẫn còn bấy nhiêu người. Chỉ trừ thiếu đi khi các vị không thể chịu được những cay đắng, lằm than trong ngục tù phải chui về lòng đất thì không kể.

Gần 2 tháng trời, chúng lựa chọn, lọc lõi những bài kiểm điểm, tự thú nói lên sự việc một cách điển hình. Chúng chọn 10 người điển hình nhất, tổ chức một cuộc mít tinh lớn, mời đồng bào các nơi về dự. Mười người điển hình này, lần lượt ra trình bày mọi mảnh khóe, thủ đoạn lừa bịp người khác về các mặt: thầy pháp, lên đồng, đánh đồng cốt, xuyên linh cổ, má; các loại ma xó, ma trành, bùa ngải, thư, ếm.....trong gần 1 tuần lễ trước quần chúng nhân dân.

Sau đó, chúng cho đại đa số các thầy về địa phương quản chế giáo dục tiếp. Ngược lại, còn một số ít, khoảng hơn hai chục người ngoan cố, tìm cách xuyên tạc, che dấu mà Cộng Sản cho là không thể giáo dục được. Thì bị chúng cho đi vào ấp để những người này có điều kiện luyện tiếp âm binh cho thành cao thủ. Riêng phân trại E này có 6 người, mấy năm trước chết mất 2, bây giờ còn 4 người là Quách Cẩm, 72 tuổi ở toán 4. Quác Mơi, 56 tuổi ở toán xẻ. Lồ Phá Chi, 70 tuổi ở toán 5 (toán rau). Đèo Sín Kha, 58 tuổi ở toán 6 nông nghiệp.

Theo anh Bách, trước đây, đôi khi anh em trong trại thường hay hỏi đùa các cụ: "sao các cụ không sai âm binh nó rở hàng rào trại, hoặc bóp cổ hết lũ giám thị, để chúng mình về với vợ con?" Thì các cụ chỉ móm mém cười buồn mà không trả lời. Hiện nay, có thể vì gần cuối đời rồi mà còn bị búa đời phang cho túi bụi, kết hợp với những tủi nhục, đắng cay của cảnh tù đầy đã làm cho cụ nào cũng đỡ dần, lù khù. Riêng Quác Mơi còn tương đối minh mẫn. Họ Quác đối với dân tộc Mường là một trong 4 họ danh giá, thế phiệt nhất. Quác Mơi nổi

tiếng trong trại là người duy nhất thích ăn thạch sùng (mối) sống. Nếu ai bắt được con mối còn sống, có thể đổi được ít thuốc lào với Quách Mơi. Nhiều người khi bắt được con mối, cũng muốn nướng ăn, nhưng lại muốn cho Quách Mơi để được nhìn cách Quách Mơi nuốt con mối. Anh Bách nói, Quách Mơi không phải là nuốt mối, mà ông ta đặt con mối chui đầu vào miệng, rồi bóp mạnh cái đuôi con mối, tự con mối chạy chui xuống dạ dày của ông ta.

Nghe anh Bách nói đến đây, tôi nôn nóng hỏi ngay:

- Thế, có biết Quách Mơi nuốt thạch sùng sống để làm gì không? Hay chỉ vì thiếu chất protéin?

Một lúc lâu, mới nghe anh Bách trả lời:

- Cũng đã có rất nhiều anh em hỏi, nhưng chưa bao giờ Quách Mơi nói lý do. Vì vậy có người đoán, có lẽ âm binh hay ma trành, ma xó trong bụng của Quách Mơi cần ăn thạch sùng sống, hay Quách Mơi đang luyện một món "bí kíp" mới, ai mà biết được.

Đến đây, cũng chưa phải là câu chuyện anh Bách kể làm tôi thích thú, nên ghi mãi trong lòng. Cái chuyện làm tôi thích thú, chỉ vì con mối, tức con thạch sùng của Quách Mơi lại có liên quan đến một câu chuyện buồn cười trong một đoạn đời ấu thơ của tôi.

Ngày xưa xa lắm (cứ nói ngày xưa cho nó có vẻ truyện cổ tích) khi ấy tôi độ 5 - 6 tuổi, nhà bố mẹ tôi thì ở dưới phố huyện. Còn nhà bà nội tôi thì ở mãi trên nhà quê xa lắm, cách nhà bố mẹ tôi đến 6 -7 cây số. Chẳng biết ông nội tôi chết từ khi nào, tôi chỉ thấy một mình bà tôi sống ở một căn nhà 3 gian, chung quanh có vườn, trồng nhiều cây cối.

Cái làng của bà nội tôi thật là nhà quê. Hầu hết dân làng đi chân đất, đàn bà mặc váy mà sau này người ta gọi đùa là quần một ống. Ngay bà tôi cũng chỉ có một đôi guốc đẽo bằng gốc một cây tre già; nó cong cong và cao lênh khênh. Bà tôi chỉ dùng để rửa chân trước khi đi ngủ. Có lẽ bà tôi ở một mình buồn, nên ngay từ khi tôi được 3 -4 tuổi, bà tôi đã bắt tôi về ở với bà. Bà tôi chiều tôi hết ý, nên có rất nhiều chuyện xảy ra trong thời gian này, trong đó có một câu chuyện liên qua đến con thạch sùng.

Như tôi đã nói, tôi khoảng 5 – 6 tuổi, tuy suốt ngày mặc áo, nhưng vẫn cởi truồng. Tôi chỉ có 2 cái quần, một cái quần đùi và một cái quần dài. Tôi chỉ được mặc khi theo bà xuống dưới nhà bố mẹ tôi, hoặc vào những ngày giỗ, Tết. Chính vì tôi cứ ở truồng như vậy, nên la cà, chơi bời thế nào không biết, cứ lâu lâu chim lại bị sao đó, nó sưng, nó ngứa ghê lắm. Càng gãi, càng xoa nó lại càng sưng to, đỏ mọng lên. Mỗi lần tôi bị như thế, bà tôi thường bảo:

- Mà lại bị con “ma mò” nó cắn rồi!

Với đầu óc của tôi thời gian ấy, tôi tưởng tượng ra con “ma mò” nó ghê gớm lắm. Đêm đêm nó thò những cái vòi đỏ choét quấn chặt, rồi cắn tôi. Tôi chỉ biết khóc, năn nỉ bà tôi chữa cho.

Thế rồi bà tôi chuẩn bị chữa cho tôi. Cái khâu đầu tiên là bà tôi phải tìm, rình bắt cho được một con thạch sùng. Có khi bà tôi không tìm ra hay không bắt được, bà tôi phải sang nhà một ông trùm họ (công giáo) tên là Việt ở xóm bên cạnh, nhờ bắt giùm. Khi có con mối rồi, bà tôi vào buồng lấy một cái lọ sành vẫn đựng chừng 2 kg đậu đen để dành cho ngày Tết nấu xôi hay chè. Bà tôi đổ đậu ra một cái thúng con, lấy cái lọ không, rồi bỏ con mối vào trong. Theo bà tôi giải thích, chữa bệnh “ma mò” này chỉ được chữa vào buổi tối mới linh nghiệm. Chờ cho trời tối hẳn, một đồng tro than rạ còn nóng hổi. Bà tôi lấy một đôi đũa cả, đút phía đầu nhọn của đôi đũa vào đồng tro than nóng. Xong rồi, bà tôi bắt tôi ngồi xổm, giơ chim ra. Một tay, bà tôi cầm cái lọ có con thạch sùng ở bên trong; một tay bà tôi dùng đôi đũa cả đã đúi, vùi trong tro nóng. Nhanh nhẹn, bà tôi cứ gắp, vuốt vào chim tôi từ trong ra ngoài, rồi bỏ vào cái lọ. Mỗi lần bà tôi gắp bỏ lọ, miệng bà tôi lại lẩm bẩm:

- Gắp “bống” bỏ lọ này!

Tôi chỉ thấy nóng rát. Nhưng rất kỳ lạ, chỉ “bỏ lọ” chừng vài lần là đỡ ngứa hẳn đi. Nghỉ khoảng một giờ sau, lại gắp bỏ lọ một đợt nữa là khỏi. Khi xong việc, thường thường trời đã tối mịt. Bà tôi còn phải ôm cái lọ, lần mò ra tận ngoài cổng để đổ “ma mò” đi. Theo bà tôi, con thạch sùng nó thích ăn “ma mò” lắm.

Sau này tôi lớn lên, đôi khi nhớ đến việc gắp “bống” bỏ lọ này, tôi thầm nghĩ: đây là một sự mê tín dị rất kỳ khôi! Có thể là do những con mò gà (một loại rận, mạt của gà) do tôi lê la, nghịch ngợm, chơi

bờ; chim thì da non, lữ mát gà này chui vào cắn. Bà tôi dùng đũa cả nóng vuốt, các chú mát dùm người lại rời ra, hay bị chết nóng nên tôi đã khỏi. Chứ chả phải con thạch sùng thích ăn "ma mò".

Đây mới là đoạn tôi thích thú và nhớ mãi những ngày kỷ luật này với anh Bách: tôi cứ tưởng câu chuyện "ma mò" chỉ có riêng tôi bị, và cũng chỉ ở riêng vùng quê tôi mới có mà thôi. Không ngờ, anh Bách sau khi nghe tôi kể lại, cũng nói: khi anh còn nhỏ ở vùng Bắc Ninh, quê anh. Anh cũng bị "ma mò" và cũng chữa tương tự như vậy. Chỉ có hơi khác, anh Bách là do mẹ anh ta chữa, và bà gấp lại bỏ vào một cái túi vải, cũng có con thạch sùng bên trong, và cũng phải đưa ra ngoài ngõ đổ.

Tôi và anh Bách thật không ngờ có một câu chuyện cứ tưởng chỉ riêng mình có, hóa ra lại giống nhau. Tuy chân đang đau buốt rã rời, và bụng đói cào cấu, thế mà anh Bách và tôi đã có thể còn cười thành tiếng được, khi cùng tưởng tượng lại cái cảnh bị gấp "bống" bỏ lọ và bỏ túi ngày ấy.

Một điều thật bất ngờ đối với tôi. Khoảng 1 giờ trưa ngày thứ Năm, kể từ ngày tôi phải vào nhà kỷ luật, đột nhiên cửa nhà kỷ luật loạch xoạch chiếc khóa rồi mở toang. Bây giờ chưa phải là giờ cơm, kèng xuất trại 1 giờ vừa xong. Bởi vậy tôi vội chuẩn bị tinh thần để đón nhận cái bất ngờ, có thể đến với mình. Thoáng bóng tên Cẩn trực trại và tên Thái y tá. Tên Cẩn, mặt rất lạnh lùng, tiến đến trước cái cùm chân của tôi. Y ưỡn người, đứng nghiêm nói nhất gừng:

- Lệnh của ban giám thị, tôi tuyên bố tha cùm anh.

Trong khi tên Cẩn quỳ quả trở ra bên ngoài cửa để rút chốt cùm, tôi bàng hoàng ngăn hẳn người ra. So với những tội của những người đã đi kỷ luật, tôi đinh ninh, chuyển này ít ra cũng nửa tháng hay một tháng. Tên Thái, phụ tôi nhắc cái nửa cùm phía trên, để tôi rút chân ra. Mới chỉ là ngày thứ ba mà tôi đã đứng lên không được. Thái đã đỡ tôi ra hè ngồi đến 5 phút để xoa nắn bắp chân và đôi bàn chân, tôi mới cố gượng đứng lên được. Trong khi tên Cẩn đang khóa cửa nhà kỷ luật, tôi vịn tay tên Thái, quay lại phía trong nói to:

- Tạm biệt anh Bách, giữ gìn sức khỏe nhé!

Tên Cẩn đưa mắt lườm tôi, nhưng tôi lờ đi. Tôi đường hoàng vì nội quy của trại không có điều khoản nào cấm 2 người trao đổi tình người những lúc này. Chính vì thái độ mạnh dạn, không sợ tên Cẩn của tôi, nên tên Thái cũng tỏ vẻ muốn làm thân với tôi. Cụ thể, khi y dẫn tôi đến trước nhà số 3, tên Cẩn đang đi phía trước, tên Thái ghé vào tai tôi thì thào:

- Ông Cẩn định cùm anh lâu, nhưng Hoàng Thanh đã ra lệnh thả anh.

Về đến buồng, tôi vẫn nghĩ mãi, tại sao tên Thái lại có thể biết được tình tiết như vậy? Còn Hoàng Thanh? Dù tôi mới chỉ gặp y một lần, nhưng tôi cũng đã hiểu, y không phải là loại người thấp kém. Với con mắt tinh tế của y, tôi tin rằng y đã nhìn được tôi không phải là loại người mua bằng uy quyền và lợi lộc. Nếu mục đích y dùng ân huệ thả cùm này để mua tôi thì y đã có tài làm cho tôi nhìn sai lệch về y. Vậy y tha cùm tôi nằm trên ý đồ nào? Thời gian sẽ cho phép tôi hiểu rõ.

Việc tôi được tha cùm sớm như vậy, cũng làm cho anh em trong trại bàn tán không ít. Tên trật tự Tân và tên Thái y tá thấy rằng, sơn của chúng không ăn được mặt tôi nên chúng cũng không làm gì quá đáng để tôi phải khó xử cả. Cụ thể mấy lần, khi toán 2 về cổng trại, tên Tân khám nắn từng người. Lục soát những đồ nội quy cấm không được mang vào trại. Ba bốn cái đóm nửa trong người y cũng lòi ra. Bởi vì theo quy định, mỗi phạm nhân, mỗi ngày chỉ được đưa vào trại 1 cái đóm để hút thuốc lào đêm mà thôi. Nhưng khi y khám đến tôi, cả một bó đóm gần một chục cái, tôi dặt trong lưng áo. Y sờ thấy, y chỉ nhìn tôi một cái như ý nói: "tôi thấy rồi" mà không lấy bó đóm ra. Như vậy tôi cũng phải biết điều, không nên căng quá với y nữa.

Do tôi được thả cùm sớm, một số anh em chưa hoặc ít tiếp xúc với tôi, họ đều nhìn tôi bằng ánh mắt dè dặt, nghi ngờ. Ngược lại, những người mà tôi đã qua lại tiếp xúc nhiều, đã hiểu tôi, họ lại càng quý mến tôi hơn như Lê Sơn, Quý Cụt, Vân, Thú, nhóm Nông Quốc Hải, bác Lắm v.v...

Một việc đã làm tôi rất xúc động. Tôi rất ngại ngần, giằng co không muốn viết ra nhưng suốt đời không thể quên được. Một buổi trưa, hơn một tuần lễ sau khi tôi được tha cùm. Lầu Phá Tra và Lồ Cao Chính, hai anh là người dân tộc, có thể họ đã theo dõi, để ý tôi từ trước mà tôi không biết. Họ kéo tay tôi, ra hiệu đi theo họ về phía sau của ngôi nhà số 3. Chỗ này có một bụi nửa che một góc khuất tương đối kín

đáo với mọi hướng. Hai anh chẳng nói năng gì, vẻ mặt đầy xúc động, thành khẩn. Mỗi anh cầm một tay của tôi, cùng cúi xuống hôn rồi đặt tay tôi lên đầu của họ. Lầu Phá Tra nói chưa sôi tiếng kinh:

- Anh Bình, chúng tôi thích anh lắm! Sau này anh ở đâu, lúc nào anh gọi, chúng tôi sẽ đi theo anh suốt đời.

Thật bất ngờ, nên tôi bàng hoàng xúc động, không nói lên lời. Tôi đâu được xứng đáng để họ đặt lòng tin yêu như vậy? Dù vậy tôi cũng thân thiết cầm bàn tay họ và nhìn họ với màu mắt của những người cùng đi một hướng. Tôi hiểu lòng họ thật chất phác, đầy ắp thủy chung, nhưng để phòng hờ tôi vẫn dặn họ không được nói sự việc này với những người khác. Những ngày tới, tôi sẽ nói chuyện tiếp với họ.

Khi về buồng cũng như đêm hôm ấy, tôi vẫn suy nghĩ về họ nhiều. Những người này, tôi chưa hề chuyện trò hay quan hệ nhiều với họ. Họ chỉ nhìn tôi qua con người và những hành động, sinh hoạt hàng ngày, mà họ tin tôi như vậy. Tiền bạc, uy quyền có thể mua được nghĩa tình này đâu. Tuy sau đây tôi còn nhiều vấn đề với các anh, nhưng việc làm này của các anh đã làm lòng tôi khắc khoải không thôi. Những nỗi niềm vui đầy tràn ứa bao nét hỏ lòng.

Trưa hôm qua, lại có điều kiện nói chuyện lâu với Vân ở hội trường. Vân tỏ ra rất tán đồng việc tôi đánh tên Tân. Theo Vân, nó sẽ bớt hống hách, áp bức những người tù kém tài, yếu thế. Vân cho tôi xem hơn một chục tấm ảnh gia đình của bà chị tên là Phan Thị Hồng Ngọc hay Diễm Ngọc ở Pháp gửi cho. Nhìn những tấm hình, dù chỉ là một góc cạnh của một gia đình, nhưng cũng ánh lên những cảnh đời tưng bừng, tươi sáng đầy sắc hương của tự do và tình người.

Qua những tấm hình này, tôi đã là người xưa của phương trời tự do bên ấy mà vẫn còn thấy man mác, băng khuâng thì hỏi rằng những người mà suốt đời chưa hề nhìn thấy một chiếc ô tô, chưa nhìn thấy một chiếc cravate, họ sẽ suy nghĩ thế nào? Bởi thế, ngay khi Vân được nhận ảnh, ông Toán chánh giám thị đã căn dặn anh, không được cho nhiều người xem. Vân còn nói, thỉnh thoảng bà chị vẫn gửi cho mỗi lần 5 -6 trăm francs đến thẳng bộ công an. Nhưng do điều kiện ở trong tù, mỗi tháng chỉ cho tiêu vài chục francs. Vài chục này đổi ra tiền Việt cũng hơn một chục bạc chứ ít ỏi gì, cho nên hiện nay trong trại Vân là tay tư bản kịch xù nhất. Một tháng hoặc đôi ba tháng, trại thông báo bán bánh sẵn và thuốc lào. Bánh làm bằng bột sẵn, ở giữa có tí mật

trộn với khoai lang làm nhân; bánh nướng rỗi, mỗi chiếc cân nặng 1 lạng, giá mỗi chiếc 2 hào. Nhiều người chả bao giờ có tiền mua đã đành. Những người có tiền cũng chỉ mua 1 cái, 2 cái, cao nhất 5 cái là cùng, thế mà Vân mua cả 2 -3 chục cái. Đôi khi Vân thích ai, gọi vào cho họ một cái.

Phải nói trong trại E, Vân có một điều kiện riêng biệt duy nhất. Vân được như vậy, một phần do những điều kiện chủ quan. Phần khách quan hỗ trợ, theo Vân là ông Toán, thiếu tá giám thị trưởng của trại trung ương số I, ông ta cũng chột một mắt như Vân, trong chiến tranh 9 năm chống Pháp. Tuy khác nhau ở hai trận tuyến đối đầu, nhưng lại giống nhau ở chỗ cùng chột một mắt; nên ông ta có nhiều thiện cảm với Vân. Và lại, Vân chỉ là một phi công đơn thuần, nên ông ta cũng không phải e ngại bị gán ghép là lệch lạc tư tưởng.

Một điều rất đặc biệt, có thể do nhiều ngày tâm sự, đổi trao nên Vân đã hiểu tôi. Hôm nay bất ngờ Vân cho tôi biết một việc tương đối nghiêm sâu. Hơn một tuần trước ngày tôi đến trại, Vân đã được cán bộ giáo dục gọi lên báo cho biết: mười ngày nữa, sẽ có một người tù đến trại, tên này tư tưởng rất phức tạp, lại có kiến thức. Vân có trách nhiệm chuyện trò, tâm sự để tìm hiểu tư tưởng của tên tù đó là tôi. Bởi thế, chẳng phải ngẫu nhiên, mà tôi đã được sắp xếp từ trước cho nằm cạnh Vân.

Nghe Vân chân thành thổ lộ, tôi đã mở mắt to chăm chăm nhìn Vân. Đây là một vấn đề thật rộng, thật nhiều nghĩa. Đành rằng, ngay từ ngày đầu tôi đến trại, thấy nằm cạnh Phan Thanh Vân, kết hợp với những điều tôi đã biết về Vân ở dưới Hỏa Lò. Tôi đã hiểu, nằm cạnh Phan Thanh Vân là có vấn đề. Nhưng quan điểm của tôi đã có từ trước, như một phương châm xử thế, một hành trang luôn luôn mang theo mình trên đường đi tới. Đó là, đường của mình đang tiến bước có ưu thế hơn hẳn kẻ thù là nhân bản, tự do và thắm đượm tình người. Mình đã có cái ưu thế thực tế tuyệt đối này, tôi lại tự tin ở khả năng biết vận dụng, phát huy cái tinh túy, cái bản chất của thực tế đó. Bởi vậy, đối với người bị hỏa mù, lệch lạc tư tưởng làm tay sai, làm lợi cho kẻ thù. Hoặc ngay với chính kẻ thù đi nữa, mà tôi phải hay được tiếp xúc, tôi tin tưởng mãnh liệt là họ sẽ phải ngã theo sự thật. Chỉ vì cứ riêng sự thật không thôi, bản thân nó đã có lời cuốn, thuyết phục đáng kể rồi. Nếu biết vận dụng nó chính xác về thời gian, không gian và điều kiện thì không một ai cưỡng nổi. Sau này có nhiều chuyện thực tế minh chứng.

Không phải đơn giản để Vân nói thực với tôi. Điều chắc chắn Vân đã phải hiểu rằng, tôi đã hiểu điều kiện và cái thế của Vân, phải tỏ ra, phải đóng cái vai là người cải tạo tiến bộ. Tôi cũng hiểu nữa rằng, trong cái giai đoạn tối tăm, đầy lừa lọc, phản trắc ở trong tù lúc này; đối với hầu hết mọi người, Vân vẫn khăng khăng đứng ở vị trí của một người thích Cộng Sản. Vân không cần bận khoăn, họ sẽ nhìn về Vân như thế nào.

Chỉ gần 2 tháng trời tôi đến trại, tôi sống chân thành. Sự chân thành toát ra từ một sức mạnh tiềm ẩn trong ý chí; đủ uy lực làm tan hết những ngại ngần, dè dặt, bận khoăn trong lòng Vân. Vân cũng hiểu rằng, nếu tôi báo cáo với Cộng Sản là Vân đã thú thực với tôi là được cán bộ giao cho nhiệm vụ theo dõi tư tưởng của tôi, thì Vân sẽ thiệt hại như thế nào, khi Vân vẫn còn nằm trong bàn tay của chúng. Vậy chỉ cần còn một chút bận khoăn thôi, thì Vân cũng không dại gì nói thật điều đó với tôi. Hơn nữa, Vân lại không phải là một người không tinh tế.

Tóm lại, qua sự việc này, tôi cũng biết rõ thêm là Cộng Sản đã đánh giá tư tưởng của tôi còn phức tạp. Nghĩa là chúng chưa thể kết luận tư tưởng của tôi ở hướng này hay ở hướng kia, sau hơn 6 năm tôi đã nằm trong tay chúng.

Vân cũng hỏi ý kiến tôi, vì lúc này Vân đang lo lắng, không hiểu Cộng Sản có thả Vân ra đúng hạn kỳ, của tòa án hay không? Vân đã nhìn thấy hầu hết những tù nhân hiện nay đang ở trong trại: án tập trung 3 năm gọi là "án dây chun" thì không kể, ngay những người có án 5 năm, 7 hay 10 năm mà tòa án Cộng Sản đã xử công khai đảng hoàng, hết án lại bị chuyển sang lệnh tập trung cải tạo. Và những người bị tập trung cải tạo 3 năm, đã ở thành 2 lệnh, 2 lệnh. Thậm chí, nhiều người đã ở đến 4 lệnh rồi như anh Hàm, anh Hiến (tu sĩ), Phùng Văn Tại, Thành Xuân Yên (phản tuyên truyền) đang ở ngay toán 2, vẫn chưa được nói động gì đến, là tù nữa hay tha cả. Nghĩa là những người này tù từ khi bắt đầu có chính sách tập trung cải tạo. Đã nhiều lần trước, cứ gần đến ngày hết hạn 3 năm, có anh nào dũng cảm, dám hỏi cán bộ là hết hạn tập trung rồi, sao tôi chưa được về? Thì luôn luôn được cán bộ trả lời với nội dung: chính sách cải tạo của đảng và nhà nước là cải tạo một người có tư tưởng xấu, tư tưởng phản động, trụy lạc, bóc lột trở thành người tốt. Vậy anh đã tốt chưa? Đến đây, ai cũng hiểu tư tưởng thì vô hình, làm sao để biết được xấu hay tốt. Và lại, một con người mà bị bối, tìm thì ai mà chẳng có cái không tốt? Tóm lại, đây chỉ

là một cái “chốt” để Cộng Sản muốn giam hay thả là tùy theo họ, chứ không phải do người tù cải tạo tốt hay xấu.

Vậy thắc mắc hay hỏi cán bộ, đều không giải quyết được mà còn bị quy thêm cho cái tội: “tư tưởng còn ngoan cố, không tin đảng, dám thắc mắc với đảng.” Bởi thế, bây giờ ai cũng ngậm miệng dù hết án hay hết hạn tập trung. Vân đã nhìn thấy hết như vậy, cho nên làm sao mà yên lòng được!

Dù sự hiểu biết của tôi về sự nham hiểm dã man, đầy thủ đoạn của Cộng Sản trong lĩnh vực giam giữ và trị người chưa nhiều, hãy còn nhiều hạn chế, nhưng riêng trong trường hợp của Vân, tôi đã nhìn thấy một cách vững vàng: “chúng sẽ phải thả Vân ra đúng với hạn kỳ của án xử. Tôi đưa ra những yếu tố cụ thể với Vân:

- Vụ án của Vân đã được viết lại và xuất bản thành sách, có nhiều công luận biết đến.

- Trong bức màn sắt, nội bất xuất, ngoại bất nhập, chỗ của chủ nghĩa Cộng Sản độc tài, khát máu đàn áp, tiêu diệt những gì phi Cộng Sản; bên ngoài, không ai biết hoặc chỉ biết mơ hồ. Những chuyện của Vân có người chị ruột ở Pháp, Cộng Sản đã cho liên lạc gửi tiền, thư. Chúng nó đang rất cần dư luận ở Pháp để tuyên truyền bịp bợm với thế giới.

- Vân chỉ là một phi công đơn thuần, không hề được đào tạo về nghiệp vụ tình báo.

- Gia đình không có nợ máu, đối kháng với Cộng Sản.

Xét kỹ, tha Vân đúng kỳ hạn, chúng sẽ có lợi hơn nhiều lần là giữ Vân. Do đấy, có thể trong điều kiện chiến tranh như hiện nay, chúng sẽ không thả ai dù hết án, nhưng chúng sẽ thả Vân. Tất nhiên, trong hoàn cảnh đất nước chia đôi. Chả bao giờ chúng lại thả Vân về miền Nam hay sang Pháp, mà chúng sẽ đặt một hình thức giam lỏng, ở một địa phương nào đó. Và lại, với điều kiện quản lý người dân ở miền Bắc lúc này, tha Vân thì cũng như đem từ cái lồng nhỏ, bỏ ra cái lồng lớn mà thôi.

Vân ngồi nghe tôi trình bày những ý kiến như thế, mặt sáng dần rồi tươi hẳn lên. Niềm lắng lo đang nặng trĩu trong lòng Vân, hình như

được với hẳn. Tôi hiểu rằng, thông thường “việc người thì sáng, còn việc mình thì quáng”. Chẳng phải là Vân không nhìn thấy và hiểu như vậy, nhưng đôi khi sự việc của chính mình, lại không nhìn ra; trong khi người ngoài nhìn vào thì lại rất rõ.

Tôi ngồi nhìn Vân đang chum môi thả một làn khói thuốc xám xịt, nhỏ tí, ngồng ngoè, tan loãng dần vào ánh nắng Xuân đã ngả chiều. Mắt Vân đang lơ đãng nhìn vươn ra phía bên ngoài hàng rào nửa về một phương trời xa xôi. Hẳn rằng Vân đang vẩn vút thả hồn về những cảnh đời ngày mai khi được thả ra ngoài trại giam. Hình ảnh ấy của Vân cũng làm cho lòng tôi băng khuâng, chạnh nhớ đến cái đời riêng của mình còn đương mò mẫm trong con đường tăm tối dài lê thê biết đâu là cùng. Một tiếng thở dài được nén chặt trong lồng ngực đang rỉ dần ra.

Hồn tôi còn đang thả vào cõi bồng bênh ngược xuôi, mắt tôi chợt nhìn xuống một bàn chân của Vân. Một ngón út bị cụt sát đến bàn chân, kéo theo một cái sẹo dài ngồng ngoè trên mu bàn chân. Tôi liên tưởng đến câu chuyện còn bỏ dở lần trước, do đấy tôi lôi hồn Vân về thực tại:

- Ô, ngón chân út của Vân bị cụt từ hồi nào thế?

Tôi vừa hỏi, vừa chỉ vào bàn chân có cái ngón cụt. Vân qua lại tôi cười, môi dưới hơi dề xuống nên cái miệng méo hẳn đi:

- Bị cụt ngay hôm máy bay rớt!

Rồi như một nỗi niềm đã chìm lắng trong đáy lòng được khơi dậy, Vân sôi nổi hẳn lên:

- Bình có biết không? Suốt từ ngày máy bay bị bắn rớt cho tới nay đã gần 7 năm rồi, mà tôi vẫn còn lạ lẫm về cái ngón chân cụt này. Tôi ngạc nhiên vì không thể suy đoán được tại sao nó bị cụt? Tôi nhớ lại, hôm đó họ khênh tôi về, đặt trên một cái sân gạch của hợp tác xã thì phải. Rồi có lẽ thấy tôi bị thương tứ tung, máu ra nhiều quá, nên họ cho cáng tôi lên ngay nhà thương của tỉnh. Lúc này tôi đã hơi tỉnh, sau khi được băng bó tạm thời. Tôi được biết cả một tròng mắt của tôi bị lòi ra nên họ đã cắt rồi. Mặt, tay, mình mấy nhiều vết thương. Riêng về chân tôi, theo bác sĩ và y tá ở đó, họ cũng ngạc nhiên. Bởi vì khi khênh tôi đến bệnh xá tỉnh thì 2 chân tôi vẫn đi giày, đến đấy, họ chỉ

chú trọng chữa, xúc thuốc, buộc băng những vết thương ở mặt và tay thôi. Cho tới khi họ tháo đôi giày ra thì một chân của tôi be bét những máu và ngón chân út đã bị đứt rời ra. Cái lạ là đôi giày vẫn còn nguyên. Chính tôi, khi tỉnh hẳn vẫn còn được họ cho xem đôi giày, trước khi đưa về phòng lưu trữ tài liệu, chứng cứ để ra tòa xử sau này. Vân tóm tắt cho tôi biết sơ lược như sau:

Khi máy bay bị bắn rơi đã bị đứt ra làm đôi, nửa đầu bị cắm ngập xuống một thửa ruộng cói. Còn nửa dưới thì nằm chổng kỉnh cũng trên một thửa ruộng cói khác ở cách đây hơn 300 thước. Xác chết, người bị thương, vật dụng văng vãi, rải rác tứ tung trong một đường kính hơn một cây số. Những người chết không kể, ai còn sống sót cũng đều bị thương. Thiếu úy Khánh bị thương nặng nhất, vì vậy cho tới ngày ra tòa, Khánh vẫn không thể ra được. Bởi thế, phiên tòa xử chỉ có Vân, Đinh Văn Khoa và Phạm Văn Đăng mà thôi.

Lắng nghe Phan Thanh Vân kể sự việc của anh, tôi thấy rõ anh là phi công trưởng, còn trung úy Thích là phụ. Ngược lại, trong cuốn "C47" điệp vụ xâm nhập miền Bắc mà Cộng Sản đã xuất bản thì trung úy Thích là phi công chính, Vân là phi công phụ. Điều thắc mắc này, tôi đem ra hỏi thì Vân hơi cúi đầu, trả lời hơi chút ngập ngừng:

- Đăng nào anh Thích cũng chết rồi. Tôi nghĩ khai như vậy, tôi sẽ nhẹ tội hơn.

Nghe Vân trả lời như vậy, tôi chưa thể thỏa mãn nên hỏi tiếp:

- Ồ, làm sao được! Chấp pháp hỏi cung có phải tay mơ đâu, còn các anh Khoa, Đăng nữa. Chúng là mọt hay sao mà chúng lại không biết khai thác những mâu thuẫn, riêng biệt từng người?

Vân nói nhỏ hẳn lại, khi thoáng thấy bóng một anh toán 5 đi qua:

- Thực ra vấn đề chính hay phụ không quan trọng lắm; vả lại, khi bàn giao nhiệm vụ này chỉ có anh Yên, anh Khánh, anh Thích và tôi. Anh Yên, anh Thích đã chết, anh Khánh lại còn không nói được nữa nên tôi mới qua mặt chúng được một chuyện nhỏ đó chứ tôi thừa nhận, chấp pháp họ tra hỏi, khai thác, không thể hoặc rất khó dấu diếm gì được họ.

Ngồi nghe Vân nói đến đây, tôi chợt nhớ lại Đinh Như Khoa, điệp viên bị kết án 15 năm. Đầu năm 1962, một buổi ra Cấp để phơi nắng với Hoàng Công An, tôi mở radio bắt đài miền Bắc nên đã nghe được buổi xử, vì vậy tôi hỏi Vân:

- Còn anh Đinh Như Khoa, hiện giờ Vân có biết ở trại giam nào không? Anh Đăng nữa?

Nghe tôi hỏi thế, Vân lắc đầu quày quạy trả lời:

- Riêng về Đinh Như Khoa, sau ngày xử tôi không hề biết ở đâu. Trường hợp Phạm Văn Đăng, thợ máy bị kết án nhẹ nhất là 5 năm. Hai năm trước, một buổi tôi được gặp một ông cán bộ của bộ, từ Hà Nội lên đây để hỏi lại tôi một số việc. Để thăm dò về ngày hết án của tôi, tôi có hỏi về Đăng thì được biết: hơn 3 năm sau kể từ buổi xử án, Đăng vì quá yếu sức nên bị bệnh và đã chết rồi.

Khách Yêu Hoa

Hôm nay là Chủ Nhật, một Chủ Nhật không phải đi lao động xã hội chủ nghĩa vinh quang. Nhưng không đi lao động thì không có ăn sáng. Quen mỗi buổi sáng có mấy mẫu sắn nhét vào dạ dày, hôm nay phải nhịn teo nên ai cũng bài hoại, rã rời. Hầu hết mọi người, sau khi chờ cán bộ vào điểm số xong, đều nằm trở lại, để ngâm dấm với cái bao tử rỗng. Cho nên lâu lâu có một Chủ Nhật được nghỉ lao động thì vui thật; nhưng cái bụng lại bị lép kẹp thì chẳng còn vui mấy.

Tôi cũng nằm rán cho hồn bông bênh một lúc. Chợt nhớ hôm nay sẽ gặp Lê Văn Kinh để biết sơ lược về vụ án người nhái ở sông Gianh, tôi bò nhồm dậy, xuống giếng rửa mặt.

Ánh nắng sớm, đã nhuộm vàng mấy ngọn nứa phía cuối sân. Nền trời xanh thẳm, cao ngất. Chéo phía tây, những lớp mây trắng đục hình vảy cá, xếp đều đặn trông như một cái tổ ong khổng lồ. Phía trên của lớp mây ửng lên, vàng chóa như viền của những chong đèn cù trong ngày hội. Cây rừng yên ả không một làn gió, vài chiếc lá nứa mỏng dính, nhẹ ngút ngất, đong đưa càng nói lên cái êm ả của một buổi sớm trong rừng già.

Ngoài sân, trong hội trường, đây đó cũng có vài bóng người. Hẳn cũng như tôi, muốn gửi hồn vào thiên nhiên vắng lặng của buổi sớm mai trong ngục tù. Những màu sắc rực rỡ tươi rói dưới nắng Xuân của mấy bông bách hợp đã kéo tôi lại bên luống hoa trước ngôi nhà số I. Một cây thước dượt ngay ở đầu luống chỉ chừng tuổi mười sáu, có một chiếc nụ còn buộc kín, trên đầu hơi loe, thò ra một giải con con màu tím xậm băng trinh. Bên cạnh là một đóa hoa đến thì nở rộ, vươn cao. Những cánh hoa nhung mượt, tím ngắt, hơi hớ, e ấp còn ngậm mấy giọt sương đêm, dáng dấp như một cô tiểu thư đài các, trâm anh đang đứng cạnh mấy nàng thôn nữ cúc vàng đại đóa phía bên trong.

Một con bướm cánh vàng hoe, thân và đầu đen thẫm, là lơ rời bông hoa bách hợp kếp để sà đến cô nàng thước dượt đang lắc lư đợi chờ. Cái mùi thanh thanh ngòn ngọt của thể phiệt trâm anh quện chặt vào cái mùi nồng nồng, ngầy ngậy của mộc mạc thôn dã phả dài vào ánh nắng Xuân. Hồn tôi ngất ngây, quên cả thực tại đến nỗi, đã rí ra mấy câu thơ cóc nhậy:

Muôn hồng ngàn tía, sắc hoa tươi,

Nhún nhẩy, đơng đưạ mím miệng cười.

Tôi còn đang thả hồn chìm lắng vào một trời sắc hương thì một giọng nói đanh và ấm cất lên ngay phía sau lưng đã làm tôi tỉnh hẳn một giấc mộng ngày:

- Trong mấy luống hoa này, anh thích loại hoa nào nhất?

Tôi quay lại, hơi điếng hồn! Tôi không thể ngờ vì đó là Hoàng Thanh, ông ta mím cười với tôi. Mắt tôi còn kịp thấy nhiều người ở những cửa buồng, và ở phía xa xa đang nhìn về phía tôi và Hoàng Thanh. Ngay đầu luống hoa nhà số II, từ nãy có 2 -3 người đứng cũng đã lủi đi mất.

Sau một giây bàng hoàng lúc đầu, vì tôi không thể nghĩ Hoàng Thanh lại vào trại ngay buổi sáng sớm ngày Chủ Nhật như thế này. Tôi lại liên tưởng đến cái ngày ông ta thả cùm tôi hơn nửa tháng trước, vì vậy tôi cũng mím cười, gật đầu chào ông ta. Hoàng Thanh, nhìn như không cần chú ý vào nét ngỡ ngàng của tôi, ông ta hất hàm vào luống hoa và nhắc lại câu hỏi khi nãy.

Trong lòng tôi thực sự cũng hơi chờn, vì dù sao thì y cũng là một tên hung thần ác ôn. Tôi định tìm một thể rút lui để tránh vạ là hơn, nhưng nhìn mặt y lúc này rõ ràng cởi mở, không có mùi sát khí. Tôi tự nghĩ, thì mình cứ nói chuyện đàng hoàng đã sao. Nghĩ thế, tôi ung dung trả lời:

- Thưa ông, mặc dù mấy bông hồng và vạn thiên kim đẹp thật, nhưng tôi vẫn thích thược dược hơn. Cái đẹp của nó có vẻ khép kín, khiêm tốn.

Mắt Hoàng Thanh sáng lên long lanh, đầu y gật gật, nét vui lộ hẳn ra mặt:

- Riêng về điểm này, sao anh lại giống tôi thế!

Rồi như ý tưởng của y được khơi dậy, y vồn vã kể lại cái ngày y được cử đi học ở bên Trung Quốc. Vì thích hoa, ngày Chủ Nhật, y đã đạp xe đạp hơn 20 cây số để thăm một cái trại hoa khổng lồ ở ngoại ô Bắc Kinh. Y kể, tả lại bao nhiêu loại hoa hiếm quý; rồi những buổi, y đi thăm những vườn hoa ở Ngọc Hà, Hà Nội v.v... Khi có kẻ "đồng thanh tương ứng" đã làm cho tôi say sưa cũng kể và tả lại những vườn hoa

trác tuyệt của Đà Lạt mộng mơ mà tôi đã có dịp đến thăm khi mới di cư vào Nam.

Từ những chuyện chuyên đề về hoa, khi đề cập tới cái cao quý của bông sen, tôi liên tưởng tới những bộ hoa tứ bình. Hoàng Thanh thấy tôi nói về tứ bình, y chặn lại hỏi ngay:

- Anh có hiểu nhiều về những bức họa của Việt Nam và Trung Quốc không?

Tôi hơi chột dạ, vẻ ngượng ngập lúng túng lộ ra:

- Thưa ông, về lãnh vực hội họa thì tôi chả biết gì cả. Tôi chỉ thấy một bức tranh đẹp thì thích ngắm nghía chứ tôi chả hiểu xuất xứ, nội dung của nó. Tôi chỉ biết mấy bộ tứ bình, vì hồi tôi còn ở trong Nam, tôi có một người bạn vong niên làm sơn mài. Anh đã chỉ cho tôi biết mấy bộ như: Cúc, Trúc, Lan, Mai và một bộ nữa là: Liên, Áp, Lộc, Tùng, Mai Điểu, Trúc Tước.

Y quay lại hỏi tôi như khảo bài:

- Thế, anh có biết những bộ đó thuộc về thời nào không?

Thật mình đã dốt, lại cứ muốn tỏ ra ta hiểu biết nên đã thò đuôi ra cho y nắm:

- Thưa ông tôi không biết!

Hoàng Thanh coi như cái kém cỏi của tôi là đương nhiên, dù tôi đã 30 tuổi đời nhưng đã có 6 năm nằm trong ngục tối. Bởi vậy, y nói như giải thích:

- Hai bộ đó thuộc đời Đường!

Rồi một phần vì đang say sưa trong câu chuyện, phần khác, cũng muốn khoe cái hiểu biết của mình, y niềm nở hỏi tôi:

- Anh có bao giờ nghe nói về "bát cảnh danh họa" của Trung Quốc chưa?

Phần vì cũng hơi tò mò, phần nữa cũng muốn "đắc nhân tâm" làm cho y vui lòng nên tôi lắc đầu, mắt mở to háo hức chờ đón. Hình như

tôi đã gãi đúng chỗ ngứa của y. Y quay lại dựa hẳn vào chiếc hàng rào nửa của luống hoa. Rồi như y chuẩn bị để tôi có thể tiếp nhận hết được những ý nghĩa tinh túy của những bức họa, y nói:

- Như anh đã biết đấy, trong cuộc đời cái gì vui thì thường hay nông cạn, không có chiều sâu, người ta dễ quên đi. Bởi vậy, những tác phẩm bất hủ của loài người thường có nội dung buồn. Nỗi buồn nó mới gặm nhấm lòng người da diết. Sau mỗi khi y nói tên một bức họa, y lại vừa như giải thích vừa như bình phẩm như sau:

1/ Tiêu Tương dạ vũ.

Đêm khuya mà mưa dầm trên sông Tiêu Tương thì thật buồn.

2/ Yên tự văn chung.

Tiếng chuông thu không trong một ngôi chùa vắng thì buồn ơ là buồn.

3/ Giang Thiên mộ tuyết.

Một nấm mộ hoang, tuyết phủ bên một giòng sông tịch mịch.

4/ Ngư thôn tịch chiếu.

Một xóm chài lưới đầu ghềnh phản chiếu ánh chiều tà vắng lặng.

5/ Sơn thị tình lam.

Một cái chợ trên miền sơn cước; chiều tàn, dăm chiếc lều xiêu vẹo, vài bóng người trên sườn đồi.

6/ Viễn phố quy phàm.

Một cánh buồm trôi về bến xa vời giữa cảnh trời nước mênh mông.

7/ Bình sa lạc nhạn.

Trên bãi biển chiều vắng lặn, một cánh nhạn lẻ loi lạc đàn.

8/ Động Đình Thu nguyệt.

Trăng thu trên hồ Động Đình. Tĩnh lặng chỉ có tiếng cú kêu lẫn vào tiếng gió ngàn.

Theo Hoàng Thanh, cũng vào lần đi học ở Trung Quốc 1957, y đã gặp một họa sĩ già đang bị nhà nước Trung Quốc quản chế ở Quế Sơn đã cho y biết. Bây giờ đã là năm 1968. Như vậy đã 11 năm, mà y còn nhớ rành rọt như nhớ một bài học thuộc lòng.

Tôi và Hoàng Thanh đứng cạnh luống hoa trước ngôi nhà số I cứ miên man chuyện trò cho tới khi keng bom ở cổng rổn vang lên, báo hiệu giờ lấy cơm trưa. Cả y và tôi đều choàng tỉnh, không ngờ thời gian lại đi mau như vậy. Lúc đầu còn nói chuyện hoa, sau ra chuyện họa, mà họa thật. Ngay từ buổi chiều hôm ấy, rất nhiều anh em trong trại đã nhìn tôi bằng ánh mắt lạnh lùng, khinh khỉnh. Cả Lê Sơn, Quý Cụt, Nguyễn Huy Lân v.v... họ cũng có thái độ lạnh lùng với tôi. Tôi thật buồn, làm thế nào để thanh minh được? May, chỉ có bác Lãm và Vân mới thông cảm với tôi. Mấy ngày sau, bác Lãm đã gặp riêng tôi, hỏi về buồn trách:

- Sao Bình lại chuyện trò vui vẻ với Hoàng Thanh như bạn về thân thiết thế? Bình có biết rằng nó đã giết chết bao nhiêu người của chúng ta rồi không?

Tôi cũng buồn, trả lời bác Lãm, đây là một chuyện hoàn toàn vô tình. Hơn nữa, theo sự suy nghĩ và quan điểm của tôi lúc ấy: dù có phải giết nhau, nhưng chúng ta vẫn có thể lịch sự với nhau. Điều đó chỉ chứng tỏ lòng mình, lập trường của mình đã được tôi luyện vững chắc rồi. Tuy thái độ lịch sự, lời nói mềm mỏng nhưng nó có thép ở trong. Tuy thế, tôi cũng đã thấy khuyết điểm của tôi. Tôi nhìn nhận, đó là bài học cho tôi.

Theo quan điểm của đại đa số anh em tù giai đoạn ấy là không bao giờ được cười cợt, đùa bỡn với kẻ thù. Thái độ phải nghiêm chỉnh, lạnh lùng khi phải tiếp xúc với cán bộ. Tôi là người ít nhiều có nghiệp vụ để hoạt động chính trị. Tôi hiểu rằng, đôi khi để đạt được mục đích tối hậu, có nhiều khi phải để quần chúng hiểu lầm mình. Nhưng phương cách ấy, ở đây, lúc này không thích hợp. Tuy vậy, sự thật trước hay sau bao giờ cũng chỉ có một. Bởi vậy, những ngày sau đó, anh em cũng đã dần dần hiểu ra nên đã trở lại bình thường, chỉ có riêng tôi vẫn phải suy nghĩ về Hoàng Thanh. Tôi vẫn chưa trả lời được vì sao, y đã tha cùm cho tôi, và vì sao y có vẻ có thiện cảm với tôi? Suy nghĩ

hướng nào cũng có mâu thuẫn, chỉ có thể tạm chấp nhận cái lý, tình cảm riêng tư đặc biệt của mỗi người, mà nhiều khi chính người đó cũng không lý giải được. Mặc dù cùng gặp một lúc, chưa hề tiếp chuyện nhưng tôi lại ưa người này, mà lại không ưa những người kia, làm sao mà giải lý? Cũng có thể là một con cáo già cao tay nên đã làm mờ cái nhìn của tôi, đã không thể nhìn rõ được y chẳng? Thời gian và sự việc tôi sẽ làm sáng tỏ.

Vụ Án Sông Gianh

Cũng vì buổi sáng hôm Chủ Nhật đó, tôi nói chuyện với Hoàng Thanh nên đã quên buổi hẹn với Lê Văn Kinh. Chiều hôm ấy, tuy Kinh và tôi có gặp nhau nói chuyện ở hội trường, nhưng Kinh tiếp tôi như một sự gắng gượng, thiếu hẳn nét cởi mở của những ngày trước. Tôi hiểu rằng, cái nguyên nhân chính cũng chỉ vì cái buổi nói chuyện của tôi với Hoàng Thanh khi sáng. Chính vì thế, tôi biết nội dung sự việc của Lê Văn Kinh chỉ sơ lược, nhưng sau tôi đã gặp đám thủy thủ cùng vụ với Kinh. Trong đám thủy thủ này lại có nhiều người đã đưa tôi ra Bắc trước đây mấy tháng nên vụ án sông Gianh lại tương đối có chi tiết. Nội dung chính như sau:

Đây là một trong những kế hoạch đầu tiên, trong chủ trương dùng Người Nhái bất ngờ xâm nhập bờ biển miền Bắc của Cộng Sản để phá hoại những công trình quân sự, để trả đũa phía Cộng Sản đã thành lập mặt trận giải phóng và càng ngày càng gia tăng quấy phá miền Nam.

Do những tin tức tình báo và do những tấm không ảnh chụp được của máy bay Mỹ, nên đã nhìn rõ về giòng sông Gianh. Giòng sông đã đi vào lịch sử của dân tộc, nó đã làm mốc ngăn chia đất nước trong giai đoạn chúa Trịnh và chúa Nguyễn phân tranh.

Cơ quan tình báo trung ương của miền Nam phát giác, phía sâu trong nội địa hàng chục cây số, trên giòng sông Gianh có một số tàu thuộc hải quân miền Bắc. Từ căn cứ sâu hiểm này, những chiếc tàu đó lén lút chuyển vũ khí vào miền Nam qua những mật cảng trong khu vực ranh giới của Việt Nam và Kampuchia. Để triệt hạ tại gốc, tình báo miền Nam hoạch định một công tác đặc biệt: dùng Người Nhái bí mật đột nhập vào sông Gianh, dùng hải mìn đánh chìm những chiếc tàu này.

Sau nhiều ngày nghiên cứu tuyển lựa, tình báo Sài Gòn đã chọn được 4 Người Nhái quả cảm và có nhiều kinh nghiệm:

1/ Lê Văn Kinh, dân sự, cao 1 mét 82, nặng 73 kg. Anh đã đạt nhiều thành tích trong những công tác thủy chiến ở miền Nam.

2/ Nguyễn Văn Tâm, quân sự, cao 1 mét 78, nặng 70kg. Một huấn luyện viên Người Nhái đã tình nguyện tham gia công tác đặc biệt này.

3/ Nguyễn Văn Thảo, quân sự, cao 1 mét 78, nặng 68kg. Một con rái biển của biệt hải miền Nam.

4/ Võ Chuyên, quân sự, cao 1 mét 75, nặng 70 kg. Một hung thần xung kích. Do truyền thống gia đình đã có nhiều hận thù sâu nặng với Cộng Sản, anh đã có nhiều lần tử chiến với quân Cộng Sản. Ngực anh đã xam hai chữ "sát Cộng", thề không đội trời chung với kẻ thù là lũ Cộng khát máu.

Trong số 4 người quả cảm, ưu tú của Người Nhái được tuyển chọn này, có hai anh Tâm và Chuyên những năm trước đây đã được đi dự khóa luyện đặc biệt đầu tiên về biệt hải ở Đà Loan. Khi đó các anh còn trong liên đội quan sát I do Thiếu tá Phạm Văn Phú làm liên đội trưởng và đại úy Lê Văn Tất làm liên đội phó, trực thuộc sở khai thác địa hình do Đại Tá Lê Quang Tung chỉ huy.

Các anh được huấn luyện bổ sung và thực tập công tác ở một doanh trại đặc biệt bên Mỹ Khê, Đà Nẵng. Ngoài những huấn luyện viên về chuyên môn, người trực tiếp chỉ huy là ông Phan và ông Lý (ông Phan cũng là người đưa tôi đi ở Đà Nẵng, ông Lý tôi cũng đã nói tới nhiều lần khi tôi còn ở Đà Thành), và một người cố vấn Mỹ tên là Robert, cũng là một con cá kình của Người Nhái Mỹ.

Vào một ngày cuối tháng 10 năm 1962. Khoảng 10 giờ sáng tại một bến hẻo lánh bên biệt khu hải quân gần Sơn Trà, Đà Nẵng, cả ông Phan, ông Lý và Robert cố vấn đã hân hoan, niềm nở cùng 4 chúng tôi (*từ đây là lời Lê Văn Kinh*) sắp xếp, chuẩn bị với những vật dụng trang bị từ vũ khí đến hải mìn. Chiếc hải thuyền đưa chúng tôi đi, trang bị như nhiều thuyền đánh cá khác ở những vùng ven biển. Thủy thủ đưa chúng tôi gồm 10 người, trong đó có bác Vương Tiến An làm thuyền trưởng và anh Nguyễn Dụ là thợ máy. (Anh Dụ này cũng là thợ máy trong chuyến đầu tiên của tôi đổ bộ hụt ở ranh giới 2 huyện Kim Sơn và Nga Sơn). Khi đó tôi chỉ biết tên anh là Tarzan theo Phan gọi.

Đặc biệt trên hải thuyền có một chiếc thuyền gỗ con. Chiếc thuyền gỗ này làm giống hệt theo kiểu những chiếc thuyền con dùng để đánh đáy ở các cửa sông ngoài miền Bắc. Theo kế hoạch, khi hải thuyền đến ngang cửa sông Gianh sẽ lảng vảng ở ngoài khơi chừng 15 hay 20 cây số. Thả chiếc thuyền con xuống biển, bên trên vờ có 2 người ngồi chèo thuyền, nhưng thực tế, thuyền lắp ngầm một máy cực mạnh, có thể chạy 10 – 12 hải lý giờ.

Chiếc thuyền con sẽ tùy theo hoàn cảnh của từng đoạn đường, lúc dùng máy, lúc dùng chèo len lỏi vào cửa sông, lẩn vào những thuyền đánh đáy khác. Cứ thế rồi tiến sâu dần vào mục tiêu để thực hiện công tác. Theo quy định đã được phân nhiệm rõ ràng khi còn ở trong phòng hành quân ở Mỹ Khê thì:

Anh Võ Chuyên là toán trưởng. Anh Nguyễn Văn Tâm là toán phó. Khi đến mục tiêu thì cả 4 người, mỗi người sẽ ôm một hải mìn nổ chậm. Loại mìn này có chỗ điều khiển, bấm nút để điều chỉnh thời gian mìn nổ. Mỗi hải mìn nặng trên 3 kg. Sau khi quan sát tại chỗ, anh Võ Chuyên chỉ định từng mục tiêu cho mỗi người. Cuối cùng chính anh cũng phải ôm một hải mìn đến đặt, để phá một chiếc tàu mà chính anh đã tự nhận.

Sau khi ông Phan, Lý và Robert đã kiểm tra lại đầy đủ mọi vật dụng cho chuyến đi là những cái bắt tay nồng nhiệt, những lời chúc thành công và hẹn ngày mai, cũng vào giờ này sẽ ra đây đón do những người ở lại. Chúng tôi rời bến hải khu lúc 11 giờ, cái lúc mặt trời đang mở to mắt, quắc lên từ trên cao nhìn thẳng xuống hải thuyền. Trên hải thuyền còn lại tất cả 14 người gồm, 10 thủy thủ và 4 chúng tôi. Con thuyền rẽ sóng âm thầm ra khơi, hướng về phía Bắc.

10 giờ 15 phút tối hôm đó, bác An thuyền trưởng báo cho chúng tôi biết là thuyền đang ở ngoài khơi cách cửa sông Gianh từ 15 đến 20 cây số. Chúng tôi khẩn trương chuẩn bị hành trang, đồ nghề. Cuối cùng, chúng tôi hè nhau đẩy chiếc thuyền con từ trên thuyền lớn xuống biển.

Đã được phân công từ trước, 3 người thủy thủ to khỏe, nhanh nhẹn tháo vát sẽ chèo và lái thuyền con đưa chúng tôi đến mục tiêu. Ba anh thủy thủ, sau này chúng tôi được biết tên là Hoàng Bài, Trịnh Văn Truyện và Nguyễn Dụ là thợ máy. Thuyền con rời hải thuyền lúc 10 giờ 35 phút.

3 thủy thủ, 4 chúng tôi gồm tất cả là 7 người, trên chiếc thuyền con, mở máy lằm lúi, tiến sâu vào cửa sông Gianh. Hơn 1 giờ sau, trong cái lấp loáng mờ ảo giữa nước với trời, chúng tôi đã nhìn thấy những ánh đèn đầu le lói của những chiếc thuyền đánh đáy ngoài cửa sông. Chúng tôi cùng bảo nhau, một mặt tắt máy đi, mặt khác cũng thắp lên ngọn đèn con như những thuyền của họ.

Len lỏi qua những bè đáy, có lúc rất gần, chúng tôi trông thấy cả những bóng người ngồi trên những con thuyền nhỏ đánh đáy. Theo những hoạch định ngay từ ngoài khơi, 4 chúng tôi và anh Hoàng Bài nằm sát xuống sạp thuyền, che bạt ở trên. Như vậy, trông xa chỉ có anh Nguyễn Dụ và Truyện chèo thuyền. Tuy chúng tôi nằm, mà lòng vẫn bồn chồn, hồi hộp, căng thẳng trong những giờ phút đã tiếp cận với kẻ thù. Thậm chí, có lần chúng tôi còn nghe thấy cả giọng Quảng Bình nặng chịch hỏi ré lên:

- Sao về sớm rứa!

Tiếng hỏi thọc sâu vào tiếng sóng rầm rì; chúng tôi đều bảo nhau là hãy im lặng không trả lời. Qua được vùng đáy, thuyền chúng tôi đã vào hản bên trong cửa sông. Mập mờ, hai bên bờ sông, cảnh vật thấp thoáng chìm trong màn đêm và sương đục. Cửa sông Gianh rộng đến hàng cây số, nhưng càng sâu vào trong, càng hẹp lại. Vắng lặng, chỉ có tiếng gió thì thầm nói chuyện với tiếng sóng đêm, chúng tôi ngồi hết cả dậy, mở máy tiến vào mục tiêu. Trong cái mờ ảo của bóng đêm trên mặt sông, xa xa, chúng tôi đã nhìn thấy một vài ánh đèn lấp ló trên cao, khoảng ngang mái nhà. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết, đây là những chiếc đèn canh đêm trên chòi lầu.

Lúc này đã 12 giờ 15 phút, thuyền chúng tôi giảm ga, giảm tốc độ, cho tới khi chúng tôi đã nhìn rõ những chiếc tàu thân xám xám đang nằm say sưa ngủ trên mặt sông. Nước thủy triều đang dâng lên cao, tắt hẳn máy, dùng chèo, chúng tôi tiến sát gần những chiếc tàu. Trong một cái hũng sông phía bờ trái, có nhiều cây đại mộc trùm xuống mép nước, chúng tôi lần mò, lách thuyền vào. Thuyền chúng tôi chỉ cách những chiếc tàu của địch từ 100 đến 150 mét là cùng. Trong màn sương đêm, chúng tôi đều trở mắt quan sát toàn bộ khu vực có thể nhìn được, không kể những chiếc thuyền gỗ nhỏ, chỉ có 6 chiếc tàu, 3 chiếc khẳm xuống hản, vì chứa đầy hàng bên trong.

Khi đã hiểu rõ tình hình và điều kiện tại chỗ, anh Võ Chuyên đã phân công rõ ràng: Lê Văn Kinh và Nguyễn Văn Tâm có nhiệm vụ gần mình, phá 2 chiếc tàu chèo phía trong cách khoảng 150 chục mét. Nguyễn Văn Thảo và chính anh Chuyên sẽ phá 2 chiếc ngay phía trước mặt, chỉ cách 90 đến 100 mét. Hai chiếc này thật to, mỗi chiếc dài đến 30 mét, lại chở nặng khẳm.

Theo quy ước đã đồng ý với nhau khi mọi người rời thuyền con: sau khi dùng chuyên môn gắn hải mìn vào nơi thân tàu đã quy định. Để thời gian nổ chậm là 2 giờ rồi bấm nút, rời mục tiêu, bơi ngay về chỗ thuyền con. Phòng hồ một vài trục trặc bất ngờ, nên đã đều nhất định để thời gian mìn nổ là sau 2 tiếng đồng hồ. Thực ra, thời gian bơi đến mục tiêu, gắn mìn, rồi trở về thuyền con, thuyền con chạy ra thuyền mẹ là hải thuyền đang chờ ở ngoài khơi chỉ hết khoảng 1 giờ 30 phút đến 1 giờ 40 phút là cùng. Nghĩa là khi hải mìn nổ, thì cũng là lúc hải thuyền đang trên đường trở về Đà Nẵng rồi.

Tính ở trên là tính theo cái lẽ thông thường của cuộc đời. Tính nước chảy xuôi theo giòng, mà cuộc đời lại vẫn có cái lẽ không thường của nó và những giòng nước chảy ngược lại thì ít ai tính được. Bởi vậy, *(từ đây theo lời của các anh Truyện, Hoàng Bài và Nguyễn Dụ- ba người thủy thủ còn lại trên chiếc thuyền con. Sau này, 1972, tôi gặp ở trại chính Phố Lu thuật lại)* khi các anh Kinh, Tâm và Thảo đã xuống nước bơi đi đến 5 – 10 phút rồi, anh Võ Chuyên mới đeo các đồ nghề Người Nhái, ôm mìn tịt xuống nước.

Sau khi anh Chuyên đã xuống nước rồi, bơi được hơn một chục mét, không hiểu nghĩ thế nào, anh lại bơi quanh trở lại thuyền, ra hiệu cho anh Truyện trao cho anh khẩu tiểu liên ở trên thuyền mà anh muốn mang theo. Anh Truyện vừa trao khẩu súng cho anh Chuyên, thành linh một ánh sáng vàng chói, loáng lên trong đêm đen. Rõ ràng, anh Truyện nhìn thấy chiếc tàu lớn phía trước mặt được phân công cho anh Thảo đặt mìn phá, bỗng dưng nhảy chồm lên khỏi mặt nước, một tiếng nổ tưởng xé màng tai. Một làn hơi ép xô mạnh đến làm quay ngang chiếc thuyền con đang ở cách chiếc tàu đến 90 mét. Cả một khoảng sông sóng cuộn lên. Chúng tôi nhón nhác mắt cả tinh thần, vội vàng kéo anh Chuyên lên thuyền. Nhìn về phía anh Tâm và Kinh, trời tối đen kịt, không thấy bóng dáng các anh đâu. Nước lại chảy xiết, lúc này khắp nơi vang lên tiếng kêu, gọi nhau, tiếng quát tháo inh ỏi rồi tiếng còi hụ báo động ong ong rên lên. Thấp thoáng đã có những vệt đèn pin vạch kẻ màn đêm chằng chịt thành nhiều nét. Chúng tôi trên thuyền con đã hơi chột hiểu. Có thể anh Thảo, trong lúc chìm sâu dưới đáy nước tinh thần lại căng thẳng nên đã điều chỉnh, bấm nút nhầm từ 2 giờ như đã quy định thành 1 phút hay 2 phút. Và như vậy, hẳn rằng thân xác của anh cũng đã tan theo quả mìn định mệnh, không những phá được tàu của địch mà còn giết cả người đặt mìn.

Do chúng tôi suy đoán như vậy, cho nên chúng tôi chỉ hướng về nơi các anh Tâm, Kinh đón các anh rồi tẩu vi thượng sách. 5 phút, 10 phút tình thế nước sôi, lửa bỏng, nhưng vẫn bật dáng các anh. Chúng tôi suy đoán, có lẽ vì nước chảy quá mạnh, các anh khó bơi ngược trở lại thuyền con, vì vậy, chúng tôi chèo thuyền con về phía các anh để đón. Nhưng trong đêm tối mịt mù, lúc này khoảng gần 2 giờ đêm. Thời gian như căng trên sợi chỉ, không thể cho phép chúng tôi chờ chực được nữa. Nhất là khi đã có vài tràng súng AK đánh đánh thọc vào sông nước, vất vào đêm trường, kết hợp với những tiếng máy ca nô khởi động rú lên. Bốn chúng tôi quay mũi thuyền trở ra và mở hết tốc độ...chuồn.

Trên đường tháo chạy, đã có những chiếc ca nô rượt theo bắn đuổi. Do sự bắn trả quyết liệt của anh Chuyên, nên chúng nó đuổi rất chậm. Chúng tôi lại không có súng (đến đây là lời tường thuật của anh Truyện, thủy thủ). Khoảng 3 giờ 30 sáng, thuyền con của chúng tôi chạy ra tới thuyền mẹ. Lúc này, rất nhiều tàu và ca nô từ trong bờ, vừa tiến ra bao vây vừa bắn xối xả. Cả đại liên lẫn tiểu liên, đạn róc lên ào ào về phía thuyền của chúng tôi. Chúng tôi vừa bắn trả, vừa mở máy tối đa chạy về hướng Nam. Dọc đường, gặp những ca nô và thuyền từ trong bờ xông ra chặn đường chúng tôi về. Với một ý chí quyết tử, chúng tôi mở máy xông bừa vào thuyền chúng. Trước sự dũng mãnh thà chết của chúng tôi, chúng phải tránh dạt để thuyền chúng tôi đi.

Trời sáng dần, rồi mặt trời ngoi lên nhìn rõ cảnh và vật. Phía sau chúng tôi, lổm nhổm nhiều tàu và ca nô biên phòng của Cộng Sản đuổi theo. Thuyền chúng tôi chỉ có 4 khẩu tiểu liên của 4 Người Nhái. Ba khẩu của các anh Tâm, Kinh, Thảo để lại thuyền, chúng tôi là thủy thủ, hầu hết là dân sự, chỉ chuyên nghề chài lưới, vì thế, anh Chuyên đã chỉ bảo cấp tốc cách sử dụng tiểu liên để chiến đấu trong giờ phút ngòi trên nổi rang này.

10 giờ, rồi 11 giờ, lù lù, một đoàn tàu 4 chiếc của hải quân Cộng Sản từ Đông Hới tiến ra chặn đường của chúng tôi. Nhìn chiếc hải thuyền nhỏ bé, với những chiếc tàu to nhỏ phía trước, phía sau, tôi có cảm tưởng chiếc hải thuyền như con nai tơ đơn độc bị một đàn sói thềm thịt bao vây trên thảo nguyên bao la hoang vắng, không còn một hướng, một phương nào cho con nai vàng chạy thoát.

Vòng vây càng lúc càng siết chặt dần, nhất là lúc này trên hải thuyền đã có 3 – 4 người bị thương. Anh Chuyên đã bị một viên đạn đại liên gãy nát cánh tay trái. Tôi (tức Truyện) bị một viên đạn AK bắn rách hông, xuyên vào ngực phía phải anh Hùng đang đứng phía sau. Tầm viên đạn oan nghiệt sau khi vào tôi đã yếu đi, nên đến ngực anh Hùng nó không đủ sức xuyên qua. Hải thuyền đã bị vỡ nát nhiều chỗ, vì vậy, chúng tôi đành đau đớn nhìn nhau để mặc cho đời trôi theo giòng nước chảy ngược.

Lúc những tên Cộng Sản đầu tiên bước lên hải thuyền, cũng là lúc một phát súng chát chúa giật lên, làm choáng hồn mọi người. Những tên Cộng Sản thụt lùi lại mấy bước, mặt nhớn nhác. Chúng tưởng chúng đã bị lọt ổ phục kích. Nhưng đó chỉ là phát súng cuối cùng của anh Chuyên đã tự kết liễu đời anh. Anh đã thực hiện đến cùng lời thề thiêng liêng của giòng họ: không đội trời chung với Cộng Sản.

(Xin nghiêng mình, cúi đầu trước anh linh của anh. Anh đã quyết tử để làm vẻ vang, sáng chói lý tưởng tự do bất khuất trước bè lũ Cộng Sản khát máu.. Nhớ xưa (1958), cái ngày nền đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta trăm hoa còn rộ nở khắp nơi nơi ở miền Nam, anh đã chiếm giải nhất trong một cuộc thi lực sĩ đẹp, và người nữ sinh hoa khôi của miền cát trắng hiền hòa Nha Trang đã e ấp choàng vòng hoa danh dự vào cổ người trai hùng. Rồi những sắp xếp của duyên đời để anh và giai nhân ấy đã nên duyên chồng vợ, làm xôn xao lòng ngưỡng mộ của miền Thùy Dương một thời. Anh chị đã có hai mặt con. Ngày nay, sau gần ba chục năm dài, chị và hai cháu đang ở đâu? Còn sống hay thế nào? Chị và hai cháu có biết rằng anh Chuyên đã anh dũng nằm xuống cho quê hương? Chị và hai cháu hãy ngửng mặt lên với lòng tự hào đã có một người cha, một người chồng sống bất khuất xứng đáng nhưng khi anh phải nằm xuống còn làm cho kẻ thù kinh hồn, run sợ.)

Chúng trói giật cánh khuỷu từng người, rồi đưa chúng tôi vào trong bờ. Khi vào đến bờ thì anh Hùng đã chết rồi, có lẽ viên đạn đã lọt vào phổi của anh. Như vậy, anh Hùng cũng đã thực hiện được ý định của anh trước đây. Anh là người vượt tuyến vào Nam năm 1960. Khi anh đã đến được bờ của đất Tự Do, anh có tự hứa rằng: rồi đây, thà anh chết cho tự do, còn hơn sống trở lại chế độ Cộng Sản. Những năm, tháng trước đây, mỗi khi anh thổ lộ tâm sự anh thường nói với mọi người như thế.

Chúng đưa chúng tôi về trại giam Quảng Bình, giam riêng mỗi người mỗi nơi. Riêng tôi, có lẽ phần vì bị thương, phần khác tôi chỉ là một người đưa thuyền nên chấp pháp chỉ xuống buồng hỏi sơ 4 -5 lần về lý lịch cũng như sự việc. Mãi hơn 2 tháng sau tôi được đưa ra xử trước tòa án nhân dân ở Quảng Bình tôi mới gặp lại anh Tâm và anh Kinh.

Đến đây về phía Lê Văn Kinh tường thuật lại: sau khi tôi nhận hải mìn, tôi và Nguyễn Văn Tâm bơi về phía 2 chiếc tàu mục tiêu của chúng tôi. Khi gần tới chiếc tàu, tuy chẳng cần ai phải nói với ai. Do những kinh nghiệm qua nhiều lần công tác, chúng tôi đều im lìm lặn xuống nước, vì sợ bất ngờ người canh gác ở trên tàu nhìn thấy. Mục tiêu của tôi và Tâm tuy cùng một hướng nhưng cũng ở cách xa nhau hàng 5 chục mét, trong khi chỉ cần 5 mét đã không nhìn thấy người rồi. Khi tôi bơi đến sát con tàu mục tiêu của tôi, tôi lặn xuống phía đáy. Tôi đang chuẩn bị gắn hải mìn vào chiếc tàu thì đột nhiên như có người dùng cái vỗ dầm, phang mạnh vào đầu tôi. Tôi không thở được nữa, tay tôi buông rơi cả hải mìn và hồn tôi dật dờ, lãnh đãng lạ lùng, rồi tôi không biết gì nữa. Một lúc, tôi mơ màng mở mắt ra, trời đen kịt, tôi không biết đâu là phương hướng. Tay tôi sờ thấy bờ đất và tôi tỉnh dần. Trong cái hỗn mang của sự sinh tồn, tôi thấy cần phải bơi về phía chiếc thuyền con, điểm hẹn sau khi đã gắn mìn.

Khi tôi bơi về đến nơi thì thuyền con mất hút, tôi hoang mang, mất tinh thần. Tôi bơi khắp đây đó mò mẫm trong bóng đêm để tìm con thuyền cứu mệnh. Nhưng nỗi lòng của tôi cũng đen tối như đêm đen lúc này. Trong bóng đêm, tiếng hò hét, tiếng quát tháo xen lẫn tiếng máy tàu nổ râm rân. Thỉnh thoảng xa xa vài tràng súng AK ré lên, vọng lại, càng làm cho hồn tôi kinh đảm tái tê. Tôi lạc lõng, bơ vơ nhìn vào đêm tối. Tôi thấy rõ đời mình đang lặn đi bằng ánh mắt nảo nề, xót xa. Người tôi rã rời, đầu tôi tê dại, bông bênh. Tôi tấp mình nằm im trong một hốc cỏ dại mé sông. Trời càng sáng thì đời tôi càng đen thẫm lại. Chúng đã tìm thấy tôi, chúng hè nhau lôi tôi lên bờ. Chúng nó đập, đá; chúng nó lấy báng súng phang tôi lia lịa, cuối cùng tôi ngất đi. Đến khi tôi tỉnh lại thì chúng đã trói gô giật 2 tay về phía sau từ bao giờ rồi, chúng giống tôi về trại giam Quảng Bình. Tôi nhớ rõ, khi tôi tỉnh lại, tôi thoáng thấy anh Tâm cũng đang bị một đám đông vây lại đập, đánh. Rồi mỗi người mỗi hướng từ đấy. Vì có nhiều người cùng bị bắt trong một vụ, nên chúng khai thác chả khó khăn gì. Không thể che dấu được gì khi chúng lấy người này để khai thác, gài bẫy người kia. Cuối cùng ai cũng phải khai thực hết. Chính vì vậy, chỉ hơn 2 tháng sau, chúng đã đem vụ án sông Gianh ra xử. Phần khác vì lý

do chính trị chúng muốn đưa những tội phạm ra xử sớm để trấn an lòng người và tranh thủ lễ phải đối với dư luận thế giới.

Phiên tòa chúng tuyên truyền rầm rộ, mời nhiều phóng viên ngoại quốc và dân chúng tham dự đông đảo. Sau một ngày, qua những thủ tục, hình thức xỉ vả, huênh hoang đe dọa, nâng lên, đập xuống của lũ vẹt không hồn, không tim chúng kết án:

Nguyễn Văn Tâm, chung thân. Vì đã gài xong mìn, mà chúng đã tháo gỡ kịp trước thời gian.

Lê Văn Kinh, 20 năm.

Nguyễn Dụ, thọt má, 12 năm.

Hoàng Bài, Trịnh Văn Truyện, mỗi người 6 năm.

Bác Vương Tiến An già, 5 năm.

Thủ, Hoàng, Thiêm v.v... mỗi người 3 năm.

Xử xong, chúng chuyển cả nhóm về Hỏa Lò, rồi chuyển lên trại Mỏ Chén, Sơn Tây. Đến năm 1966, chúng lại chuyển anh em thủy thủ và Tâm lên trại Yên Thọ, thuộc tỉnh Phú Thọ. Riêng Lê Văn Kinh thì được chuyển về phân trại E thuộc trại trung ương số I, Phố Lu, Lào Cai này.

Một Chuyện Tình Trong Chế Độ Ưu Việt

Sáng hôm nay khi toán 2 xuất trại, lúc toán ra khỏi cổng trại đi gần đến cổng khu thủ công. Những anh đi đầu của toán đã bắt đầu quay rẽ vào cổng, tôi bỗng thấy anh em trong toán xôn xao hẳn lên. Nhất là cậu Toàn và Châu, cứ rên lên ư ử. A, đây rồi, ở phía con đường dẫn ra trại chính, có một đoàn tù nữ khoảng hơn một chục chị, tuổi từ 20 đến 30. Đi phía sau có một bà cán bộ quản giáo chừng 30 tuổi. Đoàn tù đang đi rẽ vào một con đường dẫn ra phía sau khu nhà của ban giám thị. Tôi hơi ngạc nhiên, hơn 3 tháng tôi đến trại này, hôm nay tôi mới nhìn thấy một đoàn tù nữ vào trại E. Hầu như chả có con mắt nào của đoàn tù toán 2 lại không hướng nhìn về phía đoàn tù nữ chằm chằm, kể cả hai tên công an vũ trang và tên quản giáo Kịch đi phía sau toán.

Lê Sơn đi bên cạnh tôi, mắt cũng đang đờ đẫn nhìn về phía đoàn nữ tù ấy. Tôi không kìm hãm được sự háo hức, muốn biết tại sao lại có đoàn nữ tù này, nên đành phải bất lịch sự với Lê Sơn. Tôi đập vào tay anh hỏi khế nhưng cũng đầy sôi nổi:

- Họ làm gì mà vào đây thế?

Anh chẳng trả lời tôi, mắt anh vẫn hướng về phía xuân xanh ấy. Nhìn mắt anh, tôi có cảm tưởng nó lồi hẳn ra và bất động như mắt giả. Hình như anh không nghe thấy cả câu tôi vừa hỏi. Toán 2 đã đi vào cổng lán, vậy mà còn nhiều cái đầu vẫn ngoái lại phía sau như người ta vừa nhìn thấy một cái vật gì quý lắm, kỳ vĩ lắm trong cuộc đời này không bằng. Cũng như miếng ăn, khi người ta bị đói nhiều ngày, cho nên cái uy lực của nữ giới lúc này cũng thật kinh hồn! Rồi cả buổi sáng và cả buổi chiều, suốt ngày cái chủ đề phụ nữ đã trở thành chính yếu trong lúc bàn tán hay chuyện trò của toán 2. Nhân thế, hôm nay qua Lê Sơn và Quý Cụt tôi mới biết thêm được nhiều vấn đề của trại. Chỉ có tôi mới thực là ngố Tàu, mãi hôm nay tôi mới hiểu, thường ngày vẫn có một đoàn nữ tù từ trại nữ vào chỗ lán may (phía sau khu nhà giám thị) vừa học may do một anh tên Hoàng Xuân Oánh ở trong trại E chỉ dạy và phụ trách.

Thảo nào, những ngày trước đây, có lần tôi thấy một anh chừng 4 chục tuổi từ ngoài cổng trại đi vào một mình, khi trại đã sắp điểm vào buồng lúc chiều muộn. Anh Đồng thì phải, có chỉ anh đó nói là Oánh thợ may, án chung thân, rồi tôi không để ý nên cũng quên đi.

Thường thường mọi khi, đám tù nữ thợ may này vào đến trại này cũng đã 8 giờ là lúc toán 2 đã vào lán thủ công làm việc được hàng giờ đồng hồ rồi. Chiều 4 giờ toán nữ đã trở về K2 (trại nữ), trong khi toán 2 mãi 5 giờ mới nghỉ tay lao động. Do thế, chả bao giờ gặp nhau hay trông thấy nhau. Hôm nay, hẳn bên đám tù nữ có một chuyện gì đặc biệt nên mới vào sớm như vậy, để rồi đã gây ra một mối bất an trong lòng những người tù toán 2 trong một số ngày.

Cũng ngày hôm nay tôi mới hiểu được sơ sơ về anh chàng Oánh này, khi tôi tỏ vẻ trầm trồ ca ngợi cái vị trí ngon lành, độc đáo được phụ trách một đoàn tù nữ trong giai đoạn hạn hán, hanh khô này của anh ta. Tôi nói như vậy, thực ra cũng không ngoa, không cường điệu. Ông bà mình thường nói "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén", đây là trong lẽ bình thường của người đời. Trong trường hợp này thì khí thế còn cao hơn nhiều. Những người tù nam và những người tù nữ, hàng tháng, hàng năm, có khi hàng chục năm không trông thấy nhau. Họ là những người tù chứ không phải đi tu, thì phải nói là như lửa với dầu xăng ấy chứ. Hễ cứ để gần nhau là tất nhiên phải nổ!

Vụ án của Hoàng Xuân Oánh cũng một thời sôi nổi điển hình của thành phố Hải Phòng năm 1960. Oánh là chủ nhiệm một hợp tác xã may mặc lớn ở Hải Phòng. Anh ta có một người vợ trẻ với đứa con một tuổi. Khi người vợ có mang, rồi đến ngày khai hoa nở nhụy của đứa con thứ hai, được bố mẹ vợ cho đứa em gái vợ 17 tuổi, đang học lớp 9 (hệ 10 năm) từ quê ở Kiến An lên giúp chị. Ông bà phần vì thương đứa con gái phải vượt cạn một mình, phần vì tin tưởng vào người con rể có uy thế, học thức đã được nhà nước giao cho làm chủ nhiệm một hợp tác xã may mặc lớn, nên đã để cho đứa con gái còn hơ hớ tuổi xuân lên giúp chị.

Rồi chuyện đi về, ở ăn sao đó giữa Oánh và cô em vợ thì không ai biết được, kể cả bố mẹ vợ cũng như chính vợ của Oánh, cho tới khi nội vụ đổ bể; sự việc phải ra trước vành móng ngựa, người ta mới hỏi ới ra. Nội vụ như sau:

Người em vợ đó tên là Hồng Hạnh, bị ông anh rể cho ăn trái cấm nên đã có thai. Cô Hạnh lo sợ quá, khi cái bụng càng ngày càng to, làm sao để che dấu được làng nước và bố mẹ. Chàng Oánh thì cũng bần xức xích lên, còn mặt mũi nào để nhìn bố mẹ vợ và ngày cả vợ mình. Hơn nữa, có thể cái địa vị béo bở của chàng cũng sẽ tan theo mây gió. Bởi vậy, Oánh đã tính toán kỹ một kế hoạch, nhưng có lẽ tính kỹ quá

thành ra tính quẩn. Anh đã chuẩn bị một âm mưu để giải quyết với người em vợ. Anh viết một lá thư đầy nghĩa tình nồng thắm, thương yêu hẹn Hồng Hạnh ở một cánh đồng vắng, nơi cũng đã từng nhiều lần hò hẹn với Hạnh trước đây. Lúc này, Hồng Hạnh đã có mang được 5 – 6 tháng. Gặp nhau giữa đất trời bao la trên cánh đồng lúa đang vào thời kỳ giáp hạt. Trước khi Oánh thực hiện ý đồ của y, y còn muốn diễn lại câu thơ trữ tình của cụ Nguyễn Công Trứ với Hồng Hạnh một lần nữa:

*Giang sơn một gánh giữa đồng.
Thuyền quyền ứ hự, anh hùng nhớ chằng?*

Sau khi đã ứ hự với Hồng Hạnh xong, Oánh liền rút trong bọc ra một con dao nhọn dài hơn 20 phân. Lúc này Hồng Hạnh đã chột hiểu, mặt không còn hạt máu, cô liền quỳ xuống giữa cánh đồng, lạy Oánh như tế sao. Nước mắt đầm đìa, cô khẩn nài xin Oánh đừng giết. Rằng đời của cô đã tàn rồi cũng không thiết sống nữa, nhưng xin hãy tha cho đứa con còn trong bụng chưa được chào đời. Hồng Hạnh xin cam chịu mọi hình phạt búa rìu, tui nhục của cuộc đời để cho đứa con được ra đời rồi Hồng Hạnh sẽ tự tử, hoặc lúc đó Oánh giết thì cô không còn oán thán gì nữa. Nhưng Oánh lúc này như một tên hung thần cứ đâm túi bụi vào thân hình một con người mà vừa trước đó mấy phút, Oánh còn đắm say, cuồng bạo yêu đương.

Trong khi Oánh đã đâm hàng chục nhát dao rồi mà Hồng Hạnh vẫn còn cố gắng quỳ lên chấp tay để lạy Oánh xin tha cho mình và tha cho đứa con, cho tới khi gục xuống chết hẳn. Tên Oánh đã chuẩn bị sẵn một chiếc xẻng con, y tìm một chỗ khuất nẻo đào nông một hố để lấp xác Hồng Hạnh. Làm xong, y tắm rửa, thay áo quần rồi trở về với vợ con ở Hải Phòng coi như chẳng hề có chuyện gì đã xảy ra.

Sau 2 ngày, bố mẹ Hồng Hạnh không thấy con gái đâu dù tìm hỏi khắp nơi, nên đã đến đồn công an để trình báo về sự mất tích của Hạnh. Cuối cùng, dân làng và nhà chức trách đã tìm được đến chỗ chôn xác Hồng Hạnh. Khi bác sĩ chuyên môn khám nghiệm, đã tìm thấy tất cả 37 nhát dao đã đâm khắp đầu, mình và chân tay của Hồng Hạnh. Với những cánh thư, và với những hiện tượng trước đây, người ta dễ dàng tìm bắt được đích danh thủ phạm. Cho tới khi đưa ra tòa xử với cái án chung thân, tên Oánh đã phải diễn đi, diễn lại nhiều lần cái buổi y đã hạ sát Hồng Hạnh.

Ngồi nghe Quý Cụt và Lê Sơn thuật lại câu chuyện về tên Oánh, tôi đã nhớ lại bộ mặt và dáng người của y. Người y tầm thước, da trắng trẻo hay mặc đồng bộ màu nâu. Y có cái trán cao, đặc biệt là đôi lông mày thật rậm, ăn nói thì nhỏ nhẹ, tỏ ra một con người hiền lành tử tế.

Qua sự việc của Oánh, kết hợp với một số vụ khác mà tôi đã biết, tôi đã thấy được cái chủ trương, cái nguyên tắc giải quyết của Cộng Sản. Những vụ án có tính cách trầm trọng làm đảo lộn luân lý, thuần phong, đạo đức làm dư luận quần chúng căm phẫn, chúng xử phạt có vẻ nặng nề để xoa dịu công luận. Nhưng khi vào trại giam, chúng lại chiều cố, tin dùng cho làm những công việc béo bở ở trong tù như: tự giác, chăn nuôi, coi ao cá v.v... Dù cho án chung thân chẳng nữa thì cũng chỉ ở mười hoặc 12 năm là đã được tha rồi. Bởi vì theo chúng, những tội trạng đó chỉ nằm trong hệ mâu thuẫn nội bộ. Chúng rất lơ là với những chuyện trai gái, cướp bóc, cắp trộm, giết người. Ngược lại, cái điều chúng đặt lên hàng đầu, bất cứ vấn đề gì chỉ hơi dính dáng đến chính trị, thì chúng nỗ lực tìm tòi điều tra cho đến nơi, đến chốn, đến chân răng, kẽ tóc, đến cùng kiệt của sự việc mới thôi. Những điều này chúng đặt là thuộc hệ mâu thuẫn đối kháng. Đã vào tù, dù bất cứ dưới hình thức nào: án hay không chỉ khi nào tốt mới cho về. Mà tốt hay xấu trong tư tưởng thì làm sao mà biết được. Đây là lý do Cộng Sản nó muốn giam giữ người tù đến bất cứ khi nào là tùy ý chúng.

Câu chuyện của anh chàng Oánh hôm nay lại làm tôi nhớ đến 2 câu chuyện mới xảy ra 2 hôm trước ở trong trại mà mãi hôm nay anh em vẫn còn đùa cợt, bàn tán. Câu chuyện đau lòng là câu chuyện của tên trật tự ác ôn Phạm Huy Tân: buổi sáng y được gọi ra nhận tiếp tế vì vợ y lên thăm. Y hớn hờ, vui mừng lộ hẳn ra trong cử chỉ và nét mặt. Y chắc nắm, là trật tự, đệ nhất tay sai ở một trại; hẳn rằng ít nhất y cũng được 24 tiếng để hú hí với vợ con, chứ nếu không thì phải 48 tiếng, vì ngay những bọn tự giác, những bọn cải tạo tốt còn được 24 tiếng nữa là y. Nhưng không ngờ, ở đời chỉ có một chữ "ngờ" là chẳng ai học được. Tên cán bộ giáo dục đã giữ kín cho tới phút tên Tân ra gặp vợ mới ngã ngựa ra. Người vợ mang tiếp tế cho y 3 cái bánh mì, 6 quả chuối, 1 kg muối vừng và 2 bao thuốc lá Trường Sơn, kèm theo tờ giấy ly dị. Y thị nhờ đảng và ban giáo dục trại giải quyết thỏa đáng cho y thị, lý do: y thị, sau 6 năm suy nghĩ, quyết định dứt khoát không thể có tình cảm luyến ái vợ chồng với một tên phản cách mạng. Ai cũng biết, điều này đảng và nhà nước ủng hộ, giúp đỡ quá đi ấy chứ, dù cũng ra cái vẻ khuyên răn, giàn hòa. Bởi vậy, tên Tân không những không được 24 tiếng mà chỉ vòn vẹn 20 phút đồng hồ, sau khi ký giấy,

trước sự chứng kiến của ban giáo dục. Theo tên Thái y tá kể lại, Tân đã tâm sự với y: Tân đã cố nén lòng trên đường về trại, y thấy đời anh tan nát hết không còn gì nữa. Y trở thành một tên tù bơ vơ lạc lõng trên cái trái đất đầy bùn đen này. Để rồi y đã không thể ngăn nổi 2 giòng nước mắt đầm đìa khi bước chân vào cổng trại; mặc cho thiên hạ anh em cười chê. Riêng tôi, khi biết được chuyện không may của y, cũng thấy mũi lòng. Đành rằng y là một tên ác ôn, đã làm hại biết bao nhiêu đồng phạm, chẳng qua chỉ vì sự ngu muội của y, chứ y cũng chỉ là một nạn nhân, một tên tù không hơn, không kém. Tôi thấy ngao ngán buồn cho tình đời trong những cảnh đời dưới chế độ xã hội ưu việt của loài người. Tôi có ý định, hôm nào thuận tiện sẽ gặp, thăm hỏi, an ủi gọi là chia xẻ, cảm thông với y phần nào. Điều mà trước đây, tôi nghĩ chẳng bao giờ, nếu có đến với y chỉ là cái nắm tay và những cẳng chân mà thôi.

Còn câu chuyện thứ 2, câu chuyện buồn cười của anh chàng Phan Thanh Vân tư bản kịch xù. Theo Vân tường thuật lại: Vân có một đôi quần đùi thật đẹp của bà chị ở Pháp gửi cho. Vân cũng chả mặc bao giờ, trừ ngày mồng một Tết, Vân mặc một lần để thi đấu bóng bàn, trước những con mắt thòm thèm, suýt soa của nhiều anh em tù khác. Buổi trưa trời nắng hừng, anh chợt nghĩ đến chiếc quần đã mặc có thể bị ẩm mốc nên đem ra phơi ở chỗ những sào nứa, nơi chúng tôi thường ăn hơi mỗi buổi chiều. Phơi rồi, Vân cũng sợ bị mất cắp, bởi vậy anh ngồi ngay tại cửa buồng 2 vừa cuốn thuốc, vừa nhìn ra coi. Chỗ phơi chỉ cách Vân hơn 10 mét. Lúc anh cúi xuống cuộn điếu thuốc, khi ngẩng lên thì chiếc quần đã không cánh mà bay mất rồi. Hộc tốc anh chạy ra thì chỉ có vài người vẫn lảng vảng, trầm tĩnh đi đi, lại lại vì người ta cũng đang có nhiều nỗi ngược xuôi của đời tù nên không ngủ trưa được. Hỏi ai cũng không thấy, Vân bực vô cùng và ai biết cũng ngạc nhiên thay: ai lấy cái quần mà nhanh như biến thể!

Tối hôm đó, Vân bàn riêng với Nguyễn Huy Lân buồng trưởng và Đinh Khắc Sản toán trưởng toán 3. Ngày mai, Vân còn một chiếc quần đùi nữa, sẽ đem ra chỗ cũ phơi, Vân sẽ nấp ở trong buồng, nhìn qua một cái khe vách hở, rình bắt cho được cái tên ăn cắp khốn kiếp ngày hôm qua.

Chủ trương và tính toán như thế rồi, trưa hôm sau Vân cứ thế thực hiện để bắt con mồi. Vân ngồi im lặng rình trong một góc nhà phía sàn dưới, dù mót đi giải, anh cũng không đi.

Trong các buồng nhiều người nằm ngủ trưa để chiều đi lao động. Ngoài sân, trong hội trường, đây đó dăm ba người ngồi chuyện trò, thăm thì nho nhỏ, hoặc khâu vá ngoài sân. Chiếc quần đùi vải ngoại màu vàng tươi, lỗ lộ vẫn nằm yên trên một con sào lẩn vào những chiếc áo bông dày cộm, rách tả, cùng những chiếc quần áo trại đã bạc màu nắng mưa.

Vân ngồi đã mỏi người, tê chân. Anh nghĩ, có lẽ tên ăn cắp đã thấy anh ngồi rình (mặc dù chuyện rình chỉ có 2 người nữa biết), hoặc nó đã lấy được một cái đủ dùng rồi, vậy có ngồi đến tối thì chiếc quần vẫn nằm yên đấy. Từ những nghĩ suy như vậy nên anh bình thản hơn, thanh thoi hút thuốc, đôi khi quay lại trả lời những người thấy anh ngồi đấy mãi lạ lùng nên han hỏi. Rồi một lần sau khi quay lại trả lời một người, khi quay ra thì chiếc quần đã biến mất lúc nào. Vân chạy vội ra tìm và ngơ ngác nhìn đây đó khắp sân.

Hắn rằng tên ăn cắp, phải là 2 tên, đang đứng ở một chỗ nào đó nhìn Vân, rồi nhìn nhau thích thú. Một người to xác, nhưng lại thật thơ ngây. Cứ tưởng mình có vỏ quýt dày nhưng đã gặp phải ngón tay nhọn hoắt. Nghe Vân kể lại sự việc tôi cũng buồn cười, mà không dám cười, bởi vì nổi bực tức vẫn đang dàn đầy ra trên nét mặt Vân. Tôi góp ý với Vân như sau:

Lần thứ nhất Vân mất quần đùi thì tôi đã hơi nghi, nhưng lần thứ 2 thì tôi khẳng định là ít nhất có 2 người cùng bàn nhau để ăn cắp chơi của người tư sản trong trại. Nghĩa là phải có một người nào vào làm cho Vân chia trí đi từ 30 giây cho đến 1 phút. Bây giờ đã mất rồi không nói làm gì nữa, cái điều cần nói là làm sao tìm lại được.

Bất kỳ ai lấy, chắc chắn: không dám dùng ở trong trại và cũng không dám để lâu ở trong trại vì ngoài những kỳ khám trại chính thức, cán bộ lại hay vào khám tư trang bất ngờ. Do đó, đường dây ra ngoài thì không thể ngoài những anh tự giác của toán, hoặc toán lâm sản. Cho nên tôi đề nghị Vân, không gì bằng hãy liên lạc, khéo léo đặt mua mấy người thân trong đám tự giác thì sẽ ra...Bởi vì chỉ có họ mới có điều kiện ra gặp nhà dân để mua bán đổi chác mà thôi.

Đang khi Vân đồng ý để tiến hành, thì 4 - 5 ngày sau, anh được gọi ra trại ngoài để gặp cán bộ. Khi về Vân cho biết: ông Toán đã báo cho biết là Vân sắp được tha, họ đang chuẩn bị cho Vân sẽ làm công nhân phục vụ ngay cho trại trung ương số I, trong bộ phận điện. Bởi vì, các

phân trại, kể cả phân trại E này cũng sắp được phân phối máy phát điện nhỏ để phục vụ tối thiểu về điện cho trại.

Vân rất phấn khởi, lúc đầu chỉ nói riêng cho tôi biết rằng ông Toàn bảo nhà nước sẽ chiếu cố đặc biệt cho Vân, có thể sẽ cho Vân về Hà Nội để làm một con mắt giả. Tóm lại, Vân đang nhìn con đường ngày mai của anh càng ngày càng rộng mở. Vì thế, Vân chẳng còn, hay chẳng cần để ý gì về 2 chiếc quần đùi đã mất nữa. Phần tôi cũng thấy vui vui trong dạ. Trong cảnh khổ đau tăm tối này ai thoát ra được, dù ở cảnh nào thì cũng mừng cho họ. Phần khác, còn gì thú bằng, sự lý luận suy đoán của tôi với Vân trước đây đã diễn tiến theo chiều hướng như vậy.

Một Vụ Vượt Thoát

Tôi nhớ khoảng hơn một tuần, sau vụ mất quần đùi của Phan Thanh Vân. Lúc này chừng 4 giờ chiều, tôi và Quý Cụt đang mài mê đánh vernie mấy chiếc giường đôi kíp cho ngày mai, trại ngoài vào lấy. (Giai đoạn này, ít khẩu hiệu, sơn vẽ nên một mình Lê Sơn làm. Tôi phải sang phục vụ vernie với Quý Cụt). Bất chợt, có 2 tiếng súng nổ ròn, rồn rảng lên từ phía trong rừng. Mọi người còn đang ngác ngơ, thì tiếp theo 2 phút nữa đoàn đoàn, chát chúa ở ngay cổng trại.

Tôi mở to mắt sơn sắc nhìn Quý và Lê Sơn. Vì là lần đầu tiên quá bất ngờ nên một thoáng, tôi tưởng như ở trong Nam, lại có đụng độ đánh nhau tới nơi. Nhất là lúc này, tiếng keng bom ở cổng trại đang khua vang liên hồi, dồn dập. Ngay giữa sân, tên bộ đội vũ trang đang thổi còi ré lên, tay y khoa rới rít dục tù ra xếp hàng tập hợp. Tên Kịch và tên cán bộ toán 3 chạy xô từ trong buồng ra sân mặt hớn hờ, hớt hải, miệng hò hét inh ỏi. Nhìn thấy tôi đứng ngậy người ra, Lê Sơn và Quý Cụt vừa thu dọn đồ, vừa bình thản cho tôi biết chỉ là rải rác khắp nơi trong rừng. Toán nào phát hiện, toán của mình có tù trốn, cán bộ nơi đó cấp tốc bắn 2 phát súng báo hiệu. Những toán lao động gần đây, cán bộ lại bắn tiếp 2 phát nữa. Nghĩa là bắn chuyển cho đủ cả 5 phân trại đều biết là đã có tù trốn, và tất cả các toán kể cả tự giác cũng phải thu quân về trại.

Khi toán 2 vừa ra khỏi cổng khu thủ công để về trại thì gặp một lũ cán bộ, công an vũ trang súng ống tủa ra hướng có 2 phát súng nổ đầu tiên. Ngay ở cổng trại, Phong, tên thiếu úy công an vũ trang, tay đang cầm 4 sợi dây da dắt 4 con chó to lớn đang lồng lộn sủa gâu gâu inh ỏi. Chúng đang nhe miệng thò ra những chiếc răng nhọn hoắt, trắng hếu, lợi và lưỡi đỏ lòm trông thật dữ tợn. Lê Sơn đi bên cạnh, ghé sát tôi thì thầm:

- Giống bẹc-dê này của Đông Đức đấy! Con cháu của bẹc-dê thời Hitler khát máu ngày xưa.

Tên cán bộ nào cũng tởn tác, khẩn trương sôi nổi hẳn lên. Lúc toán 2 vào trại cũng là lúc tên Cán trực trại và một tên cán bộ giáo dục, tay đang xách mấy bộ quần áo rách từ trên phía buồng số 3 chạy ra phía cổng trại. Tò mò, sau khi vào khỏi cổng trại, tôi quanh lại liếc nhìn ra: chúng vất mấy bộ quần áo rách đó xuống đất, 4 con chó xông đến hà,

hít một lúc, rồi tên thiếu úy Phong và 3 tên vũ trang nữa; mỗi đứa dẫn một con chó chạy xông xộc về hướng có tù trốn.

Bây giờ thì chúng tôi đã hiểu, người tù trốn là anh Phồn Lạc. Anh là người thuộc đảng Việt Xã trong Liên Hiệp Pháp, anh ở toán làm gạch. Tên trực trại đã vào buồng số 3, đến chỗ anh lục tung quần áo bát đĩa của anh. Y vừa tìm những vật khả nghi có liên quan đến việc trốn tù, vừa lấy quần áo của anh cho chó đánh hơi, đánh mùi để đi tìm anh.

Câu chuyện đảng phái của anh, từ hơn một tháng trước tôi đã nghe anh em nói đến, nhưng chỉ hiểu sơ lược, loáng thoáng: đảng Việt Xã trong Liên Hiệp Pháp được thành lập ở Sơn Tây, quy tụ được một số người. Đa số là những thành phần lính tráng, hạ sĩ quan đã từng ở các đơn vị quân đội thuộc Liên Hiệp Pháp trước 1954. Thêm vào đó là một số thân thuộc, họ hàng con cháu của họ, hầu hết là người Sơn Tây. Họ đã bí mật hoạt động được vài năm. Những người lãnh đạo trong đảng có thể chỉ có tinh thần cương cứng chống Cộng Sản nhưng thiếu trình độ tổ chức; không đủ kiến thức để nhìn rõ mình và kẻ thù. Không có đường lối vững vàng, sáng tỏ để thu hút, lôi kéo quần chúng cùng đứng dậy để chống kẻ thù chung. Tôi nói như vậy là căn cứ vào 3 sự việc sau:

1/ Ngay cái sự việc đặt đảng trong Liên Hiệp Pháp đã không có chính danh rồi. Nếu ban lãnh đạo chỉ cần có một ít kiến thức hiểu biết thì dứt khoát họ đã không dùng tên đảng như vậy.

2/ Với một lực lượng hơn 20 người, không có nội ứng mà dám chủ trương cướp trường sĩ quan bộ binh của Cộng Sản ở Phùng, Sơn Tây để đoạt khí giới phát triển lực lượng.

Số lượng người đã ít, lại ô hợp, không được huấn luyện kỹ. Vũ khí lại thô sơ thiếu sót: chỉ có 7 khẩu CKC và 2 khẩu AK, còn hầu hết là mã tấu với lựu đạn. Lợi dụng một đêm tối trời, không trăng sao, đoàn quân của đảng quần giẻ, tắm dầu vào đuôi 3 con trâu. Bật hồng đồng loạt đốt cho 3 con trâu chạy vào cổng trường sĩ quan lục quân như một lá chắn, như một mũi nhọn xung phong để đoàn quân nương theo vào phá trường. Để rồi hơn 1 tiểu đoàn bộ binh của Cộng Sản ở Ba Vì gần đấy đến bao vây và bắt gọn.

(Trên đây, chính là lời của anh Phùng Văn Cần, một trong những yếu nhân của đảng. Trong trại anh em thường gọi đùa là "tướng Cần" đã nói chuyện với tôi một buổi tối ở hội trường).

3/ Riêng phân trại E này có hơn một chục người của đảng Việt Xã. Trong đám này có 2 người tương đối có cỡ của đảng là Đinh Khắc Sản, hiện anh đang làm toán trưởng của toán 3 (xẻ gỗ). Theo như quy ước đã dự trù, nếu sau này lật đổ được Cộng Sản, anh sẽ thành bộ trưởng nội vụ. Người thứ 2 chính là anh Phùng Văn Cần, tức "tướng Cần". Người ta gọi đùa như vậy, bởi vì chính anh là người chỉ huy cuộc tấn công "châu chấu đá xe" vào trường sĩ quan lục quân ở Phùng.

Tôi rất ngạc nhiên về trình độ văn hóa và kiến thức của cả 2 người. Văn hóa, có lẽ chỉ xong tiểu học và kiến thức cũng chỉ xoay quanh cái tỉnh Sơn Tây mà thôi mà dám lập một đảng cách mạng.

Có lẽ vì thế, nên tại Cộng Sản đã để cho 2 người sống. Mỗi người chỉ mang cái án 20 năm. Một sự việc về tính chất đâu có phải là nhỏ.

Từ khi ra Bắc, trong cái điều kiện giới hạn, hẹp hòi của tôi. Trước đây biết một chút về đảng Tân Phong của Phạm Huy Tân, rồi giờ đây lại biết một ít về cái đảng Việt Xã này, làm cho lòng tôi chả có cái gì vui.

Trở lại việc anh Phồn Lạc trốn tù. Hầu hết trong trại, cho tới khi cơm nước xong, vào buồng điếm, khóa buồng, anh em tuy không dám bàn tán, xầm xì, nhưng nét mặt của ai cũng đăm chiêu khác thường. Trong lòng tôi, tuy chả nói với ai, tôi vẫn cầu mong cho anh Lạc may mắn thoát khỏi những nanh vuốt của kẻ thù. Khi nãy nghe anh Đồng nói sơ qua tôi đã hiểu: mỗi khi có tù trốn, một số cán bộ và công an vũ trang đã được phân công từ trước. Tất cả sơ đồ, địa hình toàn bộ khu vực trại có những đường mòn dẫn tới đâu, đều có cán bộ mang cơm nắm đi nằm ếm khắp các nẻo đường. Bởi thế, đã từ lâu, thỉnh thoảng có tù trốn, nhưng sớm muộn trong vài ngày là đều bị bắt lại. Tuy tình huống khác nhau nhưng mỗi người đều gặp những chuyện không ngờ cả.

Tôi nằm đắp chăn, cứ hình dung tưởng tượng. Bên ngoài, một lũ người và một lũ chó đang xục xạo khắp nơi để tìm một con mồi. Con mồi đó thật khốn khổ yếu đuối, so với cái lực lượng lớn mạnh như thế đi săn tìm. Tôi hiểu anh Lạc, trước khi trốn đi, cũng đã phải nhiều đêm ngày đấu tranh gay gắt, giằng co tơi bời ở trong lòng. Hẳn anh cũng đã biết, anh chẳng có hy vọng nhiều thoát khỏi, có chăng chỉ một chút

le lói niềm tin ở những chuyện bất ngờ. Một kiếp người, một mạng sống thật rẻ để đánh canh bạc này. Một canh bạc, một ăn mười thua để rồi cuộc đời sẽ chết hay sẽ khổ đau hơn nữa. Hoặc nếu may mắn, được ở trong cái tỷ lệ 1/10 thành công thì cũng chỉ tìm được một cuộc sống tối thiểu bình thường cho một kiếp người.

Trời bên ngoài càng lúc càng tối dần, nhưng niềm hy vọng anh Lạc trốn thoát, lại càng lớn dần lên. Phan Thanh Vân nằm bên cạnh vẫn chưa ngủ. Thấy anh trở mình xoành xoạch, thỉnh thoảng thoát ra một tiếng thở dài nhẹ nhẹ. Chẳng hiểu Vân có đang nghĩ đến anh Lạc như tôi không? Hay Vân sắp được tha, Vân đang suy nghĩ về những cảnh đời sắp tới của Vân? Lòng người vạn ngã, ai hiểu được lòng ai? Dù có nằm bên cạnh nhau.

Hồn tôi bỗng bênh, lảng đãng chìm dần vào giấc ngủ muộn thì 3 tiếng súng dóng đuôi nhau giật ré lên trong rừng sâu. Âm thanh của 3 tiếng nổ, kéo dài ra đập vào những cây nửa già rên lên như ai oán làm tôi choàng tỉnh dậy. Hai ba tiếng nói dội vào bóng đêm ở phía sàn trên:

- Bắt được tù rồi!

Tim tôi hơi giỗi lên nghẹn lại. Tôi chưa hiểu lúc này là mấy giờ khuya? Thấy Vân trở mình, tôi lên tiếng:

- Mấy giờ rồi Vân?

- Khoảng 11 giờ!

Giọng tỉnh queo của Vân làm tôi tỉnh hẳn. Như vậy, Vân vẫn chưa ngủ. Tôi đã hiểu khi có 3 tiếng súng, là ở nơi đó đã bắt được tù. Tôi chưa biết người anh Phồn Lạc, nhưng lúc này tôi thấy thương anh thật nhiều. Bây giờ mọi người trong buồng đang nằm yên ổn trong chăn ấm, nhưng ở chỗ kia, chỉ gần đây thôi hẳn là anh Lạc đang tối tai mặt mũi đón nhận những trận đòn thù, hội chợ. Ôi, một kiếp người yếu đuối, lẻ loi trước cường quyền!

Chừng nửa giờ sau, trong buồng hơi xôn xao. Một số người xô ra phía cửa sổ nhìn ra ngoài sân trại. Tôi cũng nhào đến. Kia kìa! Hai chiếc đòn nửa còn tươi, được buộc với 3 đoạn nửa nhỏ nằm ngang thành một chiếc cáng thô sơ. Tên Thái đi trước, tên Tân trật tự đi sau. Hai

tên đang khênh trên cáng một thân hình gầy guộc, trần như nhộng, mặc mỗi chiếc quần đùi rách, đầu tóc, mình mẩy đầy bùn đang nằm không khoèo bên trên. Tên Căn trực trại và mấy tên bộ đội nữa cầm một chiếc đèn bão và súng ống đi kèm theo sau về phía nhà kỹ luật.

Bao nhiêu người trong buồng chen nhau nhìn cảnh ấy, nhưng rồi chẳng ai nói với ai một lời, đều về chỗ nằm của mình trùm chăn, tôi cũng vậy. Một nỗi sầu của đời đang phủ dần xuống lòng mọi người.

Sáng hôm sau ra lán lao động. Mới khoảng 10 giờ, Nguyễn Huy Lân đã lên chỗ lán vernie nhỏ nhè nói cho biết một ít chi tiết về vụ Phồn Lạc trốn mà Lân vừa được lão cán bộ Kịch rí cho biết sáng hôm nay: toán gạch làm việc ở một bãi đất trống và trũng cách trại E hơn 2 cây số (đường chim bay) về phía Tây. Trong khu vực toán gạch này, trống trơn, chỉ có một căn nhà con, được chia làm 2 gian, một gian cho cán bộ ngồi làm việc, một dùng để làm kho. Một chiếc lò gạch to với một cái sân rộng có một số gạch thô đang phơi và mấy đồng gạch đã nung rồi. Nhiều bộ phận khác nhau của toán cũng đều làm việc suốt ngày ở ngoài trời.

Buổi chiều, khi gần hết giờ, tù cất dọn dụng cụ và rửa chân tay rồi tập hợp điểm số như thường lệ thì thấy thiếu một người. Sau một lúc tìm, xét, cuối cùng đã biết là anh Phồn Lạc. Mọi người từ toán trưởng trở xuống đều khẳng định: hơn một giờ trước, vẫn còn thấy anh Lạc, nhưng bây giờ thì không ai biết anh Lạc đi đâu. Sau đó cán bộ bắn súng v.v...

Các bộ phận đi nằm lỏng (*), đã sục khắp nơi trong rừng. Vòng đai tìm kiếm càng lúc càng mở rộng. Suốt từ 5 giờ chiều cho tới 10 giờ đêm, Phồn Lạc vẫn bật vô âm tín. Sau đó, ban tham mưu và trinh sát của trại, có người đặt vấn đề hãy trở lại hiện trường toán gạch tìm kiếm, điều xét lại một lần nữa. Cuối cùng, chỉ vì mấy con chó chết cứ sục vào đồng gạch ở giữa sân sủa ăng ăng. Sinh nghi, cán bộ cho lục bới từng đồng gạch và đã tìm thấy Phồn Lạc đang nằm run như con cày sầy trước một định mệnh quái ác, trên người. (*) *Nằm lỏng là nằm phục kín đáo ở những nẻo đường mòn dẫn ra các đường mòn dẫn ra các đường lớn để đón bắt tù trốn.*

Lạc đã bị khảo tra, đánh đập chết đi sống lại mấy lần vì không chịu khai ra ai đã đồng mưu xếp gạch che kín lỗ cho Lạc. Nhưng anh Lạc dù bị đánh tưởng không còn thể sống được nữa, anh vẫn cương quyết

trước sau như một là do tự một mình anh. Anh cứ trình bày là chính anh đã chuẩn bị nhiều ngày mà không cho ai biết. Ngay cả cách xếp gạch để che kín lỗ cuối cùng là một chiếc que gỗ và một miếng ván hình vuông xếp được 12 viên gạch. Nguyễn Huy Lân kể sự việc của anh Lạc đến đây thì Lê Sơn ném mạnh cái bút lông đang vẽ xuống nền nhà, giọng bực tức:

- Cái thằng Lạc này dốt thế mà cũng đòi trốn! Không có một chút óc linh hoạt, bèn nhậ tí nào cả.

Thái độ sừng cồ của Lê Sơn làm cho Lân, Quý và tôi nhìn nhau cười. Tôi cười nhưng tôi lại nghĩ đến một vấn đề khác. Tôi cảm thấy thoải mái, thích thú làm việc ở cái lán vernie này, không phức tạp vì không có ai làm chó má cả. Có lẽ Lân cũng hiểu vậy, cho nên chỉ lên đây, Lân mới nói chuyện cởi mở không phải giữ gìn. Khi nghe Sơn nói thế, Lân cau mày cãi lại Lê Sơn:

- Mưu sự tại nhân, chẳng qua là số trời chứ dốt gì?

Sơn quay phắt lại nói như gắt:

- Này nhé, nằm im trong đồng gạch, nghe ngóng theo dõi. Khi nghe thấy bắn hai phát súng thì hiểu ngay là sẽ thu quân. Chờ chừng 1 đến 2 giờ thì phải chuẩn đổi địa điểm ngay. Nhược bằng tính năm lỳ, thì bằng mọi giá phải chuẩn bị tòi, hay dầu cao sao vàng sát vào quần áo, vào người để bịt mũi lũ chó. Ai chả biết trại có một đội chó kinh hồn. Bất cứ ai muốn vượt ngục trại này, trước hết đều phải nghĩ cách vô hiệu hóa lũ chó đã.

Nguyễn Huy Lân nhìn tôi rồi lại nhìn Lê Sơn. Nét mặt Lân như đánh lại, đỏ lên tưởng như ngấu nghiến cãi nhau tay đôi với Lê Sơn, nhưng bây giờ hình như hơi nóng đã xì ra hết; Lân lại đổi "gam" thành ra ca ngợi Lê Sơn:

- Ủ, trốn phải như Lê Sơn mới là trốn, cứ như xi-nê! Đến nổi hơn 2 năm sau, tình cờ bắt được Lê Sơn; mọi người mới vỡ lẽ ra vì sao Lê Sơn đã biến mất như tàng hình.

Thấy tôi trở mặt, háo hức ngạc nhiên nhìn Lê Sơn, Lân lại quay nhìn Sơn lần nữa rồi nói như thúc giục:

- Hãy kể lại cho thằng Bình nó nghe một cú vượt thoát tuyệt hảo của mày đi!

Để thỏa óc tò mò đang nóng của tôi, tôi trầm trồ để thêm:

- Thế Sơn trốn bao giờ? Tình tiết ra sao, hãy cho tôi học hỏi một chuyện hay của đời.

Quý Cụt từ nãy vẫn cầm cúi chà sát mẫu bông gòn thắm vernie lên mặt chiếc cánh tù, ngừng lên tham gia:

- Vụ Lê Sơn vượt đã lâu rồi, từ đầu 1964 kia.

Tôi chợt nhớ đến lần vượt trốn của tôi ở dưới Hỏa Lò, cũng đầu năm 1964. Lòng tôi như chìm hẳn xuống, môi mím chặt lại, lưỡi tôi lo le đẩy vào chỗ trống của 3 chiếc răng cửa hàm dưới. Một nỗi buồn kém khả năng, thiếu bản lãnh rỉ dần ra.

Mặt Lê Sơn tươi lên roi rói, bất cứ một ai cũng hả hê thích thú khi có người khen đúng khả năng của mình. Sau đây là nội dung sơ lược vụ trốn tù của Lê Sơn và do chính anh thuật lại:

“Giai đoạn này Mỹ chưa bắn phá miền Bắc, nên hầu hết tù chính trị vẫn còn ở ngoài trại chính (tức trại xây đã hoang tàn, chỉ còn bức tường đá xây chung quanh mà tôi đã trông thấy trong ngày đầu tới trại này). Tuy cổng xây, nhưng hàng ngày cửa thường không đóng, vì luôn luôn có một công an vũ trang vừa canh gác, vừa trực gõ kèng vào những giờ quy định, cũng như trại E hiện giờ.

Do cái khả năng viết, vẽ trang trí của tôi, nên thỉnh thoảng tôi được cán bộ vào đưa ra cơ quan ban giám thị làm việc, hoặc ở lại trại để kẻ những khẩu hiệu v.v... Từ ít lâu nay tôi đã có chủ trương trốn, bởi thế lợi dụng những buổi ra vào giữa trong trại và khu ban giám thị, bên ngoài tuy luôn luôn có cán bộ đi theo. Tôi quan sát, để ý theo dõi những giờ giấc sinh hoạt hàng ngày của cán bộ cũng như toàn bộ những khung cảnh của khu vực trại giam.

Ở trại giam trung ương nào cũng vậy, thường ngày có cán bộ giáo dục, trực trại vào nhận những phạm nhân ra ngoài giáo dục, hoặc tìm hiểu tình hình trong trại. Chỉ sau một thời gian để ý tôi đã nhìn thấy một kẻ hở, từ đấy tôi nghĩ có thể thực hiện được ý đồ vượt thoát của tôi. Trong những buổi kẻ vẽ hay trang trí ở cơ quan, tôi đã xin được

một chiếc mũ bộ đội cũ, nhưng tôi không hề đội bao giờ. Tôi đã tháo được một cái huy hiệu công an mà người mất ai cũng có thể nghĩ là đã rơi tuột đầu mất. Chính tôi đã làm giả một đôi lon trung sĩ. Tôi sẵn có một cái sơ mi bộ đội cũ mà tôi đã giấu được không bị đóng dấu. Tôi thường có gần một chục cái bánh sẵn mua của trại, vẫn để hợp pháp trong cái rương nhỏ của tôi. Mọi việc tôi đã chuẩn bị tương đối kỹ, chỉ còn đợi thời cơ. Và rồi chờ mãi thời cơ cũng đã đến.

Một buổi chiều trời mưa lâm lâm nhè nhẹ, tôi đang phải kẻ mấy cái khẩu hiệu ở hội trường trong trại. Tôi để ý theo dõi từ trưa tới giờ, một tên công an vũ trang mặt mũi còn mới toanh, chắc hẳn mới đổi về. Y vừa đến cổng trại để đổi thay ca gác với một tên cũ. Không chần chừ do dự, tôi về buồng chuẩn bị. Trong buồng chỉ có một bác Tân già nằm ốm bệnh ở sàn trên, đang đắp chăn ngủ yên ảng. Tôi chạy sang buồng bên cạnh gặp anh Lù Pả đang lục đục ngồi hút thuốc lào. Anh Pả hôm nay xin nghỉ bệnh.

Trong trại, do cách sống đứng đắn, hào phóng của tôi và nhất là uy tín làm việc của tôi đối với cán bộ, bộ đội. Bởi thế, đa số anh em trong trại đều tin tưởng ở khả năng xoay sở của tôi. Và lại, tôi chưa làm thiệt hại đến ai bao giờ nên tôi nói là họ tin theo. Lúc ấy tôi hỏi nhỏ anh Pả, anh có muốn trốn theo tôi không? Mới đầu anh còn ngạc nhiên, nhưng sau thấy thái độ khẩn trương, thận trọng, thận trọng của tôi nên anh tin ngay và gật đầu. Tôi nói: anh phải tuyệt đối theo lời tôi chỉ dẫn, bảo làm gì thì làm cái ấy là được rồi. Anh đã hiểu tôi từ nhiều năm trước rồi nên anh gật đầu. Tôi căn dặn: bây giờ anh chuẩn bị quần áo đàng hoàng, nghĩa là mặc quần áo sạch sẽ. Anh có hòm, rương gì không? Anh lắc đầu và nói chỉ có một cái túi vải. Tôi dẫn Pả sang lấy cái rương của tôi. Những gì không cần thiết ném bỏ lại vào gầm sàn dưới. Những gì cần mang theo, dồn hết vào một cái rương này mang đi.. Pả ngạc nhiên, mắt đờ đẫn nhìn tôi rồi nhìn cái rương tưởng như không tin vào cái tai của mình, đến nỗi tôi phải nhắc lại:

- Tôi bảo sao, anh cứ làm vậy!

Mọi thứ khi chuẩn bị xong, lúc này đã khoảng 3 giờ hay 3 giờ rưỡi chiều rồi. Trời có vẻ hơi hửng sáng, chỉ còn lất phất mấy sợi mưa phùn thưa. Từ ở trong nhà cầu, tôi đội mũ đeo lon đi ra trước con mắt to đầy ngạc nhiên nhưng vẫn còn nhiều lo lắng của anh Pả. Tôi bình thản và tỏ ra rất đường hoàng để trấn áp nỗi lảng lo của Lù Pả, tôi bảo anh ta:

- Bây giờ cứ xách chiếc rương đường hoàng theo tôi ra cổng trại.

Ra tới sân, tôi kéo hơi thấp chiếc mũ xuống một chút vì thoáng gặp bác Thần già quét dọn vệ sinh trại từ phía dưới bếp đi lên. Lúc bác đi ngang qua, bác còn cúi đầu lễ phép chào tôi. Phải nói là lúc bác ngừng lên nhìn theo thì tôi và Lù Pả đã ra gần đến cổng trại rồi.

Ra tới cổng, tên công an vũ trang ở trên chòi gác vừa thò cổ ra ngó xuống, tôi hơi ngừng lên, tay chỉ Lù Pả đánh giọng:

- Đồng chí cho tôi nhận tên phạm này!

Y nhìn một tí rồi gật đầu, tôi quay lại khoẳng tay cho Lù Pả, ra ý bảo đi trước (ra ngoài trại, tù phải đi trước, cán bộ theo sau). Tôi nhìn mặt Lù Pả hơi tái đi, chiếc rương anh đang xách cứ rung rung. Tim tôi cũng hơi nghẹn lại, nhưng tôi vẫn bước đồng dục sát phía sau Lù Pả. Ra tới chỗ đường rẽ, cách cổng trại chừng 60 – 70 mét mà tôi tin chắc tên công an gác cổng vẫn còn nhìn theo. Một ngả tiến về khu giám thị và khu công an vũ trang. Một ngả dẫn ra Phố Lu, Lào Cai cách đây 8 – 9 cây số. Tôi lên tiếng khẽ bảo Lù Pả đi phía trước, giữa lúc anh Pả đang ngập ngừng chưa biết sẽ rẽ theo hướng nào:

- Rẽ về phía ban giám thị!

Từ phía sau nhìn Lù Pả, lúc này không phải chỉ thấy cái rương rung rung nữa, mà như cả người anh Pả, những bước chân đi xiêu vẹo đồ dẫn như muốn khụy xuống. Tôi cũng hơi lo, tôi vội lên tiếng nữa để động viên:

- Anh hãy yên tâm! Tôi đã có chủ định, sắp đến chỗ an toàn rồi.

Từ cổng trại đến khu nhà của ban giám thị khoảng 250 đến 300 mét. Con đường, một bên là chiếc ao lớn, một bên là một triền đồi dốc, hẹp trồng khoai lang. Dù tôi đã động viên, nhưng khi càng tiến đến gần căn nhà chính của ban giám thị thì anh Pả như không muốn bước nữa.

Từ nãy, tôi rất lo, nếu giữa quãng đường trồng này, có một tên cán bộ nào đó, bất chợt từ trong khu giám thị đi ra, thì thật là nguy hiểm. Bởi vậy tôi giục anh Pả phải bước nhanh. Khi đến trước một luống hoa, tôi tiến nhanh lên phía trước, kéo tay anh chạy lủi vào một bụi nứa có những dây sần sật leo kín. Từ đây tôi kéo anh Pả lườn ra phía sau của căn nhà chính ban giám thị. Chỗ này có mấy bụi giông riêng rất rậm.

Ngay sát vách phía sau nhà của giám thị, chúng tôi chui vào nằm im. Tôi đã tính rồi, chính cái điều bất ngờ nhất, nên chỗ này cũng là chỗ an toàn nhất trong lúc này.

Về tâm lý, không một ai có thể nghĩ tù trốn, lại vào chỗ khu giám thị, nơi đây rầy cán bộ chỉ huy của trại mà nằm. Bởi thế, kể cả người lẫn chó, chẳng bao giờ xục vào miếng đất đã có chính quyền bảo kê đó.

Quả như tôi đã dự đoán, cho tới lúc keng lấy cơm, chừng 15 phút sau thì có 2 phát súng nổ ngay phía cổng trại (lúc chia cơm, không có tôi đặt bát cơm canh, từ đấy tôi dự đoán họ đã phát hiện ra). Sau đó là tiếng keng báo động, tù phải vào buồng ngay. Như vậy tù phải mang cơm vào buồng ăn. Tiếp theo là tiếng chó sủa ầm lên.

Trời càng tối tiếng chó và những âm thanh huyền ảo, nghe càng nhỏ dần về phía rừng sâu. Tôi ra hiệu và nói khẽ cho Pả nằm yên tại chỗ. Tôi khẽ bò ra phía trước để nghe ngóng, quan sát. Trong nhà ban giám thị điện vẫn sáng trưng, 6 – 7 người lố nhố đang ngồi họp, trong đó có ông Toán, chánh giám thị. Mọi chỗ khác đều yên ắng như tờ. Với những kinh nghiệm của những năm tháng trước đây còn ở bên quân báo, qua một số âm thanh, một số địa hình tôi đã nằm, kết hợp với những nguyên tắc di chuyển đêm trong một vùng nghi ngờ có những ổ phục kích, tôi vững tâm, rời chỗ nấp tiến bước về hướng chủ định. Trước khi rời khỏi đám giông riêng, tôi thì thào cho Pả hiểu:

- Tôi sẽ mang anh ra tới chỗ an toàn, lúc đó chúng ta sẽ chia tay. Tôi sẽ tìm đường về xuôi, còn anh sẽ về ngược, vì quê anh ở bản Pó thuộc Bắc Cạn. Với một quy ước kiên định, không hề biết gì về nhau cả.

Với những phương pháp đi đêm đặc biệt ở trong rừng, chúng tôi đã vượt qua được nhiều chặng nguy hiểm. Cuối cùng tôi đã đưa anh Pả đến được con đường hàng tỉnh mà anh đã quen biết. Chúng tôi chia tay nhau, để đi về 2 ngã đời khác biệt. Riêng về chiếc rương gỗ, khi đi khỏi khu ban giám thị chừng nửa cây số, chúng tôi đã dúi nó xuống một đám bùn có bèo lục bình, sau khi đã lấy hết những thứ cần mang theo.

Phần tôi, sau 6 ngày lần mò vất vả, tôi đã về tới Hà Nội. Quê tôi ở Vĩnh Yên, nhưng tôi không hề bèn mảng. Hà Nội lúc này dân chúng đang chuẩn bị sơ tán, không khí chiến tranh đang bao trùm khắp đó đây. Tôi làm giấy giả, thay tên đổi họ, rồi tôi lấy vợ và đã có một đứa

con trai. Vì tôi nằm trong lòng chế độ này, do đấy tôi lách được vào nhiều khoảng hở để sinh hoạt, tồn tại. Cũng vì cuộc sống, tôi phải đi buôn hàng chuyển trên con đường Hải Phòng, Hà Nội và Hòa Bình. Thời gian cứ như vậy trôi đi được gần 2 năm.

Vào một buổi đó, trên chuyến tàu xuôi từ Phú Thọ về Hà Nội, tôi đang ngồi ngả lưng vào thành tàu. Thân hình lắc lư với những cái nhún nhẩy của con tàu đang đi. Tôi thả hồn theo khói thuốc sau một lúc kháo chuyện với mấy người bạn đồng hành. Rõ ràng, có một mầu vàng chắn ngang vào những làn khói thuốc trước mắt. Tôi choàng tỉnh, nhìn một bóng hình to lớn, lồ lộ đứng ngay trước mặt tôi. Ông Toán, chánh giám thị trại cải tạo trung ương số I Lào Cai.

Tôi choáng hồn, đứng bật dậy, không phải để chạy (vì còn chạy đâu được) mà để chào ông ta, nhưng ông ta đã đặt một tay lên vai tôi đè tôi ngồi lại ghế. Ông nói vừa nhẹ nhàng, nhưng cũng như vừa ra lệnh:

- Cứ ngồi yên!

Tôi cứng đờ người ra như cái máy. Tôi chỉ thoáng liếc chiếc lon thiếu tá còn mới, đỏ rầu ở cổ áo ông ta (khi tôi trốn, ông mang lon đại úy). Tôi cười như mếu nhìn ông ta, bao nhiêu những khí thể linh hoạt có sẵn trong người đều như biến đi hết. Người tôi cứng ra như "Tử Hải chết ngồi" không còn biết nói năng chi, cứ im thin thít như thịt nấu đông.

Mấy anh bạn đồng hành, thấy ông công an to quá cũng đã chuồn sang toa khác từ lúc nào. Tôi còn đang bấn loạn, thấy cả một cuộc đời, cả vợ, cả con bỗng chốc tan thành khói mây thì ông Toán đã rút trong cặp ra cái còng số 8 đen xì mở ra. Tôi líu ríu như một cái máy giờ 2 tay ra cho ông ta còng. Khi xuống ga Hàng Cỏ, ông đã điện cho xe công an đưa tôi vào gửi ở Hỏa Lò. Sau 2 ngày, chính ông ta đến lĩnh tôi ra và đưa trở lại trại I này."

Lê Sơn nói đến đây thì ngừng lại, coi như câu chuyện đã kết thúc nhưng nét mặt anh vẫn còn đăm chiêu, nhìn ra khoảng trời phía bên ngoài. Giây phút hồn anh lắng đọng đã ép, nén chúng tôi cũng nín chìm vào nỗi niềm. Một phút nặng nề riêng tư, đột nhiên anh lại nói tiếp như minh giải với những tảng mây đang lững lờ trôi ngoài khung trời ấy, hay với cõi hồn xa cũ:

- Nếu không vì cuộc sống, để tôi phải bôn ba cầu thực thì có trời mà bắt được tôi!

Câu nói của anh vẫn lọt thỏm vào cái hũ im lặng của 3 người. Còn một chút khắc khoải trong dòng liên tưởng của tôi, nên đành làm rạn vỡ cái trầm lắng do câu chuyện:

- Thế về trại rồi sau đó ra sao?

Như choàng tỉnh, mặt Lê Sơn rần lại, mắt anh như có những tia sáng, quắc lên:

- 6 tháng trời, cùm kẹp thê lương! Nếu không vì một số cán bộ có thiện cảm riêng tư từ trước thì họ đã để cho chết rồi. Với bao nhiêu kiểm thảo, kiểm điểm, học hành cho đến rã người ra.

Sơn ngừng lại một lúc rồi lại tiếp, giọng đầy ai oán:

- Khi được thả cùm ra, tôi đã được khênh về buồng, rồi ốm thêm 2 tháng nữa mới khỏi, mới lại người. Mọi người tưởng tôi không còn sống được. Trước đây tôi bị ràng, bốt, theo dõi chặt chẽ lắm, chỉ mới lỏng ra được hơn năm nay.

Để cho Sơn nói xong, tôi chỉ hỏi một câu trống không, có thể trả lời theo nhiều hướng:

- Thế bây giờ sao?

Nhưng Lê Sơn rất bén nhạy, đã trả lời đúng ý tôi muốn biết:

- Bây giờ thì tôi không muốn trốn nữa, vì tôi sắp được về rồi!

Quý Cụt, Lân và tôi đều mở to mắt thì Sơn để một ngón tay lên miệng cộc lốc:

- Bí mật!

Nói rồi, anh quay vào tiếp tục kể, vẽ.

Nghe xong câu chuyện vượt ngục của Lê Sơn, tôi thừa nhận anh thật nhanh lẹ, có tài. Tôi nghĩ đến đoạn Sơn dẫn Lù Pả ra khỏi cổng trại: Nếu lúc ấy lại có một cán bộ quen, bất chợt đi ra thì làm sao? Nghĩ

thế, vì tôi liên tưởng đến vụ trốn của tôi ở Hỏa Lò. Thôi, định mệnh!
Lại nhắc đến những chữ "nếu" đáng ghét trong cuộc đời này làm gì
nữa.

Nhân Chi Sơ...Tính Bản Thiện

Tối nay, sau khi điếm xong, buồng 2 rôm rả hẳn lên. Trước khi vào buổi sinh hoạt tổ thường lệ, anh buồng trưởng Nguyễn Huy Lân tuyên bố:

- Thể hiện lòng ưu ái, chiếu cố của ban giám thị, trại thông báo bán mía cho trại viên. Mỗi kg mía giá 1 hào, các toán làm danh sách thu tiền. Chiều mai, tự giác của mỗi toán sẽ ra trại ngoài xe mía về.

Chỉ mấy câu tuyên bố của anh Lân mà làm cho buồng 2 sôi động ồn ào như ong vỡ tổ. Người ta trèo lên, trèo xuống giữa sàn trên và sàn dưới. Người ta chạy Đông, chạy Tây để mượn tiền nhau và để ghi tên mua mía. Chắt ngọt ở trong tù là một thứ vưu vật của cuộc đời. Theo anh em thì đã hơn 10 tháng nay rồi, nay trại mới lại bán mía.

Những người có tiền mua mía xốn xang, hân hoan sôi nổi bao nhiêu, thì càng khoét sâu nỗi niềm lẻ loi, âm thầm lạc lõng của những người không có tiền bấy nhiêu. Đây là một dịp như ngàn năm một thuở, nên hầu như ai ai tùy theo ít hay nhiều đều có ghi tên và số tiền mua mía. Không có tiền thì vay mượn, tôi để ý cả các anh em biệt kích như các cậu Châu, cậu Sáng cũng rới rít ghi tên. Tôi hiểu rằng họ là những người đã ở trại này lâu rồi nên ít nhiều có tiền năng suất trong khi lao động. Dù cho họ không có năng suất chằng nữa, trong cách giao tế, họ xoay sở cũng có chỗ mượn vay được. Hoặc họ là loại tù tập trung, mỗi tháng họ đã có một đồng. Theo quy chế của các trại giam trên toàn miền Bắc ở giai đoạn ấy. Tiêu chuẩn cho một người tù có án là 12 đồng một tháng. Loại tập trung cải tạo 3 năm thì tiêu chuẩn là 13 đồng một tháng, loại này, cứ 3 năm thì được phát một cái màn cá nhân, tù án thì không có. Như vậy, tiêu chuẩn chung cho một người tù mỗi tháng là 12 đồng, do đấy, những ai bị tập trung cải tạo, mỗi tháng được lĩnh một đồng để giải quyết trong sinh hoạt.

Chỉ có tôi, một phần vì mới lên trại, chưa có điều kiện quan hệ thâm tình với ai. Nhưng cái chính là do cái quan điểm, cái mặc cảm sai lầm là không thể mở miệng để vay mượn ai của tôi (vì vay rồi thì lấy đâu mà trả). Bởi vậy, tôi đã tự khoan cho tôi một cái vòng, thiếu hòa đồng để trở thành đến lui thủi âm thầm một mình. Chính vì cái quan điểm vẩn vơ này mà ngay những điều thuốc lào nó cũng đã hành tôi biết bao nhiêu, trong những đêm buồn ít ngủ. Tuy tôi hút không nhiều, mỗi ngày chỉ 3 - 4 điếu là cùng. Ban đêm, mỗi khi giật mình

dậy đi đá, nhưng khi đá xong, trở lại trong mùng thì không thể ngủ được nữa vì thèm một điều thuốc lào. Không ngủ được thì ngồi ở trong màn...chờ. Nhìn hết sàn trên rồi sàn dưới, chờ cho tới khi có một ai đó báo cáo dậy đá. Lại phải xem họ là ai, họ có hút thuốc lào hay không? Họ có quen mình hay không, hay có phải là người dễ dãi, thông cảm với mình không?

Chưa có hút thì ngồi sầu mong đợi, nếu gặp được người thông cảm cho hút xong điều thuốc rồi: say thì vẫn say, nhưng lại có một nỗi sầu khác càng sầu hơn nữa. Nỗi sầu tủi của người không tiền cứ gậm nhấm, rĩa mó cỏi lòng của mình chìm mãi vào đêm thâu. Ôi, biết bao thấp thỏm, nhục buồn do điều thuốc lào chỉ vì tôi chưa tìm được cách nào để kiếm được tiền.

Cũng đã nhiều lần phẫn uất, tôi định từ bỏ nó, nhưng rồi nhìn khắp 4 phương, cuộc đời của mình có còn cái gì vui đâu. Chỉ còn có điều thuốc lào, là người bạn thủy chung để mình gửi gắm những tâm tư, những nỗi niềm thầm kín riêng của mình. Tóm lại, vì tôi không có tài xoay sở, lại không muốn mở miệng vay mượn ai, dù tôi hiểu nếu tôi vay thì sẽ được. Cho nên, tất yếu là phải nhận lấy những nỗi niềm đang nhận.

Chuyện mua mía chưa hết, rồi cho tới ngày mía được phân phối về từng toán. Người ta ồn ào, í ới gọi nhau chia chác. Chia xong, người ta hì hục, hớn hờ khuân mía về chỗ mỗi người để cất, để dành, rồi lại riu rít quây quần ngồi nhai mía.

Trong khi mọi người hân hoan, mãi mê tận hưởng cái vươ vật của đời thì lại là cái nạn đối với tôi. Do cái bản tính rớm của mình, tôi không thể ngồi nhìn mọi người thưởng thức cái ăn. Nếu tôi lì mặt ngồi đó, thì sẽ có người thấy ái ngại mà mời tôi ăn. Từ chối không ăn thì tỏ ra kênh kiệu mà còn làm cho người ăn mất tự nhiên, nếu cứ ngồi đấy. Tôi hiểu rằng đây là của quý, của hiếm, là thịt, là máu của họ; cho nên tôi sẽ còn khổ tâm biết bao nhiêu khi phải nhận cái mà họ mời mình gượng ép. Bởi thế, nó sẽ nhẹ nhàng cho tôi biết bao, nếu họ ăn vào những giờ trưa, hay những ngày Chủ Nhật. Tôi chỉ cần ra khỏi buồng tránh chỗ họ ăn là được. Tuy rằng, ở trong trại chẳng còn tránh chỗ họ ăn là được. Tuy rằng, ở trong trại chẳng còn một chỗ nào để tôi ngồi được thoải mái, yên thân. Hội trường, hè trước, hồi sau, đâu đâu cũng có nhóm hoặc từng cá nhân ngồi nhai mía. Vậy chỉ còn một chỗ duy nhất, yên tĩnh nhất, tuy phải cái mùi hơi thối là trong nhà cầu của trại. Tôi đành ra đấy ngồi; thà để mũi chịu đựng cái mùi phân (phân tù

không thối mảy) còn hơn mang cái nổi nặng nề ở trong lòng. Nhưng nếu họ ăn vào những buổi tối thì thật là buồn ơi là buồn! Trời lạnh còn đỡ, trời nóng tôi vẫn phải nằm đắp chăn trùm kín đầu. Nghĩa là, cứ sau khi sinh hoạt tổ, toán xong, thấy họ rục rịch lúi mía ra chuẩn bị ăn là tôi phải sắp xếp đi nằm.

Có lần Phan Thanh Vân cứ đập vào chăn bắt tôi ngồi dậy ăn mía với anh, nhưng tôi đã cảm ơn, nói trong người đang khó chịu. Đã từ chối một người thì phải từ chối hết. Năm đấy mà lòng có yên đâu, tai vẫn nghe họ nhai mía rồn rột ấy.

Tôi cũng hiểu rằng, trong trại hàng mấy trăm con người, chẳng phải duy nhất có một mình tôi là không có cách nào có tiền. Tuy số này rất ít, mỗi toán chỉ một hay hai người. Những người này được coi là kém về mọi mặt. ở cái thành phần vợ vét, nhạt nhạt. Họ đi vợ, đi gom những bã mía, vỏ mía để ngày hôm sau đem ra lán hay ra đồng dùng ống nứa tươi nấu kỹ lại, cô đọng may ra còn ít chút ngòn ngọt. Ngọn mía thì đều bị chặt ngay từ lúc thu hoạch, để dành trồng cho vụ mía năm tới. Mặt khác, phải hiểu là cái máy nghiền (hàm răng) của mỗi người tù đối khổ thì bã mía cũng xác xơ, không còn gì; ngay ruồi nhặng cũng đừng hòng kiểm chác. Thông thường, mỗi đợt trại bán mía như vậy. Trại ăn lai rai hàng tháng trời mới hết, dù trung bình mỗi người mua từ 5 kg tới 10 kg, tức khoảng từ 2 cây đến 5 cây mía.

Chính vì những dồn nén của hoàn cảnh sống trong tù như thế, nên tôi đã nhờ Nguyễn Huy Lân toán trưởng xin với cán bộ toán cho tôi sang học mộc. Không ngờ, sự đề nghị sang học mộc của tôi lại được ông Kịch, cán bộ toán đánh giá là tiến bộ. Bởi vì với cái nhìn của mọi người về tổ vernie là một chỗ lao động tương đối nhàn hạ. Phải là người được chiếu cố, hoặc có ít nhiều khả năng mới được làm ở đấy.

Tuy công việc vẽ hay đánh vernie không có năng suất nhưng là một công việc "hoa lá cành" nghệ thuật. Nhiều người có quan điểm "vạn sự bất như nhàn", nhưng với tôi, như đã trình bày ở trên, tôi phải tìm một cách sống phù hợp với tôi. Còn một điều nữa cũng góp phần thúc hối tôi quyết định học nghề mộc; Thường thường cứ 10 ngày hay một tuần lễ, có một chiếc xe vận tải ọp ẹp từ trại chính vào lấy sản phẩm như giường bàn, tủ ghế. Lúc đó, cán bộ và toán trưởng không bao giờ lấy người thợ chính đi khênh vác mà cứ nhắm những anh tép riu, những nhỡ, không nghề, không nghiệp bắt đi khênh, chuyển hàng ra xe đậu bên ngoài cổng lán thủ công. Bị những tên cán bộ hoặc toán

trường quát tháo chỉ tay sai phải khênh cái này, vác cái kia làm cho cõi lòng tôi càng tím thẫm lại hơn. Và lại, dù mới lên trại hơn 3 tháng cũng đủ cho tôi thấy: sống ở trong bất cứ một tập thể nào, nhất là ở trong nhà tù càng đầy rẫy những người chung quanh muốn trèo, muốn đạp mình xuống để họ vươn lên. Bởi vậy, để khỏi bị đè đầu, chèn ép: một là anh phải tìm mọi cách để vươn lên ở cái thể lãnh đạo, chỉ huy như trật tự, toán trưởng, tổ trưởng. Hai là anh đi làm chó tổ cáo anh em để có thể của cán bộ, không ai dám đè mình.

Nếu cả 2 thứ trên, không phải là mục tiêu hành xử của anh thì chỉ còn có một con đường duy nhất: anh phải có một cái nghề vững, một tay nghề mà ít người làm được như anh. Như vậy mới có thể khả trợ tránh được những đè ép của đời tù. Tôi nhớ lại một sự việc, cho đến bây giờ vẫn chưa mờ nhạt được trong lòng tôi:

Chừng khoảng nửa tháng, sau vụ trại bán mía cho tù. Vào một buổi chiều Chủ Nhật, tôi loay hoay quét dọn, làm vệ sinh ở chỗ tôi nằm. Phan Thanh Vân đang tắm giặt ở dưới giếng. Khi tôi kéo cái bọc quần áo cũ của tôi trên cái kệ phía trên đầu sàn. Một cái túi con vải nâu, bé tí bằng bàn tay đưa tré lên 3, đột nhiên rơi xuống sàn. Tôi vội vàng nhặt lấy mở ra, choáng hồn, bên trong có 4 tờ giấy bạc một đồng, tiền của trại. Trời! Ai có nhiều tiền thế! Những 4 đồng có phải ít đâu. Tôi đoán chắc là của Phan Thanh Vân, nhưng sao lại sang chỗ tôi? Có thể Vân đã vô tình để vương sang chăng? Tôi liếc nhìn Lù Chấn Páng và bác Chánh già ở cách đấy mấy chiếu, đang ngồi khâu vá. Chẳng ai để ý đến tôi cả. Tim đập hơi khác thường, tôi đấu tranh giằng co giữa 2 vấn đề: chốc nữa hỏi Vân xem có mất tiền hay không? Hoặc cầm chiếc túi giơ cao, rao to ở trong buồng: ai có chiếc túi này, hãy nói bên trong có gì, nếu đúng, tôi sẽ trả. Hay cứ im đi, cất kỹ nếu có ai kêu mất thì mình sẽ đưa ra. Tôi ngồi thừ ra một lúc, một ý tưởng lơ mờ, lờn vờn lén vào trong óc: nếu mình có 4 đồng này sẽ ưu tiên cho 2 cái cần thiết là thuốc lào và xà phòng. Cả một năm, mình sẽ ung dung không phải lo đến 2 thứ đó nữa.

Ôi, 4 đồng, số tiền lớn quá! Tôi thấy bắn hết cả người lên, vội vàng quét dọn sơ sơ rồi tôi chạy hộc tốc xuống giếng. Thực ra lúc tôi chạy xuống giếng, cũng không biết để làm gì nữa chứ? Có lẽ để nhìn mặt Phan Thanh Vân xem sao, thế thôi! Tôi có cảm tưởng là chỉ cần nhìn mặt Vân là tôi đã biết được ngay tiền đó là của Vân hay không.

Gặp Vân, thấy anh đang lom khom kéo chiếc gầu tôn nước dội xối xả vào người. Tự nhiên tôi thấy vui hẳn lên. Tôi ca ngợi Vân chịu lạnh tốt, vì trời vẫn còn lành lạnh của những trận Heo May cuối mùa. Tôi cười nói huyên thuyên với Vân một lúc, rồi tôi lại chạy về buồng, lấy chăn ra đắp, nằm suy tính cho dứt khoát. Anh chàng Vân, nếu tinh ý, sẽ thấy ngạc nhiên tại sao hôm nay tôi lại vui thế; và Vân sẽ phải tự hỏi, tôi xuống dưới giếng để làm gì chứ? Chả lẽ, trời lạnh như vậy tôi chạy hộc tốc xuống giếng chỉ để nói vài câu băng quơ với Vân rồi lại chạy về ư? Nhưng nỗi niềm ở trong lòng mỗi người, bên ngoài ai mà biết được! Và mỗi người là một cuộc đời riêng, ai để ý làm gì? Cho tới lúc Vân đã phơi quần áo xong, về chỗ. Lúc Vân lục đục ngay bên cạnh tôi, thì tôi đã quyết định dứt khoát: tôi sẽ cất kỹ cái túi, im bắt. Nếu Vân hay bất cứ ai trong buồng kêu mất cái túi thì tôi sẽ lấy ra trả, nói rằng thấy rơi ở phía đầu giường.

Mặc cho Vân vẫn cứ hì hục bên cạnh, tôi nằm lan man suy nghĩ hết hướng nọ ngả kia. Từng mảnh đời to nhỏ ngược xuôi, có lúc lững lờ, lảng vảng, có lúc vùn vụt chạy qua óc tôi. Tư tưởng diễn tiến của một con người cũng thật phức tạp, kỳ lạ. Mới nửa giờ trước còn định cầm cái túi rao to lên để trả cho người mất, thế mà giờ đã thay đổi khác rồi, đã thấy mình có một phần quyền lợi trong cái tiền 4 đồng, thực tế là của người khác. Tôi nhớ vào khoảng năm 1958 ở thành đô đầy hương sắc và tình người:

Vào một buổi tối, tôi và đứa em trai 15 tuổi đèo xe đạp nhau đi xem xi nê ở rạp Nam Quang trên đường Lê Văn Duyệt. Chúng tôi xem suốt cuối, từ 9 giờ đến 11 giờ đêm. Hôm ấy chiếu phim gì cho tới nay tôi không còn nhớ rõ, nhưng một sự việc trong buổi ấy vẫn hẳn lên trong lòng tôi không thể phai mờ.

Trong rạp, khi phim vừa hết, đèn bật sáng. Mọi người đều lũ lượt theo nhau ra phía cửa rạp để về nhà cho sớm. Tôi và thằng em đứng lên sau cùng, chúng tôi đều nhìn thấy ở hàng ghế phía trên, một chiếc ví da dày cộm đang nằm phơi mình trên một chiếc ghế. Nhìn quanh, suốt mấy hàng ghế đó chả còn ai. Tôi nghiêng cúi người sang cầm lấy chiếc ví, mắt ngơ ngác nhìn theo những giòng người đang chen chúc nhau ra về.

Tôi chờ, tôi tưởng như sẽ có một người hốt hoảng trở lại hàng ghế để tìm chiếc ví của mình. Vì thế, tôi vẫn cầm nguyên chiếc ví ở tay chẳng dám mở ra để biết cái gì bên trong. Mãi cho tới lúc người ta đã ra hết,

tôi ra hiệu cho thằng em cũng ra ngoài cửa, trước con mắt chăm chăm của nó đang nhìn vào chiếc ví.

Khi ra đến ngoài, cửa rạp đã lưa thưa, vẫn hắt bóng người. Trời đã vào khuya, 11 giờ 30 đêm rồi! Một tay tôi vẫn cầm chiếc ví, một tay dắt chiếc xe đạp. Tôi còn bấn loạn tâm hồn chưa biết quyết định ra sao trước một việc bất ngờ thế này. Thằng em trai cứ lú lú theo tôi, nó vẫn tin và làm theo những quyết định của tôi. Dùng dằng, do dự một lúc, tôi quyết định phải mở chiếc ví ra xem bên trong có cái gì? Tôi đưa chiếc xe đạp cho người em dắt, dẫn lại dưới một cột đèn sáng, tôi mở chiếc ví. Lần đầu tiên trong cuộc đời hai anh em tôi nhìn thấy dollars Mỹ. Có khoảng 10 tờ giấy 10 dollars, hơn một chục dollars loại giấy một đồng, và một tờ giấy dollar 50 đồng. Ngăn bên kia, hơn 20 tờ giấy một trăm tiền của Việt Nam Cộng Hòa. Còn nhiều giấy tờ nữa, đút đầy trong các ngăn của chiếc ví mà tôi không dám và không muốn lục lợi kỹ. Tôi vẫn có cảm tưởng là không được xục xạo chuyện riêng tư của người khác. Tôi nhìn thấy một tấm thẻ tên Võ Văn Ba số nhà 50B đường Lê Văn Duyệt, Gia Định.

Lúc này, tim tôi càng xốn xang đập mạnh hơn. Trời lại càng khuya, đường phố đã vắng hắt bóng người. Tôi có ý định, hay đem vào gửi người coi rạp xi nê để cái ông Ba này sẽ trở lại hỏi, tìm chiếc ví. Nhưng khi 2 anh em tôi trở lại trước cửa rạp thì họ đã đóng chặt hết các cửa rồi, im ắng, chả còn ai ở đấy. Đầu tôi chợt lóe lên một ý tưởng, tại sao không mang đến trình, nộp cho bót cảnh sát? Nghĩ thế, tôi bàn với thằng em, rồi dắt xe đạp xuống đường, háo hức đèo nhau về bót cảnh sát quận nhất.

Đường khuya, phố vắng, phần vì lo về nhà quá khuya sẽ bị bố mẹ la rầy, phần vì thấy lòng hân hoan vui thích cứ tưởng như chúng tôi đang làm một chuyện tốt, một chuyện được nhiều người khác khen ngợi là đã làm đẹp cho cuộc đời. Vì vậy, tôi càng gò lưng miệt mài chiếc xe phóng như bay trong đêm khuya.

Đến đồn cảnh sát, đã 12 giờ rưỡi khuya, vắng lặng, chả thấy ai ở bàn trực. Hai anh em tôi trở ra, trở vào thập thò một lúc mới thấy một ông cảnh sát ở trong buồng đi ra. Thoáng thấy chúng tôi, ông ta quát lớn:

- Mấy cậu kia đi đâu?

Tôi vào, đặt chiếc ví lên bàn và trình bày lý do đã nhặt được nó. Cuối cùng, tôi nhờ cảnh sát trả lại chiếc ví cho người chủ của nó. Ông ta cầm ngay lấy chiếc ví, mắt ông ta chuyển ngay từ màu vàng, cái màu của hách dịch, lạnh lùng sang cái màu xanh lam êm dịu nhìn chúng tôi. Rồi tới khi ông ta mở chiếc ví thì mắt ông ta như lồi thê ra, mồm há hốc. Tay ông ta run rẩy lôi những tờ dollars ra để xuống bàn, mắt ông ta lại ra vẻ lấm lét nhìn chúng tôi. Tay ông ta chỉ hàng ghế dọc theo phía tường trước bàn, miệng ông ta nói trong nỗi xúc động tràn ứ:

- Các cậu hãy ngồi xuống đó cho khỏi mỏi chân.

Cũng là lúc một ông cảnh sát nữa từ ở phía trong đi ra. Hai ông vừa đếm tiền, vừa xem xét các giấy tờ. Thình thoảng các ông lại liếc về phía chúng tôi. Chừng 10 phút sau, các ông nói nhỏ với nhau một lúc rồi cùng tiến lại phía chúng tôi. Ông cảnh sát ra lần sau, đặt một tay lên vai tôi nói rất nhỏ nhẹ, êm dịu:

- Các các cậu vẫn còn là học sinh phải không? Các cậu đã làm một việc đáng khen, bây giờ, các cậu có thể về nhà nghỉ, kéo khuya rồi. Chúng tôi sẽ có trách nhiệm mang chiếc ví lại trả lại cho người chủ, và chúng tôi thay mặt người chủ chiếc ví cảm ơn các cậu.

Hai ông cảnh sát rất vồn vã, tiễn hẳn chúng tôi ra đến cửa, còn đứng nhìn theo chúng tôi đạp xe đi xa rồi mới quay vào.

Về đến nhà, đã 2 giờ khuya, tuy mệt nhọc, nhưng lòng chúng tôi thênh thang như mở hội. Tôi vẫn nhìn thấy cuộc đời toàn gấm hoa rồi mơ màng chìm dần vào giấc ngủ muộn của tuổi đôi mươi.

Mấy hôm sau, tôi đem chuyện nhặt được chiếc ví khoe với mấy người bạn. Họ đều nêu lên vấn đề là có thể các ông cảnh sát sẽ lấy hết tiền, rồi chỉ trả cho người chủ chiếc ví những giấy tờ mà thôi. Họ trách tôi, sao không để hẳn lại ngày hôm sau mang lại nhà trả cho ông Võ Văn Ba.

Tôi cũng thấy ý kiến của các bạn cũng có khá đúng, nhưng phần vì tôi không muốn mang chiếc ví lại nhà họ, để ra cái vẻ mặt một người làm ân đứng trước một người thọ ân. Phần khác, tôi vẫn cho rằng, tôi đã làm tròn, làm đẹp cái khâu trách nhiệm của mình rồi. Nghĩa là nhặt được của rơi đã đưa đến nộp cho cảnh sát. Vậy còn những khâu khác,

nếu họ không làm tốt, làm đẹp thì thuộc về cuộc đời rồi, tôi làm sao mà lo hết?

Từ chuyện chiếc ví năm xưa, giòng tư tưởng của tôi lại chảy dài về một sự việc khác, 7 năm sau đó, ở Hỏa Lò Hà Nội: giai đoạn này tôi đang ở xà lim I (xà lim án chém). Xà lim lúc đó do ông Dư phụ trách. Một sự việc mà tôi vẫn thấy lòng băng khuâng, buồn buồn mỗi khi nghĩ đến. Tôi nhớ vào một buổi, tôi cũng vào nhà tắm để đổ xô như thường lệ. Trong khi tay tôi vẫn khoắng xô tráng nước thì mắt tôi liếc đây đó, nhất là cái thùng đựng giẻ chùi (tôi đang tìm giẻ để khâu đồ chống muỗi). Tôi thoáng thấy ở mé bậu cửa có một miếng xà bông thơm, màu xanh to bằng 2/3 hộp quẹt diêm. Phải nói là từ mấy năm rồi nằm ở xà lim, tôi ước mong có một miếng xà bông con như vậy, nhưng chưa bao giờ được. Tôi có cái bàn chải đánh răng, từ bao lâu chỉ đánh bằng nước lã. Tuy tôi không nhìn thấy, nhưng tin chắc là răng tôi bẩn lắm, sợ có thể bị sâu, hơn nữa hôi mồm. Tôi cần một miếng xà bông bất kể là loại gì, chả cần to lắm. Mỗi ngày tôi chỉ cần quẹt có một tí cho có bọt rồi đánh răng cho nó sạch miệng.

Thế mà hôm nay, bất ngờ lại nhìn thấy, tôi suy đoán, có thể của một nữ cán bộ nào vào tắm rồi quên. Và cũng có thể là của một buồng nào đó họ để họ để quên không chừng. Tôi đã nhét vào cặp quần, rồi bần khoản lại moi ra định để lại chỗ cũ. Nhưng sau không cưỡng nổi với lòng tham của tôi, vì một miếng xà bông này, tôi có thể dùng ít ra được một năm, trong khi không còn một cơ hội nào để tôi có cả. Vì vậy, tôi lại nhét trở lại cặp quần và mang về buồng.

Vào buồng, tôi đang hí hửng với một món đồ quý, ngẫu nhiên lại có, thì buồng số 14 báo cáo giọng Quảng Nam trọ trọ:

- Béó céo cán bộ, buồng tôi để quên miếng xà bông trong nhà tắm!

Tôi vừa hồi hộp, vừa ngần ngừ lắng nghe. Tiếng báo cáo 2 – 3 lần mới thấy tên Dư vào mở cửa buồng:

- Để quên đâu vào mà lấy!

Tôi ngập ngừng, giằng co giữa muốn báo cáo trả, nửa không muốn trả. Cuối cùng giọng số 14 vừa từ nhà tắm đi ra vừa báo cáo:

- Béó céo, buồng nào đã lấy mất rồi!

- Miếng xà bông to không?

- Bằng bao diêm, bánh xà bông hoa nhài, vợ tôi mới gửi vào, tôi cắt đôi.

Tôi biết xà bông hoa nhài giá 4 hào, một bánh. Đây là ½ bánh, nhưng đã dùng nhiều lần rồi chỉ còn bằng 2/3 bao diêm thôi. Giọng tên Dư lại cất cao:

- Buồng nào lấy nhầm miếng xà bông của người ta, báo cáo trả lại cho người ta. Nếu không, tôi vào từng buồng khám thấy thì đừng trách.

Tôi đã lưỡng lự, định báo cáo trả, nhưng khi nghe y đe dọa sẽ khám các buồng thì tôi lại không muốn trả nữa. Để xem y có khám được không! Tôi cúi nghiêng xuống, sờ tay xuống mặt dưới của cái sàn xi măng. Vì là mặt dưới nên họ đồ xi măng hãy còn lỗ chỗ, sần sùi sỏi lẫn cát. Tôi lấy miếng xà bông ra, mò tay xuống ấn ngược lên, miếng xà bông dính chắc. Như vậy có trời mà tìm, trừ trường hợp có cái máy ngửi xà bông thì mới họa chăng. Tên Dư cũng chỉ phách lối, dọa như vậy, chứ cũng không đi khám buồng nào cả.

Tôi cứ nằm bồng bênh, đầu óc cứ hết cuộn vào rồi lại mở ra. Từ chuyện cái ví năm xưa, đến miếng xà bông mới đây ở dưới Hỏa Lò và bây giờ là 4 đồng bạc. Nội dung của chiếc ví và 4 đồng bạc lúc này thật là giống nhau, nhưng đã thay đổi hẳn hồi kết cục chỉ vì nó cách nhau một thời gian 10 năm. 10 năm trước, tâm hồn của một người thanh niên hãy còn trong trắng, chở đầy chiếc thuyền đời toàn là nhung với lụa. Mười năm sau, cũng người thanh niên ấy, tâm hồn đã vẩn đục như nước lũ mùa Hè.

Như vậy, phải chăng do chính tôi đã làm cho tôi xấu dần theo tuổi đời, hay do xã hội, cuộc đời đã làm bẩn dần tâm hồn của một con người? "Nhân chi sơ, tính bản thiện", từ đấy suy ra, người càng già thì càng nhiều thói xấu, càng đục hay sao? Tôi không tin như vậy! Có thể con người ta sẽ xấu, sẽ đục đến một cái mức nào đó, đến một cái tuổi nào đó, rồi người ta lại phải tìm về cái đẹp, cái thiện và lọc dần cho tâm hồn trong lại. Cho nên mới có nhiều ông già, bà già rất phúc hậu đạo đức.

Hàng tuần lễ sau khi tôi vớ được 4 đồng, cũng chả thấy ai kêu mất tiền. Hơn một tuần rồi, phải thành khẩn mà nói rằng: lúc này dù có ai kêu mất tiền, chưa chắc tôi đã trả, vì tôi đã biết một anh ở toán 6 có một miếng xà bông to. Anh đã bằng lòng bán cho tôi với giá một đồng, hơn nữa, tôi đã dự trữ cuối tháng nhờ mua mấy gói thuốc lào nữa rồi.

Tôi quan sát, nghe ngóng từng người chung quanh tôi. Tôi có thể đoán gần chắc 4 đồng bạc này là của Phan Thanh Vân, Vân có nhiều tiền nên dễ quên hoặc lại tưởng rơi ở nơi khác nên đã không kêu, không hỏi.

Phình Phờ Phạm Nhân Làm Chó

Tôi đã được chuyển về tổ học nghề mộc do Nguyễn Huy Lân, toán trưởng dạy hơn một tuần rồi. Tổ này, không kể anh Lân gồm có 5 người. Điều làm tôi mừng vui là lại có cậu Toàn Thái Lan và anh Thành Xuân Yên, những người cùng mâm cơm với tôi từ khi tôi mới lên trại.

Hàng ngày tôi làm quen dần với các loại dụng cụ và những từ chuyên môn của nghề mộc. Anh Lân đã chỉ cho tôi cách mài chày, mài đục, bươm, lưỡi bào v.v... Dần dần, tôi hiểu được thế nào là cưa mộng, cưa rọc, bào lau, bào phá, bào thắm. Sau những bữa nghỉ, chập choạng của những buổi ban đầu, chỉ 3 ngày sau tôi đã có thể tự lấy mực và làm hoàn thành một chiếc ghế đầu. Chiếc ghế đầu được Nguyễn Huy Lân khen là đẹp, chắc chắn, nhẵn nhụi, tuy nước bào lau còn cần phải thao tác, nghiên cứu nhiều.

Tôi say sưa nhìn tác phẩm đầu tay của tôi. Tôi triu mến, ve vuốt nó, hân hoan lòng tự nhủ lòng: chính bàn tay mình đã làm được một sản phẩm hữu ích cho đời dù bé nhỏ. Từ ý thức phải học một cái nghề cho tinh, cho vững ở trên tôi đã trình bày. Phần khác cũng do quan điểm: "nếu trong cuộc sống chưa có cái mình thích, thì hãy thích cái mình đang có". Trong điều kiện hiện nay ở nhà tù thì tôi phải yêu cái nghề mộc này. Tôi yêu cái tôi đang có. Chính vì vậy, tôi đã háo hức hăng say học hỏi và nỗ lực lao động. Chỉ sau 2 tuần lễ, tôi đã làm được một ghế đầu trong một công lao động (một ngày). Đạt mức khoán, điều mà tổ học nghề, trước đây chưa ai đạt.

Đợt kế tiếp, tôi nhận lãnh 5 chiếc ghế đầu, tôi chỉ thao tác trong 4 ngày là đã hoàn thành. Như thế tôi đã vượt năng suất một công. Theo quy định của trại, một công lao động của một người tù trị giá 4 hào. Có thể do anh Lân báo cáo thế nào với cán bộ Kịch. Nhiều lần, y xuống dưới lán mộc, đứng hàng giờ quan sát tôi miệt mài thao tác lao động, để rồi cuối tháng đó anh Lân nộp danh sách bình bầu mức ăn của toán cho cán bộ toán. Chính tên Kịch đã bảo anh Lân ghi tên tôi vào danh sách những người được ăn 18 kg để cho y duyệt rồi đưa lên ban giáo dục (Lân vẽ kể riêng cho tôi biết). Trong khi ở toán không ai bình bầu cho tôi cả vì mới lên trại và còn đang ở tổ học nghề. Điều này, cũng làm cho một số anh em trong toán không hiểu rõ đã nhìn tôi với vẻ dè dặt, ít thiện cảm. Tôi đành chấp nhận, tôi không thể đi thanh minh với hết mọi người, và lại tôi phải cần có một số tiền để giải quyết những cái tối thiểu trong cuộc sống tù của tôi. Điều quan trọng,

điều chủ yếu là việc tôi làm không trực tiếp thiệt hại đến người khác là được rồi.

Chiều nay, một tin làm cho mọi người choáng váng đờ đẫn. Ngoài lán thủ công, mọi người đang cầm cúi lao động thì anh Lân từ phòng cán bộ xuống lán cắt cử 4 người đóng gấp cỗ quan tài phải xong trước giờ trại về. Anh Phồn Lạc trong nhà kỷ luật từ mấy ngày nay không ăn uống gì được mà chỉ nôn ra máu. Trưa nay, khênh anh xuống bệnh xá cấp cứu, nhưng anh đã trút linh hồn khi vừa đặt anh nằm xuống trên chiếc giường duy nhất của bệnh xá. Anh đã thoát khỏi cảnh đọa đầy, khổ đau của đời anh.

Người ta rì rầm bàn tán, ngực của anh khi chết rồi bị tím đen lại. Ngoài ra toán 4 và toán 6 có 3 người nữa vừa phải vào nhà kỷ luật sáng nay. Ngay anh Hai Sơn của toán 2, anh mới được ra kỷ luật đang ốm bệnh ở nhà, chẳng hiểu sao trưa nay cũng phải ôm chần chiếu vào nhà kỷ luật. Một bức màn đen tối đầy lẳng lo, buồn thảm đang bao trùm tâm hồn mọi người.

Đêm nay tôi nằm mãi không ngủ được, tâm tư khắc khoải cứ cuộn vào cái mớ bong bóng bất hạnh của đời mình. Bên ngoài, trận mưa từ chập tối vẫn kéo dài rả rích canh thâu. Tiếng những giọt mưa ở mãi hồi sau cứ rơi thõng thướt gợi sầu. Nghe tiếng mưa rơi trong đêm dài không ngủ, dù lòng còn đang tê dại với cảnh đời tăm tối của mình, óc tôi vẫn gợi tưởng tới mấy câu thơ của Huy Cận thì phải:

*Lắng nghe giọt nhẽ rơi rơi.
Heo May hiu hắt bốn bề tâm tư.
Tâm tư hướng lạc phương mờ.
Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe.
Gió về lòng rộng không che.*

Phải nói là gối gỗ nằm tê cứng cả đầu, đau cả cổ chứ còn tìm đâu ra gối mộng của đời mình. Giòng tư tưởng cứ bập bênh nổi trôi; một thoáng về miền Nam xa vời phía bên kia chân trời, một thoáng về Hỏa Lò với dáng hình chiếc lưng ong của người Hưng Yên chập chờn, lẫn quất chìm dần vào giấc ngủ muộn đêm rừng mưa dai.

Sáng nay, tôi đang ngồi chờ trong hàng, đợi gọi đến toán 2 xuất trại thì anh Lân, sau khi gặp cán bộ toán, anh quay xuống chỗ tôi và Lê Khắc Dũng mũi khoằm bảo ở lại gặp cán bộ. Thăng Dũng này trong vụ

của Phạm Huy Tân, từ lâu với tôi không ưa, vì thế khi trở về buồng nó với tôi chẳng nói với nhau một lời. Một lúc sau tên Cẩn trực trại vào dẫn nó ra khu giám thị trước, rồi y lại trở vào gọi tôi. Ngay từ sớm, tôi đã suy đoán có thể hôm nay sẽ lại gặp Hoàng Thanh. Tôi chưa hiểu y gặp tôi để làm gì, từ buổi nói chuyện với y về hoa ở sân trại, lòng tôi mong muốn là không gặp y nữa. Đến khi bước vào buồng thì ra tên thiếu úy Đức trưởng ban giáo dục trại E. Sau khi y chỉ chiếc ghế đầu cho tôi ngồi, tay y cứ xoay xoay cái lọ mực ở trên bàn, mặt y tươi tỉnh vẻ sẵn đón:

- Anh kỳ này có khỏe không?

Vì là lần đầu tiên tôi gặp y nên tôi ngừng đầu lên nhìn y dè dặt:

- Dạ, cảm ơn ông tôi bình thường!

Tay vẫn xoay xoay lọ mực y vồn vã:

- Tuy tôi chưa gặp anh, nhưng tôi đã được các đồng chí phản ảnh anh đã đứng đúng chỗ đứng của mình. Trong sinh hoạt học tập cũng như trong lao động anh đã tỏ rõ lập trường minh bạch, không mập mờ ẩn núp, lao động hăng say; chính sự lao động này đã thể hiện tư tưởng của anh. Chúng tôi được đảng và nhân dân giao phó có trách nhiệm giúp đỡ anh tiến bộ đúng theo đường lối giáo dục cải tạo của đảng.

Ngồi nghe y nói, tôi thấy y ít nhiều có học hơn một số tên ở đây. Trông y trắng trẻo, người lại bé nhỏ như con gái. Chiếc hàm công an thiếu úy bạc màu, đã nói rằng y mang nó từ lâu. Trong cách y nói, chẳng qua y dùng những thủ thuật nghề nghiệp của y mà thôi. Bởi vì từ những tháng trước, tôi đã nghe nhiều tên cán bộ măng mủ, xỉ và phạm nhân là đã lấy lao động để che dấu những tư tưởng phản động. Chỗ này, y tìm một điểm tốt của một người rồi khích lệ, ca ngợi để lôi kéo người đó về phía mình, theo mình, ủng hộ mình; vì nghĩ thế nên tôi cứ ngồi yên nghe y nói tiếp. Hết xoay lọ mực y lại cầm cái tẩy vờ vẽ trên 2 ngón tay:

- Gần 4 tháng nay, với khả năng của anh, hẳn anh đã nhìn rõ những người chung quanh anh: có người tư tưởng tốt, có người tư tưởng xấu. Người có tư tưởng xấu, người có tư tưởng sai cũng ví như một con bệnh phải cần có thầy thuốc chữa cho là cán bộ giáo dục. Nếu người

thầy thuốc không biết rõ căn bệnh của người bệnh thì chữa làm sao, mà nếu không chữa khỏi bệnh thì làm sao con bệnh về với gia đình, vợ con, bố mẹ? Vì vậy, anh phải có trách nhiệm giúp những người đó, bằng cách tìm hiểu là bệnh gì, mức độ nặng nhẹ tới đâu rồi anh trình bày với thầy thuốc là cán bộ. Từ đấy cán bộ mới biết được căn bệnh của họ để chữa trị. Có như vậy anh đó mới chóng được về với gia đình, như thế anh đã trở thành người ân đối với anh đó. Sau đây, tôi sẽ hỏi anh và gợi ý cho anh một số vấn đề. Tuy tôi hỏi về người khác, nhưng chính thái độ trả lời trình bày của anh để chúng tôi hiểu về tư tưởng của anh đấy.

Nghe y nói đến đây, tôi thấy y ví von người tù như một con bịnh thì cũng không đúng lắm nhưng tôi chợt thấy ý tưởng của y giống hệt tên Phan Tấn Hưng đã nói với tôi ở Hỏa Lò, chỉ có khác là ở đây kèm theo áp lực đe dọa nữa. Thì ra cùng ở trong một cái lò, lời nói, ý tưởng của chúng cũng cùng trong một cái khuôn như nhau. Tuy vậy, tôi cũng hơi bàng hoàng, băn khoăn. Trước đây tôi tưởng, tôi có thể lấy cái khâu lao động tốt để sống yên thân, sống chìm như hòn sỏi, hòn đá nhưng như thế này cũng thật khó ổn. Để thăm dò tôi phát biểu, nhất là thái độ của y lại đang im lặng chờ tôi nói:

- Thưa ông, từ ngày lên trại, tôi đã xác quyết chỉ có một con đường duy nhất là quyết tâm cải tạo mình để mong một ngày nào đó được hưởng lượng khoan hồng của đảng và chính phủ. Bởi vậy, tôi chỉ nỗ lực, hăng say học nghề một cho tốt, từ đấy tôi có điều kiện để làm ra của cải cho trại.

Nghe tôi nói đến đây, y cau mày rồi giơ tay ngăn lại không cho tôi nói nữa:

- Thôi thôi, anh đã cố ý không muốn hiểu lời tôi nói, vậy anh có thể đứng lên đi về trại.

Nói rồi mặt y lạnh hẵn lại. Tôi hiểu, tôi không được phép làm căng, cương ở đây mà nó đã đề thì không còn có cơ hội nào đứng dậy được, vì vậy tôi xả hơi:

- Thưa ông, tuy tôi đã ở tù lâu, nhưng thực sự ở chung với đồng phạm chỉ mới mấy tháng nay, do thế còn nhiều điều tôi chưa hiểu rõ. Ông là cán bộ giáo dục của đảng, đề nghị ông hãy chỉ dạy cho tôi những đường hướng tôi phải đi, những việc tôi phải làm.

Mặt y tươi dần lại, xoay hẳn người về phía tôi mà từ nãy y đã xoay ra phía cửa sổ :

- Anh phải biết rằng, chúng tôi đánh giá các anh, những gián điệp, biệt kích từ trong Nam ra xâm nhập miền Bắc hoàn toàn khác. Các anh là những đứa con ở xa cha mẹ, xa nhân dân, thường ngày chỉ nghe lũ tay sai và đế quốc, xúi dục, phản tuyên truyền, nói xấu cha mẹ. Các anh đã hiểu được lòng cha mẹ thương nhớ những đứa con phải xa nhà, lạc mẹ thế nào đâu, nên đã nghe theo lời dụ dỗ, phỉnh phờ của chúng trở về làm hại, chống cha mẹ mình. Bây giờ các anh đã về đây, đã thấy, đã hiểu được lòng cha mẹ, cho nên các anh dễ cải tạo lắm. Ngược lại, những tên phản cách mạng ở ngay trong nhà, những tên phản động đội lốt tôn giáo đã hiểu rõ đường lối chính sách vì nhân dân của đảng và chính phủ. Nhưng chỉ vì những quyền lợi cá nhân, cục bộ nhỏ bé của mình, chúng đã lập phái này, đảng kia để nói xấu, để chống phá cách mạng. Những loại này rất khó hay không thể cải tạo được. Nhưng với vũ khí vô song là vô sản chuyên chính, đảng và nhà nước cương quyết đập tan, phá nát mọi tư tưởng phi vô sản. Tiêu diệt mọi khuynh hướng phản động của giai cấp bóc lột để tạo dựng một xã hội công bằng, ai cũng như ai. Do đấy, anh có trách nhiệm giúp nhà nước hoàn thành sứ mệnh cao cả ấy.

Y hùng hồn dùng đao to búa lớn quá, tôi thấy rằng, tốt nhất hãy tìm cách "hoãn binh" để rồi tùy theo sẽ lựa thế sau. Dù rằng chưa dám đóng hẳn cánh cửa, nghĩa là từ chối thẳng thì cũng phải mở hé ra kéo rồi sẽ khó khăn về sau này, nghĩ thế tôi phát biểu:

- Thưa ông, hôm nay được ông chỉ dạy cho tôi hiểu biết thêm được nhiều điều mới lạ. Tôi tự hiểu trong đầu óc của tôi còn đầy rẫy những tư tưởng lạc hậu, lỗi thời phản động. Từ nay tôi sẽ quyết tâm gột rửa dần dần vì tôi nghĩ rằng: bản thân tôi, lòng có sạch, tâm có trong thì mới nhìn được sự trong đục chung quanh mình.

Y đứng dậy, đi ra phía cửa sổ nhìn ra bên ngoài, rồi ngoái lại gằn giọng:

- Được, thời gian còn dài, tôi cho anh về suy nghĩ cho thấu đáo. Tùy anh sẽ chọn con đường sáng sủa thênh thang, hay con đường chông gai, đen tối.

Tôi trở về trại, lòng buồn rười rượi. Ngày hôm sau, tôi đem nỗi niềm nặng trĩu tâm sự với bác Lắm, tôi mới hiểu được thêm những mảnh khé, thủ đoạn của những tên cán bộ giáo dục: cũng chính tên Đức, hơn một tháng trước đây đã gọi bác Lắm lên để giáo dục lại nói: "các anh là con cái trong nhà, dù có sai phạm, lỗi lầm thì chỉ là nhất thời cũng như đứa con hư, nên bố mẹ dạy bảo, sửa chữa chẳng khó khăn gì; chỉ những tên biệt kích, gián điệp từ trong Nam ra phá hoại thành quả của cách mạng. Chúng là những loại khát máu, phản động bóc lột, làm tay sai cho ngoại bang, ngay từ trong xương, trong thịt, bởi vậy rất khó cải tạo. Do đấy, các anh là con cái trong nhà, hãy nâng cao trách nhiệm, để ý tìm hiểu những tư tưởng, việc làm của chúng, kịp thời báo cáo rõ ràng với cán bộ v.v..." Nghe bác Lắm thuật lại, đã làm tôi bàng hoàng! Phải nói rằng giữa bác Lắm với tôi do những quan hệ thâm tình nhìn được từ trong ánh mắt của nhau nên đã cởi mở từ đáy lòng trao đổi, cho nên những thủ đoạn quỷ quyệt của chúng mới sáng rõ. Tôi bị bàng hoàng vì tôi chợt hiểu rằng: trong cảnh sống đầy đau thương và đe dọa này, hầu hết không ai dám tâm sự với ai. Ngay như tôi, chỉ với bác Lắm là duy nhất tôi mới dám tâm sự cởi mở hết lòng, trong khi dù Lê Sơn, Vân hay nhiều người khác, nhìn trong sinh hoạt tưởng như là thân nhau lắm, nhưng tôi cũng như họ đâu dám thực sự tin nhau hoàn toàn; cho nên ai cũng ngậm miệng để khỏi di họa. Mà như vậy thì với mức độ khác nhau đều bị rơi vào cái bẫy của Cộng Sản:

Ngăn cách, ly gián, gây nghi ngờ giữa mọi phạm nhân với nhau, từ đấy mỗi người tư tưởng chỉ có mình mới được cán bộ tin cần đánh giá tốt, không tốt mà lại giao cho nhiệm vụ đặc biệt theo dõi, tìm hiểu từng cá nhân ở trong trại?

Sau buổi nói chuyện với bác Lắm, tôi nhìn mọi người ra vào sinh hoạt, tôi liên tưởng đến một câu chuyện "người chủ nhà và ba người thợ gặt":

Anh chủ nhà có ruộng. Anh mượn được ba người thợ gặt khác nhau. Mục đích anh chủ nhà muốn là: công việc gặt hái phải nhanh, tốt, không để vương vãi phí phạm. Anh gọi từng người riêng biệt, mà không cho 2 người kia biết, vào trong ruộng, rót cho một ly rượu nhỏ rồi triu mển, ân tình căn dặn: "Ngay từ đầu tôi chỉ tin tưởng nơi anh, hai anh kia không có tinh thần trách nhiệm, nên tôi không thể yên tâm giao việc cho họ; vậy tôi giao mọi việc gặt hái cho anh. Anh hãy để ý xem xét và cố gắng làm việc; tôi sẽ không để thiệt anh." Nếu ba

người thợ gặt này thổ lộ với nhau thì cả ba anh sẽ thấy rõ âm mưu của chủ nhà, vì mỗi anh đều cũng được một chén rượu như nhau. Nếu không, mỗi người sẽ tưởng bở, ông chủ nhà chỉ tin mình và tốt với mình mà thôi.

Những Tượng Ảnh Làm Ô Uế CHÚA

Chiều nay, một nguồn vui bất ngờ làm xôn xao cả trại. Do tinh thần lao động hăng say của các toán, Ban giám thị mua về cho cả trại hai con lợn, mỗi con nặng hai mươi lăm ký và đặc biệt chiều nay cơm không độn.

Nguồn tin rộ ra khi đã xuất trại rồi vậy mà nó lan tràn rất nhanh ra khắp các toán ở ngoài rừng cũng như trong lán thủ công. Nhiều con "phe" đã thập thò, thì thầm đặt hàng mua bán, đổi chác cái món ăn tuyệt vời mà từ Tết tới giờ hơn ba tháng rồi mới có. Ngay ở trong lán, mùi hành, mùi tỏi từ phía nhà bếp trại lách vào trong gió theo nhau ra cả đến chỗ người ta làm mộc. Nhiều anh, dù đang cưa, bào đục đẽo cũng phải ngừng lên hếch mũi cái mũi lên cao hà hà, hít hít, mắt sáng long lanh nhìn nhau như muốn nói: đây...có ngửi thấy không?

Phần tôi, dù đang cầm cùi bào mấy cái mặt ghế đầu sồn sột, trong lòng vẫn cứ nhấp nhóm tính. Ngay từ mấy ngày trước, tôi đã nhìn thấy mấy cây ngò gai của bác Chánh trồng bên cạnh gốc cây muồng cụt phía sau lán vernie. Dứt khoát bằng mọi giá tôi phải ngoại giao để kiếm được hai lá về để "xịa" vào mấy miếng thịt chiều cho đời lên hương sắc. Nhưng cho đến khi toán về, khi vào qua cổng trại, một mùi thơm của thịt thật lạ lùng, nó nồng nồng, ngái ngái phả khắp đó đây. Anh em vẫn khẩn trương hơn mọi khi như thôn, làng chuẩn bị vào đám. Nhưng cũng có nguồn tin đang được rỉ tai: "Thịt lợn chết ấy mà". Mới nghe, mọi người có vẻ hơi buồn một chút, nhưng rồi hầu như mọi người lại gượng vui chấp nhận: "Có còn hơn không".

Nguồn tin càng gần đến giờ lấy cơm lại càng bành trướng to mãi ra rồi để dài ra nhiều chi tiết cụ thể: "Ân huệ chó gì đâu, mấy con lợn này là của cán bộ mua từ miền xuôi lên. Trời thì nóng, xe thì chậm chạp cũ kỹ nên lợn bị chết đã từ hai ngày ở dưới Hải Phòng. Cán bộ quyết định mổ, lấy ruột ra rồi nhân những thùng mỡ cùng mua về cho cơ quan, đem hai con lợn chết ướp vào đống trên đường về cho thịt khỏi hư. Nhưng có lẽ hai con lợn chết đã lâu, thịt đã ươn nên dù có ngâm vào thùng mỡ, nó vẫn có cái mùi khăng khăng. Chính vì thế, ngoài cơ quan cán bộ không ăn, nhưng lại không muốn mất tiền, cho nên mới bán lại cho bếp trại.

Đấy là lòng thương yêu của ban giám thị!

Dù đã nghe mọi người rì rầm bàn tán như thế, nhưng hầu hết anh em do thèm khát, thiếu đói lâu ngày nên đều nhất trí: có mà ăn là tốt rồi! Và lại thịt đã được ngâm mắm lại càng thơm càng đậm đà.

Nhưng chả hiểu đường dây báo cáo "chó chết" nào cũng thật nhanh và nhạy. Chỉ mới đến lúc 3 tiếng keng rống lên ở cổng trại báo hiệu giờ hạnh phúc, giờ lấy cơm của anh em đã điếm. Anh em đang ồn ào, chen chúc nhau chạy túa về phía nhà bếp thì tên Đức, thiếu úy trưởng ban giáo dục và tên Cần trực trại từ phía cổng học tốc đi vào nhà bếp. Một tin lại làm tê điếng lòng mọi người: nghiêm lệnh đột xuất của ban giám thị, bắt đem toàn bộ số thịt lợn đó đi chôn. Lệnh giao cho thiếu úy Đức, trưởng ban giáo dục trực tiếp thi hành triệt để.

Lần này trong trại còn xôn xao hơn cả buổi trưa, kê trời chửi đất râm ran lên như vẹt đẽ. Người ta kéo nhau ra đầy sân, đầy cửa đứng nhìn mấy anh tự giác gánh gồng, cuốc xẻng do cán bộ áp giải đem thịt đi chôn. Mọi người nguyên rửa, cầm thù tên gian tặc nào đó đã báo cáo. Nó ngu quá, khôn như người ta thì hãy để ăn xong rồi hăng cáo cầy, để bây giờ nhỡ nhàng chỉ có cơm trắng với muối rang. Câu chuyện thịt chết đến đó vẫn còn chưa xong.

Hai hôm sau, vào ngày Chủ Nhật. Trời đã vào Hè, nắng chang chang. Buổi trưa, không hiểu sao trong trại nhiều nhặng xanh thế? Buồng nào nhặng xanh cũng kéo vào như đàn ong. Đuổi chúng cũng không bay đi, lại cứ xấn cồ vào trong buồng. Một cái mùi tanh tanh, khắn khắn buồn nôn, cái mùi của thịt chết lâu ngày nong nặc trong khu trại. Người thấy cái mùi này, tôi lại liên tưởng đến cái mùi thịt của những xác chết ươn đã nhiều ngày ở nghĩa địa Đô thành trong ngày binh biến 11/11/1960, và cái mùi của chiếc chân thối của vị linh mục ở Cassô, Hỏa Lò ngày nào. Chẳng còn ai ngủ trưa được nữa, người ta dậy để đuổi nhặng, và mọi người mới hiểu được nguyên nhân: có những đường dây ngầm, móc ngoặc giữa tự giác với con buôn và người có tiền. Họ đã bí mật đào lấy mấy bịch thịt lợn chôn vùi, lén lút bán một đồng một cọng bơ sữa bò. Nhiều người có tiền ở các toán đã bắt mỗi nhau mua. Người mua, chủ trương sẽ cho nhiều muối vào kho mặn rồi giấu kỹ để ăn dần. Nhưng có lẽ một phần vì thịt lợn chết đã quá lâu, đã ươn rữa, phần khác, muối đâu có thể kiếm được đủ dễ dàng. Và lại, người ta cũng chẳng ngờ được những con nhặng chó chết, mũi thật tuyệt vời. Người ta đã dậy kỹ, giấu mãi trong rương, trong bịch vậy mà chúng cũng đánh hơi thấy nên đã lặn xả vào con mồi.

Oan khổ hai anh tự giác vừa mất chân béo bở, lại vừa phải nằm nghỉ ngơi, nhưng bụng rỗng ở trong nhà kỷ luật. Mọi người đã mua thịt đều phải tự giác đem ra, không tự giác cũng không được vì những con nhặng sẽ tìm ra ngay; hơn nữa còn bị áp lực gắt gao của những người nằm bên cạnh không mua thịt. Tuy vậy, do quá thèm khát lâu ngày và do tiếc đồng tiền đã bỏ ra nên đại đa số đã ngẫu nhiên nhai vụng, nếm ngậm, nuốt bết để rồi đi ỉa chảy trở thành cái dịch kiết lỵ cho hơn hai chục người trong trại. Cuối cùng 3 người đã phải đền mạng vì đợt thịt chết này là: Trần Đóa, một ông quận trưởng già ở Nam Định thuộc toán 4, Nông A Dzin và Lò Đót thuộc toán 6. Trong cuộc đời có nhiều cái chết thật rẻ và cũng thật vô duyên!

Thời gian thẩm thoát thoi đưa đã chảy dần vào cái Hè oi ả của tháng 6 tháng 7. Cái tháng của mặt trời đốt khô cảnh vật, nhưng cũng có hôm nước đổ ào ào trong những trận mưa rừng dẫn dỗi làm ngập lụt cả đường đi. Tôi đã được chuyển lên tổ mộc của Phan Thanh Vân hơn 2 tháng rồi. Vân đã tận tình truyền dạy tay nghề cho tôi, phần khác, do tự tìm tòi học hỏi thêm ở những người thợ vững tay nghề khác, cho nên tôi đã làm được bàn và giường cá nhân khá về kỹ thuật cũng như về năng suất. Ông cán bộ Kích, quản giáo toán đã đổi đi nơi khác hơn một tháng rồi. Phải nói tôi rất có cảm tình với ông Kích, tuy theo Cộng Sản nhưng vẫn giữ được ít nhiều cái bản tính bộc trực, thẳng thắn của người miền Nam gốc Long Xuyên. Một buổi, chính ông đã gọi tôi lên phòng; trong những câu chuyện trò, hỏi han vẫn có một sợi tơ tình lườn lách, lẩn quất bên trong. Ông đã nói ý cho tôi: "cứ lao động vừa thôi thì tôi cũng đã được ăn 18 kg rồi, phải biết giữ sức mình."

Đây là một ý tưởng rất hiếm, rất quý của một cán bộ trở thành đến lạ lùng nên tôi không thể quên được ông. Ngược lại, tên cán bộ toán mới này, y cũng là người miền Nam tập kết, nhưng tôi không biết quê quán ở đâu. Hơn một tháng nay từ khi về nhận toán 2, y năng nổ đi sâu, đi sát các khâu và mọi phạm nhân trong toán. Y tận dụng mọi thời gian luôn luôn thúc giục tù làm việc. Họp hành, kiểm thảo phê bình càng được tăng cường về cả nội dung cũng như thời gian. Tên y là Sỹ, cũng chỉ có cái lon trung sĩ từ màu đỏ chạch đã phai đi thành cái màu lá chết. Da y đen thẫm màu bánh mật, hai má hóp lại nên đôi gò phía trên gờ ra đối với chiếc cằm nhọn làm cho cái mặt y choắt lại. Nét mặt y như vậy là thể hiện nội tâm của một con người suốt ngày đêm lo toan, tính toán để làm sao vươn cao, nổi bật hơn người chung quanh. Tôi tin rằng những ưu lo của y đã cuốn chặt cả vào những giấc ngủ ban đêm và bữa ăn của y ban ngày.

Một loại người như vậy, thì sống ở bất cứ một cái tập thể nào thì cũng làm phiền toái, gây ra nhiều bức dọc cho cái tập thể đó mà thôi. Ngoài xã hội thì kích bác, ghen ăn, ghen ở, tức ở, thủ đoạn, nịnh bợ. Trong nhà tù thì tất yếu sẽ làm chó không sai. Người như vậy mà có quyền hành thì thật là khổn khổ cho toán 2 chúng tôi trong giai đoạn này. Tôi nhớ một nhà tư tưởng có nói một câu: "Một tội ác nghiêm trọng của loài người là lại giao quyền hành vào trong tay một kẻ ngu."

Chẳng hiểu tên Sỹ ác ôn này đề xuất, phát kiến sao đó; y lọc chọn toán 2 ra một bộ phận chính gồm toàn những anh trẻ khỏe hơn 30 người. Y đặt cái tên cho cái nhóm này là: "đội mũi nhọn tiên phong". Số già yếu còn lại của toán gồm gần 2 chục người ở lại lán làm việc do một tên công an vũ trang quản lý. Số già yếu này phải nhận một phần việc gấp 2 lần để thay cho đội "mũi nhọn" phải nhận một công việc đột xuất đặc biệt.

Hơn hai năm trước, khoảng giữa năm 1966, lúc này chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ bằng không quân đang được mở rộng. Vào một buổi chiều thứ Bảy, những đoàn tù lũ lượt gánh gồng những sản phẩm như ngô, khoai, sắn ở ngoài đồng về kho trại (trại chính). Chiếc kho này gồm 3 căn nhà xây ngay cạnh trại. Trời trong xanh, phía Đông dăm ba chùm mây trắng lững lờ, ngắc ngư theo gió mò về phía mặt trời lặn. Hai chiếc máy bay trên cao tít, lẩn vào trong mây, chẳng hiểu đi bắn phá mục tiêu ở đâu bay trở về. Có thể mấy anh phi công Mỹ nhà mình, nhìn thấy mấy khu nhà bên ngoài trại giam lại có mấy cái nhà xây. Trong khi, khu nhà của ban giám thị và khu công an vũ trang cũng như những căn nhà trong trại lại là tre, gỗ và lợp nứa. Các anh có biết đâu rằng, đối với công an kho lương thực là quan trọng nhất, nên phải xây gạch để bảo trì; cho nên các anh đã sà xuống ngắt chơi cho 2 quả bom nhẹ, loại 100 pounds, vì tưởng đấy là lũ người coi trại.

Kết quả cả 3 căn nhà kho đều đổ nát, 18 người tù được tha bổng, 6 người bị thương. Riêng phía công an chết 5 tên, có một nữ cán bộ đang ở tuổi trăng tròn, hơ hớ tuổi xuân. Thế là tù được lệnh phân tán di chuyển về các phân trại. Nhà tù ở cũng được dỡ xuống đem gỗ cất giấu. Riêng có 5 căn nhà dài được dỡ về, xếp thành mấy đống lù đù ở cạnh tại E hiện nay, vẫn bao lợp bằng nứa đan.

Bây giờ giữa năm 1968, Mỹ đã tuyên bố hạn chế bắn phá. Do thế, đội mũi nhọn được lệnh chuyển tất cả những cột, kèo gỗ lạt của 5 căn

nhà đó trở về trại xây. Đường từ trại E ra trại xây chỉ khoảng 4 cây số nhưng nhiều ngoắt ngoẻo, dốc đồi.

Hầu hết số biệt kích, gián điệp ở trong Nam ra đều được chọn vào cái đội "mũi nhọn" chết người này. Kể cả Đinh Sơn, tổ trưởng, tổ kỹ thuật và Nguyễn Huy Luân toán trưởng cũng không thể thoát cái lệnh quái ác của tên Sỹ. Tên Sỹ đứng ộp ngay tại đồng gỗ. Cột cái 4 người trong người kia, ai cũng phải vác những cái mà tên Sỹ nhìn được.

Hai tên bộ đội vũ trang áp giải cũng thật vất vả. Chúng cũng phải chạy theo những người mang vác. Phần vì mang vác nặng thường phải chạy nhanh một đoạn đường để nghỉ dăm phút cho đỡ đau vai. Phần khác, cũng do tên Sỹ thúc ép quát tháo, giục chạy ở phía sau. Buổi sáng một chuyến, chiều một chuyến; như vậy cả đi và về tất cả 4 lần, tức 16 cây số mỗi ngày. Cái điều đáng sợ là phải triệt để thực hiện khẩu hiệu: "đi có về có" của tên Sỹ. Ở gần trại chính khoảng 500 mét, có mấy đồng củi gỗ lớn chẳng hiểu có từ bao giờ. Vì thế, sau khi khênh, vác gỗ làm nhà vào trại chính xếp gọn ghẽ, lại trở ra chỗ đồng củi, vác củi về trại E cho bộ đội và cán bộ thổi nấu và sưởi về mùa Đông.

Tuy được bồi dưỡng đặc biệt, anh Lý A Chén, tự giác toán, được quyền mỗi ngày đào 30 kg sắn, bóc vỏ, luộc để đội "mũi nhọn" ăn thêm cho có sức lao động. Bóc vỏ rồi luộc, chia ra thì mỗi người cũng được 7 lạng sắn chứ có ít đâu. Ngày đầu ai nấy đều hăm hở ăn hết, nhưng những ngày hôm sau thì đã có nhiều người nhai không muốn nuốt, chỉ vì người quá mệt.

Tôi với Vân thường 2 người vác một cột quân. Vân cao lớn hơn tôi, nên đi sau. Kề trước người sau đều ề vai, mặt đỏ tía tai đẩy kéo nhau chạy. Một vài ngày đầu, ai cũng hăng say phấn khởi, nhắm bụng mỗi ngày có gần 1 kg sắn thì hẳn phải được ăn no. Những ngày hôm sau, phần vì mệt, hết hơi, hết sức, phần khác, người và vai đau như giần. Đang là một thân tù ốm yếu, hàng ngày chỉ ra lán thủ công lao động, bây giờ mỗi ngày chạy 16 cây số, chưa nói là phải mang vác nặng nề thì ai mà không sợ. Những ngày nắng gắt, mặt trời như đổ lửa xuống núi rừng, mồ hôi chảy tong tong ướt đẫm cả áo quần. Những buổi mưa gió dầm dề, đường trơn lầy lội, anh chàng Vân chỉ to xác, tôi có cảm tưởng 2 cái chân ấy, không phải là của cái thân hình dài ngoẵng của anh ta. Nó chòng chành, run rẩy, xiêu vẹo cứ như lúc nào cũng muốn đổ kênh ra. Thân tôi cũng đang ngắc ngư con tàu đi, nhưng nhìn Vân

tôi cũng thấy não lòng ái ngại. Rõ ràng Vân đi không vững, có lần trượt chân, Vân ngã xấp xuống đám bùn lổ chân trâu, hất tung cái cột lẩn ra mé đường kéo tôi nằm ngửa hơ hơ cũng trên bùn với nước. Những lúc quá nặng, quá mệt, Vân và tôi ghệ chiếc cột vào một bụi nửa bên đường để nghỉ. Thắc mắc, hỏi Vân, tôi mới hiểu: anh đi không vững, một khía do bàn chân mất một ngón, khía nữa chỉ có một con mắt nên cứ chống chênh chạy theo, chứ nhiều khi Vân chả nhìn thấy vũng nước hay ổ gà. Thảo nào, những hôm đường trơn toàn bùn, Vân ngã xiêu, ngã vẹo xoành xoạch, quần áo, mặt mũi lấm be, lấm bết. Trông mặt Vân méo xẹo, nhưng tôi cũng chả hờn gì, chẳng qua đã là tấm thân tù rồi. Hữu thân, hữu khổ phàn nàn cùng ai?

Được gần một tuần thì anh Phạm Tấn Tích tổ trưởng tổ 3 ngã, bị cây cột cái đè gãy xương sống, phải khênh về bệnh xá trại. Dù đã có người bị thương nặng, nhưng đội "mũi nhọn" vẫn bị tiếp tục duy trì cường độ lao động, cho tới xong để đạt chỉ tiêu thi đua mà tên Sỹ đã đăng ký lập công, với cấp trên, với tổ đảng. Chỉ hơn nửa tháng trời, mặt anh nào cũng trắng ra, má hóp vào, mặt vêu vao như sau một trận ốm nặng.

Điều vui mừng cho Vân là sau đợt lao động của đội "mũi nhọn" này, Vân đã có lệnh tha. Vân đã được tha ra trước án mấy tháng. Tôi vừa mừng vừa gạt được cái nổi nặng nề, vẫn canh cánh trong lòng. Mừng vì Vân được tha ra đúng như tôi đã lý luận dự đoán. Lòng tôi nhẹ đi, vì dù sao chẳng nữa, từ ngày tôi nhặt được 4 đồng bạc, mà tôi đã đoán đến 90% là của Phan Thanh Vân. Bởi vậy, mỗi lần nhìn thấy Vân, lòng tôi lại gờn gợn lên nét sượng sùng. Bây giờ cuộc đời của Vân đã được đi ra con đường rộng, đã ra chỗ sáng, lòng tôi sẽ không còn áy náy nhiều nữa. Tuy vậy, khi viết đến mấy giòng này, tôi chưa biết Vân đang ở đâu, nếu tìm được, tôi sẽ trả cả vốn lẫn lời cho cái món nợ trong chốn khốn cùng của quê hương ấy.

Cho tới lúc này, tôi tin rằng Vân cũng không thể quên tôi được, bởi vì Vân còn nhớ chẳng? Đôi bát to tráng men màu xanh lá chuối non. Đôi bát lúc ấy là một thứ quý giá nhất đối với đời một người tù, Vân đã dành riêng để lại cho tôi. Đôi bát ấy đã quện chặt nghĩa tình của Vân. Chúng đã lằm lủi, sắt son theo tôi cho đến ngày cuối ngục tù của đời tôi.

Vân được làm công nhân ngay trong trại I. Những tháng sau đó, đôi ba lần tôi thoáng thấy Vân mặc bộ đồ nâu đi giăng mắc dây điện cho trại. Nghe đâu, lương của Vân mỗi tháng 36 đồng.

Rồi do những đổi thay xê dịch của đời tù, mãi đến năm 1974 sau hội nghị Paris một năm. Lúc này tôi đang ở trại trung ương số II Phong Quang, thuộc tỉnh Yên Bái. Tình cờ nghe mấy em tù hình sự kể chuyện lại: Phan Thanh Vân được về Hà Nội làm công nhân, rồi vì sao đó bị bắt lại trại I. Do sự bất mãn nên đã ương ngạnh với chính quyền mà phải vào nhà kỷ luật. Trong nhà kỷ luật, hơn một tháng sau bị đi kiệt lỵ rồi chết. Từ dạo biết tin ấy, tôi rất buồn cho đời Vân. Chẳng thể ngờ đời một con người đã chịu khổ cực tù đầy bao nhiêu tháng, năm cho tới khi được tha, kết quả là như thế hay sao?

Mới đây, tôi nghe có người nói: hiện nay Vân đang ở Pháp. Nghe tin tôi vừa bàng hoàng vừa mừng, nếu như đó là sự thực, tôi tin rằng những ngày tới tôi sẽ tìm thấy Vân. Như vậy, phải chăng nguồn tin Vân bị bắt lại và bị chết là do Cộng Sản đưa ra?

Hôm nay là Chủ Nhật, lao động xã hội chủ nghĩa buổi sáng. Toán 2 được công an vũ trang dẫn giải dùng dao phát quang chung quanh trại. Sửa sang buộc lại hàng rào trại. Khi lao động xong về trại, đang lúc trại ồn ào chia cơm canh, đột nhiên phía ngoài cổng trại lao xao, náo nhiệt hẳn lên. Một đoàn tù đến sáu, bảy chục người, già, trẻ lồi thoi, lếch thếch gồng gánh rương hòm, chặn mùng xếp hàng theo nhau vào trong sân trại. Bên ngoài cổng lối nhỏ một lũ cán bộ áo vàng. Tên trực trại Cẩn, tay cầm quyển sổ vừa ghi điểm nhận số tù nhập trại xong, y chỉ tay quát bảo đoàn tù vừa nhập trại ngồi xếp hàng 4 ngay tại sân. Tên trật tự Tân và tên Thái y tá đang lắng xăng người ôm hộp con dấu, người xách chiếc sọt tiến ra đám tù thì 6 – 7 tên cán bộ khác cũng từ cổng đi vào. Tên Cẩn đứng ở đầu sân cao giọng:

- Lệnh của ban giám thị, các anh hãy mở hết tư trang ra để cán bộ kiểm tra. Lần lượt từng anh, hết khám người rồi lục lọi từng thứ một. Quần áo, mùng mền, cái nào chưa đóng dấu đều bị đóng dấu. Ca, gô, bát đĩa, mỗi người chỉ được giữ lại một cái: hoặc gô, hoặc ca và một đôi đĩa bát, còn bao nhiêu đều bị tịch thu hết.

Nhiều anh em trong trại, tuy chưa dám đến gần đám tù mới vào nhưng từ xa, ai cũng đứng nhìn ra mong tìm gặp người quen. Sau khi khám xong, đám tù mới được lệnh ôm quần áo vào hội trường ngồi

chờ có lệnh sắp xếp, biên chế về các toán. Lúc này, đã có một số người trong đoàn tù mới đến, quen biết với những anh em ở trại. Họ còn đang í ới gọi, nói, chào hỏi nhau thì Hoàng Thanh lững thững từ ngoài cổng trại đi vào.

Chỉ thoáng thấy bóng dáng tên hung thần, hầu hết anh em ở trại đã lấm lét lui đi hết, kể cả tôi. Chúng tôi đã được biết đây là anh em ở trại Vĩnh Tiến chuyển về. Đám tù mới, ngồi ở hội trường, có thể nhiều người chưa biết tiếng Hoàng Thanh, mà chỉ thấy một cán bộ trung úy bình thường nên họ cứ ngồi trôn trôn nhìn. Nhưng khi thấy anh em cũ ở trại lui đi hết nên cũng có người chột dạ cúi xuống ngồi im.

Hoàng Thanh dáng người cao lêu nghêu, hai tay vắt sau lưng, lững thững lách vào đám tù ở hội trường nhìn mặt từng người cứ như nhận diện. Y thấy ai ở cổ đeo thánh giá hay mẫu ảnh, thò tay cầm, mân mê xem rồi y giật đứt, ném mạnh xuống đất cho tên Tân đang đi sau nhặt bỏ vào sọt rác. Miệng Hoàng Thanh nói với vẻ dẫn dắt, trách móc:

- Các anh bậy thật! Tượng ảnh là một thứ thiêng liêng để tôn thờ. Các anh làm bậy, làm bạ thế này mà đeo, tôi cấm các anh từ nay không được đeo nữa! Làm ô uế cả tôn giáo ra!

Cứ thế, y đã giật đứt tượng ảnh của 3 – 4 người rồi. Những người khác vội vàng tháo ra giấu đi thì thôi, nhưng có 2 anh, trông chừng 25 – 30 tuổi đã nói to phản kháng.

- Đây, các anh xem, cái miếng sắt, miếng tôn thế này mà bảo là ảnh Chúa à? Đúng, nhà nước không cấm, nhà nước chủ trương tự do tín ngưỡng nên nhà nước có trách nhiệm bảo vệ tôn giáo. Bao giờ những tượng ảnh này có giấy xác nhận của tòa thánh La Mã thì tôi đồng ý cho các anh đeo. Vả lại, quyền tự do tín ngưỡng là đối với người dân, chứ các anh là những kẻ tội phạm rồi, mất tự do thì cũng không còn được hưởng quyền đó nữa. Các anh hãy cố gắng cải tạo tốt, khi chính phủ tha về, bấy giờ các anh muốn đeo gì thì đeo.

Hai anh đó (sau đây tôi biết) đều ở Nghệ An, là tu sĩ ở đại chủng viện tên là: Nguyễn Thanh Dương và Trần Quốc Anh. Tuy hai anh em đều tím ruột, tím gan, nhưng trước cường quyền hai anh đành nén, nuốt xuống những giọt máu trào, phải tưởng úa ra tai, ra mắt, ra miệng. VẬY mà, ngay sau đó dù chưa được phân bố về toán nào, hai anh đã

được lệnh ôm chần chiếu vào nhà kỷ luật do tên Cẩn và tên Tân dẫn đi.

Buổi chiều, toàn trại cũng sắp xếp, chuyển đổi chỗ nằm theo bản sơ đồ chỉ định của từng toán do ban giáo dục đưa vào. Số người ở trại Vĩnh Tiến chuyển về được phân bố về toán 2 (mộc) 12 người như sau:

- Trần Lào (Thái Lan về nước, vượt biên) tập trung, cải tạo.
- Nguyễn Văn Gôm (phản cách mạng) án 12 năm.
- Lê Văn Bưởi (gián điệp) án 20 năm.
- Nguyễn Thanh Dương (tu sĩ) tập trung cải tạo.
- Lộc Mù (phản cách mạng) tập trung.
- Lê Liễu (đảng phái) án 20 năm.
- Lò Văn Lui (phản cách mạng, dân tộc Lào) tập trung.
- Hoàng Đức Tùng (Thái Lan về nước, vượt biên) tập trung.
- Thân Lân (bộ đội tập kết, xét lại) tập trung.
- Nguyễn Văn Tiến (phản tuyên truyền) tập trung.
- Trần Thanh Tùng (tân đảo về nước, vượt biên) tập trung.
- Nguyễn Văn Cường (tu sĩ) tập trung.

Phân bố về toán 3 (xẻ) ở cùng buồng với toán 2 gồm 9 người, trong đó có:

- Lê Triết (em ruột Lê Liễu) án 15 năm.
- Trần Như (phản cách mạng) tập trung.
- Đoàn Giám (tu sĩ) tập trung.
- Vũ Hàm (tu sĩ) tập trung.
- Trần Quốc Anh (tu sĩ) tập trung.

Tôi cũng bị chuyển chỗ nằm, tuy vẫn ở sàn dưới nhưng gần sát nhà cầu, nằm cạnh bác Nguyễn Văn Tiến.

Gần tuần sau, tôi được biết sơ lược: cục lao cải quyết định bỏ trại Vĩnh Tiến. Một số người tội nhẹ, bị bắt đi tập trung cải tạo một cách ồ ạt năm 1963 thì tha về địa phương. Còn lại những loại ngoan cố và án nặng được chuyển phân tán về nhiều trại khác. Riêng chuyển về trại số I này là 68 người. Trong số những người được chuyển về toán 2, người mà tôi chú ý nhất là anh Lê Văn Bưởi. Chúng tôi chỉ mới chào hỏi nhau sơ sơ nhưng qua người khác, tôi được biết anh là đại úy. Một điệp viên qua sông Bến Hải và cũng bị bắt năm 1962.

Một đồng cảnh, lại đồng nghiệp, do đây tôi phải lựa thế để biết về anh. Tôi nói lựa thế, bởi vì lúc này mắt của những con chó săn đang xục xạo chờ đón ghê lắm. Hàng ngày, ai tiếp xúc với ai, hiện tượng thế nào? Cho nên để khỏi phiền toái về sau, tốt nhất hãy thông thả, để cho thời gian làm loãng đi đã, vội gì. Hơn nữa, kỳ này các toán, các tổ đang khẩn trương làm việc và sắp xếp công việc của toán, của trại cho tạm ổn theo kế hoạch. Lệnh của ban giám thị, mừng lễ quốc khánh xong, ngày 4 tháng 9 toàn trại sẽ dự lớp học tập chính trị dài ngày: "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" Theo các tên các bộ, đây là một đợt học tập thật quý mô cho toàn dân, toàn quân. Có nghĩa, bên ngoài dân chúng, các cơ quan, nhà máy cũng như tất cả các trại giam trên toàn miền Bắc đều phải học tập lớp học đặc biệt này.

Chỉ còn hơn một tuần nữa đã bước vào đợt học tập. Do những yêu cầu của viết, vẽ các khẩu hiệu phục vụ cho ngày 29 và cho lớp học, tôi lại được phân công lên lán vernie để phụ giúp Lê Sơn.

Tôi thật vui và không ngờ được nằm cạnh bác Tiến, một người thực uyên bác về nhiều lãnh vực. Đây là điều tôi vẫn hằng sở nguyện từ khi vào tù là được gần những nhân vật lỗi lạc để học hỏi những điều mới lạ của xã hội và những kinh nghiệm trong cuộc đời. Tuy vậy, một đêm tôi chợt nhớ đến tên Đức, trưởng ban giáo dục. Có thể đây là nó cố ý sắp xếp để tôi nằm cạnh bác Tiến để theo dõi, hiểu về tư tưởng của bác Tiến, vậy sẽ có một ngày nó sẽ hỏi tôi về bác Tiến.

Cái điều tôi phải cân nhắc, tính toán suy nghĩ sao để tìm ra một giải pháp như một phương châm, một mẫu mực thích hợp để hành sử, noi theo suốt những tháng năm còn ở trong tù, trong tay Cộng Sản: do toàn bộ sự việc từ lúc đầu, không có cách thứ hai, tôi luôn luôn phải

đóng một vai là một người tù tiến bộ rồi. Vậy điều cần soi kỹ, rọi sâu là triệt để không làm một điều gì thiệt hại không thể chấp nhận cho lý tưởng, cho đường đi của mình. Điều này tôi hiểu không phải là dễ dàng, nó đòi hỏi phải thường xuyên cân nhắc, ý thức trước mỗi sự việc. Tôi cũng hiểu nữa rằng, trong cuộc đời phải chấp nhận: muốn cầu được cá thì đành phải bắt, giết mấy con giun để làm mồi.

Phải nói, do những anh em ở Vĩnh Tiến về, chúng tôi ở trại E mới biết một cách xác định về vụ Tết Mậu Thân vừa qua, Cộng Sản đã bị thất bại hoàn toàn. Chúng bị bao vây ở khắp nơi, nhất là ở Sài Gòn. Bộ đội của chúng bị tiêu diệt và bị bắt sống làm tù binh rất nhiều. Tuy vậy, trong thời gian chúng chiếm thành phố Huế, chúng đã bắt và giết rất nhiều người đã làm việc cho chính phủ quốc gia. Tàn sát hàng loạt, chúng đã giết hại hàng ngàn người vô cùng dã man, tàn bạo trước khi chúng rút lui.

Theo bác Tiến, đây là một mưu đồ của bộ chính trị công an để giải quyết những mâu thuẫn cục bộ chống chính quyền Sài Gòn và Mỹ giữa Bắc và Nam. Đồng thời, để đánh động, gây tiếng vang với dư luận thế giới nhất là nhân dân Mỹ. Tóm lại, cũng theo ý kiến của Tiến: tuy vụ Mậu Thân, Cộng Sản ở miền Nam bị thất bại, nhưng bộ chính trị Cộng Sản Việt Nam đã thắng. Chúng đã đạt được 2 mục đích: giảm bớt những sức mạnh mang tư tưởng cục bộ, không chịu sự lãnh đạo triệt để của bộ chính trị. Hai là lôi kéo lương tâm và sự ủng hộ của thế giới, nhất là nhân dân Mỹ.

Sở dĩ chúng làm được như vậy là do những thủ đoạn tuyên truyền vô cùng hữu hiệu của chúng. Nhân dân thế giới và ngay nhân dân miền Nam dưới sự kiểm soát của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn đa số người mơ hồ, có thiện cảm với Cộng Sản.

Nghệ Thuật Tuyên Truyền Của Cộng Sản

Thấy bác Tiến nhận định và có nhìn sắc bén như vậy làm cho tôi suy ngẫm riêng về lĩnh vực tuyên truyền của Cộng Sản và thế giới tự do của chúng ta. Tôi đã hùng hồn bộc lộ cái nhìn của tôi về lĩnh vực này với bác Tiến, nội dung như sau:

Tôi đã ở miền Nam, tôi đã ra miền Bắc. Tôi đã nhìn góc này, khía kia qua cả thực tế cũng như trên sách báo. Tôi lấy một hình tượng rất giản đơn để so sánh:

Tôi nhớ lại những ngày tôi còn lang thang trên khắp phố phường của Hà Nội trước khi bị bắt vào Hỏa Lò. Một lần tôi vào một hiệu sách Nhân Dân trước cửa chợ Đồng Xuân. Tôi lục lọi xem, tìm một số sách vở, thoáng thấy một cuốn tự điển chính trị thật dày của Liên Xô đã được dịch ra tiếng Việt. Mở thoáng đọc một số trang, tôi nhìn thấy chữ "nghệ thuật tuyên truyền" được định nghĩa như sau: "Cái không có, mà nói cho người ta tin là có, đó là nghệ thuật tuyên truyền."

Ngày nay, hầu hết chúng ta, qua thời gian và thực tế đều để hiểu: thế giới tự do, thực sự đã mang cơm no, áo ấm, tự do hạnh phúc cho mọi người. Nhưng trước đây, người dân lại không tin như vậy. Họ chỉ thấy là đế quốc, thực dân bóc lột, là "Ngụy", là phi chính nghĩa v.v... Như vậy "ta có mà người ta lại không tin là ta có." Ngược lại, Cộng Sản, ai cũng thấy chúng bóc lột đến giặc ngủ cũng không yên. Nhưng trước đây, khi người ta chưa nhìn thấy thực chất của Cộng Sản thì hầu hết lại tin rằng Cộng Sản là chính nghĩa, là đã đem độc lập, tự do, hạnh phúc lại cho nhân dân. Xã hội Cộng Sản là xã hội công bằng, không có cảnh người bóc lột người.

Như vậy, hiển nhiên ta thấy: Cộng Sản không có cái công bằng, dân chủ, nhưng chúng đã tuyên truyền để mọi người tin là chúng có. So sánh, chúng ta thấy rõ ràng như ban ngày: Cộng Sản tuyên truyền cái "không có" cho người ta tin là "có". Đây là nghệ thuật tuyên truyền! Là nghệ thuật bậc thầy. "Có" mà tuyên truyền cho người ta tin là "có". Là nghệ thuật học trò.

Nhưng đây, thế giới tự do của chúng ta "Có" mà người dân lại không tin là có. Như thế, về lĩnh vực tuyên truyền ta chỉ là bậc cháu của Cộng Sản. Nghĩa là ta chỉ đáng là học trò của học trò Cộng Sản mà thôi!

Huống chi, Cộng Sản đã tìm và nhìn đúng loại đối tượng để tuyên truyền. Đó là những đám nông dân, công nhân, những người lao động nghèo khổ, ít học. Mà trong nước ta thành phần này chiếm đến 90% của dân số. Họ chỉ biết suốt ngày cặm cụi làm việc vất vả để mưu sinh cuộc sống. Bởi thế, giả dụ: khi Cộng Sản nói trên đài, đăng trên báo: ở một khu vực nào đấy, có một tiểu đội du kích. Do lòng căm thù giặc sâu sắc, do đường lối anh minh của đảng và cách mạng soi sáng chỉ đường, đã dùng mưu lược đánh đuổi được một tiểu đoàn của "ngụy" chạy tóe cút, vãi đá ra quần v.v... Họ vẫn tin đấy! Vì họ có thì giờ và kiến thức đâu mà suy luận, phân tích thời cuộc làm gì cho nó mệt óc, nhức đầu? Mà một khi quần chúng có niềm tin thì trở thành sức mạnh rồi.

Ngược lại, phía chúng ta, những người Quốc Gia của thế giới tự do. Nếu có một tờ báo nào đó cũng đăng một cái tin: ở một địa khu nào đó có một tiểu đội địa phương quân, do lòng sôi sục hận thù Giặc Cộng; do lý tưởng nhân bản, tự do dẫn đường, vạch lối, đã dùng mưu lược trận đồ đánh tan một tiểu đoàn chính quy của cộng phi. Tiêu diệt hơn 100 tên, bắt sống 26 tên và thu nhiều vũ khí quân trang v.v...

Chưa nói về độc giả. Ngay những tờ báo bạn, những cơ quan thông tin cùng một phe đã gửi thư, viết bài đăng báo phản đối, chửi bới là nói láo; nói còn để cho người ta nghe được chứ! Nói ngu như thế mà nói được à v.v.... Độc giả như bác với cháu, hay Gôm, Nhu chẳng hạn, sẽ ném vãi tờ báo đi, không thèm đọc. Tờ báo đó còn đăng những tin láo khoét như vậy, thì sẽ không mua nữa. Như vậy, tờ báo đó nếu không muốn bị các bạn chửi bới và sẽ bị chết vì không còn ai mua báo nữa thì chỉ còn một cách: không bao giờ dám đăng những tin tuyên truyền loại đó nữa.

Từ đây suy ra, vô hình chung các cơ quan ngôn luận tuyên truyền của ta chỉ tập trung cố gắng để làm vừa lòng, chiều theo thị hiếu của cái số độc giả có học, có kiến thức hiểu biết. Mà cái thành phần này trong quần chúng chỉ chiếm 10 phần trăm. Nhưng lại nực cười nữa là cái số 10 phần trăm có kiến thức này như bác, Gôm, Vân, Khải v.v... không những không cần tốn công sức, giấy mực để tuyên truyền, lôi cuốn; mà có đấy, xô sang phía Cộng Sản thì chắc chắn cũng bỏ cả cha, cả mẹ chạy vội về phía quốc gia tự do rồi. Tóm lại, chúng ta phải nghiên cứu toàn bộ lại phương cách tuyên truyền của chúng ta hiện nay. Dù không nói láo như Cộng Sản, nhưng phải hữu hiệu hơn.

Nghe tôi nói xong, bác Tiến bò nhóm dậy, vừa kéo tay tôi ra chỗ hút thuốc Lào vừa nói trong nét hưng phấn:

- Sự việc này lòng bùng, phức tạp phải dùng cả một bài báo, một cuốn sách để chứng minh diễn giải mà cháu lý luận đơn giản như thế thành ra sáng tỏ dễ hiểu.

May quá! Trời đã tối, chiếc bóng điện 40 watts mới bắt ở giữa nhà không đủ sáng để bác Tiến thấy được nét gương ngùng của tôi. Dù vậy, như một sự khích lệ, hút xong điếu thuốc, về chỗ, tôi hăng say thuật lại cho bác Tiến nghe một sự việc cụ thể về nghệ thuật tuyên truyền của Cộng Sản. Sự việc này do chính Hoàng Công An đã thuật lại tỉ mỉ cho tôi nghe, trước khi dẫn tôi đến gặp sư bà Đàm Hương trong vỏ bọc thứ 3 của tôi. Nội dung như sau:

Ngay từ khi Cộng Sản chuẩn bị sẽ ký kết hội nghị Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954, chúng hiểu rằng, khi đất nước chia làm 2 miền, với những thủ đoạn độc tài, phát xít nham hiểm, quỷ quyệt trong những năm qua của chúng đã lộ ra ít nhiều cho một số quần chúng đã biết được, thì tất yếu có rất nhiều người dân sẽ bỏ chúng để đi vào miền Nam theo phía bên kia.

Như vậy, cả về mặt chính trị cũng như xã hội, chúng sẽ bị lao đao, khủng hoảng. Do đấy, bộ chính trị, chủ chốt là tên cáo già Hồ Chí Minh họp bàn để tìm ra một phương kế hòng lấp bớt cái hố sâu lo này của chúng. Cuối cùng chúng đã tìm ra được một nhân vật lá chắn, đầu cầu là dược sĩ Thẩm Hoàng Tín, đương kim thị trưởng thành phố Hà Nội. Một nhân vật điển hình, vừa danh tiếng, vừa uy quyền và giàu có.

Chúng tin rằng, nếu chúng lôi kéo được Thẩm Hoàng Tín ở lại với chúng thì có thể kéo lại một mảng, có thể đến hàng chục ngàn người cũng ở lại theo. Do đấy, chúng đã nghiên cứu một kế hoạch tỉ mỉ, công phu ngay từ khi hội nghị Genève sắp được ký kết. Chúng đã triển khai thực thi kế hoạch từng bước. Chúng chỉ định một cán bộ trung ương đảng có khả năng thuyết phục và có tình cảm lôi cuốn là Nguyễn Duy Trinh (sau này được vào bộ chính trị và đã từng nắm giữ bộ ngoại giao).

Nguyễn Duy Trinh đã bí mật vào Hà Nội để gặp Thẩm Hoàng Tín. Cộng Sản đã nắm vững là trong giai đoạn này, dù cho Thẩm Hoàng Tín có không đồng ý chẳng nữa cũng không dám ra lệnh bắt giữ người

của chúng gửi vào. Những ngày ráp ranh, thế lực Cộng Sản đang lên như điều ở Hà Nội, ai mà không rét?

Thẩm Hoàng Tín lúc đầu còn ngỡ ngàng, ngạc nhiên, lo lắng khi gặp một cán bộ trung ương của Cộng Sản. Nhưng người cán bộ này đã hân hoan nồng nhiệt mang lời nhắn nhủ của bác Hồ vào thăm hỏi sức khỏe của chú Tín. Từ trong chiến khu chống giặc Pháp, bác vẫn để ý xem xét, theo dõi khít khao hành động của chú Tín. Cụ thể năm này, tháng nọ đã ra lệnh tha bao nhiêu người tù (nhà tù nào của chúng ta hàng năm lại không tha người?). Đã dựng trường học này, đã xây chiếc cầu kia v.v... Thẩm Hoàng Tín nghe mà bàng hoàng, nhưng cũng dội lên một chút hưng phấn trong dạ. Trong lúc hưng phấn, Thẩm Hoàng Tín không kịp thấy rằng, khi muốn tìm điểm tốt của một người thì bao giờ và ai chả có cho nên niềm vui, lòng hãnh diện cứ thấm dần vào tâm, nên óc Tín đã mờ dần.

Là một dược sĩ tâm thường, chỉ giữ cái chức thị trưởng thành phố Hà Nội. Trước đây, ông Tín nghĩ rằng mình có tội với Cộng Sản, thế mà nay được hẳn một cán bộ trung ương từ ngoài chiến khu mang lời thăm hỏi, khen ngợi của bác Hồ vĩ đại kính yêu, thì thật năm mơ cũng không thấy.

Tín đêm ngày suy ngẫm, mình được bác Hồ khen cũng là đúng (tâm lý, ai được khen thưởng thấy đúng), mình đối với dân cũng có lương tâm lắm chứ! Bởi vậy, Thẩm Hoàng Tín đã gửi kính thăm sức khỏe của bác, không quên gửi kính biểu bác ít sâm nhung đặc quý. Rồi cho tới khi ký hiệp định Genève, nhiều cán bộ trung ương ra vào gặp Thẩm Hoàng Tín nói là bác Hồ nhớ chú Tín lắm, bác cảm ơn chú Tín đã tặng quà cho bác. Bác muốn chú Tín ở lại gặp bác.

Tuy trong lòng có thiện cảm phần nào với bác Hồ, với cách mạng nhưng trong lòng Thẩm Hoàng Tín vẫn còn nhiều băn khoăn, lo lắng. Chưa biết đâu được, chẳng có gì chắc cả, không chơi đại, ở lại với Cộng Sản nhờ có chuyện gì thì chạy đâu được. Những cán bộ tiếp xúc với Tín đã thấy mỗi băn khoăn, giằng co lưỡng lự của Tín. Cho tới còn hơn một tháng trước ngày tiếp quản thủ đô Hà Nội 10/10/1954. Nguyễn Duy Trinh lại vào gặp Tín một lần nữa; mang theo lá thư của Hồ chủ tịch gửi cho chú Tín, nội dung:

“Do những thành tích sáng ngời vì dân vì nước của Thẩm Hoàng Tín. Với tư cách là chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, trang trọng

đặc biệt đảm bảo riêng cho Thẩm Hoàng Tín, gia đình, họ hàng và toàn bộ tài sản của Thẩm Hoàng Tín an toàn triệt để cùng toàn dân đón chờ tới 1956, ngày tổng tuyển cử, đất nước thống nhất một nhà." Lá thư có đóng dấu và chữ ký của chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là Hồ Chí Minh.

Còn nỗi mừng vui hãnh diện nào to lớn hơn. Trong lòng Tín còn chút băn khoăn ngập ngừng nào đã tan thành khói bay theo mây chiều về phương Nam xa xôi. Hãy giữ chắc lá thư lịch sử này, nó như một lá bùa, một bảo bối bảo vệ cho Tín và gia đình an toàn sau này. Một mối lắt lay thầm kín trong lòng Tín từ mấy tháng nay. Bao nhiêu của cải, tài sản nhà cửa, xe cộ cả một đời tạo lập, nếu phải bỏ lại để ra đi thì rồi cũng héo mòn trong luyến tiếc. Không ngờ, ngày nay đã ổn đẹp, mà cuộc đời lại có chiều hướng đi lên. Thế là Thẩm Hoàng Tín quyết định ở lại, không đi vào Nam xa xôi với vợ dù bạn bè và chính phủ quốc gia khuyên can bao nhiêu cũng không lay chuyển được tấm lòng đã đổi chiều của Thẩm Hoàng Tín.

Nguồn tin được sĩ Thẩm Hoàng Tín, đương kim thị trưởng thủ đô Hà Nội, một người vừa danh tiếng, vừa giàu có ở lại không đi vào Nam được Cộng Sản thổi phồng tung ra lan tràn khắp miền Bắc.

Trong cảnh đất nước chia đôi, lòng người ai cũng vậy. Nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả ông cha, nơi chôn nhau, cắt rốn, ai đâu bỗng dưng cắt ruột mà ra đi về một phương trời chưa hề biết. Cho nên trong lòng mỗi người đều có mối giằng co gay gắt giữa ra đi và ở lại. Hơn nữa, giai đoạn này có phải ai cũng hiểu được Cộng Sản như sau này.

Vì thế, mấy ông chủ sự, chánh văn phòng, giám đốc v.v... đều nghĩ nếu như ông Thẩm Hoàng Tín, một đương kim thị trưởng của một thủ đô, giàu có như vậy mà còn ở lại, ông ta còn hiểu biết Cộng Sản cũng như thời cuộc còn bằng mấy mình ấy chứ. Thế là họ quyết định ở lại. Những ông trưởng đồn cảnh sát, thiếu úy, trung úy v.v... lại nhìn từ ông Thẩm Hoàng Tín cho đến những ông giám đốc, chủ sự. Cứ người này ở lại, kéo theo người kia, để rồi biết bao nhiêu người đã quyết định ở lại theo sự liên đới mà chủ chốt là Thẩm Hoàng Tín.

Về phần Thẩm Hoàng Tín, khi đã quyết định ở lại rồi thì lòng càng mở rộng để nhìn về cách mạng. Thôi thì cứ như thoi đưa, hết cán bộ cấp này đến cấp kia ra vào gặp Tín như cơm bữa. Để rồi nhiều đêm nằm

suy tưởng. Tín đã tưởng chính mình cũng là người của cách mạng. Càng gần ngày Cộng Sản tiếp quản Hà Nội, mảnh đất ngàn năm văn vật, càng lổn nhổn lên những con người xô với đạu, kẻ ở, người đi. Bóng người xưa thưa vắng dần dần. Nhìn cảnh phố phường rệu rạo, đổi màu đôi lúc lòng Tín cũng vẫn lên nổi man mác, băng khuâng về những cảnh đời quen thuộc, quyền hành của mình đã qua. Nhưng rồi cái màu đỏ chói của cách mạng đã lôi hồn Tín trở về với những xốn xang, xởi lởi của những buổi ban đầu giao duyên với cách mạng.

Rồi cho tới ngày 10 tháng 10 năm 1954, Cộng Sản vào tiếp quản Hà Nội, lòng Tín như mở hội. Tín làm nhiều bữa tiệc tưng bừng để đón chào những người con cưng của Tổ Quốc, những cán bộ ruột thịt của cách mạng huy hoàng. Họ muốn cái gì, Tín cũng tặng. Họ muốn xe, có xe; muốn mũ, có mũ; muốn giày, có giày. Những thứ quý giá, đắt tiền nhưng Tín không hề do dự tặng, dâng. Tín làm như vậy là để thể hiện tấm lòng thương yêu, sắt son đối với cách mạng. Nhưng chỉ vài ngày sau đó, những cán bộ ân tình, quen thuộc thường xuyên ra vào nhà Tín trước đây, Tín đã đối xử với họ như những anh em đồng chí bây giờ bần bật đi đâu, hầu như không còn ai lai vãng. Tín chỉ cho là vì công việc tiếp quản bề bộn quá nhiều nên cán cán bộ đều bận.

Ít tháng sau, nhà nước ra thông báo có lệnh kiểm kê toàn bộ tài sản khắp miền Bắc mà các thành phố là điển hình. Tín cũng có lắng lo nên để ý, nghe ngóng. Các cán bộ kiểm kê ở khu phố Tín ở và những khu có nhà của Tín. Họ đã khẩn trương làm hết các nhà xung quanh nhưng không hề động chạm gì đến nhà đất, xe cộ của Tín. Lòng Tín và vợ con Tín tươi như hoa. Tín nằm ngủ mơ còn cười: thế chứ! Bác Hồ mà, chủ tịch nước và chủ tịch đảng chứ có chơi đâu.

Tín và gia đình suy nghĩ: bác và cách mạng đã đối xử với mình như thế, mình cũng phải biết điều chứ. Tín có nhiều xe, nhiều nhà, Tín tự nguyện tặng cho thành phố mấy cái xe mấy cái nhà để giúp phương tiện cho các cơ quan làm việc. Nhà nước càng hoan nghênh Tín.

Lệnh của ban kiểm kê tài sản: anh có bao nhiêu nhà cửa, xe cộ, ruộng vườn không cần biết. Tất cả nhà anh lớn bé có bao nhiêu người, sẽ chia theo đầu người và tùy theo người lớn trẻ con, chính sách đã quy định rõ ràng là được ở bao nhiêu thước vuông. Ruộng, vườn, xe cộ cũng theo thế mà quy định. Của cải của nhân dân, cũng là của nhà nước, không nên để thừa thãi, không hợp lý. Bởi vậy, khi di cư vào Nam, có nhiều người viết giấy ủy quyền với những thủ tục pháp lý đầy

đủ như: bố để lại cho con, con cho bố, cho anh em vợ chồng v.v... đều không còn giá trị nữa.

Mãi gần 3 tháng sau, về cuối đợt kiểm kê vào nhà gặp Thẩm Hoàng Tín, lý do:

- Ban kiểm kê tài sản đã biết ông Tín có giấy bảo lãnh của bác Hồ, cho nên không một cán bộ nào dám đụng chạm gì đến tài sản của ông. Chúng tôi đến với ông hôm nay, xin ông vui lòng cho phép chúng tôi kiểm kê toàn bộ tài sản của ông. Bao nhiêu nhà cửa, ruộng đất, xe cộ cũng như những vật dụng đáng giá trong nhà. Mục đích, để nhà nước biết được cái tiềm năng của cái của đất nước mà thôi, chứ chúng tôi không hề làm suy chuyển, dù là một cái đanh, một miếng gỗ thuộc về tài sản của ông.

Tín nghe thì cũng có chút phật lòng, bở ngỡ. Nhưng nghĩ cho kỹ, cũng thấy hợp lý, vì nhà nước cũng cần phải biết mức độ của cái, giàu nghèo của toàn dân. Và lại, mình đã có là bùa hộ mệnh thì còn e dè, sợ sệt cái quái gì nữa. Nghĩ thế, nên Tín đã hân hoan tạo điều kiện cho các cán bộ kiểm kê làm việc được dễ dàng, thuận tiện. Sau mấy ngày khẩn trương làm việc nghiêm túc mới kiểm kê xong, cuối cùng người trưởng đoàn căn dặn Tín:

- Tất cả những đồ đạc, xe cộ v.v... mà chúng tôi đã kiểm kê, yêu cầu không được di chuyển hay cho ai vì nhà nước còn nghiên cứu và thẩm tra lại.

Tín nghe căn dặn, điếng cả người, của mình mà mình không được cho, không được di chuyển và càng không thể được bán (mà có bán lúc này thì ai mua của ai?) như vậy đâu có còn là của mình nữa. Cả nhà buồn, lo rười rượi, ăn không ngon, ngủ không yên. Tín bàng hoàng tức tối, nhất định phải hỏi cho ra nhẽ mới được. Nhưng dạo này những cán bộ cao cấp có còn thấy mống nào đến nhà nữa đâu. Hỏi những cơ quan lớn của thành phố thì họ đều trả lời không biết. Hỏi thẳng cơ quan kiểm kê cũng như cục nhà cửa thì họ chỉ biết trả lời là họ thi hành lệnh trên. Trên là trên nào thì may ra chỉ có ông trời mới biết. Đầu óc cứ như muốn nổ tung ra vì nghĩ với suy. Cùng thì tắc. Tắc rồi thì phải thông, đó là lẽ trời, vì thế Thẩm Hoàng Tín quyết định.

Một hôm trời đẹp như thơ, Thẩm Hoàng Tín khăn gói quả mướp quyết định vào thẳng phủ chủ tịch xin gặp bác Hồ. Năm lần, bảy lượt

đều được trả lời là bác đi công cán không có nhà. Thôi bây giờ cái thể chơi dao đã lú lẫn cầm phải đàn gáo rồi. Nghĩa là ở vào cái thể phải chạy theo thì cũng đành vậy. Quyết tâm, Tín bỏ nhiều công thập thò, chờ đợi cho đến một buổi đó, trời cũng giúp ông Tín: một đoàn xe đang hộ tống chiếc xe của chủ tịch đi ở giữa tiến vào cổng phủ, rõ ràng có bác Hồ kính yêu ngồi ở trong. Không thể chần chờ, Tín đã xông ra, nhiều người hộ tống bác Hồ ngăn cản, giằng co với Tín. Bác Hồ đã trông thấy, ra hiệu cho Tín đến gặp. Tín hãy còn hốt hển vì vừa bị đám cận vệ ngăn cản, lôi kéo, chỉ biết cúi đầu thật thấp, xin được gặp bác 5 phút thôi.

Hồ Chí Minh gật đầu chấp nhận và Tín được vào phòng khách của phủ chủ tịch ngồi chờ. Sau gần 20 phút đợi chờ, Tín còn đang rụt rè đưa mắt nhìn những cảnh trang hoàng mới lạ của chiếc phòng khách mà trước đây, thuở vang bóng ngày xưa Tín đã ra vào nhiều lần thì bác Hồ từ một cửa ngách đi ra. Mặt rồng hờn hờ, bác tiến lại giơ tay cho Tín bắt. Lòng Tín xoắn xang, cúi đầu thật thấp, run rẩy đưa 2 tay ra nắm chặt bàn tay quyền lực của bác. Bác Hồ vồn vã:

- Đã mấy lần, tôi định đến thăm chú, nhưng việc nước bề bộn, không có rảnh rang được chút nào. Thế hôm nay chú đến thăm tôi hay có việc gì?

Ngập ngừng, Tín trả lời trong hồi hộp nguồn cơn:

- Thưa bác, cháu muốn kính thăm sức khỏe của bác và xin ý kiến bác về một việc.

Hồ Chí Minh giọng vẫn xởi lời thúc giục:

- Chú cần việc gì thế, cứ nói đi! Tôi sẵn sàng làm cho chú vừa ý!

Được lời như cời tấm lòng, Tín nói thẳng những điều đang ám ức trong lòng:

- Được bác thương yêu bảo lãnh cho cháu và gia đình, nhưng nay cán bộ đến kiểm kê hết tài sản của cháu và ra lệnh cấm tuyệt đối không cho di chuyển hoặc cho ai.

Mắt Minh mở to, mặt mất sắc, trắng ra vì ngạc nhiên. Minh quay lại ông bộ trưởng phủ chủ tịch đang đứng phía sau:

- Đồng chí, cho gọi ngay đồng chí bộ trưởng chịu trách nhiệm kiểm kê tài sản toàn quốc, vào đây ngay.

Khi tên bộ trưởng phủ chủ tịch ra ngoài rồi, Minh quay lại, nét mặt còn giận dữ nói với Tín:

- Láo thật! Như thế này thì không còn thể thống pháp lý gì cả.

Chỉ 3 phút sau, ông bộ trưởng đặc trách kiểm kê tài sản rụt rè tiến vào. Minh đứng giật dậy, nhìn ông bộ trưởng vừa vào, hỏi dẫn giọng vẫn còn đầy tức tối:

- Tôi đã viết thư, ký nhận bảo đảm tài sản của chú Tín, vậy sao đồng chí còn cho lệnh vào kiểm kê nhà cửa, xe cộ của chú Tín?

Tên bộ trưởng cúi đầu rụt rè, ngập ngừng không nói ra lời. Minh đập tay xuống bàn quát:

- Tại sao?

Tên bộ trưởng nói ngắt quãng:

- Dạ.....thưa bác.....không phải tại cháu ạ!

- Thế, tại ai? Ai ra lệnh?

Minh hỏi dồn dập, tên bộ trưởng giơ hai tay lên xoa tai nói nhỏ:

- Thưa bác.....nhân dân ạ!

Hồ Chí Minh giơ cả hai tay lên trời, đầu lắc quầy quậy nhìn Tín:

- Ồ, nếu là nhân dân thì tôi xin chịu. Bởi vì cả cuộc đời tôi được sinh ra là để phục vụ nhân dân. Nhân dân bảo chết, tôi xin chết. Nhân dân bảo sống, tôi được sống. Tôi chỉ là một cá nhân nhỏ bé, vô giá trị trước nhân dân.

Tín như từ trên trời rớt xuống; đầu choáng, mắt hoa; ra về mà cái chân đi không còn thấy lối. Uất hận, đau thương ngập trời chỉ còn biết mình tự trách mình:

*Than ôi! Tay trót nhúng chàm.
Đại rồi, còn biết khôn làm sao đây?*

Sau đó, nghe đâu Thẩm Hoàng Tín đã tự tử nhưng được cứu sống, rồi bị bắt hay bị quản thúc thì không được nghe ai nhắc đến nữa.

Chuyện bị bắt hay có tội dưới chế độ Cộng Sản miền Bắc nó rất bình thường, đơn giản. Nó đơn giản đến cái độ mà người ở thế giới bên ngoài không thể hiểu được, cho nên dù có ai nói cũng không tin. Anh có cửa, có nhà, chính phủ đến lấy, đến tịch thu; anh cứ phải vui như Tết. Từ ở trong lòng, cũng như anh phải thể hiện với người chung quanh là chính phủ đã làm đúng, anh hoàn toàn bằng lòng. Nếu anh lại tỏ ra buồn phiền, phàn nàn hay tức tối, như vậy là tội đấy. Cán bộ sẽ có biện pháp kỷ luật, không cho anh ra khỏi nhà, không được tiếp xúc với ai. Anh lại càng tức tối nữa, phần uất như điên, lời nói phản đối nhà nước càng nặng hơn, như vậy tội càng lớn hơn. Cứ như thế, để rồi cuối cùng phải vào trại giam

Anh đang làm trưởng phòng của một cơ quan nào đó. Do những ý riêng hoặc yêu cầu của nhà nước, họ sẽ tìm một vài khuyết điểm vu vơ của anh. Chính phủ hạ anh xuống làm một nhân viên, anh phải vẫn hân hoan, vui vẻ tích cực làm việc ở cương vị đó một cách thực lòng. Nếu anh tỏ ra tiêu cực trong công tác, như vậy là tội đấy, anh đã hờn oán chính phủ. Họ sẽ có biện pháp kiểm thảo, hạch sách, kỷ luật hành anh đủ điều. Anh lại càng hận, tức hơn, tất nhiên sẽ thể hiện trong lời nói và việc làm, anh lại bị nặng hơn nữa, cuối cùng chỗ anh ở vẫn là nhà giam. Nói một cách dễ hiểu: anh đang tự do, trót anh lại, anh đừng giẫy, vẫn vui vẻ thì không sao. Nhưng cả ngàn người khi tự nhiên bị trót thì đều tức tối, giẫy dựa kê trời, thậm chí còn chửi bới. Vậy, đó là tội đấy!

Tóm lại, với Cộng Sản, xin những nhà nước và những cá nhân đừng tin, đừng ký kết với họ cái gì cả. Ký một hợp đồng đầu tư xây dựng một nhà máy gì đó trong đất Cộng Sản là bạn đã ký giấy cam kết với con hồ ly tinh. Chắc chắn, không sớm thì muộn bạn sẽ bị xiềng liếng với nó. Cộng Sản sau đó sẽ có trăm ngàn lý do làm cho bạn phải đau đầu. Cũng như Cam Ranh của Việt Cộng bây giờ (1990). Rất ngon lành mời gọi, nếu Mỹ cứ mó vào. Tôi chắc chắn rồi Mỹ sẽ phải điên đầu, xiềng liếng thất cơ lỡ vận, lúc đó xin đừng kê trời.

Phải nói rằng giai đoạn này, bác Tiến và tôi, một già, một trẻ thường say mê chuyện trò với nhau. Tôi cố hạn chế không muốn cho nhiều người biết sự thân mật, chuyện trò giữa tôi và bác Tiến. Thường thường những buổi tối khi đã bỏ màn, chúng tôi ngồi trong màn nói chuyện, bên cạnh lại là mấy người dân tộc nên cũng không đáng ngại. Do cách sống đạo đức, hiền hậu của bác, và nhất là uy tín của bác trước đây nên có nhiều người, nhất là thanh niên, trong đó có những tu sĩ, vẫn thầm kín giúp đỡ bác trong những khó khăn của đời tù vì tuổi già, sức yếu. Năm nay bác đã 65 tuổi rồi (1968).

Trông bác phúc hậu, hiền lành, ăn nói từ tốn cho nên được hầu hết anh em trong tù trọng mến. Ngược lại tụi cán bộ lại ghét cay, ghét đắng bác. Có lần một buổi trưa, bác Tiến đang ngồi ở hội trường nói chuyện với mấy thanh niên tu sĩ, tên Đức trưởng ban giáo dục từ ngoài cổng trại đi vào. Đến hội trường, thấy vậy, y bước đến, chỉ bác Tiến, bắt bác nhặt hết những lá khô, rác rưởi ở dưới rãnh dọc theo mái hiên của hội trường. Nó không cho ai giúp bác, chủ trương của nó là chỉ muốn hành hạ bác chơi vậy thôi. Phần do bản tính hiền lành, phần biết nhẫn nhục thích ứng nên bác đã lẳng lặng làm theo lệnh của nó với quan điểm "nín thở qua đò".

Tên Cẩn trực trại cũng thế. Một buổi Chủ Nhật nó đi lang thang vào nhòm ngó các buồng. Khi nó vào buồng 2, nhìn thấy bác Tiến đang ngồi nói chuyện trong một đám người, mặt nó lạnh tanh như da trâu ngâm nước, nó bước thẳng vào nhà cầu của buồng rồi trở ra. Vẫy tay gọi bác Tiến, nó dẫn bác vào nhà cầu chỉ chỗ đi ỉa, đi đái đầy mùn, bựa dơ bẩn. Nó ra lệnh cho bác Tiến phải xuống giếng lấy nước, dùng bàn chải cọ cho sạch ngay trong ngày hôm ấy. Chiều nó vào kiểm tra mà còn bẩn thì đừng trách nó. Mọi người thấy nó hành hạ bác Tiến như vậy đều mủi lòng thương, nhưng không ai dám giúp đỡ. Chờ cho đến khi tên Cẩn đi ra, mới có mấy thanh niên đi xách nước cọ giúp cho bác. Mặc dù việc cọ rửa nhà cầu đã có anh Lương Yên, một người Lào gốc Việt vẫn hàng ngày làm vệ sinh trong trại chịu trách nhiệm.

Vậy mà sáng hôm sau, các toán đang chờ xuất trại đi lao động thì có lệnh của ban giáo dục: Phùng Văn tại (toán 2), Hoàng Mạnh Hùng (toán 3) ôm chặn chiếu đi kỷ luật. Hai cậu này hôm qua đã giúp bác Tiến cọ nhà cầu.

Sau một số ngày chuyện trò với bác Tiến, cũng như qua mấy người khác cùng ở trại Vĩnh Tiến với bác, tôi được biết sơ lược về bác như sau:

Là một thanh niên trí thức của Hà Nội, cũng như nhiều thanh niên trí thức có tâm hồn khác. Thấy lòng uất hận, tủi nhục nhìn cảnh quê hương dân tộc bị giặc Pháp thống trị, bóc lột nên ngay từ 1925, bác đã tìm đường trốn ra nước ngoài, hòng tìm ra một phương cách, một giải pháp cứu giúp đồng bào, đất nước. Bác đã lặn lội, lang thang gần khắp châu Âu, hết Anh, rồi Đức lại đến Pháp. Cuối cùng bác đã gia nhập đảng Cộng Sản Pháp. Từ tấm lòng hướng về quê hương, bác đã nghiên cứu, học tập hoạt động hăng say dần dần trở thành một đảng viên xuất sắc. Uy tín của bác được đảng Cộng Sản Pháp đề cao.

Theo sự suy nghĩ của bác, muốn hoạt động cho nền độc lập của nước nhà, không những phải vận động ở bên ngoài, mà còn cần phải có quần chúng, có hậu thuẫn ở trong nước nữa. Vì thế bác đã cật lực trở về nước bí mật hoạt động vào thời gian Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930). Sau vì những điều kiện trong cũng như ngoài chưa đủ chín mùi, nếu manh nha sẽ bị thực dân Pháp nhận chìm vào biển máu nên đổi chiến thuật, bác quay ra làm sách, làm báo công khai để vận động quần chúng, khích lệ, gieo mầm nuôi dưỡng các phong trào. Cho tới ngày 19 tháng 8 năm 1945 toàn dân đã cướp được chính quyền từ trong tay thực dân Pháp. Do mâu thuẫn nặng nề về chính kiến với những phương cách nham hiểm, tàn bạo của những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam, bác lại ra đi trở về Pháp.

Bác không những là bạn đồng chí mà còn là bạn thân của Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, cả ngay Hồ Chí Minh nữa. Trước đây ở Pháp, bác đã gặp gỡ và giúp đỡ Minh vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn.

Khi trở về Pháp lần này, bác miệt mài nghiên cứu, đào sâu chủ nghĩa Marx và Lênine cùng với một số học thuyết khác. Rồi trong một lần bác được yết kiến Đức Giáo Hoàng, Chúa Kitô soi sáng tâm hồn bác, bác thấy bừng lên một chân trời sáng bao la, cao siêu, đầy nhân hòa trong xã hội loài người. Bác sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng với thực dân, phong kiến và đế quốc, nhưng bác cũng không ưa sự tàn bạo, quá khát máu của Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế. Một thời gian nghiên cứu về thần học, bác đã tìm ra một đường lối giao hòa giữa Cộng Sản và Thiên Chúa giáo. Bác càng nỗ lực nghiên cứu thấu đáo

con đường bác đã nhìn thấy, hồng cứu vãn dung hòa cái khắc nghiệt của máu sẽ chảy nhiều của thời đại.

Bác đã từ chối hết mọi danh vọng, lời mời mọc của Đồng, Giáp, Liệu. Nào là họ sẽ giao mặt trận Tổ Quốc cho bác, hoặc bác sẽ nhận trách nhiệm hành chính của một tỉnh v.v... Rất nhiều những lá thư tay, lời kéo, dụ dỗ của Đồng, Giáp, Liệu gửi cho bác cho tới ngày bác về nước đợt này.

Lúc này bác trở về quê hương (1960), mục đích của bác là để vận dụng, thực thi con đường giao hòa giữa Cộng Sản và Thiên Chúa giáo. Trần Huy Liệu và Võ Nguyên Giáp cùng một số cán bộ cao cấp đã đến chỗ ở của bác ở gần Hà Nội gần Nhà Thờ Lớn, nhiều lần đe dọa, áp lực bắt bác phải từ bỏ con đường bác đã chọn. Dù bác không chống họ, nhưng cho tới đầu 1962, họ đã bắt bác vào Hỏa Lò với lệnh tập trung cải tạo.

Khi nghe nói bác bị bắt vào Hỏa Lò 1962 trùng một năm với tôi, tôi chột nhớ lại. Khoảng 1963 khi tôi được chuyển từ xà lim 3 về xà lim 2 ở buồng số 4 với Phạm Huy Tân. Có một lần Tân nói: trong buồng này, có một bác già tên là Tiến vừa được chuyển đi thì anh đến. Buồn cười lắm! Ông ta nghiện thuốc lào, vì có tiếp tế nên có diêm, có thuốc mà lại không có điếu. Ông ta có một miếng xà phòng giặt, lấy một chiếc đũa chọc xuyên qua thành một cái lỗ, rồi khoét rộng một đầu để có thể vê điếu thuốc nhét vào. Mỗi khi hút, ông ta tỳ miếng vào một bên của cục xà bông, bên kia đánh diêm hút. Ông ta hút một điếu thuốc thật vất vả, nhưng có thể vì xà phòng sao đó ông ta bị đi ỉa chảy mấy ngày nên không dám hút nữa. Khi ỉa chảy đờ đờ, thèm thuốc quá, ông ta lại hút và lại tiếp tục bị đi ỉa, toàn ra nước với bọt thôi.

Lúc đó nghe Tân nói, tôi nghĩ, ông ta cũng như trăm ngàn người khác nên tôi cũng chẳng hỏi thêm làm gì. Nhưng bây giờ tôi đoán, hẳn là bác Tiến chứ không ai khác, và như thế tên Tân hiện đang làm trật tự ở trại này chẳng còn lạ gì bác. Có điều y lờ đi, coi như chưa từng quen biết bác. Giọng suy tư của tôi lững lờ chảy đến đây, tôi qua lại hỏi bác Tiến ngay:

- Thế ở Hỏa Lò ai tiếp tế cho bác?

Bác cười trả lời:

- À, thời gian ở ấy thì có mấy con cháu, nó vẫn tiếp tế cho bác. Nhưng từ ngày chuyển đi các trại, họ không cho gửi thư, nên các cháu chả biết bác ở đâu.

Những lúc ngồi nghe bác tường thuật lại những cảnh đời bôn ba, lúc thuận tiện cũng như những lúc khó khăn trong quá trình của đời bác. Nhìn mái tóc đã gần trắng hết đầu, nét mặt đôn hậu, hiền hòa, phương phi, tôi chợt nhớ đến gương mặt của Hồ Chí Minh. Giọng suy tưởng của tôi cứ trôi dài vào cái lẽ thặng trầm của thể sự ngược xuôi, thành công và thất bại.

Có tài, nỗ lực làm việc mới chỉ là một điều kiện. Còn một điều kiện, một yếu tố nữa là may mắn gặp thời.

*Thời lai, đồ điều thành công dị.
Vận khứ, anh hùng ẩm hận đa.*

Ngày xưa, tôi nhớ trong sách toán học trong miền Nam từ đệ nhị cấp trở lên, ngoài bìa thường in cái phương trình làm việc của nhà bác học Albert Einstein như sau:

$$X + Y + Z = \text{THÀNH CÔNG}$$

Với ba ẩn số: Z = Cố gắng, nỗ lực. Y = Làm việc, nghĩa là phải bắt tay vào làm cái việc mình định làm. X = May mắn, thời cơ.

Theo lẽ thông thường, yếu tố nào quan trọng hơn người ta đặt trước. Như vậy, dù Albert Einstein, một nhà đại bác học mà cả khối tự do cũng như Cộng Sản đều phải thừa nhận. Nghĩa là, ông là một nhà khoa học đến chân răng, kẽ tóc, thể mà, ông ta vẫn thấy, và thừa nhận yếu tố may mắn trong cuộc đời là quan trọng và cần thiết. May mắn là nói theo khoa học; nói theo lối thông thường là số phận, là định mệnh.

Từ những chứng kiện trên qua óc liên tưởng, cho phép tôi tin: Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đã lập được một chiến công lẫy lừng đại phá quân Thanh năm 1789. Chúng ta là kẻ hậu thế chỉ thấy cái sáng chói hiển hách của vị anh hùng dân tộc. Nhưng cùng đồng thời với ông hẳn cũng có nhiều người tài ba nhưng vì không may mắn, không gặp thời nên đã mai một đi, trở thành vô tên tuổi. Thời Hồ Chí Minh cũng vậy, và cả thời Ngô Đình Diệm cũng

thế. Tóm lại, người thành công nhất, chưa hẳn đã là người tài giỏi nhất.

Hai anh Nguyễn Thanh Dương và Trần Quốc Anh bị đi kỷ luật hôm Hoàng Thanh giật dây ảnh, mãi hơn một tuần sau mới được thả ra. Hai người lặc lè về buồng 2. Mặt mũi anh nào cũng phờ phạc, xanh tái, hẳn đã phải làm bản kiểm điểm, một hình thức nhận lỗi, nhận sai lầm thì mới được ra. Tôi hiểu, Hoàng Thanh chỉ muốn dẫn mặt buổi ban đầu với người vừa ở trại khác chuyển đến mà thôi.

Một Mảnh Đời Của Nữ Sĩ Thụy An

Trời càng ngày càng nóng, chẳng biết ngày tháng Âm lịch hôm nay là bao nhiêu. Ngày mai toàn trại đã vào đợt học tập dài ngày rồi, nghĩa là đã đầu tháng 9 Dương lịch. Nếu chẳng đầu Thu thì cũng cuối Hè rồi vậy mà sao trời còn nóng đỏ mỡ suốt ngày đêm. Cái nóng khủng khiếp, suốt đêm như trong lò đốt không ngủ được.

"Cái nóng nung người nóng nóng ghê!"

Hàng đêm, với một chiếc quần đùi rách, tôi lặn xuống nền đất, chui mũi vào gầm sàn; mặc cho mồ hôi đất cát bắn dơ, để tìm được một chút hơi ẩm của đất. Hàng 120 người nhét trong một căn buồng mà trước đây 100 người đã chật. Ban ngày còn cái nạn nước để tắm rửa mới tái tê. Toán nào cũng khẩn trương làm công việc cho hoàn tất, để cán bộ cho về trại sớm mười mười lăm phút, để tranh thủ còn ít nước trong mà tắm rửa. Vì thế toán nào cũng vậy, từ lao động ở ngoài đồng cũng như trong khu thủ công. Ai bước chân vào khỏi cổng trại là chân chạy, tay cởi giải rút quần, (không phải cởi áo, mùa Hè hầu hết tù ở trần) chừa vào tới giếng thì đã tụt xong quần.

Hàng trăm người, già trẻ trần truồng vây quanh cái giếng nhưng chỉ có khoảng hai chục cái gầu (gầu gỗ, tôn, nứa). Người có gầu thì múc dội xối xả. Người không gầu thì chui đại vào dưới háng, kẽ nách để hứng lại ít nước thừa vào đầu óc, cơ thể cho đỡ nóng và cái nhờn của mồ hôi. Vậy mà chỉ vài chục phút là nước giếng đã đục ngầu rồi cạn dần cho tới đáy. Nước dù đục, lặn bùn vẫn còn mát và vẫn còn đỡ hơi hám hơn mùi mồ hôi. Những ngày đầu thực ngượng ngùng, tôi không dám cởi quần ra, nhưng bị khó khăn trở ngại rất nhiều, như vướng vít, không sạch, thay quần, giặt quần v.v... Thôi thì nhập gia tùy tục, bởi vậy tôi cũng đành tồ hồ và cứ nhìn nhau mà cười. Toán nào về muộn, hay chậm chân thì chỉ còn nước đục; đôi khi không còn nước, đành tối về buồng ngồi "tắm cạn". Nghĩa là ngồi vo ghét khắp mình, cổ, thành từng cục như hòn bi con rồi búng ném tứ tung khắp buồng.

Sáng hôm nay, một buổi sáng gió rừng thật lộng. Cụm nứa già phía cuối hội trường ngả nghiêng, có lúc như cúi rạp, sát xuống để thăm thì, tâm sự với chiếc mái nứa của hội trường. Những chiếc lá con thon dài, nhọn hoắt rít rít khua vào nhau thành những tiếng xào xạc như nhắc nhở mọi người: hôm nay khai giảng lớp học tập, chỉ một tí nữa

thôi sẽ có một tổ nữ tù ngoài trại nữ cùng vào dự chung lớp học hôm nay.

Thực ra cái nguồn tin tươi sáng này chẳng biết từ đâu rí vào, anh em đã bàn tán xôn xao từ mấy hôm nay rồi. Vì thế sáng hôm nay hầu hết những thanh niên, kể cả những chủng sinh và những người còn trẻ trẻ đều mặc những bộ quần áo đẹp và sạch nhất. Mặt mũi, đầu tóc được làm kỹ hơn mọi ngày. Dù ai cũng tỏ với mọi người khác là mình sạch sẽ để tôn trọng lớp học mà thôi. Buồn cười nhất là anh chàng Hoàng Đức Tùng, chừng khoảng 27 hay 28 tuổi. Nghe đâu anh này cũng ở Thái Lan về nước như Trần Lào hay Trần Thanh Tùng trong nhóm chuyển từ trại Vĩnh Tiến về. Tùng có cái áo sơ mi ca rô màu xanh nhạt bằng ny lông với chiếc quần tergal màu cà phê sữa. Tuy có mấy dấu cái tạo, hắc ín to tướng đóng phía trước và đằng sau, nhưng nó vẫn nổi bật màu riêng biệt giữa đám quần áo màu xám đậm của trại. Đầu Tùng chải kiểu đít vịt bóng loáng, kết hợp với đôi xăng đan da màu nâu, kiểu hai quai chéo. Rõ ràng đúng dáng dấp của một anh công tử nông thôn ra thành phố. Ngay từ sáng sớm, Tùng cứ hết vào buồng lại trở ra, rồi đi xuống giếng lại lên phía đầu hội trường, trước những con mắt ngẩn ngơ, trầm trồ của những người...dân tộc.

Hôm nay tôi cũng có nét xốn xang đợi chờ. Đây là một lớp học chính trị vì thế tôi tin những người tù nữ vào dự lớp học này đều phải là chính trị. Hơn nữa, hôm qua Lê Sơn đã nói, trong đám này có cả nữ sĩ Thụy An.

Như đã trình bày trước đây, tôi chưa bao giờ trông thấy bà. Khi còn ở trong Nam, tôi theo dõi đọc thiên phóng sự "Bên kia bức màn sắt" của nhà văn Hoàng Hải Thủy đăng trên nhật báo Tự Do; có nói sơ đến cuộc đời hoạt động cũng như tình cảm của nữ sĩ Thụy An với Đỗ Đình Đạo và Hoàng Quốc Việt v.v... Cho tới khi tôi ra Hà Nội bị bắt; khi chuyển đến buồng số 12 ở xà lim I, tôi đã thấy giòng chữ viết trên tường của bà, nói đã chọc mù một mắt. Không ngờ, hôm nay tôi lại có thể gặp để nhìn thấy con người của bà cụ thể mà từ lâu tôi vẫn hằng ngưỡng mộ.

Chẳng phải chờ lâu, khoảng 8:30, một đám cán bộ nam, trong đó có một cán bộ nữ hãy còn trẻ chỉ chừng tuổi đôi mươi tiến vào. Chính vì cùng đi chung với một cán bộ nữ mà đám cán bộ nam cười nói vui như Tết; trong đó có cả tên Đức thiếu úy trưởng ban giáo dục. Tiếp theo đám cán bộ là một đoàn tù nữ chừng 14 - 15 người. Đa số còn trẻ, dù

vậy cũng phải từ hai mươi mấy tuổi trở lên. Có mấy người già khoảng 60 hoặc 60 ngoài. Người thì vẫn khăn, người thì cặp tóc, hầu hết đều ăn mặc quần áo trại màu xám nhạt.

Khi đoàn tù nữ đi qua sân để vào hội trường, có nhiều tiếng chào hỏi với anh em trong trại, chứng tỏ họ đã quen biết nhau từ trước. Ngay từ sáng, vì tôi nóng lòng muốn biết mặt nữ sĩ Thụy An nên tôi đã rủ Lê Sơn lên chỗ cuối hội trường đứng chờ. Thực ra lúc này, chẳng phải chỉ có một mình Lê Sơn biết bà Thụy An mà có rất nhiều người đang chỉ, chỗ kia là bà Thụy An.

Trước đây đọc sách báo, biết về bà, trong óc tôi đã tự vẽ lên một hình ảnh tưởng tượng của nữ sĩ. Rồi cứ thế nó cứ nằm dài theo năm tháng trong lòng tôi. Bây giờ nhìn thấy bà, tôi đã bàng hoàng ngẩn ngơ đến độ đờ đẫn. Một bà chừng 45 đến 50 tuổi (1968) tuy tóc chưa bạc nhưng đã khô cứng, đỏ quạch. Da mặt bà trắng xám, nhăn nhúm thành nhiều vết hằn nhỏ con chạy tủa về hốc chiếc mắt chột, hoắm sâu vào như một cái lỗ. Mấy chiếc răng cửa hàm trên, chẳng biết do bà hút thuốc hay ăn trầu, cẩu xỉn lại, giồ hằn ra ngoài môi, chìa ra hai bên. Chiếc lưng hơi còng còng ra phía trước đã nói lên nó đã phải gánh quá nặng những nỗi truân chuyên thương đau của đời người chủ nó. Vì chỉ còn một mắt nên đầu bà thường phải nghiêng bên này, nghiêng bên kia. Thỉnh thoảng bà mỉm cười để đáp lễ những người quen.

Tôi hiểu rằng, sau buổi khai giảng lên lớp này, họ sẽ chia thành từng tổ học tập nên sẽ bị chỉ định chỗ ngồi mỗi khi vào hội trường. Ngay lúc này, để tranh thủ tiếp cận với bà tôi đã chen vượt qua mấy người để ngồi ngay sau lưng bà vì bà là người ngồi phía dưới cùng của tổ nữ.

Bây giờ thì chỉ cách bà 50 – 60 phân, tôi đã nhìn rõ từng sợi tóc của bà. Đầu bà đã có dăm mười sợi tóc trắng. Tôi ngồi phía sau cứ chăm chăm nhìn mãi tóc phai màu và đôi vai gầy của bà, trí óc tôi cứ rí dần vào giòng đời. Tôi không thể hình dung ra được ngày xưa, cái ngày ngập tràn hương sắc của đời bà đã làm cho biết bao người nghiêng ngả, nó như thế nào? Dù tôi hiểu rằng, tất cả mọi người, nếu mà không biết, sẽ đều phải trở về già. Tre già thì tre tốt, nhưng người già, mà lại buồn phiền nữa thì ôi thôi, phải gánh chịu mọi cái bề bàng, tủi hận của một đời người. Tôi vẫn không kìm hãm được tiếng thở dài nhẹ xì ra:

*Tuổi trẻ khô đi mặt xấu rồi!
Chết dần từng nắm thang mai một,
Chết cả mùa Xuân, chết cả đời.*

Hội trường đầy ắp người. Nhiều tiếng ồn ào, rì rầm bàn tán, chuyện trò. Không khí mỗi lúc một oi nồng. Cả hội trường, chả ai nhắc nhở nhưng vẫn im bật, khi một tên thượng sĩ cán bộ trong ban tuyên huấn của trại tiến đến chiếc micro giới thiệu ông chánh giám thị lên bục nói chuyện và khai mạc lớp học. Toàn thể mọi người tù đều phải đứng dậy, khi tên Toán, thiếu tá giám thị trưởng trại cải tạo trung ương số I, rời khỏi hàng ghế tiến vào bục nói chuyện. Người y to lớn, da dẻ hồng hào với mọi người đều phải thẳng đứng người chào y. Mặt tươi lên, miệng y nở một nụ cười thỏa mãn. Tay y vẫy vẫy ra hiệu bảo những tên tù ngồi xuống. Sơ lược nội dung y nói:

Do sự chiếu cố thương yêu của đảng; đứng đầu là Hồ chủ tịch kính yêu, chính phủ quyết định mở một lớp học tập chính trị dài ngày: "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" cho toàn thể những trại viên trên toàn miền Bắc. Riêng ban giám thị trại I đã không tiếc thời gian và công việc, tạo điều kiện cho trại viên học tập kết quả. Vậy toàn thể mọi trại viên hãy quyết tâm ra sức học tập cho thật tốt để gặt hái những thành quả tiến bộ cho riêng mình và cũng là thể hiện lòng biết ơn ban giám thị và nhà nước.....

Tôi liếc nhìn toàn bộ các toán đang hướng mặt lên phía tên Toán nói chuyện. Tôi đưa mắt nhìn hàng ghế các tên cán bộ đang ngồi trên khán đài. Năm sáu tên lúc nhúc trong đó có cả Hoàng Thanh, đặc biệt không thấy tên Nguyễn Chuân.

Lòng tôi còn bồng bênh, lảng đãng vì tôi chưa hiểu mục đích chủ trương của chúng muốn cái gì trong lớp học này. Tuy tôi vẫn biết ngoài những đòi hỏi dụng ý riêng của từng lớp học, chúng còn có một mục đích chung là thường xuyên không để cho trí óc người tù ngơi nghỉ. Mãi cho tới khi tên Mạch, trung úy trưởng ban tuyên huấn của trại I nói về nội dung lớp học tôi mới hiểu: lập công ở đây là mỗi người đều phải đào sâu suy nghĩ; vắt lòng vắt óc trong suốt quá trình của đời mình. Lục soát từng không gian, từng thời gian xem đã nghe, thấy, biết bất cứ cá nhân hay một đảng phái tổ chức chính trị nào dù là bạn bè hay thân quen; còn ở ngoài xã hội hay đã vào tù; ở trong Nam hay ngoài Bắc, xét ra có hại cho cách mạng, cho nhà nước, đều phải viết tỉ mỉ, chi tiết trình bày sáng tỏ v.v... với nhà nước.

Để làm loãng, làm mất cảnh giác mọi người về cái mục đích này của chúng, hàng ngày những buổi lên lớp rồi về thảo luận, chúng giảng về tinh thần bất khuất, truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc qua các thời đại. Từ bà Trưng, bà Triệu cho đến thời đại Hồ Chí Minh.

Về kinh tế, chúng khích lệ, kêu gọi nào là Tổ Quốc giang sơn gấm vóc giàu đẹp, tiền rừng bạc bể. Chúng vẽ ra một bức tranh huy hoàng đầy tươi sáng của ngày mai khi quân và dân cả nước tiêu diệt xong Mỹ và tay sai ở miền Nam v.v...

Đã mấy lần, trong những giờ giải lao (15 phút) giữa hai buổi lên lớp, tôi đã định xông bừa đến chỗ bà Thụy An để làm quen và thăm hỏi. Nhưng tôi cứ thập thò ngập ngừng mãi chỉ vì có bao nhiêu người cứ xâu xâu vây quanh đám đàn bà con gái. Mà tính tình của tôi ở những giai đoạn ấy còn rất nhiều lẩn tránh. Tôi thập thò là chủ trương muốn đến nói chuyện với nữ sĩ Thụy An, nhưng mấy cô gái đang được mấy cậu vây quanh chuyện trò có thể tưởng tôi cũng ngất ngây muốn đến với các cô, là điều mà tôi kỵ, chúa ghét. Khi thấy một cô gái có nhiều cậu trai quấn quít thì tôi tránh xa, không bao giờ tôi lại xông vào cũng sẵn đón chuyện trò chung với họ. Điều này chẳng hiểu sao tôi lại kỳ cục như vậy.

Do cái tính kỳ cục một cây ấy mà mãi chiều ngày hôm sau tôi mới có dịp nói chuyện với bà Thụy An. Lúc đó vừa mãn một giờ giảng bài, thấy bà vội vàng đi một mình xuống phía giếng, tôi lẻ làng lách đám đông chạy theo. Khi đi ngang qua, hơi hồi hộp và ngưỡng ngưỡng vì tôi chưa biết gọi là bà hay là chị, nên đành phải nói trống không, không có chủ từ. Tôi nghiêng đầu chào rồi nói một hồi:

- Xin chào, tôi ở trong Nam ra Hà Nội hoạt động tình báo, bị bắt vào Hỏa Lò. Tại xà lim I, khi bị giam ở buồng 12, tôi thấy chữ viết trên tường của...ở gần chỗ cái cùm.

Bà Thụy An ngừng hẳn lại, hơi ngạc nhiên nhưng rồi có lẽ bà đã nhìn thấy thái độ lúng túng của tôi nên bà cười, vồn vã hỏi lại:

- Cậu còn đọc được cơ à, thế cậu lên trại lâu chưa?

Thấy gọi tôi bằng cậu và sự ân cần tự nhiên của bà, phần khác, tôi thường chỉ lẩn tránh lúc đầu, bởi vậy tôi cũng niềm nở tỏ ân tình:

- Chị có khỏe không?

Chị hơi ngập ngừng rồi trả lời:

- Khỏe!

Tôi hiểu cái ngập ngừng của chị là chị không được khỏe, nhưng để cho qua nên chỉ đã trả lời như vậy. Sau khi chị nói "khỏe" xong, mặt chị tươi lên rồi nói như thân tình:

- Chờ một chút nhé, tối ra mình sẽ nói chuyện tiếp.

Đột nhiên chị cúi sát gần vào tôi hạ giọng:

- Cậu tên gì?

- Bình ạ!

Chị vừa gật nhẹ đầu vừa tất tả bước lên thêm để vào buồng y tá. Quý Cụt đi ngang qua tôi miệng cười cười:

- Quen đấy ư?

Tôi chỉ gật đầu để trả lời Quý vì một ý nghĩ khác đã xộc vào óc tôi. Trông mặt chị ấy như vậy mà lại đã từng giết người hay sao? Bởi thế tôi có ý định cứ hỏi thẳng xem chị trả lời thế nào. Tôi cũng biết làm gì có điều kiện để nói chuyện với chị nhiều. Vừa lúc đó tiếng còi ở phía hội trường đã ré lên như thúc giục mọi người vào lớp nghe giảng bài tiếp vì giờ giải lao đã hết.

Chị từ trong phòng y tá hấp tấp bước xuống sân đi nhanh về phía tôi. Chị khẽ đập tay vào vai tôi ra ý cùng chị đi vào lớp. Thái độ cởi mở như chị đã quen tôi lâu ngày càng làm tôi mạnh bạo thực hiện ý định lúc này khi cùng chị đi đến giữa sân:

- Xin lỗi chị, chẳng có điều kiện gặp được chị lâu. Có phải chính chị đã đánh thuốc độc giết ông Đỗ Đình Đạo?

Đang bước những bước dài, đột nhiên chị ngừng hẳn lại, quay sang nhìn tôi. Mắt mở to trán chị cau lại như ngạc nhiên, như dò xét rồi mặt chị như dẫn ra, mềm hẳn lại:

- Không phải đâu, câu chuyện dài lắm. Có dịp tôi sẽ nói cho cậu nghe.

Chị vừa lắc đầu vừa trả lời, cũng là lúc cả chị và tôi đã chìm lẩn vào đám đầy người ở hội trường. Lớp học trong một tuần lễ, cứ hết lên lớp nghe giảng lại về tổ sinh hoạt, thảo luận, thu lượm rồi lại lên lớp. Tổ học tập phân chia không tùy thuộc theo toán, mà theo toàn trại. Vì vậy mỗi tổ từ 15 đến 20 người gồm người của nhiều toán khác nhau. Mỗi tổ học tập có một cán bộ đi sát phụ trách. Tôi ở tổ 4, cán bộ phụ trách tên là Hoàng. Ý chỉ định cho anh Phán thuộc toán 7 làm tổ trưởng, còn tôi là thư ký ghi chép biên bản sinh hoạt. Tổ tôi 19 người mà chỉ có 4 người thuộc toán 2 là Nguyễn Văn Gôm, Lò Văn Lui, Nguyễn Thanh Đương và tôi.

Trong đợt học tập này, tôi nhớ nhất một chuyện ở ngay trong tổ của tôi. Sáng hôm đó, trên lớp giảng ở hội trường, chủ đề sinh hoạt là: "Cuộc kháng chiến thần thánh oai hùng của vị anh hùng Lê Lợi đất Lam Sơn đã kiên trì, chiến đấu gian khổ trong 10 năm. Cuối cùng đã đuổi được giặc Minh ra ngoài bờ cõi. Người góp công sức nhiều nhất và cũng đầy tài ba mưu lược nhất của cuộc kháng chiến đó là Nguyễn Trãi".

Tên Mạch trung úy trưởng ban tuyên huấn cứ thao thao bất tuyệt trên bục giảng: nào là Nguyễn Trãi trong giai cấp nông dân. Một giai cấp đồng chí của giai cấp công nhân sau này của đảng. Nào, tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi, cứ như là của một người Cộng Sản thời bấy giờ. Mọi người nghe, thấy ngứa cả tai. Vì vậy khi đến phần thắc mắc về bài giảng; chỗ nào học viên chưa hiểu, hoặc chưa sáng tỏ cứ việc hỏi. Nguyễn Thanh Đương một tu sĩ ở trại Vĩnh Tiến mới chuyển về, gơ tay xin hỏi. Tên Mạch, mắt sáng lên, mặt hớn hờ ra hiệu tay cho anh Đương đứng lên phát biểu..

Nguyễn Thanh Đương, dáng người lùn thấp. Tôi nhớ anh nhất vì phía đuôi hai con mắt của anh có nhiều tia ngoằn ngoèo đỏ như máu. Chẳng hiểu đó là do bệnh đau mắt của anh hay từ khi bẩm sinh? Anh phát biểu rất từ tốn, nặng nặng giọng Nghệ An:

- Thưa ông, theo tôi hai ông Nguyễn Trãi và Lê Lợi rất phong kiến. Đi đến đâu cũng kẻ hầu người hạ, thường ngồi trên ngai, trên kiệu. Tư tưởng thống trị và bóc lột đã thể hiện ra cách sống. Bởi vậy, nếu hai

ông ấy sống lại bây giờ, chắc chắn đảng ta sẽ cho hai ông đi cải tạo mút mùa.

Ai nghe cũng tươi mặt lên và buồn cười, nhưng chỉ có vài người cười thành tiếng. Trên bục nói chuyện, tên Mạch xạm hẳn mặt lại, sượng sùng một lúc rồi y nói ngập ngừng:

- Nguyễn Trãi và Lê Lợi là hai vị anh hùng của dân tộc, làm sao lại cho đi cải tạo?

Nói đến đây tự nhiên mặt y đanh lại, mắt quắc lên chỉ tay vào anh Dương:

- Vì máu anh là máu phản động, nên mới hỏi bậy bạ như vậy. Về tổ học tập, mọi người trong tổ phải giải phẫu thật kỹ càng tư tưởng phản động ấy.

Rồi để khóa lấp cái không khí nặng nề đã đọng lại từ khi có câu hỏi của anh Dương, y khóa tay hỏi nhanh: "Còn ai thắc mắc điều gì khác?" Sau đó y chuyển sang mục thi đua học tập. Chắc tên cán bộ Hoàng phụ trách tổ tôi có chỉ thị đặc biệt, nên y đã bắt tổ sinh hoạt kiểm điểm về chuyện anh Dương mãi tận lúc keng lấy cơm mới thôi, trong khi hầu hết các tổ khác đã nghỉ trước đây gần một giờ rồi. Chưa xong, sau một tuần lên lớp. Đến giai đoạn cá nhân ngồi viết tường thuật cuộc đời, anh Dương lại phải vào nhà kỷ luật. Anh mới ra khỏi kỷ luật hơn nửa tháng trước vì chuyện giật tượng ảnh của Hoàng Thanh.

Về chuyện của chị Thụy An những ngày sau đó, tuy có mấy lần gặp lại chị nhưng chỉ cười hoặc gật đầu chào nhau chứ chưa có dịp nào để tôi nghe tiếp câu chuyện của chị.

Sau một tuần lễ lên lớp nghe giảng và thảo luận, đến phần viết tường thuật cuộc đời của mỗi người. Một tuần sau nữa, tổ nữ lại vào trại E để dự buổi lễ bế mạc của lớp học. Người nào viết xong thì nộp cho cán bộ phụ trách rồi tiếp tục đi lao động. Người nào chưa viết xong thì cứ tiếp tục. Cán bộ đã nhắc nhở rõ ràng: "Viết tỉ mỉ chi tiết, khẩn trương nhưng không hạn chế thời gian".

Hơn một tuần lễ sau, số người viết xong đến 90 phần trăm, vì thế lớp học đã coi như bế mạc. Chính cái buổi bế mạc lớp học này tôi gặp lại chị Thụy An một lần nữa. Cũng vào giờ giải lao, tôi đang ngồi nói

chuyện với Nguyễn Văn Gôm ở hàng ghế phía cuối hội trường, thì chị Thụy An đã đến với tôi. Tay chị đang cầm một tập giấy dày đã viết rồi. Có thể đây là bản viết tường thuật cuộc đời của chị, cũng có thể là bản thảo hoạch ghi chép những ý tưởng của cán bộ giảng. Bởi vì ngay từ hôm nọ, tôi đã hiểu chị là tổ trưởng của tổ nữ duy nhất ấy. Tôi và nhiều anh em khác đã trầm trồ bán tán nhìn chị ngồi ghi những ý của cán bộ trên bục giảng. Tay chị thoăn thoắt ghi chép như máy. Tôi có cảm tưởng như chị viết tốc ký.

Sau khi tôi và Gôm vồn vã chào chị, chị ngồi ngay xuống chiếc ghế dài bên cạnh, đặt tập giấy trên đùi, chị vừa cười vừa hỏi tôi:

- Thế cậu Bình ra Bắc từ bao giờ và bị bắt lâu chưa?
- Tôi ra năm 1962, gần một tháng sau thì bị bắt vào Hỏa Lò.

Tôi trả lời chị như vậy, vì Gôm cũng đã biết. Chị nhìn tôi mắt chị loáng lên một chút tiếc nuối:

- Bị bắt sớm quá!

Do hoàn cảnh và thời gian hạn chế, tôi hơi gật đầu như đồng ý với chị. Tôi nghĩ chả cần thanh minh, thanh nga lôi thôi; nhưng Gôm lại bật lên, tỏ ra như một người bạn thân của tôi:

- Công tác của Bình ngắn hạn có 25 ngày thôi mà.

Nổi băn khoăn của chị như được vơi hẳn, chị quay sang Gôm đơn đả:

- Thế còn cậu?

Gôm thì mồm mép một cây nên cũng vồn vã xưng với chị là em:

- Em ở Hà Nội.

Sau khi biết Gôm ở số 42 Khâm Thiên, chị Thụy An lại hỏi Gôm về một người ở Hà Nội mà Gôm cũng biết. Mắt tôi cứ nhìn vào tập giấy chị đang để trên đùi. Mục đích muốn nhìn nét chữ của chị, nhưng tôi lại thấy một góc trang giấy phần ghi lý lịch: "Lưu Thị Yến, thôn Hòa Xá, tổng Thái Bình, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông". Óc tôi vẫn mơ thấy chiều hướng không thể nói chuyện được với chị lâu nữa, phần nữa tôi có nghĩ đâu rằng, có một ngày tôi sẽ phải ngồi viết về chị. Cho nên lẽ

ra tôi phải hỏi ngay chị một số chi tiết cần thiết, tôi lại lửng lơ hững hờ buông trôi theo sự việc.

Để rồi mãi gần ba năm sau, tôi đã được chuyển về trại chính (trại xây), thời gian ấy tôi ở toán làm nhà. Một lần toán tôi phải dựng một chòi gác phía sau trại nữ, tôi thoáng thấy một bà già chít khăn vuông thâm, khòm lưng đang đưa dài mái chổi quét con đường đi phía sau trại. Khi bà ta ngẩng đầu lên, tôi đã bàng hoàng đến thộn người ra; không ngờ đó lại là chị Thụy An. Người chị gãy đi, bé nhỏ hẳn lại.

Nhìn thấy tôi chị mừng rộ ra nét mặt. Chị thăm hỏi tôi riu rít như người thân lâu ngày mới gặp lại. Vì sợ lão cán bộ của toán tôi biết, cho nên sau những câu thăm hỏi về sức khỏe, tôi chỉ biết chị được ra làm tự giác hơn một năm nay. Do tù lâu, và do tuổi già sức yếu nên giám thị trại cho chị hàng ngày đi lao động tự giác (không có cán bộ dẫn giải). Phần việc là làm vệ sinh quét dọn ở trong trại cũng như những khu vực bên ngoài trại.

Chừng hơn nửa giờ sau, trong lúc tôi còn đang mài mê lao động với toán, thừa một lúc tên cán bộ toán không có ở đấy, chị đã lén đưa cho tôi hơn 1 kg sản phẩm luộc rồi. Và đấy là lần cuối cùng tôi nhìn thấy chị cho tới bây giờ. Vào đầu năm 1976. Lúc tôi đang ở trại tù Phong Quang, trại trung ương số II, nằm trong tỉnh Yên Bái. Trong một lần nói chuyện vui với anh Kiều Duy Vĩnh, anh cho biết loáng thoáng: nghe đâu, cuối năm 1973, chị Thụy An bị bệnh nặng, gần chết (không rõ bệnh gì) nên Cộng Sản đã thả chị về Hà Nội. Không hiểu từ đấy, cuộc đời chị rồi ra sao? Sau nhiều những năm, tháng nổi trôi trong tù, tôi không hề còn nghe ai nhắc về chị nữa.

Tóm lại, sau đợt học tập "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" qua Nguyễn Văn Gôm và bác Lắm tôi chỉ được biết sơ một chút về cuộc đời của bà Thụy An như sau:

Bà là con gái ông thủ quỹ họ Lưu. Người ta thường gọi là ông Quỹ Lưu ở Hà Đông. Bà nói tiếng Pháp rất rành, thường giao du với những đặc phái viên của hãng thông tấn xã Pháp (A.F.P.). Không những bà viết sách báo, mà còn đôi khi bán tin tức cho các nhật báo Việt ngữ ở Hà Nội nữa. Bởi thế có dư luận bà là người thân Pháp mới có những tin tức đặc biệt như vậy. Hơn nữa, bà lại rất hăng say, năng nổ về lãnh vực chính trị nên cũng có tiếng vang trong nữ giới ở Hà Thành.

Khoảng cuối 1946, cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Dần dà Pháp dùng Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân kỳ cựu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông Đạo được Pháp giao trách nhiệm thành lập hai tiểu đoàn khinh quân tự trị do Pháp vũ trang hoàn bị, gọi là quan thú lưu động. Mục đích để bình định, mở rộng vòng đai thuộc vùng quốc gia và quấy phá Việt Minh. Tất nhiên cả về tài chính cũng như những phương tiện khác cho hai tiểu đoàn đều do Pháp đài thọ. Đỗ Đình Đạo lại không khá tiếng Pháp vì vậy Pháp đã gài bà Thụy An vào làm chánh văn phòng để giao dịch bằng văn thư với Pháp hoặc thông dịch trong những khi giữa Pháp và Đạo cần đàm thoại.

Đại bản doanh của hai tiểu đoàn khinh quân thuộc thú lưu động kể trên đóng căn cứ tại Ngã Tư Sở, ranh giới giữa Hà Nội và Hà Đông. Dư luận của chính giới cũng như của Hà Nội bấy giờ đều cho rằng: do điều kiện và cảnh sống tiếp cận như vậy đã tạo lên một mối tình duyên ái giữa hai người. Và lại họ thường thấy hai người đi đôi như một cặp bài trùng. Nhất là lúc này, mỗi khi bà viết báo hay truyện lại thường lấy bút hiệu là Thụy An Hoàng Dân. Mà Hoàng Dân lại là bí danh của Đỗ Đình Đạo.

Mỗi tháng Pháp phải trả lương cho hai tiểu đoàn này số tiền 350.000 đồng tiền bấy giờ. Vào đầu năm 1954, lúc này tình hình chiến sự rất căng thẳng ở khắp nơi thuộc 3 nước Việt + Miên + Lào, mà gay go nhất là trận chiến Điện Biên Phủ. Một lần vào cuối tháng cũng như mọi khi, buổi chiều Đỗ Đình Đạo đánh xe đi Hà Nội nhận tiền về, để phát lương cho binh lính dưới quyền. Nhưng sáng hôm sau, người lính cận vệ không thấy Đỗ Đình Đạo ở đại bản doanh cũng như ở văn phòng làm việc tại nhà. Anh ta vào gõ cửa buồng ngủ cũng không có tiếng trả lời. Anh đi kêu mấy người đồng đội phá cửa vào phòng thì thấy Đỗ Đình Đạo chỉ còn là cái xác không hồn, nằm cứng đờ ở cạnh tủ áo. Còn Thụy An là chánh văn phòng thì mất tích. Sau hai ngày im lặng để nhà chức trách điều tra, báo chí Hà Nội đã tung tin rùm beng: "Đỗ Đình Đạo bị chết vì thuốc độc. Dư luận kết tội Thụy An đã đầu độc Đỗ Đình Đạo." Sau đấy hai tiểu đoàn khinh quân trở thành địa phương quân thuộc tỉnh Hà Đông.

Theo dư luận báo chí thời gian ấy, chả hiểu là đúng hay sai: Thụy An ẵm số tiền ketch xù về quê thuộc vùng kiểm soát của Việt Minh, đem dâng nộp cho ủy ban hành chính kháng chiến huyện Ứng Hòa để lập công chuộc tội. Nhưng nghe đâu Việt Minh không tin, chúng đặt vấn đề đây là do Pháp làm mồi để cài Thụy An vào hàng ngũ kháng

chiến; cho nên tiền thì chúng lấy, còn người thì chúng giam để khai thác.

Sau hội nghị Genève về Đông Dương, chúng đem bà về quản chế tại địa phương. Nhưng vào đầu năm 1958, bà bị bắt lại trong chiến dịch Cộng Sản đánh phá văn nghệ sĩ miền Bắc xuyên qua phong trào "Nhân văn giai phẩm" đã gián tiếp phản đối sự lãnh đạo văn hóa tuyệt đối của đảng. Lợi dụng dịp "Trăm hoa đua nở" này, bà cũng viết mấy bài báo đăng trên tuần báo Văn tỏ ý gián tiếp chống đối lẽ lối văn nghệ chỉ huy của đảng. Lần này chúng bắt bà với tội danh: phản tuyên truyền và làm gián điệp cho CIA Mỹ. Khi khai thác cung bà ở Hỏa Lò, chúng cứ gán ghép, truy hỏi: những mạng lưới tình báo thuộc phòng nhì của Pháp ở miền Bắc, bây giờ đã được chuyển sang cho tình báo Mỹ.

Tôi ngồi nghe bác Lãm kể về chị Thụy An, nhưng lòng vẫn bán tin, bán nghi chưa hiểu đâu là sự thật của vấn đề, bởi vì dư luận có phải bao giờ cũng chính xác đâu.

Đời Tù Cũng Có Cái Vui

Tôi đã nói nhiều về Nguyễn Văn Gôm chỉ vì Gôm đã trở thành người bạn tư tưởng của tôi. Hàng ngày chúng tôi chuyện trò với nhau thật là thoải mái tâm đắc, tin cậy lẫn nhau. Tôi nhớ lại, chỉ sau mấy ngày Gôm ở trại Vĩnh Tiến chuyển về. Tôi để ý một anh cứ vào những buổi trưa, hoặc buổi tối sau giờ sinh hoạt của toán hay tổ. Anh có một ngọn đèn con tí làm bằng chiếc lọ Peniciline; anh ngồi miệt mài đọc sách. Cho đến một buổi tối hôm ấy, một tên bộ đội đi đi, lại lại gác bên ngoài đã đập báng súng vào cửa sổ chỗ anh ta đang ngồi đọc sách quát inh ỏi:

- Anh này đọc sách gì đấy, đưa đây coi!

Tiếng quát làm cho nhiều người quay lại theo dõi. Từ mấy hôm trước tôi cũng đã hơi tò mò muốn biết anh đó đọc loại sách gì nên tôi đã tiến lại gần chỗ tên bộ đội. Tên bộ đội, lôi cuốn sách ra ngoài song cửa, dùng đèn bấm coi; y lật, mở các trang sách; y cho sát miệng vào cửa sổ dẫn từng tiếng như hạch hỏi:

- Sách gì mà toàn hình thế này?

Anh đọc sách có một cái cười thật đáng ăn quả thúi, anh ta còn nháy nháy mắt trả lời:

- Sách "Maths" của Liên Xô đấy!

Chắc thấy nói tới Liên Xô nên giọng tên bộ đội dù còn vẻ thắc mắc nhưng đã dịu hẳn lại. Y thò cuốn sách vào trong song cửa trả lại:

- "Mát" là cái gì? Cứ vẽ bậy, vẽ bạ thôi à!

Anh đó cầm lấy cuốn sách, nụ cười riều cợt lại càng xò rộng thêm ra. Anh quay lại cũng vừa bắt gặp cái cười đồng tình của tôi. Khi tôi nhìn chiếc bao tải nằm một đống trên cái kệ phía đầu nằm của anh tôi mới chợt nhớ lại. Hôm tên Cảnh khám, dỡ bao tải ra chỉ toàn là sách, đủ loại to, nhỏ, dày, mỏng, nặng chịch. Đến bây giờ tôi mới hiểu toàn là sách toán. Cho nên khi thấy anh muốn mời tôi ngồi nói chuyện, tôi đã sà ngay xuống, rồi chúng tôi quen và thân nhau từ đấy.

Chúng tôi quen và thân nhau, phải nói vì nhiều lý do Gôm tỏ ra rất sắc sảo, khôn quái. Anh có những cái nhìn bén nhạy, sâu sắc về Cộng

Sản. Về mặt nào đó anh cũng là một con người có chí. Anh tâm sự với tôi: "Chương trình toán cao cấp, bên ngoài thường phải học 8 năm. Nhưng trong tù thiếu sách vở lại không có thầy, tôi chủ trương sẽ đeo đuổi ròng rã 12 năm cho xong. Tôi sẽ đi được, bởi vì toán học độc lập với chính trị, càng lại không có tư tưởng cho nên chúng sẽ chẳng làm gì tôi được." Gôm đã đeo đuổi được 4 năm rồi.

Thấy một người có chí dài như vậy tôi càng khích lệ, động viên để họ đi đến đích. Tôi ngưỡng mộ và mến Gôm vì Gôm là con người sắc sảo và có chí. Ngược lại, Gôm có thiện cảm với tôi chỉ vì từ lâu anh rất thích ngành điệp báo. Anh đã từng xem nhiều sách, báo phim ảnh về loại này, nay anh gặp tôi một điệp viên do CIA đào tạo, huấn luyện từ trong Nam ra. Theo cái óc tưởng tượng có sẵn của anh trước đây, hẳn tôi cũng phải ít nhiều có cái gì đó khác người, nhất là trí thông minh. Anh có biết đâu rằng, nếu anh đọc rõ được những suy nghĩ trong óc tôi, anh sẽ thấy tôi đang ngưỡng mộ, phục anh sát đất. Tôi đang buồn và tự trách tôi: "tại sao trong cuộc đời lại có nhiều người thông minh, thế mà cái óc của mình lại tồi như vậy."

Chính vì những cái lắt léo của tình đời như trên, nên đã đẻ ra một kỷ niệm khó quên giữa tôi và Gôm. Tôi còn nhớ Gôm có một trò chơi ngộ nghĩnh, để thử thách tôi trong những buổi ban đầu chúng tôi quen nhau; để rồi đến hàng chục năm sau chúng tôi còn buồn cười khi nhắc tới:

Một buổi sáng, tôi và Gôm ngồi bên nhau trong hàng đôi của toán, chờ tên Cần gọi xuất trại đi lao động. Gôm quay sang tôi nhỏ nhẹ, tỉ tê. Đại cương như sau: để cho đỡ buồn, để óc đỡ phần nào suy nghĩ về những cảnh đen tối của đời tù, Gôm sẽ đố chơi tôi một bài toán, nội dung: có một nhà tư sản Mỹ đi công cán kinh doanh ở Âu Châu. Sau một số ngày, ông ta gặp được một chuyện làm ăn không dự trù trước. Ông ta phải cần có thêm một số tiền, vì thế ông ta gửi một bức điện gấp về Mỹ cho ông tổng quản lý của ông ta, bảo cần gửi ngay tiền cho ông ta. Óc thực tế của người Mỹ đã trở thành truyền thống "không trả, không tiền, dù một xu cho những cái gì thừa thãi, vô ích." Vì vậy bức điện càng ngắn gọn bao nhiêu, để càng trả ít tiền thì càng tốt bấy nhiêu. Với điều kiện công việc hết quả thỏa đáng. Hơn nữa, ông ta cũng tin vào khả năng minh mẫn, bén nhạy của người quản lý thân tín mà ông đã thử thách, thực nghiệm nhiều lần.

Nguyên văn bức điện như sau: SEND MORE MONEY. Nếu đúng theo trọn ý của câu thì phải viết: "Send me more money". Nhưng bỏ chữ "me", người quản lý vẫn hiểu đầy đủ bức điện mà không phải trả tiền cho chữ "me". Với sự sáng suốt của ông tổng quản lý, nhà tư sản tin chắc chắn sẽ nhận được đúng số tiền mà ông ta muốn.

Nếu bạn là người quản lý, bạn sẽ gửi bao nhiêu tiền? Toán thì chỉ có một đáp số, vậy số tiền phải là duy nhất". Theo Gôm, bài toán này, trước đây có người đã đố Gôm. Sau một tuần Gôm đã tìm ra đáp số. Bây giờ, do nhiều năm tháng tù đầy đau thương khổ cực, đầu óc sẽ giảm sự linh anh, bén nhạy; do đấy Gôm sẽ cho tôi thời hạn là một tháng. Nếu trả lời đúng, Gôm sẽ thưởng cho một gói thuốc lào hai hào.

Tuy trong lòng vẫn đầy ắp mỗi bữa khoản, lắng lo vì sự hiểu biết và trình độ của mình chỉ có hạn. Nhưng dù sao thời gian ấy, tôi vẫn còn cái tính sục sạo, háo thắng của người thanh niên. Vì thế sau khi hỏi lại biết là không còn một chi tiết nào nữa bổ sung cho bài toán, tôi đã bắt tay Gôm nhận lời.

Như trên tôi đã trình bày, do bản tính hầy còn sôi nổi; điều gì còn mập mờ, ẩn giấu trước mặt, tôi sẽ phải tìm cho ra với khả năng tối đa của mình. Ngoài khả năng và điều kiện thì chịu. Chính vì vậy, từ buổi nhận lời với Gôm, bất cứ ở đâu hay làm gì; lúc lao động cũng như lúc ăn uống; ỉa đái tắm rửa, thậm chí ngay trong giấc ngủ; bài toán cũng chen lẫn vào làm cho giấc ngủ không yên. Còn một điều nữa, tuy không rõ nét nhưng nó nằm sâu trong một ngách của lòng tôi, cũng thúc đẩy sự quyết tâm, tôi phải tìm ra đáp số của bài toán. Đó là tôi cứ tưởng như nếu tôi không giải được bài toán này không những Gôm chỉ coi thường cá nhân tôi mà Gôm còn coi thường dù không nhiều cả cái miền Nam tự do thân yêu của tôi nữa.

Chính vì có nhiều những cái ngấm ngấm kéo lôi như vậy nên chỉ tới ngày thứ ba tôi đã tìm Gôm để giải bài toán này. Gôm đã vỗ cả hai tay vào vai tôi đập bàn bạch, chào mừng một người bạn trí óc hầy còn tương đối tốt. Dĩ nhiên là tôi không quên nhận gói thuốc lào hút cho nó đã, cho nó sướng cái đời gió mưa.

Kỳ này trong trại cũng có một câu chuyện buồn cười, dù nhỏ nhỏ nhưng tôi vẫn không quên được. Chẳng hiểu từ bao giờ và do ai bắt đầu thì cũng khó mà ai biết. Về cái tục lệ lưu cữu từ hàng bao nhiêu

năm nay là đêm đêm bất cứ trại viên nào muốn dậy đi đái, đi ỉa đều phải báo cáo cán bộ, dù có cán bộ hay không cán bộ. Nếu ai phát giác được anh nào dậy vào nhà xí mà không báo cáo là anh đó bị vi phạm nội quy. Bị kết tội là có ý tưởng mờ ám hoặc định trốn tù.

Vấn đề này đã gây ra biết bao nhiêu cảnh cầu xé, chụp mũ cho nhau; thậm chí gây thành thù oán muôn đời. Bởi thế hàng đêm, khúc nhạc đi ỉa, đi đái đã làm quen tai mọi người cũng như tiếng ho tiếng hắng dặng.

“Báo cáo ông cán bộ, tôi xin đi ỉa!”

Phải nói rằng trong lòng mọi người tù, dù là ai; tiến bộ hay không tiến bộ thì cũng đều ít nhiều tức bực cho cái việc phải báo cáo phiền toái, miễn cưỡng này. Có lẽ vì vậy, câu báo cáo, điệu nhạc đêm đi ỉa, đi đái cứ rút ngắn lại dần theo năm tháng.

- Báo cáo ông, tôi xin đi đái!

- Báo cáo ông, xin đi đái!

Nhưng từ ít lâu nay, chẳng biết có ai báo ai mà hầu như buồng nào cũng vậy. Khúc nhạc đi đái đã đổi nốt thành như sau:

- Báo cáo ông.....đi đái!

- Báo cáo..... ông đi đái!

- Báo cáo.....ông đi ỉa!

Cứ thỉnh thoảng khúc nhạc lại được tấu lên giật đùng đùng trong đêm khuya. Bất cứ ai nghe thấy cũng phải buồn cười, thỉnh thích. Mà tụi cán bộ đi tuần đêm bên ngoài, chắc sẽ tức ói mật, lộn ruột ra ngoài. Lúc đầu ban giáo dục còn chỉ thị xuống toán, buồng sinh hoạt, tìm cho ra kẻ nào lại dám báo cáo láo lếu như vậy. Nhưng có thể đây là một quyền lợi chung của mọi người tù, dù cho là loại chó má, antenn, chỉ điểm cũng không muốn cho nên các buồng đã cọ sát, sinh hoạt mấy buổi tối liền nhưng đều vô hiệu. Hơn nữa, vấn đề này rất tế nhị, người ta có muôn ngàn lý do để trả lời. Thí dụ:

Rõ ràng tôi nói: “Báo cáo ông, xin đi ỉa!” nhưng ai đó, một khi đã có ấn tượng trước nên mới nghe ra thế khác; hoặc đang báo cáo thì bị ghen v.v...

Tóm lại, khi mọi người đã ít nhiều đồng tình thì chả bao giờ tìm ra thủ phạm cả. Và từ đấy, cho đến sau này, chúng tôi không còn ai nghe thấy khúc nhạc đêm “bất đắc dĩ” ấy nữa. Chắc rằng ban giáo dục cũng thấy khó mà tìm ra được thủ phạm; vậy thà cho chúng nó miễn báo cáo đi, còn đỡ tức. Chứ cứ đêm đêm nghe chúng nó báo cáo, về nhà lòng cuộn lên anh ách, ăn cơm cũng mất cả ngon.

Chiếc "hồ lô" Của Thân Lân

Có lẽ trời đã vào giữa hay cuối Thu. Những chiếc lá nửa từng ngày đổi thành màu vàng đậm phụ rón. Một vài làn heo may lảng vảng làm ráo hoảnh những đám rêu đầu hè, làm những làn da tay chân căng ra lẩn tẩn, gờn gợn ngứa. Hương Thu nồng nồng, ngai ngái thấp thoáng trong bụi chuối đầu giếng. Hẳn trong rừng sâu đã có những chú nai vàng ngơ ngác đang đập trên những lá vàng khô.

Sáng hôm nay đang lúc trại chia sẵn sớm, có tiếng một con chim kêu rất lạ trong bụi nửa già phía cuối hội trường. Cứ một đợt 3 tiếng một: hù lú... hù lú... hù lú...

Gợi trí tò mò, cầm đĩa sẵn luộc chạy về phía bụi nửa, tôi vừa ăn vừa ngấp nghé nhìn trong đám lá nửa rậm xì. Kia rồi, cho tới lúc nó hót tôi mới nhìn thấy. Những hai con, mà chỉ có một con hót. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy loại chim này. Chiếc mào màu nâu tươi gồ lên, một chiếc lông trắng như bông đang ngoe nguẩy với gió trên chòm của chiếc mào, trông như chiếc ngù của một vị hầu tước. Đặc biệt là cái đuôi màu xanh cánh chả dài thuổng, nhọn hoắt, cứ ưỡn lên rồi hạ xuống liên hồi. Cái con mình hơi nhỏ hơn, cứ thỉnh thoảng lại cất tiếng hót lạ; trong khi con lớn hơn đứng bên cạnh, có lẽ là con trống, thỉnh thoảng lại quay nhìn con mái. Mỗi khi con mái hót, tôi nhìn và lắng nghe kỹ; rõ ràng con trống lại hơi gật gật cái đầu và có tiếng ừ ừ ... rất nhỏ.

Cứ mỗi lần con mái kêu "hù lú" thì con trống lại "ừ" rồi chúng cùng nhìn xuống chiếc hè phía sau hội trường. Ở đây có anh chàng Thân Lân, người tù đơn độc, cách biệt hết với mọi anh em tù trong trại. Anh đang ngồi riêng biệt một mình nhai sẵn, bên cạnh chiếc lọ thần kỳ mà từ anh em trong trại cho đến những tên cán bộ đều gọi là chiếc "hồ lô" của Thân Lân.

Tôi ngồi bần thần, đôi khi đưa mắt nhìn đôi chim vẫn du đưa trong bụi nửa. Tai thần thờ chờ nghe tiếng chim hót lạ hòa với gió heo may như tiếng của mùa Thu gọi nhịp cho núi rừng. Tiếng chim hót lúc này tôi lại nghe ra là hồ hô... hồ lô... hồ hô... vì cũng là lúc Thân Lân đã ăn sẵn xong, anh đang dốc ngược chiếc "hồ lô" vào miệng để đón nhận một ngụm đầy cái nước đùng đục, lờ lờ màu cánh cam phía bên trong.

Chiếc "hồ lô" có sức kéo tôi khỏi bụi nửa, rời đôi chim lạ để tiến về chỗ Thân Lân. Hơn nữa gần 4 tháng nay, từ ngày Thân Lân ở trại Vĩnh

Tiến chuyển về, hầu như anh chẳng nói chuyện với ai. Anh chỉ thích lủi thủi riêng biệt một mình nên càng gợi trí tò mò của tôi.

Ngay từ những ngày đầu tôi đã để ý thái độ lạnh lùng, cách ly với mọi người của anh. Gôm và các anh em ở trại Vĩnh Tiến về cho biết, anh là cán bộ tập kết, hình như ở Quảng Nam hay Quảng Ngãi gì đó. Người ta không biết cấp bậc của anh, chỉ biết anh là bộ đội chính quy. Anh bị bắt vì tội phát biểu rộng rãi, bậy bạ, không đúng đường lối chính sách của đảng nên bị ghép vào tội có tư tưởng xét lại v.v... đã ở tù 6 – 7 năm rồi. Anh cũng mang cái án cao su tập trung cải tạo 3 năm. Trông người của anh rất khó đoán tuổi. Có thể 30 mà cũng có thể 40 (1968). Bởi vì anh không có râu, nước da lại mai mái, chỉ cao khoảng 1 mét 55 hay 57. Ngay cái tên Thân Lân, từ các cán bộ cho đến anh em cả trại đều gọi như vậy, cho nên không rõ "Thân" là họ của anh, hay chỉ là tên đệm?

Mùa Hè, bất cứ ngày hay đêm lúc nào anh cũng cời trần trùng trục, mặc mỗi chiếc quần đùi từ chiếc quần dài cũ của trại xé ra. Đặc điểm là anh có cái bụng tương đối vĩ đại. Thành ra nhiều lúc trông người của anh nó giống hệt con ếch ương. Về tính tình của anh cũng có cái đặc biệt. Anh lao động trên tinh thần tự nguyện, tự giác. Nghĩa là có cán bộ cũng vậy; không có cán bộ cũng thế. Tổ, toán hay cán bộ giao cho anh ta làm phần việc gì (làm riêng), anh làm có ý thức trách nhiệm cho tới xong. Ai ngồi chơi mặc, anh chưa làm xong thì cứ lằm lủi làm. Ngược lại, ai làm cứ làm, xong việc là anh ngồi chơi. Hoặc khi thấy bụng đói quá là ngồi, dứt khoát không làm nữa dù có đưa anh ta vào cùm. Anh không hề gian tham hay tổ giác bất cứ một ai bao giờ.

Chẳng biết từ khi nào, và anh kiếm ở đâu; ngay từ ở trại Vĩnh Tiến, anh đã có một cái chai thủy tinh trắng, cổ rụt, cao độ 25 phân, dung tích khoảng chừng một lít rượu. Không có nút nên anh đã nhờ ai hay chính anh đã làm một cái nút bằng gỗ thay vào.

Chiếc chai này đã làm cho Thân Lân phải đi cùm mấy lần ở trại Vĩnh Tiến cũng như ngay ở trại E này. Khi anh mới về đây được hơn nửa tháng cũng đã phải vào nhà kỷ luật 12 ngày vì cái chai đó mà Hoàng Thanh cuối cùng phải nhượng bộ. Chiếc chai của anh dùng để chứa tất cả những cái gì có thể ăn hay uống được trên cái cõi đời này. Bữa cơm anh đi lang thang nhìn các chỗ, nơi người ta ăn uống. Có những anh tài ba xoay sở kiếm chác được con cá, lá rau, đôi khi con chuột hoặc bồ nhông v.v... Đĩa bát của họ ăn rồi thừa tí chút anh đến xin rồi trút,

vét hết vào chiếc lọ của anh: mấy cái xương cá, tí nước rau thừa, dăm ba cái xương chuột, xương ếch. Đôi khi anh bắt được con gián, con ngóe, con bọ xít... nghĩa là bất kể con gì; ngay những đồ ăn của chính anh; những ngày trại có tươi, ngày lễ, ngày Tết, còn bao nhiêu anh đều dồn vào chiếc lọ đó.

Do nhiều ngày tháng dài, tất cả mọi vật trong chiếc lọ đó đều rửa mục, không những thịt, da, rau cỏ mà cả xương chuột, ngóe, rắn v.v... cũng đều tan ra nước hết, chỉ có những mảnh xương ống chân của lợn hay trâu thì mới không thể tan được mà thôi, để thành một thứ nước đục đục, nhờn nhờn; có khi là màu xanh xám, có khi là màu nâu đậm. Chẳng ai biết cái vị của cái nước ấy ra sao.

Cơm nước, anh thường tìm một xó hay một chỗ riêng biệt ngồi một mình. Cứ sau mỗi bữa cơm, anh thường tu một ngụm cái nước đó. Nước cứ vơi đi lại đầy lên, bao giờ cũng gần lưng lọ, không bao giờ cạn. Anh chẳng ốm đau, bệnh tật gì, lại không hề làm phiền hà gì ai, do đấy cũng có nhiều người có thiện cảm gọi anh, để cho anh ít thức ăn thừa hay canh thừa.

Chiếc lọ luôn luôn gắn liền với anh như tay hay chân của anh vậy. Ngày đêm, khi ăn, khi ngủ, khi lao động, lúc nào anh cũng đeo nó ở cạnh sườn. Cũng có nhiều lần, nhiều anh em, thậm chí cả cán bộ cũng đồng ý, chờ rình lúc anh ngủ say đã lấy chiếc lọ của anh giấu đi. Mục đích giúp anh, ngăn anh, không cho anh dùng cái loại nước mất vệ sinh như vậy. Nhưng khi anh tỉnh dậy, thấy mất cái lọ, anh đã lặn ra giẫy đành đạch kêu ban giám thị, kêu cán bộ, kêu chính phủ trả lại cho anh chiếc lọ đó. Dứt khoát không chịu đi lao động, dù đưa vào nhà kỷ luật; mặc ai nói sao, thí đồ anh thế nào cũng chỉ một mực yêu cầu trả lại anh chiếc lọ.

Anh em trong tù cũng như cán bộ thấy rằng, anh không hề chống đối ai, lao động thì tốt. Anh cũng không làm ảnh hưởng hay làm mất vệ sinh đến người chung quanh. Cuối cùng rồi cũng đành trả lại chiếc lọ nước thánh cho anh, và anh lại ngoan ngoãn tiếp tục đi lao động như thường.

Nhưng rồi chắc Hoàng Thanh cũng đã được nghe cán bộ báo cáo về Thân Lân. Và hẳn Hoàng Thanh cũng nghĩ rằng chỉ vì các cán bộ yếu tay, thiếu bản lĩnh cho nên đã không trị được Thân Lân chứ hẳn vẫn có bàn tay sắt mà biết bao nhiêu những tên phản động trước đây, mọc

bao nhiêu cái sừng. bao nhiêu cái ngà cũng đều hoặc bị tiêu diệt, hoặc lay van xin chữa. Có một điều Hoàng Thanh đã quên là ở đây Thân Lân không hề chống đối ương ngạnh.

Bởi vậy, một buổi trưa Hoàng Thanh vào trại, y lững thững đến toán 2, tới chỗ Thân Lân đang ngồi ăn cơm một mình ở góc hè. Y cúi xuống cầm chai nước lên hỏi Thân Lân, nước gì bên trong? Thân Lân đã trả lời đấy là nước uống của anh.

Hoàng Thanh quay lại đưa chiếc lọ cho tên trật tự Tân đi theo phía sau, ra lệnh:

- Đem quăng chiếc lọ này đi! Và cấm Thân Lân từ nay không được uống cái nước bậy bạ mất vệ sinh như vậy nữa.

Thân Lân đã nằm lăn ra gào thét đòi lại, để cuối cùng phải vào kỷ luật. Ngày đêm từ nhà kỷ luật, Thân Lân vẫn âm ỉ kêu xin đảng, nhà nước, ban giám thị xin trả lại cho anh chiếc lọ. Thân Lân bị vào kỷ luật đã được mấy ngày; đêm qua lúc gần sáng, tôi giật mình thức giấc vì một cơn mộng hãi hùng. Nằm ngay cạnh cửa sổ phía sàn trong, trần trọc mãi tôi vẫn chưa dỗ lại được giấc ngủ còn dang dở. Trong cái vắng lặng của đêm khuya, thỉnh thoảng một vài tiếng kêu của thú rừng vắng vắng vọng về, nhưng tiếng kêu nài than thở của Thân Lân từ nhà kỷ luật lại nghe rõ mồn một. Giọng anh hơi lạ, đùng đục, khàn khàn như thiếu nước hoặc đã phải nói quá nhiều hay quá mệt. Lúc thì nức nở, tha thiết: - Thưa bác Hồ kính yêu, cháu đã phải chia tay với cô Lành, mối tình đầu và rời xa cả bố mẹ của cháu, nghe theo lời bác kêu gọi, trở về quê hương của cách mạng để được gần bác, đến nay đã mười mấy năm rồi.

Nhưng có lúc thì nghe sôi nổi, dứt khoát:

- Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hơn 6 năm dài trong đơn vị, cháu đã nỗ lực liên tục phấn đấu gian khổ trong công tác cũng như trong học tập. Kết quả cháu đã được toàn tiểu đoàn bình bầu là chiến sĩ thi đua và vinh hạnh to lớn là được kết nạp vào đảng Lao Động Việt Nam vinh quang. Ngày nay cháu xin trả lại đảng tịch và cả bằng "chiến sĩ thi đua" để đổi lại cái lọ. Xin bác hãy ra lệnh cho ban giám thị trả lại cái lọ cho cháu.

Lòng tôi đã nảo nuột, ê chề, nằm nghe Thân Lân kể lễ, than van trong đêm lạnh càng làm cho hồn rã rời lịm dần vào biển vắng.

Ba ngày, năm ngày rồi cả tuần lễ vẫn thế. Chắc rằng cũng có một số cán bộ mũi lòng nên đã đề ý kiến với Hoàng Thanh chẳng? Mãi đến ngày thứ 12, buổi chiều Hoàng Thanh vào nhà kỷ luật. Chẳng hiểu có cuộc chuyện trò qua lại giữa Hoàng Thanh và Thân Lân sao đó. Chỉ biết, sau đấy Hoàng Thanh ra lệnh thả cùm cho Thân Lân và bắt tên trật tự Tân mang chiếc lọ trả lại cho anh ta. Và từ đấy, không những anh em trong tù mà cả cán bộ đều gọi chiếc lọ ấy là cái "Hồ Lô" của Thân Lân.

Nhìn cái bụng của Thân Lân nhiều lúc tôi và Gôm hỏi đùa nhau: chẳng biết ở trong đó chứa cái gì mà to thế? Mỡ thì chắc chắn chả có rồi; vậy thì giun, sán hay một thứ ký sinh trùng gì khác? Chúng tôi cũng tự bàn tán, đây là một luật trừ, một trường hợp đặc biệt của một con người do hoàn cảnh tạo nên. Chúng tôi tin rằng bất kể một ai, nếu uống cái nước nhờn nhờn đó vào, nếu không ngòm củ kiệu thì cũng nằm ốm liệt giường, liệt chiếu; vậy mà Thân Lân lại không sao cả. Biết bao nhiêu loại vi trùng và dơ bẩn ở trong nước ấy. Hẳn cơ thể của anh đã tạo lập được một chất miễn dịch đặc biệt, khác với mọi người.

Chưa hết, Thân Lân còn một việc làm đặc biệt nữa mà ai ở trong trại cũng không thể quên được. Anh ta chẳng có thân nhân, nên cả năm chả gửi hay nhận thư của ai. Tuy vậy, suốt năm đi lao động làm việc ở chỗ này hay chỗ khác; thấy từng mảnh giấy to, nhỏ dù dơ bẩn, anh ta cần cù rửa sạch rồi phơi phóng. Những buổi trưa, hay những ngày Chủ Nhật không có lao động xã hội chủ nghĩa, lui thúì một mình mầy mò, anh ta ghép, dán thành từng tờ giấy to tương đối rồi xếp cất đi. Cứ như vậy cho đến gần ngày Quốc Khánh mừng 2 tháng 9 mỗi năm. Năm thì anh ta viết lá đơn to như tờ báo xin đề nghị Quốc Hội sửa lại điều khoản này, điều khoản kia trong hiến pháp. Năm thì làm đơn gửi chủ tịch nước là bác Hồ, xin cho sửa sang lại thành phố Hà Nội.

Mồng 2 tháng 8 vừa qua, trước ngày có lớp học tập "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước", tôi, Gôm và nhiều anh em khác đã theo dõi để ý. Thân Lân hý hoáy bao nhiêu ngày để vẽ một số kiểu xe tăng, một số khẩu pháo, mìn và lựu đạn. Anh ta vẽ tượng trưng và có chú thích từng bộ phận. Rồi anh viết một lá đơn khác, lời lẽ rất trang trọng, nghiêm chỉnh. Đề nghị ông bộ trưởng bộ quốc phòng Võ Nguyên Giáp; cải tiến một số xe tăng, một số pháo hiện nay của quân

đội Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Tuy không có phong bì, nhưng anh gấp gọn ghẽ. Sáng ngày mồng 2 tháng 9. Khi Hoàng Thanh và đoàn cán bộ tề chỉnh, quần áo tươm tất trong ngày lễ trọng đại hàng năm, vào trại dự lễ. Chờ cho ban giám thị trên bục nói chuyện vừa dứt, ở dưới, bất ngờ anh xông lên. Hai tay anh đưa nộp tận tay ban giám thị tờ đơn và bản sơ đồ nói trên.

Lần đầu, thấy Thân Lân xồng xộc đi lên chỗ khán đài, Hoàng Thanh và các cán bộ đều ngỡ ngàng, ngỡ ngác. Mãi cho tới khi Lân hai tay đưa tập đơn nhờ ban giám thị chuyển lên đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hoàng Thanh mới thấy là chuyện vớ vẩn, lảng nhảng, nên y quắc mắt, gạt tờ giấy ra, không nhận và bắt Lân về chỗ. Nhưng Lân vẫn cứ lỳ ra dứt khoát không về chỗ nếu ban giám thị không nhận lá đơn của anh ta. Có lẽ cán bộ giáo dục đã đọc kỹ hồ sơ của Lân rồi, nên đã nói nhỏ cho Hoàng Thanh biết. Bởi vậy Hoàng Thanh quay lại nhận lá đơn của Lân đưa. Lúc đó anh mới chịu trở xuống ngồi vào chỗ.

Rồi từ đấy thành cái lệ, cứ mồng 2 tháng 9 nào cũng vậy. Từ giám thị cho đến các cán bộ, cũng như anh em trong trại đều đã hiểu. Ban giám thị cứ nhận đơn rồi ném vứt đi, bởi vì trong lá đơn không hề có lời xỏ xiên, hỗn xược. Và lại, dù sao cán bộ cũng đánh giá Lân đã là người ít nhiều bất bình thường.

Cứ như thế, thời gian trôi chảy mãi cho đến hơn một chục năm sau. Năm 1980, tôi vẫn gặp Thân Lân ở trại Thanh Phong, Thanh Hóa. Vẫn chiếc "hồ lô" ấy, vẫn cũng đơn từ hàng năm vào dịp mồng 2 tháng 9, và vẫn chiếc bụng to của con ếch ương ngày xưa, tuy da mặt Lân có nhăn thêm, và tóc của Lân đã có sợi đổi màu. Anh vẫn sống nhăn ra; trong khi nhìn lại những người cùng thời gian ấy, đã nhiều người vĩnh viễn nằm xuống trong lòng đất lạnh của quê hương nhiều năm máu lửa rồi.

Một Trời Quan Tái Mấy Cho Say

Chiều nay, khi toán 2 vừa xuất trại ra tới lán thủ công, tôi đang háo hức, say mê làm những phần việc cuối cùng để hoàn thành chiếc giường đôi đầu tiên do tôi đóng, thì anh Nguyễn Huy Luân toán trưởng, từ trên phòng cán bộ xuống gọi tôi mặc quần áo ra gặp cán bộ. Thoáng nhìn ra thấy tên Cán trực trại đang đứng ở gần cổng lán nói chuyện với tên cán bộ vũ trang. Một thoáng bắn khoăn thoáng qua trong đầu; cán bộ nào gặp mình đây? Mọi khi, mỗi lần cán bộ giáo dục cần gặp, tôi thường được lệnh ở lại trại ngay lúc xếp hàng đi lao động. Vậy đây là ai? Nghĩ đến đây thì tôi đã ra tới cổng trại. Tên Cán cũng như thường lệ, y ra hiệu tay để tôi đi trước, trong khi y quay lại gật gật đầu với tên bộ đội với tên bộ đội như bảo: "Tôi nhận tên phạm này nhé".

Thoáng nhìn vào căn phòng giáo dục nhỏ, tôi đã thấy dáng của Hoàng Thanh. Đã lâu, hôm nay tôi mới lại gặp y. Thái độ của y có vẻ lạnh lùng, khác hẳn với sự đôn đả lần trước.

Sau mấy câu hỏi chung chung về sức khỏe, y vẫn thấy tôi ngồi cúi đầu trên chiếc ghế đầu phía trước mặt y. Tuy tôi hơi cúi đầu, không nhìn y, nhưng trong trường mắt của tôi, mọi cử chỉ của y đều được ghi nhận. Một tay y để trên bàn cứ cầm cái bút lên rồi lại bỏ xuống mấy lần; tỏ rằng y đang cân nhắc, tính toán một thái độ, một biện pháp trấn áp hay lôi kéo gì đó. Lòng tôi từ ít lâu nay đã có chủ định cho nên vẫn mở cửa ngồi chờ cho y chủ động. Giây phút thỉnh lặng có lẽ làm cho người y ngứa ngáy, y đứng dậy và gọi hẳn tên tôi:

- Anh Bình!

Tôi ngừng lên, mặt y càng lạnh băng. Tay y chỉ ra phía sau lưng tôi dưới nền đất, miệng y chậm rãi:

- Anh có nhìn thấy cái loại gì kia không?

Tôi quay lại, chỉ có cái nền đất trống trơn. Đây đó mười nhánh cỏ mọc lên trong những đường nứt nẻ trên nền đất. Bên ngoài, một vài dây thài lài thò vào qua kẽ liếp. Một thoáng ngần ngừ vì tôi chưa nắm được chủ ý của y thì y đã nói tiếp, mang một ẩn ý chính trị:

- Anh có thấy những đám cỏ dại đó không? Chúng nó lợi dụng những chỗ yếu, chỗ nhược; những kẽ hở để tồn tại và phát triển. Nếu ta không nhổ nó đi thì một ngày kia chúng sẽ mọc che kín hết cả cái nền này.

Nói tới đây, y lại ngồi xuống rồi nói như ra lệnh:

- Anh hãy nhổ hết những đám cỏ dại đó đi. Đó là trách nhiệm tôi giao cho anh đấy!

Tôi vừa nhổ cỏ, dòng suy tưởng của tôi vẫn chảy dài trong óc. Phải, đây là những cỏ dại, nhưng nó là thiên nhiên, nó sẽ trường tồn mãi mãi với đất trời. Mảnh đất nào ngừng canh tác, trông nom dọn dẹp thì sẽ bị cỏ cây bao trùm.

Tóm lại, sớm hay muộn, mọi mảnh đất sẽ phải trở về với thiên nhiên. Nếu như tôi chưa có chủ định, thì trong trường hợp này dứt khoát tôi sẽ nói thẳng những ý tưởng đang cuộn cuộn dâng đầy trong đầu tôi, cũng sẽ nằm trong ẩn ý đối lại với y. Nhưng lúc này tôi cứ im lặng nhạt cỏ.

Thấy tôi nhạt hết đám cỏ dại dưới nền, y lại chỉ mấy ngọn thài lài ở trên vách:

- Anh dứt cả mấy cái dây dại đó đi! Ở trong góc lên, ở ngoài thò vào!

Để cho chủ trương của tôi có nhiều bức tường che, tôi nói một câu vừa tỏ ra đã hiểu những ẩn ý bóng bẩy của y lại vừa đóng góp thêm vào sự năng nổ, tích cực của mình:

- Thưa ông, với những cỏ dại phía bên ngoài, biện pháp hữu hiệu nhất là ra hẳn ngoài để nhổ tận gốc, chứ không hẳn chỉ ngăn chặn từ phía bên trong.

Mặt y bừng sáng, tươi hẳn ra. Y nghiêng người với cái "phích" rót một chén nước trà nóng, xì xụp uống. Nét thỏa mãn ánh lên trong đôi mắt y. Sau đó y hỏi tôi về tình hình trong trại, về một số cá nhân ở trong tổ, trong toán. Y cũng đặt vấn đề tại sao tôi thân mật với Nguyễn Văn Gôm và bác Nguyễn Văn Tiến, cũng như tiếp xúc với nhiều người. Tôi mượn ngay cái bọc của y để che cho mình nên trả lời, muốn hiểu ai thì phải tiếp xúc với họ.

Cuối cùng, y đưa cho tôi một tờ giấy trắng, y chỉ một chiếc bàn con ở góc nhà đã có sẵn lọ mực và cái bút. Y bắt tôi ngồi viết những điều tôi vừa trình bày về tình hình trong trại và một số cá nhân. Qua buổi nói chuyện với y, tôi khẳng định đã có nhiều người báo cáo về tôi. Hầu như mọi sinh hoạt của tôi y đều nắm được.

Những ngày trước, tôi và Gôm đã nhiều lần trao đổi. Chúng tôi đều đã nhận định: Cộng Sản đã khéo léo lợi dụng quy luật đấu tranh để sinh tồn của mọi sinh vật, kể cả thực vật. Chúng áp dụng quy luật ấy với những người tù đói khổ lại càng hữu hiệu hơn nữa. Chúng dùng sự đói khát, cùm kẹp, lao lực, kết hợp với dụ dỗ, phỉnh phờ gây ra ly gián, đói khổ tranh sống. Hình dung như những con cua trong một cái giỏ, suốt ngày đêm giằng dụa chen chúc con nào cũng tìm cách để trèo lên miệng giỏ. Do sự tranh giành này, phải đạp lên nhau, cấu xé nhau để vượt lên. Bởi vậy, con thì sút mai, con thì gãy còng. Nhưng khi leo lên tới miệng giỏ lại vướng cái hom để rồi mỗi mệch lại rơi xuống đáy giỏ. Cuối cùng, con nào cũng chỉ quanh quẩn trong cái giỏ cua mà thôi.

Trong những con cua này, nếu có con nào tinh táo hiểu rằng, có nỗ lực, cật lực, trăn trở lắm thì cũng thể mà thôi. Hãy biết thân phận trèo lên một chỗ nằm đấy cho đỡ mệch. Nhưng nếu nó biết như vậy, thì nó đã không còn là con cua nữa. Bởi vậy có những con trèo lên đến miệng giỏ, đã ngã xuống rồi, thế mà lại vẫn hì hục, cố gắng bò lên nữa. Cho nên, tôi càng cần phải tỉnh táo, cân nhắc, ý thức từng sự việc, sao cho không thiệt hại đến những điều chủ chốt của lý tưởng, đường đi của mình.

Điều này tôi tin rằng tôi sẽ làm được. Với những năm kinh qua đấu tranh với phòng 44 chấp pháp của Hà Nội. Hoàng Thanh tuy là một tên quái, nhưng không thể có nghiệp vụ chuyên môn như phòng 44. Dù như vậy, tôi cũng không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác. Tôi vẫn thừa nhận Hoàng Thanh là một tên sắc sảo, tinh quái. Mỗi một lời nói, một việc làm đều có dụng ý. Y là loại người đóng cửa trước, mở cửa sau, gieo mầm bây giờ để gặt hái về sau.

Nhìn lại suốt quá trình từ ngày tôi ra miền Bắc. Tôi đã gặp biết bao nhiêu loại người của đối phương, nhưng y là người thứ hai mà tôi nhớ, tôi phải để tâm nhất. Người thứ nhất là cái lão già chó chết, một buổi chiều Chủ Nhật đã gặp tôi ở Hỏa Lò chỉ có 15 phút ở phòng ban giám thị. Y đã ngoay ngoáy ngón tay chỉ vào mặt tôi.

Tôi tin rằng tên Hoàng Thanh này, tuy hiện nay y chỉ đeo chiếc lon trung úy, làm giám thị cho một phân trại nhỏ bé. Nhưng trong tương lai, chắc chắn y sẽ tiến cao mãi, sẽ vượt qua nhiều những tên hiện nay đang là cấp trên của y để ngoi lên trên con đường hoạn lộ của chủ nghĩa này.

Như trên tôi đã trình bày, do những tình tiết toàn bộ sự việc của tôi, khi còn ở Hỏa Lò cũng như lên trại trung ương, tôi luôn luôn phải ở tư thế một người cải tạo tiến bộ rồi. Hơn nữa mới đây, chỉ hơn hai tháng trước, trong một buổi ngồi tâm tình, chuyện trò với Nguyễn Văn Gôm, đầu tôi đã chợt lóe lên một ý tưởng mà trước đây chưa bao giờ tôi nghĩ tới.

Công tác của tôi ra Bắc một phần chính là tuyển mộ và huấn luyện. Nghĩa là cấu tạo và hình thành những hạt nhân, những đường dây để hoạt động bí mật trong một mạng lưới riêng rẽ hay từng chuỗi. Tôi đã thất bại, bị bắt vào tù; trong một môi trường cùng khổ đầy xương, đầy máu này nhưng lại cũng rất đặc biệt, không thiếu gì nhân tài, không thiếu gì hạt nhân, cốt cán, nhan nhản ra chung quanh.

Tôi hiểu rằng trong cuộc đời, bất cứ việc gì cũng đều có hai mặt. Trong sự việc không may, thất bại đi tù của tôi cũng có cái mặt tích cực của nó, chỉ cần ta biết nhuần nhuyễn khéo léo, chuyển hóa, đôi khi nó không còn là sự thất bại, hay không may nữa. Tôi đã có nghiệp vụ, tôi đã có thực tiễn kinh qua. Hãy chọn lựa, ấp ủ hạt giống rồi gieo đi khắp các nẻo đường của đất nước.

Mai đây những hạt giống nào chẳng may rơi vào vùng đất xấu không mọc được thì tôi cũng chả mất gì thêm. Còn những hạt giống may mắn rơi vào vùng đất màu mỡ, thuận tiện thì sẽ trưởng thành nở hoa, kết trái cung cấp trái ngon, trái ngọt cho cuộc đời, cho lý tưởng.

Dân tộc, người Kinh, kẻ nông thôn, người thành thị, từ núi rừng hẻo lánh cho đến đồng bằng phì nhiêu, tôi cứ làm những cái gì tôi có thể làm được. Thời gian và hoàn cảnh thật là thuận tiện, còn an toàn hơn cả ngoài xã hội nữa. Vì những chủ trương này, tất yếu tôi phải tìm một chỗ đứng tốt. Hiện nay, không có bức tường chắn tốt nào bằng bức tường của Hoàng Thanh cả.

Ngay Hoàng Thanh, trước đây cứ mỗi lần y tiếp xúc với tôi, y luôn luôn phải dẫn đo, thủ đoạn như trong tay y thường phải sẵn sàng lắm

le một khẩu súng mà đạn đã lên nòng...nhưng rõ ràng càng về sau y đã bỏ khẩu súng xuống bàn hay đã đút vào ngăn kéo rồi. Nghĩa là tôi đã tạo cho y tưởng rằng y đã nắm được tôi. Tôi không còn là đối tượng y cần khoanh vòng nữa. Mà tôi thì cũng cần và chỉ mong như vậy.

Chiều hôm nay, nhìn cụm thực dước phía đầu luống gần chái hồi nhà số 2. Mấy đóa nhung vươn dài ngượng ngập mà tôi vẫn gọi là mấy "cô tiểu thư con gái nhà lành" đang lè ra mấy chiếc yếm xanh bọc tím cái duyên nửa chừng như báo cáo cho thế nhân, mùa Đông đã lại về.

*Nhanh thật, vừa mới nóng xong đã lạnh rồi!
Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người đi những nẻo đường...*

Thấm thoát tôi đã lên trại xấp xỉ một năm rồi. Hồn tôi bập bênh nổi trôi trong làn mưa bụi cứ dần dà dạt về miền xuôi. Chợt lảng vảng chiếc lưng ong và làn tóc buông dài dưới gốc cây bàng giữa sân Hỏa Lò, cũng một chiều mưa bay đã ùa vào tràn ắp lòng tôi. Một nỗi nhớ niềm thương quắt quay, cộng với cuộc đời mưa gió, cứ xoáy mãi cõi hồn.

Không biết giờ này người ấy ra sao? Một ý thơ da diết của thi gia Nguyễn Bính thì phải, đã lách vào tim tôi thắt lại:

*Chiều nay thương nhớ nhất chiều nay
Thoáng bóng em trong cốc rượu đây.
Anh uống cả em và uống cả,
Một trời quan tái mấy cho say.*

Bây giờ tôi đâu có cốc rượu đây, mà chỉ có một trời cay... cay hơn ớt. Tôi còn đương mơ màng trong một trời chiều mây tím thì những tiếng huỳnh náo ầm ầm ở nhà số I. Những tiếng huỳnh huých vật lộn phía trong buồng khi tôi chạy xấn vào. Máu me văng vãi tứ tung, Lê Văn Kinh, người to như hộ pháp đang đè Phạm Công Thành gò người lại như con tôm chiên ở dưới nền nhà.

Công Thành mắt trợn ngược, đang khò khè tưởng không thở được nữa, tuy tay vẫn cầm chặt con dao nhọn dài đến 15 phân. Dưới má Lê Văn Kinh, một vết dao rộng chừng 3 phân. Máu từ đấy, vung vẩy khắp nhà.

- Biệt kích đánh biệt kích!

Có người nói to như vậy. Anh em, một số người đã xông đến. Tôi le tay giật lấy con dao ở tay Công Thành. Mọi người hò trối Công Thành lại và họ đã trối thực. Một số người khác dẫn tay đưa Kinh xuống bệnh xá để băng bó vết thương. Sau một lúc câu chuyện đã được sáng tỏ:

Tên Công Thành (trong toán Boone biệt kích của Nguyễn Huy Lân) ở dưới nhà bếp, thường hay quát tháo, xua đuổi, đập gô, đập bát của các anh em trên các buồng xuống xin nước sôi. Hầu như cả trại không ai ưa y. Nhiều người căm tức nhưng không dám làm gì y vì y núp dưới bóng những tên áo vàng.

Lê Văn Kinh là người miền Nam rất thẳng tính, và nghĩ rằng nó đã làm xấu lây anh em biệt kích với những người tù miền Bắc. Bởi vậy, nhiều lần Kinh trông thấy Thành, Kinh chửi nện Thành rất hận. Đã có nhiều trận chửi nhau trước đây, bao giờ anh em cũng bênh vực về bè với Kinh. Nếu Lê Văn Kinh không là người lao động tốt thì đã bị đi cùm nhiều lần rồi do sự báo cáo của Công Thành. Tất nhiên mỗi lần Kinh chửi Công Thành cũng đều phải lấy những cơ, lỗi của Thành trong sinh hoạt; chứ chẳng ai dám chửi Thành là kẻ đã làm chó, làm Joóc.

Thành xây hận lâu ngày, tuy Công Thành cũng to khổ vì làm nhà bếp, nhưng so với tấm thân đồ sộ Người Nhái của Kinh thì không đi đến đâu. Vì vậy Thành đã thủ sẵn một con dao, chờ dịp. Và hôm nay, sau một hồi cãi vã, bất ngờ Thành đã rút dao ra, chồm sang sấn Kinh để đâm.

Kinh người to, nhưng cũng rất nhanh. Kinh bị đâm một nhát, vội nhảy đến, hất dao và vật Thành ra. Hôm nay cũng là dịp, anh em trong trại dồn cơn căm tức Thành đã lâu; bởi thế khi trối, mấy người đã cố ý kéo gò, riết chặt. Công Thành nằm như con heo, ư ử rên la ở giữa nhà. Ai cũng mượn cố tên Thành đã dùng dao đâm người, trong khi chờ cán bộ vào giải quyết thì phải trối lại vì sợ anh ta tiếp tục hành hung.

Khi tên Đức trưởng ban giáo dục và tên Cẩn trực trại vào. Y thấy tên tay chân của chúng bị trối gô, y ra lệnh cởi trối. Tên Đức và tên Cẩn, hẳn cũng đã hiểu những điều ẩn tàng bên trong sự việc; nhưng vì nhát dao đâm Kinh quá sâu nên đã ra lệnh đưa Công Thành vào kỷ luật để xoa dịu sự bất mãn của trại. Tuy thế Công Thành cũng chỉ bị kỷ luật 2

ngày rồi lại được trở về nhà bếp như cũ. Sự việc này càng tỏ rõ bộ mặt tay sai, chó má của Công Thành, cho nên anh em càng không ai tiếp xúc với y.

Tối nay, sau khi toàn buổi sinh hoạt tổ như thường lệ, tôi vừa ra chỗ chiếc đèn con "Hoa Kỳ"; cầm cái điều cây về chỗ để "bắn" một điều với bác Tiến thì Gôm đến. Chẳng biết Gôm thu lượm được nguồn tin từ đâu, đã thì thầm cho biết: "Hòa nghị Paris về chiến tranh Đông Dương đã bắt đầu họp từ đầu tháng 5 rồi. Hiệp nghị gồm có 4 thành phần: Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, miền Bắc Việt Nam và một bộ phận của chúng ở miền Nam là Mặt Trận Giải Phóng. Tuy đã họp hơn 6 - 7 tháng nay rồi, nhưng lập trường của các bên cách xa nhau một trời, một vực, nên chưa đến một kết quả nào: Nguồn tin này cũng làm cho bác Tiến và tôi sững sờ suy nghĩ. Thảo nào, cũng từ mấy tháng nay, trại cũng chả có đài, hay báo chí gì cả. Tên Mạch, trưởng ban tuyên huấn lại giải thích ở ngoài hội trường hơn một tháng trước là để cho toàn thể trại viên tập trung tư tưởng theo học lớp chính trị dài ngày: "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" nên tạm ngừng đài và báo.

Vì ở trong một cái hòm đóng kín, thiếu nhiều cơ sở để nhìn, để cọ sát, tham khảo; dù vậy bác Tiến cũng bảo:

- Chúng (chỉ Cộng Sản), nhìn từ bản chất thì chúng chỉ muốn dùng hội nghị Paris như một cơ quan tuyên truyền, cầm chân Mỹ mà thôi. Tuy vậy, đây cũng là một dấu hiệu, chúng đã phải từ bỏ phần nào cái quyết tâm cao ngạo lúc đầu của chúng là sẽ "cướp cho được miền Nam bằng võ lực". Vấn đề lớn ở đây là nếu Mỹ và Sài Gòn không tỉnh táo, thì sẽ bị hố với tội này.

Ân Tình Của Chúa Sơn Lâm

Một câu chuyện bình thường về một con trâu nhưng nó đã gợi nhớ cho tôi một cái mốc thời gian trong cái hồ sâu của dĩ vãng. Hôm đó, vào một đêm mưa dầm thứ Bảy, giữa tháng Ba năm 1969. Lúc này trại đã ăn Tết Âm lịch đã được gần một tháng. Trời hãy còn lạnh lạnh của cái rét nằng Bân. Trại đang ngủ yên ắng, gần nửa đêm về sáng; đột nhiên có những tiếng huỳnh huých, ầm ầm như cây đổ phía chuồng trâu đằng sau trại. Một số người tỉnh ngủ trong buồng đã ngồi dậy nhón nhác, ngác ngơ nhìn ra cái khoảng đen tối của rừng khuya.

Bác Tiến đã thò tay sang màn tôi, lay tôi dậy; nhưng tôi đã tỉnh lâu rồi, mà vẫn nằm yên nghe ngóng. Bỗng có tiếng gầm như rung chuyển cả núi rừng, làm đong đưa ngọn đèn 40 nến đang treo lủng lẳng ở giữa nhà. Tiếng gầm làm hầu hết mọi người đều choàng dậy. Trong buồng có nhiều người dân tộc thiểu số mà núi rừng là quê hương, nhà cửa của cả đời họ nên họ đã biết ngay, đó là tiếng hổ về bắt trâu.

Tiếng hổ gầm cũng có lẽ đã đánh thức tụi cán bộ phía khu nhà giám thị, vì bất chợt một tràng súng AK rú lên. Âm thanh như mũi giáo ngoáy vào màn đêm tịch mịch.

Trong buồng chúng tôi đều hiểu, chúng bắn tràng súng là để dọa đuổi hổ đi, chứ sức mấy đứa nào dám mò ra rừng khuya, giữa lúc mưa lạnh thế này. Chẳng ai dám bàn tán, nhưng nhìn nhau, mắt ai cũng ánh lên niềm vui. Hắn trong lòng mỗi người, ai cũng đều hớn hờ chào mừng "bác" hay "cụ" mới. Bởi vì, theo anh em, những năm trước đã có nhiều cụ hổ về bắt trâu của trại. Mỗi lần như vậy, thể nào trại cũng có bữa tươi; vì thường thường ông hổ chả ăn hết con trâu. Đó là ân huệ của ông để lại cho đám người cùng khổ.

Sáng hôm sau, nguồn tin sốt dẻo đã có sớm: cụ hổ đã bắt con trâu mộng đầu đàn đem đi mất tiêu hôm qua! Người ta nhìn thấy vết chân hổ to như bàn tay xòe, dẫm nát cỏ cây chung quanh chuồng trâu. Có một cái điều làm cho cán bộ cũng như tù ồn ào, bàn tán không ít là cửa và hàng rào của chuồng trâu vẫn không sao cả. Hàng rào cao khoảng 1 mét rưỡi gần ngang cổ của người lớn. Người ta tự hỏi, con trâu mộng to như vậy, chả lẽ cụ hổ cũng nhảy qua? Nghĩa là sự việc đó khó tin được; nhưng cụ thể là con trâu đã mất.

Ngay từ sáng sớm, 4 tên vừa cán bộ vừa bộ đội dẫn theo 4 tên tù tự giác. Cơm đùm, cơm nắm dõ theo vết chân của lão chúa sơn lâm vào nơi thâm u của núi rừng hoang dã. Cả trại đi lao động ngày hôm ấy đều phập phồng mang theo niềm hy vọng đợi chờ.

Nhưng cho tới chiều tối, đoàn người đi tìm mệt mõi trở về không và niềm đợi chờ, mong ngóng của anh em cũng xẹp xuống. Mặc dù thế, toán đi tìm hôm sau vẫn tiếp tục. Nhưng người ta cũng kháo nhau nhiều chuyện chung quanh cụ hổ bắt trâu này như những huyền thoại thần bí, linh thiêng của rừng già.

Hôm su, gần về trưa trại xôn xao, náo nhiệt hẳn lên. Đoàn đi tìm đã hí hục khênh, gánh về cái đầu, 2 đùi trước với bộ lòng của con trâu. Cụ hổ đã ăn hết hẳn nửa sau của con trâu. Hai đùi và chỗ thịt ngon, gồm trên 50 kg thì được khênh về khu vũ trang và giám thị (như vậy cụ hổ cũng là ân nhân của lũ cán bộ nữa). Đầu, cẳng chân, xương, da và ruột thì phần trại tù. Tất nhiên cũng phải cân lường kỹ càng để tính tiền trong những kết toán hàng quý, hàng năm của trại. Nhưng phải nói rằng, giữa rừng núi hiểm hoi, có thịt, xương mà mua là tuyệt rồi. Xương lọc kỹ không kể, thịt được 15 kg, với bộ da và bộ lòng cho nhân số hơn 400 thì mỗi người cũng chỉ được một vài miếng nhỏ nhỏ.

Nhưng điều tôi chú ý hơn cả, và có thể nhiều người khác cũng vậy. Chúng tôi chen lấn nhau đổ xô xuống sân nhà bếp để nhìn cái đầu con trâu mộng. Tôi chả nhìn thấy mình con trâu, nhưng cứ nhìn cái đầu đồ sộ ngoại cỡ của nó thì tôi đã hình dung ra con trâu đầu đàn to khỏe như thế nào rồi. Một bên sừng bị gãy một nửa, để lòi ra một đám tủy trắng đỏ, nhờn nhờn. Một mắt lõm sâu, lua tua vài miếng thịt, con người vắng đầu mắt. Hàm răng nhe ra, rãi và máu đóng lại thành bờ. Da mặt bị cào xé rách nát. Tôi cứ đứng hàng giờ chăm chăm nhìn con trâu. Tôi hình dung một cuộc chiến đấu ác liệt, dai dẳng giữa con hổ và con trâu mộng này. Hẳn rằng trước khi chết, đành gục xuống phó mặc cho con hổ nhai thịt của mình; con trâu đã vì sự sống của mình, nó vừa run sợ, vừa phải chiến đấu dù với một cách nào nể, vô vọng với một kẻ thù có truyền thống ăn thịt loài của mình. Tôi cứ nhìn con mắt thất thần còn lại của nó, trợn ngược, trắng dã. Hẳn nó phải chết trong nỗi kinh hồn, khiếp đảm, thảm thương.

Như trên tôi đã nói, chuyện con trâu này đã gợi nhớ cho tôi một cái mốc của thời gian, đến đây cũng chưa phải, mà chính là một sự việc như sau: do cái tài xoay sở, khéo léo của Gôm đã quan hệ thế nào đó

với một đường dây tự giác rất đặc biệt. Gôm và tôi góp nhau mỗi người một đồng. Ngày hôm sau ra lán thủ công, đã có một bọc da trâu đến 2 kg thui rồi, giấu trong một đồng vỏ bào đã dạn trước. Do những yêu cầu về nấu nướng, chúng tôi chỉ bí mật cộng tác với bác Chánh già làm vệ sinh. Người canh, người cạo rửa rồi cho vào một cái gầu bằng tôn ninh nhừ. Gôm còn ngoại giao đổi chác với nhà bếp để có ít muối.

Buổi chiều hôm ấy, làm sao tôi quên được. Ba chúng tôi: bác Chánh, Gôm và tôi hò hẹn chui vào một bụi bìm bìm phía sau lán. Do sự quy ước chặt chẽ với nhau là không cho người thứ tư biết, vì thế tuyệt đối không được cho ai và phải ăn hết tại chỗ.

*Thôi thì nắng hạn gặp mưa rào.
Rét nhiều nên mới có ngày mỡ hôi!*

Chúng tôi vừa trợn trừng nhai vừa nhìn nhau. Mồm nhai chưa nuốt xong, tay đã cầm sẵn miếng khác chờ chực đút vào rồi. Ăn nấy, ăn để quên hết cả đất trời, tổ quốc, quê hương. Thế mà chỉ một loáng đã sạch trơn. Hai ký da trâu đã chui bég vào bụng ba người. Nhưng mà trời đất hỡi! Cái đêm hôm ấy người tôi như có ai thổi lửa vào hậu môn. Bụng nóng hừng hực, người nôn nao quay cuồng. Tôi bỏ màn đi ngủ sớm. Tôi liếc nhìn lên sàn trên chỗ Gôm, cũng đã thấy bỏ màn rồi. Tôi cố dẫn năm yên, tay xoa bụng. Thịnh thoảng thấy Gôm mặt đỏ rừ chạy vào nhà cầu.

Nhưng thật oan gia là bác Chánh, có lẽ vì bác già yếu nên đã không chịu nổi như chúng tôi. Bác ngồi trên sàn ồng ộc, nôn thốc, nôn tháo xuống đất. Bác cứ vặn vẹo người, nước mắt, nước mũi dầm dề vì nôn chưa hết. Mỗi lần bác ộc ra, từng sợi nhớt dài thòng, nhều nhọt nổi từ miệng bác với bãi nôn dưới đất. Mùi khẳn khẳn, nồng nồng xông lên khắp buồng. Nhiều người bịt mũi đi nằm vậy mà Thân Lân vẫn chịu khó hì hục lấy tay vớt từng miếng da trâu chưa nát vì ăn vội, nhét vào chiếc "hồ lồ". Mặt anh tươi roi rói, phờn phơ của một ngày vớ bở. Phần tôi tuy không nôn, nhưng phải một bữa gần chết, cả đêm hôm ấy trần trọc không ngủ được, nhớ mãi tới bây giờ chưa quên.

Sau này tôi nghĩ lại, thấy thật là dại, da trâu ninh nhừ ăn để chống đói thì thật là tuyệt nhưng với điều kiện ăn vừa thôi. Chỉ vì đói, thiếu lâu ngày, nay vớ được, ăn cho đã cái miệng nên mới bị như vậy.

Một Chiến Hữu Đồng Nghiệp...“Hang Một Lỗ”

Trưa hôm nay, sau một buổi sáng lao động mệt mỏi, hầu hết anh em tù, ai cũng tranh thủ nằm chợp mắt mười mười lăm phút cho lại sức, để tiếp tục đi lao động buổi chiều.

Năm trăm trọc mái với bao nhiêu nỗi niềm ngang, dọc của cuộc đời, tôi bò dậy xếp gọn chỗ nằm. Như mọi khi, lưng thững ra phía cuối hội trường, tôi ngồi trầm ngâm cho hồn lãng đãng, tai buông lơ nghe gió chiều xào xạc trong bụi nứa. Tiếng âm a của bài tập đọc về anh hùng La Văn Cầu của lớp bổ túc văn hóa buổi trưa ở trong hội trường làm tôi chú ý, quay lại.

Hơn mười người, hầu hết là dân tộc thiểu số, trong đó chỉ có 2 – 3 người kinh; đặc biệt nhất là anh Lê Văn Bưởi. Câu chuyện anh Bưởi lẻo đẹo theo học lớp bổ túc văn hóa lớp hai của trại, hơn hai tháng nay đã làm cho một số anh em trong trại bàn tán. Bởi vì học lớp hai bổ túc văn hóa là tập đọc tiếng Việt và tập làm tính trừ, tính cộng. Người ta bàn tán chỉ vì có nhiều mâu thuẫn, đến trở thành như lập dị. Theo như bản lý lịch mà tù nhân nào cũng phải tự viết, khai trong bản kiểm điểm của hàng quý và hàng năm thì lý lịch của anh Lê Văn Bưởi như sau: sinh ngày 10 – 2 – 1931 tại thị xã tỉnh Quảng Yên. Cấp bậc đại úy của Việt Nam Cộng Hòa. Can tội vượt tuyến ra Bắc để hoạt động gián điệp. Án phạt 20 năm. Vậy mà mỗi buổi trưa, lại cắp vở theo những người dân tộc đi học lớp 2 bổ túc văn hóa.

Như tôi đã nói đến ở trên, ngay từ khi anh Lê Văn Bưởi được chuyển từ trại Vĩnh Tiến về trại này. Khi được biết anh cũng cũng một cái “nghiệp hang một lỗ” như tôi, tôi đã lựa thế làm loăng phần nào sự chú ý của những tên Joóc, rồi sau đó đã liên tục tiếp xúc với anh. Đến bây giờ hơn 7 – 8 tháng rồi, anh và tôi đã trở thành đôi bạn. Nhất là từ gần một tháng nay, tôi làm tổ trưởng tổ học nghề mộc, tổ gồm 6 người, trong đó lại có anh.

Cái việc anh đi học bổ túc văn hóa, do chủ trương và quyền tự do của anh, tôi không có ý kiến. Nhưng theo quan điểm của tôi, làm việc gì cũng cần phải biết mình và biết người. Anh đi học như vậy nó trở thành một trò cười, mà người khác, nhất là đối phương đã nhìn thấy cái hời hợt, ngây thơ của anh; hoặc gây sự chú ý cho họ. Dù tôi nghĩ như vậy nhưng tôi cũng cứ để cho thời gian làm sáng tỏ. Tôi chưa kết luận, vì biết đâu đây chẳng là một ý đồ để kẻ thù đánh giá anh non

nớt, hời hợt, một chiến thuật cao tay hơn. Chính Hoàng Thanh đã có lần y đặt vấn đề hỏi tôi:

- Nay, theo cái nhìn của anh thế nào? Chẳng lẽ anh Bưởi lại là một đại úy tình báo của miền Nam?

Y vừa cười vừa hỏi tôi với một ánh mắt dò xét thái độ trả lời của tôi. Tôi cũng nói thực ý nghĩ của tôi là tôi cũng không hiểu thế nào, tuy trong lòng tôi có phần ngạc nhiên. Ngay tình tiết sự việc của anh ra ngoài miền Bắc cũng đầy rẫy những khoảng mù mịt như những lời anh đã tâm sự với tôi. Đã bao nhiêu lần anh với tôi trao đổi tâm tình qua những sự việc của anh ra ngoài Bắc và cả của đời anh nữa. Sơ lược như thế này:

Quê anh ở Quảng Yên, cái vùng có thật nhiều biển và cũng thật nhiều núi. Ngày từ lúc anh 19 tuổi, sau khi đã tốt nghiệp bằng Thành Chung, anh đã tình nguyện gia nhập quân đội Pháp kể từ ngày 01 - 01 - 1950, tại phòng hai tiểu khu Quảng Yên.

Năm 1953 anh tốt nghiệp chuẩn úy tại trung tâm huấn luyện Quảng Yên. Rồi giữa năm 1954, anh được chính thức đeo lon thiếu úy. Cùng năm đó, anh được thiếu tướng Congie tặng thưởng một huy chương Lá Liễu và hứa sẽ đưa anh về Pháp trau dồi thêm nghiệp vụ. Nhưng rồi tình hình dồn dập biến chuyển nên lời hứa đó đã không thực hiện được. Trong suốt thời gian anh phục vụ ở F2 (tôi không hỏi F2 là gì) anh đã được cấp trên tặng thưởng thêm 2 huy chương Lá Liễu nữa và 4 ngôi sao các loại cùng nhiều bằng khen.

Sau hiệp định Genève 1954 về Đông Dương, đơn vị và cơ sở của anh rút vào bên trong vĩ tuyến 17. Đất nước lúc này đang chuyển vần, nghiêng ngả từng ngày. Sau một số ngày đêm đấu tranh suy nghĩ, cuối cùng anh quyết định gia nhập quân đội Quốc Gia tại thị xã Quảng Trị. Do những quá trình chuyên môn nghiệp vụ của anh, anh được vào Sài Gòn dự một lớp tu nghiệp đặc biệt. Sau đấy trở lại làm việc tại phòng tình báo của ông Ngô Đình Cẩn trong thành phố Huế đặc trách khu vực giới tuyến 17.

Giai đoạn này anh thường xuyên chuyên trách nghiên cứu những tài liệu và tin tức tình báo giữa miền Nam và miền Bắc. Dần dà do những yêu cầu của tình hình thực tế anh đã tình nguyện ra Bắc để nghiên cứu tại chỗ, cũng như tạo lập những mạng lưới hoạt động bí mật ngay

trong lòng địch. Phòng tình báo miền Trung và anh đã miệt mài nghiên cứu một kế hoạch tỉ mỉ, một công tác dài hạn trong đất kẻ thù. Theo anh nói: anh có một người mẹ với một đứa con gái hiện còn đang ở vùng quê hương Quảng Yên của anh. Do tình hình và điều kiện ngặt nghèo của 1954, anh đã không thể đón mẹ và con gái anh cùng vào Nam. Con gái anh đã sống với bà nội ở một làng quê mà Việt Minh đã kiểm soát.

Chính vì vậy, trong kế hoạch anh ra miền Bắc, anh đóng vai là một trung sĩ cảnh sát, nhớ mẹ già, thương con gái, đồng thời chán chường chế độ độc tài, gia đình trị họ Ngô, anh muốn về với người mẹ và đứa con gái ở miền Bắc.

Mỗi tuần 2 ngày, anh phải ra đứng gác ở cầu Hiền Lương trên bờ sông Bến Hải theo những tiến trình của công tác đã vạch ra cho từng khâu. Những người cảnh sát phía bờ Nam và những tên công an phía bờ Bắc cùng gác trên cầu Hiền Lương; do nhiều lần thấy nhau nên quen mặt. Bởi vậy đôi khi cũng chuyện trò dăm ba câu về trời mưa, trời nắng.

Những tên công an bờ Bắc thỉnh thoảng mồi chài, lôi kéo, rủ rê những anh cảnh sát bờ Nam ra miền Bắc, về với nhân dân, về với cách mạng. Anh Bưởi đã lợi dụng hình thái này, nghĩa là anh cũng đã để cho những tên công an bờ Bắc rủ rê nhiều lần. Và lần đó, ngày 6/6/1962, anh đã ôm một bọc quần áo chạy bừa sang phía bên kia cầu bờ Bắc theo đúng những lời chỉ bảo của một tên công an.

Anh được dân chúng và cán bộ nồng nhiệt đón anh đưa về huyện Vĩnh Linh. Sau mấy ngày tiệc tùng, chào mừng; hàng ngày anh phải đến một bàn giấy để khai báo chi tiết, tỉ mỉ về thân thế, gia đình trong Nam cũng như ở ngoài miền Bắc. Từ ngày vào Nam, làm gì, ở đâu, từng thời gian. Hết hỏi han, khai báo rồi chúng đưa giấy bút, bắt anh phải tự viết tường thuật lại từ khi mới lớn lên ở miền Bắc cho đến vào miền Nam.

Cứ viết một thời gian, lại hỏi, rồi lại viết. Hơn một năm trời với bao nhiêu hình thức thủ đoạn mua chuộc, kích lệ, hứa hẹn và đe dọa. Thỉnh thoảng, chúng cho đi tham quan những cơ sở này, xí nghiệp kia rồi lại về truy tìm, hỏi han. Sinh hoạt ăn, ở của anh bị chúng nó quản lý chặt chẽ. Bao nhiêu lần anh xin về quê ở Quảng Yên để thăm mẹ già và con gái nhưng chúng đều hứa hẹn, anh phải thành khẩn khai báo

tốt thì chúng mới cho về. Hơn nữa chúng nhấn mạnh, chúng đã biết hết về âm mưu ý đồ của anh ra miền Bắc. Chúng đã có tài liệu đầy đủ, chỉ vì chúng có rất nhiều người nằm ngay trong cơ quan tình báo của Ngô Đình Cẩn v.v...

Đến đây, anh Bưởi không nói rõ, nhưng qua tình tiết diễn tiến, tôi suy đoán, có thể anh đã khai báo phần nào sự thật (Cộng Sản đã hiểu chế độ của chúng chỉ có đói khổ, nên chúng không bao giờ tin những lý do vớ vẩn như vậy mà người ta lại bỏ một chỗ ấm, no để vào một chỗ đói khổ), nghĩa là sanh ra miền Bắc là vấn đề hoạt động tình báo. Cho nên chúng đã kéo dài thời gian đến 16 tháng để tìm hiểu, điều tra, nghiên cứu về anh. Cuối cùng, chúng thả anh ra, cho anh đi tự do về quê. Nhưng khi anh mới đi đến Quảng Bình, chúng đã đem xe theo đón bắt anh với lệnh của bộ công an vào ngày 23 - 10 - 1963. Chúng đem anh trở lại Vĩnh Linh tiếp tục khai thác. Sau một thời gian, chúng đưa anh ra trước tòa án nhân dân khu vực Vĩnh Linh, xử phạt anh 20 năm, với tội danh: gián điệp xâm nhập miền Bắc để hoạt động chống phá cách mạng.

Anh và tôi càng ngày càng thân nhau, đã kể cho nhau nghe biết bao nhiêu chuyện về gia đình, cuộc đời từ nhỏ cho tới lúc trưởng thành vào đời. Theo anh nói: gia đình anh cũng là một gia đình thế phiệt, gia giáo, trong miền Nam rất có thần thế. Anh được gặp ông Cẩn, ông Nhu là chuyện thường; chú anh là chuẩn tướng Lê Văn Hưng v.v... Cho nên tuy anh chỉ là một đại úy nhưng anh đã được ông Cẩn tin tưởng, coi như người nhà.

Mới hôm Chủ Nhật vừa qua, buổi chiều, tôi và anh Bưởi rủ nhau ra giếng tắm giặt xong. Về buồng, tôi xuống chỗ anh Bưởi, hai anh em nằm chèo kheo chuyện trò tâm sự. Sau một vài câu chuyện bình thường như mọi khi, đột nhiên anh quay sang, dịch gần sát lại phía tôi, hạ thấp giọng:

- Tôi coi Bình cũng như anh em, tôi nói cho Bình nghe một chuyện mà tôi đã ôm chặt trong lòng hơn một năm nay. Từ ngày tôi ở trại Vĩnh Tiến đến bây giờ, không một ai trong tù này biết.

Thấy vẻ mặt và giọng nói của anh đầy vẻ thân tình nhưng nghiêm trọng, tôi cũng nghiêng hẳn người lại sốt sắng, chờ lắng nghe. Nội dung: anh nói là anh có công rất lớn với nhà nước, với cách mạng. Anh đang chờ, không những anh sẽ ra khỏi tù mà anh còn phải làm việc

hiều nữa, lúc đó anh sẽ không quên tôi. Anh kể tiếp, khoảng đầu năm 1960. Một buổi chiều muộn trong tư dinh của ông Cần. Lẽ ra mọi khi, giờ đó anh đã trở về buồng mình để tắm rửa nghỉ ngơi, nhưng hôm nay vì anh mời uống hai ly rượu mạnh. Vừa mệt, vừa buồn ngủ, anh đã nằm ngay tại một phòng dụng cụ ở chỗ làm việc, rồi ngủ quên luôn. Gần về khuya, giật mình anh tỉnh dậy, nhìn đồng hồ đã 11 giờ 30. Tai anh nghe thoáng có tiếng rì rầm ở phòng bên, nhất là lại có ánh đèn sáng trưng. Tò mò, anh lựa thế nhìn qua một khe cửa sổ thì thấy có 3 người là ông Cần, ông Nhu và bác sĩ Trần Kim Tuyến. Ba người đang ngồi châu vào một cái bàn với một chồng sổ sách ở trên bàn. Anh không ngờ ông Nhu và ông Tuyến từ Sài Gòn ra ngay từ chập tối mà anh không biết.

Thấy thái độ bí mật và nghiêm trọng của mỗi người nên anh càng tò mò đứng nhìn và lắng nghe. Ba người đang họp bàn để quyết định những công tác có tính cách chiến lược của một số mạng lưới ở miền Bắc, có liên quan đến phòng nhì của Pháp và CIA, của Mỹ. Anh đã lắng nghe được tên cũng như chức vụ của hơn 10 người từ giám đốc một cơ quan đến những cán bộ trung ương ở miền Bắc. Anh hiểu đây là một bí mật to lớn của đất nước. Anh chỉ hiểu như vậy một mình anh, và chôn chặt trong đáy lòng từ 7 – 8 năm nay. Ngay cả khi ra miền Bắc rồi bị bắt, dù phải trải qua biết bao nhiêu cay đắng, khổ cực của những năm tháng dài khai thác và tù đầy. Nhưng năm ngoái, một cán bộ cao cấp của bộ công an xuống gặp anh ở trại Vĩnh Tiến. Sau nhiều ngày đêm đấu tranh, giằng co gay gắt trong tư tưởng anh đã muốn lập công với cách mạng nên anh đã khai hết với ông cán bộ đó. Sau đấy, nhiều cán bộ dưới Hà Nội xuống trại tập trung anh liên tục trong gần một tháng trời, trước khi chuyển anh về trại này.

Nghe anh Bưởi thổ lộ đến đây, tôi lướt nhanh suy nghĩ lại toàn bộ sự việc của anh. Nhất là nhìn thái độ của anh nói, mắt anh còn long lanh sáng, mang nhiều hy vọng đợi chờ. Đành rằng những suy nghĩ, nhận định của tôi chỉ là chủ quan nên chưa hẳn đã là đúng.

Anh Bưởi chỉ là một con bài của ông Nhu và Cần. Chính ông Nhu và Cần đã cố ý tạo nên một buổi họp và cố ý vô tình để cho anh Bưởi biết. Hẳn ông Nhu và ông Cần đã nhận định, soi kỹ về con người của anh Bưởi; kể cả về bản tính. Anh không đủ nội lực để đảm trách những công việc tương xứng với chức vụ, mà do tình cờ nghe, biết, nắm giữ được những điều bí mật, tối quan trọng. Bản chất một người như vậy, khi đã ở trong tay của Cộng Sản, không sớm thì muộn, để cứu thoát

bản thân, anh sẽ trình bày với Cộng Sản để lập công. Lúc đó tùy theo mức độ sẽ làm lũng đoạn, mâu thuẫn trong nội bộ hàng ngũ lãnh đạo của Cộng Sản miền Bắc.

Ông Nhu và ông Cần, tình báo của miền Nam hẳn cũng đã hiểu: với sự cảnh giác đến chân răng kẽ rốn của Cộng Sản, không bao giờ chúng có thể tin được anh Bưởi. Một người đã bỏ mẹ và con gái để đi vào Nam năm 1954. Bây giờ lại bỏ một xã hội vật chất dư thừa, thoải mái tự do để tìm về một xã hội vật chất thiếu đói, hạn hẹp gò bó về sinh hoạt, chỉ vì nhớ mẹ và con gái. Về chơi rồi đi thì người ta mới tin được.

Khi mà Cộng Sản đã không tin, thì chẳng có điều gì có thể ngăn chặn chúng không bắt anh khai thác. Mà chúng đã đặt vấn đề nghi ngờ để điều tra khai thác thì sẽ phải ra. Cứ đặt giả thuyết, đây là một đòn cao, một đòn sâu của ông Nhu, Cần và tình báo miền Nam đi nữa thì Cộng Sản cũng không mắc. Tôi chỉ là một cá nhân tầm thường, lại không phải chuyên trách cứu xét sự việc mà cũng phải đặt vấn đề, hướng chỉ là Cộng Sản. Chúng nó có cả một bộ môn, một tập thể để soi rọi, chiếu lên từng mảnh vụn của sự việc.

Còn riêng về phần anh Bưởi, ngay ở trong tù hiện nay. Hàng ngày anh lẻo đẻo cặp võ đi theo học lớp hai bổ túc văn hóa, mục đích để làm gì?

Phải chăng mục đích của anh, để cho Cộng Sản đánh giá anh là một người nông nổi, ba tếch, ba toác, không có trình độ? Nhưng cụ thể anh đã khai báo là một điệp viên đại úy tình báo, điều mà lẽ ra anh phải có chủ trương ngay từ đầu, ngay từ ngày anh bước sang phía Cộng Sản ở cầu Hiền Lương. Chứ che dấu ban giám thị trại này, che dấu anh em tù nhưng lại khai rõ trên bộ công an thì đâu còn là một chủ trương thống nhất? Trong cuộc sống, nhiều khi một sự việc rất nhỏ lại trả lời cho một vấn đề rất lớn.

Một lần vào buổi sáng Chủ Nhật. Anh em, người thì đi tắm giặt, người thì ra sân, ra hội trường. Trong buồng sàn trên, sàn dưới thưa thớt dăm mười người. Tôi ngồi ở sàn trên đọc sách; nhìn xuống sàn dưới phía bên kia đối diện, anh Bưởi đang lúi húi vá cái áo trại. Sáng nay, tôi mới xin bác Lắm được 2 liều thuốc Lào, muốn gọi anh lên để hai người cùng say sưa, vì thuốc Lào kỳ này rất khan hiếm nên tôi không muốn cho người khác biết. Tôi mong anh Bưởi khâu một lúc, mỗi người sẽ ngừng mặt lên là tôi vẫy gọi anh. Nhưng tôi chờ mãi đến nửa giờ, có

lúc anh ngừng khâu, ngừng đầu lên, nhưng lại chỉ đưa mắt nhìn chung quanh phía bên dưới mà không hề nhìn lên sàn trên. Nếu anh nhìn lên một tí, anh sẽ thấy cái mặt tôi đang tươi roi rói hướng về anh ngay phía đối diện; chỉ chênh phía trên, xa chỗ anh ngồi chừng 5 mét.

Sốt ruột quá, tôi tìm được một miếng giấy con, vo nhỏ lại bằng đầu ngón tay út, ném mạng vào đầu anh. Thấy tiếng động vào đầu và nhất là thấy hòn bi giấy con tí văng xuống đất trước mặt anh, anh quay lại chung quanh ngơ ngác nhìn về phía một bác dân tộc đang nằm nhắm mắt cách anh 3 chiều. Anh chỉ nhìn ở sàn dưới mà không hề nhìn lên sàn trên; không thấy gì, anh lại tiếp tục cúi xuống khâu. Nóng cả ruột, tôi đã định sẽ hút hưởng một mình, không cho anh hút nữa, nhưng thấy thiếu vui và không tốt. Tôi lại tìm bẻ được một cái đầu que nứa ở tấm vách, nhằm anh tôi ném mạnh, trúng ngay vào vai anh. Anh ngừng phắt mặt, quay ra liếc nhìn đằng trước, đằng sau cũng vẫn chỉ có bác dân tộc mà thôi, anh vẫn chả nhìn lên sàn trên. Tôi tức muốn gào lên "hãy nhìn lên đây cơ mà!"

Tôi đặt vào trường hợp của tôi, chỉ thoáng khi thấy mẩu giấy rơi ra, tôi phải nhìn khắp trên dưới, chỗ nào có khả năng ném tôi, hay từ đâu rơi ra tôi phải biết nguyên nhân. Nếu tôi không thấy gì, tôi sẽ khâu tiếp rồi bất chợt sẽ ngẩng lên nhìn ra khắp lượt. Chứ mà bị ném đến lần thứ hai thì tôi phải bỏ khâu đấy, đứng dậy quan sát khắp chỗ. Và tôi nghĩ rằng, rất nhiều người khác cũng sẽ như tôi chứ không như anh Bưởi.

Nhưng cuộc đời hình như có sự bù trừ. Anh Bưởi lại có khả năng làm cho nhiều người chung quanh tin tưởng rằng trong anh có nhiều tài năng ẩn tàng. Thậm chí, chính Nguyễn Văn Gôm, một con người tinh nhanh, sắc sảo có lần đã thổ lộ với tôi:

- Anh Bưởi là một thứ "xịa" ghê gớm lắm! Bề ngoài trông anh chậm chạp, củ mủ, củ mủ vậy đấy thôi, chứ hiện nay anh còn giữ được một loại thuốc rắc vào cùm, vào khóa là chúng sẽ chảy ngay ra như nước. Chưa hết, anh còn một bí quyết nữa; anh có thể không ăn trong một tuần lễ mà sinh hoạt lao động bình thường.

Chính vì vậy Gôm đang nỗ lực ráo riết, chiều đón, xu phụng anh Bưởi để anh sẽ truyền bí quyết cho, cũng như anh sẽ cho xem cái loại thuốc thần kỳ nói trên.

Điều này tôi đã suy nghĩ mãi nhưng thật khó mà giải thích. Chỉ có thể nói là "Trời sinh ra như vậy". Như con cua gặp con ếch. Con cua mà gặp con ếch là co dúm người lại cho con ếch đớp rồi nuốt. Nếu con cua cứ giương rộng càng thì con ếch làm gì được. Rồi tới lượt ếch gặp rắn cũng vậy, thoáng thấy bóng rắn là ếch cụp đầu xuống, co quắp người lại để xin mời ông rắn sơ. Nếu con ếch nó cứ bật nhảy như lò xo, mỗi cái nhảy hàng thước thì rắn nào đuổi kịp. Như vậy trong cuộc đời có cái này kỵ cái kia, ai mà biết được lý do? Về anh Bưởi, thời gian còn dài, sẽ còn nhiều sự việc để làm sáng tỏ vấn đề.

Tối nay tôi nằm mãi mà không ngủ được, đầu óc cứ còn vấn vương về câu chuyện do Lầu Phá Tra và Lỗ Cao Chính kể cho tôi nghe lúc buổi trưa ở hội trường. Lầu Phá Tra và Lỗ Cao Chính, hai người đã hôn và đặt tay tôi lên đầu họ hồi năm ngoái, khi tôi lên trại mới được 2 - 3 tháng. Tuy không thường xuyên nhưng tôi vẫn khẩn khít tiếp xúc với họ khi có vấn đề cần trao đổi. Lúc trưa họ kể sơ lược cho tôi nghe về Vương Chí Sinh- Một ông vua, một người chúa của dân tộc Mèo. Đối với người dân tộc thiểu số trên miền thượng du Việt Bắc, Vương Chí Sinh không những chỉ là người chúa của dân tộc Mèo, nhưng ông còn là người khôn khéo, tài ba có uy tín lớn với các sắc tộc khác. Trong sự chống đối, bất hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh của các dân tộc thiểu số thì ông là một điểm sáng chói, là linh hồn của họ.

Ông đã xây dựng, thành lập và lãnh đạo một đội quân đông đảo người dân tộc. Tuy trang bị vũ khí thô sơ nhưng biết lợi dụng địa thế núi rừng hiểm trở của thiên nhiên, nên Việt Minh đã hao tổn bao nhiêu công lao, tâm sức kể cả người và của về chính trị cũng như quân sự mà không thể thu phục được. Họ đã phải dùng nhiều đơn vị lớn, mở nhiều chiến dịch len lỏi vào núi rừng để lùng xục, tiêu trừ đoàn quân chống đối của người dân tộc mà chúng gán cho cái tên là giặc cướp, là thổ phỉ.

Nhưng sau nhiều ngày tháng, Cộng Sản đã không thể làm gì được mà nhiều lần, cái đội quân "phỉ, cướp" đó đã bất ngờ đánh cho lũ cáo Hồ những trận liếng xiếng. Hồ Chí Minh, con cáo già nhiều thủ đoạn cho những tên cán bộ người dân tộc len lỏi, môi giới vào tìm gặp được Vương Chí Sinh. Khi đã bí mật liên lạc với Sinh được rồi, y dùng những cán bộ trung ương giỏi mồm mép, giỏi nghề dụ, xui người khác ăn cút gà vào tiếp xúc với Sinh. Mặt khác, y lại viết thư như đã từng viết cho Thẩm Hoàng Tín, tình cảm dạt dào, lời lẽ khẳng khái đoạn chính v.v... Cuối cùng y đã lôi được Vương Chí Sinh về Hà Nội, đã tách cộp ra khỏi

rừng, cho cộp về thành phố chơi. Vương Chí Sinh cùng với đoàn bộ hạ tham mưu được đón rước linh đình vào phủ chủ tịch, mở hội hoa đăng để kết nghĩa anh em. Chắc Vương Chí Sinh cũng sướng tê người như Thẩm Hoàng Tín. Một tên chúa Mèo ở trong rừng sâu hoang dã lại được kết nghĩa anh em, đoàn viên với Hồ Chí Minh, chủ tịch của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Khi quân đã không có chủ tướng, Hồ già càng dễ gây ly gián, nghi ngờ nhau giữa những thành phần của đội quân người dân tộc. Để cuối cùng chúng tiêu diệt dần cho tới khi bắt gọn. Kết quả là biết bao nhiêu người dân tộc phải chết hoặc ở trong tù như hiện nay, trong đó có Lầu Phá Tra và Lồ Cao Chính. Chỉ vì người lãnh đạo mắc một căn bệnh chung là không hay chưa hiểu đủ về Cộng Sản.

Wương Chí Sinh khi biết là mình bị ăn cút gà thì đã muộn. Theo Tra và Chính thì cho đến bây giờ họ cũng không biết rõ về số phận của Vương Chí Sinh nữa, vì có nhiều nguồn rí tai: có thể ông Sinh bị giam lỏng ở Hà Nội và cũng có thể bị chết rồi.

Một bài học quái ác, là cứ phải ngã rồi mới học được! Óc tôi cứ vẫn vít xoay quanh về câu chuyện này mãi, mà càng suy nghĩ thì đầu càng nóng lên, để rồi trăn trở mãi mới chìm dần vào giấc ngủ hầy còn nhiều khắc khoải, cau mày.

“Đau Thương Này Thật Là Vô Kể!”

Chẳng mấy chốc mà đã lại sắp sửa tới ngày Quốc Khánh mừng 2 tháng 9 rồi. Đời của những người tù ở miền Bắc, một năm chỉ đợi chờ có 2 dịp: mừng 2/9 và ngày Tết của dân tộc. Ai cũng hiểu là mong hai ngày ấy cũng chỉ vì những ngày ấy mới có chất tươi, mới có cơm không độn và mới cho đời người tù hiểu thấm thía cái ý nghĩa của một kiếp sống con người.

Còn những 3 ngày nữa, thế mà do những nguồn tin rỉ tai từ phía cán bộ, anh em trong trại đã biết rõ, mừng 2 tháng 9 năm nay sẽ ăn to! Riêng bữa cơm sáng ngày Quốc Khánh là một con lợn cân nặng 40 kg. Về buổi chiều, một đặc ân kỳ vĩ, có một không hai của ban giám thị sẽ cho tù thưởng thức món... phở truyền thống của dân tộc.

Ồi giờ ơi! Thật là ngàn năm một thuở. Cái tiếng “phở” mà nhiều người tù đã quên bém đi từ cái dạo mới bị bắt kia. Trong này có ai còn dùng cái từ ấy làm gì nữa. Vậy mà mấy ngày hôm nay, trong trại, ngoài lán thủ công, cho đến trong rừng sâu, đồi dốc, chỗ nào có người tù lao động là chỗ ấy bàn tán nhắc nhở nhiều đến chữ “phở”. Tôi, Gôm và một số người bạn nữa, trong đó có cả bác Tiến và bác Lắm cứ xoành xoạch lôi Nguyễn Tuân ra để mổ xẻ, bàn tán, tranh luận cứ rí rít tít mù cả lên về tuyệt tác “Phở” của ông.

Trại trung ương số I sẽ đặc cách giết một con trâu 2 tạ. Riêng phân trại E sẽ được phân phối 50 kg cả xương lẫn thịt. Còn một nguồn tin cũng không kém phần ghê gớm nữa: tối mừng 2/9 đoàn văn nghệ của trại chính sẽ vào diễn kịch tại trại E. Cái điều làm cho nhiều người trai trẻ, kể cả mấy ông già cứ nhìn nhau, lồi cả mắt ra là đoàn văn nghệ năm nay có những 5 giai nhân tuyệt cú mèo của trại nữ.

Cái này cũng không biết tại sao lại như thế, có lẽ trời bảo vậy. Anh nào cũng lục lọi, chuẩn bị một bộ quần áo đẹp nhất. Dù là quần áo trại hay của tự, nhưng chắc chắn là bộ quần áo mình phải vừa ý nhất. Những buổi trưa trong các buồng đã ít người ngủ hẳn đi. Người ta bận giặt giũ, tắm rửa. Người ta bận nhờ nhau cắt tóc, cạo mặt. Với những mảnh kính, mảnh gương con, những chiếc nhíp tự chế, người ta đang bận sửa sang cái đầu, cái mặt ở những chái hồi, xó hè.

Ôi chao, sao lòng người lại có nhiều nguồn vui rủ nhau cùng đến một lượt như thế! Phương ngôn đã dạy: "Phúc bất trùng lai", vậy mà phở với giai nhân, cứ thập thò ở cửa miệng mọi người và hẳn rằng, nó len lỏi vào cả trong những giấc mơ của họ nữa. Tôi cứ thấy ở tôi, rồi suy ra thì đủ hiểu. Đêm qua tôi đã nằm mơ, được ăn một bát phở đầy, mùi hành, nước mắt, lá thơm đã làm tôi lúc tỉnh dậy thấy nước miếng còn chảy ướt cả mép. Rõ ràng, tôi ngửi thấy cả mùi phở xông lên ngào ngạt, vừa ngọt, béo, thơm đến ngứa cả cuống họng. Nghe đâu cả nột toán nữ gần 4 chục người, trong một tuần lễ xay bột và tráng bánh phở. Chưa được ăn mà người ta đã đùa vui khoái nhau. Chuyển này bánh phở, anh nào tinh mũi, sẽ ngửi thấy cả hơi tay, thậm chí cả hơi người của phụ nữ nữa đấy nhé.

Mong ngóng, chờ đợi mãi rồi ngày mùng 2/9 cũng phải đến. Ngay từ sáng sớm, những cái đầu gọn ghẽ, những bộ quần tươm tất; đeo, đội trên những tấm thân gầy, cứ đi ra đi vào cái hội trường và đi lên, đi xuống ở cái sân trại. Người ta cứ ngóng ra cổng, rồi lại nhìn nhau, mặt ai cũng tưởng như vừa mới được xúc nước hoa "Ba Đình" không bằng, phơn phớt, tươi roi rói. Tôi ngồi ở hội trường với Gôm, cứ nhìn theo anh chàng Hoàng Đức Tùng và Trần Lào mà buồn cười. Hai anh đều là dân ở Thái Lan về nước.

Hai cái đầu vuốt nước chải thật mượt. Một anh thì chải quặt ra phía sau, như đít con vịt bầu. Một anh chải hất ngược, uốn một cái lưỡi trai meo méo, nằm trên một khuôn mặt gầy, làm đôi má và thái dương hõm vào, khúc khuỷu trông như con gà rừng đang vật lông dang dở.

Cái anh có cái đầu đít vịt là Trần Lào. Cái quần tergal nâu, mang 4 cái dấu hắc ín to tướng "cải tạo" ôm lấy cái áo sơ mi màu cứt ngựa bỏ trong thùng. Còn anh chàng Hoàng Đức Tùng thì hết chê. Vẫn bộ quần áo và đôi dép quai chéo lằn trước, trong dịp Tết Nguyên Đán vừa rồi. Nhìn hai anh đi đi, lại lại, thỉnh thoảng lại nhìn ra phía cổng làm cho con mắt của tôi nhiều lần muốn tránh né, mặc dù tôi vẫn hiểu, họ chả có liên quan gì tới tôi.

Mãi tới khoảng 10 giờ. Mới đầu, còn lác đác một vài người thắc mắc, ngơ ngác nhìn ra phía cổng, phía khu cán bộ, vẫn thấy im ắng, lặng như tờ. Nhưng cho tới 11 giờ, thì cả trại ai cũng cảm thấy một sự bất thường. Có một vấn đề gì đó, mà không ai đoán được, thì cũng là lúc cán bộ nhà bếp vào trại cho lệnh: vẫn cứ ăn cơm thường như mọi khi,

mà không cho biết lý do tại sao, trong khi tiếng loa ở các buồng thì im bật vì đài bị hư.

Mọi người chả hiểu ra sao, nhiều những nguồn tin rỉ tai, linh tinh chả có một cơ sở nào cả. Bao nhiêu mộng mơ, hy vọng đều tan tành khói bay trong mây chiều. Mọi người đi ngủ, vẫn còn ấm ức, như mỗi người phải ngậm một cục sỏi ở trong mồm.

Hôm sau mồng 3/9, trại vẫn đi lao động. Thái độ của cán bộ, bộ đội âm thầm, lạnh lùng, miệng cứ câm như hến, nên chẳng một tên tù nào dám hỏi han gì. Nhưng cho tới sáng hôm mồng 4 thì mọi người mới vỡ lẽ: cáo Hồ xuống âm phủ để hầu hạ Karl Marx và Lénine.

Cũng mãi tới sáng mồng 4 lá cờ đen, mới chính thức kéo lên trên cây cột cờ chính ở trước nhà ban giám thị. Radio lại sửa được, tiếng đài lại nhí nhéo. Tiếng của đồng chí tổng bí thư Lê Duẩn oang oang đồng dặc:

..... Tồn thất này, thật là... lớn lao.

Đau thương này, thật là ... vô hạn!.....

Anh em tù đã hiểu, nên cũng thông cảm cho ban giám thị. Tuy vậy, trong lòng mọi người vẫn oán giận lão già chó chết, vì nghe đâu lão chết đúng ngày mồng 2 tháng 9. Mãi không sao, chết bờ, chết bụi ở đâu không biết, lại mò đúng vào cái ngày oan gia này mà củ. Sáng nay, ở ngoài lán thủ công, trong một góc lán của bộ phận học nghề, lúc ấy chỉ có bác Tiến, Gôm và tôi. Ba người đang than vãn tiếc rẻ về bữa phở hực, đột nhiên Gôm đứng phắt dậy, nghiêm mặt, nghiêng người, cũng oang oang đồng dặc tuyên bố:

Đau thương này, thật là.....oái oăm!

Tồn thất này, thật là.....thắt ruột!

Thực vậy, chả có gì bù đắp lại cho chúng tôi, có chăng chỉ có ít nước muối và 2 chiếc bánh ướt. Báo hại, trong cái tuần lễ cả nước phải treo cờ rủ để tang này. Trước sau, trại có 12 người bị vào nhà kỷ luật, trong đó toán 2 có hai người là anh Cường và Trần Quốc Anh tu sĩ. Cái tội chỉ vì vô ý cười to về một chuyện khác, nhưng bị những tên Joóc báo cáo: đã tỏ ra thích thú, vui sướng vì Hồ Chí Minh chết.

Rất nhiều người, do phải chịu đựng quá dài, những năm tháng đầy đọa thương đau cùng cực, nên khi thấy Hồ Chí Minh chết đi, họ đều hy vọng mong chờ một chuyển biến, thay đổi mới ở ngoài xã hội, cũng sẽ đổi thay được phần nào cái đời lầm than của họ. Cụ thể nhất là Nguyễn Văn Gôm, một người có học, sắc sảo, bén nhạy về tình hình chính trị, đã sống 15 năm dưới chế độ Cộng Sản. Anh Lê Văn Bưởi, một đại úy tình báo của miền Nam ra Bắc hoạt động, đều nhận định, tin tưởng: Hồ Chí Minh chết đi, đường lối chính sách của chế độ miền Bắc cũng sẽ thay đổi. Để rồi trong một buổi chớp nhoáng mạn đàm ở hội trường giữa 4 người gồm anh Bưởi, Gôm, bác Tiến và tôi. Bác Tiến đã giải thích sáng tỏ:

Đã có những nhà ngoại giao, những chính phủ chưa hiểu rõ được Cộng Sản, chỉ vì họ cứ nhìn sự việc từ một ống kính của một nước tư bản để soi rọi, suy xét ở một nước Cộng Sản, cho nên hầu hết đều bị lầm. Để rồi kết quả sự việc xảy ra lại khác hẳn, thì họ lại đổ cho lý do mới, còn vẫn khẳng khẳng cho sự nhận định của họ trước đây vẫn là đúng. Vì thế, những lần sau lại tiếp tục lầm nữa.

Thí dụ 2 quan điểm về cùng một sự việc:

1/ Lòng nhân đạo.

Tư bản: Đơn thuần, thấy ai sắp chết thì cứu. Thấy ai quá đau đớn thì chữa cho họ khỏi đau v.v...

Cộng Sản: Phải có tính giai cấp. Trước hết phải xem người sắp chết đó là loại nào? Nếu nó là một tên chống phá lại đảng, nó là một tên ở giai cấp bóc lột, thì cần phải đâm thêm cho nó chết ngay. Nhân đạo là tiêu diệt cái thiểu số, để cứu cái đa số mà chúng bịp bợm gọi là "nhân dân".

2/ Sự công bằng.

Tư bản: Mọi người ai cũng như ai. Được đối xử như nhau trước pháp luật. Ai có tài thì được dùng, không hề có cái gì gọi là "tính giai cấp" nào ở đây cả.

Cộng Sản: Trước đây anh là chánh tổng, lý trưởng. Như vậy là cường hào ác bá đè đầu, cỡi cổ đám dân nghèo khổ, bây giờ đảng bắt chúng mày xuống nghèo khổ cho công bằng. Trước đây anh là tư sản, bóc lột

người nghèo, bóc lột công nhân lao động, bây giờ để cho công bằng, đảng sẽ lấy hết tài sản của anh để trả lại cho người nghèo, cho công nhân thì học lại trở thành giàu, thành tư sản. Bởi thế, hãy để chính phủ, để nhà nước giữ vậy.

Trên đây chỉ là hai thí dụ nhỏ, trong muôn ngàn khía cạnh, của xã hội con người. Ngay cả về tình cảm, giữa hai xã hội, quan điểm cũng hoàn toàn khác nhau. Bởi vậy, hầu hết các nước dân tộc, tư bản, nếu vị nguyên thủ quốc gia bị giết hay bị chết bất ngờ, thì thường xã hội có nhiều thay đổi. Nhưng dưới chế độ Cộng Sản thì hầu như chẳng có chuyện gì xảy ra. Lãnh đạo đất nước là một tập thể, gồm những tên trong bộ chính trị, chúng quyết định mọi đường lối chính sách. Vậy nếu chỉ định tên này làm thủ tướng, tên kia làm chủ tịch v.v... Đều chỉ là một cái khung, một đường dây loa mà thôi. Cho nên có mất hay chết một tên này, hay vài tên khác thì nó vẫn như thế, chả có gì đổi thay cả. Điều này cũng đã giải thích vì sao, hầu như tất cả các nước Cộng Sản, những tên lãnh tụ cứ đi phây phây mà không đứa nào bị ám sát cả. Vì người ta đã hiểu rằng, có tổn công, tổn tiền, tổn người để ám sát một tên lãnh tụ Cộng Sản, thì cũng vậy mà thôi. Bài học được rút ra từ trường hợp của tên Lénine bị ám sát trước đây.

Cho nên rất buồn cười, có rất nhiều những chính khách, thấy một tên đại diện, hoặc một tên lãnh tụ Cộng Sản đi ra nước ngoài để họp hội nghị hay công cán, họ đã cố gắng mời chài, lôi kéo để lấy cảm tình. Cứ tưởng như nếu mua được tên đó, là mua được cả chế độ của nước Cộng Sản ấy vậy.

Cuối Đông, đã sắp sửa sang Xuân, vậy mà thỉnh thoảng vẫn còn những đợt gió mùa Đông Bắc mò về muộn, làm cho tiết trời lạnh ngóm. Mấy ngày rồi thật là âm đạm, âm u chả có tí ánh mặt trời nào. Mãi quá trưa này, mặt trời mới chịu thò mặt ra, nhìn cảnh vật một tí.

Đã hai tuần rồi, lạnh quá tôi chả dám tắm. Người có ngứa ngáy khó chịu lắm, thì cũng chỉ ra giếng múc một gầu nước, dùng cái khăn ướt, vắt khô rồi thò vào bên trong áo, lau sơ sơ. Nhìn lại, so với nhiều người, tôi vẫn còn vệ sinh, sạch chán. Hôm nay nhất định tôi phải uống thuốc liều, tôi đã rủ anh chàng Gôm ra giếng tắm cho vui. Nhưng y đã giẫy nảy lên, như con đĩa phải vôi, đầu lắc quầy quậy, miệng y liến thoắng:

- Không có một kẻ nào trên cái cõi đời này, lại bắt được tôi đi tắm bây giờ cả, trừ có hai điều.

Thấy Gôm cố ý nói nhăng để không tắm, tuy vậy tôi vẫn hỏi, trừ hai điều gì? Năm cuộn tròn trong chăn, Gôm thò ra hai ngón tay:

- Ông Trần Quốc Hoàn (bộ trưởng bộ công an) bảo: *Tên Gôm kia, hãy đi tắm rồi ta sẽ tha cho về Hà Nội.*

Nói xong rồi Gôm trùm chăn kín đầu. Tôi đã xách gầu và quần áo định quay ra cửa. Tôi cũng chẳng lạ gì anh chàng Gôm này, nhưng cũng thấy phảng phất một chút băn khoăn, nên lại quay vào hỏi tiếp:

- Thế còn điều hai?

Gôm lại hất chăn xuống, lò mặt ra, mắt long lanh nhay nháy:

- Một cô em thơm như múi mít nỉ non: *Anh Gôm của em ơi! Anh dậy đi tắm rửa cho sạch sẽ, anh yêu nhé!*

Nhiều người ngồi, nắm gân đấy cười ầm cả lên, đều biết là anh chàng Gôm tếu. Tôi vừa xách gầu chạy xuống giếng vừa nghĩ: Tù đầy mãi, nhữn quắt cả ruột, lại còn mơ em, với mận chị gì nữa.

Phải nói, mỗi lần dội thùng nước giếng vào người, nó lạnh thấy bốc khói ở người lên. Lạnh quá, không ai dám tắm, một phần nữa vì tắm ở giữa trời, gió thổi hun hút không có gì che. Tôi lúi húi phơi bộ quần áo trại, vừa giặt xong ở chỗ đám dây phơi, phía đầu hội trường. Người còn đang run bần bật như cây sậy, thì anh Lương Yên đã đi đến. Một tay anh đút trong túi áo, mặt anh khó đăm đăm, như anh đang có một điều ấm ức trong lòng. Anh nói hơi phì phào vì khoảng trống của 3 chiếc răng cửa hàm trên của anh bị thiếu:

- Anh ra hội trường, tôi gặp anh tí!

Gật đầu, bảo anh ra trước, tôi trở vào buồng lấy chiếc ruột áo bông khoác cho đỡ lạnh rồi sẽ ra sau. Chưa biết anh gặp tôi có chuyện gì, vừa đi vào buồng tôi vừa nghĩ về anh: Từ dạo anh chuyển ở trại Vĩnh Tiến về, trong lớp học tập "Lập công chuộc tội chống Mỹ cứu nước". Sau khi tôi viết xong của tôi, tôi được cán bộ chỉ định, viết tường thuật cuộc đời cho hai người là anh Sín Dầu, người Tàu, đẻ ở Việt Nam và anh Lương Yên, người Việt đã ở Sầm Nứa (Lào) hơn hai chục năm.

Hai anh đều đang theo học lớp 1 bổ túc văn hóa, nên không viết được. Viết tường thuật cuộc đời là kể lại chi tiết những diễn tiến của đời mình, từ nhỏ tới lớn cho đến khi vào tù. Chính vì thế tôi đã biết tường tận nhiều chi tiết, quãng đời đã qua của anh Lương Yên.

Sơ lược: Do nạn đói của năm Ất Dậu (1945), lúc này anh 24 hay 25 tuổi. Tha phương cầu thực, anh lạc lõng sang Lào. Anh đi ở đợ, rồi làm công cho nhiều người Lào ở Sầm Nứa. Ba mươi tuổi đời, anh gặp một cô gái Việt, sinh đẻ ở Lào mới 20 tuổi, rồi nên duyên vợ chồng. Hai vợ chồng tuy nghèo khổ, sống trong một khu lao động ở ngoại ô thị xã Sầm Nứa. Dù cảnh sống đầy gian truân cực nhọc, nhiều tủi hờn trên xứ lạ quê người, nhưng hai người vẫn dắt díu, đùm bọc nhau để sống. Anh chị đã có 4 mặt con.

Năm 1963, lúc này ở Lào có rất nhiều phe phái chính trị. Có đại sứ của Sài Gòn và cũng có tòa đại sứ của Hà Nội. Hai bên đều dùng nhiều thủ đoạn tuyên truyền, để lôi kéo Việt kiều về với phe mình. Ngoài ra cũng đầy rẫy những lực lượng bí mật, gây sức ép trong giới Việt kiều để tranh giành ảnh hưởng. Một lần có 2 người Việt Nam đến nhà thăm vợ chồng anh. Họ tự giới thiệu là cán bộ cụ Hồ, của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Chấp hành đường lối thương yêu dân, như con của cụ Hồ, nước nhà ngày nay đã độc lập; khắp cả nước đâu đâu cũng chỉ có tiếng hát, nụ cười, cụ Hồ nghĩ đến những người con phải lưu lạc, xa quê hương, tổ quốc. Cụ muốn tuyển chọn một số Việt kiều, thành phần cốt cán như gia đình của Lương Yên. Nhà nước sẽ đài thọ hết phí tổn, để đưa kiều bào về tham quan tổ quốc.

Những kiều bào nào được tuyển chọn, khi về nước sẽ được học tập đường lối mới, của một nước nhà độc lập; niềm tự hào, kiêu hãnh của mọi người dân. Sau khi biết được thời gian về thăm quê hương sẽ tùy theo ý của mỗi người, có thể dăm ba tháng rồi trở lại đón vợ con cùng về nước hoặc ở lại Lào là do mình quyết định. Hơn nữa, ai xa quê hương mà chả nặng lòng với đất nước, nên cuối cùng anh đã nghe theo họ về nước vì anh nghĩ: Đây cũng là dịp anh về chơi thăm quê nhà, sau mấy chục năm trưởng xa vắng.

Khi đi qua khỏi biên giới Lào + Việt, thái độ của hai tên cán bộ đã khác hẳn. Lạnh lùng và hình như anh cảm thấy mình bị quản chế. Họ ra lệnh cho anh không được tự tiện, đi lang thang ra ngoài. Anh vô cùng lo lắng, anh hỏi họ thì được trả lời:

- Cứ đi rồi sẽ biết!

Cuối cùng họ đã đưa tuột anh vào Hỏa Lò Hà Nội. Hàng ngày phải đi khai cung, họ truy hỏi, gán ghép cho anh là CIA, là chỉ điểm cho Sài Gòn. Họ bắt anh khai ra hiện nay vũ khí là khẩu súng ngắn giấu ở chỗ nào trong nhà v.v...

Đến đây anh Lương Yên mới ngã ngựa người ra. Nhớ lại, đầu năm ngoái, một lần anh đi khuân vác hàng cho một chiếc xe vận tải, anh đã vớ được một khẩu súng lục, không biết của ai để rơi trong một góc xe. Táy máy, thấy của hiếm, anh đã mang về nhà cất đi. Mấy tháng sau, một lần vợ chồng cãi nhau, anh lại quá chén nên say, đã vào buồng lấy khẩu súng ra dọa vợ, rồi lại cất đi.

Mãi gần Tết vừa rồi, nhà túng bán quá, anh đã gạ bán khẩu súng đó cho một ông chủ hiệu tạp hóa người Lào, ngay gần nhà anh với giá rẻ mạt là 200 đồng kít. Ông chủ hiệu tạp hóa đã biết rõ vợ con, nhà cửa của anh Lương Yên nên mới mua để phòng thân, giữ của.

Vì đây là một chuyện thực. Chắc hẳn, sau khi anh khai báo, Cộng Sản đã đến tận nhà ông chủ hiệu người Lào để xác minh. Khi họ đã biết rõ sự thật, nhất là anh Yên trình độ lại không biết đọc, biết viết. Nhưng đã trót bắt lầm anh rồi, đâu có thể thả trở lại Lào được nữa. Một cái lưỡi sống sẽ làm mất chính trị biết bao nhiêu, trong cái đám kiêu bào vẫn còn lơ ngơ chưa tin hẳn vào cụ Hồ và cách mạng. Bởi vậy, một mặt cứ vờ quả quyết Lương Yên đã làm chỉ điểm cho Sài Gòn mà không chịu khai báo; mặt khác, tổng Yên lên trại cải tạo, với cái lệnh tập trung thì đảng có mất mát cái quái gì đâu.

Vì tội trạng của Lương Yên như thế, nên ở trại Vĩnh Tiến cũng như trại này, sau hơn một tháng đến trại, là cho làm tự giác quét dọn, vệ sinh ở trong trại. Tự giác của Lương Yên ở đây là buổi sáng cũng như buổi chiều, anh phải quét dọn sạch sẽ trong toàn trại. Sáng một lần, chiều một lần được gánh cái rác bẩn đó ra một chỗ quy định, bên ngoài trại để đổ. Mặc dù mỗi lần ra vào cổng trại, đều phải báo cáo với công an vũ trang gác cổng.

Anh Lương Yên rất hiền lành tử tế, nhiều khi nghĩ đến anh tôi thật tủi lòng. Tôi hiểu rằng, anh đã ở tù 7 năm rồi, đã hơn 2 cái lệnh tập trung, nhưng cái tội của anh lại không thể tha được. Anh đã mang cái tội mà dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, lại không ít người mắc

phải. Đó là cái tội "Bị bắt lầm". Nếu thả anh về Lào bây giờ, về chính trị hại cho chế độ gấp trăm lần hơn là giam anh. Giam anh, thì chỉ có một gia đình anh bị thiệt. Vợ mất chồng, con mất cha và đời anh sẽ chết dần ở trong tù. Càng giam giữ lâu, thì lại càng không thả được nữa.

Tôi ra đến hội trường, rải rác đây đó, một số người ngồi chuyện trò hay khâu vá, anh Lương Yên ngồi mãi trong một góc khuất phía cuối. Thận trọng, liếc nhìn chung quanh, anh rút trong túi ra một cái phong bì đã bị bóc mất tem và một lá thư đã bị xé làm nhiều mảnh. Giấy đã nhàu nát, vàng khè, nhiều chỗ chữ đã nhòe nhoẹt. Tôi hơi chột dạ, cầm vội mấy mảnh thư lên coi, vì rõ ràng đây là nét chữ của tôi; nhưng tôi đã chột hiểu. Đây là lá thư anh Yên gửi về cho vợ con anh ở bên Lào mà tôi đã viết hộ anh, hơn 3 tháng trước.

Với nét mặt rầu rầu, tuy anh Yên nói nhỏ, nhưng giọng anh đầy uất hận:

- Sáng nay tôi ra đổ rác ở chỗ cái hũng đất mọi khi. Lúc tôi cào cho đồng rác cho gọn lại, thoáng nhìn thấy cái màu phong bì giống màu phong bì của tôi và khi cầm lên, thì rõ ràng là nét chữ của anh nên tôi đã lục tìm, moi móc nhặt hết về.

Nhìn mặt anh buồn rười rượi. Nhớ lại, tôi đã viết hộ anh cả thấy 3 lá thư, từ khi anh về trại này hơn một năm rồi. Do lòng nhân đạo của đảng và nhà nước, chiếu cố đến tình cảm gia đình của mỗi phạm nhân, nhà nước quy định cho mỗi người tù, được gửi thư về gia đình mỗi tháng một lần. Do đấy, cứ vào mồng một mỗi đầu tháng, mọi người trong toán nộp thư cho toán trưởng, rồi toán trưởng đưa nộp thư cho cán bộ của toán. Thư không được dán, để cho cán bộ duyệt. Đầu tiên là cán bộ toán duyệt rồi đưa lên cho ban giáo dục duyệt lại một lần nữa.

Hoàn cảnh của anh Yên cũng thật áy náy. Anh không có tiền, lại hiền lành chậm chạp, không có tài xoay sở, cho nên cứ ba bốn tháng anh mới gửi thư một lần. Bởi vì mỗi lần anh gửi một lá thư anh phải nhịn ăn sáng 3 ngày. Một suất sáng để đổi lấy phong bì và giấy, một suất để đổi lấy con tem và một suất sáng tặng cho người mà anh nhờ viết hộ lá thư.

Nhớ lại năm ngoái, lần đầu tiên tôi viết hộ lá thư cho anh. Anh đưa ra một cái túi vải, trong có một suất sẵn sàng, anh có nhã ý mời tôi ăn. Tuy tôi vẫn đói, nhưng tôi hiểu đó là phần sẵn buổi sáng của anh, anh phải nhịn, vì thế tôi từ chối không ăn. Anh cứ nằn nì mãi, để tôi phải đứng dậy nói dứt khoát: Nếu vậy tôi sẽ không biết hộ thư cho anh nữa, bây giờ anh mới chịu. Chậm chạp, anh móc trong túi áo ra một lá thư của vợ anh. Theo anh, đây cũng là lá thư đầu tiên và duy nhất sau gần 7 năm anh về thăm tổ quốc, quê hương yêu dấu. Hơn 3 năm xưa anh đã nhận được, khi còn ở trại tù Vĩnh Tiến. Tôi cầm lá thư đã nhàu nát, do thời gian và có thể do đã không biết bao lần anh mở ra "đọc" nó.

Nét chữ nguệch ngoạc, lời thư của một người vợ với một đàn 3 đứa con dại, ngày đêm thương nhớ chồng. Những giòng chữ mộc mạc, chân chất với nỗi khắc khoải của những đêm dài với vợ nhớ thương, làm cho lòng tôi cũng xốn xang, với đầy. Người chồng đã ra đi biệt biệt mãi không về, bỏ lại một đàn con dại với người vợ trẻ. Chị đã phải nai lưng ra làm thuê, làm mướn. Phải chịu bao nhiêu đắng cay, tủi cực, chồng chất lên nỗi nhớ thương chồng, thương con và thương mình, đêm ngày đầy với, ngơ ngác giữa cuộc đời.

Vì muốn trung thực trình bày rõ những nỗi nhớ, niềm thương của anh với vợ con anh, nên tôi phải gợi hỏi anh từng chi tiết, cụ thể. Làm sao tôi quên được, cứ mỗi lần ngồi viết thư cho anh. Hình ảnh một người, nếu gọi bằng anh thì quá già, nhưng gọi bằng bác thì quá trẻ vì anh mới khoảng 45 hay 46. Thời gian và những thương đau chất chồng của đời, đã vạch hằn trên lên trán, lên mặt anh nhiều vết nhăn. Chẳng hiểu trong lòng anh đã chất chứa, nén đầy hình ảnh vợ anh, con anh ra sao mà suốt lúc tôi viết thư, môi anh cứ run run mấp máy, mắt anh thỉnh thoảng lại đỏ lên, có lúc tuôn dài hai giòng lệ. Thậm chí, có lần quá xúc động anh gục xuống đôi tay khoanh để trên bàn, vai cứ rung rung thốn thốn, làm gián đoạn cả ý thư tôi đang viết. Những giọt nước mắt nhỏ xuống, cho vợ con anh hay cho đời anh? Của một kiếp người! Ai đã vùi dập, chia cắt gia đình anh?

Tôi mần mò ghép lại lá thư bị xé, để đọc lại. Lá thư không hề nói một tí gì về chính trị. Hoàn toàn chỉ là tình cảm, nỗi nhớ thương vợ chồng con cái. Tôi chợt hiểu, chính cái nỗi nhớ thương này, nỗi nhớ thương thì phải buồn, phải sầu, đấy là lý do lá thư bị xé. Người xé thư, cũng không quên lấy lại con tem.

Sau một hồi suy lý, tôi bàn với anh Yên, cái mục đích chính là làm sao cho chị nhận được thư của anh, để cho lòng của chị ấy đỡ khắc khoải đêm ngày. Vậy lá thư, chỉ cần viết sự nhớ nhung bình thường mà phải nói đến vui chơi, học tập tiến bộ, khỏe mạnh, miệt mài hăng say công tác, nỗ lực cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược v.v...

Chung quy, đã lại rơi vào cái bẫy của Cộng Sản,, dù hiểu chúng hay không hiểu chúng. Nghĩa là, chúng ta đã tự nguyện, tuyên truyền đặc lực không công cho chúng. Tôi cứ hình dung những người có trách nhiệm tuyên truyền của Sài Gòn ở Lào. Phần vì mãi hưởng lạc, hời hợt không có một kế hoạch tỉ mỉ, sâu sắc để lôi kéo lòng người. Phần khác, người ta không tin ai bằng tin người nhà của người ta cả. Chồng người ta, con người ta, họ sẽ tin hơn. Đây, lá thư của chồng người ta đã viết rành rành ra đây. Vậy mà bảo Cộng Sản xấu sao được. Một đồn mười, mười đồn trăm, cán bộ Sài Gòn nào mà tuyên truyền lại được?

Như thế, anh em tù nhân cứ viết thư, cán bộ cứ nhận thư, rồi gửi hay xé đi là tùy theo lá thư. Vậy nếu anh không tự hiểu, anh cứ viết đi theo kiểu của anh, rồi dài cổ ra mà ngóng thư trả lời.

Chuyện Về Trại Chính

Tháng 3/1970. Lúc này, về nghề mộc, ơn đảng và bác đã dạy cho tôi biết làm giường, bàn, tủ, ghế. Tôi đã trở thành một người thợ mộc chính dù chưa thể làm được những hàng mộc kỹ thuật, cao cấp như tổ kỹ thuật của Đinh Sơn.

Vì Mỹ đã thẳng thắn tuyên bố ngừng bắn phá miền Bắc và hẳn do những yêu cầu mới nào đó, trại rục rịch sẽ chuyển tù về trại xây, trại chính. Lê Văn Kinh, Nguyễn Văn Thú, Nguyễn Văn Bắc, tôi và một số người nữa được tách ra thành một nhóm theo bác Cát để tập làm nhà. Bác Cát đã có tay nghề 15 năm xàm nhà, dựng nhà ở miền Bắc. Bác bị bắt vì tội hoạt động trong đảng Liên Xã (Liên Minh Xã Hội) trong vùng Việt Trì, Phú Thọ. Bác bị bắt từ năm 1958.

Hàng ngày chúng tôi đi theo bác để tập xàm nhà. Làm nhà, tuy không luôn chân, luôn tay như làm mộc, nhưng rất nặng nhọc vất vả. Trời nắng hay trời mưa cứ phải phơi mặt ra ngoài sân. Hôm nay tôi phải tranh thủ, lén lút làm cho bác Tiến cái gối bằng gỗ. Cái kiểu gối giống như hình chữ nhân (X) để gối về mùa Hè cho nó mát. Thấy cái gối bác đang gối bằng một đoạn gỗ lim nặng chịch, tôi muốn làm tặng cho bác một cái gối kiểu mới mà không cho bác biết trước. Khâu làm đã phải lén lút che dấu, khâu đưa vào trại cũng không phải là dễ. Với người khác thì khó thật, nhưng như tôi đã trình bày ở trên, tên Tân trật tự kỳ này rất biết điều với tôi. Thường thường mỗi khi toán về đến cổng trại, lúc y khám, vuốt, mò vào bụng, mò vào lưng tôi, thấy trà hay cái gì vi phạm nội quy, y nhìn tôi một cái như muốn nói "tôi bỏ qua đấy nhé" rồi y tiếp tục khám người khác. Vì vậy tôi tin tôi có thể mang chiếc gối về trại cho bác được.

Nhớ lại lúc giao thừa đêm trừ tịch của ngày Tết vừa qua. Giữa lúc chiếc loa treo ở trên cửa buồng, tên Tôn Đức Thắng đang phều phào đọc bản diễn văn chúc Tết thì bác Tiến bò nhóm dậy. Bác thò tay sang màn tôi, đập vai gọi tôi dậy. Chẳng biết bác đã chuẩn bị từ bao giờ, bác rút trong túi áo ra một chiếc khăn mặt còn mới tinh. Một tay bác đưa chiếc khăn cho tôi, một tay bác đặt lên vai tôi, bác nói như thâm tình nhắn nhủ:

- Cháu Bình, đây là chiếc khăn mặt bác đã ủ trong người hàng tháng nay. Nhân dịp ngày Tết cổ truyền từ ngàn đời, linh thiêng của dân tộc, bác tặng cháu, để chuyển nhượng, để gửi gắm cho cháu những hoài

bảo mà bác còn đang làm dang dở cho quê hương. Thế hệ của bác đã về chiều tối rồi, nhiều việc bác không thể còn mà được nữa. Qua một số ngày bác trao đổi với cháu, bác tin tưởng rồi đây cháu sẽ phải làm được một cái gì cho đất nước, cho giống nòi.

Tôi thấy lòng xốn xang, bàng hoàng. Một nỗi sầu ray rứt, rỉ dần ra trong lòng tôi. Tôi là một tên vô danh tiểu tốt. Tôi đang bị sóng đời dìm vào đáy vực tăm tối, chẳng biết ngày mai, và cũng chưa biết sống chết lúc nào. Nhưng nhìn ánh mắt thiết tha trao gửi của bác, nhìn mái tóc đã trắng gần hết đầu, tôi đành nhận, nén chặt tiếng thở dài để cho bác vừa lòng. Tâm trạng của tôi như một người bị cụt chân, nhưng thấy một người già yếu đang ì ạch đẩy một chiếc xe bò lên dốc, lòng thì muốn ghé vai đẩy giúp mà khả năng không còn. Tôi cũng thông cảm với nỗi lòng của những người già, khi tuổi đã về chiều. Nhìn về phía trước, con đường còn dài ngút ngàn với vợ mà gối đã mỏi, chân đã chồn và sức đã tàn, lực kiệt. Chắc rồi đây cũng lại sẽ đến lượt tôi, nếu như tôi không chết trẻ.

Từ dạo theo bác Cát tập xàm nhà, để rộng chỗ đẽo và xàm, và cũng tiện chỗ để cho trâu kéo gỗ từ rừng về, chúng tôi được ra thao tác, lao động ở một bãi đất trống ngay cạnh lán thủ công. Không ngờ, vị trí của cái bãi này thật là tuyệt vời. Xa xa khoảng nửa cây số là cùng, trên chòm một ngọn đồi về phía Đông, có một cây tùng già to tướng. Không biết nó đã bao nhiêu tuổi, nhưng khắp vùng này chả có một cây nào to như nó. Mà cũng chỉ có nó là tùng mà thôi. Xa xưa chả biết ai đã trồng nó hay hạt giống từ một phương nào bay tới. Nó um tùm, kênh càng ra rất nhiều cành làm tím thẫm cả một ngọn đồi. Cứ sáng nào cũng vậy, nhất là vào những hôm trời trong vắt, không một vẩn mây. Tôi vừa lao động, vừa chờ mảnh mặt trời từ phía bên kia đồi mò lên, để có 15 đến 20 phút, được ngắm, được nhìn, được ngây ngất với cái kỳ ảo của thiên nhiên, của núi rừng.

Hôm nay cũng vậy, sau trận mưa dài một ngày, một đêm, núi rừng cảnh vật như được cọ rửa, lau chùi như mới. Trời cao xanh thẳm, chéo mãi phía Tây vài vẩn mây gầy lớn vờn như sương khói. Làn gió hiu hiu làm đong đưa vài chiếc lá sồi non phía trước mặt. Cảnh núi rừng của một sáng cuối Xuân, đầu Hè thật êm ả lạ thường. Vài tiếng hót "cọt kẹt" của mấy con chim sâu trong khóm vi lan dại càng làm rõ cái vắng lặng quanh hiu của cõi hồn.

Kia rồi! Mảnh mặt trời đỏ như một cục máu đã lấp ló dưới gốc của cây tùng phía đồi bên ấy. Vừa mới chăm chú để ý bác Cát chỉ cho cách xảm một đầu của cái xà thượng vào một cây cột quân, thế mà mặt trời đã leo lên tới cái chỗ tôi đợi chờ rồi. Liếc nhìn tên Sỹ, cán bộ toán, tay y đang chỉ trỏ nói chuyện với bác Cát ở góc chiếc lều con. Tôi ném vội cả cái bướm lẫn dùi vào thùng đồ nghề. Vờ chạy lại chỗ đồng lửa để hút điếu thuốc, nhưng mắt tôi đã hướng về phía cây tùng.

Lúc này vào khoảng 8 giờ. Mảnh mặt trời vừa chui vào cái chỗ nhiều cành lá rậm nhất của cây tùng. Trong cái đám xanh thẫm như một bức màn, từng chùm ánh sáng thọc xuyên qua những khe hở của cành lá, loe ra mọi hướng như lan quạt. Trông như những ánh đèn pha cực mạnh trong buổi tối trời. Chẳng hiểu nó phản xạ ra sao, chùm thì màu tím hồng hôn, chùm thì màu xanh cánh chả; chùm vàng như lúa chín, chùm đỏ, chùm hồng, có chùm tím ngắt như màu mắt giai nhân. Xuôi theo hai mé đồi, một màu vàng chói, óng ánh viền trên những ngọn núi. Một đàn cò trắng toát bay theo đội hình chữ "V" ngang lưng trời. Hồn tôi như luồn ra khỏi cơ thể để hòa lẫn vào thiên nhiên lung linh, mờ ảo.

Tôi liếc nhìn đây đó để tìm một ánh mắt ít nhiều đồng cảm với tôi trong lúc này, nhưng mọi người vẫn cắm cúi làm việc. Tưởng như cái đẹp hùng vĩ kỳ diệu này không hề có liên quan gì đến đời của họ. Lầu Phá Tra gò lưng với chiếc rìu đang đẽo cây cột cái ở phía đầu bãi đất. Không chịu được, tôi đã chạy đến kéo Tra nhìn về phía cây tùng. Anh ngẩng lên, mặt anh ướt đẫm mồ hôi. Vừa hỗn hển thở, vừa nhìn về phía cây tùng, đầu anh gật gật không nói một lời. Tôi buồn một giây, trở về chỗ làm việc vì cũng là lúc cái giây phút thần kỳ của tạo hóa đã qua rồi. Những ánh đèn pha đã tắt, những màu sắc mờ ảo lung linh đã loãng rồi. Mặt trời đã bò lên chỗ ngọn cao nhất của cây tùng.

Về đến chỗ làm một lúc rồi mà tôi vẫn còn băn khoăn mãi, không hiểu Tra gật gật đầu khi này là anh cùng đồng ý với tôi cảnh đó đẹp thật, hay ý anh định nói là anh đã nhìn thấy rồi? Tôi lại cúi xuống tiếp tục làm việc, nhưng óc tôi vẫn chày dài vào một ý tưởng so sánh buồn cười: Khi nhìn một cảnh thiên nhiên đẹp tuyệt vời, thì lại bảo là cảnh đẹp như tranh vẽ. Nhưng nếu nhìn một bức tranh vẽ thật đẹp, thật tài tình thì lại bảo tranh vẽ như cảnh thật.

Do những yêu cầu về chỗ ở, cho nên hầu hết toán 2 đều phải ra làm nhà hoặc phục vụ cho làm nhà. Nhiều những toán khác, trừ những

toán trực tiếp sản xuất ra lương thực không kể, còn hầu hết các toán đều phải bằm bã, đan tranh để lợp nhà.

Cuối tháng 8/1970, toàn trại E chuyển ra trại xây, vì ở ngoài ấy đã dựng xong 3 căn nhà và một căn bếp cho trại rồi. Khu kỷ luật cũ vẫn còn lại, như vậy những nét chính cho một trại giam đã hình thành: Có chỗ ở, chỗ nấu ăn và chỗ kỷ luật.

Trước ngày chuyển ra trại xây, lệnh ở trên cục Lao Cải (lao động và cải tạo) tha mười sáu người. Riêng toán 2 có hai anh được về: Lê Sơn, tập trung cải tạo 3 năm mà ở thành 11 năm. Thành Xuân Yên, tội chính chỉ có buôn lậu 5 kg chè búp với án phạt 6 tháng về hình sự. Nhưng khi tù bên hình sự anh lại hay chửi đổng, xuyên tạc chính sách nên trở thành phản động, bị tổng sang bên chính trị. Anh phải lãnh cái lệnh tập trung cải tạo 3 năm, nhưng anh cũng đã ở thành 8 năm rồi.

Tôi nhớ lại về anh Yên, trong dịp học tập "lập công chuộc tội..." ở trong tổ học tập một lần anh đã phát biểu: "Tôi thấy đời sống ở trong tù còn thoải mái, dễ chịu, bình yên hơn ở nhà, vì vậy tôi xin biết ơn đảng và nhà nước, tôi muốn ở tù mãi".

Buổi sinh hoạt có cán bộ chủ trì, lời phát biểu của anh có ghi biên bản. Nhiều người nhìn anh ngạc nhiên, nhất là tôi. Tôi nghĩ đây là một cách nói "lấy" của anh. Nhưng khi phát biểu, mặt anh rất chân thành, tỏ ra đây là ý nghĩ thực sự trong lòng anh. Tuy vậy tôi vẫn bán tín, bán nghi. Hôm sau tôi đã lựa lời hỏi riêng anh, anh đã giải bày tâm sự:

- "Anh thử tính xem, ở ngoài, tôi có vợ và 2 đứa con nhỏ với một mẹ già. Cả hai vợ chồng tôi đều làm cho hợp tác xã nông nghiệp ngay ở quê tôi. Năm nào cũng vậy, cứ chia bình quân đầu người, mỗi tháng là 14 kg thóc. Cả nhà 5 miệng ăn mà chỉ có 28kg thóc, ăn trong một tháng. Bữa cháo, bữa cơm cũng không đủ, rồi cảnh mẹ già thường bệnh hoạn, ốm đau. Vợ chồng tôi phải làm đêm, làm ngày, ngày ban đêm, giấc ngủ cũng không yên mà vẫn túng, đói nên tôi phải theo người ta đi buôn chè, để rồi bị bắt.

Tám năm tù. Hai năm sau ngày tôi bị bắt, mẹ tôi đã chết, vợ tôi đã bỏ nhà đi theo trai. Năm ngoái, đứa con trai 10 tuổi chết vì bệnh kiết lỵ. Còn lại đứa con gái 12 tuổi đang bị bệnh hen suyễn, sống lây lút trong hợp tác xã. Tôi mà được về bây giờ, tôi còn khổ cực, lo toan hơn ở đây nhiều. Trong tù tuy mất tự do, tuy đói, nhưng bữa nào cũng có

ăn. Về quê, lại là người mang cái tội phản động đi tù về nữa, chẳng ai cho mình làm ăn gì, cho nên tôi nói thực với anh là tôi không muốn về”.

Ngày chuyển trại, hôm ấy cũng thật là vất vả. Do anh em tù đầy lâu dài, nhiều năm tháng nên đã có kinh nghiệm. Theo nguyên tắc, đồng thời cũng là một kế hoạch của trại giam là mỗi khi chuyển tù từ trại này đi trại kia, cán bộ thường giữ bí mật tối đa. Nhiều khi họ còn tung tin hỏa mù, đánh lạc hướng để cho mọi người tù bị bất ngờ nhất.

Đợt này tuy chỉ chuyển từ một phân trại này qua một phân trại khác của cùng một ban giám thị, vậy mà anh em tù cũng không hề một ai biết. Tuy mọi người có nhiều kinh nghiệm nghe ngóng, thăm dò, bèn nhậy bắt, chớp từng hiện tượng, từng lời nói sơ hở của tụi cán bộ mà lại vẫn còn bị bất ngờ về cái không ngờ.

Thường thường nhà tù là hình thức của một xã hội thu nhỏ, cô đọng. Vì là cả một cuộc đời cho nên mỗi người đều có ít nhiều những cái riêng tư, bí mật. Tiền bạc, dao, lược, nợ nần, giấy tờ, hẹn hò v.v... Đùng một cái phải chuyển đi trại khác là mất luôn, thường là cả đời chả gặp lại nhau nữa.

Những tháng trước, do chuyển gỗ và dựng nhà ở trại xây, anh em ai cũng hiểu là sẽ chuyển trại, nhưng không biết khi nào. Khi mò mẫm, thu lượm những nguồn tin từ trăm tai, nghìn mắt của anh em đã nắm được ngày chuyển trại, cho nên ai cũng khôn khéo chuẩn bị ổn định những cái riêng tư của mình. Nhưng không ngờ ngay buổi sáng hôm ấy, khi ban giám thị có lệnh mang hết quần áo chăn, chiếu, công tư trang ra ngoài sân. Ai cũng lo buộc gói cẩn thận để kênh, gánh đi đường, thì bất ngờ được lệnh tổng kiểm tra. Đây là một điều rất hạn hữu, thông thường thì chỉ trại nào nhận tù đến mới khám, mới kiểm tra mà thôi. Chính vì thế, rất nhiều anh em bị tịch thu giấy tờ, sách vở (học Anh, Pháp văn lén lút) thậm chí cả tiền bạc.

Anh Bùi Tâm Đồng mặt nhàu như chiếc giẻ lau, rỉ tai thổ lộ với tôi: Anh có 2 tờ giấy 5 đồng (tiền ngoài xã hội, không phải loại tiền âm phủ của trại), anh đã hao tổn bao công sức đổi chác và giữ gìn từ mấy năm nay trong kế hoạch vượt thoát của anh. Thế mà, nếu anh không có cái nghệ thuật “búng” điều luyện thì chắc chắn sẽ bị vừa mất của mà còn phải đi cùm nữa. Nghĩa là chỉ cần một, hai giây, hay một cái liếc mắt, dù cán bộ đang vuốt, khám người anh, tiền vẫn có thể vo

viên búng đi xa hằng 5 – 6 mét mà không ai nhìn thấy. Từ trước người ta thường chú ý đến đối tượng cho vào miệng nuốt.

Khi ra đến trại ngoài, đã có 4 anh phải vào nhà kỷ luật. Ba anh vì tiền, một anh vì một lá thư có lời lẽ phản động, định lén lút gửi về gia đình, nhưng chưa kịp gửi. Còn lược nhôm, dao và đồ dùng thì bị thu vô kể. Toán 2 và 3 vẫn ở chung, cùng được chuyển vào nhà số một ở gần ngay phía cổng trại. Một chiếc cổng xây kiên cố 2 tầng còn lại không bị phá.

Như trên tôi đã nói, lúc này trại dốc toàn lực lượng để làm nhà và dựng nhà. Dựng nhà cho tù ở, lán cho tù lao động và dựng nhà cho cán bộ ở. Khu vực, đất đai trong vòng tường xây của trại rộng gấp 5, gấp 6 lần trại E. Do đấy từ buồng số I (phía gần cổng trại) xuống nhà bếp lấy cơm nước thật xa đến 300 mét. Bởi vậy, những ai phải phiên trực lấy cơm cho mâm, đều phải chạy mệt nhỉ.

Chỉ hơn 3 tháng sau, khi những làn gió lạnh mùa Đông ở mãi bên Trung Quốc bắt đầu mò về, đuổi dòng tộc những chú ve sầu đi về phương trời khác, thì trại đã tươm tất thành từng khu vực riêng biệt. Từ cổng trại đi vào, ngay phía tay phải là khu C gồm 3 căn nhà mới xây, kiểu cơ bản. Một loại nhà tường xây, lợp ngói, kèo, đòn tay...bằng gỗ xẻ vuông, lắp, ghép lại bằng đinh và bù loong (miền Bắc gọi là nhà kiến thiết cơ bản). Khi chúng tôi được chuyển từ trại E ra, thì đã có 3 căn nhà này rồi. Ba căn này vừa mới xây xong, mới lợp ngói và hoàn tất được 1 căn nhà, còn 2 căn nữa đang lợp ngói dang dở. Hẳn đây là những công trình mà công nhân bên ngoài đến làm. Chắc do sự ngăn cách giữa tù và công nhân xây dựng nên họ đã để lại cho tù làm tiếp. Mặc dù nghe nói như thế, nhưng chúng tôi chẳng thấy bóng dáng một người công nhân nào, có lẽ họ đã đi rồi khi chúng tôi đến.

Về phía tay trái là khu A, khu vực tù chính trị gồm có 4 nhà, mỗi nhà chứa hơn 100 tù. Đi vào nữa là nhà hội trường cho cả khu A và khu B. Khu B phía trong là khu tù hình sự, gồm có 5 nhà. Trừ khu C có 3 căn nhà xây cơ bản, toàn trại nhà đều bằng gỗ lợp phen nứa. Mỗi khu đều có hàng rào kín bằng nứa chẻ đôi, cao chừng 4 mét ngăn cách riêng biệt. Ba khu có 3 cái giếng riêng. Một cái giếng riêng cho nhà bếp nữa, như vậy toàn trại có 4 cái giếng nước.

Trên nguyên tắc, giữa các khu tuyệt đối không được liên lạc quan hệ. Dù vậy, với những cái tinh quái của người tù và những nhu cầu của

cuộc sống trong tù, vẫn có một số người dùng nhiều cách, lén lút liên lạc để mua bán, đổi chác: trà, thuốc lá, thuốc lào v.v...giữa hình sự và chính trị. Chỉ có khu C, mới có một căn hoàn chỉnh, tuy đã có tù ở nhưng cách một bức tường cao, chúng tôi chưa biết gì về những người tù trong ấy.

Chung quanh trại là bức tường xây bằng đá hộc cao 5 mét. Tuy vậy phía bên trong vẫn có một hàng rào nữa cao 1 mét rưỡi, cách tường 1 mét, gọi là hàng rào cấm. Không kể nơi cổng, chung quanh trại có 4 chòi gác của công an vũ trang.

Như vậy vào cuối năm 1970. Trại chính trung ương số I Phố Lu, Lào Cai hay gọi là K1, xấp xỉ trên dưới một ngàn tù nhân, trong đó có hơn 400 là tù chính trị. Trại lúc này, vẫn do tên Phạm Huy Tân tử trong trại E ra làm trật tự, cả khu A và khu B. K2 là trại nữ cách K1 khoảng hơn một cây số đường chim bay. Còn K3, K4 và K5 thường ở rải rác trong rừng. K này cách K kia chừng 4 – 5 km.

Được chuyển về trại xây, đối với tôi có ý nghĩa và thích thú là nhất là ở hội trường có một thư viện con con, do một anh tên là Phạm Thành trông coi, quản lý. Anh là giáo viên cấp 2, bị tội hủ hóa, thuộc bên hình sự. Điều này thật là bất ngờ đối với tôi. Trước đây tôi không bao giờ nghĩ tới và cũng chả có ai nói với tôi, trong trại giam lại có thư viện.

Tôi nhớ lại, sau ngày chuyển ra K1 này hơn 2 tuần lễ. Sau những ngày bận rộn túi bụi buổi ban đầu cho tạm ổn chỗ ăn, chỗ ở. Tôi chưa có thì giờ nhìn hình thể cái trại nó ra sao, chứ đừng nói mò mẫm ra hội trường làm gì.

Một buổi trưa, sau 4 giờ liền, lao động dựng nhà mệc nhọc, về nghỉ ăn cơm. Ăn xong, tôi xách túi bát đĩa vào buồng, chuẩn bị đánh một giấc ngủ ngày mười phút. Thoáng thấy anh Lê Liễu, nằm ở sà dưới đang mài mê đọc một cuốn sách thật dày. Trông thấy sách như trông thấy hoa, tôi xán đến. Đang nằm, quay lại, thấy tôi, anh bò nhồm dậy tươi cười, nói nhỏ:

- Ngồi chơi anh Bình!

Phần vì không muốn làm phiền những người bên cạnh đang ngủ trưa, phần khác, cũng chẳng muốn quấy rầy chính sự yên tĩnh của anh, nên tôi chỉ vào tập sách anh đã gập lại, hỏi khẽ:

- Anh đọc sách gì thế?

Lúc tôi hỏi anh cũng là lúc tôi đã nhìn thấy nhan đề cuốn "Chiến tranh và hòa bình" của Léon Tolstoi, khi anh đẩy cuốn sách nghiêng nằm ra. Bởi vậy tôi hỏi tiếp là sách của anh hay của ai?

Khi anh cho biết là trại có một tủ sách ở ngoài hội trường, tôi vội cảm ơn anh và đi ngay lên hội trường. Vì muốn qua sông nên phải lụy đò, vì yêu sách nên tôi phải yêu cả người coi sách là chuyện cuộc đời rồi, nhưng còn một lý do nữa cũng không thể bỏ qua: khi hai người cùng một sở thích thì thường mến nhau. Anh Thành thích sách và tôi yêu sách nên dễ dàng trở thành bạn.

Thư viện trại I, nói là thư viện là nói theo lối ăn to, nói lớn của Cộng Sản, chứ thực ra cũng chỉ có khoảng hơn 400 cuốn sách. Đa số là sách lý luận chính trị, rồi đến nông trường, nhà máy, khoa học kỹ thuật. Tuy vậy có một số sách dịch cũng đáng đồng tiền bát gạo: Ruồi Trâu, Sông Đông Êm Đêm, Người Thứ 41 v.v...dịch từ sách của các nước xã hội chủ nghĩa. Trong trại, giai đoạn ấy có một cuốn sách khó mượn nhất, vì thường có đến hàng chục người đăng ký chờ mượn rồi. Đó là cuốn "X30 phá lưới", một câu chuyện tình báo tưởng tượng khá ly kỳ, hấp dẫn giữa tình báo miền Bắc và nên đệ nhất Cộng Hòa miền Nam. Vai chính trong truyện là Phan Thúc Định, một tên điệp viên cao ráo, đẹp trai, học thức được cài vào cơ quan đầu não của chính quyền miền Nam. Nó tung hoành, xỏ mũi ông Nhu, bà Trần Lệ Xuân cho đến các tướng, tá. Thậm chí cả những tên CIA, Mỹ kếch xù, cũng bị Định dắt cho đi chơi mát.

Theo quy định, mỗi tù nhân được mượn một cuốn sách trong một tuần. Nếu cuốn sách nào hay, có khi phải đăng ký chờ 4 - 5 tháng sau mới được đọc. Nhưng như trên tôi đã thưa rồi, tôi và anh Thành đã trở thành bạn. Tôi nghiêm nhiên được đứng hàng thứ nhì trong 4 cái tiêu chuẩn, có nội lực vô cùng thâm hậu trong sinh hoạt xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt:

Nhất ngoặc (tiền)

Nhì thân (bạn, thân thuộc)

Tam thần (có quyền)

Tứ thể (quen biết những người có chức, có quyền)

Tôi chỉ chịu thua có đồng tiền. Vì đồng tiền càng trong một cái xã hội nghèo đói, thì uy lực của nó càng kinh hồn. Vì tiền là bà tiên, ông phật có khả năng hoán chuyển tất cả mọi vấn đề theo ý mình muốn. Tóm lại, tù sách trại I do anh Thành quản lý, tôi tha hồ thao túng, và cũng từ đây tôi miệt mài bạn bè với sách vở.

Tôi chuyển đổi ý đồ của Cộng Sản. Chúng dùng sách báo để tuyên truyền, cải tạo tư tưởng của phạm nhân. Tôi lại dùng sách báo của chúng như những điểm tựa, những cơ sở để thắp lên ngọn đèn pha soi sáng thực tế. Dần dần cho phép tôi nhìn sâu vào bản chất của chế độ Cộng Sản.

Đạo này nhân số của trại càng ngày càng đông. Không những ở bên phía khu B hình sự, cứ vài ngày lại có một nhóm tù đến mà ngay bên khu A chính trị cũng vậy. Hôm qua có một nhóm 4 người mới nhập trại. Hai người về toán 3 xẻ, hai người về toán 2 mộc. Qua dáng dấp và cách ăn mặc, tôi có cảm tưởng cũng là người của miền Nam như chúng tôi.

Quả vậy, sáng hôm nay, một anh được phân công đi theo tôi làm thợ phụ, học xàm nhà nên tôi đã hiểu sơ sơ: anh tên là Nguyễn Cao Sơn, chuẩn úy, sĩ quan Thủ Đức khóa 20. Án phạt 20 năm. Một anh nữa cũng ở toán 2 là người Tàu. Anh tên là Trương Năm Tráng, án phạt 12 năm. Hai người nữa ở toán 3 (xẻ) là:

Nguyễn Như Ánh – Án phạt 15 năm.

Trần Quốc Quang – Án phạt 10 năm. Anh này cũng là người Tàu, nói tiếng Việt còn chưa rõ.

Mấy hôm sau, tôi nghe dư luận: nội vụ của toán biệt kích này, có một vài ả khúc không bình thường. Tôi chủ trương, sau này có dịp sẽ tìm hiểu kỹ lại.

Một Căn Bệnh Thần Kỳ

Chiều hôm qua, một câu chuyện của anh Lê Văn Bưởi làm cho tôi và có lẽ cả khu A chính trị không thể quên được. Như tôi đã nói trước đây, khi còn trong trại E, anh Bưởi cứ lẻo đẻo cặp vở theo học lớp 2 bổ túc văn hóa vào những buổi trưa của trại. Lúc đầu còn nhiều anh em bàn tán, xâm xì; nhưng mãi rồi cũng thôi. Phần tôi nhìn về anh, vì anh và tôi càng ngày càng thân hơn do giống nhau ở nhiều điều kiện nên được nhiều chi tiết cụ thể hơn. Những tháng đầu anh mới chuyển về trại E, mặt anh thường tươi vui phấn chấn. Có thể vì anh còn đang ấp ủ một niềm hy vọng tràn trề trong lòng theo như anh đã tâm sự với tôi: "tôi có rất nhiều công lớn với đảng và nhà nước". Nhưng rồi niềm hy vọng của anh cứ phai nhạt dần theo thời gian, để rồi chính anh cũng chẳng còn bao giờ nhắc điều đó với tôi nữa.

Sau khi chuyển ra trại xây, trại chính này hơn một tuần. Một đêm mưa rơi tầm tã làm thao thức, khắc khoải bao tâm hồn người tù. Sáng hôm sau, cái chân phải của anh Bưởi, không hiểu vì sao đó bị co rút gập lại, anh không đi lại được nữa. Cán bộ và y tế vào buồng khám, chỉ thấy anh rên rỉ, kêu la đau đớn. Họ nắn bóp, sờ mó chân anh nhưng chưa thể kết luận là bệnh gì. Nhìn cảnh sinh hoạt của anh ai cũng mũi lòng, thương hại.

Theo quy định của trại, ban ngày không ai được vào nhà cầu trong buồng để đại, tiểu tiện. Và lại người làm vệ sinh đã lấy thùng đi từ sáng sớm rồi. Mọi người ốm bệnh ở lại buồng đều phải ra nhà cầu công cộng của trại. Anh Bưởi không đi được, nhẩy lò cò thì đau đớn, vì thế nhiều lần anh phải bò, lết đi ra rửa ráy. Những hôm nắng ráo đã đành, vào những ngày mưa dầm ướt át thì thật khổ khổ cho anh. Cũng có nhiều anh em thông cảm, trông thấy nên đã dắt dẫn anh đi.

Phải nói tôi rất thương anh. Anh cũng như tôi, một thân, một mình chẳng may rơi xuống vực thẳm của đời, đành làm lũi, lê kiếp sống lầm than trong ngục tù tăm tối đã thối ruỗng, não nề cõi lòng rồi. Bây giờ lại bị bán thân bất toại nữa thì còn cay đắng tủi cực đến đâu.

Chính vì thế, nhiều đêm tôi đã chui sang màn anh, thăm hỏi, ủi an, xoa bóp chân cho anh, đã nhiều lần tôi phải cõng anh ra nhà cầu của trại, cũng như ra rửa ráy, giặt giũ. Hơn một tháng sau, hôm ấy, khi toàn trại đã đi lao động có một trung úy là bác sĩ trên tỉnh (Lào Cai) vào buồng khám bệnh cho anh Bưởi. Ông bác sĩ, có cán bộ y sĩ trại là

thượng sĩ Thìn đi theo. Sau đấy, cả tên Đức trưởng ban giáo dục trại, rồi Thạc y tá của trại. Một đoàn người kéo vào buồng I để khám bệnh cho anh Bưởi.

Người ta dùng ống nghe, dùng vỗ con gõ, đập khớp xương. Cuối cùng, một người khoác nách, hai người cầm chân anh Bưởi, họ ra sức kéo thẳng ra. Anh Bưởi đau đớn, kêu như bò rống, nhưng khi họ bỏ chân anh ra, nó lại gập lại như cũ. Phần vì không có thuốc để tiêm, phần khác không có đủ phương tiện để khám nghiệm cho nên chân anh Bưởi cứ đành bị gập như vậy. Cứ như thế kéo dài 3 - 4 tháng sau. Dĩ nhiên là anh Bưởi không đi lao động được.

Anh được ban giám thị cho tổ kỹ thuật của Đỉnh Sơn làm cho anh một cái nạng gỗ thật nhẹ và đẹp. Từ đấy cuộc đời anh đỡ nhiều nỗi khó khăn trong sinh hoạt. Trong buồng, nhất là những anh nằm gần anh Bưởi, họ nhìn thế nào về anh thì tôi không được biết, riêng tôi, cũng có lần tôi đặt vấn đề suy nghĩ. Tất nhiên, trong cuộc sống của con người, ai cũng đầy rẫy những vấn đề phải lo lắng suy nghĩ rồi, đâu cần bận tâm suy nghĩ về những câu chuyện của người khác. Nhưng sự việc cứ bày ra trước mắt hàng ngày, nên rồi cũng có lần phải suy nghĩ tới. Nếu anh Bưởi không có bệnh, chân anh cứ co quắp suốt ngày đêm như vậy, thì làm sao anh chịu được. Nó sẽ bị tê buốt nhức nhối. Có lẽ những tên cán bộ giáo dục và những tên cán bộ y tế, cũng nghĩ như thế. Cho nên, một hôm chúng nó lại xuống buồng dùng băng quấn chặt chân anh Bưởi lại. Chúng xỏ lá nói là phải buộc như vậy để cái máu tê xuội nó không thể chạy lung tung khắp người, có khi nó còn chạy sang chân bên kia nữa.

Tôi nhìn anh Bưởi mà thương hại anh, nếu anh bị thật thì không nói làm gì, nếu giả thì không biết anh sẽ bị khó khăn như thế nào. Phải nói vì chuyện này, mà đã từ lâu tụi cán bộ giáo dục, đã gọi hầu như lần lượt khắp buồng lên để hỏi về anh Bưởi. Ngay chính tôi, đã 2 lần khi chúng gọi tôi lên để giáo dục, tên Đức đã hỏi tôi có nhận xét gì về cái chân của anh Bưởi. Một lần khác tên Tập trung sĩ (tên này là cán bộ giáo dục mới ở đâu về) cũng hỏi tôi về cái chân anh Bưởi. Trong lòng tôi, thực sự cũng có nghi là anh Bưởi làm giả, nhưng tôi nghĩ rằng: thứ nhất, đây là một chuyện vô thường, vô phạt đối với mình; thứ hai, dù anh Bưởi có làm giả thì đó là một chủ trương của anh, một hình thức đấu tranh của anh đối với Cộng Sản. Nếu bất cứ ai có ý thức với đường đi của mình thì đều phải giúp đỡ anh, bao che, tạo điều kiện cho anh.

Tuy vậy, để khỏi mang mỗi ưu lo về sau với một việc làm mà tôi đã cho rằng chưa đủ thấu quát, nên tôi đã đều trả lời:

- Tôi nằm ở sàn đối diện, nhiều đêm tôi thấy anh rên la ghê lắm! Chính tôi cũng thông cảm và giúp đỡ anh nhiều lần. Nhưng như ông đã biết đấy, hàng ngày tôi thường nỗ lực lao tác dựng nhà. Về buổi tối chỉ đọc sách rồi mệt thì ngủ, nên tôi không biết rõ lắm.

Từ ngày chuyển ra trại chính này, Hoàng Thanh đi đâu biệt không thấy mặt. Nhiều lần ban giám thị xuống nói chuyện với trại ở ngoài hội trường, chỉ thấy tên Toán, Chuân, Mạch mà không thấy bóng dáng Hoàng Thanh đâu. Có lẽ y phải chuyển đi nơi khác! Hoặc có khi y buồn, vì không mang được cái tác phẩm kỳ vĩ của y là cái cùm hộp ra trại chính này, cho nên y đã bỏ đi chăng?

Mới hai tuần trước, tôi thoáng thấy cái dáng cao lênh khênh của y lững thững từ phía cổng trại đi xuống khu nhà bếp. Trông xa từ gần 200 mét, rõ ràng chiếc lon trên cổ áo của y còn tươi đỏ như máu, có 3 ngôi sao vàng lấp lánh mới toanh. Như vậy y đã lên thượng úy rồi. Đạo này những buổi sáng và những buổi chiều khi toàn trại đã đi lao động, đã có nhiều người được lệnh ở lại trại để đi gặp cán bộ. Tuy trước đây hàng ngày vẫn có người phải ở lại gặp cán bộ giáo dục nhưng từ ngày Hoàng Thanh về, mật độ đã dày hơn. Anh Bưởi bị Hoàng Thanh gọi lên gặp mấy lần. Và chiều hôm qua khi chúng tôi đi lao động về thấy anh Bưởi không đi nạng nữa. Anh mang quần áo ra giếng tắm rửa như một người khỏe mạnh bình thường. Tôi và nhiều anh em khác mở to mắt ngạc nhiên, thì Nguyễn Văn Gôm và Trần Như nghỉ ốm ở nhà đã cười rộ lên, Gôm nhanh nhẩu:

- Hôm nay Hoàng Thanh gọi anh Bưởi ra ngoài chỗ khu ban giám thị. Chẳng hiểu Hoàng Thanh đã dùng phương cách gì, hay nói năng với anh Bưởi ra sao, chỉ biết khi anh trở về trại, anh đi đứng bình thường, và chiếc nạng chắc Hoàng Thanh giữ lại để làm kỷ niệm.

Nói đến đây, Gôm lại cười hô hố nói tiếp:

- Nghe đâu Hoàng Thanh đã ra lệnh cho anh Bưởi phải khỏi cái chân ngay lập tức, nếu không y sẽ thẳng tay trừng trị. Và anh Bưởi đã chấp hành lệnh của Hoàng Thanh để khỏi cái chân thật, sau gần 6 tháng què.

Câu chuyện què chân của anh Bưởi, làm cho anh em trong trại đùa vui như một giai thoại của nhà tù. Sau này thỉnh thoảng tôi nghĩ đến hành động này của anh Bưởi. Có thể tôi đã nhìn sai? Anh Bưởi làm như vậy để giải quyết điều gì? Phải chăng để cho Cộng Sản thấy anh què, sẽ tha anh? Hay anh làm thế để khỏi phải đi lao động? Kết hợp với việc đi học lớp 2, bổ túc văn hóa của anh, tôi cứ nghĩ rằng: Đây là hành động của một người nhìn việc đời chỉ từ một góc độ, trong khi thường phải nhìn từ rất nhiều phía.

Những Chiếc Trục Thăng Giấy

Đang từ một khung cảnh nhỏ của trại E, toán 2 được chuyển về trại chính này như bị rơi tồm vào một thế giới to rộng, bao la. Đã 5 – 6 tháng trôi qua rồi, đã hết cái mùa Đông u buồn lạnh lẽo để bước gần tới ngưỡng cửa của cảnh trời Xuân. Trong một cái trại có hàng nghìn phạm nhân với bao nhiêu khu vực khác nhau. Mỗi một ngày là bao nhiêu chuyện xảy ra, vậy mà hầu như tôi rất ít biết; chỉ vì tôi cứ miệt mài vào sách với vở. Nhất là kỳ này, sau khi có bao nhiêu tập sách hay của cái thư viện con con này tôi đã lục lọi đọc hết. Bây giờ chỉ còn các loại con cá, lá rau như: Anh Hùng Lúp, Bế Văn Đàn, Lê Văn Tám, Nông Trường, Hợp Tác Xã với những tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa v.v... Thành thực mà nói dù đói (tinh thần) tôi cũng không thể ngón những loại này được. Còn một loại sách nữa, cũng rất nhiều người không đọc, cá biệt có một ai đó cũng ra vẻ ta đây có trình độ, có tư tưởng sâu sắc, mượn một vài cuốn về thì lại cũng vút lây, vút lất ở sàn trên hay sàn dưới trong buồng. Có ai nhìn thấy, mó đến, lật một vài trang rồi cũng vất lại chỗ cũ. Đó là những sách triết của các nhà lý luận tư tưởng của chủ nghĩa Cộng Sản.

Bản thân tôi cũng vậy. Tôi thèm đọc sách lắm, vì đó là một sở thích của đời tôi, thế mà mỗi khi rờ đến những loại sách đó tôi cũng thấy chán. Phần vì tôi đã học triết bao giờ đâu. Tuy thời gian hơn một tháng ở số 2 J. Jacques Rousseau bên Chợ Lớn, cũng tí toe, ngúng nguẩy một tí với triết chứ đã biết quái gì đâu. Phần khác, sách triết vừa khô khan khó hiểu, có khi đọc cả trang mà chả hiểu gì. Nào những thượng tầng kiến trúc, những hạ tầng cơ sở; nào những bản chất với hình thể v.v... cứ rối rít, tít mù cả lên.

Nhưng hết sách rồi, tôi buồn quá! Tôi cảm thấy cuộc sống ở trong tù khô cằn hết hẳn ý nghĩa đi. Và vào một ngày Chủ Nhật đó, tôi đã vớ đại một cuốn: Sự Khốn Cùng Của Nền Triết Học Đức. Tuy không hiểu lắm nhưng cứ nhồi đại vào, nhưng càng đọc óc tôi càng sáng ra. Rồi những học thuyết này, những tư tưởng kia. Những chủ nghĩa này đối kháng, mâu thuẫn với chủ nghĩa kia v.v... Lénine chửi Trosky, mạt sát Causky; Causky rửa sả Lénine. Người này viết sách lý luận chửi người kia, tôi muốn biết vì sao mà họ chửi nhau, họ chửi thế nào? Đúng hay sai? Thế là dần dà, tôi mê mết, say sưa vào những cuốn sách loại đó.

Ngày đi lao động, trưa, tối, những ngày nghỉ, tôi chỉ ngoại giao với tên trật tự Tân, để bí mật có tí dầu lửa (điều này chả có khó khăn gì

giữa Tân và tôi). Đốt một ngọn đèn con, chụp đèn bằng cái lọ peniciline cắt thủng đất. Tối nào tôi cũng đọc sách đến 10 giờ, thi đua với Nguyễn Văn Gôm. Gôm học toán, tôi xem sách triết. Tôi cũng làm những bản thu lượm những tư tưởng chính của từng cuốn sách.

Trong trại tù, sách hiếm hoi, có cuốn này thì thiếu cuốn kia. Anh em khác làm đồ tư cho cán bộ như cái thước kẻ, thước mét, cái hộp con v.v... để mong cán bộ cho gói trà, bao thuốc lá. Nhưng tôi chỉ mong cán bộ mượn cho những cuốn sách mà tôi cần, ở trên thư viện của cơ quan.

Tôi đường hoàng ghi chép vì tôi đã dùng sách để cải tạo tư tưởng còn đầy rẫy lạc hậu của tôi đúng như ý đồ của họ. Như vậy là tôi tiến bộ quá ấy chứ, tôi còn sợ gì? Như trên tôi đã trình bày, chỉ vì mãi mê vào sách vở cho nên rất nhiều sự việc xảy ra ở trong trại, có khi ngay chung quanh mình mà tôi chỉ ồm ờ nghe. Nhưng có một sự việc tôi không thể bỏ qua.

Khoảng cuối tháng 11, đầu tháng 12/1970. Không khí sinh hoạt của trại khác hẳn, nhất là bên ngoài trại phía cán bộ. Những toán tự giác như lâm sản, có lệnh nghiêm ngặt phải có mặt ở trại trước 5 giờ chiều. Tù đi lao động ra vào trại bị kiểm soát gắt gao. Bên ngoài, xa xa trên những ngọn đồi cây chung quanh trại, lấp ló đây đó là những chiếc trực thăng bằng giấy, làm to như thật. Có đủ cánh quạt và màu sắc cũng như những chữ số để phân ra từng loại máy bay. Không ai có thể suy đoán được, họ làm như vậy để làm gì, nhất là đã lâu để làm gì, nhất là đã lâu rồi trại không có đài hay báo chí.

Đêm đêm, có những tràng súng trung liên, tiểu liên, thậm chí cả đại liên đã khua động lòng người tù. Người ta bàn tán, nào là đảo chính ở Hà Nội, nào có rất nhiều truyền đơn rải ngay chung quanh trại v.v...

Tôi hiểu đây là những nguồn tin có thể từ những tụi cán bộ rỉ tai tung ra. Nhưng cũng có thể từ ngay chính anh em ở trong tù. Do sự bế tắc cùng khổ của đời tù tội, người ta thường mơ ước, tưởng tượng, hình dung những điều tốt đẹp đến với họ, từ một sự tưởng tượng của một cá nhân nào đó. Thí dụ: một anh đêm nằm không ngủ được, nhìn thấy những hiện tượng súng nổ, cán bộ ra vào nghiêm ngặt...lại không biết rõ lý do nên anh ta suy đoán: bên ngoài xã hội, trong chính quyền có phe thân Liên Xô, phe thân Trung Cộng; phe này lật đổ phe kia thì dứt khoát cuộc đời mình sẽ thay đổi. Sáng hôm sau, anh đó gặp một người

bạn thân, vẫn thường trao đổi, bàn bạc tình hình mỗi khi có một hiện tượng lạ. Anh này kể lại sự suy đoán của anh ta, nhưng để cho người bạn chú ý đến lời nói của mình, ý kiến của mình hơn, anh đó đã nói với vẻ như thật là anh đó đã bí mật nghe được từ tự giác, hay của cán bộ v.v... Anh sau lại tiếp xúc với một người bạn thân khác. Anh đã kể lại sự việc hoàn toàn như một nguồn tin, không còn là một sự suy đoán nữa, không quên thêm vào, bớt ra cho câu chuyện có vẻ tình tiết. Và cứ như vậy, truyền miệng, rỉ tai. Trong một trại giam, phương pháp thì thầm, rỉ tai này thật hữu hiệu. Tụi cán bộ trại giam dùng nó bao giờ cũng đạt kết quả theo ý muốn. Sau này sẽ minh chứng dần bằng những người thực, việc thực cụ thể.

Từ hơn 1 tháng nay, tôi lại được chuyển về làm mộc ở trong lán thủ công. Lán thủ công ở đây rộng gấp 2 lần lán thủ công của trại E, nhưng cũng chỉ có hai toán như cũ: toán 3 xẻ và toán 2 mộc. Ông cán bộ toán 2 kỳ này là Lê Trí Miễn. Da y đen đen, tuy còn rất trẻ, chỉ khoảng 24 – 25 tuổi, nhưng tôi vẫn gọi là ông. Khác với tên Sỹ chó chết trước đây đã đi đâu mất tiêu rồi. Chưa hiểu sau này ra sao, nhưng ngay từ những ngày đầu, qua những ánh mắt, cử chỉ, tôi thấy có thiện cảm với ông ta. Và chính ông Miễn cũng dành cho tôi nhiều điều đặc biệt. Nhưng phải nói đặc biệt nhất lại là ông cán bộ toán 3. Tên ông ta là Tụ. Tôi có thiện cảm với ông Miễn hơn ông Tụ, nhưng ông Tụ lại mến tôi và tin tưởng tôi một cách mà tôi không ngờ được.

Ông Tụ phụ trách toán 3. Tuy toán 3 cũng có nhiều biệt kích, nhưng ông ta không có liên quan gì với tôi cả. Lúc đầu, tôi quen biết ông chỉ vì ông ta nhờ tôi bào cho mấy cái thước kẻ (phải có kỹ thuật tốt mới làm được thước). Ông ta cho tôi mấy điều thuốc lá Tam Đảo. Tôi không nhận, lại nhờ ông mượn sách. Rồi qua một vài quan điểm trao đổi; càng ngày ông ta càng có thiện cảm với tôi. Tôi vẫn dè dặt, và lại như tôi đã nói, tôi có thiện cảm với ông Miễn hơn.

Cho đến một buổi, tôi ra chỗ nhà cầu cuối lán thủ công để đi cầu. Rõ ràng tai tôi nghe nho nhỏ giọng hát quen thuộc ngày xưa của Thanh Thúy. Vừa tò mò, vừa ngạc nhiên, tôi men theo một bờ cỏ tiến dần về phía giọng hát từ ở một cái nhà con, chỗ làm việc của cán bộ toán 3. Căn nhà làm việc đó cũng bằng căn nhà con làm việc của cán bộ toán 2. Hai căn làm giạt lại phía sau cách xa lán xẻ và lán mộc. Hai căn dựng cách nhau khoảng 50 mét.

Nhìn vào căn nhà đang có tiếng hát, tối om, cửa đóng kín. Tuy chỉ là vách nứa, lợp tranh nhưng cũng kín đáo. Bây giờ tôi nghe rõ ràng là bài "Chiều mưa biên giới" do ca sĩ Thanh Thúy hát. Ôi, giọng hát là lướt, truyền cảm nồng đượm như ánh nắng mùa Đông sưởi ấm những cỗi lóng khắc khoải, bằng giá đã cuốn chặt hồn tôi. Cả một nỗi niềm chất chùng thương nhớ về miền Nam thân yêu đã nén chặt trong lòng tôi nhiều năm, hôm nay đã tủa ra thành giọng hát ngọt ngào thương yêu ruột thịt. Tôi gục đầu vào sau vách cho hồn chày dài vào lời ca tiếng nhạc. Bất chợt, cánh cửa sổ trên đầu tôi mở ra làm tôi choáng váng. Ông cán bộ Tụ cũng mở to mắt nhìn tôi. Hai mặt chỉ cách nhau 50 phân.

Như tên trộm bị chủ nhà bắt quả tang ở trong nhà. Tôi còn lúng túng lựa lời chống đỡ rồi tìm cách chuồn thì ông ta nhỏ nhẹ thân tình:

- Anh Bình đấy à, vào trong này!

Tôi đang lo sợ bị truy, chụp về tư tưởng, không ngờ còn được ông gọi vào trong nữa chứ. Đắn đo một giây rồi quyết định đi vào.

Vừa bước qua ngưỡng cửa, ông đã đóng chốt then cửa phòng lại. Ông chỉ chiếc ghế đầu vẫn thường dành cho phạm nhân ngồi, nói nhỏ:

- Ngồi đi!

Cũng là tiếng "ngồi đi" như nhiều những cán bộ khác vẫn bảo tù, nhưng qua giọng và cách nói hôm nay của ông Tụ, tôi có cảm tưởng khác thường. Nó dịu êm, thân mật như của một người bạn đối với một người bạn.

Quả vậy, gần nửa giờ ở trong phòng của ông Tụ có lúc nghe nhạc, có lúc nói chuyện tình cảm giao du giữa một người và một người, chứ không phải giữa cán bộ với tù nhân. Rồi từ buổi ấy, thỉnh thoảng tôi lại lĩnh sang gặp ông, vì cùng trong khu thủ công. Và lại phạm nhân mà gặp cán bộ thì có gì là khác thường đâu. Những giữa tôi và ông Tụ, tuy không ai nói ra nhưng hai bên đều tự hiểu, sự quan hệ này chỉ là riêng hai người chẳng nên để cho bất cứ người thứ 3 nào biết.

Chẳng hiểu ông Tụ có những cái nhìn, những nhận định thế nào về tôi, có lần ông ta dám nói một ý với tôi thật là táo bạo: "Mỹ không hiểu biết gì về miền Bắc cả. Mỹ cứ ném bom thế này thì giải quyết cái

gì? Nếu Mỹ và Sài Gòn đem quân đánh thẳng ra đây thì sẽ có đại đa số người dân đi theo, trong đó có tôi." Trong lòng tôi thì ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, nhưng để bắt kịp một chỗ nối đổi màu, mặt tôi thản nhiên, đầu tôi gật gật, tôi giơ một ngón tay cái ra trước mặt ông ta, giọng tôi trầm trầm: "Ông có cái nhìn thật là sắc!"

Thái độ đó của tôi, cũng muốn nói ý với ông Tụ là: "Tôi đã hiểu anh, cứ tự nhiên và anh yên tâm. Anh đã gặp một người có ý thức và có tâm hồn, dám chịu thiệt hại đối với người tri kỷ lắm."

Sau đó, sự quan hệ giữa tôi và ông Tụ, tuy không dầy, chỉ thưa thớt bề ngoài nhưng có chiều sâu. Do đó qua ông, tôi đã biết thêm cũng như xác minh được một số tin tức bên ngoài.

Chính vì vậy, ngay từ đầu tháng 12/70 qua ông Tụ, tôi đã được biết sơ dĩ tất cả các trại giam trên miền Bắc đều phải thực tập canh gác, báo động đêm ngày. Phải làm những trực thăng quân sự giả, nhưng cũng có chỗ là thật, để đánh lừa không ảnh của máy bay Mỹ. Bởi vì Mỹ đã bất ngờ cho máy bay trực thăng xuống một trại giam ở Sơn Tây đã được di chuyển đi 3 - 4 tháng trước đấy rồi. Trại giam đó nhỏ, bây giờ chỉ nốt tù hình sự mà thôi.

Gần 3 giờ sáng ngày 21 tháng 11, có 6 trực thăng của Mỹ, thành linh đến trại giam Sơn Tây. Hai chiếc đáp xuống bên trong trại giam, 4 chiếc vòng đảo trên trời để bắn phá bộ đội tiếp viện bên ngoài. Chúng bắn chết một số bộ đội canh gác trại, phá khóa các buồng giam, nhưng bên trong toàn là tù hình sự. Sau gần nửa giờ lùng xục, chúng chẳng tìm được một tên phi công nào. Khi tháo lui, một chiếc trực thăng bị gãy cánh quạt vì vướng cành của một cây bàng, phải nằm tại chỗ ở trong sân trại. Báo hại, họ đã bắt theo cô Nguyễn Thị Linh làm văn thư mang vào Nam. Cô Linh lại là cháu ruột của đại úy Côi, giám thị ở K3 thuộc trại Phổ Lu này.

Khi về trại, tôi chỉ kể riêng cho Gôm và Quốc Anh nghe mà thôi. Gôm cứ xuýt soa ca ngợi số phận của cô gái có cái tên là Linh. Bất ngờ cô ta đã "linh hồi" lạ từ một cảnh đời nhầy nhụa, đối khổ sang một cảnh đời ngọt ngào sắc hương. Tôi thì nghĩ, có thể cô Linh còn sang đến tận xứ Cờ Hoa ấy chứ, vì tình báo Mỹ phải cần cái lưỡi sống của cô.

Còn một tin tức đặc biệt nữa cũng do ông Tụ đã làm tôi ngỡ người ra vì ngỡ ngàng. Đó là phi thuyền không gian Apollo 11 do hai phi

hành gia người Mỹ đã đổ bộ xuống mặt trăng vào tháng Bảy năm 1969. Chắc hẳn thấy thái độ của tôi còn đầy băn khoăn nên ông Tụ đã vào góc phòng lục trong đồng báo cũ lấy ra một tờ Quân Đội Nhân Dân rồi chỉ vào một góc phía dưới của tờ báo:

- Đây này, anh đọc đi!

Chỉ có 2 giòng chữ đơn giản ở mải cuối tháng 3: "Sau nhiều lần thất bại, ngày...tháng 7 năm 1969, phi thuyền Apollo 11 của Mỹ mang 2 phi hành gia là (tôi quên tên) đã đổ bộ xuống mặt trăng." Nguồn tin này, về trại tôi chỉ kể riêng cho bác Tiến, bác Lãm và Gôm nghe, nhưng chỉ vài ngày cả trại đã thì thầm bàn tán. Phải nói kỳ đó hầu hết chúng tôi đều bàng hoàng suy ngẫm về con người, đã đặt chân lên cung Quảng đánh dấu một kỷ nguyên mới cho nhân loại, vậy mà hơn một năm sau chúng tôi mới biết.

Một Chuyện Tình Hi Hữu

Chả biết Gôm xoay xử quan hệ sao đó, quen được với anh Khuê là thư ký nhà bếp. Nghe đâu 2 người cùng ở Hà Nội lại đã biết nhau từ khi chưa đi tù. Chính vì thế Gôm biết được một câu chuyện tình đặc biệt ở dưới khu nhà bếp. Tối hôm qua, trước khi Gôm kể lại cho tôi nghe câu chuyện đó, Gôm đã hỏi tôi:

- Anh Bình có còn nhớ, hơn 2 tháng trước, cái nhà hủ ở khu cách ly phía cuối trại bị cháy không?

Tôi vừa cười, vừa nhìn Gôm, chưa hiểu mục đích của Gôm định nói cái gì, vì vậy, tôi vẫn trả lời thăm dò:

- Anh chàng Lộc hủ trốn tù chứ gì?

Gôm trề môi xuống:

- Đấy, đấy...Câu chuyện tình bắt đầu từ đấy đấy!

Tôi buồn cười vì anh chàng này dùng nhiều chữ "đấy" quá. Đời tù khô khan như nằm trên nồi rang, tôi cũng muốn nghe một câu chuyện tình cho đời thêm âm ấm lại. Hơn nữa, câu chuyện tình này lại ở ngay dưới nhà bếp, vì vậy, tôi háo hức giục Gôm:

- Bạn cứ kể đi, khỏi cần phải mở đề nữa!

Nhìn anh chàng Gôm cứ mó cái này, xếp cái kia, tôi nóng cả tiết. Tôi biết tính anh chàng ngày là như vậy. Cứ gọi một câu chuyện, cho đến khi nào người ta thích nghe là anh chàng bắt đầu khệnh khạng, làm điệu. Biết tổng như thế, nên tôi đứng dậy định trèo xuống sàn:

- Thôi, tôi đi về chỗ đọc sách!

Gôm vỗ cả 2 tay kéo tôi lại, miệng hềnh hệch:

- Thôi mà, xin huynh đừng nổi giận hết cả đẹp trai đi!

Tôi ngồi lại mà niềm thích thú cứ rung mãi ở trong bụng. Nếu Gôm biết rằng, Gôm chẳng kéo lại thì tôi cũng ở lại, để giục Gôm kể câu chuyện tình ở trong tù ấy bằng được. Gôm đã kể nội dung câu chuyện tình đó như sau:

Anh chàng Lộc này, chả biết bị cái tội gì bên phía hình sự. Anh ta bị bắt vào tù từ khi nào, vì sao anh ta bị hủ và cũng hủ từ bao giờ thì cũng chả ai tìm hiểu, vả lại cũng không có điều kiện. Chỉ biết khi trại này xây dựng lại. Mãi phía cuối trại, cách nhà bếp khoảng 50 mét, có một căn nhà con, chung quanh có rào nửa che kín. Đây là khu cách ly của người hủ. Nhà bếp hàng ngày vẫn đưa một suất cơm, thường đặt ở cổng hàng rào. Bệnh hủ đã ăn cụt của anh ta hết 3 ngón chân và một góc tai bên phải. Anh chừng 24 hay 25 tuổi. Có lẽ vì con hủ nên da mặt anh ta rất hồng hào, sáng sủa. Một mình anh sống đơn độc trong căn nhà hoang vắng đó với căn bệnh quái ác của cuộc đời.

Chẳng biết ai cho hay anh kiếm ở đâu và tự bao giờ, một cuốn thơ của Hàn Mạc Tử. Lúc nào cũng thấy anh cầm ở tay. Có lẽ vì đồng căn bệnh nên cùng một niềm u uất, cấu, xé tim gan, anh đã gửi, buộc hồn anh vào những vần thơ ngâm, dầm trong máu của Hàn Mạc Tử? Rồi chẳng biết, anh có những tính toán sao đó về cuộc đời của anh. Một đêm anh đã đốt căn nhà cách ly với loài người đó của anh. Lợi dụng đêm tối và lúc tụi cán bộ đang hỗn loạn chữa cháy, anh đã trèo qua tường trại để trốn. Nhưng chỉ 15 phút sau, anh đã bị trói gô, giồng về trại, đưa ngay vào nhà kỷ luật.

Thời gian ở nhà kỷ luật này, duyên đời lúc nào cũng bay bổng khắp đó đây của đất trời, đã đến với anh. Trong trại nữ, nhà kỷ luật đang sửa lại, nên có một nữ tướng đấm, đá Hồng Đào bị giồng ra, nhờ kỷ luật ở trại chính; vì tội đã đánh bị thương nặng một đồng phạm.

Trong nhà kỷ luật, do những buổi ra ăn cơm nước gặp nhau, rồi do những sợi tơ đời nối duyên, Hồng Đào và Lộc hủ đã nhìn nhau mà say đắm. Tình yêu trong sáng thì không phân biệt tuổi tác, giàu nghèo, sang, hèn và xấu, đẹp, chỉ đơn thuần là tiếng nói của hai trái tim; nó độc lập với ngoại cảnh. Tình yêu có tính toán một ít, thì vẫn đục một ít; tính toán nhiều thì vẫn đục nhiều. Có phải ai trong cuộc đời này cũng được hưởng cái tình yêu kỳ diệu nguyên thủy đó đâu?

Có lẽ, ai cũng phải nghĩ đến cái nỗi thương đau, niềm bất hạnh của một kiếp người mang cái bệnh hủ. Cho nên, anh chàng Lộc hủ bất hạnh nhưng được cuộc đời thương. Chỉ sau nửa tháng vào nhà kỷ luật, cán bộ đã tha cùm. Trong khi chờ nhà cách ly làm lại, Lộc hủ cứ ở trong nhà kỷ luật, nhưng không còn là một người bị kỷ luật nữa. Vì vậy một đêm, do những sợi dây tơ đồng, anh đã dũng cảm trèo tường sang chỗ Hồng Đào bị cùm. Rồi những buộc, nén, gò ép của cảnh đời tù đã

mau chóng tạo lên một cuộc mưa gió trên ngọn sầu đông. Đường đi quen lối, cứ như vậy tiếp diễn hàng đêm. Trong cái chỗ cùng khổ, đen tối của cuộc đời vẫn có thể nở những bông hoa hạnh phúc ngất ngây của loài người. Hỏi rằng trên cổ long sàng của bậc đế vương với chỗ ngục tối, người bị hủi, người bị cùm, ai đã mê dại đã đầy hơn ai? Âu, đây cũng là một sự sắp xếp, an bài kỳ diệu của tạo hóa. Sự sung sướng và khổ đau, ai cũng được hưởng bằng nhau trong cuộc đời!

Nửa tháng, Hồng Đào kết hạn kỳ luật trở về trại nữ. Nhưng cũng chỉ hơn nửa tháng sau Hồng Đào lại bị kỳ luật, để phải trở lại nhà kỷ luật của K1. Đối với mọi người đó là căn nhà kỷ luật, nhưng đối với Hồng Đào và Lộc hủi thì đó lại là căn nhà hạnh phúc. Cứ như vậy, dòng thời gian quấn quít, ôm chặt cuộc tình cho đến lần thứ 3 Hồng Đào lại bị đi kỷ luật nữa. Nếu cuộc đời cứ trôi đều đi như vậy thì quả là không còn thi vị, mà cuộc đời thực tế lại đầy thi vị cho nên nó đã chẳng trôi đều. Chỉ vì nó không trôi đều nên cuộc đời mới biết câu chuyện tình hi hữu ấy. Nếu không, chỉ giữa hai người thì có trời mới biết mà thôi.

Tên Tập cán bộ giáo dục đã đặt vấn đề. Khi đặt vấn đề, thì y phải để ý theo dõi, rình mò. Mà đã rình thì phải bắt được cả đôi chim đang đu đưa trên ngọn cây sầu đông. Khi đó Hồng Đào có thai hơn 2 tháng. Bắt được như vậy, ban giám thị giận lắm, nhưng không thể kỷ luật Hồng Đào được nữa mà bắt về trại nữ. Để cho Hồng Đào ôm trọn một khối tình, có xuống tuyến đài vẫn chưa tan. Hiện giờ Lộc hủi vẫn còn đang nằm trong nhà kỷ luật.

Gôm đã ngừng kể một lúc rồi, mà tôi và Gôm vẫn cứ ngồi im. Hình như lòng mỗi người đang lắng đọng vào cái nỗi đầy vơi, bồng bềnh của cuộc đời.

Trưa hôm nay, tôi vừa nói chuyện với anh Thành tôi vừa lục tìm trong cái thư viện con con của trại trung ương số I. Tôi cố gạn lọc, may ra còn cuốn nào có thể tạm xem được. Móc ở mãi trong kệ của một ngăn tủ sách, thấy một cuốn sách mỏng bìa bọc bằng một miếng giấy xi măng đã cũ. Nhan đề của cuốn sách viết dài thòng: Những Phong Trào Văn Hóa Đấu Tranh Chống Thực Dân Pháp Trước Cách Mạng Tháng Tám. Viết theo dạng hồi ký. Tôi lần dở một vài trang, chợt tôi nhìn thấy một tấm hình chụp 5 người. Tấm hình có chú thích phía dưới: Ban chủ trương, biên tập của tờ báo "Le travail" ở Hà Nội. Tấm hình chụp ngay trước cửa tòa báo.

4 người biên tập viên là: Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thái Mai và Phạm Văn Đồng. Chủ nhiệm là ông Nguyễn Văn Tiến.

Nhìn thấy tấm ảnh bác Tiến, tôi bỏ cả cuộc nói chuyện với anh Thành coi thư viện. Tôi mượn cuốn sách chạy về buồng. Bác Tiến còn đang lục đục ở ngoài nhà ăn. Vui mừng như năm ngoái nghe tin Hồ Chí Minh học máu ra chết, tôi rồi rít khoe:

- Bác ơi! Có ảnh của bác chụp trước tòa báo Le Travail đây này!

Mặt bác Tiến tươi hẳn lên, quay lại, trong khi bác còn cho tay vào túi áo móc cái kính ra, tôi cứ líu lo:

- Có cả Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu nữa bác à!

Một số người, trong đó có cả 3 anh tu sĩ là: Sĩ An, Quốc Anh và Phùng Văn Tại cũng xô đến mà coi. Qua bức hình này, bác Tiến càng được anh em kính nể hơn. Ngược lại, những tên cán bộ, nhất là tên Đức, thiếu úy trưởng ban giáo dục, hễ khi nào thấy bác, chúng lại sai bảo, hành hạ chơi, coi như một cái thú vui của chúng.

Sáng hôm qua, buổi gần trưa, lúc trại đi lao động về, có một nhóm 4 người tù mới. Nghe đầu thuộc Biệt Hải, Người Nhái vừa chuyển từ trại Thanh Liệt đến. Trông 4 người tuy xanh xao gầy guộc nhưng đều cao lớn. Họ đều còn trẻ cả, chỉ trong khoảng từ 24 đến 27 tuổi là cùng. Buổi chiều, một anh được phân về toán xe là Lý Giồng Slau, còn lại là 2 anh phân về toán 2 là: Lầu Chí Chấn, Dương Long Sang và Vòng Hợp Vãn. Cả 4 anh đều là gốc Tàu, quốc tịch Việt. Nghe Nguyễn Văn Gôm kể lại, các anh đều ở bên Chợ Lớn.

Sở dĩ tôi nghe Gôm và Trần Như kể lại loáng thoáng như vậy chỉ vì tôi chưa vội vàng, vội vậ buổi đầu. Mặc dù trong lòng tôi cũng đang ngứa ngáy muốn biết những tình tiết, nội vụ của nhóm Người Nhái này. Cũng chính vì cái nhóm Người Nhái này đến trại ngày hôm qua, chiều nay ở chỗ nhà ăn trong lúc chờ tên cán bộ trực trại vào "cho gà vào chuồng"; bác Tiến, Gôm, Nhu và tôi hãy ngồi tán chuyện gẫu. Gôm, Nhu và bác Tiến hẳn từ lâu đã được nghe nhiều do chính những người biệt kích, gián điệp trong Nam ra kể sơ lược lại về bản thân mỗi người. Chính quyền miền Nam huấn luyện biệt kích, gián điệp rồi tung ra miền Bắc ra sao, họ đều đã có những cái nhận định chung, nhưng hôm nay họ lại đem vấn đề đó ra hỏi lại tôi.

Lòng người dân miền Bắc, như tôi đã trình bày trước đây, khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, tá đảo chính hồi cuối năm 1963, họ vẫn hướng về mảnh đất phía Nam của tổ quốc. Nhất là những người đã phải vào tù, những lúc lòng họ tím thẫm, tối đen nhất, họ lại hướng về miền Nam, mong mỏi nhìn thấy một nguồn tia sáng hy vọng, hồng giải thoát cái cảnh đời ngục tù của họ.

Bởi thế, khi ở trong tù họ lại được gặp chính những người miền Nam ra Bắc để hoạt động chống Cộng Sản, hầu hết họ đều tò mò muốn tìm hiểu về miền Nam, nơi mà lòng họ vẫn và đang ngưỡng vọng trong mỗi mòn. Tóm lại họ đã hỏi tôi như sau:

- Các anh, dù là biệt kích, biệt hải, lôi hổ hay gián điệp, chúng tôi thấy các anh được đào tạo rất công phu, được trang bị đầy đủ đến chân răng, kẽ tóc. Nhưng có một điểm quan trọng bậc nhất là các anh không được trang bị về tư tưởng, hoặc nếu có thì cũng chỉ hời hợt, tùy tiện mà thôi. Có phải thế không?

Trước mặt tôi, tuy họ không nói thẳng ra, nhưng tôi hiểu trong lòng của họ muốn nói tư tưởng ở đây là "Lý tưởng và lòng căm thù giặc". Tôi hiểu đây là một cái lỗi, chẳng phải của riêng ai, mà nó đã nằm sẵn trong cái đáy của cái xã hội của những nước tư bản rồi, nghĩa là ngay từ nước Mỹ chứ không phải chỉ ở miền Nam Việt Nam. Do lòng tự mãn tin vào vũ khí và sức mạnh của tiền bạc nên đã coi nhẹ cái khâu tinh thần này. Thậm chí, hầu hết đều mang một quan điểm, cứ để tùy tiện lòng của mỗi người đối với kẻ thù. Tôi cứ cấp sủng, giao tiền cho anh để anh đi đánh Cộng Sản. Nếu gia đình anh có nợ máu với Cộng Sản thì anh đánh hăng, nếu không, anh có đánh kẻ hời hợt thì cũng tùy anh.

Chính ngay bản thân tôi, cũng ấm ức cái thắc mắc này. Tôi nhìn chung, bao nhiêu toán biệt kích đi ra miền Bắc, đa số đã vào trại giam miền Bắc, nếu không nói là còn cao hơn nữa. Thậm chí cứ gửi toán này ra, bị mất tích, lại gửi toán khác ra, lại cũng biệt tăm. Vậy mà sau đó vẫn cứ gửi tiếp. Nỗi ấm ức này đã thúc hối tôi cũng đi phỏng vấn đủ thành phần, từ trong Nam xâm nhập vào miền Bắc để hoạt động chống Cộng Sản. Để rồi, tôi được nghe người ta giải thích như một giai thoại nghe mà cười méo cả miệng thế này. Ngay từ khi còn ở các trại Long Thành (Bà Rịa), Mỹ Khê, Sơn Trà (Đà Nẵng) cũng đã có nhiều anh em thắc mắc. Anh em thấy toán nào ra đi cũng thường không về, mà bây giờ đến lần họ lại phải ra đi, cho nên họ đã hỏi thẳng ngay

những cổ vấn Mỹ này coi vòng xoắn đó như sau: "Các anh cứ yên tâm ra đi, nếu có bị bắt cũng không sao. Chỉ cần các anh cố giữ lấy cái đầu (nghĩa là đừng chết). Chúng tôi muốn gửi các anh ra đó, để Cộng Sản huấn luyện tư tưởng cho các anh. Sau này tư tưởng của các anh sẽ được tôi luyện già dặn, trở thành sắt thép để chống lại Cộng Sản".

Đành rằng đây chỉ là một lời giả tạo, một lời khích lệ, hứa hẹn để yên lòng người đi nhưng về một khía nào đó, ít nhiều nó cũng có giá trị thực tế. Thực tiễn đã cho thấy, những người càng ở tù lâu trong tay Cộng Sản bao nhiêu, lòng họ càng cứng rắn chống Cộng Sản bấy nhiêu. Có những người lúc ra đi, dù chưa có ý thức chống Cộng Sản, thì rồi cũng trở thành người chống Cộng tử trong máu. Vì vậy, tôi cũng tạm lấy cái ý này, gượng gạo trả lời bác Tiến, Gôm và Nhu, tuy trong lòng tôi lại nghĩ hoàn toàn khác.

Hơn một tuần lễ sau, tối hôm nay, tên cán bộ Y trực trại vừa vào điểm buồng đi ra. Từ gần 3 năm xưa, ngày đầu tôi lên trại, cũng tên Y này đã dẫn tôi vào phân trại E. Khi trở ra trại này, cũng 6 - 7 tháng rồi, mãi hôm nay tôi mới lại thấy y. Vẫn dáng dấp quân sự, với những bước đi dài, đồng dục, chỉ có khác, cầu vai của y bây giờ mang cái lon thượng sĩ. Dòng tư tưởng của tôi còn đang lằng đằng, bần thần suy nghĩ về tên Y này, bỗng anh chàng Gôm nổi hứng bất tử, đứng ở giữa buồng cao giọng tuyên bố:

- Đồng bào hãy chú ý: Một nguồn tin nóng hổi vừa thổi vừa ăn à...nghe, tôi vừa mới nhận được 10 phút trước đây!

Nhiều người im lặng quay lại, Hoàng Đức Tùng từ sàn trên nói vọng xuống:

- Nói ngay đi, đang chờ nghe đây!

Để nửa phút cho cả buồng im lặng, bán tín, bán nghi với cái tếu của Gôm, bây giờ Gôm mới đồng dục từng lời:

- Một thiếu nữ 17 tuổi đã bắt cóc 4 thiếu niên mang vào rừng hơn 3 tháng nay. Sáng hôm nay mới tìm thấy thì 4 chàng thiếu niên đã bò đi không được.

Gôm tuyên bố xong, quay ngoắt vào nhà cầu để đi đại. Trong khi căn buồng sôi nổi, râm ran lẫn lộn tiếng cười, tiếng nói. Người hỏi thế này,

người hỏi thế kia, chả ai nghe rõ cả. Cho đến lúc các tổ vào ngồi sinh hoạt buổi tối. Nhiều anh còn hấp háy, thấp thỏm về câu chuyện 4 cậu thiếu niên, chả biết anh chàng Gôm này nói thực hay nói đùa.

Tôi cũng hiểu Gôm thỉnh thoảng hay tếu, bốc đồng nhưng cũng phải thừa nhận anh ta có cái tài săn tin, nhất là về những mối tình đặc biệt trong cái thế giới nhà tù này. Buổi tối hôm ấy, chẳng còn phải do tôi đến với anh chàng Gôm để tìm cách biết về câu chuyện nóng hổi đó nữa. Rất nhiều người trong buồng, sau khi sinh hoạt xong đã đổ xô đến vây quanh chỗ Gôm, bắt Gôm phải nói rõ sự việc.

Trong một cái xã hội hàng ngàn người, lẫn lộn chính trị, hình sự này. Chả hiểu Gôm đã nhận được một nguồn tin từ một đường dây nào đó thì không biết. Đường dây nào thì cũng không ngoài những bộ phận tự giác, mà trại tù nào cũng phải có. Gôm đã kể nội dung như sau:

Cách đây 3 ngọn đồi và một khoảng rừng già, nghĩa là xa đến 7 – 8 cây số về hướng Tây, có một trại tù thiếu niên tuổi từ 12 đến 17. Trại này có cái tên mỹ miều, tiến bộ để đánh lừa thiên hạ: “Trường phổ thông công nghiệp I”, chứa chừng trên dưới 400 em, vừa trai, vừa gái. Con gái chỉ có một phần mà con trai chiếm đến 3 phần. Tuy có hàng rào ngăn chia 2 khu trai, gái ở riêng biệt nhưng bếp chung và học chung một dãy nhà. Trại nằm chỉ cách 2 cây số bên trái tỉnh lộ Lào Cai với Yên Bái. Trại cũng có ban giám thị và quản giáo nhưng được gọi thay là ban giám đốc và các thầy cô. Một đại đội công an vũ trang, hàng ngày mang súng đưa các em ra ngoài trại lao động. Các em cũng được chia thành tổ, toán. Nửa ngày ở nhà học văn hóa và học nghề rèn, mộc, xẻ; nửa ngày đi lao động trồng khoai, trồng sắn, trồng rau và làm ruộng. Để cho các thầy cô có thể đi sát với các em, và cũng để khác với trại tù một tí, các thầy cô tuy có phòng riêng nhưng cũng ở cùng khu với các em.

Trong một khung cảnh nửa nhà tù, nửa trường học, trai gái lẫn lộn như vậy, cứ hình dung, tưởng tượng thì biết bao nhiêu câu chuyện xảy ra hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Nhưng người ta vẫn nói, thèm cái gì thì hay nghĩ và hay nói về cái đó. Những tin tức khác, có thể Gôm đã loại bỏ, mà chỉ chú ý về những giai nhân và những chuyện tình giật gân. Nào là, có thầy giáo cứ mang riêng từng nữ sinh vào rừng tập dượt tập thể dục, để rồi nhiều thầy giáo mất lon, mất việc, có khi phải vào ấp. Nào là, có hai học sinh nhìn thấy cô giáo ngon thơm như múi mít, đang đê mê rủ nhau đột kích vào buồng cô giáo, trói tay

chân cô giáo xuống giường rồi hè nhau đu đưa trên ngọn cây sấu đông. Trước khi bị trói, cô giáo đã hành động rất thông minh đúng bậc thầy. Trong bóng đêm đã vấy kịp cái bút máy có mực vào những kẻ "ong non ngựa nọc châm chọc hoa rữa", để rồi sáng hôm sau đã tìm ra đích thủ phạm là 2 chú "dê còn buồn sừng thích húc đậu thưa".

Nhưng câu chuyện sốt dẻo được Gôm chú ý nhất là cô Yến Cổ Am, nghe đâu cô là gái của làng Cổ Am, Bắc Ninh. Cô này có đôi mắt một mí và một chiếc má lồm đống tiền. Đặc biệt, cô có một cơ thể rất nẩy nở của tuổi trăng gần tròn.. Rất năng động và tháo vát, vì vậy không những cô là toán trưởng của một toán 32 người, cô còn là tự giác của trường nữa. Toán của cô trồng chè và hái chè. Bên khu con trai có 4 cậu choai choai chơi một băng với nhau là Minh Cò, Đạt Chộp, Hồ Mư, còn một cậu nữa quên tên, tuổi từ 15 đến 17. Chẳng biết cô Yến Cổ Am hẹn hò,, đồ dụ làm sao đó, bốn cậu quyết tâm đi theo tiếng gọi của đờ đưa để cho cô Yến dẫn lên một ngọn đồi hoang có một căn hầm tăng xê bỏ phế từ thời chống Pháp. Vì cô Yến là tự giác nên đã lén mang được chăn chiếu và một vài thứ đồ dùng tối thiểu cho các cậu ở một nơi cách xa trường đến gần 2 cây số. Thịnh thoàng đôi ngày, có khi một ngày cô Yến lại mò lên vừa tiếp tế thức ăn vừa cùng các cậu thượng đài giao đấu.

Thời gian cứ thế trôi đi. Trong trường cũng như ban giám đốc đều nghĩ rằng các cậu đã biến về miền xuôi rồi, cho nên cũng chỉ ra lệnh tầm nã thường lệ, vì cả nước đang có chiến tranh chống Mỹ. Câu chuyện, 4 cậu thanh niên trốn trại, dần dần chìm vào quên lãng của thời gian đến nay đã hơn 3 tháng.

Tên Dũng là một hạ sĩ quan vũ trang, 25 tuổi. Tuy đã có vợ, một con ở quê nhà miền Thanh Nghệ, nhưng y làm công tác ở nơi núi rừng heo hút đêm, ngày chỉ nghe thấy gió ngàn rên rỉ, lòng y càng nặng trĩu những lúc gió mưa và những buổi tối trời. Trong những xê dịch, quan hệ của cuộc sống ở trường tù này, đã nhiều lần y nhìn thấy Yến Cổ Am mơn mớn đào tẩu. Đêm ngày y dệt chiếc lưới tình mong bủa được con chim Yến làng Cổ Am. Bản tính phóng đảng của con mồi như vậy, nên lưới của y chẳng cần dệt xong thì con mồi đã ngoan ngoãn chui vào vòng tay của y. Rồi từ đấy, cô gái Cổ Am 17 không phải chỉ bẻ gãy một sừng trâu mà những 4 -5, để đường đi phải rẽ 3 -4 ngã.

Tên Dũng đã đu đưa nhiều lần trên ngọn cây sấu đông với cô Yến. Y thấy cô Yến có những thời gian, và những hướng đi bất thường nên y

lập tâm theo dõi. Vào một ngày đẹp trời có nhiều mây bay, gió thổi, tên Dũng đã theo, rình và bắt tại trận 4 cậu dê non. Tuy cậu nào cũng chỉ còn da bọc xương với những đôi mắt thất thần trắng hếu, vậy mà vẫn hăm hở, lần lượt thay phiên nhau "ấy" với cô gái Bắc Ninh. Thật là chẳng sai, mỗi gối chồn chân vẫn muốn trèo...đồi. Thấy vậy y giận quá! Nếu anh chàng Dũng chịu suy xét, hiểu chuyện đời...là như vậy thì cứ ngậm miệng tiến bước trên con đường đi như cũ. Có thể vì giận nên mất khôn; nhưng có lẽ y tưởng, phát hiện được 4 tên vượt ngục này, vai y sẽ thêm một sao nữa và đảng cũng sẽ tín nhiệm y thêm, nên y đã cấp tốc về báo cáo với ban giám đốc. Thế là cả một tổ chim lớn trên đồi hoang bị bắt gọn, 4 chú "ong non" đã phải vừa đi vừa bò về trại.

Cuối cùng câu chuyện vỡ banh ra hết. Anh chàng Dũng vũ trang có công đã phát hiện được tổ chim, nên chỉ bị lột lon cho về nhà đuổi gà cho vợ. Đến đây câu chuyện của cô Yến Cổ Am vẫn chưa hết. Sáng hôm sau, Nguyễn Văn Gôm được lệnh ở lại trại để gặp cán bộ. Đến trưa, chúng tôi đi làm về thì được biết Gôm đã bị đi kỷ luật rồi. Chúng tôi chưa dám kết luận vì sao, tuy vậy Bùi Tâm Đồng vẫn nói đùa:

- Chắc ban giám thị gửi Gôm vào nhà kỷ luật gặp Lộc hủi để tìm hiểu thêm về cuộc tình giữa Hồng Đào và Hộc hủi.

Hơn một tuần sau, Gôm ôm chần chiếu trở về buồng, mặt buồn rười rượi nói nhỏ với tôi:

- Mẹ cha nó, chắc thằng Phi tổ tôi chứ không ai. Ban giám thị kết tội tôi làm ảnh hưởng đến tinh thần lao động của trại viên.

Tôi đùa, cũng nói nhỏ với Gôm:

- Họ kết tội như vậy quả không sai, mấy đêm nay tôi vẫn còn mơ màng về câu chuyện của cô Yến Cổ Am đấy, cứ khắc khoải mãi giấc ngủ có yên đâu.

Mặt Gôm còn mệt và xanh tái, vậy mà miệng vẫn toét ra cười:

- Hơn một tuần lễ để chân trong cạm, tôi càng giận thấu xương cô gái làng Cổ Am này. Sau này, nếu tôi gặp một cô Yến khác nào, tôi sẽ chạy tránh ngay ra xa.

Tôi đã biết tổng anh chàng Gôm này rồi. Thấy gái như người khát nước thấy quả mơ, nhưng bác Tiến ngồi bên cạnh đã ngạc nhiên, quay lại hỏi Gôm:

- Mình không thích người ta thì thôi, chứ việc gì mà phải chạy ?

Như giữ sạch cái buồn vừa đi kỷ luật về, Gôm đã đơn đả:

- Cháu chạy ra xa lấy trốn, để lao vào cho mạnh hơn bác ạ!

Đúng là cái nết, cho kỷ luật chết cũng không chừa.

Ai Đã Cho Shihanouk Ăn ...Cút Gà Sáp?

Hôm nay, toán 2 đi lao động ở lán mộc thủ công về, vừa vào đến cổng trại đã nghe thấy tiếng loa oang oang, làm cho mặt ai cũng tươi tỉnh hẳn lên. Nhìn thái độ phấn chấn của mọi người, vừa đi về buồng tôi vừa suy nghĩ. Tâm lý con người thật cũng kỳ lạ! Trước đây, tiếng loa cứ nheo nhéo suốt ngày đêm, thì ai cũng đau đầu, nhức óc, chửi nó là "con mẹ chửi thuê đầu đường, xó chợ". Vậy mà bằng đi không có nó, lại thắc mắc, lại mong. Lòng con người thật cũng khó mà chiều!

Từ mấy ngày trước, có mấy người thợ điện của trại vào mắc hệ thống dây và loa cho các buồng. Nhớ đến Phan Thanh Vân, tôi hỏi thăm mấy anh thợ điện. Khi nghe tôi hỏi, mặt anh nào cũng ngơ ngác, rồi như chợt nhớ ra, một anh đã trả lời lấp lửng: "Hình như Phan Thanh Vân đã được chuyển về Hà Nội gần một năm nay rồi, chúng tôi là những người mới, nên không biết rõ". Thấy họ không biết gì hơn, tôi không hỏi nữa. Lòng tôi cũng thấy vui vui vì đường đi của Vân càng ngày, càng mở rộng mở.

Thảo nào mà chúng mắc đài, mắc dây rồi rít cả lên. Dù chúng tôi chẳng còn lạ quái gì nữa, vậy mà vẫn phải nói. Hể khi nào chúng bắt tù nghe đài, đọc báo là tình hình có lợi cho chúng. Còn khi nào đài bị hư, báo bị nghẽn đường v.v... là phải hiểu, chúng đang bị khốn đốn, tình hình đang bất lợi cho chúng. Đài cứ ra rá sáng, trưa, chiều, tối, chúng chửi bới Nixon là con diều hâu. Về hội nghị Paris chúng chửi Nixon và Thiệu ngu xuẩn và ngoan cố. Chúng sẽ tăng cường sức mạnh để đè bẹp sự ngoan cố, thực dân của Mỹ v.v... Nhân dân thế giới đang sôi nổi ủng hộ chúng. Nhân dân Mỹ phản chiến chống chính phủ Mỹ. Đặc biệt nhất, chúng làm rùm beng nhất là một chiến dịch to lớn quy mô chào mừng hội nghị nhân dân Đông Dương 3 nước Việt, Miên, Lào.

Anh chàng Shihanouk đã bạc đầu ra rồi, mà vẫn hí hửng nhai cút gà sáp của Cộng Sản. Tôi vẫn hiểu rằng, trước đây, bây giờ và sau này còn nhiều người to đầu, tài ba nữa mà vẫn nhai cút gà sáp của Cộng Sản hưởng gì Shihanouk. Cái điều đáng nói là người nào tỉnh sớm và người nào tỉnh muộn mà thôi. Nhưng hầu hết, hoặc đại đa số, khi còn khẩu súng trong tay, khi còn nhiều của cải, sức mạnh đầy đủ, khi còn phây phây, nhớn nhở ở một nước tự do thì không bao giờ tỉnh. Lúc đó ai cũng nhìn thấy Cộng Sản là một người đạo mạo, hiền từ, yêu chuộng hòa bình trên hết, chỉ chiến đấu cho công bằng và tình người. Chỉ khi nào, ai đó không còn những cái ưu thế ở trên, bấy giờ mới nhìn

thấy bộ mặt thực của Cộng Sản là một con quỷ có ngà. Bạn còn vũ khí trong tay, bạn có thể bắn chết nó thì hãy tin chắc chắn không bao giờ Cộng Sản làm mất lòng bạn, chúng sẽ tìm mọi cách ve vãn, nào là hòa bình, tình người, hữu nghị, làm sao cho bạn lỏng tay súng, thậm chí cất súng, bẻ súng đi, lúc đó, bạn sẽ bắt đầu hiểu Cộng Sản, mà mỗi khi hiểu thì thường thường đã muộn.

Sáng hôm nay, nhìn tấm ảnh to tướng ngay ở trang nhất tờ báo Nhân Dân, thấy Shihanouk và vợ (bà hoàng Monic) mặt hớn hở, tươi như hoa, đứng bên cạnh Tôn Đức Thắng và Phạm Văn Đồng. Tôi cầm tờ báo trầm ngâm, nhìn tấm hình, dòng tư tưởng của tôi cứ trào lên với đầy. Tôi đặt giả thuyết: những người này, đang hớn hở, ca tụng nhau đây. Nhưng nếu Shihanouk và Monic được toàn quyền quyết định số phận của Tôn và Đồng, tôi tin chắc rằng họ chỉ muốn Thắng và Đồng là bạn, sống thân thiện hòa bình. Ngược lại, nếu Thắng và Đồng được toàn quyền quyết định số phận của vợ chồng ông hoàng Shihanouk, chắc chắn, đôi vợ chồng này phải đi cải tạo, mỗi người mỗi nơi. Vì mục tiêu của Cộng Sản là tiêu diệt các tư tưởng, mọi quan điểm không là Cộng Sản (phi vô sản) nhất là tư tưởng phong kiến, muốn cướp cổ nhiều người của mấy ông hoàng bà chúa này.

Khác nhau một trời, một vực như vậy đấy! Shihanouk có hiểu như thế không? Khi Cộng Sản cần ai thì chúng nâng người đó lên tận mây xanh. Shihanouk đến Hà Nội, chúng đón rước như một ông thánh. Chúng trải nhung dọc đường phố trước chủ tịch phủ để Shihanouk đi. Đài, loa ngày đêm ra rả ca bài hát "Nhân Dân Đông Dương" mà chúng bốc thơm rằng đây là nhạc và lời của thái tử Shihanouk, chúng ta dịch sang Việt ngữ. Cả nước, ngoài xã hội cũng như trong tù, mọi người phải tập hát thuộc như bài ca "giải phóng miền Nam".

Mỗi toán đi lao động, đều cử một người biết nhạc ở lại trại, để cán bộ văn nghệ trại phổ biến và tập cho hát ở hội trường. Tối về anh đó lại dạy cho toàn thể toán của mình.

Chuyện hát xướng ở trong tù của Cộng Sản là thường xuyên. Đây là nỗi ấm ức, khổ tâm của nhiều người. Ai cũng thấy, chúng nó đang bắt mình, giam mình ở trong tù, chúng coi mình là kẻ tử thù đối kháng mà chúng vẫn tuyên bố công khai là phải tiêu diệt. Vậy mà hàng ngày phải ngồi ca vang những bài hát ca tụng đảng và bác, mặt sát, chửi bới chính ngay mình. Nếu ai chỉ cần có ý thức một chút thôi, cũng thấy ngượng mồm. Chính vì cái oái ăm, ngược xuôi trong lòng như thế, nên

nhều người mỗi khi phải hát tập thể, ngồi cứ cúi gằm mặt xuống, không chịu hát. Nhưng rồi đâu có yên được. Tên cán bộ phụ trách đứng nhìn, quan sát từng người và bị chỉ đích danh như: Lê Liễu, Quốc Anh, bác Tiến đã bị chúng nạt nộ, hạch hỏi, quy cho là còn tư tưởng phản kháng ở trong máu, trong xương. Cho nên bất kỳ ai, dù không hát cũng phải há mồm, nhóp nhép như mọi người mới yên.

Nhưng phải thừa nhận, cái phương pháp bắt người ta hát mãi một bài. Trên loa, trên đài, mọi người chung quanh đều hát, cứ nghe đi nghe lại cái bản hát đó, lời ca, ý nhạc, nó ngấm, nó luồn, nó lách vào trong lòng mình lúc nào không hay.

Tôi phản ứng từ ý thức, dứt khoát không bao giờ chịu hát hay học những bài ca chó chết đó, nếu chúng nó không bắt tôi phải đứng hát một mình hay hai người. Mà lại chả bao giờ có cái cảnh 1 hay 2 người hát, vì tôi có phải làm văn nghệ đâu, cho nên, hầu như rất ít khi tôi hát những bài ca đó thành lời. Thế mà, sau này tôi thuộc đến gần chục bài hát của Cộng Sản. Để đến nỗi, ở một lúc nào đó, mỗi khi thấy lòng điệu vợ, bâng khuâng, miệng bộc phát lên mấy lời ca ông ổng. Thì lại là lời ca, tiếng nhạc của Cộng Sản. Đã rất nhiều lần, khi óc tôi đang nghĩ một chuyện khác của cuộc đời, tự nhiên tôi hứng tình, hát vang một lời ca trong một bản nhạc nào đó; dần dần hát đến chỗ "diệt đế quốc Mỹ, diệt lũ tay sai bán nước", hoặc lại "Hồ Chí Minh muôn năm" thì óc tôi chợt mới tỉnh, tôi vội bẻ queo sang một điệu nhạc, lời ca của miền Nam thân yêu. Tôi vẫn bị vấp như vậy nhiều lần. Thế mới kinh khủng chứ!

Ngay như bài ca "Nhân Dân Đông Dương". Sau đến hơn 20 năm mà tôi vẫn có thể nhớ ra được một đoạn: "Ta hát bài ca, đi lên chúng ta bên nhau Việt, Lào, Khme anh em. Cùng chung dòng sông...Mêkông đắp xây mối tình...kết đoàn chống kẻ thù chung. Hôm nay đánh Mỹ...sát vai cùng nhau đấu tranh...Ta nguyện đồng tâm gìn giữ núi sông...Chung xây hòa bình ... giữ gìn đất nước chúng ta...Sáng tươi dưới trời tự do...".

Nó dễ thuộc, dễ nhớ mãi không quên như bài "Giải Phóng Miền Nam" của chúng vậy. Bài "giải phóng" này do Huỳnh Minh Siêng, mà Siêng lại là Lưu Hữu Phước, tác giả bài "Tiếng Gọi Sinh Viên", sau được đổi thành bài Quốc Ca kính yêu của chúng ta. Bởi vậy, tôi tin rằng: bài "Nhân Dân Đông Dương" là của Lưu Hữu Phước rồi Cộng Sản gán cho

Shihanouk, vừa để đề cao bốc thơm, lấy lòng y, lại vừa có ý nghĩa chính trị nữa.

Đã lâu lắm, từ ngày chuyển ra trại này, do những kéo lôi của nhiều khía cạnh trong cuộc sống tù, tôi chưa hề nghỉ một ngày bệnh nào. Và lại hôm qua, nhờ ông Tụ, tôi đã mượn được cuốn "Tư Bản Luận" của Marx cho nên sáng nay tôi quyết định xin nghỉ ốm một ngày để đọc cho đã.

Vấn đề nghỉ ốm trong toán cũng thật là tế nhị. Do cái tỷ lệ 2 phần trăm quái ác, chẳng biết có từ bao giờ, vì thế toán nào, hàng ngày cũng chỉ được nghỉ từ 1 đến 2 người là cùng. Bởi vậy phải biết nhìn nhau mà xin nghỉ ốm. Trừ những người bị ốm nặng đặc biệt không kể, hoặc những tai nạn đột xuất. Cho nên, cứ trung bình một tháng rưỡi nghỉ một lần là biết điều. Anh nghỉ rồi còn cho người khác nghỉ nữa chứ! Anh nghỉ hôm nay rồi, mai lại xin nghỉ nữa thì ngay y tá trại cũng không cho anh nghỉ rồi, huống chi còn ở toán nữa. Anh muốn nghỉ bệnh, ngay lúc keng báo thức 5 giờ, phải đến chỗ toán trưởng báo cáo, xin ghi tên vào sổ khám bệnh. Người xin ghi tên thường phải báo cáo to để cả buồng cùng nghe; để người khác định nghỉ thì tự thôi để ngày khác.

Sau đó, người xin nghỉ nhờ người khác đặt rổ hay bát lấy bữa sáng dùm rồi cầm cuốn sổ, có toán trưởng đã ghi tên mình, chờ cán bộ vào điểm xong, hộc tốc chạy xuống phòng y tá ở dưới khu nhà bếp để đặt lấy chỗ, đợi cho tới khi y tá gọi tên toán mình vào khám bệnh. Nếu như vì lý do nào đấy y tế không cho nghỉ thì vội vàng về mà ăn sáng, còn xếp hàng theo toán đi lao động.

Cuộc đời mà, bất cứ ở đâu cũng vậy. Nguyên tắc là như thế, nhưng nó vẫn có luật trừ. Chẳng bao giờ có sự công bằng theo đúng nghĩa cả. Vẫn có cái cảnh người thì ăn không hết, người lần không ra. Khi tôi cầm cuốn sổ chạy xuống tới phòng y tế, thì đã có hàng 30 - 40 người ở mảnh sân con xếp hàng, đang chờ sát cạnh phòng y tế. Hình sự lẩn chính trị, kẻ đứng người ngồi; người khoác chắn, người quấn áo. Sau khi tôi đặt sổ xong, cũng ra tìm một chỗ ngồi chờ. Tôi đang lơ đãng đưa mắt nhìn những hàng cây trên chòm đồi phía bên kia vẫn còn rúc đầu vào đám sương sớm thì tiếng quát tháo trong phòng y tế làm tôi tiến lại nhìn vào. Không ngờ, y ta lại vẫn chính là tên Thái tử trong trại E. Một bác già, hình như ở toán 6 bên khu chính trị đang nhăn nhó,

nằm nì với y xin cho nghỉ vì bác bị đi ỉa chảy suốt đêm qua. Tiếng Thái đánh đánh:

- Tôi nói, không được là không được. Đây chỉ là xáo trộn của bộ tiêu hóa, về uống ít nước đi là khỏi!

Bác già cuốn sổ đi ra, mặt nhăn như bị. Lại một cậu hình sự chừng 21 – 22 tuổi. Hai chân lều khều như chân con hạc, khoác chiếc chăn rách, cứ van xin y cho nghỉ, vì cậu ta bị sốt cả đêm qua. Tiếng Thái gắt gỏng:

- Cặp nhiệt không lên, về đi làm!

Đến lượt toán 2, tôi tiến vào. Thái, ngừng lên thấy tôi, đã vồn vã thăm hỏi. Khi biết tôi không có bệnh gì, mà chỉ mệt, muốn xin nghỉ một ngày. Y đơn đả bắt tay, bảo tôi về nhà nghỉ đi. Khi tôi ra tới cửa buồng, y còn ghé tai nói nhỏ:

- Nếu mai anh còn mệt, muốn nghỉ nữa thì cứ ghi tên vào sổ bệnh, mà không cần phải xuống nữa.

Tôi cảm ơn và chào y ra về. Dòng liên tưởng của tôi cứ cuộn vào trong óc, hẳn rằng Thái chưa quên được trận tôi đánh tên Tân trật tự ở trại E và thái độ của Hoàng Thanh đối xử với tôi. Một tiếng thở dài mà tôi cố nén lại cứ rỉ dần ra. Đời là thế! Người ta làm cách mạng, người ta đi chiến đấu để đòi hỏi sự công bằng cho xã hội. Nhưng người ta lại không làm cách mạng, không chiến đấu với sự bất công ngay trong lòng của chính mỗi người. Bởi vậy, sự bất công trong xã hội loài người cứ còn tồn tại mãi mãi; mặc dù rồi đây còn nhiều thế hệ khác sẽ vẫn còn chiến đấu với sự bất công của con người.

Vinh Danh Người Nhái

Khi các toán đã đi lao động rồi, trại vắng teo, mỗi buồng chỉ còn lèo khèo mấy người mệt, bệnh. Tôi ngồi đọc sách một lúc, mỏi cả mắt. Đang định ra sân làm vài động tác thể dục cho đỡ mỏi người thì mắt tôi chợt nhìn xuống sàn dưới, phía đối diện, thấy một anh ngồi thụt mãi vào trong góc sàn. Anh ngồi xồm, quần chặt cái chần chỉ thò ra đầu và 2 con mắt. Mắt anh cũng đang ngược nhìn tôi đăm đăm, ánh lên niềm vui chào đón; trong khi tôi cũng tươi nét mặt nhìn, để đáp lại nhã ý của anh, lòng tôi vẫn bàng bạc, ngạc nhiên: Anh là một trong bốn Người Nhái mới đến trại, anh cũng ở toán 2. Sáng nay, rõ ràng không thấy anh xuống y tế khám bệnh mà? Tuy trong lòng tôi hơi băn khoăn, nhưng chưa tiện hỏi. Tôi trèo xuống, ghé sang chỗ anh đon đả:

- Có biết hút thuốc lào không?

Anh mở chần, xoay hẳn người ra niềm nở:

- Có, hút kỹ ấy chứ!

Nhìn 2 cái đầu gối của anh ngồi, cao gần chấm tai anh. Anh mặc mỗi chiếc quần đùi, do quần dài cũ của trại xé ra, nên gấu quần lờm xờm, lua tua. Thảo nào, anh phải quần chần. Ngay từ những phút ban đầu, chả hiểu sao tôi cảm thấy rất mến anh, và hình như anh cũng dành cho tôi lòng thiện cảm đặc biệt. Nghe giọng nói của anh hơi một chút cợn, để rồi khi biết tên anh là Lầu Chí Chẩn, người Nùng. Tôi lại hân hoan ca tụng giọng nói tiếng Kinh quá sõi của anh. Còn một điều nữa, anh có một người mẹ già, hiện đang sống ở vùng cây Da Sà, Chợ Lớn. Người mẹ đó vẫn ngày đêm mỗi mòn ngón chờ người con trai đã đi phương trời nào mất tăm, cũng tương tự giống tình cảnh mẹ của tôi.

Sau vài câu thăm hỏi, tôi đã hiểu, hai ngày trước anh bị đi kiết ra máu. Đêm qua mới cầm, vì vậy y tá cho anh nghỉ thêm ngày hôm nay. Rất lạ lùng là chỉ hơn một giờ sau, chúng tôi đã thân nhau ngay. Cả ngày hôm ấy, tôi đã chả đọc được tí sách nào. Tôi trèo xuống sàn dưới, hai anh em nằm đắp chần chung, trao hỏi chuyện cuộc đời. Từ vài câu han hỏi lúc Chẩn bị bắt, câu chuyện cứ gợi dần trí tò mò của tôi. Cuối cùng, không dẫn được lòng, tôi đã đề nghị Chẩn hãy tường thuật lại từ lúc bắt đầu vào ngành Biệt Hải cho tới khi bị bắt. Do lòng thiện cảm đã có sẵn với tôi, phần khác, có lẽ cũng muốn cởi mở một mảnh đời cho

một người đang háo hức, chăm chú lắng nghe, vì vậy sơ lược, Chấn đã kể lại đời Chấn như sau:

Là một người dân tộc thiểu số nhưng cũng là người Việt, tuy gia đình anh vẫn dùng tiếng Quảng Đông là chính, quan điểm của Chấn: đây là cũng là quê hương Tổ Quốc của Chấn. Chính vì thế, khi có một chút trí khôn, hiểu biết, anh đã xin vào một trường Kinh để học chữ quốc ngữ. Cũng do học ở trường Việt nên Chấn quen biết rất nhiều bạn bè người Kinh.

Ngay từ lúc còn 9 – 10 tuổi, (từ đây là lời tâm sự của Chấn) tôi có một ông chú họ trên vùng Blao. Mỗi lần, ông chú xuống Chợ Lớn để thăm bố mẹ tôi, thường dẫn tôi đi chơi. Ông rất thương tôi và tôi cũng yêu kính ông như cha.

Khoảng năm 1959, vào một ngày Chủ Nhật, đột nhiên có người con trai của ông chú từ Blao xuống báo cho biết một tin rùng rợn: Bố đã bị Cộng Sản đem ra phía sau nhà chặt đầu đêm hôm qua. Từ lòng mến thương người chú, một ý niệm đã hằn sâu vào bộ óc ngây thơ của tôi. Tại sao Cộng Sản dã man, tàn ác thế? Dù còn mơ hồ chưa rõ ràng, nhưng tôi đã thấy Cộng Sản là kẻ phi nghĩa. Nếu tôi luyện được những bí kíp như những cao thủ trong truyện chưởng, tôi sẽ đi tiêu diệt Cộng Sản.

Sau này, càng ngày càng lớn lên, tôi nhìn thấy chung quanh, có nhiều bạn bè người Kinh cũng như người Nùng xin gia nhập quân đội để đi đánh Cộng Sản; lòng tôi càng háo hức thăm hỏi đó đây. Cuối năm 1963, lúc này tôi đã 21 tuổi. Do cơ thể cường tráng, cao lớn, lại rất thích bơi lội nên tôi đã nhờ một người Kinh, giới thiệu để tôi xin gia nhập lực lượng Người Nhái. Do sự nỗ lực, quyết tâm của tôi, tôi vẫn kiên trì làm nhiều thủ tục theo yêu cầu, nhất là khâu khám sức khỏe. Kết quả, đầu tháng 2 năm 1964, tôi được tuyển chọn đưa ra Đà Nẵng để dự lớp huấn luyện.

Huấn luyện gồm nhiều môn, nhưng chủ yếu là tình báo và phá hoại. Theo lịch trình thời gian sẽ học tập, huấn luyện trong vòng 8 tháng. Sau đó sẽ được huấn luyện bổ túc theo yêu cầu của mỗi chuyên công tác khác nhau. Trong thời gian huấn luyện được chia làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn I.

Gồm 6 tuần lễ, chuyên về thể dục, thể thao để thử nghiệm thể lực và sức chịu đựng dẻo dai của mỗi khóa sinh trong môi trường ở rừng núi cũng như ở biển cả. Trong 6 tuần này, có một tuần lễ cuối cùng, được gọi là "tuần lễ địa ngục". Phải nói rằng gần như 24/24 thời gian của một ngày không được ngủ, nghỉ ngơi.

Huấn luyện viên được chia làm 3 tốp, thay phiên nhau để quản thảo khóa sinh. Họ cũng được chia thành 3 ca, mỗi ca 8 giờ. Không kể ngày hay đêm, bắt khóa sinh phải liên tục chạy, nhảy, tập tành tối đa. Trong tuần lễ địa ngục này, có rất nhiều khóa sinh bị loại. Nếu khóa sinh nào vượt qua được tuần lễ gặt gao này thì được coi như tạm đủ tiêu chuẩn để tiếp tục theo học giai đoạn II. Tuy vậy, vẫn còn một trường hợp nữa, khóa sinh cũng sẽ bị loại. Nghĩa là, khóa sinh nào đã vượt qua tuần lễ địa ngục, đều phải được thử đeo bình dưỡng khí với một độ áp suất và thời gian nhất định. Nhiều người bị đau màng nhĩ nên cũng bị loại luôn.

Giai đoạn II.

Gồm tình báo và phá hoại. Huấn luyện viên lẫn lộn Việt và Mỹ. Trong mỗi tuần lễ, dành 2 buổi cho huấn luyện viên Việt Nam, chuyên về tình báo. Tìm hiểu về sự tổ chức của xã hội Cộng Sản miền Bắc Việt Nam, từ nông thôn cho tới thành thị. Nhất là về mạng lưới tổ chức, bộ phận của bọn công an biên phòng dọc theo bờ biển Bắc Việt. Học cách khai thác tin tức từ một người dân thường cho đến một cán bộ nòng cốt của Cộng Sản.

Phần huấn luyện viên Mỹ chuyên về kỹ thuật phá hoại, bắt cóc và cấp cứu từ trong lòng đất địch. Mở đầu huấn luyện, học sử dụng từ súng cá nhân cho đến súng lớn 106mm, mìn và các loại chất nổ. Học cách tự chế biến các kiểu mìn bằng chất nổ theo ý muốn, để phá hoại các mục tiêu ở đất liền cũng như nằm sâu dưới nước. Huấn luyện phương pháp đột nhập, bắt cóc bộ đội, cán bộ hay tự cấp cứu ngay trong đất của kẻ thù. Học sử dụng và bảo trì một số dụng cụ máy móc để phục vụ công tác.

Giai đoạn III.

Ôn tập lại toàn bộ những điều đã được học từ đầu. Phối hợp, thực tập với bên lực lượng của bạn là Hải Tặc Đỉnh (P.T.F.) là một loại chiến hạm nhỏ chạy với tốc độ khá cao. Giai đoạn này, loại PTF thường

xuyên công tác ở hải phận Bắc Việt. Thực tập mang bình dưỡng khí nhảy dù xuống biển theo tọa độ, để lặn tới mục tiêu...

Nói về thời gian và những chi tiết của từng chuyến công tác thì tôi không thể nhớ hết được. Nhưng chắc chắn là không dưới 20 chuyến công tác xâm nhập vào hải phận Bắc Việt kể từ ngày tôi gia nhập lực lượng Người Nhái cho tới chuyến đi định mệnh này. Tôi sẽ kể về một vài chuyến công tác mà tôi nhớ được cho anh nghe. Cái chuyến công tác đầu tiên thì không thể nào tôi có thể quên được. Đó là vào cuối tháng 11 năm 1964.

Tôi được ghép chung với 2 người nữa thành một tổ 3 người. Hai anh này là Zếnh và Minh. Các anh đã đi công tác nhiều lần xâm nhập bờ biển miền Bắc rồi. Ngay trong tháng 6 vừa qua, lúc chúng tôi còn đang dự lớp huấn luyện, hai anh đã được PTF phối hợp đột nhập vào vùng bờ biển Thanh Hóa. Bất ngờ, các anh đã dùng hỏa lực mạnh, tiêu diệt toàn bộ lực lượng dân quân gác chiếc cầu Hồ, rồi đặt chất nổ phá gục chiếc cầu này. Chiếc cầu dài gần 100 mét trên quốc lộ số I thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa.

Chuyến công tác thành công mỹ mãn của hai anh trở về được anh em nồng nhiệt đón chào. Hôm sau, trại mở tiệc mừng, chúng tôi là khóa sinh mới cũng được dự.

Vì là lần đầu, nên tôi được đi với hai anh để học hỏi kinh nghiệm. Nhiệm vụ được giao cho tổ chúng tôi trong chuyến công tác này là phối hợp với PTF xâm nhập vào lãnh hải Bắc Việt. Bắn phá một trạm rada nằm cạnh bờ biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An. Sau đó, PTF sẽ khống chế và yểm trợ để 3 chúng tôi đột nhập bắt một số thủy thủ thuộc các đội đánh cá của tỉnh Thanh Hóa đem về Nam làm tài liệu sống để khai thác một số tin tức về tình báo địa phương.

Khoảng 10 giờ sáng, lúc này mặt trời đã chói chang trên khung trời Đà Nẵng. Chúng tôi gồm 2 chiếc Hải Tặc Đĩnh, nổ mìn rời khỏi Đà Thành. Hai chiếc tàu hình con thoi xé nước tiến ra cửa biển hướng về phía Bắc. Nhìn cảnh vật hai bên bờ sông Hàn, tôi có cảm tưởng 2 con tàu như 2 con chó sói đang hồng hộc lướt nhanh trên mặt tuyết bao la để săn đuổi con mồi. Ra đến biển khơi, giữa muôn ngàn lớp sóng bạc đầu, tôi nhìn chiếc PTF đi chéo phía bên; trông nó như bay sát trên ngọn những lớp sóng cồn với tốc độ 30 -40 dặm một giờ. Để tránh

rada và tầm nhìn của địch, tàu của chúng tôi đi mãi ngoài khơi cách bờ 50 – 60 cây số.

11 giờ đêm hôm ấy, như vậy chỉ sau 13 tiếng đồng hồ, tàu chúng tôi đã tới mục tiêu. Bất ngờ 2 chiếc PTF bẻ lái tiến vào bờ. Trong đêm tối, khi còn cách giàn rada của địch 3 – 4 trăm mét. Hỏa lực của chúng tôi là những mũi súng 106mm và 20mm, bắt đầu khạc lửa vào mục tiêu. Tuy có vài tràng đại liên bắn trả nhưng chẳng thấm gì với hỏa lực của tàu chúng tôi. Chỉ 5 phút sau, cả một vòng lửa lớn, đỏ ối, sáng rực đã bao trùm mục tiêu. Trong khi ở ngoài khơi, nhiều chiếc tàu đánh cá của địch nhốn nháo tháo chạy vào phía đất liền.

Do 2 chiếc PTF kèm uy hiếp, một chiếc tàu đánh cá của địch đã chịu trận. Với những thao tác, nhuần nhuyễn chuyên môn, 3 chúng tôi lao nhanh sang tàu đánh cá. Tước hết vũ khí và lần lượt giơng họ về tàu của chúng tôi. Họ gồm 9 người, bao gồm cả thuyền trưởng. Để giữ an toàn tuyệt đối, chúng tôi phải trói cả 9 người lại. Trước khi rút lui, chúng tôi không quên dìm con tàu đánh cá của địch xuống đáy biển.

Với thời gian chớp nhoáng, từ lúc bắt đầu nhả đạn vào giàn rada cho tới khi bắt gọn đám thủy thủ của chiếc tàu đánh cá chỉ trong vòng 20 phút. Tôi vẫn không quên được, do cái bản tính tiểu tư sản, quân tử Tàu mà nhiều người trong chúng ta đều có. Khi kẻ địch thất thế bị bắt trong tay mình rồi, tình người của tôi lại trỗi dậy. Trước những bộ mặt tái mét, run rẩy của họ, tôi đã bóc từng múi cam đút vào miệng cho họ vì tay họ bị trói. Tôi đốt từng điếu thuốc, cầm cho từng người hút. Tôi còn nhớ rõ cái ông thuyền trưởng tên là Đán, đã thốn thức, ngập ngừng nói với tôi:

- Anh tử tế quá!

Tóm lại, chuyến công tác buổi đầu của tôi hoàn toàn thành công. Từ năm 1965 trở đi dường như tháng nào tôi cũng có mặt, ít nhất là 3 lần tại bờ biển miền Bắc, từ vĩ tuyến 17 cho đến đảo Bạch Long Vĩ. Thường, thường, với nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với PTF để phong tỏa, bắn phá các mục tiêu quân sự dọc theo bờ biển từ Quảng Bình cho đến Móng Cái. Đôi khi, đổ bộ do thám và dùng chất nổ để phá một số trạm tiếp tế nhiên liệu. Đây là những trạm dừng chân, chuyển đổi để địch mang nhiên liệu, tiếp tế vào Nam.

Tôi nhớ một chuyến vào khoảng tháng 5 năm 1965. Toán của tôi gồm 6 người được chỉ định đi công tác, gồm có: Quý, Tăng, Văn, Bằng, Hoa và tôi. Ngay từ tối hôm trước, huấn luyện viên đã thông báo giờ giấc, chúng tôi phải mang đầy đủ vũ khí, quân trang, đồ nghề có mặt tại phòng hành quân. Sau khi nghe thuyết trình xong, chúng tôi được chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm 3 người. Chúng tôi được nhận thêm hơn mọi khi 2 cây đại bác không giật 106mm và 6 thùng chất nổ.

Mục đích của chuyến công tác này là phối hợp với PTF nhằm tiêu diệt và bắt sống một số tàu, thuyền. Tin tình báo khai thác được từ những cái lưới sổng cho biết: Hải quân Việt Cộng đã ngụy trang thành thuyền đánh cá hoặc vận tải để tránh sự oanh kích của không quân Hoa Kỳ. Mặt khác, chúng rình rập ngày đêm để chuyển vũ khí đạn dược vào Nam cho đồng bọn.

Xuất phát điểm cũng từ hải khu Đà Nẵng. Chuyến công tác này của chúng tôi gồm 3 chiếc PTF. Toán tôi được bố trí xuống 2 chiếc, mỗi chiếc 3 người. Còn lại chiếc thứ 3 dành cho người của toán bạn. Tàu rời bến từ lúc giữa trưa, cho đến chiều, chúng tôi đã vượt qua hòn Cơ (tức hòn Cọp). Vào khoảng 12 giờ đêm, chúng tôi được lệnh sẵn sàng chiến đấu. Chỉ 5 phút sau, chiếc PTF đi đầu đã khai hỏa nổ súng bắn chặn một trong hai chiếc tàu của địch đang mở hết tốc lực, chạy về hướng có tầm hỏa lực yểm trợ của bọn chúng ở trong đất liền đang bắn ra.

Chiếc PTF đi đầu vẫn tiếp tục bám riết, nổ súng truy kích chiếc tàu địch đã trốn thoát vào bờ, đồng thời vẫn làm công tác yểm trợ, cảnh giới để 2 chiếc còn lại khống chế và dùng lao phóng thanh, hướng về chiếc tàu địch đang trong vòng vây ở ngoài khơi. Kêu gọi địch quân hãy bỏ hết vũ khí lên boong tàu và để 2 tay lên đầu. Bọn chúng trong thế cùng đã làm y như vậy, theo lệnh của tiếng loa. Với ngọn đèn pha cực mạnh của 2 chiếc PTF, chúng tôi có thể nhìn rõ từng động tác một của chúng. Văn, Bằng và tôi đang chuẩn bị với tư thế nhảy sang tàu địch, kiểm soát, bắt tù binh và đặt chất nổ phá tàu. Thành linh, ngay lúc đó, một tia chớp nhoáng lên, xanh cả mặt biển. Một tiếng nổ xé tai gần ngay cạnh chúng tôi, thân tàu của chúng tôi run lên. Biết rằng có phản biến, ngay tức khắc, các họng súng của chúng tôi đồng loạt khạc lửa trùm lên tàu địch. Bọn đứng trên boong, không còn tên nào lọt sổ, ngay sau mấy chục giây đầu tiên. Sau 3 - 4 phút chiến đấu, tàu địch phát nổ tung. Ngọn lửa bốc cao rồi chìm dần, toàn bộ bọn chúng đã bị đèn tội.

Phía chúng tôi, trên mỗi chiếc PTF có từ 10 đến 12 người, chỉ có 2 người bị thương. Một người, bị đạn làm rách một mảnh đùi, một người bị xước vai, chảy máu do một mảnh kính vỡ của tàu bắn vào. Tàu chúng tôi bị thủng một lỗ, đường kính vỡ khoảng 12 inches. Phòng rada bị phá hủy, nhưng rất may mắn, 2 buồng đầu lớn nằm sát ngay đấy lại không bị nổ. Lỗ thủng ở phía trên mặt nước nên tàu vẫn tiếp tục chạy được. Toàn bộ nhân viên trở về Nam an toàn.

Thấy Chăn nói đã nhiều, phần khác, tôi lại vừa thèm thuốc, lại vừa mót đi tiểu, tôi hất chăn ra, vừa nhóm dậy vừa quay lại Chăn:

- Mình đi giải lao đã, đi đái đi?

Chăn gật đầu rồi lồm cồm bò dậy. Thấy Chăn lúng túng, định với tay lên cái kệ gỗ trên phía đầu sàn để lấy cái quần dài mặc, tôi đẩy tay vào lưng Chăn:

- Vẽ vời, đây ra nhà cầu, cần gì! Khoác cái chăn cũng được rồi.

Tôi nhìn Chăn đang đứng xuống đất để cuộn cái chăn vào người, vừa gầy, vừa cao nên cái dáng lại càng khêu khoào, đôi chân hơi không như chân gấu, tôi nói đùa:

- Chăn lại khoác chăn!

Chăn cười khềnh khệch. Ra đến ngoài mới biết, mặt trời đã lên cao đến 3 con sào. Chắc cũng khoảng 9 rưỡi, 10 giờ rồi. Trở vào buồng, hai anh em rủ nhau lúi húi bắn một liều thuốc Lào cho đời lên hương. Hai đứa lại nằm bên nhau, trong khi còn đang loay hoay hất cái chăn cho kín cả 4 cái chân, tôi chợt nghĩ đến một người, tôi quay lại hỏi Chăn:

- Này, thế Chăn có biết ông Phan không?

Chăn quay hẳn sang, mở to mắt nhìn tôi, ánh mắt đầy ngạc nhiên như muốn hỏi: "Tại sao tôi lại biết Phan?" Tuy vậy sau một vài giây ngập ngừng, Chăn vẫn trả lời:

- Ồ, ông Phan là người phụ trách chung về tình báo ở Đà Nẵng.

- Chăn có gặp ông ta lần nào không?

- Ông ta có xuống trại mấy lần. Nhóm tôi cũng đã ăn cơm chung với ông ấy một lần.

- Chắc hẳn, bây giờ là thiếu tá rồi?

- Đúng rồi, tuy ông Phan chỉ mặc thường phục, nhưng có lần đại úy Đoàn Hùng phụ trách trại tôi, chào là thiếu tá Phan.

Nghe Chăn trả lời, óc tôi miên man chảy về những cảnh đời ngày xưa đã 9 – 10 năm rồi. Bây giờ Phan là như vậy. Hẳn rằng chẳng có khi nào, Phan còn nhớ lại một thanh niên; trong một chiều mây buồn lãng lãng ở Đà Thành năm xưa, Phan đã tiễn đưa người ấy vào vùng gió xoáy của cuộc đời. Bây giờ người thanh niên ấy còn hay mất, u uất trong đêm dài ra sao? Dòng đời đã khép kín. Đẩy sâu vào hố thẳm của thời gian, Phan đã quên mất rồi. Tôi lắc lắc cái đầu, như muốn vẫy, muốn xua những trong đời không muốn nhớ.

Để góp phần đẩy, xô những hình ảnh làm tím thắm lòng mình tan vào mây gió, tôi quay sang Chăn nói như giục:

- Bây giờ Chăn cho nghe tiếp chuyển đi định mệnh này đi!

Chăn đang nằm ngửa, mắt trừng trừng nhìn lên những tấm ván của sàn trên. Hình như mắt Chăn đang dõi tìm về một chân trời, có những cảnh đời nhiều hương sắc của mảnh đất Ngũ Hành Sơn. Chăn quay lại nhìn tôi, ngập ngừng một lúc, rồi lại xoay đầu nhìn về chỗ cũ của mẩu tấm ván, Chăn tiếp tục:

Ngày mồng 6 tháng 6 năm 66, cái ngày định mệnh cuộc đời của bốn chúng tôi. Chúng tôi gồm: Vòng Hợp Văn, toán phó; Lý Giòng Slau, toán trưởng, Dương Long Sang và tôi là toán viên. Tất cả là 4 người. Chúng tôi được chỉ định đi chuyển công tác này, địa điểm và mục tiêu của công tác, chúng tôi đã đi 2 lần rồi. Để rồi lần này (lần thứ 3) đã đi thẳng một lèo, vào nhà tù của Cộng Sản.

Lần thứ nhất: Tàu chúng tôi đi gần đến điểm đổ bộ thì đột ngột có lệnh của bộ chỉ huy, gọi tàu của chúng tôi phải quay về.

Lần thứ hai: Cũng gồm 3 tàu PTF. Khi tàu đến điểm đổ bộ, chúng tôi đang chuẩn bị rời tàu để tiến vào mục tiêu thì chiếc tàu của tôi không hiểu vì sao đó, bỗng nhiên bị phát hỏa. Máy móc của tàu không thể sử

dụng được nữa. Mục tiêu đồ bộ bị lộ, chúng tôi quyết định phải quay về, hủy bỏ công tác.

Đêm ngày 6/6/66. Chúng tôi lại được chỉ định đi tiếp chuyển công tác đã phải bỏ dở 2 lần trước. Nhiệm vụ chính của công tác là do thám, quan sát và chụp ảnh một hải cảng mới, thường có tàu của nước ngoài hay ra vào.

Tôi còn nhớ rất rõ, vào một ngày Chủ Nhật, hôm ấy, chúng tôi một nhóm 4 người lái xe sang thành phố Đà Nẵng chơi. Một lúc sau, một anh trung sĩ liên lạc, lái chiếc xe jeep sang tìm chúng tôi về, vì có lệnh cấm trại 100%. Chúng tôi đã từ chối không trở về trại, chỉ vì huấn luyện viên trực tiếp của chúng tôi là ông Brawne đã đi nghỉ mát 2 tuần ở Hồng Kông. Trước khi đi, ông ấy đã căn dặn 2 - 3 lần với chúng tôi: "Trong thời gian tôi đi Hồng Kông, không một ai có thể điều các anh đi bất cứ nơi nào, mà không có sự ủy nhiệm của tôi". Vì vậy chúng tôi dứt khoát, không về trại.

Đến buổi chiều, lại có 2 người Mỹ cũng đi một chiếc xe jeep, sang gặp chúng tôi. Một trong 2 người này, tôi biết rõ, ông ta làm việc ở bên khu trại Bạch Đằng, Đà Nẵng. Trước đây, ông này thường đi thực tập với tôi. Còn lại người Mỹ kia, rất lạ với chúng tôi. Ông ta tự giới thiệu với chúng tôi, ông ta mới đến đây được 2 ngày; hiện nay, ông là trưởng huấn luyện viên của chúng tôi, thay thế ông Brawne đã trở về Mỹ. Sau đó ông ta nói chuyện với chúng tôi rất là tâm lý. Ông ta nói rằng, trước khi đến gặp chúng tôi, ông ta đã nghiên cứu nhiều lần, rất kỹ về quá trình những công tác của chúng tôi. Ông ta hết sức khen ngợi về những thành tích mà chúng tôi đã tháo vát, linh hoạt, dũng cảm đạt được. Cuối cùng, ông khuyên chúng tôi hãy trở về trại, rồi thì sẽ có cuộc họp riêng với ông ta...

Buổi tối hôm ấy, chúng tôi bốn người được gọi lên văn phòng, để gặp cái ông Mỹ đó, người huấn luyện viên mới của chúng tôi. Ông ta tỏ ra là một người khá giàu kinh nghiệm về tâm lý con người. Ông ta khêu gợi lòng ham muốn tang bồng, hồ thi của người con trai; đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, dân tộc. Chỉ sau hơn một giờ, ông ta thuyết phục, chúng tôi đã hăm hở, tự nguyện nhận đi công tác, bất cứ khi nào mà kế hoạch yêu cầu.

Ngay từ 7 giờ sáng, ngày 6/6/66, chúng tôi bốn người đều hân hoan chuẩn bị hành trang, vũ khí để đi công tác. Thường ngày, mỗi buổi

sáng chúng tôi phải tập thể dục, thể thao và bơi lội một tiếng rưỡi đồng hồ, nhưng hôm đó, chúng tôi không phải tập thể dục theo toán.

Nói là chuẩn bị chứ thật ra, chả có cái quái gì phải chuẩn bị cả, vì rằng công tác đối với chúng tôi đã như cơm bữa rồi. Về tất cả những thứ cần thiết, để đi công tác thì đã có những bộ phận khác lo sẵn. Điều quan trọng nhất của chúng tôi, là ổn thỏa về mặt tinh thần là xong hết. Cũng như mọi khi, chúng tôi rời bến tại hải khu Đà Nẵng, vào lúc gần trưa ngày 6/6/66.

Đoàn tàu gồm 3 chiếc PTF. Trên đường đi đến mục tiêu, bốn anh em chúng tôi đã bàn thảo, sắp xếp và xác định lại một lần nữa, những công việc phải làm, của từng người. Chúng tôi cũng lần lượt kiểm tra lại tất cả những vật dụng, mà chúng tôi cần phải mang theo.

Khoảng 1 giờ sáng, ngày 7/6/66 thì đoàn tàu đã đưa chúng tôi đến điểm đổ bộ. Chuyển công tác này, người trực tiếp đi theo trên Hải Tock Đỉnh, tiễn đưa chúng tôi là đại úy Đoàn Hùng. Ông này là trưởng trại Mỹ Khê, thuộc sở phòng vệ duyên hải. Trước khi chúng tôi rời tàu mẹ, ông Hùng lần lượt bắt tay từng người của chúng tôi và chúc tụng. Làm sao tôi quên được cái buổi chia tay chẳng muốn nhớ ấy. Theo kế hoạch đã quy định, chúng tôi lợi dụng đêm tối sẽ bí mật bơi vào một khu rừng non an toàn, ở gần ngay bờ biển. Một ngày trời ở đấy, để chúng tôi chụp ảnh những tàu bè của địch ra vào và quan sát, do thám mục tiêu.

1 giờ đêm hôm sau, tàu PTF sẽ lại ra đón chúng tôi, ở ngoài khơi theo những tín hiệu của máy hồng ngoại tuyến. Chính vì vậy nên đại úy Hùng, lúc chia tay đã ân cần hỏi chúng tôi:

- Mai, khi chúng tôi ra đón, các anh cần ăn gì, tôi sẽ mua cho?

Tôi đưa mắt nhìn ông Hùng và những anh còn lại trên chiếc PTF, tâm trạng dửng dưng như một buổi đi thực tập ở trong Nam, vì thế tôi đã vừa cười vừa trả lời. "Có lẽ không cần phải mang thức ăn, chỉ cần mua cho chúng tôi ít cam, hay quít là được rồi". Tôi có biết đâu rằng, cam hay quít đó, mãi mãi cùng với hình ảnh đại úy Hùng và các anh em còn lại trên tàu, đã và đang lùi dần vào sau cánh cửa đời đã khép kín; bốn chúng tôi đã sang một cảnh đời khác từ đây.

Chúng tôi, bốn người lao mình xuống biển trong màn đêm dày đặc; nước đang réo lên trong những lớp sóng bạc đầu. Đoàn tàu quay mũi tăng tốc độ, vọt trở về hướng Nam. Âm thanh của những chiếc máy tàu dội lên, nhỏ dần rồi mất hẳn, chỉ còn tiếng ì ầm của sóng biển và những tiếng bơi lội bì bõm của bốn anh em chúng tôi.

Theo tôi ước tính, chậm nhất là 3 giờ sáng, chúng tôi sẽ đến được mục tiêu đã ấn định. Với một khoảng dài trên dưới 1 cây số, thông thường chỉ cần 1 tiếng đồng hồ là đã tới rồi. Khi còn ở trại, các huấn luyện viên đã chọn những địa điểm tương tự, hoặc khó khăn phức tạp hơn, để cho chúng tôi thực tập đi, thực tập lại rất nhiều lần như vậy rồi. Hôm nay, chúng tôi không dùng bình dưỡng khí, mà chỉ bơi bằng tay, vì phải kéo theo một chiếc thuyền cao su nhỏ để chở theo một số dụng cụ rất là cồng kềnh.

Trong màn đêm đen tối mịt mù, dày đặc khói sương, chúng tôi cứ bơi mãi. Khi xem đồng hồ thì đã 4 giờ sáng, nghĩa là chúng tôi đã bơi được 3 tiếng đồng hồ rồi, nhưng nhìn về hướng đất liền, trong ánh sáng mờ mờ, chỉ thấy có trời với nước. Tuy không nói ra, nhưng trong bụng người nào cũng có phần thấm mệt, đã 3 giờ đồng hồ ngâm dầm ở dưới nước lạnh rồi. Chúng tôi mở hải bàn, xác định lại một lần nữa. Hướng đi và góc độ vẫn chính xác. Tuy lạnh và mệt, chúng tôi vẫn nỗ lực hướng về mục tiêu bơi tiếp.

Gần 5 giờ sáng rồi, mà nhìn về hướng mục tiêu, vẫn chỉ là trời nước bao la. Khi thuyết trình ở phòng hành quân, huấn luyện viên và những người liên hệ, đã cho chúng tôi biết: điểm từ tàu mẹ vào đến đất liền không quá 800 mét, nên không có lý do gì mà phải mất đến 4 giờ đồng hồ bơi cả. Tay và chân vẫn đều đều những động tác lướt đi trong nước, nhưng nỗi băn khoăn trong lòng chúng tôi càng lúc càng lớn. Nhìn về phía mục tiêu, tuy chưa thấy một hiện tượng gì của đất liền, nhưng về phía tay mặt, thỉnh thoảng có những luồng chớp sáng. Lúc đó, chúng tôi chưa xác định được là cái gì, vì màn đêm vẫn còn quá dày đặc.

Theo quy định, chúng tôi phải vào đất liền, đến khu an toàn trước khi trời còn mờ sáng, nhưng lúc này chân trời phía Đông đã có màu sữa đục, mà hướng đất liền vẫn chỉ có nước với trời gắn liền nhau. Đầy hoang mang lo lắng, Lý Giòng Slau quyết định mở máy ra để liên lạc với tàu mẹ, mặc dù có lệnh cấm nghiêm ngặt. Chỉ đến ngày hôm sau, khi tàu đến đón trong giờ quy định mới được mở máy ra liên lạc mà thôi.

Sở chỉ huy cho rằng, nếu mở máy liên lạc, rất dễ bị địch phát hiện bằng máy kiểm thính. Nhưng Slau loay hoay mãi, không hiểu vì lý do gì, do nước biển hay trục trặc về kỹ thuật, máy cũng không liên lạc được.

Đã gần 6 giờ sáng rồi, chúng tôi đã thất vọng hoàn toàn, vì trời đã sáng dần mà chúng tôi vẫn cách bờ khoảng chừng 600 mét. Vừa lạnh, vừa mệt rã rời nhưng chúng tôi vẫn động viên nhau tiếp tục bơi vào. Theo không ảnh mà chúng tôi đã được nghiên cứu thì nơi chúng tôi đến là chỗ không có người, nếu có chẳng nữa cũng chỉ họa hoằn một vài người đi làm rừng đốt than mà thôi. Đến khoảng 6 giờ 30, nhìn vào phía bờ cảnh, vật đã hiện lên mờ mờ, thậm chí chúng tôi đã nhìn thấy cả những bóng người di chuyển. Tuy chẳng ai nói với ai nhưng đều hiểu cuộc đời chúng tôi đã trôi, chuyển sang chỗ đen tối, tàn lụi. Chúng tôi cấp tốc quyết định phá hủy toàn bộ máy móc và lưới rada chở trên thuyền cao su, đồng thời cho nổ luôn cả chiếc thuyền chìm xuống đại dương.

Lúc này gió rất mạnh và cũng có thể vì gần bờ biển nên sóng càng lớn, Văn và Slau bị sóng đánh tơi tạt về phía Nam., còn tôi và Sang cứ bơi thẳng theo tọa độ vào bờ. Dù tiếng ầm ào của sóng biển, chúng tôi cũng đã nghe thấy tiếng quát tháo, hò hét ở trong phía bờ. Mặt trời vừa chui lên khỏi mặt nước làm cảnh vật sáng hồng lên nhưng lòng chúng tôi đã đen thẫm lại khi 2 chiếc tàu tuần của công an biên phòng Thanh Hóa bắt cách bờ khoảng 200 mét vào lúc 7 giờ sáng.

Khi tôi bị đưa lên bờ, lỗ nhổ đầy người, bộ đội, du kích, súng ống, gậy gộc, họ cứ nhao nhao lên hò hét chửi bới. Chỉ 15 phút sau, qua những tiếng hò hét của họ, chúng tôi cũng đã biết Văn và Slau cũng đã bị tàu tuần của công an biên phòng Nghệ An bắt rồi, vì chỗ đó là giáp giới của 2 tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Vào bờ, lúc này chúng tôi chưa bị bịt mắt và đánh đập, tôi xác định được vị trí chúng tôi đổ bộ bị sai khoảng từ 5 tới 7 cây số so với không ảnh mà chúng tôi đã được nghiên cứu. Mặt khác, theo như thuyết trình ở phòng hành quân đã quy định, điểm rời tàu mẹ đến đất liền khoảng cách từ 800 mét cho đến 1000 mét. Nhưng điều đau lòng là thực tế nó đã xa bờ từ 4000 cho đến 5000 mét. Chăn vừa nói đến đây thì ngoài cổng trại đã có tiếng ầm ầm, vì các toán đã về, tôi chỉ kịp đập nhẹ vào tay Chăn:

- Để dịp khác tiếp tục nhé!

Rồi vội vàng tôi trèo lên sàn, về chỗ nằm đắp chăn....

24/8/1990

***Chú thích: Hiện nay Lâu Chí Chấn, Trịnh Văn Truyện,
Nguyễn Cao Sơn, Hoàng Dụ (Tarzan)... đã có mặt tại Mỹ.***

HẾT TẬP I I I

Website: **Thép Đen**
Đánh máy bởi: **Lê Thy**
PDF by: **Lộc Nguyễn**